

Văn Học Việt Nam
Văn Học Việt Nam.
Cận và Hiện đại

Tập V

HUỶNH ÁI TÔNG

*

Lou. 110514

MỤC LỤC

Lời tựa	5
<i>Tiết hai: Những nhà văn xuất hiện vào thập niên cuối tk. XX.</i>	7
1. Nguyễn Bản (1931-20)	9
2. Lê Văn Thảo (1939-20)	23
3. Nguyễn Vũ Tiềm (1940-20)	47
4. Lê Đình Cánh (1941-20)	61
5. Mạc Can (1945-20)	73
6. Quang Chuyền (1945-20)	85
7. Từ Kế Tường (1946-20)	95
8. Hòa Vang (1946-20)	121
9. Đoàn Thạch Biền (1948-20)	141
10. Võ Phi Hùng (1948-20)	151
11. Thảo Phương (1949-2008)	155
12. Trần Quốc Toàn (1949-20)	167
13. Lê Hoài Nguyên (1950-20)	177
14. Mai Thục (1950-20)	185
15. Lê Thị Kim (1950-20)	201
16. Hoàng Đình Quang (1951-20)	211
17. Nguyễn Thị Đạo Tinh (1952-20)	229
18. Phạm Công Trứ (1952-20)	249
19. Phạm Thị Ngọc Liên (1952-20)	279
20. Trần Đức Tiên (1953-20)	299

HUỶNH ÁI TÔNG

21. Tôn Nữ Thu Thủy (1953-20)	313
22. Bùi Chí Vinh (1954-20)	325
23. Mai Văn Phấn (1955-20)	339
24. Đỗ Trung Quân (1955-20)	353
25. Phạm Sỹ sáu (1956-20)	369
26. Võ Thị Hảo (1956-20)	379
27. Phạm Ngọc Tiến (1956-20)	401
28. Trần Hữu Dũng (1956-20)	411
29. Phạm Thị Minh Thư (1956-20)	423
30. Ngô Thị Ý Nhi (1957-20)	451
31. Nguyễn Quang Thiều (1957-20)	469
32. Sương Nguyệt Minh (1958-20)	487
33. Tạ Duy Anh (1959-20)	501
34. Võ Thị Xuân Hà (1959-20)	511
35. Lê Minh Quốc (1959-20)	521
36. Thanh Nguyên (1959-20)	539
37. Bích Ngân (1960-20)	549
38. Cao Xuân Sơn (1961-20)	563
39. Y Ban (1961-20)	573
40. Trương Nam Hương (1963-20)	583
41. Trần Hương (1963-20)	593
42. Thu Nguyệt (1963-20)	617
43. Khánh Chi (1965-20)	627
44. Nguyễn Bình Phương (1965-20)	631
45. Phan Thị Vàng Anh (1968-20)	641
46. Phan Triều Hải (1969-20)	653
47. Trần Thanh Hà (1971-20)	671



Lời Tựa

Vẫn như những tập sách trước, nội dung quyển sách này cũng được lấy tài liệu để viết từ trên các Trang Mạng.

Có nhiều tác giả được đề cập tới, họ còn trẻ khi tác phẩm của họ có mặt trên nhật báo, tập chí vào thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ XX. Cho nên tiêu sử cũng như thơ, văn của họ chưa được nhiều người biết đến để đưa tên tuổi, thành tích văn chương của họ lên Mạng.

Đó là sự khó khăn, trở ngại cho sự hoàn thành tác phẩm này, để mang tới cho độc giả từng bài viết hoàn hảo hơn.

HUỶNH ÁI TÔNG

Dù vậy, chúng tôi cũng cố gắng sưu tầm từ các nguồn khác, vượt qua những khó khăn để bổ túc cho được đầy đủ.

Trong tập sách này, chúng tôi sắp xếp các tác giả theo tuổi tác của họ, người lớn tuổi nhất là Nguyễn Bản và người trẻ nhất là Trần Thu Hà, đáng lý ra phải sắp xếp theo thời gian xuất hiện tác phẩm của họ trên văn đàn đúng hơn. Thiết nghĩ điều này cũng chưa thật chính xác, vì nhiều người có truyện ngắn, thơ của họ xuất hiện khá lâu, rồi sách của họ mới có điều kiện ấn hành, nhưng chúng ta khó mà biết được những bài viết đầu tiên của các tác giả xuất hiện trên báo chí, tập san nào và ngày tháng nào. Cho nên sắp xếp theo tuổi tác dù chưa chính xác nhưng cũng hợp lý phần nào.

Trong Văn học hiện nay, người ta nói đến chủ nghĩa hậu hiện đại, dĩ nhiên trong những tác giả được trình bày, có những tác phẩm của họ thuộc dòng văn chương hậu hiện đại.

Tập sách này được quý độc giả đọc đến, là thành quả sáng tác của các tác giả nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, nhà báo, chúng tôi đã tập hợp lại để hoàn thành tác phẩm này, xin quý tác giả nhận nơi đây sự biết ơn của chúng tôi.

Anh đào hiên 30 tháng 5 năm 2014

Soạn giả





Tiết hai: Những nhà văn xuất hiện vào thập niên cuối tk. XX.

Sau thời kỳ đổi mới của nhà nước Cộng sản Việt Nam, những nhà văn như Trần Mạnh Hảo với tác phẩm *Ly thân* năm 1989, Nguyễn Huy Thiệp với truyện ngắn *Tướng về hưu* đăng trên báo Văn Nghệ năm 1987, Bảo Ninh với tập truyện *Nỗi buồn chiến tranh* năm 1991.

Những người này, kẻ đã bị khai trừ khỏi Đảng cộng sản, người bị búa riều dư luận vì họ đi sai đường lối chủ trương của Đảng, ra ngoài ranh giới chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong những năm 1990, hay là thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, chiến tranh Việt Nam, chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh phía Bắc đều đã chấm dứt từ lâu, đất nước đang tiến lên với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có thể tổng tác đất nước đang thời kỳ thanh bình, kinh tế đang phát triển, đời sống dân chúng ổn định, tâm tư đã đôi phần thanh thản, văn chương sẽ thể hiện những đời sống, tình cảm, suy tư xã hội đương thời.

Nhiều nhà văn, nhà thơ trưởng thành vẫn theo con đường binh nghiệp, nhưng họ có những vấn đề khác, không còn trực diện chiến tranh.

Nhiều nhà văn, nhà thơ xuất thân từ các trường Đại học, họ được tiếp cận với triết học, văn học phương Tây đương đại, cho nên có những tác phẩm mang chứa ít nhiều tính chất của văn học hậu hiện đại.

Nhờ đó, sang đầu thiên niên kỷ mới, Văn học Việt Nam có nhiều nhà văn, nhà thơ trẻ hơn, hay nói khác đi là tài năng của họ được phát triển sớm hơn.

Nói chung, lực lượng nhà văn đông đảo, họ sẽ đóng góp cho Văn học Việt Nam nhiều tác phẩm giá trị sau này.

1. Nguyễn Bản



Nguyễn Bản (1931-20)

Nguyễn Bản sinh năm 1931, trong một gia đình phong lưu làng Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh, hậu duệ Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính thuộc đất Đông Ngàn, đất khoa bảng sinh ra tiến sĩ, văn nhân nhiều nhất nước. Ông là học trò Trường Chu Văn An, Hà Nội.

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ học ở chiến khu, Trường Lương Ngọc Quyến Thái Nguyên.

Năm 1948 đi thi toán học sinh giỏi Đệ tứ của liên khu Việt Bắc cùng Phan Thu, sau Phan Thu là thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Dang dở tú tài, chiến tranh chống Pháp cần người, ông làm việc tại Ban huấn học trung ương đoàn cứu quốc.

Năm 1950, do yêu cầu Rèn cán chính cơ, lại được cử đi học Trường Sư phạm đầu tiên của cách mạng.

Từ năm 1952, là thầy giáo dạy Văn Trường cấp 2 Lê Hồng Phong (Hà Giang).

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau năm 1954, ông quay về Thủ đô học tiếp Trường Đại học Sư phạm văn khoa Việt Nam Hà Nội (2).

Tháng 9 năm 1956, về giảng dạy Văn Trường trung học Hàn Thuyên (Bắc Ninh).

Trong khi giảng bài thơ *Ta đi tới* của Tô Hữu, Nguyễn Bản đã giảng thêm bài thơ *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán, do vậy ông đã bị vạ lây Nhân Văn - Giai Phẩm, tuy vẫn được dạy học, nhưng bị trừ dạy, vợ ly dị như trường hợp của Đặng Đình Hưng.

Tháng 9 năm 1971, Nguyễn Bản về hưu tại Trường Sư phạm Bắc Ninh. Kết thúc quá trình 21 năm 9 tháng tham gia cách mạng.

Nguyễn Bản viết truyện từ năm 1961, bắt đầu từ lòng thương cảm, chia sẻ với một cô gái điếm trên sân ga: *Giá trị mới*, tác phẩm trên Văn học số tháng 9-1961 đã được Nhà xuất bản ngoại văn Hà Nội dịch ngay ra tiếng Pháp, Anh, Nga. Từ đó, ông mãi miết viết tay, trình làng 8 tập truyện ngắn, có mặt trong nhiều Tổng tập văn học. Những truyện ngắn như *Ánh trăng*, *Bức tranh màu huyết thạch*, *Chuyến ly hương cuối đời*, *Rừng đêm cuối năm* hay *Thời chuẩn chuẩn cần rón*.

Truyện ngắn *Ánh Trăng* của Nguyễn Bản được giải thưởng báo Văn Nghệ năm 1992.

Tác phẩm:

- *Bức tranh màu huyết thạch* (tập truyện, CAND, 1993)
- *Đường phố lòng tôi* (tập truyện)
- *Mặt trời đồng xu* (tập truyện)
- *Ba chàng lính ngự lâm* (truyện dịch)
- *Đổ quỳên đổ* (truyện dịch)
- *Người đưa diều* (truyện dịch)

Trích văn:

Ánh trăng

Hai lần tôi ly hôn và giờ đây vẫn độc thân. Tại tôi tất cả hay phần nào tại chị? Chị hơn tôi năm tuổi, họ ngoại xa với tôi, theo luật hôn nhân bây giờ có thể lấy nhau. Chị đẹp lắm, vì vậy lắm lời đồn đại những chuyện trăng hoa. Bố mẹ mất sớm, mười bốn tuổi chị đã xuống Hải Phòng làm thuê cho một hiệu tạp hóa, người cùng làng.

Mùa hè năm 1944, Hải Phòng khó sống, chị về làng ở với di ruột. Tỉnh thoảng chị đến nhà tôi chơi. Tôi mới ở tuổi thiếu niên mà đã ngẩn ngơ trước sắc đẹp của chị. Chị thường mặc áo lụa màu mỡ gà, ít khi vấn tóc, mớ tóc đen mượt chảy dài như suối qua đôi vai tròn và đầy đặn xuống sau lưng chị. Mỗi khi nói, chị thường hơi líu ríu, líu ríu nhưng giọng lại rung lên trong ấm lạ thường. Khi chị cười, mà chị thường luôn cười, tất cả mặt chị đều cười, miệng cười, mắt cười, đôi mắt đen cong lên, tóc và vai cũng cười theo. Da chị nõn nà, da và lụa như lẫn vào nhau, những đường cong lẩn lẩn trên quần áo như đang chuyển động. Tạo hóa như không hề có chút khiếm khuyết nhỏ nào trên khuôn mặt và cơ thể chị.

Một hôm, chị bảo nóng quá, tối xuống ngủ ở nhà tôi. Cha tôi không ưa chị, không nói gì. Nhưng mẹ tôi vốn dễ dãi, bảo nhà rộng mát, chỉ có ba người, một dãy phản bỏ không, cả chục người đến ngủ còn rộng. Tối chị đến, hình như vừa tắm gội xong. Tóc chị xõa ra để hong khô, thoang thoang mùi hương sả và từ da chị vẫn còn tỏa ra thứ xạ phòng thơm ngậy như mùi phấn rôm. Bố mẹ tôi buôn bán, cũng có cửa, một mình tôi một chiếc màn tuyn trên phản gỗ lát gần ba chiếu, ở nhà trên năm gian hướng đông. Bố mẹ tôi ngủ ở nhà khách hướng nam. Chị mặc bộ đồ lót lụa, chẳng để ý gì đến tôi, coi tôi như trẻ con, mặc dầu tôi đã mười ba và đã đậu xéc-ti-phi-ca (1). Đã thế chị

HUỶNH ÁI TÔNG

còn trò chuyện với tôi như không, mãi rồi mới ngủ, còn tôi thì bồn chồn xao xuyến trong lòng.

Nhà hướng đông, nằm sát bậc cửa, ánh trăng tràn qua màn tuyền tưới lên mái tóc và cơ thể chị. Chị nằm nghiêng, quay về phía tôi, khuôn mặt tuyệt đẹp hơi ngửa lên như hứng trăng, hai tay vươn ra như đang đón ai, đùi nọ áp hờ đùi kia, hơi thở nhẹ nhàng. Từ người chị tỏa ra mùi phấn rôm và ánh trăng cũng như tràn ra từ đấy.

Tôi xao xuyến không hiểu từ làn da mịn màng của chị, hay do ánh trăng, hay do mùi phấn, hay tất cả đã hòa quyện cùng nhau, thậm chí tôi không còn phân biệt đâu là màu lụa, đâu là ánh trăng, đâu là da thịt chị. Tôi như không còn biết mình là ai nữa, đắm đuối, mải mê, hồi hộp nhìn chị, đôi lúc nhìn lại thân thể da thịt mình buồn nản thấy mình vô nghĩa.

Mãi tôi mới chợp mắt được, nhưng rồi cứ chập chờn, tỉnh thoảng lại mở to mắt xem chị có thực không, còn ở bên tôi không hay đã biến mất. Tôi chợp ngủ, chợp thức, một lần bỗng rùng mình nhận ra đùi chị mịn như nhung, lúc ấm, lúc mát, gác lên đùi tôi. Tôi để yên không dám cựa quậy, sợ chị rút chân về.

Lúc này trăng đã ra khỏi nhà. Tất cả chỉ còn nhờ nhờ, càng làm tăng cảm giác về làn da chị. Tôi không rõ mình ngủ thiếp đi lúc nào, nhưng chắc chắn, khi tôi bắt đầu thiếp đi, đùi chị vẫn còn trên đùi tôi. Sáng ra khi tôi choàng tỉnh, chị không còn bên nữa. Tôi vùng ngay dậy tìm chị, xem tất cả mọi chuyện đêm qua là thực hay hư. Chị đã rửa mặt và đang chải tóc.

Chị cười bảo tôi:

- Đêm qua chị ngủ ngon quá. Mà sao em hay nói mê thế?

- Thế à? Em nói mê những gì.

- Ú ớ, ú ớ... nhưng hình như có lần gọi chị.

- Chị có thừa không?

- Em đang ngủ biết gì mà thừa.

Không thấy chị đến ngủ nữa, tôi hỏi chị, chị bảo, hôm nào thật nóng và có trăng mới đến. Rồi tôi nghe phong thanh người ta làm mối cho chị một người làm khăn mũ. Sau đó là đám cưới của chị. Cũng may lúc chị cưới tôi đã ra học ngoài Hà Nội, nếu không tôi sẽ buồn. Từ đấy gặp bất cứ người đàn bà đẹp nào tôi thường cũng đem so, nhưng chẳng ai có thể so với chị.

Hè năm sau, tôi nghe chị đã có con, nhưng được mấy ngày con chết và khoảng sau Cách mạng Tháng Tám, chị bỏ chồng, xuống buôn bán ở tỉnh Nam. Mỗi năm tôi càng bước nhanh sang tuổi thanh niên, cùng với những biến đổi của giới tính, tôi càng hay nghĩ đến chị, đến cái đêm trăng chị ngủ cạnh tôi.

Tôi đã học cùng bao nhiêu bạn gái, cùng lớp, dưới lớp, hầu hết con ông nọ, bà kia, chẳng ai có thể so với chị, trừ một cô con một ông phán, học dưới tôi hai lớp, khá đẹp, tôi đem lòng si mê ít lâu, nhưng tất cả mọi nét riêng, nét chung đều không thể nào mượt mà, hoàn chỉnh như chị, kể cả nước da cô có phần trắng hơn, hồng hơn, nhưng không thể lẫn vào lụa và trắng như da chị. Đôi lúc tôi lần thân tự hỏi, nếu như bây giờ chị lại nằm cạnh tôi, hắt trăng ra như thế, tôi sẽ làm gì, tôi có dừng lại mặc cho đùi chị gác lên đùi tôi để tận hưởng làn da vừa ấm vừa mát hay không. Tôi, một học sinh chuyên khoa đã mười tám, mười chín, tương đối đẹp trai? Tôi có còn cảm thấy mình vô nghĩa nữa không?

HUỶNH ÁI TÔNG

Mãi tới năm 1952, một lần đi công tác, tôi mới lại gặp chị. Gặp chị giữa đỉnh đèo Khế. Tôi từ phía Sơn Dương về. Chị từ phía Cao Vân sang. Chị mặc áo phin nâu, gánh đôi tay nải.

Chị nhìn thấy tôi trước:

- Cậu Hoàng!

Tôi cũng nhận ra chị ngay, mấy ai có dáng người đẹp như thế.

- Chị Vân!

Chị bờ ngỡ nhìn tôi:

- Cậu lớn quá rồi, lại xinh trai nữa.

Không còn gì bằng được khen như thế, từ nay với chị, tôi không còn là trẻ con nữa. Như một chàng trai thực thụ, tôi rủ chị tới ngồi nghỉ dưới một bóng cây bên vách núi rìa đường.

- Cậu vẫn đi học đấy chứ?

- Em thôi rồi, em đi công tác. Tôi khoe luôn đã đi công tác cho oai, cho chị biết tôi đã là người lớn.

Ai ngờ chị lại hỏi tôi:

- Cậu đã học hết lớp sáu rồi đấy nhỉ?

Thế đấy, tôi nóng cả mặt, tôi đã học xong tú tài, đã công tác ở một ban huấn học một cơ quan trung ương; chị vừa khen tôi xinh trai, lại hỏi tôi như thế, tất nhiên chị chẳng hiểu nghĩa lớp sáu thế nào, nhưng dù sao chị vẫn có phần coi tôi bé nhỏ, trong khi tôi vẫn hằng xao xuyến mỗi đêm có trăng lọt vào giường tôi, mà lại gặp nhau tình cờ giữa nơi thơ mộng ở rùng núi này.

Tôi hơi giận, không trả lời chị. Đã thế chị còn cho biết chị đã lại lấy chồng, hai vợ chồng hiện ở Đồng Bẩm, Thái Nguyên.

- Anh ấy làm gì? - Tôi hỏi sỗ sàng.

- Anh ấy cắt tóc.

Tôi hết giận, bỗng thấy thương chị, sao tạo hóa trở trêu, một tạo phẩm tuyệt mỹ như thế, cứ đặt vào những tình cảnh éo le.

Tôi nhìn chị, chị lại còn đẹp hơn xưa, vẻ đẹp hoàn chỉnh của người đàn bà đã phát triển đầy đủ. Chiếc áo phin nâu càng làm tôn lên phần gáy trắng xanh thon thả, mắt chị càng như đen hơn.

Tôi buột miệng:

- Chị đẹp thế, sao không kiếm một người xứng đáng, thiếu gì người?

Chị thở dài:

- Các cụ bảo hồng nhan đa truân.

Tôi lại càng thương cảm chị hơn. Sao tôi không phải là người khác họ, không lớn tuổi hơn, hoặc ít ra bằng chị? Tôi đang nghĩ vẩn vơ thì một chiếc hen-cát từ phía Cao Vân bay xoẹt qua đầu. Chị hoảng hốt ôm chầm và dúi đầu vào ngực tôi. Một chiếc nữa xoẹt qua. Tôi vòng tay ôm lấy chị như để che chở, thậm chí mong những giây phút này kéo dài. Nhưng chúng không quay lại. Chị gỡ tôi ra, búi lại tóc, chỉ nghĩ đến máy bay, không hề hay biết mấy phút vừa qua, một bên vú chị đã ép chặt ấm nóng trên ngực tôi.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Thôi, chị em mình đi đi, chị thấy bảo nó bắn mấy người chết ở đèo này rồi đấy. Chợt nhớ ra điều gì, chị hỏi tôi:

- Ở chỗ cậu có bị sốt rét không?

- Có, nhưng em chưa bị. Chị mở tay nải, bên trong là thuốc tây, dầu con hổ, xà phòng thơm, v.v... lấy ra một tuýp pa-u-đrin 100 viên đưa cho tôi:

- Cậu cầm lấy uống phòng, không bị vàng da như ký ninh vàng đâu.

Tôi miễn cưỡng cầm, và khi chị đi khỏi, tôi cúi kính vút tung xuống vực. Tôi cần gì cái thứ ký ninh đấng này. Hòa bình lập lại, tôi lại gặp chị ở Hà Nội. Chị đã lấy một người chồng khác, làm nghề thợ may ngồi chợ. Chị ở sâu mãi tít trong một ngôi nhà ở ngõ Hàng Cháo, phòng chị ở rộng chừng 15 mét vuông, vốn là công trình phụ. Thỉnh thoảng tôi vẫn đến chơi với chị. Mỗi lần đến với chị về, gần như tôi lại thay đổi người yêu. Có lần xuýt nữa tôi đã ngủ với một cô. Một cặp đùi và hông màu nâu hồng tuyệt đẹp, nhưng ngực hẹp và đôi vú nhỏ rất không cân xứng. Tôi lại nhớ đến dáng chị nằm như bời trong trắng. Thế là tôi không ham muốn nữa. - Anh thử em đây thôi. Và tôi kéo quần áo lại cho cô. Rồi tôi thôi không đến với cô.

Ba mươi tuổi tôi vẫn chưa lấy vợ. Chị giục tôi:

- Cậu cứ kén mãi, già mất thôi.

Rồi chị kéo tôi ra tủ gương, đứng sát vào người tôi:

- Thấy chưa, cậu già hơn chị mất rồi. Chị cứ đứng sát vào tôi như thế, nhìn gương, nhìn tôi, mớ tóc đen dày chảy như suối trên vai chị, đôi mắt đen như nhung cong lên, như thách đố. Và

mùi phấn rôm. Tại sao vẫn cứ mùi phấn rôm? Mùi phấn rôm làm tôi nhớ tới ánh trăng. Tôi nhắm mắt lại.

- Kia, cậu làm sao thế?

- Em hơi chóng mặt.

- Thế à, chị lấy dầu cho.

Chị thoa lên thái dương tôi. Dầu làm nóng bừng hai bên thái dương, nhức nhối.

- Thôi, em về đây.

- Đùng, nhớ sao dọc đường thì chết.

- Không sao, em ra đường thoáng hơn.

o
o o

Tôi lấy vợ rồi tôi bỏ vợ. Chị hỏi tôi:

- Tại sao cậu bỏ vợ ấy?

- Có nói chị cũng không hiểu được. Chị cười, dí vào trán tôi:

- Chắc lại phải lòng cô nào chứ gì? Đẹp trai lại học cao như cậu là hay tề lắm.

- Vâng, nhưng lại phải lòng người có chồng rồi.

- Dớ dẫn, thiếu gì người, phải đâm vào chỗ nạ dòng, để chị tìm cho, chị mà ưng, cậu cũng phải ưng.

HUỶNH ÁI TÔNG

Chị tìm cho tôi thật, ba bốn cô, nhưng làm sao chị biết được người tôi muốn lấy phải như thế nào. Rút cục tôi vẫn lấy, rồi tôi lại bỏ, do không bao giờ tìm thấy cảm giác về làn da vừa ấm vừa mát khi xưa. Chị cảnh cáo cho tôi và chị:

- Xem ra đường nhân duyên chị em mình đều vất vả như nhau.
- Vâng, nhằm cửa lung tung cả. Nói rồi, tôi nhìn chị xem chị hiểu thế nào. Hình như chị lại hiểu khác, chị bảo:
- Như cậu ngày xưa phải lấy được con quan.
- Còn chị, đáng ra chị phải là vợ một ông bộ trưởng. Chị cười, mắng yêu tôi:
- Chị nói thật tình, còn cậu lại trêu chị.
- Em không trêu đâu, chị còn đẹp hơn bà Máccốt (2) đấy.

Lời tôi nói thiêng một nửa. Chị trở thành cấp dưỡng cho một ông bộ trưởng. Chuyện đó xảy ra khoảng thời gian đầu sơ tán chống Mỹ.

Tôi đến nhà chị, tức tối:

- Làm gì chẳng làm, sao lại nhận cái việc ấy?
- Thế cậu bảo chị làm gì? Văn hóa chẳng có, chữ nghĩa dăm ba câu, trước còn chạy chợ nhì nhằng, bây giờ sơ tán, làm gì?
- Tự chị đi xin à?
- Chán cậu, chị biết đằng nào mà lần, mà tự dưng ai dám đến những chỗ ấy, một bà ở thực phẩm thấy chị cần thận, sạch sẽ, giới thiệu cho đấy chứ.

- Thế bà ta đâu, bà bộ trưởng ấy, thường thường các ông ấy luôn dành tiêu chuẩn cấp dưỡng cho vợ mình kia mà.

- Bà ấy đi sơ tán với các con, thế mới đến lượt mình.

- Ra chỉ mình họ cần tránh bom đạn thôi ư?... Rồi yên, bà ấy về thì sao?

- Lúc ấy hãy hay, cứ biết làm là làm đã.

Chợt nghĩ đến việc vợ con ông ta đi sơ tán cả, đầu óc tôi tối sầm. Tôi mười ba tuổi còn ngẩn ngơ trước sắc đẹp của chị. Chẳng lẽ tôi là một ngoại lệ? Chẳng lẽ ông ta, một ngoại lệ nghịch đối?

- Chỉ mỗi mình ông ta ở nhà thôi à?

- Có bảo vệ nữa chứ. Chị nói vậy, tôi nhẹ nhõm đi một chút, nhưng rồi vẫn băn khoăn:

- Chị ăn uống luôn ở đây chứ?

- Chị về ăn ở nhà, mình làm gì có tiêu chuẩn ăn ở đây... Mà sao cậu cứ cật vấn mãi chị thế? Điều tôi vẫn kìm giữ, chợt nổ tung ra:

- Là bởi vì em không thích chị làm cấp dưỡng cho ông ta, thế thôi

- Rồi tôi lảm nhảm:

- Nếu em có quyền, em sẽ cấm chị, nếu em hơn tuổi chị... nếu em...

- Chị biết rồi...

- Chị nói bằng một giọng như người có lỗi.

- Nhưng ông ta tốt lắm...

- Tôi thì kém gì họ, thậm chí học vấn còn hơn họ, tâm hồn tư cách, chắc ai hơn ai. Tôi vừa nói vừa vung vẳng bỏ về. Bằng đi mấy tháng tôi không đến chị, nhưng tôi đâu có được thư thái. Tôi nghĩ ngợi lung tung. Nghĩ tới các ngoại lệ. Tôi suy diễn đủ chuyện.

Rút cuộc tôi vẫn phải mò đến chị, chị hơi đẩy ra, trắng hơn, càng đẹp, nhưng hơi buồn. Chưa bao giờ tôi trông thấy chị buồn. Với tôi, mắt chị bao giờ cũng cười, lần này mắt chị không cười. Chị buồn buồn hỏi tôi:

- Sao lâu cậu không đến chơi?

- Độ này em bận.

- Bận hay giận chị?

Chị nghĩ tôi giận nên buồn ư? Tôi chả còn mong gì hơn thế nữa. Tôi cố tỏ ra không phải tôi giận chị. Nhưng chị vẫn ít khi cười nữa. Khi cười, khi ưu tư. Về phía tôi, tôi cũng đắm ưu tư về nỗi ưu tư của chị. Khoảng một năm sau, tôi thấy chị đeo cái vòng ngọc cẩm thạch. Cánh tay chị như cánh tay vũ nữ, chiếc vòng ngọc càng làm cho nõn nà hơn. Tôi lạnh lùng hỏi chị:

- Chị mới mua à? Chị không trả lời câu hỏi mà lại giơ cánh tay lên hỏi tôi:

- Cậu bảo có đẹp không? Tôi bực mình:

- Đẹp là ở cánh tay chị ấy, đâu phải cái vòng, nó vương thêm thì có. Từ đó tôi ít đến chơi.

Mấy năm sau nữa, lúc bắc nam đã thống nhất, chị khoe chị được thưởng phiếu nghỉ ở Sầm Sơn và hỏi tôi đã lần nào đi Sầm Sơn chưa? Tôi trả lời bằng một giọng hờn dỗi, pha chút mỉa mai:

- Đi Sầm Sơn là phải có đôi, tôi có đôi đâu mà đi!

Sau đó mấy hôm, một buổi sáng, tôi đang đạp xe trên đường Phan Đình Phùng, một chiếc vôn-ga đen lướt nhẹ qua tôi. Tôi vô tình nhìn vào trong xe. Nhưng xe lướt nhanh quá, tôi chỉ thoáng thấy người đàn bà ngồi ở ghế sau, tay đeo vòng ngọc tỳ lên cửa kính, cánh tay nõn nà như tay vũ nữ.

Ngồi cạnh tài xế, ghế trước là một người hói trán, không rõ mặt, chỉ rõ chiếc kính râm và cái gáy u lên những mỡ. Từ đây tôi chỉ còn gặp chị trong ánh trăng. Mỗi khi trăng tràn vào trong màn, tôi lại tưởng như chị nằm nghiêng, quay về phía tôi, đôi khếp hờ, hai cánh tay vươn ra đón tôi.

Tôi nghe thấy như chị bảo:

- Cậu trẻ con quá!

- Đến bao giờ chị mới thôi coi em là trẻ con?

- Thì đã có lần nào cậu là người lớn đâu!

Tôi có yêu chị không? Chưa bao giờ tôi hỏi mình như vậy. Và có hỏi cũng khó trả lời. Tôi có yêu chị không hay tôi chỉ muốn tìm yêu một người như chị? Nhưng nếu tôi đã khẳng định không ai có thể so với chị, phu nhân tổng thống cũng không bằng, bao giờ tôi mới tìm được một người như thế? Tuy nhiên

HUỶNH ÁI TÔNG

tôi vẫn đi tìm trong ánh trăng, ánh trăng từ chị hắt ra đêm hôm ấy, cái đêm tôi còn làm một thiếu niên trong trắng, ngây thơ, ánh trăng và mùi phấn rôm làm tôi xao xuyến, chơi voi mãi trong đời.

Và chị có cho là tôi yêu chị không?

Đêm 27-9-91

Trăng lên

Chú thích:

1. *Chứng chỉ hết cấp tiểu học.*
2. *Vợ tổng thống Mác-cốt (Philippines).*

Trong bài: *Nguyễn Bản, người thầy, nhà văn ở ẩn*, Nguyễn Văn Thọ viết về nhà văn Nguyễn Bản, bạn của ông như sau:

“Văn chương Nguyễn Bản nói chung khi mong manh như “Ánh trăng”, khi ngậm đứ dộ như “Rừng đêm cuối năm”, đều gần gũi, nhân vật và sự chuyện, quen thuộc như da thịt của con người, cho nên truyện ngắn Nguyễn Bản càng đọc nhiều lần càng thú vị. Tựa khi ta nhâm nhi chén rượu hay loại trà hương hạng nhất, có hương và vị dịu đậu, lâu bền.”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Bản Web: nhandan.com.vn
- *Ánh trăng* Web: vnthuquan.net

2. Lê Văn Thảo



Lê Văn Thảo (1939-20)

Nhà văn Lê Văn Thảo tên thật là Dương Ngọc Huy, sinh ngày 1 tháng 10 năm 1939 tại Thủ Thừa, tỉnh Long An. Trưởng thành ở quê ngoại, tỉnh An Giang.

Năm 1962, Lê Văn Thảo là sinh viên Đại học Khoa học Sài Gòn, cùng với em là Lê Văn Duy, sinh viên Quốc Gia Hành Chánh vào chiến khu theo lời kêu gọi của thân phụ là Dương Văn Diêu, cán bộ miền Nam tập kết, Hiệu trưởng Trường học sinh miền Nam, vượt Trường Sơn vào thành lập ngành giáo dục Giải phóng, làm Trưởng tiểu ban Giáo dục trong chiến khu.

Năm 1965, ông khởi nghiệp cầm bút bằng những bút ký, truyện ngắn đầu tiên viết về những vùng quê nước nổi Long An, Đồng Tháp Mười.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1968, tham gia chiến dịch Mậu Thân ở Sài Gòn.

Năm 1969, truyện ngắn và ký của ông được tập hợp in trong tác phẩm đầu tay *Ngoài mặt trận*, do Nhà xuất bản Văn học Giải phóng ấn hành.

Ông từng giữ chức Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam khóa 7 (2005-2010), chủ tịch Hội Nhà văn Tp. HCM. khoá 4 và 5 (2000-2010), Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Tp.HCM.

Nhà văn Lê Văn Thảo đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1998 và 2003.
- Giải thưởng ASEAN năm 2006 với tiểu thuyết *Con giông*.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2012.

Lê Văn Thảo hiện thường trú tại Tp.HCM.

Tác phẩm:

- *Ngoài mặt trận* (truyện và ký, Văn học Giải phóng, 1969).
- *Đêm Tháp Mười* (1972)
- *Bên lở bên bồi* (1978)
- *Cửa sổ màu xanh* (tập truyện, 1981)
- *Câu chuyện 20 năm* (1985)
- *Ngôi nhà có hàng rào song sắt* (tiểu thuyết, 1988),
- *Chuyện nhỏ tình yêu* (truyện ngắn, 1992)
- *Ông Cá Hô* (truyện ngắn, 1995)
- *Con đường xuyên rừng* (1995)
- *Một ngày và một đời* (tiểu thuyết, 1997)
- *Con mèo* (tập truyện, 1999)
- *Con giông* (tiểu thuyết - 2002)

- *Truyện ngắn chọn lọc của Lê Văn Thảo* (2011)
- *Lên núi thả mây* (truyện ngắn - 2011)
- *Sóng nước Vàm Nao* (tiểu thuyết)
- *Những năm tháng nhọc nhằn* (tiểu thuyết - 2012)

Trích văn:

Ông cá hô

Làng tôi là một cù lao nhỏ nằm giữa sông Hậu, nhỏ đến chỉ đi dạo một buổi chiều là hết. Người ta gọi nó là Cồn Te, dài cũng được vài ba cây số nhưng bề ngang mỏng dính, đứng bờ bên này nhìn thấy bờ bên kia. Có chừng vài trăm nóc nhà nằm rải rác trong các khóm cây um tùm, cây ăn trái lẫn với tre trúc, cây hoang cỏ dại mọc tràn lan, nhiều nhứt là cây trâm bầu chẳng ai trồng và cũng chẳng dùng được việc gì, có rất nhiều cây ô môi tới mùa bông nở đỏ rực thật vui làng vui xóm nhưng trái đen xì, cứng ngắt chỉ có đánh chó là tốt. Dân làng phần đông làm nghề chài lưới, một số ít làm nghề đan lát hoặc làm ruộng, những thửa ruộng nhỏ xíu cỡ tám dặm lúa thu hoạch được không đủ cho gà ăn. Nói chung làng tôi là một làng nghèo, tuy gần sát bên thị xã, đứng bên này có thể nhìn thấy chợ Long Xuyên với nóc nhà thờ cao vút và chợ cá tàu ghe đậu san sát dưới bến.

Vậy mà một hôm có một gánh hát tới diễn ở làng tôi. Thật là một gánh hát mặt hạng, người ta nói thế, mấy đêm diễn ở đình làng chẳng có mấy người đến coi, chỉ có đám con nít chúng tôi chạy rạo bên ngoài thì nhiều. Nhưng sau khi diễn xong thì lại đâm ra vui tung bừng. Ấy là do ông bầu tuyên bố rã gánh, rã ngay tại chỗ, ông nói thế, ông sẽ trả đủ tiền cho mấy đêm diễn, quần áo trang phục của ai người ấy giữ coi như cho luôn rồi ai muốn đi đâu thì đi, riêng vợ chồng ông sẽ qua chợ Long Xuyên dò giá coi có thể buôn ba khía hoặc mở tiệm bán cháo lòng được không. Nghe vậy đám đào kép liền chộn rộn lên. Đi đâu,

HUỶNH ÁI TÔNG

làm gì giữa cù lao như vậy ? Nhưng nước tới chân thì phải nhảy, chỉ nội buổi sáng đám đào kếp mặt mày còn dính đầy son phấn đã lo bán đồ bán tháo các món áo mao cân đai rồi mạnh ai nấy vẫy tay kêu đò máy người đi Chợ Mới kẻ xuống cù lao Giêng, kẻ ngược lên miệt Tân Châu, Hồng Ngự. Bọn trẻ chúng tôi được dịp cha mẹ mua rẻ cho mớ trang phục thế là buổi sáng hôm đó cả đám bạn đủ thứ quần áo long bào của vua, đũa bện áo gấm của công nương thái tử, có đũa còn bạn được chiếc áo thụng đen của Bao Công lúc xử án Quách Hòe nữa, chiếc áo dài tới gối khỏi phải bận quần. Thật là vui, thật là đáng hoan hô gánh hát!

Nhưng có hai người không đi mà xin ở lại với làng, đó là đào Hồng Diệp và kếp Hoàng Dương. Kếp Hoàng Dương cất một cái chòi ở đầu cồn tính bê chuyên sang nghề đánh lưới bắt cá hồ. Còn đào Hồng Diệp thì được một bà chủ quán cà phê cho làm người phụ việc.

Một bữa tôi mò ra chỗ ở của kếp Hoàng Dương. Đầu cồn là một khoảng đất nhỏ, nhọn như một mũi tàu, thấy rõ nước sông chảy rẽ sang hai bên. Kếp Hoàng Dương đang ngồi chòm hồm ngó xuống sông coi nước chảy. Tôi bước tới làm quen:

- Chú Hoàng Dương diễn tuồng hay lắm!

Chú quay lại nhìn tôi nghi ngại :

- Mày coi tao diễn hồi nào, tao đâu có diễn ở đây? Do đào Hồng Diệp bị bệnh nên tao cũng nghỉ diễn luôn. Hai tụi tao luôn diễn có đôi có cặp mà. Mày gặp đào Hồng Diệp chưa?

- Gặp rồi, đang rửa chén ngoài quán bà Ba.

Thật ra tôi không coi kếp Hoàng Dương diễn mà chỉ thấy chú bên ngoài rạp, hóa trang làm Tô Cáp Văn, mặt xanh, lông mày

chổi xể, hai mắt bịt bạc nhờ hai cái nắp muống úp chụp lên mi mắt. Chú ngồi chồm hồm bày sòng bạc "bầu cua cá cộ" dụ đám con nít tụi tôi lại, vừa lắc rủng rẻng mấy cục "cá cộ" lo chung tiền hốt tiền các tụi ăn thua vừa lắng nghe tuồng tích đang diễn bên trong, hể nghe có tiếng hô "Quân sĩ đâu !" chú liền bật dậy la: "Dạ !" rồi hỏi tụi tôi : "Ê phụ dạ với tao cho xôm tụi tụi bay".

- Ừ tao là kếp Hoàng Dương đây - Chú thờ dài nói - Nhưng thôi mày cứ gọi Sáu Dương cho tiện. Quê tao ở Rạch Giá cùng quê với đảo Hồng Đệp. Nhà hai chúng tao ở cạnh nhau. Rồi cùng đi hát chung một lượt, diễn chung một tuồng. Bây giờ cùng ở lại đây, số kiếp như vậy mà.

Tôi nói:

- Nhưng đâu có ai bắt chú ở lại đây, những người khác muốn đi đâu thì đi mà?

Chú nạt:

- Mày con nít biết gì, chuyện đi ở của người lớn đâu cứ phải muốn là được. Tốt nhất mày chỉ cho tao chỗ vụng sông nào có cá hô tao bắt ít con bán lấy tiền sống qua cơn thất ngặt này coi.

Chú sắm một chiếc ghe tam bản, mua ít tay lưới rồi cứ thế xuôi ngược trên sông lớn giăng lưới bắt cá hô. Vùng sông ở làng tôi có nhiều cá hô lắm nhưng chúng ở tận hang hốc nào dưới đáy sông không ai biết được. Những người già, những khách thương hò thường đi lại trên sông kể rằng đôi khi họ thấy có con cá hô nổi lên lớn bằng tấm ván ngựa, vẩy ánh bạc, hai mắt lớn bằng hai cái chén, nó quẫy một cái làm mặt sông nổi sóng lên rồi lặn mất. Chú Sáu Dương miệt mài theo dấu từng con cá hô một, có con chú theo cả tháng trời, ăn ngủ luôn dưới ghe, người đen xạm, gầy rạc đi hai mắt lúc nào cũng mở thao láo để

HUỶNH ÁI TÔNG

không bỏ sót lần nào con cá hô trời lên. Nhưng đám cá hô tinh khôn cứ lần tránh chú hoài, chú thả lưới chỗ này chúng đi chỗ khác, có khi chỉ lần quần một chỗ nhưng không khi nào chú lưới trúng chúng được. Nhưng chú Sáu Dương không hề thất vọng, chú nói :

- Đám cá hô này đã thành tinh rồi nhưng tao cũng đã tu luyện mấy kiếp, chưa biết ai hơn ai đâu.

Chẳng mấy chốc chú đã thành một ngư dân hăn hoi, không còn bóng dáng gì của người kếp hát ngày xưa nữa. Đào Hồng Điệp vẫn còn rửa chén ngoài quán bà Ba, đôi khi được bà sai qua chợ mua đồ đạc. Chú Sáu Dương thỉnh thoảng ghé quán uống ly cà phê nói chuyện sông nước với khách trong quán. Không thấy chú nói chuyện với đào Hồng Điệp, cô ta đi ra vô cũng không ngó ngang gì tới chú.

Một bữa có người khách vui miệng nói :

- Ở đây có đào kếp đủ cả ta diễn tuồng coi đi.

Đào Hồng Điệp mím môi có vẻ giận, bỏ đi vô trong. Chú Sáu Dương thì cười nói :

- Thôi mệt rồi, giang hồ phỉ sức rồi, giờ lo làm ăn thôi.

Có vẻ như chú chẳng còn quyền luyện gì tới chuyện hát xướng nữa, nhưng một hôm chú bỗng tâm sự với tôi:

- Thăng nhỏ mà không biết làm người lớn cực khổ như thế nào đâu. Mà có hay ghé quán bà Ba uống cà phê không ? Có thấy đào Hồng Điệp khỏe không ? Như vậy đó, con người ta khi đã gắn bó với cái gì rồi thì sẽ khổ với cái đó. Tao thương đào Hồng Điệp lâu lắm rồi, từ hồi ở làng, lúc ấy cô ấy còn nhỏ

lắm, vậy rồi ngày tháng trôi qua cho tới bây giờ tao chưa có dịp nào ngỏ lời với đào Hồng Diệp.

Tôi nói :

- Chị ấy ở ngoài quán kia sao chú không ra nói đi ?

- Mà giỏi ra đó mà nói. Nói làm sao, nói thương cô ta à ? Rồi cô ta không chịu thì nhảy xuống sông tự tử hả ? Mà còn nhỏ không biết chớ chuyện đời khó lắm không dễ như bắt cá hô đâu. Tao đã tính trong bụng rồi tới chừng nào thấy chắc đào Hồng Diệp thương tao tao mới dám nói. Cũng không trẻ đi đâu mà vội. Cái chính là đừng cho thằng khác xen vào. Mà rảnh rồi không làm gì ra ngoài quán canh chừng dùm tao. Tại tao thương đào Hồng Diệp quá nên mới theo gánh hát chớ tao biết hát hò gì đâu, nhưng rồi cố gắng tập tành tao cũng hát được, và khi được hát chung với đào Hồng Diệp tao hát hay hơn gấp bội. Chuyện của tao coi bộ cũng xuôi chèo mát mái lắm, biết đâu rồi lúc thành đào chánh kép chánh rồi cũng nên vợ nên chồng, nào ngờ trúng nhảm gánh hát mắc dịch chưa chi đã rã banh.

- Rồi chú tính sao ?

- Tính gì? Thì tao ở đây câu cá hô còn tính gì nữa? Nhưng tao chắc đào Hồng Diệp còn chưa yên đâu, cô ta còn nhiều mộng tưởng lắm. Do vậy tao bàn với mày như vậy...

Chú Sáu Dương vẫn quần với bầy cá hô. Có lần chú thả lưới trúng được một con cá hô lớn lắm nhưng nó quẫy hoải dưới nước, chú bèn lặn xuống và rồi đôi bên quần nhau dưới đó nước sôi lên sùng sục, thấy có vẩy cá nổi lên rồi thấy có cả máu nữa, cuối cùng chú trôi lên tay cầm tay lưới rách bươm, tay kia lau máu từ mấy vết trầy sưng trên mặt, nói:

HUỖNH ÁI TÔNG

- Thôi tha cho nó phen này, coi như rộng nó dưới sông vậy thôi
- Rồi chú bảo tôi - Mày ra ngoài quán nói chuyện với bà Ba đi.

- Nói gì ?

- Vậy chớ tao dặn mày như thế nào? Nhớ nói đúng lời tao dặn không được sai một tiếng. Đi lẹ đi!

Tôi chạy ra quán nói với bà Ba :

- Bà Ba ơi, chú Sáu Dương nói bà để thư thả chú sẽ chuộc đào Hồng Diệp ra.

- Chuộc bằng gì ?

- Bằng cá hô. Chú nói sẽ đền bà một con cá hô hai trăm kí không thiếu một gờ - ram.

- Biểu nó ra đây.

Hơn tháng sau chú Sáu Dương bắt được một con cá hô thật lớn, chú để nó nằm chật lòng chiếc ghe tam bản chèo thẳng ra quán bà Ba. Con cá hô được đặt nằm ngay ngắn chính giữa quán người bu lại coi rất đông, trầm trồ chỉ trỏ. Chú Sáu Dương chọn một góc kê ly cà phê uống. Con cá hô há miệng ngáp ngáp, đập đuôi mấy cái rồi mở to mắt nhìn mọi người. Đào Hồng Diệp đi ra vô không ngó con cá hô cũng không ngó chú Sáu Dương.

Một lúc sau bà chủ quán đi ra kéo ghế ngồi xuống trước mặt chú Sáu Dương nói:

- Vậy là con cá hô này đây hả? Mày đem nó ra đây để chuộc con Hồng Diệp đó hả?

Chú Sáu Dương cúi xuống với ly cà phê, không đáp. Bà Ba nói tiếp :

- Nhưng mày chuộc cái gì? Tao nuôi con Hồng Điệp thương yêu chăm sóc hơn con đẽ, mắc mớ gì mày phải chuộc ? Mà mày nuôi nó nổi không? Thôi mày trả tiền ly cà phê rồi về đi, còn con cá hô tao sẽ xẻ thịt bán trả tiền lại cho mày.

Chú Sáu Dương chèo ghe ra về còn bà Ba xẻ thịt con cá hô bán lấy tiền rồi dẫn đào Hồng Điệp qua chợ mua sắm cho đủ thứ đồ đạc, rồi mấy hôm sau lại dẫn qua đó nữa không biết làm gì. Chú Sáu Dương nằm khèo ở nhà gác tréo chân nói với tôi :

- Thằng nhỏ mày góp ý tao coi, tao phải làm sao đây?

Tôi nói :

- Tốt nhất chú cứ bắt cá hô thật nhiều bán lấy tiền cất một cái nhà thật lớn rồi rước chị Hồng Điệp về đây ở.

Chú thở dài :

- Như vậy nên chăng ?

- Nên lắm - Tôi đáp - Hay chú muốn để chị Hồng Điệp rửa chén ngoài quán bà Ba?

- Rửa chén thì tao không muốn rồi, nhưng về đây ở thì...Thôi chuyện đó tính sau, giờ mày nghĩ dùm tao coi mấy hôm rày bà chủ quán dẫn Hồng Điệp qua chợ làm gì vậy?

- Có thể bà ấy giới thiệu chị Hồng Điệp với mấy gánh hát.

- Có thể như vậy chăng ?

- Có thể lắm.

- Vậy thì được. Hồng Điệp cần phải lo sự nghiệp, còn tao thì lo bắt cá hô, như vậy cũng hợp tình lắm.

Quả nhiên sau đó bà chủ quán chạy chọt thể nào Hồng Điệp được vào một gánh hát bên chợ, gánh hát nhỏ thôi và đào Hồng Điệp cũng chỉ đóng vai phụ nhưng như vậy cũng là điều mừng rồi. Còn hơn rửa chén ngoài quán. Chú Sáu Dương nghe vậy thì vui lắm. Tôi lúc đó đã qua học bên chợ và chú dặn tôi thường xuyên theo dõi báo cho chú biết tin tức đào Hồng Điệp : cô ta đang diễn tuồng gì, sắm vai nào, bận quần áo son phấn ra sao. Và rồi tối đến tôi nghe tiếng chú hát vang trên sông, thường là lời hát của một vai diễn nữ nên tôi đoán đó là lời hát trong vai diễn của đào Hồng Điệp :

*Chàng ơi, phận thiếp đành bạc mệnh
Chốn loan phòng gãy gánh đường tơ
Suối lệ ngập tràn nát cánh hoa rơi
Ơi lang quân ơi, lang quân ơi thiếp xin đành lỡ hẹn.*

Lại có một hôm chú hát nguyên cả một tuồng khi đóng vai này khi đóng vai kia, và khi đóng vai một người chinh phụ giọng chú ngân dài hơn hết thảy.

*Chờ ai, chờ ai vắng bóng
Tiếng trống xa đưa là chiếu triệu chồng ta
Chốn giang biên người có biết có hay chăng là...*

Một hôm tôi về báo cho chú một tin :

- Chị Hồng Điệp được đóng vai chánh rồi, có hình treo ngoài cửa rạp.

Chú trở mắt nhìn tôi :

- Hình như thế nào ?

- Không đẹp. Là do bị nước mưa làm lem. Nhưng coi cũng giống lắm.

- Nhưng đóng với kếp nào ?

- Không biết. Người ta chỉ vẽ hình quảng cáo thôi mà.

Chú Sáu Dương trầm ngâm suy nghĩ. Hôm đó chú bắt được một con cá hô rất lớn. Con cá hô đang giương mắt nhìn chú. Chú cũng nhìn lại con cá hô. Rồi chú nói :

- Được rồi, để tao qua đó coi như thế nào.

Chú không đi một mình mà đem con cá hô theo. Theo lệ thường cá hô bắt được người ta xẻ thịt bán ngay tại chỗ. Chú Sáu Dương cũng làm như vậy. Nhưng chú lại chọn đúng ngay cửa rạp hát, dưới tấm hình của đào Hồng Diệp để xẻ thịt con cá hô rao bán. Chú gỡ lan canh con dao cất tiếng chào mời người đi qua đường, ban đầu mời mua thịt cá hô, sau tới mời mua vé xem hát.

Rồi chú hát ứng khẩu tại chỗ một bài hát lời lẽ có nói tới chuyện canh chua cá hô với chuyện một công nương nào đó vì bị phụ tình mà phải quyên sinh, hồn phiêu diêu nơi chín suối.

Rồi chú ra về lòng vui khắp khởi, chú rủ tôi tới nhà ăn cơm và bắt tôi thức khuya để nói chuyện:

Mày không biết đào Hồng Diệp đóng tuồng hay như thế nào đâu. Do đẹp người đẹp nét nên đào Hồng Diệp đóng rất giỏi trong cái vai công nương quyền quý cùng vai người yêu của hoàng tử cũng như vai cô Tấm cô Cám, các người hầu trong

cung, bà mệnh phụ cùng cô gái quê, các người vợ không bao giờ cười...

- Vậy là đóng được hết thầy hả? - Tôi hỏi.

- Đóng được hết - Chú đáp - Chỉ sợ soạn giả không kịp viết tuồng thôi. Tao nhớ lần Hồng Điệp đóng vai người thiếu phụ Nam Xương, Hồng Điệp ngồi bên khung cửi vừa dệt vải vừa cất tiếng khóc, cô ta cứ khóc hoài khóc hoài khiến tao đang đóng vai không khóc cũng mũi lòng khóc theo.

Tôi ngờ rằng chú Sáu Dương có sự lầm lẫn nào đó nhưng tôi không mấy rành về chuyện tuồng tích nên không biết như thế nào, và chẳng gánh hát đã rồi rồi chú đi đánh bắt cá hô nên chuyện đó cũng không còn quan trọng gì. Không biết sau lần bán thịt cá hô của chú Sáu Dương gánh hát của đào Hồng Điệp có bán được thêm vé không nhưng thấy chú Sáu Dương hào hứng lắm, càng ngày chú càng "phát huy chiến quả" bắt được cá hô chú đều đem ra chợ bán cũng xẻ thịt ngay trước cửa rạp hát, dưới hình đào Hồng Điệp, cũng hát những bài hát lời lẽ lẫn lộn lung tung giữa chuyện yêu đương với chuyện các món ăn nấu bằng thịt cá hô, riết rồi dân thị xã đều quen mặt chú, tuy rằng không ai biết chú là kép hát ngày xưa, tên Sáu Dương cũng không ai biết, người ta chỉ gọi chú là "Ông cá hô".

Tôi lớn lên và cuộc sống bắt đầu có những bận rộn, vướng mắc riêng, chú Sáu Dương lại già đi nên quan hệ chúng tôi cũng thưa thớt dần. Một hôm chú cho người gọi tôi lại nói, giọng buồn buồn :

- Nhỏ à nghe tao nói điều này...

Tôi nói :

- Cháu lớn rồi chú à, cháu đã học trung học rồi.

- Cũng không lớn hơn ai đâu - Chú nói - Mà nghĩ dùm tao chuyện này coi, mày học hành để làm chi, mày thấy coi chẳng lẽ tao đi bắt cá hô hoài hay sao ? Chẳng lẽ con người tao như vậy không làm được chuyện gì nở mặt nở mày được hay sao ?

Chú nói và trở mắt nhìn tôi khiến tôi cũng mỉm lòng.

- Ừ vậy ta bàn đi.

- Phải, ta bàn đi - Chú nói - Nhưng mày ngồi ngay ngắn lại cái đã, học sinh trung học không có kiểu ngồi như vậy.

Đạo đó tỉnh tôi có lệ tổ chức đua ghe hàng năm, vào mùa nước lên, do các quan chức ở tỉnh bày ra nhưng các vị chỉ tham dự cho lấy lệ, sau đó rồi cuộc vui là của dân chúng với nhau. Khúc sông được chọn làm lộ trình đua là khúc sông chú Sáu Dương thường thả tới lui để câu cá hô, có lẽ do vậy nên chú nghĩ mình là người hiểu nó, có thể chiến thắng nó. Chú tìm đến một đội đua xin tham gia, làm chân giữ lái, và khi được nhận vào rồi chú không màng gì tới chuyện lưới cá hô nữa mà suốt ngày cùng đám thanh niên trong xóm tập tành, gõ phèo la hò hét inh ỏi.

Ngày đua đã đến, đúng ngày rằm tháng bảy, nước dâng tràn bờ, từ sáng sớm người đi coi đã bu đông nghẹt hai bên bờ sông. Dưới sông các ghe đua sắp thành hàng ngang, các tay bơi quần xanh áo đỏ ngồi thành đôi đều tăm tắp, ghe được sơn phết thành hình rồng rắn, mũi ghe vẽ hình đầu con cá ngẩng cao lên. Trên khán đài các quan chức ở tỉnh theo thứ tự trên dưới vận Âu phục trắng hút thuốc uống rượu nói chuyện văn với nhau, lại thấy có đào Hồng Diệp ngồi trong đó nữa. Thường là như vậy, những khán đài danh dự do tính chất tôn nghiêm và xa xỉ của nó, để có đủ màu sắc người ta hay chọn giới văn nghệ ngồi chung với các quan chức nhà nước, kiểu như đi ăn cơm chung

với vị tổng thống. Đào Hồng Điệp không mấy nổi tiếng ở chợ tỉnh nhưng do diễn lâu năm nên cũng được nhiều người biết tiếng, và về sau này do lớn tuổi, chị ít diễn hơn nhưng lại tăng cường làm công tác xã hội kiểu như đi dự các buổi lễ hội, phát chuẩn, trồng cây ở nghĩa trang, hoiặc phát cờ trong các cuộc đua xe đạp. Đào Hồng Điệp ăn bận sang trọng, kiểu ăn bận của các bà mệnh phụ, người hơi mập ra, hai cô tay tròn tròn đeo dây vòng vàng, vòng cẩm thạch, đầu đội một chiếc nón rộng vành kiểu rất lạ, chị thường xuyên nghiêng đầu bên này bên kia cười nói với hai vị quan tỉnh trưởng tỉnh phó ngồi hai bên, vành nón cạ cạ vào cổ hai vị khiến họ bị nhột cứ cười rúc rích luôn.

Đúng chín giờ, vào lúc con nước những (*) phát súng lệnh nổ, các tay bơi cùng lúc cúi gập người ẩn sâu mái chèo, các ghe đua rướn lên, mặt sông rùng mình nổi sóng, cùng lúc với tiếng hò dô, tiếng phèo la cùng với tiếng hò reo cổ vũ của người đi coi dậy lên vang rền cả một khúc sông.

Chiếc ghe đua của chú Sáu Dương bơi ở đường đua sát bờ sông, tôi chạy theo để động viên chú

- Ráng lên chú Sáu ơi, có chị Hồng Điệp coi chú đua trên khán đài kia !

Chú không hề nhìn lên, tay chú đang bận ghì chặt tay lái, mắt gườm gườm nhìn thẳng về phía trước, chiếc khăn rằn cột ngang đầu sút cổ bay xỏa tóc về phía sau. Múc đến ở ngay dưới khán đài. Tôi thấy chị Hồng Điệp đưa tay chỉ chiếc ghe của chú Sáu Dương cười nói gì đó với vị quan ngồi kế bên. Chị giới thiệu chú với vị quan kia chăng? Và giới thiệu như thế nào? Tôi vẫy tay theo chiếc ghe của chú Sáu Dương, chiếc ghe càng lúc càng tăng tốc khiến tôi cuống quýt vấp té luôn, nhưng rồi tôi vẫn lồm cồm đứng dậy chạy tiếp, có cảm giác thân thể tôi hòa nhập vào chiếc ghe của chú và bước chân của tôi cũng tiếp sức được cho chú.

- Ráng lên chú Sáu ơi - Tôi lại la lên - Gần tới mức ăn thua rồi.

Tôi hét đến khản cả cổ họng, chiếc ghe của chú Sáu Dương cũng theo đó rướn lên, tăng tốc mãi, so kè với mấy chiếc ghe đi đầu. Còn hai trăm thước, rồi một trăm thước, tiếng la của tôi bị át mất trong tiếng la hét của hàng ngàn người đi coi càng lúc càng đông đồ thêm ra đông nghẹt. Còn năm chục thước. Chiếc ghe của chú Sáu Dương bỗng vùng lên dữ dội nhô đầu vượt lên trên, càng lúc càng bỏ xa chiếc ghe đi kế. Tôi bật hét lên : "Minh ăn rồi chú Sáu ơi ! Hoan hô chú Sáu !" Và tôi tốc chạy trước đến khán đài.

Không thể bỏ qua giây phút chú Sáu cán mức ăn thua. Tôi nhìn lên khán đài tìm chị Hồng Diệp để cùng chị chia xẻ niềm vui được nhìn thấy giây phút huy hoàng đó. Nhưng chị Hồng Diệp đang bận cười nói với vị quan ngồi kế bên, cánh tay trắng nuột đầy vòng vàng gần như choàng qua vai ông ta. Cũng đành vậy thôi, nhưng tôi có cảm giác có cái gì đó đang sụp đổ. Tôi vội quay lại. Chiếc ghe của chú Sáu Dương đang từ xa lao tới, như vũ bão, mũi ghe hình đầu con cá nhe răng ngẩng cao lên trong niềm hân hoan đón chờ chiến thắng ! Chỉ còn cách mức ăn thua hai chục thước, rồi mười thước, không hiểu sao chiếc ghe bỗng quẹo ngang, nhảy chồm lên rồi chúi đầu chìm lìm người ngọm dầm chèo rớt văng tung tóe!

Chú Sáu Dương đã nhìn lên khán đài và thấy những gì như tôi nhìn thấy chăng?

Chú lớp ngóp lội lên bờ người ướt sũng buồn rầu nói với tôi :

- Tao bị trật tay lái, bậy quá! Thôi để năm sau mình hãy tính chuyện ăn thua.

Tôi vội an ủi chú :

- Chị Hồng Diệp nhấn muốn gặp chú !

Chú liếc nhìn tôi :

- Gặp chị vậy ?

- Không biết. Chị ấy bảo chú đến quán...

- Mà đi theo tao chứ ?

Hai chúng tôi đến quán ngồi đợi một lúc lâu chị Hồng Diệp mới tới. Chị vén tà áo dài đi vào quán chọn kỹ một chiếc ghế ngồi xuống nhìn hai chúng tôi rồi nhìn chung quanh như muốn quan sát, tìm hiểu chuyện gì. Chú Sáu Dương bận bộ đồ đua ghe quần xanh áo đỏ bị ướt lem luốc dính ra cả hai ống tay ống chân, chú phải ngồi co lại vì lạnh.

- Em Hai khỏe không ? - Chú nói, giọng hơi run - Lâu nay đó được tin gia đình không ? Em Hai ăn cái gì đi, hồi sáng tới giờ bận coi đua ghe chắc em Hai đói rồi.

Hồng Diệp cười nói :

- Anh Sáu cũng ăn gì đi, ăn vô cho nó bớt lạnh. Trời ơi còn nhỏ nhít gì nữa anh Sáu đi đua ghe làm chi vậy ? Lại còn bị chìm ghe nữa ! Tôi đã nói rồi số anh Sáu luôn xui xẻo mà.

Chú Sáu Dương mệt quá không ăn được, kêu cho tôi tô hủ tiếu với chai nước ngọt. Hồng Diệp cũng ăn một tô hủ tiếu rồi ăn thêm rất nhiều trái cây và uống một ly sữa đậu. Chị nói :

- Anh Sáu để tui trả tiền nghen !

- Không, để tui trả - Chú Sáu Dương nói - Tui mới bán được cá hô.

- Anh Sáu làm ăn khá không ?

- Cũng khá.

- Có vui không ?

- Cũng vui.

Không còn chuyện gì để nói nữa chú Sáu Dương chào Hồng Điệp dẫn tôi về. Tôi tưởng chú buồn vì cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhạt nhẽo ai ngờ chú lại đắm ra vui vẻ :

- Mà thấy sao, đào Hồng Điệp cũng còn "tươi" quá hả? Là do Hồng Điệp biết chăm lo con đường nghệ thuật của mình, mà thấy không cô ấy ăn nhiều trái cây để da dẻ được hồng hào mịn màng, còn ăn uống cầu thả như tao với mà chỉ có nước đi câu cá hô.

Một dạo tụi lính kéo về chợ tỉnh rất đông. Ấy là do đã hết hiệp định đình chiến nhưng bọn giặc muốn gây sự nữa nên thường xuyên cho lính đi càn bố, ban ngày chúng đi lùng sục trong các xóm ấp ở trong quê tối kéo về chợ ngủ, thế là bọn lính thả ra đi nhậu nhẹt, quậy phá ở các quán xá, rạp hát. Rạp của đào Hồng Điệp cũng chịu chung tai họa ấy. Cứ tối đến đoàn bắt đầu diễn chúng kéo vào không mua vé gì cả ngồi ghé sau gác chân lên ghé trước hút thuốc uống rượu ném đá lên sân khấu hò hét la lối và sau đó chặn ở cửa giở trò chọc phá níu kéo các cô đào hát.

Tôi đi học bên chợ về kể chuyện đó và chú Sáu Dương cau mặt hỏi tôi :

- Vậy tính sao đây ?

- Đâu biết tính sao - Tôi đáp - Chúng đông quá lại có súng mình đâu làm gì được.

Chú cúi đầu ngẫm nghĩ :

- Phải, mình chẳng có súng đâu bắn lại chúng được. Nhưng chẳng lẽ lại cứ để yên như vậy ?

Mấy ngày hôm đó chú Sáu Dương có vẻ trầm ngâm suy nghĩ, ít cười nói, cá hô bắt được cũng không đem ra chợ bán. Đã tới ngày cận Tết rồi các gánh hát đáng lẽ tăng suất hát gấp đôi gấp ba thì lại nghỉ hát hoặc chỉ hát cầm chừng. Nhưng như vậy cũng không yên được với bọn lính, chúng kéo đến cửa rạp đòi đem các cô đào hát ra cho chúng gắp mặt :

- Đào hát lại không diễn tuồng à, cũng như lính tráng không đi đánh trận vậy hả ?

Một buổi chiều đi học về tôi ghé qua nhà chú Sáu Dương không thấy chú đâu cả. Chạy ra quán thì bà Ba nói :

- Nó chèo ghe qua chợ rồi, mày theo nó lẹ đi!

Tôi tức tốc nhảy xuống đò đi qua chợ. Trời đã tối, chợ đã lên đèn. Tôi đến trước cửa rạp hát thấy có người bu đông nghẹt. Một tốp lính đứng vòng quanh, chú Sáu Dương đứng chính giữa. Một tên lính hỏi:

- Mày là thằng nào ?

- Tôi là người bắt cá hô - Chú đáp.

- A thằng bắt cá hô mà nghe đây - Tên lính cười sằng sặc nói tiếp - Chuyện lặn hụp dưới nước bắt cá hô là chuyện của mà còn chuyện đi coi hát chơi giỡn với mấy con đào là chuyện của tụi tao, mắc mớ gì tới mà mà mà xía vô? Hay mà muốn giành mấy con đào hát với tụi tao?

Chú Sáu Dương đáp:

- Tôi không giành giật gì hết, nhưng mấy ông phải để yên cho người ta hát.

Tên lính càng cười lớn :

- Trời ơi đào hát là để chung diện cho mọi người, chớ chẳng lẽ đem dẫu trong buồng Thôi được rồi tao phải tính cho xong chuyện này. Mà muốn chơi theo kiểu nào?

- Mấy ông có súng mà bắn chết tôi lúc nào chẳng được.

- Súng thì tụi tao không bắn rồi - Tên lính điềm nhiên đáp - Nhưng tụi tao sẽ bắn chết đứa nào nhảy vô can vự này. Mà chơi chớ?

Chú Sáu Dương đưa mắt ước lượng đám lính đứng chung quanh:

- Được rồi, nhưng tay không chớ ?

- Dĩ nhiên rồi.

Tôi đứng ngoài hét lên :

- Không được đâu chúng đông lắm chú Sáu ơi !

HUỶNH ÁI TÔNG

Một tên lính chẹn lấy cổ tôi, bùm miệng tôi lại. Chú Sáu Dương không nghe tôi nói, đang bận bàn luận với đám lính:

- Từng người một nghen, hết người này tới người khác. Ai có cà rá hoặc đồng hồ cũng phải gỡ ra hết.

Tên lính đầu tiên là một thằng say nên chú Sáu Dương dễ dàng đâm trúng mặt nó, nó té sấp xuống úp mặt xuống mặt đường, nước mắt nước mũi lẫn với máu chảy lầy nhầy trên lớp đất cát. Tên thứ hai thật dữ dằn mặc dù cũng say nhưng nhảy tới nhảy lui nhanh lẹ như con chồn đèn, nó không dùng nắm đấm mà xòe các móng tay có móng nhọn cào vào mặt, vào cổ, vào bụng chú Sáu Dương. Chú cố gắng nhảy né tránh nhưng cũng bị mấy vết xước, máu bắt đầu chảy loang ra. Tôi đứng bên ngoài chỉ chỗ để trợ giúp chú :

- Coi chừng nó cào bụng chú kia ! Che hông lại chú ơi!

Chú đưa tay gạt ngang, chém bỏ dọc, nhưng tên lính ranh ma liền không cào nữa mà chụm mấy đầu ngón tay lại tạo thành một mũi nhọn như mũi giáo đâm thẳng vào bụng chú. Chú bị trúng liên tiếp mấy cái, lão đảo, nhưng thật là bất ngờ, hai tay chú đang ôm bụng chân chú lại vung lên cao thế là chú tung một cú đá quét ngang cổ tên lính, kiểu như người ta dùng phảng để phạt cỏ. Tên lính đổ sập xuống, nằm đè lên tên lính trước. Tới tên lính thứ ba chú Sáu Dương gần như đã kiệt sức rồi chỉ lo chống đỡ là chính, tên lính thấy vậy cứ nhằm chỗ mấy vết thương của chú mà đánh khiến chú phải co người lại che các chỗ nguy hiểm, cố tìm cách đeo bám lấy nó để nó không thể tung những cú đâm từ xa, rồi lại uốn người mềm như cọng bún để nó không quét được chú xuống mặt đường.

- Mày ra đi, để tao! - Một tên lính khác thấy vậy liền quát lên, xắn tay áo lên để lộ những hình xăm đen vằn vện như mặt quỷ.

Tôi hét lên:

- Không được đâu!

Một tên lính lại chẹn lấy cổ tôi:

- Mày binh hả? Mày là thằng nào, cũng thuộc loại cá hô hả ?
Vậy thì tao cho chết luôn thể.

Tên lính xam mình đánh chú Sáu Dương bằng những cú đấm thẳng vào mặt, vào bụng, vào hai bên cạnh sườn khiến chú ói ra từng bùm máu. Các vết thương ở mặt ở cổ cũng bật chảy máu ròng ròng. Cả người chú đầm máu, môi và mắt sưng vù. Tôi giãy giụa nhưng tên lính đã lôi tôi ra xa tôi không còn thấy gì nữa chỉ nghe tiếng đấm lịch bạch của tên lính vào người chú Sáu Dương. Và rồi tôi nghe tiếng chú thét lên, giọng không còn nhận ra được nữa :

- Mày đánh chết tao đi, không tao cũng đánh chết mày!

Lâu lắm mới thấy có đám quân cảnh tới. Chú Sáu Dương đã không còn đứng vững được nữa rồi, hai tên lính phải kè giải chú đi. Chú cố quay lại nói với tôi:

- Đừng khóc, nhỏ! Báo với Hồng Điệp tao bị bắt rồi. Rồi tao sẽ ra tù trở về, tao không cho thằng nào phá đảo Hồng Điệp đâu.

Việc chú Sáu Dương bị bắt xử tù như thế nào tôi không được biết, sau đó thời cuộc biến chuyển tôi ra đi theo con đường của tôi và rồi nhiều chuyện khác xảy ra nữa tôi quên dần câu chuyện của chú Sáu Dương và những chuyện của quê hương, cho đến hơn hai mươi năm sau hòa bình lập lại tôi trở về...

HUỶNH ÁI TÔNG

Chú Sáu Dương vẫn ở chỗ cũ, ngay đầu cồn, khoảng đất tường chỉ một mùa nước lũ là bị cuốn phăng đi vậy mà vẫn còn hoài với năm tháng.

Chú Sáu Dương chống gậy đi lần ra, không nhìn thấy tôi nhưng nhận ra giọng nói của tôi :

- Mày về tới đó hả nhỏ?

Tôi cười đáp:

- Cháu già rồi chú ơi, tóc cháu bạc hết rồi đây nè.

- Cũng không già hơn tao đâu - Chú nói - Nhưng như vậy cũng lâu quá rồi hả? Ôi tao cũng không nhớ gì nữa, cũng không tính gì nữa... Lâu nay mày sống thế nào? Có vui không? Có gặp chuyện gì buồn không? Có nhớ món canh cá hô không ?

Tôi đáp rằng tôi cũng sống như mọi người chuyện vui buồn cứ lẫn lộn không làm sao biết được. Rồi tôi hỏi sang chuyện chú, chuyện đào Hồng Diệp. Cũng vậy thôi, chú nói, lần đó chú bị bắt đi tù sau đó bị đưa đi khắp cả, có lần bị đưa ra tới Côn Đảo. Rồi hết hạn tù chú bị đưa đi lính, ở lính chú đánh một thằng sĩ quan rồi lại bị tù nữa. Rồi chú lại ra tù, trốn lên vùng rừng núi làm nghề chài gỗ, săn thú để kiếm sống. Lại có mấy năm chú lưu lạc ra vùng biển làm nghề thả mực, suốt ngày ngồi dang nắng trên chiếc thuyền thúng lòng cứ nơm nớp lo sợ thằng chủ ghe quên rước về coi như phơi xác luôn ngoài biển. Nói chung chú đi linh tinh khắp nơi cả nhưng dù ở đâu làm nghề gì chú cũng nhớ tới đào Hồng Diệp, hỏi thăm tin tức về cô và khi được biết cô vẫn sống bình yên, có người che chở là chú yên lòng, cố gắng sống cho qua khỏi cái thời gian lao khổ cực của mình.

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

- Như vậy đó nhỏ à - Kể xong chú nói tiếp - Rốt rồi tao về đây mà cũng về đây, đào Hồng Diệp thì vẫn ở bên chợ, mọi chuyện rồi đâu cũng vào đó cả, ai nấy cũng đều yên vui với cuộc sống của mình. Cho nên tao khuyên mà hãy bình tâm, không việc gì phải nóng vội, cứ ở đây ăn cơm với tao, dù gì tao cũng đãi mà được cơm gạo trắng với canh cá hồ... Rồi chút nữa mà về bên chợ gặp đào Hồng Diệp cho tao nhắn...

Tôi ra ngoài đầu còn thấy nước sông vẫn chảy rã ra hai bên, cuộn xoáy, thỉnh thoảng nổi lên những hình thù kỳ dị rồi vụt biến mất, không để lại dấu vết gì...

7.1993

(*) *Con nước giữa ròng và lớn (đứng lại)*



HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Nhà văn Lê Văn Thảo: Hành trình sáng tạo bền bỉ*, Phan Hoàng đã có nhận định:

“Truyện ngắn Lê Văn Thảo đã trở thành một trong những biểu tượng truyện ngắn Nam bộ đương đại. Ông còn khẳng định thành công ở tiểu thuyết. Tôi có cảm giác khi quỹ thời gian ngày càng hạn hẹp, nhà văn Lê Văn Thảo càng dành nhiều tâm huyết cho tiểu thuyết, mà chỉ qua đó ông mới thể hiện hết sự tích lũy vốn sống, trải nghiệm lẫn tư tưởng, tình cảm ông dành cho chính vùng đất mới phương Nam tạo dựng nên hình hài chính ông. Hơn nữa, như một nhà văn đàn anh đã nói đất Nam bộ là đất của tiểu thuyết, với ngôn ngữ chất liệu hấp dẫn và quyến rũ không dễ gì khai thác hết. Bằng tài năng của mình, Lê Văn Thảo đang tận dụng tối đa lợi thế ấy...”

Trong khi đọc chùm truyện ngắn (3 truyện) in trên *Tạp chí Nhà văn & Tác phẩm* số 4 (tháng 3 +4-2014) gồm: *Đứa con bị bắt cóc*, *Trúng số*, *Khấp nẻo đường rừng*, nhà văn Đỗ Hoàng viết:

“Chùm truyện ngắn của Lê Văn Thảo là một chùm truyện ngắn quá yếu, sơ sài, nhạt và rất dở, không nên in.

Vậy có thơ rằng:

*Sơ sài truyện ngắn Thảo ông
Về quê thuê lại mấy công ruộng cày
Kiếm rau, kiếm cháo qua ngày
Viết văn như thế thì gay quá trời!*

Hà Nội, ngày 1 – 5 – 2014”

Tài liệu tham khảo:

- Lê Văn Thảo Web: sachhay.org
- Ông cá hô Web: nhavantphcm.com.vn

3. Nguyễn Vũ Tiềm



Nguyễn Vũ Tiềm (1940-20)

Nhà thơ Nguyễn Vũ Tiềm sinh năm 1940 tại Hà Nội. quê gốc ở Ninh Hiệp, Gia Lâm. Nửa đầu đời, dạy học ở Hà Nội

Sau 1975, định cư ở Tp. HCM, vẫn trong ngành giáo dục, nhưng chuyển sang làm báo.

Nguyễn Vũ Tiềm là Hội viên: Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn Tp. HCM.

Hiện ở 49A/22 Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, Tp.HCM.

Tác phẩm:

- *Nữ hoàng Trái Cây* (tập thơ thiếu nhi, Măng Non, 1987)
- *Chia tay võ sĩ đố* (tập thơ thiếu nhi, Trẻ, 1988)
- *Thức đợi hoa quỳnh* (thơ, Hội Nhà văn, 1991)
- *Thương nhớ tài hoa* (thơ, Văn Học, 1992)
- *Người thám hiểm thời gian* (thơ, Văn hóa, 1993)
- *May quá, lòng tốt vẫn còn đây* (bút ký, Văn hóa, 1994)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Nghìn câu thơ tài hoa Việt Nam* (sưu tầm biên khảo, Văn Học, 2000)
- *Hồi nghi và tin cậy* (thơ, Hội Nhà văn, 2004)
- *Đi tìm mật mã của thơ* (tiểu luận, Hội Nhà văn, 2006)
- *Văn đàn bi tráng* (trường ca, Văn Học, 2008)
- *Sương Hồ Tây - Mây Tháp Bút* (thơ, Hội Nhà Văn, 2011)

Trích văn:

Ngày mai em đi...

Anh, ngày mai em lấy chồng!



Khó khăn lắm cô mới nói với anh được câu ấy. Thao thức dần vặt hơn một năm nay, cô cứ hình dung là anh sẽ giạt mình thẳng thốt, rồi đau khổ, rồi mắng cô, hờn giận cô. Nghe câu ấy như một tiếng sét ngang tai, anh gục xuống ngất đi. Hay thậm chí anh tát cho cô mấy cái thật đau... Và cô nhận những cái tát ấy một cách sung sướng, hạnh phúc!

Nhưng không, anh nói:

-Ừ, anh chúc em hạnh phúc!

Cô nghe lời chúc hạnh phúc mà đau khổ mà nát tan. Thề là hết, hết thật rồi! Cô gắn bó với anh, cùng đi hát với anh cho đến lúc này đã ngót mười năm, thề mà...

Ngày ấy tình cờ, cô gặp anh trong một quán cà phê ở Đà Lạt. Hôm ấy cô hát xong một bài gì đó không nhớ nữa, vừa ngồi xuống thì anh đến làm quen. Anh nói tên, cô giật mình, a người nhạc sĩ từng sáng tác những bài ca da vàng, những bài ca phản chiến mà cô đã từng hát. Cô nhìn anh, trẻ quá, người gầy da trắng xanh, mang kính cận, áo vét hơi rộng nhàu nhĩ.

-Em rất sung sướng được gặp anh. Hình như lúc ấy cô nói thế. Hai người quen thân nhau rất nhanh. Anh tặng cô mấy bản nhạc anh mới sáng tác, cô cảm ơn rồi gấp làm tư bỏ túi áo. Anh dạy học ở Bảo Lộc, những ngày nghỉ thường lên Đà Lạt mang theo cây đàn guitar lang thang đây đó, tiện có bạn thì hát chơi. Thân tình hơn, anh chỉ dẫn cho cô một số bản nhạc mới để cô hát cho đúng. Cô say mê ca hát từ nhỏ nhưng có được học thanh nhạc ở trường bao giờ đâu, toàn nghe người ta hát rồi hát theo. Cô được sinh ra ở Hà Nội, sáu tuổi cô đã ghi tên dự cuộc thi hát dành cho nhi đồng. Theo gia đình vào định cư ở Đà Lạt, cuối năm 1956, mười một tuổi, một mình cô ngồi nhờ xe chở rau từ Đà Lạt xuống Sài Gòn tham dự cuộc thi tuyển lựa ca sĩ nhi đồng do đài Pháp Á tổ chức tại rạp Norodom. Hôm ấy cô hát bài “Ngày trở” về của nhạc sĩ Phạm Duy và đoạt giải nhì.

Anh và cô cùng đi hát ở nhiều tụ điểm ở Đà Lạt. Một lần anh bảo, anh thôi dạy học ở Bảo Lộc để về Sài Gòn và anh mời cô cùng về Sài Gòn, “ở đó có thể đi hát và kiếm sống khá hơn”. Cô từ chối, bởi đã quen với Đà Lạt, thành phố đẹp đến mê hồn, khi thì lãng đãng sương mây, khi thì nắng như mơ như mộng trải vàng thung lũng đồi thông và nhất là hoa, đóa hoa nào cũng như đang hé môi thủ thỉ mời cô cất tiếng hát.

HUỶNH ÁI TÔNG

Thế rồi như một định mệnh, một lần về Sài Gòn, tình cờ cô gặp anh ở đường Lê Thánh Tôn, vẫn cây đàn cũ kỹ, bước đi liêu xiêu trên đường... Lần này anh mời và cô nhận lời ở lại Sài Gòn đi hát với anh.

Cô hát với anh nhiều nhất ở Quán Văn, trong khuôn viên trường Đại học Văn khoa. Hôm đầu tiên, cô nhớ mãi kỷ niệm này.

Anh và cô bước ra trước micrô, anh nói:

-Kính thưa quý thầy cô, thưa các bạn, tiếng súng nơi tiền phương hàng ngày hàng giờ vẫn vọng về chúng ta trong bữa ăn, giấc ngủ, trong mỗi giờ học hành, những người con da vàng của mẹ Âu Cơ đang ngã xuống. Mọi người dân Việt cùng chia đều nỗi xót thương. Hôm nay chúng tôi, sẽ trình bày một số bài hát mong được chia đều nỗi xót thương với những người tuổi trẻ da vàng ấy.

Hai người cùng đàn và hát. Mở đầu là bài “*Ngủ đi con*”. Giọng Huế của anh trong trẻo, cùng với giọng Hà Nội tròn và rõ của cô:

*Hò o ó o hò, con ngủ đi con
Đứa con của mẹ da vàng
Hai mươi năm đàn con đi lính
Đi rồi không về, đứa con da vàng của mẹ ...*

*Đứa con của mẹ ra đời
Trên môi vang vọng một lời đau thương.*

Tiếng guitar trầm buồn như tiếng vọng của quá khứ, quê hương. Một góc sân khoảng hai trăm người lặng im, có lẽ mỗi người nhớ về những cảnh đời mất mát đau thương của riêng

mình đã hẳn sâu trong ký ức. Lúc hai anh em cúi chào, mọi người mới chợt nhớ, tiếng vỗ tay bùng lên xúc động.

Bài “*Ca dao mẹ*” có nhiều câu sâu xa thâm thúy:

*Một dòng sông trôi cuốn mãi về trời bấp bênh phận người
Mẹ ngồi ru con nghe đất gọi thầm trọn nợ lưu vong
Mẹ ngồi trăm năm như thân tượng buồn để lại quê hương
Tuổi còn bơ vơ thế giới hận thù chiến tranh ngục tù*

Cả một buổi tối, chỉ có hai người liên tục đàn hát có lẽ đến trên hai chục bài, say mê quên mệt nhọc. Có kỷ niệm khó quên này, đứng lâu quá, hơi mỏi chân, cô vịn vai ngả người vào anh, anh nhắc mà gần như “mắng”: “Này đứng ngay ngắn thì mới hát được chứ!” cô bèn bỏ đôi guốc cao gót, đứng chân không cho vững hơn và hát tiếp bài mới.

Sau đó cô không đi guốc nữa, có lẽ không quen guốc cao gót, nền đất lại gồ ghề lồi lõm, cô cứ chân đất đứng hát. (Từ hôm ấy cô có biệt danh “Ca sĩ chân đất”, cô vui vẻ nhận biệt danh ấy).

Cùng đàn hát hết mình, mỗi một nhưng vô cùng hào hứng vui vẻ. Tất cả các buổi hát ấy anh và cô không nhận một cái bạc bồi dưỡng nào. Nghĩ lại, đó là những ngày hạnh phúc nhất đời cô.

Anh thường trong bộ áo măng tô cũ kỹ với cây đàn guitar cũng cũ, lang thang khắp hang cùng ngõ hẻm Sài Gòn, Chợ Lớn, hát những ca khúc *Da vàng* như: *Đại bác ru đêm*, *Tôi sẽ đi thăm*, *Xin mặt trời ngủ yên*, *Tình ca người mất trí*, *Kinh khố*... chống lại chiến tranh, kêu gọi hòa bình. Nhạc sĩ lang thang hát cùng ca sĩ lang thang.

Cô có cuộc sống đầy truân chuyên sóng gió từ nhỏ và kéo dài mãi sau này cộng với hoàn cảnh đất nước chiến tranh đã xô đẩy

cô gần với thân phận bụi đời. Hoàn cảnh ấy đã ảnh hưởng trực tiếp và ghi dấu ấn rất rõ trong tâm hồn, giọng hát và cả tính cách nghệ sĩ của cô. Nhưng rất may mắn là anh đã giúp cô thanh lọc cái chất bụi bặm kia theo hướng tích cực, để trong câu hát hay cách thể hiện chỉ còn ngân lên những rung động chân thành.

Nhiều người am hiểu nghệ thuật bình luận rằng cô có lối hát lạnh, tung tung, hát như không, hát như chơi, như nói, ít cầu kỳ uốn éo, không gồng mình... lại phù hợp với tính chất của âm nhạc của anh: gần gũi giản dị, không rắc rối cầu kỳ, ít luyên láy éo le. Những ca khúc chỉ cần một chiếc đàn ghi ta đệm theo, nếu hòa âm phối khí rườm rà thì không hợp với những bài hát soạn theo thể ballade này...

Cô chú ý lắng nghe để hiểu hơn về anh, về nhạc của anh để làm sao trong khi hát thể hiện được tinh thần ấy.

Có bài báo còn viết rằng loại nhạc này chậm rãi, khoan thai thường được độc tấu ghi ta và piano, violin. Lời của ballade thường là sang trọng, không hoa mỹ mà ấn tượng. Nhưng hiện nay nó bị pha trộn bởi nhiều thể loại khác: rock ballad, ballad opera, folk ballad... nhưng nhạc của anh nói chung là ballade thuần khiết. Thấu hiểu điều đó nên cô cứ hát tự nhiên, ấy vậy mà lại phù hợp.

Mới đây có bài báo viết: Nhạc của anh cần sự cảm thông và thấu hiểu về thân phận con người và thân phận tình yêu một cách yếu mềm và ma mị... Họ lại viết về cô: cô hát như kể về chính cuộc đời và nỗi niềm của mình vậy. *“Một vết thương thôi, riêng cho một người”* (Hoa vàng mấy độ). Cô từng trải qua những nỗi đau, và cô hát như “đau thì phải thể”! Và bài báo kết luận: nhạc của anh, chỉ có cô với hoàn cảnh và thân phận của mình mới thấu được đến tận cùng mà thôi.

Có sự đồng cảm sâu sắc như vậy, nên suốt những năm qua anh chỉ sáng tác những bài hợp với giọng hát và phong cách của cô, anh sáng tác chỉ để riêng cho cô hát. Ôi, một hạnh phúc lớn lao mà Thượng Đế dành cho cô, nhiều đêm về cô nghĩ thế.

Anh và cô, tình anh em, tình bạn, và đặc biệt một tình yêu trong sáng, thánh thiện. Cô thường nghe nhiều người nói rằng các nghệ sĩ Quan họ Bắc Ninh, họ hát cùng nhau, yêu nhau thắm thiết nhưng luôn giữ lời nguyên xưa là không kết duyên cùng nhau. Vì thế giai điệu và lời ca quan họ mới tha thiết nồng cháy đắm say một cách lạ lùng đến vậy. Không biết trên thế giới này còn ở đâu có tục lệ giữ lời nguyên như thế hay không? Tưởng chỉ có ở Quan họ Bắc Ninh thôi, hóa ra anh và cô cũng lại như vậy ư?

Tìm hiểu về đời tư của anh, cô biết anh có người em trai, hồi là học sinh trung học, hai anh em rất mê võ thuật, cùng học một thầy dạy võ ở Huế. Anh mơ ước trở thành võ sư, suốt ngày mân mê cặp găng boxer, tập đi bài quyền của phái Vovinam, nghiên cứu và luyện võ theo sách nhu đạo. Anh thường xuyên nói chuyện võ chứ không nghe anh nói chuyện nhạc bao giờ. Nhà có cây đàn guitar nhưng anh chẳng mấy khi ngó ngàng tới. Tuổi mười tám mười chín, thân thể nở nang, sức vóc tráng kiện, suốt ngày hai anh em luyện võ công. Năm 1957, đang học ban Triết trường Lyceé Jean Jacques Rousseau Sài Gòn, anh về Huế nghỉ hè, vốn ham võ thuật, hai anh em tập nhu đạo ở sân nhà để chuẩn bị thi lên đại "ma-rông". Trong lúc say sưa quần thảo, người em dùng sức đưa cú đấm "đơ-dem-ê-côn" thì anh cũng gồng mình ra sức chặn lại. Người em đang đà lao, té nhào trên mình anh và không cưỡng nổi quán tính của đường quyền đang giáng mạnh, cùi chỏ của em trai theo đà ấn xuống, đập một đòn chí mạng vào ngực anh. Anh thổ huyết lai láng nằm gục ngay tại chỗ. Vào bệnh viện các bác sĩ cho biết anh bị vỡ mạch máu phổi rất nguy kịch. Anh nằm liệt giường suốt hai năm, Thời gian nằm bệnh, anh đọc nhiều sách về triết học, văn

học, tìm hiểu dân ca và âm nhạc thế giới. Anh tâm sự: “Khi rời khỏi giường bệnh, trong tôi đã có một niềm đam mê khác – âm nhạc”. Có thể nói “miếng đòn định mệnh” đã đưa anh từ giấc mơ võ thuật sang giấc mơ âm nhạc.

Ôi, Thượng Đế, cứ tưởng Người rộng rãi bao dung hóa ra lại rất hẹp hòi, không bao giờ Người cho ai một cái gì lại không lấy đi cái khác. Nhưng đối với anh, hình như Người quá tay, lấy đi nhiều hơn những trường hợp khác!

-Anh, ngày mai em lấy chồng!

Em chờ đợi câu trả lời khác kia, sao anh nở chúc em cái câu “ác” như thế? Sáng hôm sau, anh đến nhà em như mọi người khác đến mừng em sắp về nhà chồng. Em vẫn chờ đợi một câu nói khác của anh. Tủi thân em quá anh ơi! Chẳng lẽ mắt em mà anh không nhớ thương em một chút nào ư?

Gần đến giờ nhà trai đến đón dâu, anh tặng em một bản nhạc, chắc là anh thức suốt đêm qua để viết. Em mở ra: “Biển nhớ”!
Ôi, cả một biển nhớ thương ư? Em nhắm hát theo những nốt nhạc:

*“Ngày mai em đi
Đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ
Sỏi đá trông em từng giờ
Nghe buồn nhịp chân bơ vơ
Ngày mai em đi...”*

Những người có mặt trong đám cưới hôm ấy nói rằng chưa thấy cô dâu nào bước lên xe hoa lại khóc như mưa như gió như thế và ngay chiều hôm ấy Sài Gòn mưa tầm tã nhiều ngã đường ngập lụt chưa từng thấy!

Trích thơ:

Điều kỳ diệu ở hai bầu vú

Tặng sư nữ TKH

*Tiếng trẻ khóc từ trên trời rơi xuống
Hay từ hang động chui lên?
Gió bắc như làn roi kiếp phận
Quất bập bùng cửa tam quan.
Ai nữ mang con bỏ chùa
Cửa từ bi dang tay cứu độ!*

*Hài nhi rúc vào ngực nhà sư tìm sữa
Thôi đành ngậm nhạt mút sông...*

*Ngậm nhạt mút sông hoài...
Và điều kỳ diệu đã xảy ra
Như thường gặp ở nơi tịnh độ
Nơi bầu vú thanh tân
Miệng đứa bé khai thị dòng sữa mẹ
Lâu nay trốn biệt ngủ quên
Sữa từ bi cứu thế
Cùng thiên lương nuôi nó lớn từng ngày!*

*Ngạc nhiên nhất vẫn là sư nữ
Đang bế bồng ru Tọa Hóa ngủ say.*

Áo trắng Thăng Long

*Tà áo trắng buổi đầu em đến lớp
Tôi lỡ làm rơi giọt mực vào
Tẩy máy bạn cũng nhạt dần rồi hết
Chuyện lớp trường, mực áo dễ quên mau.*

*Bỗng một sớm thu sang vàng Thủ Lệ
Một tình cờ, một địa chỉ lãng quên*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Không xa lắm, hình như gần lắm
Nơi tình người tạo một ngã ba riêng.*

*Con sáo mau mòn chỉ lối
Bông hồng nở sớm nhắc chi đây
Mực đã tẩy lại tím dần trở lại
Khi trên đầu mái tóc đã dần phai.*

Hộ sinh mát tay

*Hộ sinh cho những giấc mơ thiếu tháng của anh
Em mát tay bậc nhất.*

*Làm bụi bặm phồng phao
Những giấc mơ suy dinh dưỡng
Làm hồng hào trắng kiện
Những khát vọng suy còi...*

*Đêm qua có một hộ sinh khác
Lọt vào giấc mơ anh
Anh băn khoăn chưa nói
Hình như em đã tỏ tường?*

*Thêm một giấc mơ thiếu tháng
Chờ tay em hộ sinh.*

Cốm Vòng vô Nam

*Sợi rơm vàng buộc gió
Lá sen gói sóng hồ
Nắng đa tình Bến Nghé
Gặp dịu dàng hương thu.*

Hào phóng Cửu Long

*Mùa vụ Ngân Hà xuôi Cửu Long giang
Những miệt vườn trắng sao đang chín
Chợ nổi Cần Thơ xòe ra như tấm lưới
Vớt bầu trời bày trên sóng lênh đênh.*

*Sao em đếm chục mười hai, mười lăm, mười sáu?
Trao anh thêm cả nụ cười!
Đất hào phóng sinh người hào phóng
Tình mênh mang làm sóng nước mênh mang. |
Tayxách nặng nổi niềm châu thổ
Hồn nhẹ bồng sóng gió Hậu Giang
Xin gói lại Ô Môn, Thốt Nốt
Mai này mâm kỷ niệm trữu hương...*

*Nâng trái xoài chín thơm
Vịn trái na mở mắt
Muốn hỏi nhỏ: trái hoa nhan sắc
Sao mấy hồi cứ phải bán non?*

Công viên Thống Nhất ngày và đêm

*Bên hồ nước, ông tạc hình non bộ
Bà ngồi thiền: một dáng bon sai
Những chùm quả khoác nắng vàng khiêu vũ
Sóng Bảy Mẫu nghiêng đầu cho cơn gió tựa vai.*

*Nhưng tất cả đều tuyệt vời im lặng
Tất cả đều như những dáng thiền.*

*Đất gọi thức côn trùng vào dạ hội
Sân khấu trắng sao mở dưới đáy hồ
Những chú cá hiếu kỳ thi nhau đớp những điều bí mật
Liều một mình thả bóng tương tư...*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Những vụ nổ bicbang không tiếng động
Bao vũ trụ sinh thành trong những trái tim yêu.*

Ca trù và phố cổ

*Tiếng đàn đáy lặng trầm bên án sách
Câu hát ngõ ngang nơi cuốn thư
Có phải đào nương buông chèo trên Tô Lịch
Đi đứng chào thưa vẫn bập bênh...*

*Tiếng tơ nhiều năm đứt gãy
Đề cây đàn treo ngược nổi tương tư?
Tiếng phách mơ hồ trong hạt mưa tí tách
Hay hôn vía ca trù không thể tiêu tan?*

*Phủ bụi mờ trên giọt nến cổ nhân
Em cất giữ lời ca tròn đầy trong vạt áo
Trong vắt ngọt ngào nhà chữ luyện câu
Cung chìm đắm vớt lên từ đáy nước
Lưu thủy cùng mối một tường rêu
Nghe đâu tiếng vọng từ rơi rụng
Người tự kiếp xưa hỏi lối về
Mang trôi dạt bọt bèo bày thành tiệc
Chìm nổi làm rượu tắm.
Đêm tài tử giai nhân mơ - thực
Trong trăm nổi mắt còn
Ta nhạt được mình hay mình nhạt được ta?*

Đi dọc thơ ngang

Đô Phôn
(1911-1990)

*Xem người khao, người phát
Một chuỗi cười ròn tan*

*ba toong và mũ phớt
bước dọc đường thơ ngang.*

Người viết thơ khỏa thân

Bích Khuê
(1916-1946)

*Câu thơ nhan sắc
chữ kết nên da ngà
hương trời đất bùng hoa
thì nhân hỡi tiếc chi vài mảnh vải?*

*Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm
nàng là hương hay nhan sắc lên hương? (*)*

*Đọc câu thơ vệ nữ
khóc vẻ đẹp vĩnh hằng
kẻ chán sông tìm khúc sông nước dũ
bỗng quay về rạo rực áp môi sen.*

*Việc duy nhất dưới trần gian
thì nhân vừa hoàn tất
sợ khó giữ bền lâu lòng thanh khiết
gửi lại thơ, người già biệt dương trần...*

Ảo ảnh giai nhân

Thay lời bạt - ba nén tâm hương

*Văn chương như giai nhân
thỏ thẻ bên lòng mời gọi
để bao người lao tới
càng với, càng xa với.
Lỡ ăn phải - chỉ một lần - bùa ngãi
không dễ gì dứt ra
để không bắt đắc kỳ tử*

HUỶNH ÁI TÔNG

*như Lý Bạch, ước Trai
cũng suốt đời lận đận
hỏi lối về sông Mịch La...
Mở mắt là khoan vào sáng, tối
chính mình chẳng biết để làm chi
vợ con vượt mắt cho lần cuối
vướng mãi điều gì cộm ở mi!*

Trong bài Đọc “Văn đàn bi tráng: của Nguyễn Vũ Tiềm, đạo diễn điện ảnh Nguyễn Anh Tuấn đã viết:

Nhà thơ Nguyễn Vũ Tiềm có một thời gian dài dạy học, rồi làm báo, với bản chất thi sĩ lương thiện, ông đã đúc kết sự từng trải của mình về "Những vết thương nhân tính, nhân văn" trong một nỗi buồn đến ngơ ngác và róm máu:

*Rẻ rúng nhau bằng những lời khen ngợi
Người nói người nghe đều thấy hài lòng
Người tự vả vào mình để thành người tin cậy
Người được tin cậy rồi, bóc lưỡi hót cho hay
Tự gọt dẽo thành viên bi nhẫn nại
Để lăn tròn trong cái rãnh con con
Để đạt đến đỉnh cao của sự thấp hèn
Lấy đó làm kiêu hãnh ”.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Vũ Tiềm Web: nhavantphcm.com.vn
- Ngày mai em đi Blog: nguyenvutiem.blogspot.com

4. Lê Đình Cảnh



Lê Đình Cảnh (1941-20)

Nhà thơ Lê Đình Cảnh sinh ngày 21 tháng 9 năm 1941, tại Thọ Xuân, Thanh Hóa.

Nhà thơ Lê Đình Cảnh tốt nghiệp Khoa Vật lý, Trường ĐH Sư phạm 1 Hà Nội. Sau đó, ông học thêm Khoa Ngữ văn Trường Đại Học Tổng hợp Hà Nội.

Từng là giáo viên dạy văn hóa của lực lượng Thanh niên xung phong trong những năm chiến tranh Việt Nam.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1990.

Nhiều năm công tác ở Ban Văn nghệ Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam trước khi nghỉ hưu.

Lê Đình Cảnh đã đoạt các giải: Khuyến khích, giải Nhì và giải Ba cuộc thi thơ *Tuần báo Văn nghệ* năm 1972, 1976 và 1990.

Hiện ông cùng gia đình sống tại 168, đường Trường Chinh, Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Một mình anh đi* (1976)
- *Đất lành* (1984)
- *Người đôn hậu* (1990)
- *Ai mua chổi rom* (1990)
- *Trời dịu* (1996)
- *Nắng Nghi Sơn* (bút ký, QĐND, 2013)
- *Trên cao nguyên Tà Phình*
- *Mẹ ra Hà Nội*

Trích văn:

Ngàn Nưa

Ngàn Nưa còn gọi là Na Sơn, một linh địa của xứ Thanh. Tên của núi có nhiều cách lý giải khác nhau. Người bây giờ cho rằng, thuở trước, nơi đây rừng nưa thân nhỏ ken dày sơn khê. Bởi thế gọi là núi Nưa. Lâu ngày gọi chệch thành núi Nưa.

Lớp người già khuất núi từ thế kỷ 20 lại nghĩ khác. Các cụ cho rằng, ngày xưa ngày xưa, dưới tán rừng già nhiệt đới xứ Thanh, khi mùa mưa tới, đây đó phủ xanh bạt ngàn cây Nưa. Loại cây thảo, mọc thẳng đứng, thân xốp như dọc mùng, xốp hơn đệm mút hiện đại. Khi khô hạn, hoặc giữa trưa nắng lửa gió lửa, thân cây mềm nhũn héo xiu. Đêm về, khí trời mát mẻ, thân cây bỗng dựng dậy, rắn chắc, phồng phao. Thân cây Nưa, đặc biệt củ Nưa là biệt dược cho nam giới chốn phòng the. Nổi tiếng nhất, công hiệu nhất, quý hiếm nhất là ở dãy núi nhô lên giữa đồng ruộng Nông Công thẳng cánh cò bay. Có thể tên biệt dược mất con trai thành tên Ngàn Nưa. Biệt dược này góp phần làm nên vẻ đẹp tiêu phu núi Nưa cường tráng dẻo dai. Góp phần làm nên giọng hò lẳng lơ đa tình trai đồ Hoàng Giang thuở nào: Lấy chồng thì chọn kẻ Nưa/ Vừa về đến ngõ đã đưa lên giường. Các cụ còn cho rằng Na Sơn lương địa kỳ nhân khả dĩ dung thân. Nghĩa là Ngàn Nưa là nơi đất lành,

người khác thường có thể dung thân. Bà Triệu là người khác thường, là bậc anh hùng đã chọn Ngàn Nưa làm căn cứ địa chống ngoại xâm. Ông Tu Nưa đã chọn nơi đây dựng Am Tiên làm nơi ở ẩn tránh nhà Hồ chính sự phiền hà. Vậy mà, vẫn không được yên thân. Cha con Hồ Quý Ly triệu về Tây Đô làm thuộc hạ. Ông từ chối. Với cách nghĩ độc tài, độc đoán không theo ta tức là theo địch, cha con họ Hồ ngầm sai người triệt hạ để trừ hậu họa. Quân lính vương triều Đại Ngu tìm đến Ngàn Nưa. Ông đã đốt am cỏ, rồi lẫn vào sương núi mây ngàn, để lại câu đối ẩn ý sâu xa:

*Kỳ La hải khẩu ngâm hôn đoan
Cao Vọng sơn đầu khách tứ sầu*

Về sau, Hồ Quý Ly bị giặc Minh bắt ở cửa bể Kỳ La. Hồ Hán Thương bị bắt ở đầu núi Cao Vọng. Đúng như lời tiên đoán. Cao siêu thay, thần bí thay kỳ nhân thuở trước. Không chỉ là nơi dung thân các bậc kỳ nhân, Ngàn Nưa còn là lương sơn tâm điểm bốn phía làng quê lúa nước phì nhiêu được mùa Nông Cống sống mọi nơi. Hơn thế nữa, lòng đất Ngàn Nưa còn là kho báu vô tận. Trước hết là Crôm. Khoáng sản này khai sinh làng mỏ đầu tiên của xứ Thanh, của Việt Nam. Giữa bốn bề làng lúa ngàn tuổi thâm canh, làng mỏ Crôm Cổ Định bề thế khang trang ngót tuổi trăm năm công nghiệp trưởng thành. Đường nhựa vào làng râm mát hai hàng xà cừ đã thành cổ thụ. Hai hàng cây vừa là nhân chứng vừa là di tích xanh của khu công nghiệp dưới chân Ngàn Nưa. Men theo cây xanh, men theo thể đất là những hồ nước trong xanh lặng lẽ như thể ao thu Nguyễn Khuyến. Không phải mau đầm thiên nhiên. Không phải ao hồ nông nghiệp. Nơi đây, thủy mặc trần gian hình thành sau khai thác Crôm. Chỗ này bông bành hoa súng tím. Chón kia sen tròn mở lá đón gió Tây Nam đầu mùa. Xa hơn, mặt nước mênh mông lãng đãng bóng mây trôi. Lãng đãng cá mè hoa bơi theo sóng nước. Lãng đãng cá trắm đen vờn theo

cánh bèo ván bập bênh.

Đoàn chúng tôi tình cờ gặp một bác lực điền ngồi dưới gốc cây bên hồ. Tóc bạc phơ. Vóc người đậm chắc, tráng kiện. Gương mặt phong trần. Nụ cười trẻ trung dễ mến, dễ gần. Đôi mắt đa tình lãng lợ. Ai đó trong đoàn cất giọng thăm dò làm quen:

- Thưa, bác có phải là người của lâm nghiệp...

- Không, tôi chính hiệu thợ mỏ Crôm. Đã về hưu. Các ông lên Am Tiên hay đền Bà Triệu...

- Chúng tôi về Cổ Định. Về nơi non nước hữu tình. Thưa bác, ai là người lên quy hoạch làng mỏ Crôm. Làng quê cây xanh, nước trong xanh u tịch bốn mùa...

Không biết là ai. Chỉ biết làng quê hữu tình từ xưa...

Thế đấy, ngay từ những năm 20 của thế kỷ 20, lớp thợ đầu tiên của làng mỏ Crôm Cổ Định đã đặt nền móng cho cảnh bồng lai bây giờ. Ông cha ta ngày trước dù chạt vật com áo gạo tiền vẫn giành riêng một cõi tâm hồn tìm ra vẻ đẹp làng quê công nghiệp cho con cháu mai sau. Vẫn lo lắng dựng xây tiên cảnh giữa đời thường. Lo đãi đất lấy Crôm. Đầu chỉ có thể. Lại lo trả đất phi nhiêu cho hoa thơm quả ngọt, cho bóng mát làng quê. Lo trả nước trong lành cho tôm cá tung tăng, cho cánh cò in bóng, cho đàn chim di trú tìm về. Trải qua khói lửa chiến tranh, trụ sở Công ty Xi Dim khai thác Crôm thời Pháp thuộc không còn. Nếu còn, biết đâu sẽ là công trình kiến trúc đầu thế kỷ 20 vào loại đẹp của xứ Thanh.

Trụ sở Xí nghiệp Crôm-mít Cổ Định sau kháng Pháp cũng không còn. Khuôn viên trụ sở Công ty Cổ phần Crôm-mít Cổ Định bây giờ nằm kề ngã ba trung tâm làng mỏ hao hao dáng hình phố núi. Từ đây thênh thang đường nhựa ra thị trấn Cầu

Quan. Lên đỉnh Ngàn Nưa. Tới cụm nhà máy tinh luyện Ferô Crôm. Khuôn viên tĩnh lặng khác thường. Thoang thoang đâu đây hương thơm đại ngàn. Sau tường gạch là hàng cau lùn ngang tầm nón thúng quai thao. Tiếp đến là sân bê-tông. Dọc theo gờ sân là hàng tùng kim trầm tư mặc tưởng. Hai hàng vạn tuế cổ thụ mở lối vào trụ sở hai tầng. Đối xứng qua lối vào, hai bể cạn hình ê-líp long lanh đáy nước in trời. Từ đây mọc lên hai cụm non bộ nhấp nhô chóp núi như đỉnh Ngàn Nưa. Bám trên vách đá phong lan rừng chen lẫn rêu xanh. Hoa vẩy rồng như thể bướm vàng chập chờn cánh bay hoang dã. Cát lan hoa trắng viền vàng sắc nắng trung du. Phi điệp môi tím, môi hồng diu diu hương thơm. Trong cùng là hàng vú sữa lao xao gió dậy thì. Trụ sở công ty hai tầng bê thế khang trang. Hành lang rộng la đà sương núi. Tầng dưới là các phòng làm việc nối mạng Internet với cụm nhà máy, tới công trường. Tới thành phố Thanh Hóa. Tới Hà Nội. Các phòng kỹ thuật có đủ thiết bị xác lập những thông số chính xác phục vụ kịp thời cho công việc khai thác Crôm. Tầng trên, hội trường có thể là nơi hội thảo địa phương, khu vực, liên ngành. Phía trái là những phòng khách đầy đủ tiện nghi.

Thay mặt lãnh đạo công ty, Chánh văn phòng Lê Xuân Khoát tiếp đoàn chúng tôi. Ông còn là Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, Chủ tịch Công đoàn Công ty. Ông người Thanh Liêm, Hà Nam. Đi bộ đội từ hồi đánh Mỹ. Đã ở Quảng Trị. Đã sang thượng Lào. Đã tốt nghiệp Trường sĩ quan Lục quân. Sau này, chuyển ngành về Crôm Cổ Định. Theo lời ông kể, Ngàn Nưa rộng gần sáu chục km². Trước kia là của Nông Công. Nay thuộc về Nông Công, Triệu Sơn. Người Pháp phát hiện ra sa khoáng Crôm năm 1923. Bắt đầu khai thác 1927. Vào khoảng 1930-1941 ngừng khai thác. Sau đó, tiếp tục. Kháng Pháp thành công, năm 1956 Xí nghiệp Crôm-mít Cổ Định ra đời. Năm 1962 đạt cao nhất 32.556 tấn. Quặng sa khoáng Crôm kéo dài từ Tinh Mễ đến Bãi Áng. Chia làm hai tầng. Tầng trên, nổi trên mặt đất. Tầng dưới, sâu trong lòng đất 8-12m. Ngoài ra

còn có Ni-ken, Cô-ban, Ma-giê, Pla-tin, tức Bạch kim, đá Xà vân, đất sét trắng... Trước đây, khai thác tầng trên. Bây giờ, đánh thức tầng dưới...

Đang chuyện trò, trời đổ mưa rào. Nhìn mưa, tôi chợt nhớ khổ thơ trong bài thơ Thung lũng trong mưa của Tiến sĩ Lê Tuấn Lộc: Cứ mưa đi trời ạ, cứ mưa đi/ Đất cứ trôi, chỉ cần Gôm ở lại/ Làng mở ơi, gọi vợ chồng con cái/ Trời thay ta, đãi quặng hộ ta rồi... Niềm vui trong mưa của những người đãi quặng Crôm đôn hậu hồn nhiên. Niềm vui của người trong cuộc. Niềm vui của cư dân làng mở hồ hởi cõi mở với thời tiết, môi trường. Ông người Nông Cống. Làng quê ông vừa là làng lúa nước nông nghiệp vừa là làng mở Crôm công nghiệp. Tốt nghiệp đại học, ông về mở Crôm Cổ Định làm việc. Ông gắn bó với nghề mở suốt đời. Tôi còn nhớ thêm khổ thơ trong bài thơ Vợ chồng thợ mỏ của ông: Rồi gấp vội chăn màn/ Tắt điện và khép cửa/ Đưa con ra nhà trẻ/ Cặp lồng cơm sau xe... Lời thơ giản dị, chân mộc, nhiều khơi gợi. Ra khỏi nhà Tắt điện là thói quen công nghiệp thường ngày của những người thợ mỏ Crôm. Thói quen này cần được gìn giữ, phát huy ở thế kỷ 21. Ra khỏi nhà chỉ cần Khép cửa chúng tỏ thưở ấy làng mở Crôm, vùng Cổ Định, huyện Nông Cống là thiên đường an cư lạc nghiệp. Thưở ấy, không trộm cắp, không tệ nạn xã hội, không giết người cướp của. Bây giờ, ra khỏi nhà, ít nhất hai lần khóa cửa. Khóa bên trong, lại khóa phía ngoài. Thêm nữa, hai lần khóa cổng. Nhiều nhà còn khởi động ca-mê-ra phòng chống trộm. Nhiều đại gia còn thả chó béc-giê thuần chủng Đức. Thả chó Phú Quốc hoặc chó Mèo. Sang hơn, thả chó Ngao nhập từ Tây Tạng. Vậy mà, trộm cắp, giết người cướp của, vẫn xảy ra hằng ngày. Thơ Lê Tuấn Lộc kết thúc mở. Ông dành cho người đọc không gian tùy nghi suy nghĩ.

Tạnh mưa. Đi về phía mặt trời lặn, men theo thế núi Nưa, chúng tôi tới khu vực Mỹ Cái. Phó quản đốc điều hành sản

xuất Đỗ Ngọc Hải khẽ khàng tâm sự:

- Đơn vị đang đánh thức lớp sa khoáng Crôm thứ hai ngủ sâu trong lòng đất...
- Công trường đang làm việc, mà sao thưa thoáng bóng người...
- Máy móc thay người đào đất, đãi quặng...

Công trường chia làm hai phần lệch nhau, cao thấp khác nhau. Bên trái, phía Ngàn Nưa là hố sâu hình chữ nhật khổng lồ như thể sân bóng đá bỗng dung tụt xuống 10m chạm tầng đá gốc. Hai máy xúc cần mẫn làm việc. Máy này tiếp tục mở rộng hiện trường. Máy kia thận trọng vét hết đất đá, để lộ vĩa sa khoáng Crôm lấp lánh trong nắng xé tà. Phía sau máy xúc một khoảng cách kỹ thuật, súng bắn nước khổng lồ dững mãinh công phá mục tiêu. Vòi phun nước như nòng đại bác, chĩa vào đâu, ngay lập tức, nơi ấy hóa thành lũ quét công nghiệp. Dòng lũ đục ngầu tự loại dần sỏi đá cuốn theo. Súng bắn nước thứ hai, nòng nhỏ hơn, tốc độ thấp hơn, tiếp tục loại bỏ những hạt đá có đường kính lớn hơn 2 mm. Bơm thứ hai đưa dòng phù sa công nghiệp từ dưới âm ty lên đỉnh tháp tuyến quặng sáu tầng. Tự chảy từ cao xuống thấp, qua sáu tầng lưới thép vừa lắc vừa rung như kiểu lọt sàng xuống nia, dòng phù sa công nghiệp này cuối cùng chia về hai ngã khác nhau. Ngã thứ nhất, dòng sa khoáng Crôm chảy về bể lắng. Tháo cạn nước, lớp cát mịn nặng tay, vàng đen Ngàn Nưa, hiện ra giữa thanh thiên bạch nhật. Theo dòng xe tải, sa khoáng này chảy về khu nhà máy tinh luyện Ferô Crôm. Dòng thứ hai, rất lớn, chảy về bãi thải. Một vùng bùn nước mênh mông. Bốn bề đê bao sừng sững trường thành an sinh nhân tạo. Đây đó cỏ may thanh bình trở bông phất phơ như thể triển đê sông Mã sông Chu thanh bình.

Mặt trời gác núi. Ngàn Nưa lãng đãng sương sa. Hệ thống đèn cao áp công trường bật sáng. Mặt nước phản quang, bụi nước

HUỶNH ÁI TÔNG

chiết quang, làng lúa làng mỏ Crôm Cỏ Định đêm đêm long
lạnh bảy sắc cầu vồng...

Trích thơ:

Mẹ ra Hà Nội

*Mẹ ra Hà Nội thăm con
Vừa trên tàu xuống chân còn run run
Áo nâu còn thấm mưa phùn
Còn hoai vị cỏ sực bùn lúa non...
Sang đường tay níu áo con
Ngã tư hỏi há xe bon ngược chiều*

*Khoác vai mẹ, chiếc đũa nghèo
Năm xưa thắt lại bao điều đắng cay:
Đưa em trốn ngực những ngày
Vài lưng gạo hầm thắm thầy trong lao
Đã từng mở giữa trời sao
Năm cơm tiếp vận tay trao giữa đèo
Củ khoai bẻ nửa nắng chiều
Bờ nương thoai thoải dài theo công trường
Đưa con đánh Mĩ lên đường
Năm cơm mẹ gói tình thương quê nhà.
Bà ra bế cháu của bà
Những mong cùng ước lòng già hôm mai
Lên thang chẳng dám bước dài
Vào khu tập thể gặp ai cũng chào!*

*Lời ru bà thuộc thửa nào
Qua bom đạn vẫn ngọt ngào nắng trưa
Để hồn cháu có núi Nưa
Tiếng công Bà Triệu năm xưa vọng về
Lam Sơn rừng núi ba bề
Lũng Nhai vang mãi lời thề nước non
Trái bao sông cạn đá mòn*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

*Còn con còn cháu thì còn cha ông
Để hồn cháu có dòng sông
Câu hò trên ngã Ba Bông sum vầy
Sào tre đêm gõ nhịp gầy
Ba khoang đò dọc chở đầy ước mong...
Mới xa đã nhớ ruộng đồng
Thương con mà chẳng đành lòng ở lâu
Run run mẹ bước lên tàu
Vị bùn vẫn thoảng áo nâu quê nhà.*

Trăng nở nụ cười



*Đâu Thị Nở Đâu Chí Phèo
Đâu làng Vũ Đại đời nghèo Nam Cao
Vẫn vườn chuối gió lao xao
Sông Châu vẫn chảy nôn nao mạn thuyền*

*Áng ngổ ngảng Gã khùng điên
Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Vườn sông trắng nở nụ cười
Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau*

*Giữa đời vàng lẫn với thau
Lòng tin còn chút về sau để dành
Tình yêu nên vị cháo hành
Đời chung bát vỡ thơm lành lứa đôi*

May mà ...

*May mà Huế ở Thừa Thiên
Kinh kỳ thuở trước còn nguyên cổ thành
Tháp xưa còn tiếng chuông lành
Tường rêu còn nhuộm sứ sành sắc lam.*

*May mà Huế ở trời Nam
Còn câu đối cũ dựng am sách nghèo
Nhà vườn còn gác trăng treo
Còn điều khuê các bơi chèo gió xanh.*

*Nếu mà Huế ở xứ Thanh
Lâu sơn ngói nát, Cổ thành gạch tan
Hán Nôm nghìn tuổi thành than
Nền xưa dấu cũ hoang tàn nắng mưa.*

Hồ Hoàn Kiếm

*Mượn thì nhớ. Trả thì quên
Nơi Rùa đòi kiếm thành tên của hồ*

*Liễu gầy sặc khói mô tô
Mái bằng cửa sắt mập mô khoảng trời
Áo em trễ ngực như mời
Trần bia Thủy Tạ lẩm lời giả say...*

*Mặt hồ sương tỏa cay cay
Tuổi già ít ngủ Rùa hay khóc thầm!*

Phố Hỏa Lò

*Thủ đô có phố Hỏa Lò
Ai xui kiếp vạc thân còn đến đây
Bịt bùng bùng bốn phía tường vây
Âm âm mùi đất. Gây gây vị trời...
Vào đây ai cũng ít lời
Mấy khi lệch đất nghiêng trời ở chung
Vào đây mười vị anh hùng
Vào đây dăm kẻ có cùng liều thân
Vào đây dù chỉ một lần
Ai mơ gặp thánh. Ai cần gặp ma!
Lối vào giếng mắc lối ra
U mê nhện hát bài ca tò vò
Thủ đô ai kiếp Hỏa Lò
Ai xui kiếp vạc thân còn đến đây!*

Chợ tình

*Chợ tình tháng họp mấy phiên
Ô xòe chéch núi che xiên nắng đời
Nhấp nhô cây đứng đá ngời
Bồng bênh mây kết chùm đôi thăm thì
Chợ tình xa mấy cũng đi
Rơm khô tự cháy trước khi lửa kẻ
Tình yêu như thể chơi đề
Đợi con độc đắc lại về trắng tay
Chợ tình họp chón mây bay
Người xưa thương thật người nay yêu vờ
Ấy ơi nhớ tạm mong hồ
Chóng chênh phố núi đèn mờ giếng giếng
Chợ tình chơi khuyết vàng trắng*

HUỖNH Ỉ TÔNG

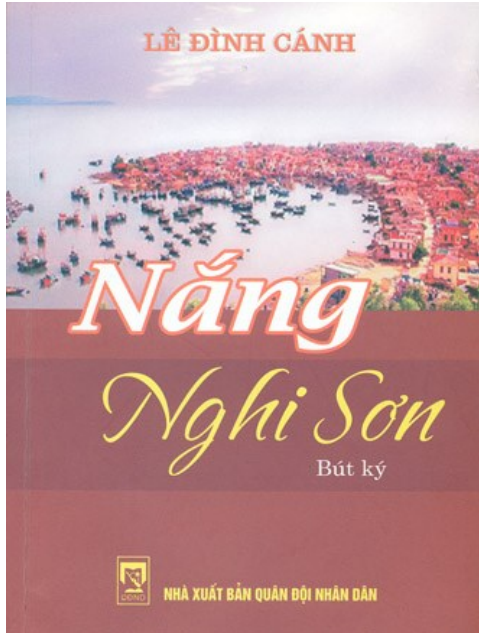
*Tre gầy. Nửa héo . Mùa mặng vụi già
Đố ai hết nợ đần bà
Để tôi cắt tóc bỏ nhà đi tu*

Trong bài: *Thơ Lê Đĩnh Cánh - Mạ mà ...* Đốc giả Bulukhin viết trên blog.360.yahoo.com như sau:

“Lê Đĩnh Cánh là một trong những nhà thơ mà tôi yêu thích. Trong khi lục bát Đổng Đức Bốn xuất thần, bạo liệt, có lúc bụi bặm... Lục bát Nguyễn Duy tài hoa mà hóm hình, thì lục bát Lê Đĩnh Cánh cứ rỉ rả mà thâm trầm sâu cay.”

Tài liệu tham khảo:

- Lê Đĩnh Cánh Web: lucbat.com
- Ngàn Nưa Web: baomoi.com



5. Mạc Can



Mạc Can - Lê Trung Can (1945-20)

Nhà văn Mạc Can sinh ngày 14 tháng 4 năm 1945 trong một chiếc ghe hát trên sông Tiền Giang, quê quán ông ở Bình Thạnh, tỉnh Gia Định. Đại gia đình ông có 6 anh em.

Do thân phụ là nghệ sĩ tấu hài, nay đây mai đó trình diễn, nên tuổi thơ ông không được tới trường học như trẻ khác, về sau ông mới được đi học ở trường nhà thờ trong khoảng 3 năm. Rồi ông theo nối nghiệp thân phụ, trở nên danh hài.

Mạc Can tham gia đóng nhiều phim từ phim Cổ tích cho đến phim truyện như: *Đất phương nam*, *Vật đổi sao dời*, *Một thời ngang dọc*, *Một chuyến phiêu lưu* (phim ngắn), *Khi đàn ông có bầu*, *Áo lụa Hà Đông*, *Vó ngựa trời Nam ...*

Ông có mái ấm gia đình, nhà cửa ở huyện Bình Chánh Tp. HCM, có được 3 người con.

Khoảng đầu năm 1980, có một đoàn làm phim của Nhật đến Sài Gòn quay phim thời sự. Mạc Can được mời vào vai người đi chợ để giới thiệu các sản vật Việt Nam. Trong đoàn phim có bà Yoko, khoảng 35 tuổi, chuyên lo hậu cần, phát thù lao cho các

HUỖNH Ỉ TÔNG

nhân viên. Như duyên tiền định, Mạc Can và bà Yoko đã có một tình yêu chớp nhoáng.

Quay phim xong, đoàn làm phim của Nhật về nước. Mạc Can tiếp tục với những tiết mục tấu hài. Vài năm sau, ông nhận được thư của bà Yoko. Bức thư bà viết cho Mạc Can biết, ông đã có một cô con gái với bà. Và sau đó ông còn cơ duyên gặp lại bà Yoko và con gái.

Những năm 1990, Mạc Can làm báo, viết tin đăng trên báo *Sân Khấu*, *Thanh Niên*, *Tuổi Trẻ* có người gợi ý, ông bắt đầu viết truyện ngắn, gửi đăng nhiều nơi, cuối cùng *Tuổi Trẻ Chủ nhật* đăng truyện ngắn *Người nói tiếng bô câu* và tác phẩm *Món nợ kịch trường* được in đầu tiên năm 1999, nhưng mãi cho đến *Tám ván phóng lao* tên tuổi Mạc Can mới được nhiều người biết đến.

Tháng 5 năm 2009, do sự xếp đặt của bà Yoko, Mạc Can rời Việt Nam sang Mỹ ở Texas, nhưng ông không thích hợp với đời sống Mỹ, nên đến tháng 3 năm 2011 trở về lại Việt Nam.

Mạc Can nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng văn học 2 năm 2003-2004 của Ủy ban Nhân dân Tp. HCM cho *Tám ván phóng dao*
- Giải A cuộc thi tiểu thuyết Hội Nhà văn VN năm 2005 cho *Tám ván phóng dao*
- Giải thưởng dành cho tác phẩm văn học và điện ảnh xuất sắc nhất năm 2005 của Trung tâm Văn hóa Doanh nhân Việt Nam cho *Tám ván phóng dao*

Từ những năm gần đây, các con ông đã có gia đình, có nhà cửa riêng, nên Mạc Can đi bụi ở Sài Gòn để lấy cảm hứng làm nguồn viết văn, làm kế sinh nhai và để phụng dưỡng song thân, họ đã ngoài 80, tuổi già nay ốm mai đau.

Tác phẩm:

- *Món nợ kịch trường* (tập truyện, 1999)
- *Tám ván phóng dao* (tiểu thuyết, 2004)
- *Tờ 100 đô la âm phủ* (tập truyện, 2004)
- *Cuộc hành lễ buổi sáng* (tập truyện, Hội Nhà văn, 2005)
- *Tạp bút Mạc Can* (tạp bút, 2006)
- *Người nói tiếng bô câu* (tập truyện, Thanh Niên, 2006)
- *Phóng viên mồ côi* (tiểu thuyết, 2007)
- *Những bầy mèo vô sinh* (tiểu thuyết, 2008)
- *Ba... ngàn lẻ một đêm* (tập truyện, 2010)
- *Quý với Bụt và Thần chết* (tiểu thuyết, 2010)
- *Tuyển tập Mạc Can* (tập truyện, 2010)
- *Nhớ* (tập truyện, Trẻ, 2011)
- *Mạc Can-Truyện ngắn chọn lọc* (tập truyện, Trẻ, 2013)
- *Cuộc du hành của Kiến Tí Nị* (Trẻ).

Trích văn:

Cuộc hành lễ buổi sáng

Trong quán phở một ngày biết bao người tới, tôi nghe biết bao nhiêu là chuyện. Tôi rất bận bịu, như quý khách thấy, hiện giờ trên mặt tôi đầy những đĩa rau, những chai tương, chén ớt. Và tôi đang liếc nhìn một ông khách. Sáng nào ông ta cũng từ con hẻm nhỏ đi tới cửa quán. Về nôn nóng. Hôm nay nhìn thấy tôi quá bận, vì khách ăn phở hôm nay đông hơn mọi ngày, nên ông ta lui ra, ngồi đầu ở mấy cái bàn ngoài vách. Nhưng một lúc sau ông đi vào nhà, tới ngồi kế bên tôi. Giận dữ, ông lấy tay gạt đi nhiều thứ trên mặt tôi rồi ngồi cúi nhìn xuống đất, im re một lúc khá lâu. Bỗng ông ngược mặt nhìn lên trần nhà la lớn, làm cho tôi giật thót... bàn; còn các vị khách thì giật mình:

- Ăn hết ngon!

Tôi nghĩ là quý khách nghe chuyện khế hừ một cái, và có thể khế cười. Tôi phải ngưng chuyện của tôi một chút để tường thuật sót đéo về ông khách mặt rỗ hoa, màu da tái như con gà mái này. Môi ông khế nhếch lên, phô vài cái răng trắng nhờn. Ông ta to con, vì vậy mà... hao xăng, tốn nhiên liệu, tánh xấu đỏi. Người đàn bà nấu phở vội vã nói với chồng:

- Anh hỏi coi ảnh ăn gì.

Ông kia cần nhân:

- Hỏi mẹ gì nữa, nấu vàng ăn cũng hết ngon.

Người chồng của bà nấu phở tới đứng cạnh tôi, không nhìn ông khách cũng không hỏi ông ăn gì. Ông kia hần học nói lớn:

- Tô khô như cũ, nước lèo, đầu gà để riêng.

Người chồng của bà nấu phở quay đi. Khi trở lại, trên tay ông là một tô phở nóng, khô queo không có nước lèo, cố ý dẫn mạnh trên mặt tôi, trước mặt ông kia. Ông khách cay cú nhìn tô phở, vừa cần nhân, vừa nghiêng răng, vừa bẻ, vừa lật đủ thứ rau, rồi lờm lờm múc tương ớt, tương đen; bực bội bỏ giá sống (giá sống phải trưng để riêng trong cái chén cho ông) trộn vào phở. Ông cựa nựa... nặn chanh. Ông làm bằm... bỏ ớt vào tô phở “xe lửa” bự chẳng. Ông hằm hừ thò đũa cuộn tròn một mớ phở, như người Tây ăn mì Ý, cho cuộn phở vô miệng, nút một phát, sợi phở chạy rột tuốt vào miệng. Sau đó hai tay ông trân trọng cầm cái tô nước lèo, tái nạm, sụn gân, tủy đuôi, nước béo, thêm mấy cái đầu gà luộc, mỏ gà vêu lên, mắt gà nhắm híp. Nâng tô nước lèo lên môi, ông uống một ngụm, khuôn mặt biến chuyển lạ kỳ. Từ lo lắng bây giờ mới giãn ra, vẻ khoái trá.

Thường thì người ta chỉ ăn mì khô hay hủ tíu Nam Vang khô kiểu này. Phở, tái nước hột gà ăn thêm thì có. Phở, áp chảo sốt

vang cũng có. Còn phở... khô thì tôi mới thấy mỗi một mình cha này ăn một cách kỳ cục.

- Hành trần. Củ cải.

Mồ hôi nhỏ giọt trên trán, cái miệng láng mỡ. Trong lúc chờ ông ta cau có nhìn quanh, nói lớn:

- Nhìn cái gì. Tui bị lên máu biết không. Đói là hạ đường huyết, tay run vậy nè biết không. Sáng mà không ăn kịp là có khi chầu trời. Tôi vô trước kêu trước (phải, tôi thấy ông ta ngồi bên cái bàn ngoài vách) mà cả tiếng đồng hồ ngồi chờ. Chờ ngóng cổ dài râu mà... đ.m. nó, nó cứ bụng tô phở đi ngang mình rồi đưa cho người khác. Tức không. Ăn hết ngon.

Ông này dữ tánh lại háu ăn hơn người. Phục vụ trong quán phở chỉ có hai goe. Người đàn bà có cái miệng lớn, đứng nấu phở coi cũng dữ tướng, đôi môi nhỏ màu son nâu tím Hàn Quốc lúc nào cũng mím chặt. Bà rầy ông chồng cũng to con, da màu nâu sẫm trời cho, chân mày xéch ngược lên cái trán thấp, mắt lộ trắng dã, ria mép trên cái môi dày chọc vào miệng, râu quai nón kín hàm lởm chồm ngả màu đỏ, khuôn mặt gây sự, chân đi chầm phẩy.

Bà vợ nói:

- Biết vậy thì anh bung trước cho ông đi, khổ quá!

Ông chồng nghiến răng:

- Tao thấy nó vô tao chết liền.

Câu nói “chết liền” mới nảy sinh trong dân gian mấy lúc gần đây; trong trường hợp nào tôi không biết nhưng ở hoàn cảnh này nghe sưng tai.

Ông Trương Phi râu đỏ đứng cạnh vợ, phụ bỏ hành, mức nước lèo trong cái thùng bốc khói đổ vào tô. Mà coi ngộ ghê chưa, ông ta cũng vừa nghiền răng, vừa mức. Vừa chửi thề, vừa nhón tay nhúng cọng hành trần vô nước nóng. Vừa cựa nựa vừa vớt cọng hành lên. Vừa làm bầm chửi vừa như muốn liệng mẹ cái muông lớn ra ngoài đường. Giận. Tôi lại nghĩ rằng quý độc giả hừ lên một tiếng nữa. Và cũng có thể cười nụ.

Bàn tay to lớn, mấy ngón tay như trái chuối sứ của ông Trương Phi run run, cái miệng dữ dằn rít nhỏ:

- Mày... mày mà gặp tao mấy năm trước là rửa cẳng lên bàn thờ ngồi nghe con.

Ông ta thở mạnh, cho thấy răng đang cắn chặt, nổi lên từng thớ thịt trên cái quai hàm bạnh ra. Ông cạ nhắc đi tới, tay cầm cái chén hành trần với vài củ cải trắng dầm mạnh trên mặt tôi, trước mặt ông kia. Rồi lại rít nhỏ hơn qua kẽ răng:

- Mày biết bản tánh khốn nạn của tao mà. Tao giận là tao run, tao run là lên máu, tao lên máu là chém, nghe chưa.

Ông chồng thở hỏn hên, cạ nhắc trở lại đứng bên vợ, tay cầm con dao phở chặt vào cái thớt mòn. Bà vợ giật con dao lại, mím môi thở ra kẽ răng mấy tiếng:

- Buôn bán mà làm cái gì như ăn cướp vậy, mất khách chết đói cả đám.

Vậy là mình có hai ông bạn hiếm thấy. Một ông đói thì giận. Một ông bung tô “nhạy cảm” thì cũng giận. Hai ông đều có bệnh giống nhau. Run tay lên máu quạu quạu. Lạ kỳ trong cái chuyện đời nhiều khê này. Thường thường những ông sống nhờ vợ lại có tướng mạo oai phong, tánh tình quạu quạu. Trong lúc ông này bực bội, nực nội, nóng hơ bỏ ra cửa quán, tay cầm

ly trà đá, tay cầm một vật áo phe phẩy cho nguội thì ông kia cũng tự ái giận hờn, ngồi nghiêng răng.

Điều lạ với người mới biết chuyện là như vậy. Ăn phở khô thì ông ta sáng khoái thấy rõ nhưng ngần ngại. Nhìn cái đầu gà luộc to tướng mà chính ông gọi, ông lo lắng mọi cái óc gà nhỏ xíu bỏ vào miệng, nhắm mắt khô sờ nuốt mắt gà đục ngầu. Xong một cái lại ngần ngại cố ngậm trong miệng cái đầu con gà khác. Bóc cái mào cứng của nó, bỏ vào miệng trệu trạo nhai và nuốt trơn. Nhìn ông dùng đầu gà một cách thành kính như một lễ cúng ai cũng lạ mắt và hơi tức cười. Chân ông ta ở dưới bàn co giật, đùng mạnh vào cái chân cà thọt của tôi đang kê trên một nút khoén. Chân tôi sụp thì mặt tôi chông chênh nghiêng. Tô nước lèo sóng sánh đổ tràn ra. Ông ta vẫn cố ngậm cái đầu gà ở khoảng cái cổ dài của nó. Thành ra khi ông cúi xuống bàn nhìn cái chân thiếu thước tắc của tôi, tôi thấy bốn con mắt giống nhau; hai con mắt của ông và hai con mắt của cái đầu gà. Hình như nó chớp chớp mi mắt.

Hình như cái đầu gà còn sống và nó muốn gáy. Một chân của ông ta, ngón cái và ngón kế bên khéo léo gắp cái quai dép cũng của ông, đẩy nhẹ chiếc dép kê vào cái chỗ hờ giữa đất và chân tôi. Ông ta rùng mình trợn trắng cho tới khi cất cái đầu lên. Miệng ông đang nút cái mỏ gà, cái mỏ gà hình như cũng đang nghiêng răng, nhắm mắt chịu trận. Nếu như con gà có răng... Thủ cấp con gà nòi đã chết, luộc tái. Cái mặt gà đỏ rần hung dữ gây hấn lúc còn sống bây giờ trắng nhợt nín thính. Qua một nụ hôn môi sặc mùi hành.

Trở lại chuyện tôi. Tôi là cái bàn xấu xí đứng khập khểnh cuối vách tường bám đầy khói bếp và bồ hóng. Chỉ có một cái ghế khá cao, cũng sút tai gãy gọng, suốt ngày đứng cạnh tôi. Luôn luôn đứng cạnh tôi. Vì nó cao mà mấy bàn phở kia thì thấp,

không ai chuộng nó. Chuộng nó, tức là ngồi lên nó, người ăn phở phải còng lưng cúi cái mỏ xuống cho gần miệng tô, quá khó khăn khi ăn sợi phở dài. Có những điều bất tiện như vậy trong đời sống hằng ngày nhưng vẫn không thay đổi, kéo dài triền miên. Duy chỉ có Ba Gà Mỏ, người khách tôi vừa kể ăn phở khô, là hay ngồi cái ghế cao và ngồi cạnh tôi cũng rất thấp, dù ông ta cũng phải còng lưng cúi sát xuống miệng tô. Tôi nghiệm ra ông ta ăn phở như cái đám giỗ nhỏ, chén đĩa đầy bàn. Nên nếu không có gì trở ngại, nghĩa là nếu tôi không quá bận bịu thì ông mặt tái luôn chọn cái góc này. Để được ngồi làm cái lễ kỳ lạ với những cái đầu gà chẳng? Việc gì cũng phải có nguyên nhân của nó.

Tôi làm trong cái quán phở bèo của vợ chồng cha nội Hai Thọt khá lâu. Ông chủ của tôi cũng chân cao chân thấp. Như hồi nãy tôi có nói, người ta hay gọi loại chân kiểu này là chân chằm phây. Hai đứa tôi, tức ông Hai Thọt và cái bàn, không hề bẩm sinh mà bị què. Một hôm có vụ ẩu đả trong quán phở giữa buổi chiều đái của các tay đá gà độ, trong đó có Ba Gà Mỏ, ông Hai trượt chân xuống bậc thêm đây mỡ. Tức cười là mấy ngày sau, khuỷu chân nơi mắt cá của ông Hai sưng lên. Đi bó con gà ác với rượu thuốc cả tháng vẫn cứ sưng, nhức nhối chịu không thấu. Bà Hai chờ ông đi Tây y chẩn thương chinh hình, bác sĩ nói:

- Ông bị nứt xương chày tủy ra rồi. Bệnh này phải mổ thôi. Mà nói trước, mổ cũng chưa chắc hết chày tủy.

Một năm sau, chân Hai Thọt vẫn chày tủy, sưng vù, hoại thư, phải cưa bỏ bàn chân. Người ta cười khẩy. Ông Hai “nhảy cảm” một hôm nổi hứng đá chiếc trực thăng đang bay trên cao. Sự tích chằm biếm lạ lưng đó cộng thêm nét dữ tướng, thêm cái chân thọt kiểu hải tặc coi ông càng ngẫu hằm. Cái cảnh một hảo hán kiểu Lương Sơn Bạc vừa cự nự vừa bung từng tô phở chiều khách, coi buồn cười. Tôi là bạn đồng... tật với Hai Thọt

nhưng tôi vẫn cứ nghĩ đây là một đòn trừng phạt khéo léo của ông Trời. Trời cao có mắt, trừng phạt khổ sai nhọc nhằn về mặt tâm lý một kẻ chuyên xài chiêu bạo lực. Giờ thì bắt buộc phải nhũn như con chi chi. Khách ăn phở tùm tùm kín đáo cười nhìn Hai Thọt nghiêng răng bung tồ nước lèo, hành trần cho Ba Gà Mổ. Sau đó lần nào Hai Thọt cũng uống trà đá.

Sự tích cái chân Hai Thọt thì vậy. Còn chân tôi thì đơn giản, như là chuyện giỡn. Tất cả đều do ông thợ mộc quên. Ông quên tề bớt ba chân kia cho bằng với chân tôi nên tôi mới què. Sự đòi nhiều khi đơn giản như vậy mới chết chứ. Nói ngay vô chuyện là Hai Thọt. Con quỉ một giò này cũng là dân giang hồ có số. Lúc sau này dân anh chị bị chiến dịch truy quét hết vô khám hơi bị nhiều, Hai Thọt cũng chung số phận. Trong khám ông ta cố gắng sống tử tế. Gỡ mấy cuốn lịch rồi khi về nhà với cái giấy tạm tha giắt trong lưng. Vậy mà sự “nhạy cảm” cũng như cũ.

Song nói thật lòng, nhờ cái giấy tạm tha, kiểu như vòng kim cô của Tam Tạng gây nhức nhối trên trán ông khi đột Tề Thiên, cho nên mỗi lần nổi cơn “nhạy cảm” Hai Thọt cũng chỉ dám nghiêng răng, hít thở... uống trà đá. Không biết ai chỉ Hai Thọt cái chiêu này: khi nào thấy trong lòng trào dâng bức bối nóng giận, nên tự làm một ly trà đá, chịu khó uống từng ngụm nhỏ. Uống trân trọng theo kiểu trà đạo, nhưng uống ly cối và có nhiều nước đá. Rồi ra ngoài gió, phe phẩy hai vạt áo thì trong người nguội bớt nhiệt độ, bớt... “nhạy cảm”.

Ba Gà Mổ là dân chơi cầu ba cẳng. Cố tật cãi cha cãi mẹ, bản chất đâm bị thóc, thọc bị gạo, ngòi đầu cầu thổi ống tiêu, đâm cha thuốc chú hãm chị dâu. Huyết gió kích động, đá cá lặn dưa đã quen. Cái môi cố tật cứ nhức nhích rồi nhếch lên khinh bạc làm cho người ta cứ tưởng ông ta cười mỉa. Nhưng bây giờ

trông ông ta không khác con gà chọi trúng thương, buồn hiu, khắc khoải. Ba Gà có nghề nuôi gà nòi, nên sân nhà của Ba tự nhiên thành trường gà mini.

Ngày chủ nhật, ông công an khu vực chạy xe ngang sân nhà Ba Gà, nhìn sơ một chút rồi thôi. Lập tức từ giờ cao điểm đó cho tới chiều tối, tiếng chửi thề vang lên cùng với tiếng gà xô cánh, chân gà quẩn cựa sắt quẩn thảo không dứt. Tất nhiên những con gà xấu số ngã quỵ trên nền đất đầm máu trong trường gà này hằng ngày phải mùi mấy trụ. Ba Gà Mỏ vừa bán băng keo dùng quẩn cựa gà, vừa lấy râu tiền vô nước gà. Ông thâu luôn phần thịt gà nòi mà thường các chủ gà đá thua chửi thề bỏ đi.

Hai Thọt và Ba Gà Mỏ có quen nhau trong khám Chí Hòa. Và không ưa nhau cho lắm. Binh giáp rã rời sau mấy trận bị truy lùng tận số, giờ thì anh chị cách mấy cũng xụi râu về với đời thường. Ba Gà Mỏ hợp đồng với Hai Thọt, cung cấp gà nòi chết cho Hai Thọt nấu cà ri bán buổi chiều. Cũng bán ngay quán phở sáng của vợ y. Đổi lại, trong hợp đồng miệng này Ba Gà có nói hai ba lần, đầu gà nòi bỏ vô thùng nước phở dành riêng cho Ba dùng “làm thuốc” mỗi buổi sáng. Ai mà chịu bỏ đầu gà vô thùng nước phở của mình nhưng Hai Thọt nấn nỉ vợ thông qua cũng vì món lợi xác gà nòi mà Ba cung cấp. Nói nào ngay, gà nòi da dai thịt cứng mà hầm nấu cà ri là trên cả tuyệt vời. Nhiều vị khách sành điệu cà ri gà tới ăn. Mặc dù không khí căng thẳng nhưng vợ chồng Hai Thọt sống được quán phở sáng và cà ri chiều.

Chuyện cung cấp thịt gà đó cũng có sự tích. Một hôm Ba Gà Mỏ đi coi... tướng. Ông thầy coi tướng mặt mày lạnh lẽo nhìn là ớn lạnh. Ông thầy cư ngụ trong cái miếu hoang giữa vườn chuối vùng ngoại ô. Vừa nhắc thấy Ba Gà dựng chiếc xe Honda cánh én trước thềm, ông liền nói với ra cửa; tiếng cha thầy tướng này sao cũng the thé như gà mái:

- Ông Ba nuôi gà nòi đá, mỗi ngày phạm giới sát sanh, làm chết không biết bao nhiêu mạng gà. Năm nay là năm con gà; cơ hội cho nhiều gà lãnh hộ chiếu xuất cảnh đầu thai. Nhưng nguyên tắc mới: gà không có đầu thì diêm vương không in dấu triện. Do vậy mà chính ông phải chịu hình phạt, mỗi buổi sáng phải gặm, ăn óc, nút mỏ ít nhất là ba bốn cái đầu gà. Được vậy thì may ra ông mới hết oan gia nghiệp báo. Còn nếu như cựa cãi thì trước sau cũng bình nặng. Ngáp gió, kêu cục tác như con gà mái đẻ. Và câu lưu trở lại Chí Hòa uống trà đá, ăn bánh inh.

Chuyện như là giỡn chơi. Không hiểu sao ông thầy coi tướng mặt tử lạnh lại biết tông Ba Gà chứa gà đá. Chỉ có tôi biết, là do một hôm có tay nuôi gà địch thủ của Ba Gà vô tình ngồi ăn phở đúng ngay cái bàn tôi. Anh ta nói ông thầy coi tướng Ba Gà chẳng ai xa lạ, cũng là Độc Thủ Cầu Bại móc túi, đôi giò trên chôn giang hồ. Ông này có gặp Ba Gà Mỏ và cả Hai Thọt trong khám. Hai Thọt biết nhưng thâm không hề tiết lộ. Ba Gà Mỏ không hề biết. Tôi nghiệp cho kẻ gian tà, trời hại đúng thẳng gian. Gặp ngay cố nhân nói rất đanh thép ngay chuyện mà ông Ba lo nhất cho hậu sự của ông.

Cho nên mỗi sáng ông ta nôn nóng tới quán phở, cố gặm cho hết ba bốn cái đầu gà nòi. Ông trời có mắt biển tấu trừng phạt. Phạt Ba Gà Mỏ về cái tội đá gà độ, cờ bạc, gian manh nhiều thứ. Ba Gà Mỏ coi tướng dữ dằn vậy mà nhát, thường thì cái tướng cái tánh hung dữ bất lương hay đàn độn ngu si. Ông ta còn dị đoan, tin chắc chuyện gặm đầu gà sẽ cứu ông ta khỏi trở vô nhà đá.

Cho nên nói đi rồi cũng nói lại. Mỗi sáng ông Ba phải làm cái lễ. Vừa hậm hực, vừa cần nhẫn, cau có chửi rủa Hai Thọt, vừa nhẫn nại lo lắng gặm đầu gà nòi chết. Vậy đó. Và cũng đúng với câu mà con gà trống nào cũng vỗ cánh gáy mỗi buổi sáng:

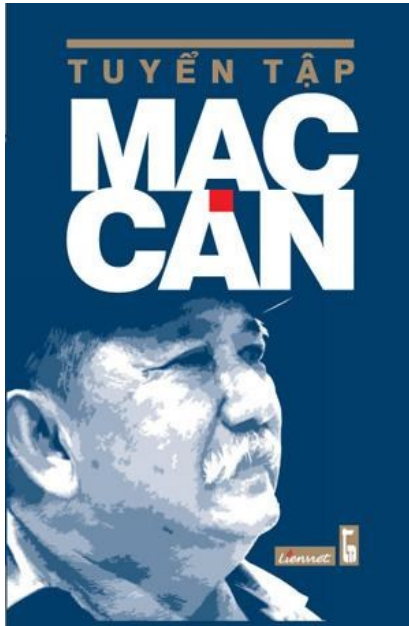
- Đòi... chi... có... thể... mà... thôi...

Trong bài: *Mạc Can: Những thăng trầm trong đời người nghệ sĩ viết... văn* Đăng Văn - Hà Hưng có nhận xét:

“ Nếu nói rằng Mạc Can là “văn sĩ trẻ U60”, thì quả đúng như vậy. Ông là một cây bút đầy nội lực, một cây bút viết khỏe và đa dạng ở nhiều thể loại: Truyện thiếu nhi, truyện người lớn, truyện tranh, truyện giả tưởng... Dù ở bất kỳ thể loại nào ông cũng dành được sự quan tâm đông đảo của người hâm mộ và người yêu chuộng văn chương.”

Tài liệu tham khảo:

- Mạc Can Web: vi.wikipedia.org
- Cuộc hành lễ buổi sáng Web: tuoitre.com.vn



6. Quang Chuyên



Quang Chuyên – Trần Quang Chuyên (1945-20)

Nhà thơ Quang Chuyên tên khai sinh là Trần Quang Chuyên, sinh ngày 2 tháng 8 năm 1945, tại Làng Gốm, xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông còn có bút danh Việt Nguyên, Quang Thanh.

Quang Chuyên tốt nghiệp trung cấp sư phạm, Đại học Tổng hợp văn, bắt đầu làm báo viết văn từ những năm 1965, 1966 ở tạp chí *Văn Nghệ Việt Bắc*.

Năm 1968, ông nhập ngũ vào Binh chủng Thông tin liên lạc. Nguyên là Trung tá, Phó tổng biên tập báo *Thông Tin*, nguyên là Phó chủ nhiệm Chính trị Lữ đoàn 596 thuộc Bộ Tư lệnh Thông tin.

Quang Chuyên là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn Tp. HCM.

Nhà thơ Quang Chuyên đã nhận được các giải thưởng văn học:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải ba (không có giải nhất) cuộc thi thơ tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* 2004.
- Giải nhì cuộc thi thơ Bình chủng Thông tin Bộ Quốc phòng.
- Giải khuyến khích 5 năm của Bộ Quốc phòng 2004-2009 về thơ phổ nhạc.
- Giải nhì (không có giải nhất) cuộc thi thơ lục bát “Ngàn năm thương nhớ” 2010.
- Tặng thưởng Hội Nhà văn TP.HCM năm 2013 cho tập thơ *Tiếng vọng dòng sông*.

Nhà thơ Quang Chuyền hiện sinh sống tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Đường qua kỷ niệm* (in chung 1975)
- *Chùm quả mùa đầu* (thơ in chung 1981)
- *Khoảng cuối mùa thu* (thơ 1999)
- *Hạt giống chim gieo* (thơ 2000)
- *Lặng thâm* (thơ 2002)
- *Mắt đêm* (thơ 2003)
- *Khát* (thơ 2005)
- *Trở lại cánh rừng* (thơ 2006)
- *Sông gọi* (thơ 2008)
- *Chiều đi qua cửa* (thơ 2009)
- *Lục bát không mùa* (thơ 2011)
- *Tiếng vọng dòng sông* (thơ 2012)

Trích thơ:

Mong trời hãy mát

*Phận ta cũng giống phận người
Sao ta như kẻ lạc thời bấy nay?*

Người ta vàng bạc đầy tay
Ta ôm ky cốp sắc mây làm quà
Một đời ta biết với ta
Bao điều chẳng thể nói ra cùng người
Bao điều cũng bấy nhiêu thôi
Ta như đĩa trẻ mồ côi cõi trần...
Đất vời xa, trắng sáng gần
Ta đi qua cõi vũ vùn mây mưa
Đích đi mờ mịt sương mờ
Con đường lấm nổi bất ngờ quanh ta
Thôi thì còn chút thiết tha
Gửi trong mây nắng chiều tà lửng lơ...
Gửi vào vô vọng giọt mưa
Thâm mong trời mát xế trưa sang chiều ...

(Tân Bình 2010)

Tự họa

Ta là một gã nhà quê
Bước đời không định, lạc về phố đông
Bữa ăn thường thích cua đồng
Dưa chua, tương mặn, cải ngồng bãi soi
Khát khao sau khuất tường vô
Đêm mơ tiếng ếch vọng nơi chân giường
Sóng buơn chải, sóng tha hương
Trái tim trao tặng con đường nổi trôi
Lòng vương sỏi thận vùng đồi
Cái nhìn không sắc, khoe môi chẳng mềm
Yêu sông thành thử yêu em
Thác ghềnh khúc khuỷu suýt chìm vì song
Nắm tay vào có, vào không
Những mong tóc ướp hương đồng đừng phai
Những mong bè bạn hơn tài
Cho ta tìm học thêm vài điều hay

HUỶNH ÁI TÔNG

Tình người đâu phải gió bay
Cầu mong đừng lạnh nắng ngày mưa đêm
Thương nhau xin hãy ghé tìm
Bóng người thấp thoáng ở miền hư không

Chẳng phải núi, chẳng là sông
Tôi là gió thổi từ đồng đất quê...

Nửa trời trăng khuyết

Kính tặng gia đình người mẹ mất con

Từ ngày vắng bắt tin anh
Hình như một nửa trời xanh nhạt màu
Chiến trường khuất nửa xa sâu
Mây đêm vương nửa khuyết vào vầng trăng

Nhà ta nửa lệch, nửa bằng
Nắng chênh nửa sáng, sương giăng nửa chiều
Cây nhang cháy nửa liêu xiêu
Tóc em nửa bạc vì nhiều buồn đau

Mẹ ngừng nhai nửa miếng trâu
Lặng nhìn tấm ảnh nửa màu phai
Thương con lòng mẹ chia hai
Nửa sau khung cửa, nửa ngoài mái hiên

Ruộng nhà hai nửa mùa chiêm
Nửa phơi nắng hạn, nửa chìm lũ mưa
Thiếu người cày sáng, cuốc trưa
Khuyết, tròn hạt lúa nửa mùa trông gieo

Nhà chia nửa sáng, nửa chiều
Mới qua được nửa kiếp nghèo rạ rơm

*Giá mà còn đủ mặt con
Mẹ đâu nên nỗi nửa buồn, nửa lo*

*Nửa đêm nghe gió trở mùa
Nhớ, thương hai nửa, lạnh lùa vào tim
Trắng mây nửa nổi, nửa chìm
Nửa đi xa khuất... nửa tìm bóng nhau...*

Tự vấn

*Tôi vợ vẫn và nhiều khi tự hỏi: Cái của mình liệu có thật
mình không? Như tia nắng kia lòng tay thường nắm. Tan về
đâu khi đêm đến phập phồng?*

*Tôi lại hỏi gió ơi em có thật? Hình dạng em đâu sao chẳng
thấy bao giờ? Gặp lá rung cây, gặp mây đi đến. Để biết
rằng với gió chẳng là mơ!*

Và cứ thế tôi lơ lơ tự hỏi: Ai ở đời cầm giữ được thời gian?

*Tôi đang tự rơi... mà nào có biết: Đời buồn vui như âm
vọng cây đàn...*

*Những câu hỏi cứ trôi vào im lặng. Như câu thơ... liệu có
thật là thơ? Như cốc nước... tháng ngày tôi uống. Liệu tay
mình có giữ được giọt mưa?....*

Gồng gánh thời gian

*Bên tháng chạp, bên tháng giêng
Tôi đi khoảng giữa hai miền thời gian
Sau tôi, mùa lũ vui tràn
Trước tôi nắng mới hong khan đang về
Sau tôi cũ kĩ nếp quê
Trước tôi oà ập hội hè phục hưng*

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau tôi phở lẩn ruộng rùng
Trước tôi nhà xếp cao lưng chùng trời
Sau tôi vắng tiếng ru hời
Trước tôi đài đĩa thay lời ru con
Sau tôi khuấy hút lồi mòn
Trước tôi đại lộ lên nguồn, vượt khe....

Giao thừa nằm lắng tai nghe
Xôn xao tháng chạp gọi về tháng giêng
Bên này lệch, bên này nghiêng
Cây đòn gánh nặng hai miền thời gian...

Mượn

Mượn trời chút mát giọt mưa
Cho câu thơ đỡ khát khô mùa này

Mượn màu xanh lá của cây
Cho đời thấm lại tháng ngày phôi pha

Mượn sông tiếng sóng thật thà
Lời mình thủ thi như là sông trôi

Mượn em lóng lánh nét cười
Cho anh trẻ lại cái thời đã xa...

Đời là vay mượn thôi mà
Nào ai từng sống không qua nợ nần?...

Lối cũ bây giờ

Bây giờ làng vắng bóng tre
Đường bê tông dẫn tôi về nẻo xưa
Đồng quê ruộng thiếu, trâu thừa
Trẻ trai ra phố. Cày bừa lão nông

Bây giờ giàn vắng trầu không
Bóng cau đơn lẻ cõi lòng mờ cõi
Tường nhà sơn phết thay vôi
Đền đài mờ mả được thời tân trang

Bây giờ đồ vắng chuyển sang
Cầu giăng cho phố với làng tìm nhau
Em giờ chẳng giống em đâu
Nói năng quê kiểng pha câu thị thành

Bây giờ sông chẳng thật xanh
Bóng cò lặn lội vào tranh vẫn mùa
Giếng khoan hút nước làm mưa
Còn ai gánh nước đong đưa giếng làng

Bây giờ đua kiếm giàu sang
Móng chân xanh đỏ, tóc vàng khoe duyên
Tìm về nẻo cũ, lối quen
Gặp toàn nhà hộp... dựng trên đất làng...

(Làng Gốm 2010 – 2012)

Chiều tan buổi chợ

Ơ hoa cúc,
Sắc thu về trước cửa
Phiên chợ chiều
Ai rao bán mùa thu?

Và kia nữa
Bông hoa ly hé mở
Phảng phất hương bay
Đà Lạt sương mù

HUỶNH ÁI TÔNG

Người vội vã
Theo nắng về lối phố
Chia tay chiều
Nơi buổi chợ đang tan

Làn rau xanh
Như một lời nhắc nhớ
Sắc màu làng
Lòng phố vốn đa mang

Người đến ,người về
Như tan, như hợp
Chợ người đông
Em thờ thần một mình

Đã là chợ
Buồn vui đem vào chợ
Có nỗi niềm gì
Em hãy bán cho anh?!...

Sắc diện Sài Gòn

Theo khói hơi xe
Gay gắt mùa hè đi tới
Trời Sài Gòn cơn mưa nào cũng vội
Đất đai thay mới
Chỉ nước dòng kênh xưa cũ sẫm màu

Nhà thêm tầng cao
Lòng đường thêm rộng
Mặt trời chiều hình như nhanh khuất bóng
Mây đêm về quên lãng lấp màu trắng

Khoảng cách bóng nhà cao - thấp gia tăng
Đồng nghĩa giàu - nghèo cách biệt

*Đèn phòng trọ lắt lay mùa rồi việc
Nhạc nhà hàng sôi bọt tựa ga bia...*

*Cuốn cuộn ban ngày
Ôn ã cả trong khuya
Tiếng máy xe đi
Tiếng còi tăng tốc độ
Ta chỉ dừng chân khi trước mình đèn đỏ
Nỗi nhớ về em ngủ thức lúc khuya về!...*

*Ta đắm trong bộn bề
Buồn vui và mơ ước
Câu thơ nào bắt chợt
Viết vào mây Sài Gòn*

Bắt chợt Phú Yên

*Bắt chợt chạm luồng gió nóng
Xui tôi nhớ nắng Tuy Hoà
Bắt chợt gặp mây trông ngóng
Em giờ đang ở đâu xa?*

*Bắt chợt mây che bia đá
Tích xưa non nước tỏ mờ
Bắt chợt xe qua đèo Cả
Kéo ngày qua núi tránh mưa*

*Bắt chợt gặp màu lúa chín
Mùa thu thay sắc sông Cầu
Bắt chợt rập rờn cánh én
Đem mùa lượ lượ đi đâu?...*

*Tìm em tôi đi, tôi đến
Lạc vào quen lạ người đông*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Lỡ nhau một lời hò hẹn
Để rồi ngày nhớ đêm mong*

*Để rồi đi trong bất chợt
Thêm lần về với Phú Yên
Thêm lần tìm nơi xa vắng
Ngang trời khuấy hút cánh chim...*

- 0 -

Trong bài *Nhà thơ Quang Chuyền - Một dòng sông lặng trầm, xoáy xiết!* Kim Chuông đã có nhận xét:

“Lục bát của Quang Chuyền thật điêu luyện và nhuần. “Gam tâm trạng” và giọng điệu mềm, sâu này làm nên sự kết tinh ở “Lục bát không mùa” một hiệu quả, hiệu ứng đa chiều, ám ảnh.

Quang Chuyền có nhiều câu thơ hay ở cảm xúc, ở nét tinh tế của cảm nhận tâm hồn. Ở sự phát hiện, ở cái đích dồn đẩy tới điểm nút của chiều sâu trong trải nghiệm, suy tư.”

Tài liệu tham khảo:

- Quang Chuyền Web: [nhavantphcm](http://nhavantphcm.com)
- Mong trời hãy mát Web: trannhuong.com

7. Từ Kế Tường



Từ Kế Tường – Võ Tấn Trước (1946-20)

Từ Kế Tường tên thật là Võ Tấn Trước, sinh ngày 2 tháng 3 năm 1946, tại xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Từ năm 1969 đã bắt đầu viết văn, làm báo. Truyện đầu tay *Huyền Xưa* của ông được đăng nhiều kỳ trên báo *Tuổi Ngọc*, tờ báo dành cho thiếu nhi do nhà văn Duyên Anh làm Chủ bút.

Tính đến 1975, ông đã xuất bản nhiều sách gồm: Thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết, trong đó có các sách viết cho thiếu niên và nhi đồng.

Tháng 5 năm 1975, gia nhập Hội Văn nghệ Giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Từ 1979 đến 1986: làm việc trong ngành Văn hóa thông tin.

Từ 1986 đến 2003: Thư ký tòa soạn báo Công an Tp. HCM. Hiện nay, ông làm việc tại tuần báo Văn nghệ Tp. HCM.

HUỶNH ÁI TÔNG

Từ Kế Tường viết tác phẩm *Đường phượng bay* trước 1975, sau 1975 lại viết thêm đoạn cuối rồi sửa thành *Bờ vai nghiêng nắng*. Nhiều người cứ tưởng lầm đây là truyện của Nguyễn Nhật Ánh - có lẽ vì bút pháp hai nhà văn này có phần giống nhau; tuy vậy tác phẩm *Đường phượng bay* mang bút pháp riêng của Từ Kế Tường, bút pháp khá quen thuộc với thanh thiếu niên từ trước. Từ Kế Tường còn có bút danh Phan Tường Niệm.

Ông là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam. Từ Kế Tường sống ở Sài Gòn trước 1975.

Từ Kế Tường đã xuất bản khoảng 50 tác phẩm gồm tiểu thuyết, tập thơ và truyện cho thiếu nhi.

Tác phẩm:

a) Các tập truyện dài và truyện ngắn:

- *Huyền xưa*
- *Giọt Nước Mắt Trong Gia Đình* (Trăm Hoa, 1971)
- *Đường Phượng bay* (Thư Trung, 1972)
- *Mùa áo vàng* (Vàng Sơn, 1972)
- *Hồ mộng tưởng* (Vàng Sơn, 1972)
- *Con đường sỏi buồn*
- *Áo tím qua đường*
- *Còn những bóng mưa tan*
- *Mối tình sương khói*
- *Tuyệt vời khi già từ nhau*
- *Một chút hương thời gian*
- *Tới một tuổi nào*
- *Tình yêu có màu gì*
- *Tìm nhau trong hương khói*
- *Bông hồng cho tình đầu*
- *Áo vàng qua ngõ*

- *Bờ vai nghiêng nắng*
- *Cánh hồng gai*
- *Ngày vắng mưa thưa*
- *Bầu trời màu trứng sáo*
- *Tái hiện một giấc mơ* (Văn Học, 1996)
- *Hoa lưu ly không về* (Thanh Niên, 2000)

b) Các tập thơ:

- *Thơ hồng*
- *Tái hiện một giấc mơ*
- *Áo còn vương lại*
- *Nửa đời ta yêu em*
- *Có tên một dòng sông...*

và nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi.

Trích văn:

Mùa cầu đế

Máy báo có tin nhắn. Tôi hững hờ bấm SMS mở xem. Tin của Thạch: “ Chiều nay 6 giờ, hẹn ở quán Cối Xay Lúa. Không tới không về”. Bao giờ cũng thế, vẫn cái lối nhắn tin đáng ghét ấy, nhưng với Thạch thì tôi không thể không tới. Buổi chiều mùa hạ nóng như thiêu, nắng đang xuống trên mái ngói nhà bên cạnh lẫn với tiếng ve ran trong vòm lá xanh của một cây dầu cổ thụ cao ngất ngưỡng bên kia đường. Tôi chạy ào vào phòng tắm, nhanh chóng trút bỏ chiếc quần đùi và hào hứng xối nước. Trong lúc tắm, tôi bỗng buột miệng huýt sáo theo một điệu boléro ngẫu nhiên bật ra và chợt nhớ đó là bản nhạc nói về kỷ niệm một thời học trò rất quen thuộc mà mỗi lần nhớ lại đều cho ta cảm giác ngậm ngùi.

Tôi tới quán Cối Xay Lúa sáu giờ mười phút, trong cơn mưa nhỏ đột ngột đổ xuống chỉ sau một cơn giông mang theo nhiều

hơi nước, giông y như thời tiết bất ngờ thay đổi của thành phố này. Không mang theo áo đi mưa nên người bị ướt, đầu tóc, quần áo ẩm ướt rất khó chịu. Thạch đã ngồi sẵn chờ tôi ở chiếc bàn trong góc quán có khung cửa sổ lớn nhìn ra ốc đảo có một hồ cá nhỏ, vài cái cây, những tảng đá lớn thô kệch mà tay chủ quán mới bắt chước chơi nghệ thuật sắp đặt trình bày một tiểu cảnh sân vườn rất trơ trẽn, đập vào mắt người ta rất khó chịu. Nhưng ánh mắt tôi bỗng dịu lại ngay khi bắt gặp những giọt mưa đan chéo xuống mặt cỏ của cái lối nhỏ, loanh quanh dẫn từ nhà bếp của quán về hướng này. Và trên cái lối đi nhỏ, loanh quanh ấy mấy cô tiếp viên xinh xắn mặc đồ bà ba màu tím, giả vờ làm thôn nữ che dù, bung thức ăn đi tới.

Quán chưa đông khách, Thạch ngồi trước ly bia, gương mặt như buồn ngủ. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện dưới một cái quạt đang xoay tít để hong đầu tóc, quần áo ướt nước và buông giọng hỏi:

-Sao hôm nay cao hứng nhậu bắt tử vậy?

-Tại thời tiết. Buồn- Thạch đáp.

-Còn ai nữa không hay chỉ hai đứa?

-Hai thôi. Nhậu đông người ồn ào quá. Chán.

-Ừ, uống vô vài chai xin xin tụi nó hay khích bác chuyện tào lao rồi gân cổ cãi nhau. Chán. Hai đứa là đủ vui rồi-Tôi tán thành.

Cô tiếp viên mặc bà ba tím gương mặt không son phấn nhưng trắng một cách kỳ lạ. Mái tóc dài chấm lưng thắt lại bằng một cái kẹp tóc bằng nhựa có hình con bướm cũng màu tím. Cô gái cao nhông mảnh, có dáng người mẫu thời trang, nụ cười rất

xinh và dễ thương chìa ra tấm bìa thực đơn. Thạch cầm lấy, nhìn chăm chăm đôi mắt đen chớp chớp, chọc:

-Em tên Tím hả?

-Dạ không, em tên Nhàn.

-Tên Nhàn sao không ở nhà chơi, buôn bán quán nhậu cực vậy?

Cô gái cũng không vừa:

-Cực vậy mà anh có thương không?

-Thương được chết liền. Mai mốt em bỏ anh đi lấy chồng Đài Loan anh tới quán này uống sạch hết bia của thằng Duy để say mà gặp bia dỏm ông không xin thì thà chết sướng hơn.

-Lấy chồng Đài xưa rồi anh ơi, bây giờ lấy chồng Hàn Quốc mới là sành điệu. Anh kêu món gì?

Thạch đưa tấm bìa thực đơn cho tôi, cười:

-Để bạn anh kêu. Hôm nay anh đãi, nó kêu món gì tùy thích.

-Ở đây có món nào mới mà ngon không, món cũ ăn hoài chán quá. Thằng Duy nó có đổi món nào mới không em?-Tôi hỏi.

Cô tiếp viên liên tiếp thị:

-Có món mới, thuộc loại đặc sản miệt vườn thành phố đốt đuốc tìm cũng không có đâu. Món mới, ngon, bổ và rẻ...

-Món gì mà em tiếp thị khủng khiếp thế, còn hơn quảng cáo trên tivi.

-Đế com lăn bột.

Thạch bột người trong ghé, xua tay:

-Gọi món khác đi, món này thằng Duy sẽ chiêu đãi ra mắt món mới của quán. Nó mới hứa với tao rồi.

Tôi cười bảo cô tiếp viên tên Nhân:

-Vậy em cho món đậu hủ chiên, mắm tôm nhé.

-Bèo thế- Cô gái dài giọng.

-Bạn anh nó không đủ tiền ăn món sang đâu.

Duy, chủ quán Cối Xay Lúa là một nghệ sĩ mê đá còn hơn mê vợ. Chẳng biết từ lúc nào anh ta cảm thấy máu mê đá nổi lên, có bao nhiêu tiền dành dụm Duy vét sạch ở tài khoản tiết kiệm mà không cho vợ biết. Và rồi một ngày đẹp trời Duy bỏ nhà đi tìm đá. Lang bạt kỳ hồ hết vùng biển tới núi cao, rừng thẳm. Cho tới một ngày đẹp trời Duy trở về trên một chiếc xe tải chở đầy đá nhưng tiền trong túi đã hết, gương mặt sạm đen, tóc tai bù xù, râu ria tua tủa như người rừng. Trong lúc vợ hấn tròn mắt ra ngạc nhiên thì Duy cười hớn hở cùng anh tài xế và lơ xe chẳng biết thuê mướn ở đâu hi hụi bê những tảng đá to đùng, hình thù kỳ dị chất đầy vườn nhà.

-Kho báu, kho báu!

Duy xoa tay nói với vợ một cách hào hứng rồi xin tiền trả tiền thuê xe, tiền công bốc vác, bung bê đá. Giữa lúc vợ cần nhẫn vì gia đình túng bần, Duy mỗi ngày ra vườn mân mê từng tảng đá, nhìn ngắm say sưa, dự định cả một kế hoạch sắp đặt đá trong khu vườn rộng của ngôi biệt thự từ thời Duy trúng bất động sản. Phải mở một cuộc triển lãm đá hoành tráng trong khu

vườn này- Duy quyết định thế. Nhưng chưa mở được cuộc triển lãm đá thì có ông bạn đến chơi, không ngờ ông bạn này còn mê đá hơn cả Duy mà không tiền. Thế là giữa hai ông “tâm thần”-theo như lời của vợ Duy-có một cuộc thương lượng để trao đổi. Ông bạn kia có hai quán nhậu cùng mang tên Cối Xay Gió, quán đông nghịt khách nên một mình ông bạn không quản nổi mà giao cho người lạ thì không tin tưởng. Thôi thì một ông đổi quán lấy đá, một ông đổi đá lấy quán. Chưa bao giờ có một cuộc trao đổi nào thành công nhanh chóng mà phần khởi, hồi hồi đến như vậy, không chỉ với hai người đàn ông mà có cả người đàn bà là vợ Duy. Chị ta mừng còn hơn được vàng, vừa trút được gánh nặng đá, vừa được làm chủ một quán nhậu đang thời cực thịnh, ở một địa điểm vàng ngay trung tâm thành phố. Nhưng giữa hai ông chủ lại có cuộc thương lượng, ông chủ quán không muốn có hai quán nhậu Cối Xay Gió khi nó thuộc về người khác. Ông chủ đá thật ra cũng không muốn lấy tên Cối Xay Gió làm gì, nghe nó không ép phê bằng Cối Xay Lúa. Vậy là ô kê, Duy đổi ngay tên quán. Và từ đó có tên quán Cối Xay Lúa. Ấn tượng nghe có vẻ mạnh hơn, y như là có âm thanh cối xay lúa lại rất thời thượng theo khuynh hướng ẩm thực đồng quê trong lòng thành thị.

Chủ quán Cối Xay Lúa khệ nệ bung ra một đĩa dế com lăn bột, mặt rạng rỡ vì được đãi bạn món đặc sản đồng quê mà theo lời Duy chỉ duy nhất quán Cối Xay Lúa là có. Cái đĩa mỏng dính, chừng 10 chú dế com con bằng ngón tay lăn bột chiên giòn rụm đặt trên mấy lá cải, mấy lát cà chua, dưa leo. Món dế com lăn bột thì tôi đâu còn lạ, ngày nhỏ ở quê tới mùa mưa tôi vẫn thường xách thùng múc nước giếng tìm hang dế com để đồ. Hang nào có dế, thường chúng ở cặp, con trống, con mái...đồ đến bốn-năm thùng nước là đôi vợ chồng dế com bị ngộp, chịu hết nổi phải trôi lên khỏi hang, mất mũi, râu ria lơ lơ tôi chỉ việc bắt bỏ giỏ. Nếu ngại không xách nước đồ thì vác cuộc đào. Đặc điểm dế com hang rất sâu, bắt cặp để sinh sản vợ chồng nhà dế com đào hang lại càng sâu, cần cỏ, tha rác lót cần thận ở

đáy hang như một cái giường nệm. Đổ nước hoặc đào hang để com đều rất mất sức, đi một buổi giò lấm được vài chục con. Để com bắt được về ngắt bớt cẳng chân, đoạn mấy có gai để chúng đá giò lái địch thù khi giao chiến. Xong, rút hết ruột, nhét vào bụng chú để com một hột đậu phộng rồi lăn bột chiên. Đó là món đặc sản mà Duy đang thao bất tuyệt quảng cáo, tiếp thị với tôi và Thạch.

Tôi cười:

-Ông khỏi quảng cáo, thứ này hồi nhỏ tôi đào hang, đổ nước bắt nhiều lắm. Mùa mưa chúng sinh sản đầy. Vấn đề là ông mua để com từ nguồn nào. Ở đâu cung cấp mà ông bán ngày này qua tháng khác để thành món độc quyền của quán Cối Xay Lúa?

Duy nhún vai:

-Ở đâu là hoàn toàn bí mật. Nhưng làm gì có để com để bán quanh năm, suốt tháng. Chỉ có mùa mưa thôi ông ơi, là mùa này đây, nguồn hàng rất phong phú. Sang mùa nắng thì có vàng cũng không mua được một chú để com. Hai bạn thử đi, nhắm nháp chú để com dòn đậu phộng, lăn bột chiên, chấm nước sốt quán Cối Xay Lúa ăn kèm với rau vườn, uống một hơi bia thì ghiền luôn.

Hai ngày cuối tuần tôi thường rời khỏi thành phố ồn ào, kẹt cứng xe cộ và bụi bặm để đi đâu đó tìm chỗ yên tĩnh thư giãn. Trong lúc đang loay hoay tìm hướng đi mới để tránh nhàm chán như về quê chẳng hạn, tôi bỗng bật ra ý tưởng thay vì về quê tôi mà sao không thử về quê người bà con ở Long Khánh? Thị xã Long Khánh cách thành phố chỉ hơn 2 giờ đồng hồ chạy xe máy, từ đó về đến nhà đi Năm Lạc ở Cẩm Mỹ một xã có

nhiều cánh rừng cao su bạt ngàn, khoảng 15 phút là tôi có được hai ngày nghỉ cuối tuần tuyệt vời, tha hồ giăng võng ngoài lô cao su mát rượi lắng nghe tiếng chim rừng hót, xem sách, hoặc đánh giấc bù lại những ngày đầu óc căng thẳng, đánh vật với công việc ở thành phố. Thế là tôi hăng hái phóng xe đi.

Nhà di Năm Lạc nằm sâu trong một rẫy điều, phía sau là lô cao su nối tiếp nhau đến mút tầm mắt. Mùa mưa, con đường đất đỏ loằng ngoằng vào nhà di tron lầy, tôi chạy xe thật chậm, hai chân sẵn sàng tiếp đất để giữ thăng bằng cho chiếc xe, thế mà cũng mấy lần tôi suýt ngã. Di Năm Lạc thấy tôi chạy xe từ dưới dốc lên, vội buông thùng nước trên thành giếng, mắt nheo nheo, ngạc nhiên nói:

-Ôi trời, thằng quý, mày lên đây sao không báo trước?

Tôi dựng xe, gãi đầu:

-Dạ, con quên số điện thoại nhà di rồi.

-Vô nhà đi, tắm rửa cho mát rồi di nấu cơm ăn.

-Con không đói đâu di, trên đường đi con đã ăn rồi. Di ở nhà một mình sao?

-Mấy đứa nó ở trên thành phố cả, lâu lắm mới có đứa về. Tụi nó quen cảnh nhộn nhịp trên đó rồi về đây ít ngày lại kêu buồn. Di chỉ có một mình.

-Rồi đau ốm, mưa gió trở trời di bệnh ai lo?

-Cái thằng này, tao tự lo chứ có ai đâu. Nhưng nhờ trời, quanh năm suốt tháng tao làm rẫy, nuôi heo gà, quần quật suốt ngày nên quên mất bệnh.

HUỶNH ÁI TÔNG

Đúng là dì Năm Lạc còn khỏe so với tuổi trên 70. Tóc dì đã bạc nhưng dáng đi vẫn còn nhanh nhẹn. Dì có ba người con, hai gái, một trai. Con gái lớn của dì đã lập gia đình về quê chồng ở Bà Rịa, con gái kế và con trai út hiện học ở thành phố. Dương Năm đã hy sinh trong chiến tranh, lại hy sinh ngay trong ngày 30- 4 khi theo một cánh quân về giải phóng Long Khánh.

Dì Năm vo gạo bên thành giếng, gọi tôi:

-Mày lấy cái ná thun của thằng Út máng trên vách chỗ bàn học của nó ra bắn con gà đang ăn ngoài lô cao su đi.

-Biết con nào mà bắn, lỡ bắn nhầm gà của người ta làm sao đi?

-Cái thằng này, gà nhà không đó, ở đây không có gà lạ tới đâu. Cứ bắn bất cứ con gà nào cũng được.

Lâu lắm rồi tôi mới cầm lại cái ná thun của thời đi học, lần quần trong sân nhà dì Năm tìm nhặt được mấy viên sỏi làm đạn. Tôi lắp một viên sỏi vào miếng da, kéo căng hai sợi thun, bắn rẹt rẹt vu vơ vào những trái điều đang chín ửng. Có một trái rụng xuống khiến tôi khoái chí, tự tin vào tài bắn ná thun “bá phát” của mình ngày còn học lớp 6 lớp 7. Nhưng khi tôi xách ná thun ra lô cao su rượt gà của dì Năm để bắn thì không trúng con nào, đàn gà đông vài chục con đang bươi đất tìm mồi cứ nghĩ bắn rất dễ nhưng rượt vã mồ hôi, thở hào hển tôi vẫn không bắn trúng đích.

Bất ngờ từ phía sau có tiếng cười khúc khích:

-Anh gì ơi, anh bắn tệ quá, đưa ná thun đây em bắn cho.

Tôi quay lại phía giọng nói vừa nhẹ nhàng, vừa liếng thoảng ấy bất ngờ nhận ra một cô gái mặc đồ xanh công nhân, mang ửng

đen, loại đồng phục của công nhân đi cạo mũ cao su tôi vẫn thường gặp. Cô gái quấn khăn che hết mái tóc và nửa gương mặt, chỉ chừa đôi mắt to đen nhìn tôi chớp chớp như trêu chọc. Gương mặt cô gái rất xinh và tôi đoán cô khoảng 21-22 tuổi.

Tôi đưa ná thun cho cô gái và hỏi:

-Em bắn được chứ?

-Xì ơi, chuyện nhỏ như con thỏ. Nhưng anh phải giữ giùm em cái này.

Cô gái đưa cho tôi một cái thùng, loại thùng tưới cây có tay cầm bằng gỗ, đáy sâu. Tôi ngạc nhiên hỏi:

-Thùng đựng gì thế?

-Dế com.

Và tôi nhận ra trong thùng có những con dế com rất to đang ngo nguậy như muốn thoát ra.

-Dế com ở đâu nhiều thế? Tôi ngạc nhiên hỏi.

-Em đi câu chứ đâu.

-Câu? Em câu dế com? Hồi nào tới giờ anh chỉ biết câu cá, câu tôm, chứ không nghe ai nói câu dế cả. Muốn bắt dế thì phải đổ nước, hoặc đào hang chứ?

Cô gái nhõn miệng cười:

-Hồi nào tới giờ anh chưa biết, nhưng bây giờ thì biết.

-Em câu dế bằng cách nào?

-Để em bán con gà cho anh đã, rồi nếu anh thích, muốn câu dế cơm thế nào thì đi theo em xách thùng, em sẽ truyền...bí quyết cho.

Tôi quả thật vô cùng thú vị trước cô gái tình cờ làm quen được trong lô cao su. Đầu óc tôi vốn tưởng tượng phong phú nên thầm nghĩ không biết cô gái này là người thật hay...chồn hóa người để trêu chọc tôi giống như trong truyện Liêu Trai của Bồ Tùng Linh? Ý nghĩ ngộ nghĩnh này làm tôi phì cười. Cô gái nghi ngờ hỏi:

-Anh cười gì thế? Nghi em không biết bán ná thun à? Cho anh biết, ở khu nhà lô này em là...thiện xạ đấy. Tụi con trai bán thua em xa.

-Vậy cho anh thấy tài của em đi.

Cô gái lấp một viên sỏi vào miếng da của cái ná thun, kéo ná, gần như không cần nhắm, và tôi nghe rẹt một tiếng rất nhanh, lập tức một chú gà đang bươi đất cách tôi khoảng 30 mét kêu á lên một tiếng rồi ngã quỵ xuống. Tôi chạy đến nhặt chú gà lên, đầu chú gà bị bể, máu loang ướm đỏ cả lông. Chỉ có thể nói: Thần sầu.

Cô gái đưa trả tôi cái ná thun, tỉnh rụi:

-Anh mang con gà về cho dì Năm đi, rồi ra đây theo em câu dế. Nhưng mà em nói trước, nếu anh sợ kiến cắn thì đừng nên theo.

-Hỏi nhỏ anh bị kiến cắn hoài, có sao đâu?

-Không phải kiến thường như kiến vàng, kiến lửa đâu mà kiến bù nhọt. Kiến này cắn đau lắm. Anh biết kiến bù nhọt làm hang

ở dưới đất chứ, con heo nào đi sục hang của chúng là coi như ròi đời.

Nếu là kiến bù nhọt thì quả thật tôi hơi ớn. Đây là loài kiến đen, to, cặp càng sắc, rất hung dữ và cắn rất đau. Nếu bị chúng tấn công, cắn nhiều vết thì có thể sốt, nóng lạnh như bị ong vò vẽ chích.

-Sao, sợ ròi hả?- Cô gái nhìn tôi giọng khiêu khích.

-Chuyện nhỏ. Em chờ nhé, anh xách con gà vào nhà ròi trở ra đi với em. Nhưng em cũng biết dì Năm nữa à?

-Xời ơi, ở đây là bà con không. Chỉ có anh là người xa lạ.

-Không xa lạ đâu, em chẳng đã quen với anh ròi sao? Em tên gì, nhỏ?

-Không nói. Nếu đã quen ròi thì tự biết đi.

Mùa mưa, hang để cơm trong lô cao su nhiều vô kể. Tôi xách thùng theo sau Tím (tôi đã biết tên cô gái sau khi hỏi dì Năm). Còn Tím hình như không cần muốn biết tên tôi mà cứ gọi “ Anh gì ơi”, làm tôi cứ phì cười. Nếu tôi có thêm được cái tên mới là “ Anh gì ơi” do cô gái đặt thì há chẳng thú vị lắm sao?

-Anh gì ơi! Ngắt cho em mấy nhánh bông cỏ.

-Để làm gì?

-Để bắt kiến bù nhọt.

-Bắt kiến bù nhọt để làm gì, không lẽ em cho nó cắn mình hay cho...cắn anh?

-Không, cho nó cắn để com ở dưới hang.

Tôi vẫn không hiểu. Nhưng vẫn tìm ngắt cho Tím mấy nhanh bông cỏ bên vệ đường. Tím đưa tôi một nhánh bông cỏ, dặn:

-Anh phụ với em bắt kiến bù nhọt nhé, em làm sao anh làm vậy, làm bậy nó cắn anh ráng chịu không được than khóc hay trách móc em đấy.

Tím đưa tôi đi tìm tổ kiến bù nhọt. Loài kiến đây ở hang, tổ của chúng chỉ chít những hang, thường là ở dưới những gốc cây mục. Khi thấy tổ kiến bù nhọt Tím lấy từ túi quần bảo hộ lao động rộng thùng thình ra một cái chai không, loại chai nước ngọt, rồi ngồi thụp xuống, cầm nhánh bông cỏ huơ huơ vào tổ kiến, lập tức những chú kiến bù nhọt đen bóng, rất hung dữ bay vào, Tím cho nhánh bông cỏ vào chai, giữ những chú kiến ra. Một sáng kiến bắt kiến bù nhọt thật tuyệt vời mà tôi hoàn toàn không nghĩ ra. Tôi cũng bắt chước làm theo, và chẳng mấy chốc, trong cái chai đã lúc nhúc những chú kiến bù nhọt.

-Xong rồi, giờ mình đi câu dế.

-Cần câu đâu? –Tôi hỏi.

-Những nhánh bông cỏ là cần câu đấy.

Tôi chẳng thắc mắc lâu. Khi tìm thấy một hang dế com, Tím lại ngồi thụp xuống, cầm nhánh bông cỏ cho vào chai huơ huơ, lũ kiến bù nhọt thi nhau bám vào, Tím rút nhánh bông cỏ ra chùi vào hang dế com.

-A, anh hiểu rồi.

-Hiểu gì?

-Hiểu cách em câu đế. Thì ra lũ kiến bù nhọt bám theo nhánh bông cỏ chui vào hang sẽ tìm những chú đế nhà ta để...cắn. Dù to xác như đế com mà bị kiến bù nhọt cắn thì vẫn phải chui khỏi hang để thoát thân thôi. Trời ơi, một cách bắt đế com thần sầu. Sao em tài vậy?

Tím vẫn tỉnh không:

-Bây giờ anh mới hiểu là thuộc vào loại...chậm hiểu rồi đó. Nhưng chẳng có gì ngạc nhiên đến phải kêu “trời ơi” như anh đâu, ở đây đứa con nít nào cũng biết câu đế như vậy cả. Chỉ cần câu một buổi là bắt được vài trăm con.

-Nhưng em câu đế com làm gì ?

-Bán cho các quán nhậu trên thành phố.

Tôi lại kêu lên:

-Trời ơi, anh đã biết thằng Duy nó mua nó đế com ở đâu rồi.

Nhưng lần này Tím hình như không để ý gì đến tiếng kêu trời của tôi mà nghiêng đầu, nghiêng tai lắng nghe hai vợ chồng nhà đế com bị kiến bù nhọt cắn, đau quá chị chàng búng đôi chân đầy gai nhọn kêu tách tách mấy cái rồi phóng lên khỏi miệng hang. Chỉ chờ có thế, Tím và tôi mỗi người nhanh tay chụp một con, bắt được cả đôi vợ chồng đế com.

Theo lời di Năm Lạc kể cho tôi nghe trong bữa com chỉ có tôi và di ngồi ăn với nhau thì nhà Tím rất nghèo, chỉ có 2 công đất rẫy trồng điều và chuối. Ba Tím trước đây là công nhân cạo mù cao su cho Công ty, nhưng hiện đã nghỉ do mất sức lao động sau một lần bị tai nạn gãy chân. Mẹ Tím cũng là công nhân cạo

mủ cao su, nhưng do đau ốm liên miên nên Tím phải nghỉ học vào năm lớp 12 ở nhà ra lò phụ với mẹ cạo mủ để bảo đảm năng suất. Ngoài việc cạo mủ cao su, Tím còn làm đủ thứ nghề khác như cắt cỏ, hái điều, ai thuê gì làm nấy để kiếm tiền phụ lo gia đình nhiều miệng ăn nhưng luôn luôn thiếu thốn. Những ngày không có việc, Tím thường đi đặt bẫy với người anh, bắt chồn, mèo rừng, kỳ đà và cả rắn để bán. Câu đế com cũng là một cách để Tím kiếm thêm tiền vào mùa mưa. Di Năm gặt gù, kết thúc câu chuyện về Tím:

-Con nhỏ giỏi đủ thứ, xinh đẹp, hiền hậu nét na nhưng cái số cực khổ. Tôi nghiệp.

Hôm sau tôi ra ngoài lò cao su tha thân cố ý gặp Tím để chào từ biệt trước khi về lại thành phố. Nhưng chờ mãi vẫn không thấy Tím đâu, chỉ có những dải lô cao su dài dằng dặt nối tiếp nhau trong hoang vắng, mênh mông. Tiếng ve rền rĩ trên những tán lá xanh bạt ngàn như giục nắng lên, gọi mưa về trong nhịp điệu hối hả của khoảng không gian xanh cao vời vợi ngày hè.

Năm nay trái với lệ thường, mùa mưa đến sớm. Khi những cơn mưa đã thấm đẫm mặt đất thì bầy ve lại kêu vang trên những tán phượng xòe hoa đỏ rực cả một góc phố quen thuộc tôi thường đi qua. Mới hôm qua, cũng trong chiều mưa lác đác Thạch gọi tôi tới quán Cối Xay Lúa nhậu. Khi gọi món đế com lẫn bột, cô tiếp viên tên Nhân mặc bộ đồ bà ba tím bảo năm nay không có đế com. Tôi kêu tay chủ quán ra bắt uống hết một chai bia rồi chất vấn sao không có món đặc sản ấy nữa. Duy gãi đầu, gãi tai giải thích rằng năm nay sao không thấy anh em cô gái ấy xuống bỏ mồi đế com nữa. Tôi cười vào mũi Duy bảo tôi đã biết cô gái bỏ mồi đế com cho Duy là ai và trách hẳn:

-Tại ông ép giá người ta quá, lấy rẻ nên cô ấy không thèm bỏ mồi cho ông nữa.

-Không phải, tôi đồng ý tăng giá nhưng có thấy anh em cô ấy xuống đây đâu. Những quán khác cũng chịu chết, không đào đâu ra được một chú dế com. Tôi đã tìm hiểu hết rồi. Chịu.

-Ông biết bắt được một con dế com bán cho các quán nhậu như ông người ta đã phải cực khổ như thế nào không? Phải trầy vi tróc vảy, dang nắng dầm mưa, bị kiến bù nhọt cắn nát chân, tay mới có cái món đặc sản cho quán ông đấy.

Duy cười xòa:

-Bây giờ nếu có ai bỏ mồi dế com, tôi sẽ tăng giá gấp đôi.

-Ông nhớ giữ lời đấy nhé. Tôi sẽ tìm người bỏ mồi dế com cho ông

Trưa nay tôi đã có mặt ở nhà dì Năm Lạc. Lần này dì không ngạc nhiên khi thấy tôi xuất hiện bất ngờ mà chỉ hỏi tôi mục đích lên đây làm gì. Tôi ngạc nhiên nói:

-Con lên thăm dì chứ có mục đích nào khác đâu.

-Hình như có một mục đích nữa đấy.

Tôi cười:

-Nói thật, lên thăm dì là chính, nhưng cũng còn có mục đích gặp Tím, cô gái bán ná thun thần sầu và câu dế com tài tình bên hàng xóm. Tại con có một thằng bạn làm chủ quán nhậu, nó nhờ con nối lại nguồn hàng. Tím trước đây vẫn bỏ mồi dế com cho quán nó, nhưng năm nay không thấy.

-Cháu lên trẻ quá rồi, không gặp được nó nữa đâu.

-Sao thế đi?

Di Năm Lạc thờ dài:

-Cũng tại thằng anh nó hôm đó đặt bẫy rắn mà lại nhậu xỉn ngủ li bì không ra thăm bẫy được. Con Tím ra thăm thì bẫy dính con rắn hổ chúa. Con nhỏ chẳng biết sợ rắn là gì, nó cũng dùng kẹp bắt rắn của anh nó để bắt nhưng không hiểu sơ sẩy thế nào bị con rắn cắn một vết ở cổ tay, cứu không kịp. Nó mất cách đây hơn tháng, trước khi những cơn mưa đầu mùa đổ xuống.

Tôi bàng hoàng như không tin ở tai mình đã nghe những lời di Năm nói. Ngay sau đó tôi vội vã băng qua khu rẫy điều của di Năm để ra lô cao su, nơi tôi đã bất ngờ gặp Tím và có một buổi câu đố rất thú vị trong đời từ mùa hè năm trước. Màu đất đỏ thắm ướt những cơn mưa mùa vẫn nằm dưới chân tôi mềm mại, thơm nồng hương cỏ. Những nhánh bông cỏ vẫn phát phơ bay theo chiều gió, tiếng ve trưa vẫn đang gọi nắng trên vòm lá xanh bạt ngàn và hàng dừa vẫn chi chít nơi chỗ tôi đứng. Nhưng cô gái với sáng kiến câu đố bằng kiến bù nhọt rất thông minh thì không còn thấy đâu. Tôi như muốn điên lên với những cảm xúc dồn nén, kỷ niệm ào về. Sao lại có thể như thế được nhỉ? Tôi thấy đầu óc mình lơ mơ, chao đảo như đang trên một con tàu giữa muôn trùng sóng ngoài biển khơi mênh mông. Và tôi ngồi xuống ngay một gốc cao su như để giữ thăng bằng cho khỏi bĩ ngã quy.

Ngay lúc đó một thanh niên hiện ra, trong bộ đồ công nhân cạo mũ cao su màu xanh đã cũ sòn, gương mặt sạm đen, hao hao giống Tím. Người thanh niên cầm trên tay một chiếc hộp thiếc, loại đựng bánh bích-quy. Anh hỏi tôi:

-Anh là “ Anh gì ơi” phải không?

Tôi gật đầu. Anh thanh niên đưa cho tôi chiếc hộp và nói:

-Tôi là anh của Tím, trước khi chết Tím có nhờ tôi chờ anh lên đây để đưa cho anh chiếc hộp này. Tôi chờ mãi, hôm nay mới thấy anh lên.

Tôi buồn bã hỏi:

-Hộp đựng gì thế anh?

-Một đôi vợ chồng để cơm mà Tím giữ lại để nuôi, chắc mục đích để tặng anh. Nhớ cho nó ăn rau cải, củ non và cho uống sương nhé.

Tôi nhận chiếc hộp trong tâm trạng bàng hoàng và bất ngờ. Người thanh niên định nói gì thêm với tôi nhưng ngập ngừng một chốc rồi lặng lẽ bỏ đi, mắt hút sau những hàng cao su thẳng tắp. Tôi mở chiếc hộp ra xem thì thấy trong hộp có đôi đế com trống, mái đang bỏ quanh lớp cỏ khô mà Tím đã lót dưới đáy hộp như một cái tổ cho đôi vợ chồng đế.

Tôi ôm chiếc hộp và như người đang mơ. Một giấc mơ đẹp và buồn.

Trích thơ:

Mẹ Là Nắng Sưởi Hồn Con Giá Lạnh

*Chiều hôm ấy
con đi - rời đất mẹ
Tiếng nhạc buồn
hiu hắt buổi chia ly.
Đôi mắt mẹ
nhà rơi dòng lệ đỏ,
Dấu chân xiêu*

*ngiêng ngã bước phân kỳ.
Mẹ là nắng
sưởi hồn con giá lạnh,
Mẹ là mây
che chắn nỗi đời trôi.
Tuổi ấu thơ
Con đã mất cha rồi.
Năm tháng cũ
giờ tan vào hư ảo.
Chiếc nón lá
một đời che vất vả,
Chiếc áo nghèo
năm tháng trải con đi.
Nơi quê người
trong giấc mơ đêm ngủ,
Con lắng nghe
tiếng mẹ gọi thăm thì.*

Sông làng

*Tôi lại về đây với dòng sông
Nhỏ nhoi như cát bạc lòng nắng mưa
Dấu chân thơ ấu ngày xưa
Còn trong lau cỏ vọng vờa tiếng chim.*

*Bên bồi bên lở nhà em
Phù sa chảy giữa những đêm âm thầm
Tháng năm đạn réo bom gầm
Con thuyền xuôi ngược như mầm cây xanh.*

*Hai đầu một cuộc chiến tranh
Dòng sông gánh thảm lục bình tím trôi
Tiếng chim bìm bịp xa xôi
Nhắc đầy con nước quê tôi sớm chiều*

*Giữa ngàn lau cỏ xiêu xiêu
Ngóng về bên lở sóng kêu khản lòng
Con thuyền xa cõi mênh mông
Em - tôi một cõi nào không bến bờ.*

*Bãi vàng mùa bấp non tơ
Hương thơm vào xóm còn ngơ ngác buồn
Sông quê chảy giữa cội nguồn
Thương em cát đá vẫn còn nằm nghe.*

Chiều

*Qua cầu nhìn mây tím
Nghe chiều vỡ chuông chùa
Cây rơi vài tiếng lá
Tay nghiêng sậu che mưa*

*Em thả tóc đường thơm
Hoa trái theo chân bước
Người đi ngược kẻ về
Làm sao mà gặp được*

*Áo phai gương mặt buồn
Thoắt nhiên cười thơ dại
Tôi cầm tháng giêng non
Rong chơi miền xa gái*

*Em vào mùa lễ hội
Giẫm cỏ xanh mướt lòng
Mắt biếc như sương núi
Tôi hóa thành hư không*

*Trở về con dốc cũ
Tôi ngòì nhìn nước trôi
Gió phát tà áo bụi
Roi một phiến mây trời.*

Thi khúc tình say

*Ta uống
tình em trong nỗi nhớ
từng đêm
khắc khoải những mong chờ
say men
rượu đắng tình ngây dại
chập chờn
ta trải mảnh tình thơ*

*Ta dậy
hồn thơ tràn cốc rượu
rót đầy
chữ nghĩa chén men say
một chút
cay nồng thêm vị đắng
nhớ thương tình
một thoáng xa bay*

*Đêm nay
ngòì nhớ
vầng trăng cũ
nhớ tiếng Thu
reo vọng cuối trời
nhớ tách trà thơm ,
ly rượu ấm
nhớ em -
nhớ quá ! Chim én ơi !*

chiều thu

*Em đi
thành phố Thu rơi
lá vàng thấm cả
vùng trời cô đơn.*

*Chiều Thu
xứ tuyết mưa qua
một cơn gió thoảng
nhớ tà áo em .*

*Chiều xưa
từng lá vàng bay
nhìn em gót nhỏ
tình xây lâu đài .*

*Chiều nay
Thu lá vàng bay
nhìn con phố vắng
chất đầy nhớ thương .*

Mưa chiều buồn qua phố cũ xót xa

*Rồi chiều nay trở lại con phố xưa
nghe kỷ niệm cuồng quay qua kỷ ức
nghe con nhớ hoàn sâu bên vòng ngực
để nghe đời trĩu nặng nỗi niềm đau .*

*Dòng thời gian sao quá vội qua mau
mới chợt đó - vòng xoay phần thế kỷ
ba mươi năm: đời lắm nhiều mộng寐
đường phiêu du gót rữ dấu chân mòn*

*Con đường nào ngày tháng cũ ta qua !
chiều tan học đưa em về xóm nhỏ
áo dài trắng bên màu xanh của cỏ*

HUỶNH ÁI TÔNG

mưa chiều buồn tình lính trận mông mênh .

*Bao năm rồi tình như đã ngủ quên
nay trở lại bỗng nhiên tình thức giấc
con đường cũ quay về ôn dĩ vãng
ba mươi năm ngày tháng tưởng phôi pha .*

*Mới ngày nào giờ như thấy thật xa
chải mái tóc đã hai màu đen trắng
bước thời gian nhẹ trôi qua thâm lặng
mưa chiều buồn qua phố cũ . Xót xa .*

Nước mắt đêm vu lan

*Đêm Cali - xứ người - mưa giá phủ
Nghe hung tin mẹ vừa mới qua đời.
Con tái tê chết lặng Mẹ! Mẹ ơi!
Con gió lạnh buốt đau từng thớ thịt.*

*Con cứ ngỡ ra đi là tạm biệt.
Rồi ngày mai trời sáng con lại về.
Gia đình mình hội Phụ- tử phu- thê,
đâu lại phải giờ chia xa vĩnh viễn.*

*Con vẫn nhớ, Mẹ ơi! Con vẫn nhớ.
Dáng thân gầy ngẽ tới bước chân quen.
Nặng đôi vai trĩu gánh khắp phố phường.
Thân khổ nhọc cần lao nuôi con lớn.*

*Con vẫn nhớ, Mẹ ơi! Con vẫn nhớ.
Một chiều nào nhạt nắng - Buổi hoàng hôn.
Vẫy tay chào, gạt lệ - Mẹ tiễn con.
Đem chí cả xung phong làm lính trận.*

Con vẫn nhớ, Mẹ ơi! Con vẫn nhớ.

*Rồi một chiều, mẹ lại khóc xa con.
Lệ đắng cay trong bao nỗi uất hờn,
Đứng lặng lẽ nhìn con vào tù ngục.*

*Con vẫn nhớ, Mẹ ơi! Con vẫn nhớ.
Mỗi chiều nào mẹ lại khóc đưa con.
Rời quê hương trong nước mắt tủi hờn
Từng giọt lệ ướt nhòa Tân-sơn Nhất..*

*Thế là hết, hết rồi! Còn gì nữa.
Mẹ chết rồi, là chết cả nguồn thương.
Còn gì đâu! trong cuộc sống đời thường.
Đời thiếu mẹ - là thiếu đi tất cả.*

Vu Lan - Dòng Nước mắt

*một dòng nước mắt - rơi !
từng giọt nước mắt - rơi !
con đứng bên trời lạ*

*nhìn - về phương trời xa
một chiếc lá lìa cành
từng chiếc lá lìa cành .
nhớ quá ! mẹ già
đêm vu lan thứ mười bốn
xa nhà
bao nỗi xót xa
biết ngày nào trở lại
quê ta
với dãy thông già
con đường phố nhỏ
thường ngày mẹ qua .
một giọt nước mắt - rơi !
từng giọt nước mắt - rơi !
con đứng bên này trời*

HUỶNH ÁI TÔNG

*nhìn bên kia xa thăm
mẹ già chiều hôm xế bóng
mỗi mắt đợi chờ lệ đọng đầy vơi .
đêm nay nhìn ánh trăng rơi
mùa vu lan đến nữa rồi đó sao !?*

*Mẹ ơi ! giờ mẹ phương nào ?!
đêm nay nhớ mẹ nghẹn ngào trang thơ*

Phan Tường Niệm
(GM 9/2010)



Trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, đã viết ngắn gọn về
Từ Kế Tường:

*“Từ Kế Tường là nhà tiểu thuyết, nhà thơ được thanh thiếu
niên trước và sau 1975 yêu thích.”*

Tài liệu tham khảo:

- Từ Kế Tường Web: vi.wikipedia.org
- Mùa câu đố Web: newvietart.com



8. Hòa Vang



Hòa Vang - Nguyễn Mạnh Hùng (1946-2006)

Nhà văn Hòa Vang tên thật là Nguyễn Mạnh Hùng, sinh ngày 3 tháng 11 năm 1946 tại làng Nhị Khê, Thường Tín, Hà Tây, nay là huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Thời thanh niên sôi nổi trong quân ngũ đã đưa Hòa Vang tới những vùng đất lửa xa xôi, trong chiến tranh Việt Nam. Và những ngày tháng cầm súng ấy đã in hằn trong ký ức ông những ấn tượng và cảm hứng sâu đậm. Phải chăng vì thế ông đã chọn địa danh Hòa Vang của đất Quảng Nam làm bút danh cho mình?

Say mê văn học từ trẻ nhưng phải đến năm 1991, sau khi truyện ngắn *Nhân sư* đoạt giải nhì cuộc thi truyện ngắn do báo *Văn Nghệ* tổ chức, Hòa Vang mới bắt đầu chính thức bước vào làng văn.

Hòa Vang viết khá chậm rãi nhưng chắc chắn và cẩn trọng. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

HUỶNH ÁI TÔNG

Truyện *Nhân sư*, *Quyền không diên*, *Sự tích những ngày đẹp trời* và các truyện ngắn khác của ông khi in lại, đọc lên nhớ thời “hoàng kim” của báo *Văn nghệ* với những giải thưởng uy tín.

Vào khoảng tháng 4 năm 1993, Hòa Vang từng cùng với cố thi sĩ Nguyễn Lương Ngọc thực hiện một chuyến đi bộ xuyên Việt, khiến dư luận và giới văn nghệ chú ý.

Hòa Vang được giải nhì cuộc thi truyện ngắn của báo *Văn Nghệ* năm 1991 với truyện *Nhân sư*.

Hòa Vang mất tại Hà Nội ngày 1 tháng 4 năm 2006 thọ 60 tuổi.

Tác phẩm:

- *Tai quý* (tiểu thuyết, 1993)
- *Hiện tượng Hveya* (tiểu thuyết, 1998)
- *Năm tháng và mẹ* (tiểu thuyết, 2006)
- *Sự tích những ngày đẹp trời* (tập truyện, 1996)
- *Hạt bụi người bay ngược* (tập truyện, 2005)

Trích văn:

Sự tích những ngày đẹp trời

Như mọi người đều biết: trong hội thi kén rể của Hùng Vương, phần thắng về Sơn Tinh, Thủy Tinh là người bại. Rồi theo cái lẽ thắng thua, định phận, định phận ấy mà Mỵ Nương theo Sơn Tinh về núi Tản, nên vợ nên chồng. Còn nước các triền sông lớn thì cứ hằng năm, đến kỳ, lại sôi sục, cuộn cuộn dâng lên như ghen cuồng, uất hận khôn nguôi...

Lại cứ theo thế mà suy, sai cũng coi là cố nhiên, không còn gì phải đòi hỏi, bàn cãi, và không thể, thậm chí không được nghi

ngờ; vợ chồng Sơn Tinh sống rất hạnh phúc, tốt đẹp, mẫu mực tuyệt vời...

Mà sự thực quả đúng là như thế.

Nhưng, có điều, còn có một cái lẽ cố nhiên khác nữa, riêng nhỏ âm thầm, cái lẽ cố nhiên trong lòng những người con gái lấy chồng xa: nỗi nhớ nhà.

My Nương nhớ nhà, nhớ cha mẹ lắm. Mà Sơn Tinh thì bận lắm. Vợ lại hết mực trọng chồng, không muốn một bận nhỏ làm bận lòng chồng. Chồng thì xiết bao tin vợ và tự tin mình. Niềm tự tin lúc nào cũng dày dặn, bền chắc. Cho nên nỗi nhớ của My Nương cũng phải chịu phận sống len lỏi âm thầm, có lúc còn phải tàng hình, tan biến vào những ánh mắt chào đón rạng rỡ, vào những nụ cười hơn hớn tươi vui. Mà càng như thế, thì nỗi nhớ ấy, cái lẽ cố nhiên ấy, lại càng day dứt, ngùn cháy nồng đượm, cồn cào.

Mỗi năm, Sơn Tinh đưa vợ về thăm lại quê nhà một lần. Là người trí lực kiên cường, quảng kiến và ngăn nắp, đã bao nhiêu năm Sơn Tinh chưa một lần thực hiện sai chệch những ấn định của mình. Những ngày về thăm Phong Châu ấy bao giờ cũng thật huy hoàng, chu đáo, tuyệt hảo.

My Nương biết ơn chồng lắm. Nàng cố nương theo, khuôn mình, không để cơn cạo trong cái dòng chung huy hoàng, chu đáo, tuyệt hảo ấy... Để chờ cái phút được chạy gấp tới, ùa vào lòng cha mẹ, mặc những giọt nước mắt mừng tủi ứa ra... Chưa nói đến những ngày vui ấy trôi qua thật nhanh, thật bé xíu, ngắn ngủi. Bao giờ, bao giờ cho đến ngày này sang năm nữa?

Tự nhiên một hôm My Nương đánh bạo xin phép Sơn Tinh cho nàng về thăm quê một mình. Và Sơn Tinh, như thường khi, lập tức bằng lòng.

HUỶNH ÁI TÔNG

Đường về Phong Châu, My Nương đi như gió chạy, nhẹ bỗng, tung tăng. Miệng chỉ chực cười, chực reo, chực hát.

Về được một ngày, trọn vẹn riêng tư với cha mẹ, anh em, sớm hôm sau, buổi sớm đầu tiên thức dậy tại quê cha, chợt My Nương xốn xang muốn dạo ngược lên núi, tới tận con suối nhỏ đầu nguồn, nơi nàng nhớ mình đã tắm lần đầu, từ khi biết nhớ, biết nghĩ, từ khi mình còn là một cô bé. Từ xa, đang còn nhón gót lướt trên những giọt sương mai long lanh đầu những ngọn linh thảo xanh mơn, My Nương đã nghe tiếng róc rách. Tiếng róc rách như cả tuổi thơ thóc mách, giòn giã mà thốn thức, đang đợi nàng đã bao nhiêu năm...

Khoang suối trong vắt như vành gương trước mặt. Hơi nước lượn vờn như sương khói khơi khơi vơi huyền ảo. Cái mát tinh khôi thấm vào da thịt. Tự nhiên My Nương nghẹn ngào. Diễm mi âm dội lên, nước mắt ứa ra. Mà môi nàng là nét cười, nét cười thơ dại, ngây ngây.

Ngoắt đầu, phẩy tay điệu dàng và thoảng chút nghịch ngợm, ra hiệu cho những thị nữ theo hầu cuối cùng rời gót. Bước xuống viên suối, để nước vờn liếm quanh bàn chân đỏ dậy của mình. Mắt nhìn xuống, như hút lên, như thấm cái màu đỏ hồng ấy lan tỏa cả lên gương mặt. Thong thả ngoái lại sau... không còn ai cả.

... My Nương cười xiêm y.

Ngán nước vừa chớm chạm ngực thì, như không nén nổi nữa, My Nương bất giác đưa hai tay vuốt xõa đồ suối tóc mây bỗng bay lên, giang hai tay, mắt nhắm nghiền lại, nàng nhẩy ào, trần mình uốn lượn giữa dòng suối và buột lên tiếng hát trong vắt.

Chợt tiếng hát ngừng bật, My Nương thốt rùng mình. Nàng hoàn toàn cảm thấy, không thể nhầm lẫn, dòng suối đang ôm

xiết vuốt ve lấy thân thể nàng là một đôi tay cường tráng mà đấm đuối, dịu dàng của một da thịt, một con người... My Nương thoáng nghe thấy, lọc qua tiếng nước rì rào, róc rách, có tiếng đập gấp gấp rộn ràng, như dưới đáy suối có một trái tim bồi hồi. Tự nhiên, My Nương giang rộng đôi tay ôm nước, như đón nhận... rồi đột ngột quấy mình, quay ngoắt vào bờ, với lấy váy áo.

My Nương đã ở trên bờ đá. Những giọt nước tí xíu vẫn đang trôi bịn rịn trên da thịt nàng, trước khi tuột hẳn, nhập lại vào dòng suối. Những giọt nước ấy ánh sắc hồng ngọc, dần tụ lại và đột khởi, trong không gian tĩnh lặng, như dội cả dòng suối lên. Nước suối cuộn sóng, dựng đứng lên, thành một chàng trai tuyệt vời đẹp và buồn.

"Trời, Thủy Tinh... Sau biết bao nhiêu năm rồi..." My Nương khẽ cúi đầu, bắt gặp bờ vai trần của mình vẫn ngời ngời sáng lên và nàng thấy không còn một chút sợ hãi bờ ngõ nào nữa trong lòng. Nàng chợt thấy mình e ấp mà chủ động, mà ở ngoài mọi cương tỏa, như phút nàng đứng sau rèm ngày vua cha kén rể. Nàng thấy mình trinh nguyên. Mắt tai thông thính sáng láng lạ thường...

- My Nương em có nhận ra tôi không?

- Dạ...

- Vậy thì tôi là ai? Em hãy gọi tên tôi. Hãy gọi tên tôi một lần.

- Chàng đã không tin em rồi...

My Nương khẽ ngược mắt lên. Mắt nàng không định mà hơi chau lại. My Nương không tự ái, nàng chỉ nghĩ rằng mình có quyền nghịch ngợm một chút. Nhanh nhẹn, dứt khoát, My Nương mặc váy áo, đứng dậy chấp tay, thi lễ:

- Em về.

My Nương bước đi và lắng nghe sau lưng mình, tịnh không có một tiếng động. Chỉ một làn sương bụi nước ẩm thơm ngát bỗng lan tỏa, hồng hồng bao lấy My Nương mà không lấp, không che lối về của nàng.

Nhưng chỉ bèn gan được chừng mười bước chân, My Nương quay phắt lại. Làn sương ẩm đã cuộn cuộn thành một bông mây óng ánh ngũ sắc chợt tan biến. Gương suối lặng tờ. Thủy Tinh đã biến mất.

My Nương chạy ào xuống suối, thẳng thốt:

- Ôi, Thủy Tinh...

Suối cuộn sóng, một bông nước dâng, đưa My Nương giạt lên bờ, ở chỗ lúc nãy nàng ngồi. Những đợt nắng sớm xuất hiện, tãi ẩm trên xiêm y, thân thể nàng. Những giọt nước óng ánh trên tóc My Nương, như châu ngọc li ti.

- Thế là được rồi. Tôi đã được nghe tiếng em gọi tôi thật lòng... Sau bao năm...

Tiếng Thủy Tinh vang lên, trầm ấm. Và My Nương thấy chàng lại sừng sững đứng đó, giữa tim suối. Thật đẹp và thật buồn.

*

- Hãy nghe tôi... Hãy ngồi yên đó và nghe tôi thôi. Không thì không sao tôi bình tĩnh nổi... Tôi hoàn toàn hiểu rằng chỉ có lần gặp gỡ này thôi, muôn đời tôi sẽ không còn gặp được em nữa. Tôi hiểu em là gái đã có chồng, em sống tuyệt vời hạnh phúc và mẫu mực. Còn tôi: một kẻ bị muôn đời góm ghiếc, nguyên rủa và cô đơn. Nổi cô đơn mệnh mông, cằn cào, như cả xứ sở

đầy sóng gió, biển cả và đại dương của tôi. Nhưng tôi yêu... Tôi đã yêu em, từ lâu lắm rồi cho đến mãi mãi. Từ khi em còn là một cô bé con... Ngày ấy, ngày em lần đầu tiên lên tắm ở tận con suối đầu nguồn này, em còn bé và tôi còn trẻ lắm, tuy cũng đã là Chúa Biển rồi... Ngày ấy, tôi đã biết em, đã tan hòa trong những giọt nước, nô giỡn, cười vui thỏa thích cùng em. Vì ngày ấy, tôi đã tự nhiên cứ muốn một lần được lang thang từ biển vào sông, muốn đi ngược lên mãi và tôi đã đến tận đây, tận nguồn này, gặp đúng ngày đầu tiên em được phép phụ vương nhào mình xuống suối. Rồi tôi phải về biển... Nhưng lòng ước tính từng năm để rồi quyết, để rồi không nên được sẽ phải đến nói cho em, cho phụ vương em rõ tình yêu của tôi. Tôi lên bờ đất Phong Châu để nhận tin phụ vương đã dựng lầu kén chồng cho em. Tôi đã gặp Sơn Tinh nơi quán dịch. Biết bao chàng trai khi nhìn thấy hai chúng tôi đã đành ăng lạng xếp khăn gói, lủi thủi ra về. Thật tội, nhưng biết làm sao? Họ là những người thường và họ biết rõ thứ hạng của chúng tôi: những thần nhân. Sơn Tinh thì chỉ nói với tôi: Chàng nghe nói vua Hùng kén rể, lại cũng nghe nói cô con gái vua ngoan lắm, đẹp lắm. Sơn Tinh còn nói thêm: "Người thân mà lấy con vua, thực là một việc hợp lẽ". Rồi chàng đi ngủ, thật thanh thản, đàng hoàng, dáng nằm thật thư thái, uy nghi. Chàng ngủ rất ngon. Còn tôi lúc ấy, tôi đã không sao ngủ được, lòng chỉ còn còn cào một ý nghĩ làm sao gặp được em, thấy được em. Đã bao lần tôi định lén trốn ra ngay trong đêm tìm đến chỗ em. Nhưng rồi tôi biết em đã ở trong cung cấm. Và... ý nghĩ cuối cùng khiến tôi đành nén lòng năm yên chờ sáng... "Biết đâu, em cũng đang ngủ rất ngon, rất say. Thực vô duyên nếu quấy rầy em, nếu làm em dở giấc".

- Không, thưa chàng, đêm ấy em cũng không sao ngủ được...

- Cảm ơn, cảm ơn em. Đó, tôi và em cứ có những cái giống nhau, những cái trùng nhau vô bổ, vô tích sự, những cái tương hợp chẳng để làm gì ấy như thế đấy... Ô hô! Cuộc đời... Và

buổi sáng đã đến... Cả hai chúng tôi được gọi vào châu phụ vương em cùng một lúc. Cái đường bệ, thông thả ung dung của tôi chỉ là cái dáng vẻ bên ngoài. Mất tôi đầu tiên đã đặt vào khoảng rèm thoáng lay động sau lưng nhà vua. Có phải em đứng chỗ đó không?

- Dạ, đúng...

- Chợt nhớ phải giữ ý, không thể nhìn vào đó mãi, tôi đành dăm dăm dôi vào gương mặt cha em. Và như đèn bù cho tôi, hai cha con em giống nhau lắm. Tôi gạn được biết bao nét từ cha em thành em. Tôi quên mất, ánh mắt của tôi đã làm ông ở ngay phút đầu dễ có gì ngại ngại, thậm chí khó chịu với tôi. Vừa thi lễ xong, đã nghe lời cha em hỏi: "Chẳng hay hai vị tới đây có việc gì?". Tôi đã không hiểu ngay lúc ấy. Mãi sau này tôi mới thấy trong câu hỏi ấy có cái oái oăm của một đấng quân vương, cái nếp quen triệu tập mọi người đến vì ý mình rồi lại bâng quơ hỏi nói như phải miễn cưỡng tiếp người ta như không, lẫn cái lối giữ giá của nhà có con gái, dẫu đang ở ngôi chúa tể... Và điều không may mắn nhất, điều lú lẫn nhất của tôi là tôi đã không thấy trước ở đó một lời gợi ý, một điểm nếu thuận theo thì lợi, nếu trật thì mất điểm, thua thiệt ngay thủa đầu. Tôi chỉ lăm lăm bộc bạch, không màng tới đua tranh, khi thua rồi, khi mất em rồi, mới nghĩ lại tất cả. Tôi đã không để ý tới tiếng "việc" (chẳng hay hai vị tới đây có việc gì?) Và My Nương ơi, có phải là hôm ấy, tôi đã bước lên trước và trả lời trước...

- Vâng, thưa chàng, đúng như vậy. Em cũng có thể nói thêm để chàng rõ: chính vì thế mà trong hai chàng, kỳ thực và tính thật đúng đến từng khắc, thì chàng lại là người mà em biết trước, biết tên, nhìn được mặt, được người trước. Bởi vì chỗ em đứng khuất một thân cột và viền rèm, khiến chỉ có ai bước lên một bước nữa hôm ấy mới qua chỗ khuất và em mới được nhìn

thấy. Vì vậy mà em hoàn toàn nhớ: chính chàng đã bước lên trước, đã trả lời trước...

- Và em có còn nhớ câu trả lời của tôi không?

- Thủy Tinh ơi, em không muốn một lần nữa nhắc rằng: chàng đã không tin em, cũng không muốn một lần nữa rời gót khỏi nơi đây, để rồi lại phải chạy lại... Em muốn nói với chàng một lời: Vì sao chàng cứ thích nhắc lại những lời ấy, nó có làm cho chàng dịu bớt được một điều gì đâu? Không nhắc lại thì nói cũng có làm cho chàng mát mát thêm điều gì đâu?... Thủy Tinh ơi, chàng đừng giận nhé, em cảm thấy chàng chẳng có gì khác ngày ấy cả. Chả có gì lớn hơn, từng trải hơn, điềm đậm hơn, thiết thực hơn cả... Không nên như thế, em cảm thấy thế, mong cho...

- Thôi thì tôi sẽ dè bẹp nốt cả cái mong muốn cứ chốc lát lại được nghe tiếng em, dù chỉ một tiếng "có" hay "không"... Thôi thì em lại nghe tôi nhé...

Tôi đã bước lên, nói ngay điều có từ hơn mười năm trước. Tiếng tôi là tiếng sóng cồn lên, va đập:

- Tôi đến đây để bộc bạch với Người tình yêu của tôi với My Nương, con gái Người.

Và Sơn Tinh, quả thật, thâm trầm điềm đậm như núi và khôn ngoan vững vàng như đất, đã thông thả cất tiếng sau tôi:

- Kính thưa bệ hạ, thần đến đây để xin được cưới công chúa My Nương, được trở thành con cái trong nhà của triều Hùng.

Thế đấy! Tôi thoáng thấy nhà vua khẽ gật đầu, ánh mắt dành cho Sơn Tinh mềm mại, ưu ái lắm. Tôi cảm thấy mình bị thất thiệt. Phụ vương em quả không hổ tiếng là người đứng đầu

HUỶNH ÁI TÔNG

trăm họ, lo toan biết bao công việc. Cho nên đã trọng việc hơn trọng tình. Cái việc nó cộn lên lơ lửng, còn cái tình thì vô hình vô ảnh. Tôi thì thô lỗ cái tình, Sơn Tinh xin lo việc và còn hứa sẽ xếp mình vào cùng đội ngũ. Thế là dường như không thể khác, các món sính lễ đã được đặt ra thật dễ hiểu: Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao...

Đúng bình minh hôm sau... Ai đến trước sẽ được đón My Nương về...

Tôi không thể ngờ phụ vương em lại thiên lệch, lại thiếu công bằng, lại rẽ tình tôi với em tàn nhẫn và không trong sáng đến như vậy.

- Thủy Tinh, chàng chớ quên em là...

- Chính vì thế... Và đây, em hãy gắng trả lời tôi từng câu nhé. Một: voi ở núi hay ở biển?

- Dạ, ở núi.

- Ngựa ở núi hay ở biển?

- Dạ, ở núi.

- Gà ở núi hay ở biển?

- Dạ, cũng ở núi.

- Hừ, câu cuối cùng: Núi Tản và Biển Cả, nơi nào xa Phong Châu hơn?

- Dạ, biển xa hơn, xa hơn nhiều. Chàng ơi... đừng hỏi em nữa.

- Thế đấy, tôi ngược lên thì phụ vương em đã phất áo quay vào nội điện rồi. Và lại, dù cho Người còn đứng đấy thì phỏng tôi nói được gì? Làm sao tôi có thể cãi lại cha của người mình yêu ngay trong lần đầu gặp gỡ. Chưa nói làm sao tôi có thể bộc lộ cái kém cỏi của tôi trước Sơn Tinh ngay tức khắc như thế.

Tôi chỉ thấy ngực mình nóng dội lên, hình như có lửa cháy trong tim tôi. Tôi nhìn vào khoảng rèm, không còn thấy lay động nữa, tôi cảm thấy em không còn ở đó nữa.

- Vâng, cha em vào là vẫy tay bắt em theo sát gót ngay. Người cũng thấy em muốn nán lại, và chắc chính vì thế mà nhất định gọi em cùng vào nội điện ngay...

- Em đã muốn nán lại. Vì sao vậy?

- ... Em cũng không biết nữa, cho đến tận bây giờ...

- Còn tôi thì cứ đứng sững bên thềm đại điện. Mãi một lúc lâu, khi giật mình quay ra thì chỉ thấy trống trơn có một mình mình. Sơn Tinh đã ra về từ lúc nào.

Tôi về biển, lòng rầu rĩ, thần thờ. Cầm bằng như đã bị cướp mất em. Đám bày tôi, đàn em của tôi xúm lại hỏi mãi, tôi mới dật dờ nhớ lại được, kể lại mọi việc lần lần. Tức thì có ba đứa bước ra, đập đầu loang máu: Thuồng luồng, Ba ba, Cá Ngực. Chúng tôi xin nguyện hiến mình cho tôi, cam hóa thân thành voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao.

Quyền phép thì tôi có tu luyện đủ đầy, nhưng phạm việc hóa thân thì phải có lửa. Mà dưới Thủy Tinh cung của tôi, chẳng lửa nào cháy được. Tôi ôm lấy lũ đàn em, nước mắt cứ vỡ ra. Bỗng lòng ngực tôi nóng rực. Tôi sững sờ: trái tim tôi đã cháy lên, ngùn ngụt. Ngọn Hỏa Tâm ấy đã làm được tất cả. Đêm ấy, ba tầng nước Thủy Tinh cung thấy thủy động. Tầng trên

cùng đen cháy, sôi sục, hứng trọng lều bều những lớp vẩy vò của những xác hóa thân. ở tầng giữa, nước đỏ bầm mầu máu cháy. Và ở dưới cùng, cội nước lung linh sáng rực nơi lò luyện. Gần sáng thì cả ba con vật đã hiện hình, đã đi, đã thờ rống lên, đã gục gặc đầu vai, đã ra hẳn sự sống voi, ngựa, gà... Lòng ngực tôi thoáng đặng như những buổi sớm mai ở biển. Tôi dẫn đầu đoàn sính lễ vội trẩy ngược Phong Châu, nghe gió lướt tràn rạt hai bên mang tai mình.

Nhưng tôi đã đến chậm bốn khắc.

Tôi đến để vừa kịp nhìn Sơn Tinh cưỡi ngựa đi trước, kiệu hoa của em uyển chuyển theo sát, như có dây buộc, đằng sau... Cái uyển chuyển do vai một cỗ bốn người khênh tài giỏi theo nhịp nhạc lễ, mà tôi lại cứ nghĩ từ em, em uyển chuyển theo sau Sơn Tinh.

Lòng tôi tuyệt nhiên không một mảy may oán hận Sơn Tinh. Tôi chỉ đau xót cho tôi. Tôi đứng chết sững, và không thể cầm được nước mắt ào ào dâng lên, túa ra giàn giụa. Tôi khóc như một người thường. Tôi quên mất mình là thần Biển, thần Nước... My Nương, em có thấy không, hôm ấy, mưa trước hay nước dâng lên trước, hãy nói tôi nghe!

- Chàng đã nói lại hoàn toàn đúng... Em ngồi trong kiệu, đã thấy chàng đến sau, rồi đứng sững nơi ngã ba Phong Châu... Và trước lúc khuất hẳn, em ngoái lại, khẽ vén rèm kiệu nhìn về phía chàng lần cuối thì thấy trên mái kiệu của em, tiếng nước rơi, tiếng mưa mỗi lúc một dồn dập, rào rào... Cũng lúc ấy, Sơn Tinh giục cả đoàn phải đi mau. Chồng em bảo: "Phải đến được địa giới núi Tản trước khi Thủy Tinh kịp dâng nước lên...". Và đúng như thế, vừa khi ngược lên thấy ngọn Tản Viên, thì nhìn xuống đã thấy sóng trắng cuộn cuộn sôi sục, gần bén sát chân ngựa... Chồng em đã nói đúng. Chàng làm sao chối được tội lỗi tàn sát bao sinh linh, hoa lợi, mùa màng, chỉ vì một chút... em...

-... Tôi đã chỉ đứng khóc. Tôi không bao giờ cho lệnh dâng nước lên... Nhưng phía sau tôi lúc ấy đã có nhiều điều xảy ra. Tôi không biết rằng khi tôi vừa sững sờ thấy cảnh Sơn Tinh đón mất em, khi tôi vừa rùng mình lần đầu, thấy mất hết sức mạnh lần đầu, thì cũng lúc ấy, cả Thuồng luồng, ba ba, cá ngựa đã cùng thoát rùng mình trút lốt, hiện lại nguyên hình. Những thân hình mạnh mẽ duyên dáng khi uốn lượn giữa sóng nước ấy nay đột ngột chênh ềnh ra trên cạn, trông quần quai, nhầy nhợt, gớm ghiếc, tanh tưởi lắm. Và những người dân Phong Châu đã kéo ra xem đám cưới em, lúc ấy cũng cất tiếng cười ồ cả lên. Tôi vĩnh viễn trở thành kẻ gian manh, giả trá, kẻ làm đồ giả đầu tiên, từ phút ấy. Thật kinh khủng. Một thần nhân mà đang tâm lừa vua, dối Chúa, toan cướp đoạt công chúa đẹp xinh nhất nước bằng quỷ kế, bằng thủ đoạn đốn mạt, lập lờ đánh lạng con đen.

Tiếng cười ồ lan rộng vang mãi của bao người Phong Châu hôm ấy khiến tôi không thể đứng mãi đó mà nhìn theo em được. Tôi đành gạt nước mắt, giơ tay ra hiệu cho các bày tôi quay trở lại biển khơi.

Nhưng không được, các bày tôi, đàn em của tôi vốn đều là những Thủy thần, Thủy quái có uy lực nhất định. Những kẻ đã sẵn sàng hóa thân vì tôi nay hoàn toàn có lý phần nộ trước tôi - vị thủ lĩnh thất bại và cam bó tay, nước mắt chan hòa, đầu cúi, chân rã rời lê bước về chỗ xuất phát.

Tôi đã một mình về biển.

Và Thuồng luồng, Ba ba, Cá ngựa cùng muôn loài Thủy quái đã phần nộ ào ạt dâng nước lên, ngược với chiều tôi đi, xối xả nghiêng về núi Tản.

HUỶNH ÁI TÔNG

Sơn Tinh cùng em và muôn loài ở núi đã vất vả chống chọi như thế nào và đã chiến thắng vẻ vang ra sao, tất cả mọi người đều đã biết.

Nhưng đây hoàn toàn không một chút gì là chiến thắng Thủy Tinh. Thủy Tinh không hề có mặt trong những con nước ấy.

Tôi biết Sơn Tinh có thể khiến nước dâng đến đâu núi cao lên đến đấy. Nhưng đây chỉ là nước do sức của loài Thủy thần, Thủy quái dưới tôi.

Trời ơi! Nếu quả thật có một chút tôi điên cuồng triền hết sức mình động biển, thì, My Nương ơi, cơn đại hồng Thủy ấy sẽ biến tức khắc tất cả núi Tản, nơi đây, Phong Châu nữa, thành lãnh địa của tôi, nghìn trùng sóng vỗ, mãi mãi. Nhưng như thế để làm gì? Tôi sẽ mất em, nỗi nhớ em, lòng mong muôn hướng về em, mất hết, mất vĩnh viễn.

Và... Lại lần nữa, tôi không thể chối bỏ được trách nhiệm của người thủ lĩnh. Người Phong Châu và mãi mãi đến sau này, lớp lớp cháu con những người thường, đời đời nguyện rửa tội: tên chúa trùm của nạn lụt hung bạo. Người đời đã vẽ hình tôi, truyền lại cho con cháu, găm vào bia cho các tráng sĩ tập bắn, tập ném đá, cho nên ác độc, xấu xí, hung tợn dị thường. Nanh tôi mọc dài, mắt tôi xanh lét, mắt tôi ti hí gian xảo, đầu tôi úp một con ốc vặn xoắn xuýt hèn mọn. May sao... hôm nay, em vẫn nhận ra tôi, cái tôi thật là của tôi.

Đã bao lần tôi can ngăn, thậm chí có lần tôi đã van xin các bầy tôi, đàn em của mình, đừng tháng tháng năm năm, đến kỳ lại dâng nước về đất liền như thế nữa. Nhưng My Nương ơi, đến mùa ấy, những vết đau nhức của một lần hóa thân lại tấy lên dữ dội. Cơn điên khùng bệnh lý của muôn loài Thủy tộc lại kịch phát... Những ngày ấy, tôi nấu mình trong biệt điện tận cùng

Thủy Tinh cung, day dứt nhớ về em và tin ở những triển đề ngày càng vững chắc của Sơn Tinh.

Bây giờ thì tôi đã từ bỏ tất cả. Tôi đã quyết trả lại ngôi Chúa Biển. Tôi về đây, cố hương mãi, cố nhỏ bé mãi con người mình đi tìm được tận đến suối nguồn này, hy vọng gặp em. Và... duyên phận đã cho tôi... Em đây rồi. Tôi đã được nói hết lòng mình, những lời phải nén sâu chôn chặt bao năm, riêng em... Thế là hết, tôi chả còn gì để nói nữa, để mong nữa. Tôi chẳng biết mình sẽ làm gì bây giờ. Chỉ biết rằng chưa chắc tôi đã có thể trở nên có ích hơn, nhưng sẽ được sống thanh thản hơn, nhẹ nhõm hơn. Lại biết đến bao giờ, đến bao giờ nữa, tôi mới có thể gặp lại em...

- Thủy Tinh ơi... em hiểu chàng và mong chàng hiểu em. Em phải về ngay bây giờ đây. Em không thể khuyên chàng điều gì. Những thân nhân như chàng và chồng em, làm sao em lại có thể có lời khuyên. Em chỉ mong chàng đừng rời biển cả. Em chưa thấy biển bao giờ... Nhưng... nếu không có chàng thì ngọn Hỏa Tâm ấm nóng, sức sống, tiếng gọi hóa thân ở biển sẽ ở đâu, biển còn trong sạch, phóng khoáng, đẹp, quyến rũ, tràn đầy tình yêu nữa hay không? Biển có còn đáng hướng tới nữa hay không? Em không hiểu, em không biết là mình vừa nói gì nữa. Thủy Tinh ơi, đừng nghĩ là em muốn đuổi chàng, đừng nghĩ là em không muốn gặp lại chàng nữa, đừng... Nhưng, cũng đừng để em thấy như mình đã bắt đầu có lỗi, bắt đầu mang tội với...

- Hãy bình tâm, My Nương. Tôi hiểu em hoàn toàn. Hãy trở về đi và gắng sống như đã sống. Tôi cũng vậy. Tôi sẽ nghe lời em. Còn nếu nhớ tôi, thì mỗi năm một lần, đúng tiết thu, ngày này, em hãy ở một mình và mở cửa sổ phòng riêng. Em sẽ thấy những giọt mưa đầu trong vắt thả như buông rèm trước mặt. Đó là tôi, là Thủy Tinh này. Chúng ta sẽ gặp nhau như thế. Và chỉ gặp nhau như thế.

My Nương đã trầm lặng, riêng tư theo lời ấy. Và đó chính là nguồn gốc của những giọt mưa thu thánh thót ngoài hiên, đem cái se lạnh gợi nhớ để tôn thêm giá trị cái ấm áp của những ai đang trong khuôn cửa. Độ phong sương trong vắt của tiết giao mùa kê bên mái ấm, thể thôi.

My Nương mở cửa, không dùng được, đưa tay hứng một giọt mưa. Hạt nước mỏng tròn đọng giữa lòng bàn tay nằng tiếp hơi ấm bàn tay, tỏa bụi nước ấm. Chút bụi trắng tinh lấp lánh giữa lòng bàn tay, My Nương đưa lên môi. Vị mặn của muối. My Nương mấp má, gọi thầm: "Thủy Tinh! Thủy Tinh!..."

Những giọt mưa Thủy Tinh ấy nhỏ bé, tí xíu mà vẫn trọn vẹn mang hồn biển, nên nó rây bột muối lên cả thành cửa sổ, làm mặn cả ngoài hiên... Và, dẫu chỉ có một ngày mà khiến quanh năm vách gỗ phía đông cứ ầm ì tiếng sóng. Chỉ riêng My Nương nghe thấu tiếng sóng ngậm trong các thớ vách gỗ ấy. Hằng giờ, hằng ngày, nằng áp má vào vách gỗ phía đông ấy, nghe, mà còn cào tưởng đến biển, mà khát khao được thấy biển một lần...

Nàng đã không thể sống như đã sống.

Và Sơn Tinh - thần nhân trầm tư, chắc chắn, đầy khôn ngoan và thiên lương - thấu hiểu tất cả. Chàng không mảy may thay lạ lòng, sừng sốt. Nhưng nỗi niềm của My Nương là nỗi niềm của mỗi một người thường... Chàng chỉ thầm nhủ: "Rõ ràng bên cạnh những việc lớn bộn bề ta phải có trách nhiệm, phải để ý đến vợ ta hơn. Nàng đi đâu, chạy đến đâu, làm gì, hãy để nàng đi, nàng chạy, nàng làm, nhưng đừng để nàng thiếu ánh sáng chỉ có thể chiếu ra từ mắt ta, từ tâm não ta, ánh sáng chưa bao giờ vẫn đục, chưa một phút mờ ám. ánh sáng lúc nào cũng tinh

khôi của núi, ánh sáng soi rọi mọi ngõ đường cho nàng, từ khi nàng về với ta".

Rồi đến một buổi sớm quang mây, Sơn Tinh thấy My Nương đứng kè bên cửa sổ, chàng đứng sau cất tiếng gọi mà không nghe nàng trả lời... Có một ngọn gió thơm mát, không từ ngoài trời thổi vào, mà vừa từ trong phòng riêng này cộn lên và bay qua cửa sổ, tung tăng bay đi, chạy đi. Mắt Sơn Tinh bừng lên, sáng trong và khoan dung, dõi theo ngọn gió thơm đang chạy. Chàng biết: người thường giao duyên với thần nhân lâu ngày thì đến lúc nào đó, hội với khát vọng, cũng đủ sức phân thân. Ngọn gió ấy chính là My Nương đấy!

Trong ánh sáng trầm tư trong như lọc của núi, ngọn gió thơm mát bay dọc theo suối, ủa tới cánh đồng rộng, vấp vào những triền đê cao vững chắc - những triền đê che chắn bình yên một thời, và cũng che khuất tầm mắt một thời - ngọn gió rướn lên, bay dọc triền đê, hồ hởi ào theo những con sông tới biển.

Biển mênh mông, xanh thẳm đến tận mí trời, cộn lên những cụm hoa trắng muốt, trải đến tận bờ đón ngọn gió nhỏ. Những tiếng rì rào khe khẽ lặn vào tĩnh mịch vô biên...

*

Người ở biển bảo tôi:

- Đó là những ngày đẹp trời.

Trích thơ:

Dấu xưa

*Ngày xuân
Anh đến thăm em
Thỏa đi nỗi nhớ*

Em - cười xinh xinh

*Tháng hạ
Lòng lại trách mình
Mộng trông ra biển
Xa - người tình thơ*

*Mùa thu
Hải đảo mịt mù
Trăm năm đành lỡ
Xin - đừng vấn vương*

*Chiều đông
Mưa ướt áo em
Tình thêm trĩu nặng
Nỗi sầu lên ngôi*

*Nụ hôn
Ngày tháng chắt chiu
Dấu xưa kỷ niệm
Một đời - yêu thương.*

Duyên xuân

*Anh hay kể chuyện của chúng mình
Ban đầu chỉ biết có làm thỉnh
Biết yêu trăng đến treo đầu ngõ
Yêu dáng em xinh cộng với tình*

*Em loài hoa đẹp buổi ban mai
E ngại chiều hôm nắng nhạt phai
Nếu biết anh đi miền quê lạ
Em sợ trong lòng buổi chia tay*

*Từ lúc xa nhau để lên đường
Lòng em vương vấn một người thương*

*Anh đây vẫn biết em thương nhớ
Trọn nghĩa ân tình vẹn sắc hương*

*Mỗi độ xuân về em ngóng trông
Nụ hôn ngậy ngát chứa men nồng
Như say lây lất theo hơi thở
Cùng đón mừng xuân với pháo hồng.*

Thu cảm

*Cây ơi ai nhuộm lá cây vàng
Đến mùa thương nhớ lật từng trang
Không gian âm thấp buồn tê tái
Còn lại cho nhau chuyện dở dang*

*Nhớ từng hò hẹn nhớ băng quơ
Mắt biếc vòng tay lúc đón chờ
Đốt thuốc gọi mây trời than thở
Môi nghe vị đắng thấm hồn thơ*

*Nhắm thêm hớp rượu để ấm lòng
Còn gì để đợi để mà mong
Những giấc mơ về anh thường nhắc
Đừng khóc nghe em nhạt má hồng*

*Rót trao tâm sự cuộc tình say
Chỉ có men nồng bớt đắng cay
Ngõ vắng hàng phong màu đỏ thắm
Ngoài kia cây lá cũng đổi thay!?*

*Không gian xoay chuyển vật đổi dời
Tình theo năm tháng cuốn mù khơi
Gió lướt nhẹ rùng cây xào xạc
Trên lối về dẫm lá vàng rơi...*

Ánh trăng chênh chếch rọi hiên nhà

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đêm khuya thao thức chỉ mình ta
"Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà" (*)*

(*) Thơ Hàn Mặc Tử

Trong bài: *Kẻ mang gương mặt đời Đường*, Nguyễn Quang Thiều đã viết về nhà văn Hòa Vang như sau:

"Hòa Vang có cái thanh lịch của người Hà Thành, có cái ngang tàng của kẻ sỹ Bắc Hà, có cái sâu sắc của kẻ thăng trầm. Nhưng có lẽ cái để lại ấn tượng cho tôi nhất chính là cái vang động kỳ lạ của văn trong Sự tích ngày đẹp trời, là một gương mặt của những kẻ sỹ đời Đường, là "Tiểu ngạo giang hồ". Hoà vang là một kẻ dong chơi nơi trần thế. Chỗ nào vui thì ghé, chỗ nào giận cũng qua, nghề gì cũng làm. Ông cứ đi, cứ thỏn thức, cứ gây sự, cứ thờ dài, cứ thanh lịch, cứ rắc rối, cứ khóc, cứ cười, cứ hiện thực, cứ mơ hồ... Ôi sống như vậy thì có một đồng trong túi cũng thấy giàu, có một ly nhỏ cũng thấy say, có một áo mỏng cũng thấy ấm, có một mình cũng thấy đông vui. Và cho đến lúc này, hình ảnh Hoà Vang hiện ra trong tôi vẫn là hình ảnh ông đang cười một con la với cái lưng hơi gù đi qua thành Cửa Bắc.

Còn ông đi đâu thì tôi không biết."

Tài liệu tham khảo:

- Hòa Vang Web: tuoitre.vn
- Sự tích những ngày đẹp trời Web: dactrung.com

9. Đoàn Thạch Biền



Đoàn Thạch Biền - Phạm Đức Thịnh (1948-20)

Nhà văn Đoàn Thạch Biền còn có bút danh Nguyễn Thanh Trịnh, tên khai sinh là Phạm Đức Thịnh, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1948, quê quán ở Nam Định.

Năm 1954, di cư vào Nam, học tiểu học ở Hội An, trung học ở Đà Nẵng, lên đại học, Đoàn Thạch Biền học Ban Triết ở Đại học Văn khoa, rồi thi vào Đại học Sư Phạm Sài Gòn. Sau khi tốt nghiệp Sư phạm, Đoàn Thạch Biền được phân bổ dạy học ở Bình Thuận,

Trước năm 1975, Đoàn Thạch Biền viết văn lấy bút danh là Nguyễn Thanh Trịnh, theo ông cho biết vì mê một cô tên Trịnh nên lấy làm bút danh. Với bút danh Nguyễn Thanh Trịnh, ông đoạt giải Văn chương toàn quốc năm 1973, với tập kịch bản văn học.

Là giáo chức có bằng Tú Tài nên Đoàn Thạch Biền bị động viên đi học trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, sau khi ra trường một thời gian, ông được biệt phái về dạy học lại.

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau 30-4-1975, cũng như các Sĩ quan khác của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ông bị trình diện đi học tập cải tạo một thời gian.

Sau khi ra trại vì được “tạm tha”, Đoàn Thạch Biền đưa gia đình lên Bảo Lộc trồng Cà-phê, cà phê gần thu hoạch thì có lệnh chặt bỏ, theo quy hoạch trồng dâu để cung cấp cho các cơ sở nuôi tằm, dệt tơ, nhưng do sự xuất hiện của lực lượng FULRO nên ông phải chần mản đi ngủ tập trung, vì chán ngán cảnh tập trung cải tạo, tập trung ngủ có công an canh gác, ông quay về Sài Gòn đi làm công nhân.

Từ khi làm công nhân, ông bắt đầu viết lại, gửi bài cho báo *Công nhân giải phóng* với bút danh là Đoàn Thạch Biền. Báo *Công nhân giải phóng* mời ông về làm phóng viên cho đến lúc nghỉ hưu. Sau đó ông cộng tác với báo *Người lao động*. Chủ biên tập san *Áo Trắng* thuộc nhà xuất bản Trẻ.

Đoàn Thạch Biền là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 2001. Năm 2005, Đoàn Thạch Biền được bầu vào Ban Chấp hành Hội Nhà văn Tp. HCM nhiệm kỳ 2005-2010.

Hiện ông cư ngụ tại cư xá Tự do, quận Tân Bình Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Ví dụ ta yêu nhau* (tập truyện, Sài Gòn, 1974)
- *Bát ngờ phía trái tim* (tập truyện, Trẻ, 1987)
- *Tình nhỏ làm sao quên* (truyện vừa, Trẻ, 1990)
- *Đừng đốt cháy bông hồng* (tập truyện, Văn Nghệ Tp.HCM, 1992)
- *Phượng yêu* (tập truyện, Trẻ, 1993)
- *Những ngày tươi đẹp* (tiểu thuyết, Trẻ, 1995)
- *Tôi thương mà em đâu có hay* (tập truyện, Trẻ, 1998)

- *Mây bay trong đầu* (tập truyện, Trẻ, 1998)
- *Mùa hè khắc nghiệt* (tập truyện, Kim Đồng, 2002)

Trích văn:

Cô gái hát bộ

Tôi được tòa soạn báo phân công đi viết bài phóng sự về đời sống các bệnh nhân ở trại phong Qui Hòa, nhưng khi ghé Qui Nhơn, thấy tấm bảng quảng cáo Nhà hát tuồng Đào Tấn trình diễn vở Hộ sanh đàn, tôi quyết định không bỏ lỡ dịp may tìm hiểu về tuồng. Đến đất tuồng mà không xem tuồng, không khác gì đến xứ biển mà quên... ăn hải sản.

Mặc dù buổi tối cuối năm trời lạnh căm, tôi cũng xếp hàng mua vé vào rạp xem như một khán giả “ghiền tuồng” lâu năm. Vở tuồng đã thật sự làm tôi say mê bởi các diễn viên diễn quá hay. Nhất là người đóng vai Kỹ Lan Anh khi gặp người chồng Tiết Cương sau bao năm lưu lạc. Kèm theo điệu bộ chăm sóc chồng, nàng vừa khóc vừa hát:

*Sao mà trông hư (gầy gò) lắm vậy anh ơi!
Trăng rẽ vẫn em có hay ở mô mà
Gió đã tạc, mưa đã phai
Phu quân ơi!*

Tôi tự trách mình đã quên mang theo khăn tay, nếu không tôi đã có dịp khóc mùi mẫn.

Sau buổi trình diễn, tôi tìm gặp giám đốc Nhà hát tuồng để phỏng vấn. Ông nói nếu tôi muốn tìm hiểu sâu xa về nghệ thuật tuồng, nên đến gặp “thầy tuồng” Nguyễn Phổ – người đã đạo diễn vở tuồng tôi vừa xem. Và ông ghi cho tôi một địa chỉ kèm vài dòng giới thiệu.

Suốt ngày hôm sau tôi phải làm việc với ban giám đốc bệnh viện Qui Hòa. Đến 5 giờ chiều, tôi mới tìm đến nhà ông thầy tuồng. Nhà ông ở bên đầm Thị Nại. Trên bờ đầm đầy những quán ăn hải sản. Tôi nghĩ sẽ mời ông thầy vào quán nhậu, như vậy tôi sẽ tha hồ khai thác vốn hiểu biết về tuồng của ông.

Thật đáng buồn, ông thầy tuồng đang bị bệnh cúm, nằm đắp chăn đến tận cổ và rên hừ hừ. Hiểu mục đích của tôi đến viết bài về tuồng để đăng báo Xuân, ông nói:

- Tôi mệt không nói được (hừ hừ). Nhưng con gái tôi sẽ nói thay tôi (hừ hừ). Nó đang đóng vai Kỷ Lan Anh (hừ hừ). Nhưng khi đăng hình màu lên báo, cậu nhớ đăng hình tôi (hừ hừ). Ngọc Hân ơi (hừ hừ), Ngọc (hừ hừ)... ơi!

Cô con gái từ nhà dưới đi lên. Hai người nói to nhỏ với nhau điều gì đó, tôi chỉ nghe loáng thoáng. Rồi cô gái mời tôi ra ngoài phòng khách. Cách chỗ ông thầy đang nằm chỉ có một tấm màn nhưng màu rêu đã cũ. Tôi vừa ngồi xuống chiếc ghế, cô gái hỏi:

- Ông có thắc mắc gì về tuồng?

Nghe tiếng ông thầy tuồng rên hừ hừ vọng ra, tôi nói:

- Nếu không ngại, tôi mời em qua quán hải sản bên kia đường. Chúng ta nói chuyện thoải mái hơn và không làm phiền bác đang cần nghỉ ngơi.

Cô gái gật đầu đứng dậy.

Đây là một quán ăn lộ thiên, bàn ghế kê sát bên đầm Thị Nại. Gió từ mặt đầm thổi lên làm tôi ớn lạnh. Nhưng sau khi ăn vài con ốc nhảy vừa luộc nóng hổi, người tôi đã “nóng” lên, tôi hỏi:

- Em có thể cho tôi biết chút ít về nghệ thuật hát tuồng được không?

Ngọc Hân vừa ăn xong một con ốc nhảy nên lưỡi em cũng nhảy theo:

- Ba em dạy: miền Bắc gọi là hát tuồng vì hát theo tuồng tích đã có trong truyện Tàu. Miền Trung gọi là hát bộ vì vừa hát vừa diễn bằng điệu bộ. Miền Nam gọi là hát bội do chữ bội trong “gia bội, bội nhị” có nghĩa là thêm bằng hai, bằng ba, phải diễn cường điệu lên. Riêng em thích gọi là hát bộ hơn. Nghệ thuật hát bộ dựa vào các nguyên tắc cách điệu, ước lệ, tượng trưng. Ví dụ: trung thân vẽ mặt đỏ, gian thần vẽ mặt trắng mốc... Nhờ đó, người xem nhìn mặt diễn viên là biết ngay đó là vai trung hay vai gian.

Tôi nói:

- Ước chi ở ngoài đời nhìn mặt ai, người ta cũng biết ngay là trung hay gian thì đỡ khổ biết mấy!

Ngọc Hân cười:

- Như vậy em đâu dám ngồi chung bàn với ông?

- Sao vậy?

- Vì mặt ông trắng mốc.

- Hãy đợi đấy, chỉ cần uống xong một ly bia, mặt tôi sẽ trở thành trung thần ngay.

Tôi uống cạn ly bia và mặt tôi từ từ đỏ lên. Tôi cũng chứng tỏ mình rành về sân khấu nên nói:

- Tôi qua tôi xem em diễn vai Kỹ Lan Anh. Em đóng rất hay lúc em can đảm giành cây roi mây trong tay người chồng, để ông ấy khỏi đánh em.

Ngọc Hân cười sáng sặc:

- Ông phê bình hát bộ như vậy là “giết” em rồi! Cái roi mây khi Tiết Cương sử dụng là cây roi thúc ngựa ra trận. Nhưng sau đó qua điệu bộ của anh ấy, cây roi mây lại là con ngựa. Khi em giăng cây roi là em diễn như mình đang giữ chặt dây cương ngựa, để níu kéo chồng lúc chia tay.

Tôi cảm râm:

- Vậy ai mà hiểu nổi khi nào là ngựa, khi nào là roi?

- Xem hát bộ quen rồi, ông sẽ hiểu tính tượng trưng đó. Hay tính ước lệ trong động tác khoa tay: hất mu bàn tay lên là nói đi. Hất mua bàn tay rồi hất lòng bàn tay lên là gọi quay lại. Cũng động tác đó nhưng chỉ làm hai ngón tay có nghĩa là đuổi đi gấp gấp.

Ngọc Hân vừa nói vừa dùng tay diễn tả, tôi nhìn theo lắc đầu.

- Rắc rối quá! Vậy ai mà hiểu nổi mấy người hát bộ!

- Hát bộ nếu cố gắng tìm hiểu, người ta sẽ hiểu được dễ dàng. Chỉ có “giả bộ” mới khó hiểu mà thôi.

- Em theo nghề hát bộ được bao lâu rồi?

- Mười tám năm.

- Xạo!

- Em nói thiệt mà. Em vừa đầy tháng, má em đã bồng em ra diễn trên sân khấu. Em chỉ hát độc nhất một câu: oa oa!

Tôi bật cười:

- Vậy em thích diễn vai nào nhất?

Ngọc Hân trầm ngâm rồi nói:

- Trên sân khấu em đã diễn các vai bà mẹ, bà tiên, người vợ, tiểu đồng, tráng sĩ... nhưng chưa bao giờ diễn vai con gái. Vì mấy vở tuồng ba em đạo diễn không có vai đó. Cho nên vai diễn em mong ước nhất là vai “con gái”.

Tôi nghĩ em đã nói thật. Em đi diễn hát bộ quá sớm, nên đã sống với tâm trạng của những nhân vật không thích hợp với tuổi của em. Những chiếc mặt nạ hát bộ đã che đi khuôn mặt thật của em. Để khỏi buồn tiếng thờ dài, tôi nhanh tay để vào chén của em một con ghẹ nướng to nhất.

Em nói:

- Tối nay, em diễn tiếp hồi hai vở Hộ sanh đàn, mời ông đi xem, ông sẽ hiểu hát bộ hơn.

Tôi đó tôi xem Ngọc Hân diễn, dù không mang theo khăn tay tôi vẫn không tự ngăn được nước mắt lăn trên má. Khi tấm màn nhung vừa khép lại, tôi chạy vào hậu trường tặng em một bó hồng đỏ thắm.

- Cám ơn em đã giúp tôi hiểu được hát bộ. Thật đáng tiếc vở tuồng còn hồi ba, nhưng sáng mai tôi phải có mặt ở sân bay Phú Cát 7 giờ để đáp máy bay về Sài Gòn lo công việc. Tôi mong một dịp khác sẽ xem em diễn vai trọn vở tuồng.

7 giờ sáng ở sân bay Phú Cát. Tôi vừa cân hành lý xong, chuẩn bị bước vào phòng cách ly. Ngọc Hân nhảy xuống từ một chiếc xe thô và chạy ùa vào.

- May quá! Em còn kịp tặng ông một món quà.

Ngọc Hân đưa tặng một cây roi mây mà em đã dùng để diễn trong vở tuồng. Tôi nói đùa:

- Về Sài Gòn tôi đi xe Honda được rồi, đâu cần phải đi “ngựa”.

Ngọc Hân cười:

- Nó sẽ là “cây roi” nếu ông quên viết thư cho em.

Tiếng loa phóng thanh gọi hành khách gấp rút lên máy bay. Tôi bước đến cửa phòng cách ly rồi quay lại vẫy tay chào em lần cuối. Ngọc Hân hát mua bàn tay rồi hát lòng bàn tay lên, tôi nghĩ em muốn gọi tôi trở lại để dặn dò một điều gì đó. Tôi chạy thật nhanh về phía em. Em nói:

- Ông lại hiểu sai rồi. Em làm động tác đó với “hai ngón tay” có nghĩa là mong ông hãy ra đi gấp gấp. Nếu không em sẽ... khóc.

Trích thơ:

Bài thực tập 1

*Lảng đi như chẳng quen sơ
Em tà tà biển, tôi tà tà đau
Soi gương - trán phẳng đã nhàu
Đỏ con mắt nhớ - ngó hầu đại ra
Thôi đừng quấy rối tình xa
Đốt phong long để người ta mát lòng*

*Cám ơn em yêu lòng vòng
Giúp tôi quanh quẩn đời mong manh thừa
Cám ơn ai giới lọc lừa
Giúp em thực tập, chọn đùa ngay tôi ...*

Gửi một nụ hồng

*Ôi chao! Gió lá nghẹn ngào
Thương con chim nhỏ lạc vào hư không
Này em môi mắt đang nồng
Đừng vội khánh tận, gai hồng xiếc nhau
Tôi giờ giàu có nỗi đau
Chia em chút đỉnh mai sau tặng người.*

Nụ hồng vàng

(Quỳnh Hợp phổ nhạc)

*Đêm nay trời tháng giêng mát lạnh
Hồn mở phôi đón ngọn gió lành
Em yêu,
Anh không tin định mệnh
Nên chẳng bao giờ xem chỉ tay.*

*Sá gì mấy niềm tin lật vật
Gửi tặng em một nụ hồng vàng
Tình sẽ chia xa hay phản bội ?
Mặc tình trắc trở, vẫn hân hoan.*

*Đêm nay trời mưa phùn rất nhẹ
Sao cũng làm ướt mắt em xanh ?
Em yêu,
Đừng tin vào định mệnh
Rồi lệ buồn sẽ vỡ tan nhanh.*

*Sá gì mấy lo âu lật vật
Em đừng run nhận nụ hồng vàng*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Tình sẽ chia xa hay phản bội ?
Mặc tình trắc trở, hãy cười vang.*

*Đêm nay ngọn gió lành đã thổi
Nụ hồng vàng hé nở trong mưa
Em yêu,
Sá gì mấy khổ đau lật vật
Khi yêu nhau định mệnh có cũng thừa.*

Trong bài: *Văn phong Đoàn Thạch Biền qua các biện pháp tu từ*, Thạch Thanh viết:

“Nhà văn Đoàn Thạch Biền là một cây bút giàu kinh nghiệm trong việc sử dụng các biện pháp tu từ trong văn chương. Khảo sát một số tác phẩm của ông đã đưa đến một cảm nhận khá thú vị, đa số tác phẩm của ông đều có một điểm khá đặc biệt khi có cùng một chi tiết để mở đầu và kết thúc một câu chuyện. Điều này đã cho ta cảm giác của sự khép kín của một vòng tròn như đang thể hiện mong muốn viên mãn của tác giả đối với cuộc sống, đối với những câu chuyện tình còn dang dở.”

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Thạch Biền Web: vi.wikipedia.org
- *Cô gái hát bộ* Web: vnthuquan.net

10. Võ Phi Hùng



Võ Phi Hùng (1948-2011)

Nhà văn Võ Phi Hùng sinh năm 1948, tại Banmêthuột, mẹ mất sớm, thân phụ ông bước thêm bước nữa, có thêm 5 người con gái.

Có lẽ vì cảnh ngộ nên ông thoát ly gia đình trôi dạt từ Tây Nguyên, một thân một mình về sống ở đất Sài Gòn, ông phải lăn lộn nơi hè phố, mưu sinh bằng những công việc như giữ xe, bán báo, hát rong, rửa bát... để kiếm tiền nuôi thân, tự nỗ lực vươn lên không ngừng, để trở thành nhà văn, tác phẩm đầu tay của ông là *Dưới cầu thang*, bút danh Thánh Thu in trên nguyệt san *Văn* năm 1972.

Sau ngày 30 tháng 4.1975, ông tham gia công tác tại địa phương Quận 6, Tp. HCM. làm giáo viên lớp đêm rồi trở thành cây bút chủ lực của tờ *Tin Quận 6* trong những năm cuối thập niên 1970 và những năm đầu thập niên 1980. Ông tham gia làm báo, viết văn, và là một trong những thành viên đầu tiên của Câu lạc bộ Sáng tác trẻ Thành đoàn Tp.HCM từ năm 1981, sinh hoạt hàng tuần tại tòa soạn báo *Tuổi Trẻ*, số 12 Duy Tân nay là Phạm Ngọc Thạch, quận 3.

HUỶNH ÁI TÔNG

Do những sáng tác của mình, từ cộng tác viên gửi bài, Võ Phi Hùng trở thành phóng viên tuần báo *Văn nghệ Tp. HCM.* trong nhiều năm, từ lúc tòa soạn báo này ở Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3 cho đến khi về Nguyễn Phi Khanh, Quận 1 rồi Trần Quốc Thảo, Quận 3.

Ngoài văn chương ra, Võ Phi Hùng còn có những đóng góp cho điện ảnh. Ông là Hội viên Hội Nhà văn Tp. HCM.

Ông có mái ấm gia đình với một con trai và một con gái, nhưng đã rã gánh từ lâu, con trai lập nghiệp ở Long An, con gái sinh sống ở Trung Quốc.

Năm 2009, Võ Phi Hùng nghỉ hưu tại Tuần báo *Văn Nghệ Tp.HCM*, từ đó ông bắt đầu viết truyện cho thiếu nhi.

Từ năm 2005, ông đã phát hiện bệnh. Sau một thời gian dài chữa trị căn bệnh lao phổi nặng, nhà văn Võ Phi Hùng đã từ trần ngày 16-11-2011 tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch Tp. HCM, thọ 63 tuổi.

Tác phẩm:

- *Kẻ lang bạt trở về* (1987)
- *Đời có tên tụi mình* (1992),
- *Đóng đinh vào khoảng không* (1993)
- *Bất trắc* (1996)
- *Trong cơn lốc* (1997)
- *Sống sót vừa hè* (2005)
- *Chàng cóc siêu phàm* (2010)
- *Chú nài giông tố* (Kim Đồng, 2011)
- *Đời có tên tụi mình* (kịch bản phim)
- *Chim phóng sinh* (kịch bản phim)
- *Giã từ dĩ vãng* (kịch bản phim)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

- *Cầu thang tối* (kịch bản phim)
- *Tên bắt cóc* (kịch bản phim)...

Trích văn:

Chú nài giông tố

.... Đường đua thật căng thẳng. Khán giả trên các khán đài hồi hộp theo dõi. Tin tức cá cược bị xì ra, nên hầu hết đều đánh con Mãng xà vương về nhút, Hoàng đế về nhì. Mọi người đều chắc ăn, đợi vòng đua kết thúc để đếm tiền thắng giải.

Trong lúc này, ở giữa đường đua rầm rập tiếng vó ngựa, theo lệnh của đại gia Nguyễn Cào, tất cả các con ngựa khác đều bủa vây, ép chặt con Bạch mã do nài Hận cưỡi...”



HUỶNH ÁI TÔNG

Tiểu Quyên trong bài *Võ Phi Hùng già từ dĩ vãng* đã viết về nhà văn này như sau:

“Nhà văn Võ Phi Hùng từng chia sẻ rằng chính quãng đời lang bạt, tủ nhục đã khiến anh luôn viết về số phận của người nghèo. Người trong giới triu mến gọi ông là “nhà văn bước ra từ vỉa hè, đường phố”. Tác phẩm của ông bao giờ cũng có hình ảnh của những phận người cùng khổ, sống tận đáy xã hội nhưng chứa đựng nhiều giá trị đẹp.”

Tài liệu tham khảo:

- Võ Phi Hùng Web: nhavantphcm.com.vn
- Chú nài giông tổ Web: bookaholic.vn

11. Thảo Phương



Thảo Phương - Nguyễn Mai Hương (1949-2008)

Nhà thơ Thảo Phương tên thật là Nguyễn Mai Hương, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1949 tại Đoàn Hùng, Vĩnh Phú, quê Gia Viễn, Ninh Bình.

Thảo Phương tốt nghiệp cử nhân sinh học tại Hungary.

Năm 1975, về nước dạy học tại trường Phổ Thông Trung Học Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Từ năm 1977 đến năm 1983, là cán bộ giảng dạy tại khoa Sinh vật, Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt.

Từ năm 1983 đến năm 1986, là cán bộ Trường Quản lý Kinh tế Trung ương tại Tp. HCM, sau đó, chuyển về công tác tại phòng nghiên cứu di truyền học Bệnh viện phụ sản Tp. HCM.

Từ 1987 đến nay Thảo Phương công tác tại tạp chí *Kiến trúc và đời sống* Tp. HCM.

Thảo Phương nhận được giải thưởng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải 3 cuộc thi thơ của tuần báo *Văn nghệ* năm 1989-1990 với bài *Người đàn bà và tấm khăn choàng*

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1993.

Nhà thơ Thảo Phương biết mình bị bệnh ung thư từ 2 năm trước, đã trú hơi thở cuối cùng ở nhà riêng, tại Tp. HCM vào lúc 9 giờ đêm 19 tháng 10 năm 2008, thọ 59 tuổi.

Tác phẩm:

- *Thơ Thảo Phương* (thơ, 1990)
- *Bài ca buồn* (thơ, 1992)
- *Người đàn bà do đàn ông sinh ra* (thơ, 1993)
- *Chiếc gạt tàn vỏ ốc* (tập truyện)
- *Khúc ca thời gian* (thơ song ngữ Việt Anh 1999)
- *Chim Phi bay về nguồn* (kịch bản phim)

Trích thơ:

Gương mặt người tình

*Ta soi bóng trên đầm lầy im ắng - gương mặt người tình
nhìn ta đăm đăm... sâu dưới đáy - nước lạnh xanh trong vắt
- những xác rượu đã cất nên gương mặt dịu buồn kia.
Và đầm lầy ngọt ngào men say...*

*Những bản thảo - những tứ thơ - ngủ lơ mơ và chiêm thiếp
chín - những mảng màu rạn nứt mặt toan tư lự - những
thuốc phim khur khur chất bạc ít ỏi trong canh bạc cuối...
Dưới lăng kính trái tim đàn bà: những xác rượu đã cất nên
gương mặt kia*

*âm nhạc thật đẹp và trang trọng - đồn ta không chổ trong
căn phòng - những trang sách vỗ vào ta cuồng nhiệt - dứt
ta khỏi mộng寐 tuổi thơ*

Giấu khuôn mặt đàn bà nơi bàn tay run - ta chạy trốn

những mảng màu hội hè - những mảng màu biệt ly và xám chết - những khuôn hình đang diễn ngược cuốn phim - mà ta là ý tưởng và hình bóng.

Nhưng men rượu kia - gương mặt kia - cùng đắm lầy không gợn sóng và ngoài ta

Lặng lẽ say...

Chìm đầu đó những xác rượu đã cất nên một gương mặt tinh khiết và mờ ảo...?

Soi khuôn mặt đàn bà trong bóng gương mặt - ta thặng hoa cùng giọt rượu trên bờ môi mắt mê đắm kia...

Còn lại những mảnh vỡ của cái Đẹp - những xác rượu cùng kiệt chưng cất nên khuôn mặt Người - từ êm ả đắm lầy và ngây ngất...

Âm nhạc thật đẹp và trang trọng - đang dìu ta tới cõi tận cùng - trong hân hoan nuối tiếc khôn nguôi...

Lúc gương mặt mê đắm kia chợt tan biến...

Em đi tìm

Em đi tìm nơi mùa thu hoài vọng-khi lá lìa cành thảng thốt rung tiếng chuông vàng nhạt-và lững thững mây bay-mây bay...

Em đi tìm ly rượu nho nồng nàn-nơi bàng bạc sông Ngân ngưng chảy-xót xa những ngôi sao mờ cõi-rừng...!

Em đi tìm... đóm hoa vàng run rẩy mùa thu xưa-chón nào nơi nào... ta qua?

Em đi tìm... những ngôi sao lặng lẽ khóc-và đêm đêm lá vẫn lìa cành buông tiếng chuông vàng nhạt trên những dấu chân ta đã dìu nhau đi...

Em đi tìm nơi con tim không ngủ...

Trong Mùa-thu-mơ.

Người đàn bà do đàn ông sinh ra

HUỶNH ÁI TÔNG

Ta đã chết và tan cùng số phận
Chút hình hài tuyệt vọng xa xưa
Ta đã chết và lẽ ra - hạnh phúc
Hết khổ đau...
Nhẹ bỗng - nhón nhơ!

Chàng lê bước trên cõi đời
Nặng nhọc...
Côi đơn khi xích lạnh xiết chân mình
Chàng nghiêng khế mái đầu trĩ nải
Mơ hồ tìm nghe tiếng bước chân...

Và định mệnh ào như cơn lốc
Không kịp hỏi ta -
Không kịp hỏi chàng
Chàng đã thai nghén ta
trong hũ hừng côi cút
Ta - Người đàn bà do đàn ông sinh ra..!

Người đàn bà do đàn ông sinh ra
Người đàn bà phục sinh từ cõi chết
Chàng - Người đàn ông sinh ra ta
Người đàn ông bút tung xiềng xích

Người - đàn - bà - do - đàn - ông - sinh - ra
Mãi chơ vơ giữa chợ đời chọn rộ
Người đàn bà do đàn ông sinh ra
Suốt đời chống chénh...

Không kịp hỏi ta...
Không kịp hỏi chàng..!
Ta lạnh lắm - và ta
Côi đơn lắm...

Hồi định mệnh -

- Trả ta về nơi máu thịt sinh ta..!

Khỏa thân

Nhân xem phòng tranh Mùa Xuân Hội Mỹ thuật Tp. HCM

Em thiếp ngủ như nhành huệ trắng

Giữa Thánh - đường - màu - sắc

Nắng xôn xao...

Ngập ngừng thê

Nàng xuân e lệ ngấm

Lộ lộ thiên nhiên tuyệt mỹ nhường nào!

Ta nhẹ bước để hồn còn phiêu lãng

Theo pháp phòng bờ ngực nhỏ - trẻ trung

Ta lặng ngấm bàn tay chàng lãng tử

Kẻ tạo nên Vẻ Đẹp khôn cùng...

Em thiếp ngủ như nhành huệ trắng

Trên những mảng đời trắng - đen.

Ôtenlô

Ta không có gì để biện minh cho ta

Những ngón tay đã bao đời co quắp

Em không có gì để biện minh cho em

Chỉ đáng nằm nhợt nhạt...

Phải như em đừng trắng trong như vậy!

Iagô ngửa cổ cả cười

Ước... mùa xuân

*Chiếc lá rụng từ mùa xưa
Sống dậy giữa trang giấy ép
Mùa xuân qua đây-
Qua đây
Một ngày vàng mơ nắng đẹp...*

*Rồi trăm năm sau-chiếc lá
Rồi trăm năm sau-mùa xưa
Rồi trăm năm sau-em nữa
Rồi trăm năm sau...
Rồi đâu?*

*Còn mãi qua đây-Mùa xuân
Từng ngày vàng mơ
Bất tận...
Mùa xuân
Mùa xuân
Mùa xuân...!*

- Ước phục sinh từ lá rụng...

Lãng du

*Trôi về đâu - về đâu
Thời gian cất lời ca khắc khoải
Tôi từ tôi bước ra
Ngao du theo tiếng gọi*

*Tiếng buồn bã trải dài khói sóng
Những áng mây chợt đỏ lừng thừng trôi
Tôi bé bỏng đuổi bóng mình dưới nắng
Chẳng biết mùa xuân nhú dưới chân rồi...*

*Tôi ngoài tôi đuổi bắt lấy chính tôi
Có tiếng hú từ hồng hoang vọng tới*

*Tôi lạc mình trong ngàn mắt ngàn tay
Trong tiếng mõ cầm canh đêm rỗng*

*Tôi cười tôi bắt lực dõ dành tôi
Thời gian khẽ ru lời tha thiết
Thời gian cất lời ca khắc nghiệt
Lời ca trôi như mây...*

*Trôi về đâu - về đâu...
Thời gian cất lời ca khắc khoải*

*Từ từ tôi bước ra
Ngả mình trên lời ca
Trôi mãi...*

Lối không ai về qua

*Lá rơi đầy lối nhỏ - khẽ khàng bước em qua - và cơn mưa
thôi đổ - dịu bay sương móc một trời...*

*Những cánh cò thoi trôi - lời ru em ngọt ngào giấc mộng -
mà giọt lệ mong manh - phía tối tâm hồn tôi xao động.*

*Thời gian cần mãi trôi - khẽ khàng bước chân em huyền
diệu - lối không ai về qua - phía tối tâm hồn tôi xa động.*

*Lối không ai về qua
Và phía tối tâm hồn tôi
Bàng hoàng...*

Một nửa

*Buổi chiều
nghiêng
khập khiễng*

Nắng đổ
về
một bên
Mưa đổ
về
một bên
Hàng cây
cụt
một bên...
Không gian
đâu một nửa?
Bài ca
không có đầu
Đứng quay hoài
một chỗ
Bầu trời
không có màu
Mây buồn
không trôi nữa...!

Sao níu được buổi chiều
Theo anh đi -
Một nửa...?

ngày mai...

Ngày mai em lấy chồng...!Sao không nói với tôi một
lời?Đêm sững sờ -Ngưng trôi...Và mình tôi - mình tôi -
mình tôi Những mảnh vỡ của mình gom vội Bàng hoàng
Ngày mai em lấy chồng...?Đêm đen choàng lên tôiDịu dàng
Ác độc cặp môi em từ ký ứcÁc độc làn da thơ trẻ mịn màng
Ác độc - dịu dàngEm ơi!Ngày mai em lấy chồngChuông từ
cõi nào...Giống vậy?Giờ tận cùng Biệt lyNgày mai em lấy
chồng...Tôi nhật từng mảnh của mình nơi cây cầu ký ứcNơi
hàng cây vàng trắng và nắng mưa ký ức -Nơi: Em - Tôi...

*kiếm tìm trốn chạy nuôi tiếc nhớ nhung Nơi: Em - Tôi...
chưa chạm tới tận cùng Đã vỡ.Thôi - ngày maiNgày
mai...!Đấy trái tim dại tê quên đập Em hãy xéo lên - Hồi
đôi chân mỗi một tôi đã quỳ hôn nơi hoang mạc khô cằn...*

Người tình bị tên lạc

Người tình của ta bị tên lạc

*Ta cười khan -Thả rơi mảnh giáp cuối...Phơi con tim ứa
máu nhân tìnhTình trường đỏ - Hồi tình địch: - Cầm
đáo...!Để nhìn ta Đâm - lút - trái - tim - đau.*

Bối rối

Tặng.....

*Làm bà rồi, tôi cứ gọi bằng em
Xin chớ trách, tôi đâu có tội
Em vẫn đẹp, đôi mắt nhìn bối rối
Nụ cười thâm!... e áp đến băng khuâng!*

*Tôi một đời đi qua mùa xuân
Yêu em thế, chưa một lần dám nói
Biền biền ra đi, đến ngày trở lại
Côi cút lòng!... xaò xạc gió thu sang*

*Trời đã heo may, hoa cúc chín vàng
Nắng ảo ảnh ngỡ như là xuân tới
Thu đánh thức lòng xuân người có tuổi
Bướm vẽ vòng như dẫn lối tình nhân*

*Được gọi bằng em, dù chỉ một lần
Khi ai đó đã qua thời con gái*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thì bắt chợt thấy lòng mình trở lại
Xao xuyên lòng, rạo rục một tình yêu*

*Trót thương nhau đâu dám xin nhiều
Một chút mỏng để một đời ghi nhớ
Ta bối rối như hai người mắc nợ
Đi hết đời chẳng trả đủ cho nhau!...*

Quá tải

*Ngụ nơi lồng ngực em – trái tim Đàn ông
Bất cần – ham hố
Trái tim nâng bầu rượu và gậy sét giữa trời quang*

*Ngụ nơi lồng ngực em – trái tim Đàn bà
Hiển dưng – chiếm đoạt
Trái tim biết đổ mặt*

*Anh nhìn em bằng cái nhìn huỷ diệt
Em vỡ tan cùng hai trái tim
Quá tải*

Không đề gửi mùa đông

*Dường như ai đi ngang cửa
Hay là ngọn gió mái chơi
Chút nắng vàng thu se nhẹ
Chiều nay
Cũng bỏ ta rồi
Làm sao về được mùa đông
Chiều thu - cây cầu
Đã gãy...
Lá vàng chìm bết thời gian
Đàn cá - im lìm - không quẫy
Ừ, thôi...*

*Mình ra khép cửa -
Vờ như mùa đông đang về*

(SG. 8-92)

Nỗi nhớ mùa đông

*Dường như ai đi ngang cửa
Gió mùa đông bắc se long
Chút lá thu vàng đã rụng
Chiều nay cũng bỏ ta đi*

*Nằm nghe xôn xao tiếng đời
Mà ngỡ ai đó nói cười
Bỗng nhớ cánh buồm xưa ấy
Giờ đây cũng bỏ ta đi*

*Làm sao về được mùa đông
Dòng sông đôi bờ cát trắng
Làm sao về được mùa đông
Để nghe chuông chiều xa vắng*

*Thôi đành ru lòng mình vậy
Vờ như mùa đông đã về*

*Làm sao về được mùa đông
Dòng sông đôi bờ cát trắng
Làm sao về được mùa đông
Mùa thu cây cầu đã gãy*

*Thôi đành ru lòng mình vậy
Vờ như mùa đông đã về*

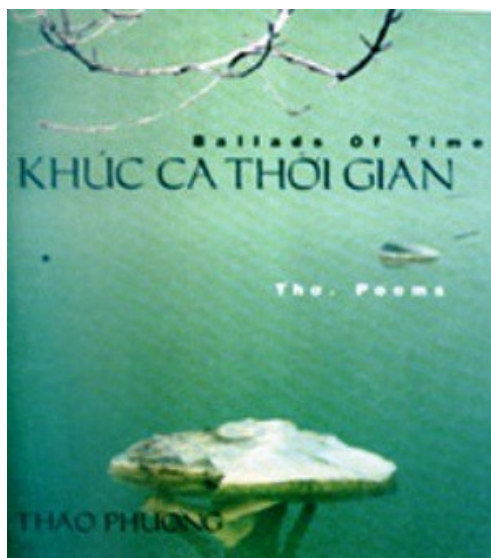
Nguyễn Việt Chiến đã viết trong bài *Nữ sĩ Thảo Phương* và hai phiên bản nhớ mùa đông:

HUỶNH ÁI TÔNG

“Thơ Thảo Phương có một nhịp điệu riêng và dường như chị không mấy quan tâm đến cái ngoài mình, để độc lập hành trình với cái tôi của mình trong những khám phá cần thiết cho một phong cách. Nhà thơ Tây Ban Nha Leon Philip từng nói: “Nhà thơ không phải là kẻ khéo léo đùa giỡn với một ít ẩn dụ trong ngôn ngữ, mà là kẻ biết thức tỉnh ở đó tinh thần Promete, từ đó tạo nên những ẩn dụ lớn lao có ý nghĩa xã hội và lịch sử”. Vậy có lẽ, với mỗi cá thể sáng tạo, thơ không chỉ là một phạm trù hẹp của sự giải thoát và thể hiện chính mình. Vượt lên cao hơn những giới hạn đó, nhà thơ phải tham dự vào những nỗi khổ đau và buồn vui đã làm nên gương mặt của thời đại mình sống. Và, Thảo Phương với hành trình thơ của mình cho tới ngày cuối cùng, đã vượt cao hơn những giới hạn đó.”

Tài liệu tham khảo:

- Thảo Phương Web: giaitri.vnexpress.net
- Gương mặt người tình Web: thivien.net



12. Trần Quốc Toàn



Trần Quốc Toàn (1949-20)

Trần Quốc Toàn sinh ngày 6 tháng 5 năm 1949, tại Phú Xuyên Hà Tây, nay là huyện Phú Xuyên thành phố Hà Nội.

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Sư Phạm Hà Nội. Từng là giáo viên dạy văn trường Phổ Thông Trung Học ở Hà Tây và Đồng Tháp.

Từ năm 1992 làm báo, ông dùng các bút danh như Viễn Giao, Phan Sự, Kính Nhi, Tư Hai Mắt Kiếng.

Nơi đang công tác là tạp chí *Thế Giới Mới* tại Tp. HCM.

Trần Quốc Toàn là hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam.

Ông đã nhận được các giải thưởng văn học:

- Giải thưởng thơ báo *Văn Nghệ* năm 1973 cho bài thơ *Bàn tay công nhân hoa quả*.
- Giải thưởng truyện ngắn báo *Văn Nghệ* năm 1985 cho truyện *Xuất hát đêm giao thừa*.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng truyện ngắn cuộc thi viết cho thiếu nhi do Bộ Văn hóa - Trung ương Đoàn và báo *Văn nghệ* tổ chức năm 1987 cho 5 truyện.
- Tặng thưởng của Hội đồng Văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam 1994-1995 cho tập thơ *Viết đơn lên cát trắng*.
- Giải thưởng của Nxb Trẻ năm 1997 và 2004 cho truyện dài *Nhành cọ non và Ngũ tử cướp cái*
- Giải thưởng truyện ngắn của Nxb Giáo Dục năm 2001 cho truyện *Đi thăm ông nội*.
- Giải thưởng truyện ngắn của Nxb Giáo Dục năm 2003 cho truyện *Từ sông Đà tới sông La Ngà*.
- Giải thưởng truyện ngắn của Nxb Giáo Dục năm 2006 cho truyện *Thầy Tôi*.

Trần Quốc Toàn hiện cư ngụ tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Thưởng năm roi* (truyện tranh, 1985)
- *Trái đất này có nhiều chuyện lạ* (in chung, 1987)
- *Tháp Mười nhỏ* (thơ, 1988)
- *Nhà có đội xiếc thú* (tập truyện, 1989)
- *Sở thú mười hai con giáp* (tập truyện, 1994)
- *Viết đơn lên cát trắng* (thơ, 1995)
- *Bữa tiệc 36 món* (tập truyện, 1996)
- *Ngón tay út của thành phố* (thơ, 1997)
- *Nhành cọ non* (truyện dài, 1997)
- *Cửa sổ lớp học* (tạp văn, 1998)
- *Cây me nước đeo vòng cẩm thạch* (truyện, 1999)
- *Tôi học nghề văn* (nghị luận văn học, 2000)
- *Năm chiếc lá* (truyện, 2004)
- *45 truyện ngắn chọn lọc và bình luận - phân tích tác phẩm* (2003)
- *Ngửa tay hứng trời* (thơ, 2005)

- *Ngũ tử cướp cái* (truyện dài, 2005)
- *Nét chữ nét Thầy* (tập truyện, 2006)

Trích văn:

Học trong bụng mẹ

Ngay từ trong bụng mẹ, những đứa bé đã có một tuổi ta, đã biết sống. Biết chồi đập, biết nghe.

Bé nghe tiếng chuông cà rem khi mẹ mang bụng bầu đi chợ quê. Tiếng chuông bán dạo biến thành tiếng nhạc. Bé vẫy tay, đập chân, ríu rít trong bụng mẹ, mẹ ứa nước miếng thêm cà rem. Mẹ mua một cây, mút ngon lành để cà rem ngọt ngào trôi ngay xuống bụng với bé.

Nghe xao xác hàng me, hàng sấu trên các đường phố, bé – lần này chắc là bé gái – lại đánh tín hiệu nước miếng, mẹ nhớ của chua, kiếm mua sấu, mua me. Mẹ ăn cho đứa bé trong bụng biết thế nào là me, là sấu.

Những đứa bé nằm trong bụng, cùng với mẹ lên lớp dạy học, thường được nghe rất nhiều bài học. Bé nào nằm trong bụng nghe mẹ dạy đại học, bé ấy lúc ra đời học hơi kém một tí. Chỉ hơi kém vào những ngày mới tới trường, bởi vì đang học đại học, đổi xuống học lớp một, tránh sao khỏi lộn xộn, lúng túng. Bé nào nằm trong bụng nghe mẹ dạy lớp một thì giỏi ngay từ khi vào lớp một. Bởi lẽ nằm trong bụng học bài gì, ngồi trong lớp học lại bài ấy. Học có trật tự, thông minh là điều chắc chắn!

Một cậu bé thông minh từ trong bụng mẹ như thế, có tên là... Tên là gì thì phải giấu! Cốt tích này chính là một truyện trinh thám, người kể và người nghe cùng điều tra cho ra cái tên đẹp ấy. Chuyện thế này:

Ngày nầy ngày nay có một cậu bé ham học từ trong bụng mẹ. Mẹ cậu dạy lớp một trường làng, nhờ vậy các bài học vẫn cậu thuộc ngon ơ. *Á nờ ăn* đã dễ nuốt. Khó như *u ô ngờ uông sắc uổng* cũng nuốt dễ nhờ bài học ấy theo giọng đọc đồng thanh của ba mươi sáu đứa bé lớp một đội vào cái bụng bầu ngày một căng của người mẹ. Bài học rung như trống múa lân ngày Tết. Nằm trong bụng, áp tai nghe bài học vẫn! Sống không?

Có điều, thuộc thì dễ, nhưng hiểu bài không phải dễ. Cho nên, cậu cứ phải hỏi thêm Bà Mụ, người có thể nói chuyện với cậu. Bà Mụ chính là cô mẫu giáo nhà trời, đã tàng hình, theo gió vào với các cô các cậu đang sống trong bụng mẹ. Vào theo hai đường hầm lỗ mũi.

Cậu bé ham học, hỏi rằng:

- Bà Mụ ơi! Sao người ta phải học vẫn?

- Vì con người ta ai cũng có tên. Biết đánh vẫn mới đọc được tên mình.

- Phải rồi! Lớp má con có ba mươi sáu cái tên, con thuộc lòng! Nghe má gọi tên điếm danh, bao giờ cũng bắt đầu từ Nguyễn Bình An, rồi tới Trần Thanh Anh, Lê Đình Âm, Đinh Thị Bình, Trần Danh Công... tới người thứ ba mươi sáu Thái Thị Bạch Yến là hết. Bà Mụ ơi. Bà làm ơn giúp cho con được đứng trước chữ “hết” như chị Yến, khi con vào học lớp một!

- Khá khen! Con giỏi nhận xét! Trong sổ điếm, tên học sinh bao giờ cũng xếp hàng theo thứ tự các chữ cái. A rồi tới bê tới xê. Sau rốt mới tới “y dài”! Anh An có chữ A đứng đầu, chị Yến có chữ Y đứng cuối. Đúng như chị Yến, có người ác miệng gọi là đội sổ! Sao con lại thích đội sổ?

Cậu bé ham học nhưng cũng ham chơi những trò đá banh, đá dế từ sân trường vọng vào, thật thà thừa rằng:

- Tại vì học trong lớp đủ rồi! Ra sân đá banh đá dế. Về nhà giúp má nấu com, được tiếp hơi thổi ống bép phù phù như anh lính kèn. Tối lớp đứng cuối sổ nghe các bạn đầu sổ An, Anh, Bình, Công... lên bảng trả bài là con thuộc bài cũ! Con muốn đội sổ để khỏi phải học mà vẫn được điểm mười!

Bà Mụ cười lớn khiến bụng cô giáo mẹ sôi như reo. Cô giáo đặt tay lên bụng xem có thấy chuyện gì không. Chuyện vẫn kín bụng! Con người làm sao nghe được chuyện thần tiên! Muốn sờ lại càng khó. Những các bà mẹ vẫn thường đặt tay lên đây (Cả ông bố nữa! Các ông còn áp tai!) chỉ là vì làm thế không nắm được thần tiên thì họ cũng được truyền hơi ấm, xoa lưng, vuốt tóc con mình nơi thần tiên bụng mẹ.

Lại xin kể tiếp, mưu sâu mà bà mụ sắp truyền cho cậu bé là một bí mật học đường, bà chỉ muốn truyền riêng cho cậu. Bà bắt đầu giảng giải cận kề:

- Khi từ bụng mẹ ra đời, mỗi đứa bé muốn tên gì thì khóc thành vãn, thật giống tên ấy. Để mẹ hiểu và đặt trúng tên con mình thích. Muốn tên Hoa hay Khoa, thì khóc oa... oa... oa..., muốn tên Khuê hay Khuê lại khóc uê... uê... uê... Muốn tên Hòe, tên Khỏe thì phải khóc oe... oe... oe... Còn con ấy mà...

Nói tới đây Bà Mụ chỉ thì thầm, truyền bí kíp vào tai cậu bé...

Bí kíp khóc thần diệu được truyền vào đúng ngày cuối cùng của tháng thứ chín năm học bụng mẹ.

Và vào đúng phút giao thừa thiên niên kỷ, tức là từ lúc ông thần thời gian bước từ thế kỷ 20 sang thế kỷ 21 cậu bé thông

HUỶNH ÁI TÔNG

minh khóc chào đời. Khóc giòn như trống hội Thăng Long:
ê... ê... ê...

Bà mẹ nghe khóc hiểu ngay ý con và ban cho cậu bé thông
minh của chúng ta cái tên Yêu có chính khuôn vắn mà con
mình khóc ra. Tên gồm cả họ và chữ lót: Trần Lê Thân Yêu.

Lúc bé trai Thân Yêu ra đời, vui động trời! Một nghìn lẻ một
con chó vàng hay chữ nghe khóc ê... ê... ê... lại tưởng gọi
mình, liền đồng loạt, như một đội tiêu binh vẩy đuôi mừng và
chính thức bước vào đoạn kết của cổ tích trinh thám này.

Trích thơ:

Sương ơi

1

*Em là sương giọt
Cao xanh cho tôi
Mỗi ban mai tới
Sương gieo mặt trời
Em là sương giọt
Nhều thắm bên tai
Đêm thành mái tóc
Em dài sợi mai
Tôi lần, tôi nắm
Trèo lên nguyệt ngời.
Có em tôi có
Mặt trăng, mặt trời*

2

*Em là sương giọt
Một mai không rơi*

*Alô tôi gọi
Ông trời cao ơi
Giọt hồng yêu dấu
Đâu rồi! Đâu rồi?
Em là sương giọt
Quên giờ giáng tiên
Một đêm sương hạn
Miệng khô nụ hôn
Tay nắm ngón rồi
Nói lời nhắn tin
Giọt bạc
 Giọt bạc!
Đâu rồi trăng ơi*

3

*Sáng ra trời bảo
Hết tuổi rong chơi
Giọt sương đã lớn
Thành mắt thành môi
Đêm qua trăng nói
Đũa phải so đôi
Đã thôi tiên giới
Sương xuống làm người.*

*Kìa trên hoa cười
Long lanh giọt vui
Long lanh sương mặt
Như nước mắt người!*

(Sàigòn 3-1-2010)

Viết trên card điện thoại

1

HUỶNH ÁI TÔNG

*Anh ơi một tháng lương công
Em chi điện thoại tiền đồng năm mươi
Chuông reo xin chút từng lời
Để anh một nói em mười cảm thông*

2

*Một trăm điện thoại tiền đồng
Sao em tính chuyện viễn vông thế này
Áp tai chẳng được ghé tai
Vẫn mê điện thoại đường dài với anh*

3

*Em dò năm ngón lặng thinh
Chờ mình anh nói một mình em nghe
Nghe mưa*

Mưa

Mưa

Ban Mê

Trời đêm lọc giọt cà phê

tình...

tình...

4

*Sáng ra như đứa học sinh
Vào bưu điện huyện, nhốt mình ca – bin
Tích tắc đồng hồ nhắc em
Nhỏ ơi đã cạn xu teng cuối cùng*

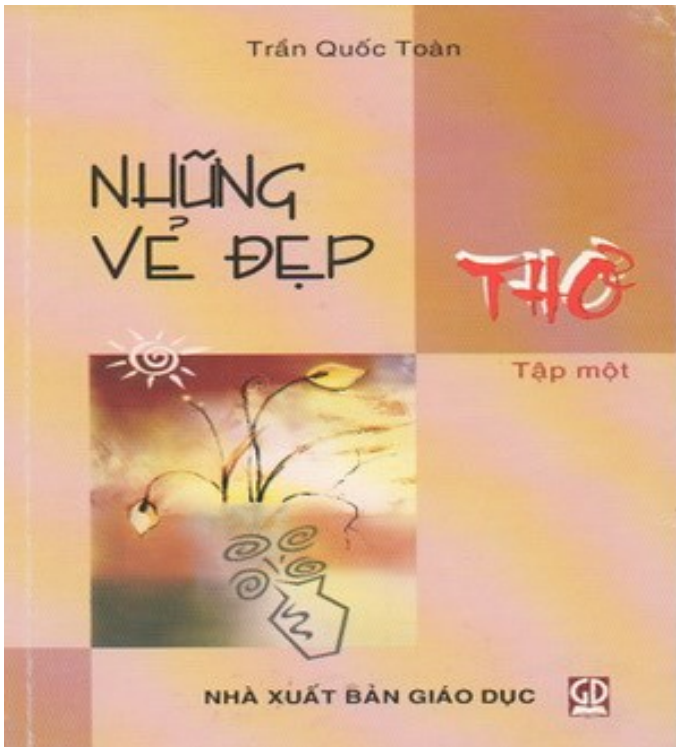
5

*Sao tiền lương chẳng viễn thông
Để em nói chuyện thủy chung từng ngày*

*Từng giờ, từng phút, từng giây
Cầm trên tay những ngát ngát thăm thì*

Mẹ và Cô

*Buổi sáng bé chào mẹ
Chạy tới ôm cổ cô
Buổi chiều bé chào cô
Rồi sà vào lòng mẹ
Mặt trời mọc rồi lặn
Trên đôi chân lon ton
Hai chân trời của con
Là mẹ và cô giáo.*



HUỶNH ÁI TÔNG

Qua bài “*Học trong bụng mẹ*” của nhà văn Trần Quốc Toàn, Quỳnh Uyển có nhận xét về nhà văn, nhà thơ này như sau:

“*Từ những ngày tuổi còn đôi mươi dạy ở trường làng, thầy giáo Trần Quốc Toàn đã có những bài văn, bài thơ viết cho thiếu nhi đăng trên báo khiến đám trẻ con ngưỡng mộ thầy. Trở thành nhà báo, có điều kiện đi nhiều, Trần Quốc Toàn viết rất nhiều, đủ các thể loại: thơ, truyện ngắn, truyện ký, tản văn. Trong đó, người đọc vẫn nhớ đến một Trần Quốc Toàn của thiếu nhi, của trẻ em. Có bạn văn từng nhận định: Như một dòng suối nhỏ róc rách chảy hoài qua thảng rộng năm dài, qua sỏi đá, nắng mưa, Trần Quốc Toàn là một trong số ít những cây bút thủy chung, cần mẫn, bền bỉ, không ngừng hướng đến các em, trò chuyện cùng các em”. Tập truyện “Học trong bụng mẹ” gồm 18 câu chuyện mới nhất. Vẫn là những câu chuyện bình dị, không có gì to tát, nhưng chính cách kể chuyện linh hoạt, sống động và giọng văn hóm hỉnh khiến mỗi câu chuyện trở nên lung linh, biến ảo lạ thường.”*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Quốc Toàn Web: vannghesongcuulong.org.vn
- *Học trong bụng mẹ* Web: vanvn.net

13. Lê Hoài Nguyên



Lê Hoài Nguyên – Thái Kế Toại (1950-20)

Nhà văn Lê Hoài Nguyên tên thật là Thái Kế Toại, sinh ngày 2 tháng Giêng năm 1950, tại Tiên Hải tỉnh Thái Bình.

Tháng 8-1970, học hết năm thứ 2, Khoa Ngữ Văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, đi bộ đội, trở thành chiến sĩ pháo thủ pháo cao xạ.

Tháng 8-1975, trở lại tiếp tục công việc học tập tại Khoa ngữ văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tốt nghiệp Cử nhân văn chương, lại học tiếp trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

Từ tháng 8-1980 được điều về công tác tại Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), công tác tại bộ phận A25, chuyên theo dõi văn nghệ sĩ và văn hóa, nên đặc trách về vụ Nhân Văn Giai Phẩm, do đó ông đã tiếp cận hồ sơ và những nhân vật chính trong vụ án. Ông cũng là Giám đốc điện ảnh Công an nhân dân.

HUỶNH ÁI TÔNG

Là đảng viên Đảng CSVN. Hội viên Hội Nhà văn VN từ năm 1998.

Nhà văn Lê Hoài Nguyên đã nghỉ hưu với cấp bậc cuối cùng là Đại tá, hiện sinh sống tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Thế giới đang tồn tại* (thơ, 1994);
- *Hãy tỉnh táo* (bút ký, 3 tập, 1991-1994)
- *Vụ Nhân văn Giai phẩm, một trào lưu dân chủ, một cuộc cách tân văn học không thành* (Tiểu luận, 2010)

Trích văn:

Lại thấy đồng tiền

Cách đây mấy năm, cô em dâu tôi làm Phó tổng biên tập ở một tờ báo của ngành quản lý tiền bạc bảo tôi viết cho một bài in số Tết. Tôi viết về quan niệm dân gian với đồng tiền. Dẫn mấy câu tục ngữ:

*Nén bạc đâm toạc tờ giấy.
Có tiền mua tiên cũng được*

Rồi Nguyễn Du:

Đồng tiền đổi trắng thay đen khó gì

Tôi lại dẫn bài tục ngữ mới đang thịnh hành:

*Đồng tiền là tiên là Phật
Là sức bật của mọi người
Là tiếng cười của tuổi trẻ
Là sức khỏe của tuổi già
Là cái đà cho danh vọng
Là cái lọng để che thân*

*Là cán cân công lý
Lại đưa thêm câu:
Không có việc gì khó
Chỉ sợ tiền không nhiều
Đào núi và lấp biển
Không làm được thì thuê*

Để nói rằng dân gian ta nhìn tác dụng của đồng tiền rất biện chứng. Nhưng tôi cũng nói rằng dân ta vẫn coi trọng các giá trị tinh thần:

Đói cho sạch rách cho thơm

Tôi ưng ý với bài viết của mình nhưng kết cục bài báo không lên trang được vì cô em tôi sợ...

Nay nhân chuyện âm ỉ về cuộc hội thảo thơ của một nhà thơ nọ mới hỏi anh bạn cũng làm nghề văn chương cái gì làm cho mấy người bạn yêu quý của chúng ta lằm cằm như vậy. Ông bạn chép miệng tiền, do tiền mà ra hết. Tôi bảo họ là những người không thiếu tiền. Ông lại bảo Nếu đã vì đồng tiền thì bao nhiêu cũng không đủ. Mà tay ấy lại chi rất nhiều tiền, gấp hàng chục lần cuộc hội thảo khác. Lại còn thói sợ quyền uy nữa. Mua được quyền uy rồi thì các quyền úy phải đi theo chứ Tụ tập con cá mập ấy mà.

Anh bạn liền kể hôm đó anh lên Ban sáng tác của Hội Nhà văn gặp nhà phê bình họ Đỗ mọi ngày rất to giọng cứ kéo anh vào dự nhưng anh không vào. Cứ vào ghi tên thôi cũng có 200 ngàn, phát biểu vài câu được 500, lại ăn trưa nữa. Các anh hào có mặt đông đủ lắm.

Bạn tôi hỏi Cậu đang dự trại ở Cửa Lò sao lại về đây.

Họ Đỗ:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Nhận tiền của nó rồi phải viết cho nó một bài chứ.
- Bao nhiêu?
- Năm triệu. Viết cho vui ấy mà.

Chuyện làng văn nổi cơn sóng gió vì con người đó, vì cuộc hội thảo kỳ dị đó mọi người đã biết rồi. Rồi lại website lethieunhon.com bị đánh phá toi bời. Bạn tôi lại bảo nó thuê tiền để đánh thắng Nhơn mà. Không lẽ nào cơ quan an ninh lại đi hành hạ một trang web chuyên về văn chương như thế.

Cho đến hôm nay chưa có ai làm một câu tục ngữ mới về việc này, về sức mạnh vô biên của đồng tiền thời @, con virus H5NN trong vật dẫn con thơ thiên HQT bỗng trở nên nổi tiếng vì đã ăn gói được hàng chục nhà nghiên cứu, phê bình, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng.

Đành chép lại mấy câu thành ngữ đã hơi cũ vậy để mọi người đọc cho vui:

*Đầu đất đòi ăn bít tất
Đầu to óc bằng quả nho
Được voi đòi Hai Bà Trưng
Đã ngu còn tỏ ra nguy hiểm
Cống rãnh sóng sánh với đại dương
Phong bì muốn gì thì ăn
Đã máu không cần biết bố cháu là ai
Hồn nhiên như cô tiên
Tiền không thiếu chủ yếu là thái độ
Tê tái con gà mái*

...

(9-2012)

Trích thơ:

Người khóc rùa ở Hồ Hoàn kiếm

Viết tặng anh Nguyễn Dâu

*Vất cuộc đời nhàu nát của anh
Từng giọt nước mắt
Những giọt nước mắt hiếm hoi trong cõi đời
Cho một loài rùa.*

*Cũng như cho những sinh linh khôn nạn
Nhưing ma cô, gái đi, gã buôn mật rắn già...
Chỉ mong sao họ giữ lại chút người.*

*Anh đã hứng bao mũi tên mũi dao
Của lũ quan chức thù vặt, vụ lợi, kiếm ăn cả gốc cây, bia
đá, hoa văn miếu cổ, ván lát cầu Kiều...*

*Cứ như bàn tay nào bóp tim tôi
Nó giãy giụa đau đớn như con Nhặng chết vì bầy ăn trộm.*

*Cả anh, cả tôi, cả những sinh linh khôn nạn
Cả lũ ma cô, quan chức thù vặt vụ lợi
Không còn tồn tại
Nếu như một ngày
Loài táo xanh ngắt kia chết đi
Những con rùa của tổ tiên để lại chết đi
Hồ Gươm chết
Trước sự thờ ơ...*

(1989)

Lẽ nào

Tặng thầy giáo Đỗ Việt Khoa

*Hắn là một thằng điên
Tố cáo những sự hiển nhiên
Đang sống bình thường*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đang duy trì sự tồn tại hôm nay
Hay ít nhất của một ngàn học sinh
Một ngàn gia đình
Một trăm đồng nghiệp.*

*Hắn là một thằng ngu
Hắn tự dày đọa thân hắn, vợ con hắn
Hắn ném bùn vào mặt đồng nghiệp
Những người thân của hắn*

*Hắn làm đau khổ
Hàng ngàn, hàng vạn, có thể hàng triệu mái đầu xanh
Và hàng triệu bố mẹ chúng
Đang chấp nhận sự lừa dối hào nhoáng êm dịu*

*Lẽ nào chúng ta quen ngụp lặn trong vũng bùn bản thủ
Lẽ nào chúng ta quen sống chung với sự giả dối
Lẽ nào chúng ta quen bán rẻ lương tâm
Lẽ nào chúng ta cứ đờn hèn mãi mãi
Lẽ nào
Lẽ nào?*

(Làng Mọc 2006-2008)

Nói với con

Chia sẻ với Thạch Quỳnh tác giả bài *Nhắn con* viết năm 1980

*Khi con thức dậy giữa đời thường
Vạt cỏ bây giờ đất sỏi trồng trọt
Tiếng chim còn đâu mà con mê mãi nữa
Bao thứ si mê đến lớp chậm giờ.
Bạch Tuyết chẳng còn thực cũng như mơ
Mọi cái mẹ đều lo hết cả
Gánh đời nặng đòn gánh oằn sắp gãy
Tình thương khó đẩy được bát cơm voi.*

*Con biết rất nhiều chuyện lạ trên đời
Loài người đang chuẩn bị lên sao Hỏa
Mà bạo lực giăng đầy khắp ngả
Điều làm cha lo lắng khôn nguôi.
Bố mẹ đã tin ở những tinh tú xa vời
Nay mới hiểu cần gì để sống
Bằng cả đôi tay nhúng vào rãnh cống
Đau đớn sao khi chấp nhận cuộc đời.
Có nhiều điều cao xa nay đã khô hài
Thời gian còn kỳ lạ hơn thế nữa
Cả đến một ngày mặt trời thôi bốc lửa
Con người vẫn biết thế nào để tồn tại nghe con
Kỷ nguyên các con không còn ràng buộc bởi những tín hiệu
Không ám ảnh bởi những tượng thân sáng chói
Chỉ nhip đập trái tim là tiếng gọi
Cho các con làm chủ cuộc đời mình.*

Ga Li Lê

*Người ta không tin bởi người ta cảm thấy
Trái đất đứng yên
Còn mặt trời thì quay quanh trái đất
Và Cô Péc Nich
Bị ném lên giàn lửa.*

*Người ta không thấy khi người ta hoảng sợ
Nhìn chiếc kính viễn vọng chín trăm lần
Kính sáng thế bỗng trở thành huyền hoặc
Và Ga Li Lê bị tống vào trong ngục.
Người ta giả bộ thờ ơ
Mặc Kẻ Dị Giáo kia thét lên sau song sắt
Nhưng mà nó vẫn quay!*

Sau ba trăm năm mươi chín năm

HUỶNH ÁI TÔNG

*Giáo hoàng mới phục hồi danh dự cho ông
Người phát minh vĩ đại nhất của thế kỷ Khai Sáng.*

Thương thương Chế Lan Viên

*Thương cho người đang đói lòng
Biết là bánh vẽ thế mà vẫn phải ăn
Ăn rồi lại phải khen ngon
Không thì chết đói, chết cả nhà vợ con.
Chết rồi bản thảo mới đưa ra
Chết rồi chúng nó làm gì được ông
Thương thương cho cái lưng còng
Suốt đời bánh vẽ dần lòng để ăn.
Nhưng anh đã dám viết rằng
Vì anh đã có nhiều người theo ăn
Đau đời biết bấy nhiêu năm
Vẫn còn hơn khối kẻ ăn mà ngậm tằm.
Bây giờ thế hệ chúng tôi
Thấy mùi bánh vẽ là quãng đi liền.
Thương thương Chế Lan Viên...*

(2008)

Lê Hoài Nguyên là một nhà thơ, nguyên Đại tá công an Phan Kế Toại, đã từng công tác tại A25, ngoài thơ, ông còn khảo cứu về họ Mạc, nhưng nổi bật nhất là tiểu luận “Một trào lưu dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành”. Do đó người ta biết đến ông nhiều hơn.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Hoài Nguyên Web: trieuxuan.info
- Lại thấy đông tiền Blog: lexuanquang.org

14. Mai Thục



Mai Thục – Mai Thị Thục (1950-20)

Nhà thơ Mai Thục tên thật là Mai Thị Thục sinh ngày 15 tháng 3 năm 1950, tại chiến khu Đông Triều, quê quán Ý Yên tỉnh Nam Định.

Thân phụ từng sống tại Pháp, trở về Việt Nam năm 1945 đi bộ đội chống thực dân Pháp.

Thuở nhỏ cùng mẹ tản cư lên chiến khu Việt Bắc.

Sau năm 1954, cả gia đình về thị xã Ưông Bí tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Tại đây thân phụ Mai Thục làm bác sĩ tại bệnh viện.

Năm 1975, cùng chồng về Hà Nội, theo học Đại học Tổng hợp Văn, khoa nghiên cứu văn học.

Năm 1988, là phóng viên báo *Hà Nội Mới*.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1995, là Tổng biên tập báo *Phụ Nữ Thủ Đô* đến cuối năm 2003 nghỉ hưu.

Mai Thục được Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học- Nghệ thuật Việt Nam năm 2004 với tác phẩm *Vương miện lưu đầy*.

Trong cuộc đời làm báo, Mai Thục có dịp đặt chân tới nhiều nơi trên đất nước Việt Nam, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau và được đến thăm các nước: Anh, Mỹ, Nga, Trung Quốc, Hà Lan, Thái Lan.

Mai Thục hiện ở tại Hà Nội, không ngừng viết bài cho trang Blog của bà: maithuc61.blogspot.com

Tác phẩm:

- *Diễn tích Văn học* (in chung, Khoa học xã hội, 1990)
- *Hà Nội sắc hương* (Hội nhà văn, 1994)
- *Hương đất Hà Thành* (Lao Động 1996)
- *Đi tìm miền thương nhớ* (Lao Động 1998)
- *Tinh Hoa Hà Nội* (VHTT, 1998)
- *Chuyển kiếp* (tập truyện, Hội Nhà văn, 2000)
- *Còn tình yêu ở lại* (Tiểu thuyết, Hội Nhà văn 2001)
- *Vương miện lưu đầy* (Tiểu thuyết lịch sử, VHTT, 2004)

Trích văn:

Chùa Hương

Vài thế kỷ nay, người Thăng Long- Hà Nội nô nức trải hội chùa Hương mỗi khi mùa xuân đến. Lễ hội chùa Hương dài nhất, đông nhất trong các lễ hội của dân tộc. Người ta vừa đi lễ vừa vui chơi, đắm mình trong cảnh thiên nhiên phóng khoáng,

trong trẻo, mộng mơ, thả hồn theo gió mây, trời, nước, núi, sông, mà đắm đắm về lẽ sống, tình người .

Văn Hoá chùa Hương

Sách cổ ghi đời Lê Hy Tông (1680) một vị hoà thượng theo lệnh chúa Trịnh tìm vùng Hương Sơn (nơi đã cũ chùa cổ) xây dựng chùa Hương gần Thăng Long để các cung nữ lễ vọng, mùa xuân không phải lặn lội bằng đường thuỷ vào trải hội chùa Hương Tích ở Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Vua Lê chúa Trịnh đều quê Thanh- Nghệ, các cung nữ tuyển ở vùng Hoan Châu, họ thường trải hội chùa Hương Tích xứ Nghệ.

Hàng chữ **Nam Thiên đệ nhất động** mà ta gặp trên đường vào động Hương Tích là do Chúa Trịnh sai khắc khoảng thế kỷ XVIII. Nhờ động cơ cá nhân của chúa Trịnh mà ngày nay chúng ta có hai chùa Hương (chùa Hương của Thăng Long- Hà Nội và Hương Tích ở Hà Tĩnh). Chùa nào cũng đẹp và cũng in đậm dấu tích văn hoá dân tộc.

Chùa Thiên Trù hay chùa Ngoài ở bên Trò xây năm 1686 và nhiều chùa khác được xây dựng lớn. Vào thời hậu thế kỷ XVIII đã có hơn trăm ngôi chùa ở Hương Sơn. Biết bao bàn tay, trí óc con người tài năng đã xây nên một vùng văn hoá chùa Hương.

Hàng trăm bài thơ, bản nhạc, gửi hồn vào không gian chùa Hương.

Bài *Động Hương Tích* của Hồ Xuân Hương nhịp điệu vui dí dỏm, gợi về đời sống trần gian.

Nguyễn Nhược Pháp mô tả không gian **Chùa Hương** trong trái tim thiếu nữ bất đầu yêu. Bài thơ hay ở những cung bậc nhẹ

HUỶNH ÁI TÔNG

nhàng, màu sắc tươi sáng, không gian rộng mở, bừng toả cả phút bình minh, lữn hoàng hôn, hay đêm trong rừng, và những điệu thoai nội tâm giàu chất nhạc, chất thơ, pha chút bi kịch thơ ngây của cô bé tuổi trăng rằm:

*Đêm hôm ấy em mừng
Mùi trầm hương bay lừng
Em nằm nghe tiếng mõ
Rồi chim kêu trong rừng.*

Bài *Cô hái mơ* của Nguyễn Bính là một không gian ảo, một giấc mơ tình yêu:

*Thơ thần đường chiều một khách thơ
Say nhìn rặng núi xanh lơ
Khi trời lạnh lẽo và trong trẻo
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ....
Cô hái mơ ơi! chẳng trả lời nhau lấy một lời
Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi*

Ở đây dường như không có rừng mơ và cô hái mơ, chỉ niềm khát khao, đợi chờ là có thật.

Hoàng Cầm tan vào mê ảo, gặp gỡ người vợ hiền tần tảo của mình trong không gian hư vô của *Chùa Hương* :

*Anh thấy chùa Hương phía xót thương
Bến Trong, Bến Đục nửa chia đường
Thiên Trù chợt lắng chuông buông tím
Bỗng gặp em nằm đắp khói sương*

Chùa Hương với những ngôi chùa nhẹ nhàng ẩn mình trong rừng mơ, tươi nắng mây trời, ngự ở một khu vực rộng lớn thuộc xã Hương Sơn, Huyện Mỹ Đức, Tỉnh Sơn Tây, bên bờ

sông Đáy thơ mộng, dịu dàng. Nơi đây sơn thủy hài hoà suối l-
ượn vòng ôm đại ngàn trùng điệp, dòng nước soi bóng núi xanh
biếc, lấp lánh ánh dương. Xa xa cánh đồng xanh mượt màu lúa
Xuân, những con đò nhẹ lướt trôi trên suối yển đưa ta vào
đường nước đường mây, đến cõi "*Nửa rừng mơ, nửa Tiên, nửa
Phật*" (Khuông Hữu Dụng). Chùa chiền Hương Sơn kiến trúc
sinh động với những gác chuông, điện thờ văn bia, mái đao
cong như rồng hiện giữa non xanh. Động Hương Tích trên đỉnh
núi là một tác phẩm điêu khắc tuyệt vời của thiên nhiên với
những cột nhũ đá muôn hình vạn nét. Pho tượng Quan Am
Nam Hải bằng đá xanh do các nghệ nhân tạo thời Tây Sơn có
đáng vẻ tinh tế của thiếu nữ thôn quê, cổ cao ba ngón, mặt hơi
trái xoan, tà áo mềm mại, tóc mai buông...

Trong Động Hương Tích là cả một thế giới mơ và thực. ở đây
có nhũ đá hình đụn gạo, buồng tằm, con trâu, ao bèo, mắc áo,
giọt sữa mẹ, cây vàng, cây bạc, núi cậu, núi cô, lối lên trời, lối
xuống âm phủ thoả mãn mọi ước mơ của con người. Tất cả đã
tạo nên một bản sắc văn hoá dân tộc vừa mang tính bác học
vừa mang tính bình dân, đậm chất tôn giáo, vậy gọi ta trở về
với thiên nhiên, với tình yêu thương với cái bản tính, chân tâm.

Và truyện thơ dân gian bằng chữ Nôm *Nam Hải Quan Âm sự
tích ca* (hay *Sự Tích Phật bà chùa Hương*) đã xuất hiện vào
thời kỳ nước ta tồn tại ba tập đoàn thống trị Lê, Trịnh, Nguyễn,
để gửi gắm sự phản kháng của nhân dân trước tình thế đầy tao
loạn và tang thương. Dân gian mơ rằng chỉ cần những con người
trí tuệ, từ bi, bác ái như Phật xuất hiện, mới cứu nổi tình trạng
rối ren, thối nát ấy.

Chùa Hương Tích trên đỉnh Hồng Lĩnh

Đã bao lần ra Bắc vào Nam, qua dòng sông Lam, ngắm dãy
Hồng Lĩnh như con Rồng đất không lò, màu xanh tím biếc,

HUỶNH ÁI TÔNG

dũng mãnh uốn mình từ sông Lam ra biển cả chúng tôi chỉ biết kính tạ hồn Nguyễn Du.

Đến Can Lộc, xa xa đỉnh cao nhất Hồng Lĩnh là chùa Hương Tích, cội gốc của Chùa Hương, nhưng chẳng bao giờ tôi dám mơ mình sẽ đặt chân lên đó.

Rời cơ duyên hạnh ngộ, các thầy cô giáo huyện Can Lộc đã tháp tùng chúng tôi lên đỉnh núi Thử Lĩnh (hình tượng con Đại Bàng, dài cánh, khắc ở quốc kỳ một vài nước Đông Nam Á, tên Việt Nam là Hồng Lĩnh) để học thêm được những điều không có trong sách.

Hồng Lĩnh là thắng cảnh nổi tiếng của Hà Tĩnh, người xưa xếp vào hai mươi một thắng cảnh nước Nam.

Tương truyền dãy Hồng Lĩnh có chín mươi chín ngọn núi, động Hương Tích đẹp nhất, cao nhất thường có mây mù bao phủ.

Theo thần tích, chân núi Hồng Lĩnh là trụ sở đầu tiên của bộ tộc Lạc Việt, sau chuyển ra Việt Trì lập đô thành Hùng Vương. Đạo Phật An Độ truyền sang qua vùng này, chùa Hương Tích trên đỉnh Hồng Lĩnh là trung tâm đạo Phật sớm ở nước ta. Các tên đất, tên làng như “Hương Tích, Thử Lĩnh, Linh Cảm, Hương Sơn, Hương Khe” đều là tên Phật hoặc có nghĩa là hướng về Phật.

Di tích chùa Hương Tích thời thượng cổ gắn với huyền tích chúa Ba Diệu Thiện tu hành và hoá Phật còn nền Am Thánh Mẫu, gắn với cội động Hương Tích thâm sâu, bí ẩn, hình như nó thông ra biển, chưa ai dám khám phá, xung quanh có nhiều gốc cây già, giống thông cổ xưa còn sót lại, làm cảnh chùa càng linh diệu. Đời Trần chùa Hương Tích được dựng lên với Thượng Điện, Thiên Vương và Am Thánh Mẫu. Quanh chùa

có nhiều kỳ quan thiên nhiên kết thành một cụm thắng cảnh “Hoan Châu đệ nhất danh lam”: Động Tiên Nữ có ba mươi sáu cửa ra vào, am Phun Mây, suối tiên tắm, với cảnh núi chông lên núi chìm nổi trong sương mù, những dòng khe tuôn trắng xoá, những rừng thông xanh đượm màu thiên, rừng trúc lạnh lót tiếng chim, tiếng suối xa rì rào, tiếng chuông chùa thánh thót toả lan xuống hồ nước gương xanh ngắt, tràn qua cánh đồng, thôn làng Thiên Lộc.

Hội chùa Hương Tích vào ngày 18 – 2 âm lịch, hàng vạn du khách từ xứ Bắc, xứ Thanh, xứ Quảng đổ về chầu hội đúng ngày Diệu Thiện hoá Phật .

Truyền thuyết kể Diệu Thiện là công chúa thứ ba của vua Sở Trang Vương. Hai chị em theo ý vua cha lấy chồng làm quan trong triều. Vua ép gả Diệu Thiện cho viên quan võ. Biết hấn độc ác, nàng không vâng lời, bị cha ruồng rẫy, phải bỏ ra chùa. Viên quan theo lệnh vua đốt chùa, Diệu Thiện được Phật cứu, trốn sang đất Việt Thường lên ngọn Hồng Lĩnh lập am tu hành, nổi tiếng là vị sư tử bi bác ái. Trang Vương lâm bệnh nặng, phải có thần dược là tròng mắt và bàn tay của người con gái tự nguyện hiến dâng mới cứu nổi.

Hai chị không ai chịu hy sinh. Vua cầu cứu Diệu Thiện, nàng dâng vua cha đôi mắt, đôi tay của mình. Đức Phật cảm thấu tấm lòng cao cả của nàng, ban phép cho mắt nàng sáng lại, tay nàng mọc ra. Sau khi hoá, Diệu Thiện trở thành Phật Quan Âm.

Truyện Nôm *Nam Hải Quan Âm sự tích ca* khuyết danh đã dựa vào huyền tích Diệu Thiện để sáng tạo sự tích Phật bà chùa Hương mang đậm tinh thần Việt Nam, chở ước mơ nguyện vọng của dân lành về việc xây một xã hội yên bình, an lạc. Đức Phật Bà Chùa Hương là hiện thân của lòng từ bi, hiếu nghĩa, vị tha, hy sinh, yêu thương, có như vậy mới cứu được nhà, cứu sơn hà xã tắc :

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thân này thành Phật may ra
Hộ nước, hộ nhà thì mới có phương*

Chùa Hương Tích bị giặc Minh đốt phá, sau lại bị Pháp huỷ diệt, nhân dân nhiều đời đã trùng tu, gìn giữ.

Chúng tôi đến chùa tháng 11- 2004, đứng dịp nhân dân công đức xây dựng lại chùa. Những cụ già, phụ nữ, thanh niên các vùng lân cận tình nguyện hiến công lao động. Người vác vài viên gạch, người quảy chục cân xi măng, cát, vôi, người mang những quyển kinh, leo từng bậc dốc đã gập gềnh lên đỉnh núi. Những vật liệu nặng được chở lên ngọn núi cao bằng muôn vàn sáng kiến của dân, giúp chúng tôi hình dung cảnh ông cha ta dựng đền chùa từ ngày xưa ngày xưa. Các bà, các chị bảo; “Mấy đời mới có một lần xây chùa, mình phải góp công đức để lấy phúc lộc cho con cháu”.

Hương Tích từng làm đắm say bao nhân tài, thi sĩ. Họ làm thơ chữ Hán vịnh cảnh chùa. Nguyễn Thiếp viết :

*“Am xưa còn đá trắng
Nền cũ chỉ từng xanh
Gió trắng nay vẫn thế
Thần tiên bóng vắng tanh.”*

Nguyễn Nghiễm, thân phụ Nguyễn Du lãng đãng cùng Hương Tích:

*“Trang vương thú cũ tìm sao hết
Chỉ thấy từng mai với ánh chiều”*

Theo giáo sư Bùi Văn Nguyên giá trị của Hương Tích đã mở ra một cái chốt trong nhiều cái chốt của cội nguồn dân tộc, một sợi dây của họ Việt Thường, tức của trung tâm cộng đồng Bách Việt nghìn vạn năm xưa.

Từ Hương Tích đến chùa Hương là một tiến trình giao thoa và sáng tạo văn hoá của dân tộc. Nó mách bảo người Việt Nam hôm nay đi lễ hội, thăm cảnh chùa chiền, chiêm ngưỡng di tích, hãy tự khám phá tri thức của vũ trụ, thiên nhiên và con người.

(Hồ Gươm- 2004)

Trích thơ:

Khúc nguyện cầu

*Đàn tôi ơi! Rung lên khúc nguyện cầu
Dịu dàng hòa sáng không gian
Thấp ngàn ngọn nến nâng hồn đàn tôi
Cầu bằng Bắc Cực đừng tan
Mẹ Đất đừng nóng, đừng tàn màu xanh
Cầu mưa nắng thuận hòa bốn phương
Cầu cho muôn vạn tấm lòng an vui
Dù đường xa núi thẳm sông sâu
Mắt ngân ngân lệ vui đầy tàn canh...
Niềm yêu thương đến ngập tràn
Du dương êm ái chan hòa nắng Mai
Đàn reo tiếng trúc tiếng lòng tiếng tơ
Nhịp nhàng tiếng trống tiếng kèn rộn vang
Cầu muôn dân hợp nhất thái hòa
Chung xây Trời Đất nở hoa bốn mùa
Sống an bình trong Tình yêu Hạnh phúc
Đàn tôi ơi! Rung hồn ta say ta mơ
Tình mơ trong trắng, Tình mơ lành hiền
Tình mơ như ánh Hương bay
Bình tươi sức sống Hoa Hồng đàn ơi!*

Hồ Gươm thiêng

*Đi giữa Hồ Gươm những sớm chiều
Hồn bay cùng lãng hoa thành phố*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hồ Gươm Xanh- chim ríu rít ca
Hồ Gươm Hồng- nhiệm màu muôn sắc*

*Hồ Gươm trong- mắt ngọc tâm linh
Hồ Gươm thiêng- vương quốc Rùa thần
Hồ Gươm cao- Tháp Bút- Đài Nghiên
Cuốn sách Thần Siêu mở giữa Trời*

*Hồ Gươm vang sóng biếc ru ca
Trời Đất Người - Tự Do- Bác Ái
Rùa Thần đòi gươm, giữ khí lạnh
Kẻ sĩ Thăng Long tình xanh thắm*

*Hồ Gươm chân sáo tuổi học trò
Ve lan ran, những chiều đỏ dế
Hồ Gươm mơ lúa đôi tình tự
Hồ Gươm vàng thêm tuổi cao niên*

*Hồ Gươm văn hiến- Hồ Gươm tâm linh
Báu vật mừng Thăng Long Nghìn tuổi
Thần Siêu đứng trên cầu Thê Húc
Nắng ban mai, tràn trang sách mở*

*Kẻ sĩ Thăng Long- Tả Thanh Thiên!
Hồ Gươm thiêng! Thiêng Đất nói Trời
Thiêng cỏ cây, hoa lá, cá cua
Thiêng từng ngọn sóng xanh ngọc biếc*

*Hồ Gươm thiêng, tài tử- giai nhân
Dập dìu khoác áo bào, yên ngựa
Tung sóng ngọc, xé thẳng đường mây
Khóc con số vô hồn, vô cảm...*

*Hồ Gươm thiêng, mảnh tình nghệ sĩ
Nghìn xưa nay, thổi nhạc họa thơ*

*Tâm thiêng Kẻ sĩ bừng gió lộng
Đáng Đất- Trời- Người nhịp yêu thương.*

Hồ Gươm Sóng

*Hồ Gươm ơi! Hồ Gươm ơi!
Mưa nắng cội nguồn, đây vơi về phố
Mang Khói Tình xưa mưa rơi
Em ở đâu? Anh ở đâu?... vơi vơi
Thăng Long nghìn năm chờ đợi
Sóng nước Hồ Gươm, xanh biếc mây trời
Gió miên man, Tả Thanh Thiên
Hoàng hôn vàng tinh khôi, Em và Anh
Em bên Anh, bóng vơi hình
Lặng im xao xuyến, nghe lòng mình gọi
Hồ Gươm vang, khúc tâm tình
Thăng Long- Hà Nội, một đời tri âm*

(Hồ Gươm- Sau mưa 20h 45 phút Ngày 26- 7-2010)

Dạ Khúc Huyền Trân

*Sông Hương lặn sóng vô lượng kiếp
Bến Phu Văn Lâu, tụ nước trong nguồn
Thơm hồn Người- Đất- Trời xứ Huế
Đêm Huyền Trân ca Nam Bình, Nam Ai*

*Ngàn vạn năm ai nhớ sông Hương
Như Huyền Trân- Con vua Trần hiển Phật
Môi thắm má đào, thân liễu yếu
Đáng non sông cảm tú, hưởng an hòa*

*Ơ...Hò ơ... Giọng hò thương Huế
Nức nở đàn bầu, riu ran đàn nguyệt
Huyền Trân thao thức gọi phụ vương*

HUỶNH ÁI TÔNG

Trăm lạy vua cha! Nỗi đoạn trường

*Nước non ngàn dặm ra đi
Sóng lướt thuyền Hoa, dội bước sâu
Mượn màu son phấn đền nợ nước
Vĩ giang san, con gắng gánh gồng*

*Điện ngọc cung vàng nơi đất lạ
Xao xác lòng con nỗi nhớ nhà
Nhạc hồn Mẹ Việt đồng xanh lúa
Theo dấu chân con, khúc biệt hành*

(Đêm sông Hương 24-11-2009)

Khóc Huyền Trân

*Huyền Trân ơi! Hỡi Huyền Trân!
Sao nàng vội Lên Xe hoa về Chiêm Quốc?
Để một Trời thương nhớ, cố nhân đau
Thăng Long mưa nắng trông ngàn dặm*

*Huyền Trân ơi! Hỡi Huyền Trân!
Tình yêu là máu ở tim này
Ta đã dâng tặng nàng tất cả
Sao nàng nữ Lên Xe hoa về Chiêm Quốc?*

*Huyền Trân ơi! Hỡi Huyền Trân!
Chiêm Quốc vạn trùng xa vời vợi
Hồng Hoa thơm ngát tả tơi rơi
Sao nàng vội Lên Xe hoa về Chiêm Quốc?*

*Một mình ta, dưới gốc thông già
Rừng Thiên xanh thắm ngàn xưa ấy
Một mình ta! Chỉ một mình ta
Sao nàng nữ vội Lên Xe hoa về Chiêm Quốc?*

Một mình ta hét vang rừng chiều
Hét lên một tiếng lạnh hư “Không!”
Huyền Trân ơi! Hỡi Huyền Trân!
Sao nàng vội Lên Xe hoa về Chiêm Quốc?

Tung hồn trên sóng biếc hàng thông
Ta vò trái tim yêu tự hỏi mình
Huyền Trân ơi! Hỡi Huyền Trân!
Sao nàng vội Lên Xe hoa về Chiêm Quốc?

Nước non ngàn dặm chở Thuyền Hoa
Huyền Trân ơi! Đắm lệ ướt nhòa
Ta muốn xé cánh buồm căng gió lộng
Giữ nàng ở lại với Thăng Long!

Ta đã khóc nàng! Ta đã khóc!
Nước mắt theo thuyền lướt ra khơi
Trông vời cố quốc nàng Lạy tạ
Nàng đã xuôi thuyền Lên Xe hoa

Vương quốc xa xôi, phải đâu nhà
Một trời bão sóng, biển mù gian
Quyền lực tranh giành xâu xé cướp
Bóng Hồng Đại Việt nổi trôi tan

Công chúa nhỏ mà trái tim cực lớn
Lấy núi sông làm lẽ chọn Tình Yêu
Tâm thân rơi, bọt bẻ bờ hòn
Nàng không khóc và nàng nhảy múa

Vũ điệu Paranung, vũ khúc Thánh Thần
Ôi! Huyền Trân! Ôi! Hỡi Huyền Trân!
Kinh thành Thăng Long- dạo nhạc buồn
Ngàn năm thương nhớ- Một Huyền Trân!

HUỶNH ÁI TÔNG

Hà Nội Đêm

*Đêm mông mênh nghẹn ngào tác dạ
Hà Nội ơi! Tôi nhớ làm sao
Những trận mưa máu trào bao thế hệ
Cuộn bão lòng Nguyễn Trãi, Nguyễn Du
Tiếng à ơi, con ngủ ru thêm
Vạn mùa lá rụng, lá còn xanh
Vết máu chưa khô cửa Long Thành
Trung Nữ Vương, bành voi dững mãi
Nước nở gọi chồng, lạnh ngai vua
Đêm hoang vu, gió lùa khe cửa
Đoàn Thị Điểm kéo màn che sương
Ngóng chinh phu, mờ mịt sa trường
Hô Xuân Hương tung chữ mùi hương
Chưa vẽ nổi cung đường hạnh phúc
Hà Nội tôi! Cha Mẹ phương nào
Đàn con đóng cháu rộn xôn xao
Nao nước lòng tôi, dạ cồn cào
Hà Nội Đêm! Thương nhớ xót xao
Người yêu tôi đâu, giọt máu đào
Hà Nội ơi! Nước mắt như sương
Chạm núi tạc bẫm sáu phố phường
Day dứt lòng ai, thương nhớ về ai
Khắc khoải hồn tôi những đêm dài
Khơi trầm tạ hồn phai vạn kiếp
Chữ Thơ Tình Thắm, tiếp nguồn Xuân.*

Nắng mưa

*Thả hồn giữa cõi tịch liêu
Hồng Hoa- gọi trái tim yêu tìm về
Ta say rừng thắm sơn Khê
Không không, sắc sắc lối về nắng mưa!*

Hỏi

*Phòng tranh thơ nhạc Phật dăng đây
Rừng cây, sỏi đá, suối xanh nhiệm màu
Một mình nói cười trong im lặng
Biển Trắng- có thể nào ôm nổi hồn ta?*

Lặng

*Im lặng ta về trong im lặng
Màu rừng muôn sắc ảo huyền ru
Bỗng chim nhỏ vụt bay miền Phật
Trời xanh mây trắng ở ngoài kia*

*Viết từ Huyền Không Sơn Thượng
Rừng Thiền của Minh Đức Triều Tâm Ảnh- Huệ.
(Huế Ngày 25-11- 2009)*

Viết mà chơi

*Ai đó bảo ta là nhà báo
Tin nhật trình, thời sự, ăn ngay
Không phải nhà văn mộng mơ
Không phải nhà thơ, ước át đa tình*

*Riêng ta, thâm lặng biết mình
Đã viết những ngôn từ chân thật
Không lan man, chữ nhiều, nghĩa ít, trật thông tin
Không kể lể, lông gà ra lông ngỗng
Không chuyện rập rình tay ba, tay tư
Không kiếm hiệp, đâm đá, lắc lư, rùng rợn...*

*Ta đã viết những hàng chữ ngọc
Nhu đòi thường, như tiếng khóc, niềm đau
Nổi thống khổ con người nhà nhạ
Máu xương rơi chất lọc ra lời*

HUỶNH ÁI TÔNG

Đẳng ngọt tình yêu, bài ca ta tự hát.

*Ta chẳng là ai, không nhà này, nhà nọ
Một người khách tạm, trọ trần gian
Ham học, ham chơi, lang bang thiên hạ
Mắt thấy, tai nghe, lòng mang thương nhớ
Viết mà chơi. Chơi mà viết muôn phương!*

Trong bài: Nhà báo Mai Thục - Nguyên Tổng Biên Tập báo Phụ nữ Thủ đô: “Cháy đi sông ơi...” Vũ Quỳnh Trang viết về Mai Thục như sau:

“Trong suốt cuộc đời làm báo, nhà báo Mai Thục đã đặt chân tới mọi miền của đất nước. Bà luôn muốn đến gần với những con người đang gặp hoạn nạn, đang cần sự giúp đỡ, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Nhiều phóng sự, bài viết của Mai Thục đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng bạn đọc.”

Tài liệu tham khảo:

- Mai Thục Web: newvietart.com
- Chùa Hương Web: newvietart.com

15. Lê Thị Kim



Lê Thị Kim – Lê Thị Ngà (1950-20)

Nhà thơ Lê Thị Kim tên thật là Lê Thị Ngà, sinh ngày 31 tháng 3 năm 1950, quê quán thị xã Cửa Tiền, tỉnh Thanh Hoá.

Học sinh Trường Trung học Gia Long Sài Gòn, tốt nghiệp Tú Tài ra trường năm 1972.

Năm 1976, tốt nghiệp Khoa Hoá - Trường đại học Khoa học Tp. HCM, ra Trường đã làm việc tại Phân viện Khoa học Việt Nam - Tp.HCM.

Năm 1978, Lê Thị Kim có bài thơ đầu tiên đăng báo là *Khi tình yêu đến* trên báo *Văn Nghệ* Tp.HCM. Những năm 1979 -1982, Lê Thị Kim là nhà thơ nữ duy nhất trong nhóm ca khúc của Hội Trí thức yêu nước Tp.HCM, đã đi lưu diễn ở rất nhiều nơi, đặc biệt là ở các tỉnh miền Tây.

Năm 1981, Lê Thị Kim là Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Tp.HCM, từng là Ủy viên Ban Chấp hành Hội khoá 4 và 5 (2001-2010), Chủ nhiệm Câu lạc bộ Văn học, Phó Chủ tịch Hội đồng Thơ; hiện là Ủy viên Hội đồng Thơ khoá 6 (2010-2015).

HUỶNH ÁI TÔNG

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam năm 1990, Ủy viên Ban Nhà thơ nữ phụ trách phía Nam.

Ngoài thơ, Lê Thị Kim còn vẽ tranh, là Chủ nhiệm Câu lạc bộ Hoạ sĩ nữ Ngân Hà thuộc Hội Mỹ thuật Tp.HCM từ 1998 tới nay, đã có nhiều cuộc triển lãm tranh cá nhân hay chung ở trong và ngoài nước.

Từ năm 2001, nhà thơ Lê Thị Kim chuyển sang ngành Quản trị Kinh doanh địa ốc, làm Phó giám đốc Trung tâm Tư vấn tiếp thị Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà ở.

Nhà thơ Lê Thị Kim đã nhận được các giải thưởng văn học:

- Giải A Thơ hay nhất năm 1978 của báo *Văn Nghệ*.
- Danh hiệu Nhà thơ trẻ được yêu thích nhất Tp.HCM năm 1990, do bạn đọc báo *Tuổi Trẻ* bình chọn.
- Biểu dương 20 năm Văn học trẻ Tp.HCM từ 1975 đến 1995.
- Biểu dương 30 năm Văn học Tp.HCM từ 1975 đến 2005).

Tác phẩm:

- *Thành phố tháng Tư* (thơ in chung, Hội Nhà Văn, 1986)
- *Khi tình yêu đến* (thơ, Văn Nghệ, 1988)
- *Đóa quỳ hư ảo* (thơ, Trẻ, 1991)
- *Sương bụi tình yêu* (thơ, Văn Nghệ 1997)

Trích thơ:

Nỗi nhớ Sài Gòn

*Tưởng không bao giờ nhớ Sài Gòn
Bởi mỗi ngày bước chân ta qua đây*

*Góc phố nhỏ nhói con đường vắng
Có gì đâu - mưa nắng vẫn vô chừng*

*Hàng me vẫn dáng đứng lừng khùng
Như anh chàng trông cây si trước ngõ
Thách đó thời gian chờ ai đưa mắt ngó
Phút chao lòng - thả lá rớt đầy tay*

*Thành phố của em
Thành phố của em - những công viên lúc vạm vỡ lúc hao
gầy
Lúc mơ màng lúc ảm ào huyền ảo
Lũ ve con chò em cất tiếng chào
Giấu nổi nhớ trong lá cành phượng vĩ*

*Giấu nổi nhớ - trong những chiều mưa nhỏ
Tuổi học trò - mở ngõ trái tim non
Tuổi học trò - tuổi học trò chi cũng nghĩ lạ thường
Là hoa nắng là tình yêu độ lượng*

*Sài Gòn của em
Sài Gòn của em - trái tim như sóng cuộn
Như những chàng trai trẻ tuổi đôi mươi
Như cô nàng mười tám giữa gió trời
Hồn căng nở ôm trái tim bè bạn*

*Em theo gió
Em theo gió - lang thang con phố gầy
Chiếc lá mảnh - theo dấu chân kỷ niệm
Hoa điệp vàng - như lũ trẻ nhảy dây
Khoe áo thắm giữa nắng chiều ngợp gió*

*Sài Gòn của em
Sài Gòn của em
Có con ngõ hoang vu với những ngôi chùa cổ*

HUỶNH ÁI TÔNG

Mái móc râu rọp mát những trưa hè
Em thường giấu tuổi thơ mình trong đó
Chẳng biết đến vô thương chỉ vì thích vu vơ

Nay bỗng nhiên như một kẻ mộng du
Em nhớ quá những tháng ngày ở đây
Bạn bè thật thà - kẻ khôn - người dại
Khi bỗng nhiên xa... xa quá Sài Gòn.

Cái nhớ gì đâu - bỗng dưng kỳ lạ
Như kim châm như bếp lửa than hồng
Như đỉnh núi hồn nhiên nay gió thốc điệp trùng
Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi,... nôi nhớ...

Chông chênh

Ta như người làm xiếc
Đi trên một sợi dây
Móng manh

Hai bên là bờ vực
Một hạnh phúc, một khổ đau
Một rã đời, một đủ đầy

Ta chọn điều gì
Giữa hai bờ vực ấy ?!!

Các con
Có cho phép
Ta chọn hạnh phúc thơ rã đời?
Tìm ta
Có cho phép
Ta chọn ném thơ đi đủ đầy?

*Ta - đành nín thở
Chông chênh - giữa sợi dây mỏng manh
Chùng nào, chùng nào?!!
Ta ngã sang bờ này
Chùng nào, chùng nào?!!
Ta ngã sang bờ kia*

*Ta ơi, ta ơi!
Đành - nín thở
Nên - Trái tim đau.*

Quà tặng

*Người tặng ta đôi tay
lược cài trên mái tóc
Người cho ta đôi mắt
sáng cả ngõ ta về*

*Người cho ta vụng về
đây đặn thêm câu nói
Người cho ta bối rối
ta như trăng chơi vơi*

*Người cho ta đôi môi
ấm nồng mùa đông giá
Rồi bóng dưng mát cả
trăng lạnh bờ vai gầy*

Bao giờ ta tới

*Chúng ta đã từng đi
Qua những giấc mộng
Trăm năm và hạnh phúc.*

*Chúng ta đã từng đi
Qua những con đường
Đỏ võ và điêu linh*

*Chúng ta đã từng đi
Qua những con đường
Huyền mộng và tục lụy*

*Chúng ta đã từng đi
Qua những khu vườn
Trà đạo với tâm thiền*

*Chúng ta đã từng đi
Qua những cánh rừng
Cỏ hoa và hoan lạc*

*Chúng ta đã từng đi
Qua những mùa xuân
Chứa chan niềm hy vọng*

*Oi, thánh địa cuộc đời
Là đâu
Bao giờ ta tới ?*

Tự khúc trăng

*Trăng thả ánh tơ vàng
Roi trong đời trăm mặt
Dòng sông ơi mệnh mông
Có dài đêm cô tịch*

*Đôi khi trong cõi thật
Ta nói cười ước mơ*

*Để dấu trong hư ảo
Trái tim mình bơ vơ*

*Để dấu trong hư ảo
Nửa vàng trăng không đầy
Để dấu trong hư ảo
Mảnh tình gây xót xa*

*Hôm nay trời trở rét
Đón mùa xuân đang về
Xuân ơi xuân có xóa
Mọi nỗi nề trong ta*

*Để trái tim hoang mạc
Thôi- khóc- cười- bơ- vơ
Thấp- cho- mình- ngọn- lửa
Thánh- thiện- và- ước- mơ*

Giọng hò xứ Huế

*Đêm Hương giang mang điệu lý về mô
Dù dặt nỉ non - ơi giọng hò xứ Huế
Cứ vây chặt lấy em bằng hơi rung nhè nhẹ
Như tình yêu xa thoát níu lại gần*

*Em như cánh cò đơn lẻ ở ven sông
Giọng hò đến mỗi những tia lửa ấm
Dắt em về với làng quê đầy nắng
Nghe nồng nàn hơi ấm tình yêu*

*Giọng hò mô cũng dặn người đi hãy nhớ bến đò chiều
Đò tắt nắng người thủy chung vẫn đợi
Như sóng Hương giang lặng trầm không sôi nổi
Sóng lặng trầm dòng sông ấy mới sâu*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Có về đây ta mới hiểu lòng nhau
Tình bạn thâm sâu ẩn trong câu hò Huế
Ẩn trong từng tia mắt nhìn dịu nhẹ
Ẩn trong đêm chia tay bịn rịn chẳng muốn rời*

*Xin cho em nán lại phút giây thôi
Phút giây thôi bên các anh các chị
Cái khoảng cách hơn nghìn cây số lẻ
Giọng hò ơi có giữ lại giùm em...*

*Kim đồng hồ cứ vô tình quay trong đêm
Không hiểu được lòng em đang níu gọi
Sài Gòn rất xa – Sài Gòn rất xa gió làm sao mang tới
Điều lý nặng tình, nặng nghĩa của sông Hương.*

Tranh:





HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Lê Thị Kim vẫn là đoá quỳ thơ hư ảo*, Huệ Triệu có nhận định:

Hư ảo trong thơ, hư ảo trong tranh, có phải là cách để người đàn bà thơ Lê Thị Kim giải thoát và hạnh phúc? Đắm vào hư ảo, để giấu đi phiền muộn cuộc đời đa sự, đa đoan, giấu vào những khát khao còn nguyên tươi trẻ, sống hết mình trong khát khao ấy... Tôi nghĩ mình đã chạm vào cái “khoảng sân sau” của Lê Thị Kim, để chia sẻ cùng chị: “Khi làm thơ, tôi vẫn cảm thấy như mình đang lạc vào chốn nào đó, một cõi riêng mình, nghe lại chính giọng nói của mình và đôi khi còn như một kẻ lữ hành đang đi ngược chiều gió thổi...” (Lời nhà thơ Lê Thị Kim).

Tài liệu tham khảo:

- Lê Thị Kim Web: nhavantphcm.com.vn
- Nỗi nhớ Sài Gòn Web: lethikim.com

16. Hoàng Đình Quang



Hoàng Đình Quang (1951-20)

Nhà văn Hoàng Đình Quang sinh năm 1951, quê quán ở xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Ông tham gia bộ đội chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ thời chiến tranh Việt Nam. Sau 30-4-1975, ông về Tp. HCM công tác báo chí và xuất bản, từng là Trưởng chi nhánh phía Nam của Nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam.

Trước khi thành công với văn xuôi, Hoàng Đình Quang được biết đến với tư cách là một nhà thơ, thơ ông xuất hiện nhiều trên báo chí, nhất là tập thơ *Nói thầm*.

Nhà văn Hoàng Đình Quang là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam, đại diện nhà xuất bản Hội nhà văn Việt Nam tại Tp. HCM, Chủ tịch Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Tp. HCM nhiệm kỳ 2 từ năm 2011, Hội viên Hội Nhà văn Tp. HCM, là Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội đồng Văn xuôi Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh khoá 8.

Hoàng Đình Quang đã nhận được các giải thưởng văn học:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng tạp chí Văn Nghệ Quân Đội năm 1994, với truyện ngắn *Những người thợ nạn*.
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam – Bộ Quốc phòng năm 1994 với tập thơ *Nói thâm*.
- Giải thưởng Văn học công nhân năm 1991 đến 1995 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, với tiểu thuyết *Những ngày buồn*.
- Giải thưởng 20 năm giải phóng miền Nam của TP.HCM năm 1995
- Giải thưởng Cuộc thi tiểu thuyết Hội Nhà văn Việt Nam năm 2005 với *Cánh đồng lưu lạc*.
- Giải thưởng Văn học của Bộ Quốc phòng năm 2010, với tiểu thuyết *Xuân Lộc*.
- Giải khuyến khích Giải thưởng Văn học nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh 5 năm từ 2006 đến 2011, với tiểu thuyết *Xuân Lộc*.

Hoàng Đình Quang hiện ở tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Chàng Nai* (truyện, 1983);
- *Nói thâm* (thơ, 1991);
- *Những ngày buồn* (tiểu thuyết, 1992);
- *Mùa chim ngói* (tập truyện, 1995);
- *Thời loạn* (tập truyện, 1997);
- *Thua thắng nghề buôn* (truyện, 1999);
- *Phiên chợ Tết cuối cùng* (truyện, 2002);
- *Cánh đồng lưu lạc* (tiểu thuyết, 2005)
- *Phản trắc* (tiểu thuyết, 2006)
- *Xuân Lộc* (tiểu thuyết, 2008)

Trích văn:

Một người Sài Gòn

Hội Nhà văn thành phố tổ chức một trại viết về đề tài "xóa đói giảm nghèo", tôi cũng được mời tham gia. Xem qua danh sách các cá nhân điển hình trong phong trào này, tôi thấy có một bà ở quận Nhất, chủ một quán phở. Bà chủ quán này được Quỹ đầu tư cho một số vốn không nhỏ. Tôi hỏi chị Ba Sương phó ban, rằng sao quỹ "xóa đói giảm nghèo" lại đầu tư cho chủ quán phở? Đã chủ quán thì làm sao mà đói, mà nghèo được? Chị Ba bảo tôi cứ xuống đó sẽ thấy.

Tôi đến quán phở "Lan" là buổi chiều, quán nghỉ bán, nhưng cửa vẫn mở. Hỏi bà chủ quán, một ông già độ ngoài sáu mươi nói giọng Bắc, gọi với vào trong: Cô Năm ơi, có người kiếm! Lát sau, bà Năm chủ quán từ nhà trong đi ra, mời tôi ngồi, kêu một cô bé lấy nước uống. Tôi trình bày ý định của mình. Nghe xong, bà cười:

- Trời đất thiên địa quý thần ơi! Tôi đâu có làm cái gì mà điển hình điển bóng! Tôi ngày chỉ biết có buôn bán. Viết tầm bậy tầm bạ lên báo, người ta cười chết!

- Sao lại tầm bậy, tầm bạ? Đúng người thật việc thật chứ?

Bà Năm đính chính:

- Tôi nói tôi tầm bậy tầm bạ, đâu có nói nhà báo! Nhiều người giàu có giỏi giang gấp mấy chục lần tôi kia! Thôi, ông tới chỗ đó mà hỏi...

- Tôi viết về "xóa đói giảm nghèo" chứ đâu có viết người giàu. Có đúng là Quỹ cho chị vay năm triệu không?

- À... Có! Ừ mà cũng nhờ có năm triệu đó mà tôi mở mang ra được.

- Trước đây chị cũng từng thuộc diện xóa...

HUỶNH ÁI TÔNG

- Không! Trước đây lâu lắm rồi, thì gia đình tôi đúng là quá đói, nhưng lại chưa có Quỹ "xóa đói - giảm nghèo". Bây giờ thì khá rồi, nhưng tôi vẫn được đầu tư...

Qua lời bà Năm tôi mới hiểu lời chị Ba phó ban nói hôm ở trên văn phòng. Thì ra Quỹ "xóa đói - giảm nghèo" đầu tư cho những hộ khá, có nghề, có cơ sở làm ăn, rồi nhận lao động từ những hộ trong diện phải xoá. Hèn nào, người ta nói Quỹ "xóa đói - giảm nghèo" đầu tư cho người giàu! Tôi hỏi tiếp:

- Trước giờ chị có làm nghề buôn bán không?

- Thưa có! Hồi mới giải phóng tôi bán trái cây trên Sài Gòn, Chợ Cũ. Sau đi kinh tế mới...

Vậy ra chị là người Sài Gòn lâu đời, hay nói như ngoài Hà Nội là "Sài Gòn Gốc". Bởi chỉ có người ở Sài Gòn lâu đời thì mới gọi khu chợ Bến Thành - Lê Lợi - Hàm Nghi - Nguyễn Huệ là Sài Gòn, hay Chợ Cũ có khi nhà họ cũng chỉ quanh trong quận nhất, quận ba thôi. Còn những người đến sau này, hay khách ở các tỉnh khác đến thì gọi là trung tâm thành phố, hay quận Một!

- Hồi trước tôi cũng có quen một người bán trái cây ngay góc đường Hàm Nghi - Tôn Thất Đạm, không biết bây giờ ở đâu...

Bà Năm nhìn tôi chăm chăm, bất ngờ vỗ hai tay vào nhau rồi chỉ vào mặt tôi:

- Đúng rồi! Trời đất thiên địa quỷ thần ơi! Hèn nào mới dòm tôi thấy quen quen! Tóc bạc nhiều, già đi chút ít, nhưng tôi vẫn nhìn ra...

Nghe bà Năm làm một tràng Trời đất, thiên địa, quỷ thần, tôi cũng nhận ra chị:

- Có phải chị Năm hỏi đó không?

Khoảng giữa năm 1976, tức là sau giải phóng độ một năm, lúc ấy tôi vừa từ quân đội chuyển ngành ra còn rất lơ mơ về đường xá, phố phường cũng như mọi sự sinh sống của người Sài Gòn. Khu tập thể tôi ở gần Chợ Cũ, nên tôi hay ra cái chợ nhỏ họp buổi chiều góc đường Hàm Nghi - Tôn Thất Đạm mua rau muống. Lần ấy tôi đi công tác về cũng đã khuya khuya, bụng đói mà tiền thì quá ít, không đủ ăn mì, nên đành lướt qua. Đến đầu đường, thấy một người đàn bà đang ngồi xếp lại những quả cam, bên cạnh một vài thứ trái cây lặt vặt, tôi đứng lại nhìn. Chị ta ngược lên nhìn tôi chào đơn đả:

- Mua cam đi anh đội! Cam ngọt lắm...

- Chị bán bao nhiêu một chục?

Thấy chị bán hàng có giọng mời chào rất ngọt, và lại có nét duyên của người đàn bà tuổi chưa quá ba mươi, tôi đánh bạo hỏi giá. Chị ta còn giới thiệu một chặp rồi mới nói. Vì quá nhiều lần đổi tiền nên bây giờ tôi không nhớ là bao nhiêu, nhưng số tiền vượt quá số có trong túi, tôi không dám trả giá đành tảng lờ bỏ đi. Thế là chị bán cam giật giọng gọi lại, bắt phải trả giá. Tôi đành nói thật là không đủ tiền. Chị ta không tin và mắng tôi một trận té tát. Tôi lẳng lẳng bỏ đi, nhưng còn nghe đủ lời cằn nhằn của chị. Và, thật bất ngờ, và cũng thật thấy thích thú khi tôi nghe chị mắng:

- Ông đừng ý có công giải phóng thành phố. Bộ ông tưởng chỉ mình ông là người chiến đấu giải phóng miền Nam này sao?

Vì câu mắng đó của chị bán trái cây mà tôi cố nhớ cái chỗ ngồi và khuôn mặt người đàn bà Chợ Cũ đó. Hồi mới giải phóng,

chuyện "bảy thằng Việt Cộng đu cành đu đu" được giải toả, thì lại có nhiều chuyện tức cười, thật cũng có, mà bịa cũng có, chẳng hạn như chuyện hai anh giải phóng vào ăn hủ tiếu rồi gọi hai chai "tàu vị yếu có đá" v.v..., nhưng tôi chưa hề nghe ai mắng như chị bán cam. Hay có thể mình công thần chăng? Tuần sau, khi vừa lĩnh lương, trong túi có tiền, tôi quyết định ra chỗ chị bán cam. Lần nay, tôi không chào chị và ngồi xuống lựa cam, xong hỏi giá. Thấy tôi mua mà không mà cả, chị nhìn tôi:

- Anh mua về ăn hay thăm bệnh mà không trả giá?

Tôi đáp lại một cách lạnh nhạt:

- Trả để chị mắng cho một trận à?

- Ý! Ai dám mắng anh hồi nào?

- Thì mới tối hôm trước, tôi không có tiền mua cam của chị, chị chửi mắng tôi là "ý có công giải phóng miền Nam". Chị còn nhớ không?

Thế là chị cười ngặt nghẽo:

- Trời đất, thiên địa, quỷ thần ơi! Đàn ông con trai gì mà nhớ dai dữ vậy hồng biết nữa? Lỡ hỏi giá thì cứ trả đại đi, không có tiền ai bắt phải mua mà sợ...

Tôi từng nghe anh em bạn bè nói, ở chợ Bến Thành hỏi giá mà không mua là bị chửi liền. Tôi nói lại điều này, chị giải thích:

- Ôi, mấy bà ngoài đó họ buôn bán lớn, vốn nhiều, toàn khách vắng lai, nói thách trời thần, không như ở đây đâu!

Tôi buông cái rổ đựng mấy quả cam, hỏi:

- Vậy bây giờ tôi không mua của chị, chị có chửi tôi không?

- Ai dám chửi!

Tôi nói "cám ơn" rồi giả bộ đứng dậy, bước đi. Chị bán cam mở tròn mắt nhìn tôi, mãi mới lấp bắp:

- Ủa! Không mua thiệt hả?...

Tôi quay lại, phì cười:

- Giỡn chơi vậy thôi. Bán cho tôi một chục, mười hai hay mười bốn?

Chị lựa từng trái và xếp vào cái túi dán bằng giấy xi măng mười bốn quả cam:

- Cũng biết chục mười hai, mười bốn hả? Việt Cộng vô đây lâu chưa? Bán người ta mười hai, thấy anh tôi bán mười bốn. Huề vốn cũng bán...

- Vậy mai tôi lại ra mua nữa!

- Không à! Mai bán mười hai. Hỏi thiệt nghen, có tiền không mà đòi mai mua nữa?

Tôi đành cười trừ, còn nói thêm:

- Tôi cũng nói thiệt, tại thấy hôm trước chị chửi tôi quá xá trời đất, nên hôm nay mới lãnh lương ra mua cam, chứ tôi đâu có ăn hay làm quà cho ai đâu. Bây giờ tôi làm quà cho con chị một nửa, tôi ăn một nửa. Mà không được bán đâu nhé, làm quà là làm quà đấy. Con chị trai hay gái...

- Ý! Đâu có được. Anh mua thì phải ăn, tôi đâu có quen biết gì anh mà dám lấy quà của anh!

- Tôi cũng đâu có làm quà cho chị, tôi cho con chị kia mà!

- Tôi đâu đã có gia đình...

- Vậy hả? Thế thì tặng má...!

Tôi thì cứ để lại, còn chị thì nhất quyết cố nhét trả. Cuối cùng tôi bỏ đi, để lại bảy quả cam. Phải lâu sau tôi mới ghé qua, thấy tôi chị bán cam ngạc nhiên:

- Trời đất thiên địa quỷ thần ơi! Đi đâu mất mặt vậy?

Tôi nghe giọng nói, với cách nói trống không của chị, thấy lộ vẻ mừng rỡ. Lần này tôi không mua gì, chỉ đứng nói dăm câu băng quơ rồi đi. Chị ấn vào tay tôi nhưng tôi không nhận, còn bảo: ăn cam ngán đến mang tai rồi. Chị đưa cho tôi một quả dưa hấu không to lắm, nhưng nặng và đen thẫm.

Tôi không biết tên biết thứ của chị, mà chị cũng chẳng biết tên tôi. Thình thoảng tôi có ghé qua Chợ Cũ mua ít rau cỏ, mỗi lần thấy tôi chị đều cho tôi một trái cây gì đó, có khi chỉ là một quả ổi xanh. Thế rồi cơ quan tôi giải thể, tôi chuyển chỗ ở về quận Năm, không hay ra Chợ Cũ nữa, cho đến tận bây giờ.

Bây giờ thì tôi biết chị thứ Năm, tên Duyên, Phù Trần Duyên, còn chị cũng biết tên tôi qua thẻ nhà báo. Chị Năm kêu cà phê đá và thuốc lá cho tôi, rồi chăm chú nhìn tôi quây cà phê, giọng rồn rảng:

- Dữ ha! Vậy từ hồi đó anh đi đâu mất tăm? Vợ con sao rồi?

- Con tôi đang học đại học năm thứ hai, còn chị? Mà chị cũng đâu còn bán trái cây ở Chợ Cũ nữa? Có lần tôi ghé kiểm chị đâu có thấy!

Chị cười:

- Đi kinh tế mới! Ồ, hồi đó tôi hăng hái lắm nghe! Tôi vận động ba má với anh Ba lên Bù Đốp. Anh Ba tôi có việc làm nhà nước không đi, vậy là tôi đi trước kéo cả ông bà già. Lên đó được mấy năm, cực quá, chịu hết nổi, tôi kêu cả nhà bỏ về. Ba má tôi chưa chịu, tôi giông về trước... May mà còn nhà cửa giao cho anh Ba tôi, chớ không thì...

- Vậy là chị "đi trước, về trước"! Rồi về sao không ra bán trái cây nữa?

- Không bán, mà bán cho hợp tác xã tiêu thụ phường. Tới chừng hợp tác xã tiêu thụ giải tán tôi ra thuê nhà bán quán hủ tiếu!

- Vậy nhà này chị thuê?

- Trước thuê, bây giờ mua luôn rồi!

Ghê thật! Tôi nghĩ bụng. Đúng là đàn bà dễ có mấy ai, tay bằng miệng, miệng bằng tay! Thấy mấy cô, mấy cậu thỉnh thoảng lại chạy ra nói nhỏ như là xin chỉ thị bà chủ, tôi hỏi:

- Mấy đứa này là con hay cháu chị?

- Đâu có! Chúng là con cái mấy gia đình trong tổ "giảm nghèo" tụi tôi. Thấy chúng bầy lớn mà không làm gì, chỉ lông nhông, tôi kêu ba má chúng giao cho tôi quản lý. Ay cũng nhờ có vốn của quỹ "xóa đói - giảm nghèo" mà tôi cho làm ngay bánh phở

trong nhà, khỏi lấy của lái, khỏi sợ có phóc... phóc gì ông Sửu?

- Phoócmandêhyt, cô Năm! Ông Sửu là ông lão nói giọng Bắc, tiếp tôi lúc mới vào, nãy giờ vẫn ngồi chăm chú sửa cái đèn măng-xông, nghe chị Năm hỏi, bình thân trả lời.

- Ông Sửu sửa xong cái đèn rồi chạy qua bên cửa hàng mua thêm ít dầu hôi. À quên nữa, thằng Tấn đi lấy cối xay trên Thủ Dầu Một về chưa hả ông?

- Về rồi cô Năm. Được để tôi đi mua dầu ngay đây!

Ông già vừa đi khỏi, chị Năm nói với tôi:

- Ông Sửu người ngoài Bắc bán nhà bán đất vô đây ở với con. Được ít lâu cha con chửi lộn nhau, chịu hết nổi, lang thang vờ vật ngoài đường kiếm ăn. Thấy vậy, tôi kêu về trông coi tụi trẻ giúp giùm tôi. Ngày ăn, đêm tôi lo chỗ ngủ lại coi quán, tôi trả cho ba trăm uống cà phê. Vậy mà cô con gái ông còn đến nói xiên nói xéo tôi là tư sản bóc lột. Tôi sùng máu bố lên chửi cho một trận: có cha không nuôi đuôi ra đường, người ta cho ăn, cho ngủ, cho tiền xài, còn nói nọ nói kia! Đồ mất nết, con hư hỏng! Ông Sửu chạy ra xin tôi không tôi cho mấy mách nữa! Tôi nghiệp ông già, cũng là cán bộ nghỉ hưu. Được cái chăm chỉ, mực thước. Mới lấy xe chạy đi mua dầu hôi, đèn cây...

Tôi thấy vậy, hỏi:

- Ở đây hay cúp điện lắm hả?

- Đâu có! Đề phòng sự cố Y2K, sợ cúp điện, nên tôi phải bảo tụi nó mua hai cái cối xay bột bằng tay, chuẩn bị dầu đèn, trữ nước...

Thấy tôi phá ra cười, chị cũng cười theo:

- Thì mình cứ đề phòng vậy, thấy ngoài chợ người ta ì xèo. Mì gói khuôn cả thùng, cũng lo. Nhớ đâu có Y2K thiệt thì cũng còn có cái ăn, cái uống...

Tôi nhìn chị mà vẫn chưa thấy hết muốn cười:

- Theo chị thì Y2K là gì?

- Tôi không biết rõ, nhưng thôi thấy: tí như mình đang quen xài tuần lễ có thứ hai, thứ ba... đến thứ bảy, chủ nhật. Nay tự nhiên thay chủ nhật bằng... thứ Tám. Vậy là mình lúng túng không hiểu ngày nào đi làm, ngày nào nghỉ, có khi nghỉ luôn. Đó, cái máy vi tính nó cũng không biết năm 2000 là năm nào? Nó nghĩ ngợi không ra rồi ngưng luôn, hoặc chạy lung tung! Vậy có đúng không, nhà báo?

Quả thật, tôi cũng đã phải mấy lần giải thích cho những người xung quanh về sự cố có thể có của máy tính sang năm 2000, nhưng không tìm ra cách nào sát thực và dễ hiểu như cách nói của chị Năm. Tôi bảo là tôi phục chị quá, chị cười, hai mắt tí lại:

- Kiểu giải thích nhà quê thôi anh ơi!

- Chị mà nhà quê? Sài Gòn gốc...

Chị lại cười, nhưng lần này rõ vẻ nghiêm túc:

- Đúng là ông cố, ông sơ nhà tôi sống ở trên này từ lâu. Theo ba tôi nói thì chỗ cái nhà lâu mấy chục tầng kia, hồi đó còn là ruộng lúa... Rồi qua trào Pháp, trào Diệm rồi đến Mỹ - Thiệu, bao nhiêu biến đổi, gia đình tôi cũng loanh quanh ở đây. Nhưng lớn lên tôi thấy mình chẳng có vẻ gì là dân thành thị cả.

Mấy ông quan chức thì không nói làm gì, chớ tụi tôi dân nào cũng cực, cũng phải lao động. Làm gì có gốc với ngọn mà phân với bi? Cứ làm ra bộ ta đây cho chúng ghét...

Thấy câu chuyện có vẻ kém vui, tôi lái sang:

- Chị mấy đứa rồi?

- Hai! Thăng lớn đi nghĩa vụ về giờ làm công ty bảo vệ Long Hải. Còn con nhỏ đang học năm thứ ba đại học kinh tế...

- Vậy là chị có con trước tôi. Thế mà hồi đó dám nói là chưa có gia đình!

- Hồi nào?

- Chị không nhớ là tôi gửi nửa chục cam về cho con chị?

- À... Nhớ! Chị Năm lại ôm mặt cười, chảy cả nước mắt. Đúng là lúc đó tôi chưa có gia đình. Tôi gặp ông xã hồi ở kinh tế mới. Anh là thương binh, chuyển ngành ra ban quản lý kinh tế mới thành phố. Lầy nhau xong sanh thằng lớn, ngán quá, tôi giông về để ảnh một mình. Mấy năm sau xin nghỉ mất sức mới về với mẹ con tôi... Này nói gì nói, cái gì mới cũng ngon: nhà mới, áo mới, vợ mới, chồng mới... Nhưng mà cái kinh tế mới, ngán thiệt... Lại cười.

- Giờ ảnh làm gì?

- Làm gì! Ủy ban mặt trận phường, tối ngày đi lo giải quyết tranh chấp, hòa giải cho người ta không! Này, nói nghe, anh ngồi chơi chút, ông xã tôi về tôi làm cái gì cho hai người nhậu! Ông xã tôi tuy không khoái nhậu nhưng ham có bạn lắm...

Tôi phải từ chối mãi, hẹn bữa sau, chuẩn bị tinh thần, ngồi chơi lâu. Với lại tôi còn muốn gặp chị nữa để viết kia mà. Chào chị, tôi dẫn xe ra, đã ngồi lên yên, chuẩn bị đạp máy, chị Năm còn chạy vọt ra, nhét bao thuốc 555 còn đầy vào túi áo tôi:

- Cầm lấy mà hút!

Tôi không nhận, bảo để mà bán, chị không nghe. Chị ư hừ, như muốn nói gì đó, tôi hiểu ra, nhìn vào mắt chị, chờ đợi. Chị nói như để mình chị nghe:

- Hồi đó tự nhiên đi đâu mất mặt. Nếu còn được gặp anh, chắc tôi không dại dột kéo cả nhà đi kinh tế mới...

Tôi đoán ý chị, không biết có đúng không, nhưng cũng nói đại:

- Tôi cũng vậy! Nếu không chuyên đi, chắc giờ này nói tới tiếng "cam", đã phát ngán...

- Đồ quý! Chị Năm phát vào lưng tôi. Đi đi!...

(Thành phố Hồ Chí Minh, tháng Giêng năm 2000)

Trích thơ:

Tương tư

*Tương rằng chi hoa lá cành
Nào ngờ cốc nước đã thành vực sâu!
Tương rằng đưa đẩy đôi câu
Nào ngờ bước phải nhịp cầu đa đoan!*

*Tôi giờ như chiếc thuyền lan
Ai xui cũng gặt, ai bàn cũng nghe
Cắm sào đậu khúc sông mê*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Có nồi cháo lú cũng khô mất rồi
Ra đường ngó ngược trông xuôi
Thấy lưng ai cũng tương người mình thương!*

*Bây giờ mắc phải tai ương
Ma đưa lối, quỷ dẫn đường vô duyên
Bây giờ ván đã đóng thuyền
Tơ vương thành kén, tầm yên phận tầm
Chiêm bao toàn chuyện trăm năm
Tan mơ, trở gối tôi nằm đợi mơ!*

*Vật vờ trong cõi thực hư
Bây giờ mới biết tương tư thế nào!*

(8-2001)

Quyền năng biển

*Những mảnh chiến thuyền thế kỷ thứ sáu
Dạt vào nhà trẻ Hoa Hồng
Biển góp phần tạo ra tương lai nhân cách
Nhà trẻ và những cô bảo mẫu blue trắng toát
Thương cho một “cháu lên ba” ra cổng gặp người hùng*

*Tôi ngồi trên ban công
nhìn mặt biển ở góc mười lăm độ
Sáu giờ bốn lăm - đứng gió
Nghiêng xô ngày tận thế ra khỏi cơn mê ấu thơ
có con thuyền hãnh tiến lìa bờ.*

*Mặt biển bỏ hoang dưới sắc mặt trời.
Thương thay thân phận loài nửa đời.
Cỏ âm thủy lan man
dưới triều đại hoang tàn đổ nát*

*Không thể cháy - khói vẫn ùa vào cay xè mi mắt
Biển thu mình khôi phục quyền năng.*

(21-12-2012 Dự kiến Ngày tận thế)

Người đàn bà với chiếc ô hoa

*Tôi thấy chị xoay về phía mặt trời
Che sức nóng làm má chị hồng tươi*

*Bàn thần bước chân không vội
Áo mỏng xuyên qua sức nhìn màu sấm hối*

*Người tình bạc phía sau lưng
Chiếc ô hoa trên đầu chị ngập ngừng*

*Chàng phi công trẻ măng, lún phún ria mép
Mãi miết nhận ra phía xa xăm tuổi đẹp.*

*Chiếc ô hoa rẽ vào ngõ nhỏ
Mang theo khuôn mặt chiều bùng đỏ.*

(12-2012)

Bắt chước hải âu

(Cho Đỗ Mão)

Đừng hạ cánh

Phía dưới lao xao hàm răng cá mập

Đừng vỗ cánh

Gió sẽ tước hết năng lượng

Bay bằng thân phận tha phương

bằng nỗi buồn tưởng tượng

Không thể tin vào những con tàu.

HUỶNH ÁI TÔNG

*Có khi ta bay trong bể con người
Quyết liệt ranh ma chen nhau chỗ sống
Đừng dừng lại, đừng ngoái nhìn, đừng hy vọng
Thiên đường vu vơ nhưng thiên đường không của riêng ai.*

*Tự do nào bằng những cánh hải âu?
Phóng khoáng nào bằng mênh mông biển cả?
Một buổi chiều sóng đánh toi bờ đá
bao cánh chim thừa thớt bay về.*

(21-12-2012)

Em ơi đừng đi

(Bài thơ viết cho Vợ nhưng không để Vợ biết)

*Em ơi, mùa này chim đã hót trong đâu
Nước sông Hồng vẫn đục như máu mới
Phù sa còn dở dang rất vội
Rất vội
Chỗ đã thành nền, chỗ vẫn hoang sơ
Có thể nào anh lại sẽ ngăn ngại
Ba mươi năm có ít đâu, ba mươi năm quá ngắn
Con cái, cửa nhà, đồng tiền tất bật
Tiếng nước chảy trong nhà, chim khách hót ngoài sân...
Nồng ấm nhích lên, cực khổ xa dần
Anh quen có em như quen vào cánh cửa
Đóng lại lúc anh đi, khi anh về rộng mở
Xao xuyến thanh bình, yên ả lúc xô nghiêng
Có một bầu trời chung mà cũng có mảnh trời riêng
Sao giấu được mà làm sao phải giấu
Con gió thoảng qua, bìm bìm leo trước giậu
Bướm ong về không làm nản lòng em
Đến bây giờ anh biết nói gì thêm
Mỗi tết đến lại lui về năm cũ
Em vá víu những tháng ngày rạn vỡ*

*Những tháng ngày chưa vượt quá tầm tay
Anh ngồi đây và em vẫn ngồi đây
Đừng đi nhé, em ơi
Ngồi nán lại
Quả sẽ bóí đầu mùa vẫn giành cho em hái
Nước mắt chảy vào, đường trước mặt còn xa...*

Định mệnh

*Anh đứng lặng trước giòng sông số phận
Chuyến đò hoa quay mũi tịt bao giờ
Bến nước cuối cùng rải đầy mảnh vỡ
Chiếc chén ngà đọng nước mắt ngày xưa
Anh lênh đênh một mình giữa mây và nước
Bối rối ngàn dâu, bối rối tơ tằm
Sào định mệnh cắm vào giòng sông khác
Đá hai bờ đã in dấu trăm năm
Không thể nói yêu em như thuở còn vụng dại
Cái thuở nhìn dâu cũng báo hiệu một tình
Giờ anh khóc trong một chiều huyền thoại
Có ai ngờ sương đã trắng đầu anh
Anh không dám chạm vào mối tình mà anh đang có
Mối tình sau mong manh lắm người ơi
Như sương mỏng phủ hờ trên áo mỏng
Sau bức rèm kia là tan vỡ mất rồi!*

Một nửa đại dương

*Một nửa đại dương – vẫn nguyên là biển cả?
Rất mênh mông, sẵn sàng chìm chết những con tàu
Sao không tin một nửa là tất cả?
Sao nói với bể rằng: bể dâu?
Đôi khi ta thương bắt chọt một con tàu
Mùa đông khoác áo voan kiêu hãnh
Gió lật đật chiều cánh buồm bất hạnh*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Chẳng kịp quay về nơi chấp chới hải đăng
Thủy triều đợi ngày trăng
Ngày trăng đợi cuộc đời khô nước mắt
Anh cô độc giữa ngày buồn chóng mặt
Em - sóng lặng lâu rồi, mà biển vẫn còn đau.*

Trong bài: Hoàng Đình Quang - Kẻ lưu lạc ... cánh đồng Lê Huy Mậu đã viết:

“Thế mới biết, để có được một cuốn sách, nhà văn phải lao tâm, khổ tứ đến thế nào. Hoàng Đình Quang thường bảo công việc viết văn là công việc khô sai, vất vả hơn cả đi cày. Từ trang sách đầu tiên đến khi đặt dấu chấm hết vài trăm trang sách giống như một cuộc đánh vật.

Nhiều người, khi đọc văn cứ thấy nhà văn viết như không, như là cuộc sống nó vốn vậy, anh nhà văn chỉ mất công chép ra thôi. Dễ ợt! Họ có biết đâu rằng, những lúc đóng cửa phòng, nhà văn Hoàng Đình Quang đánh trần trụi trực, lộn trái cả “lục phủ ngũ tạng” lên để viết...”

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Đình Quang Web: nhavantphcm.com.vn
- Một người Sài Gòn Web: nhavantphcm.com.vn

17. Nguyễn Thị Đạo Tĩnh



Nguyễn Thị Đạo Tĩnh (1952-20)

Nhà thơ Nguyễn Thị Đạo Tĩnh sinh ngày 31 tháng 1 năm 1952, quê ở xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Bà đi bộ đội từ tháng 10 năm 1966, đến tháng 10 năm 1969 chuyển ngành đi học Sư phạm mỹ thuật.

Từ năm 1972 đến 1979, dạy học tại Nam Định. Nguyễn Thị Đạo Tĩnh đã viết văn, làm thơ từ lúc này, nên năm 1975, đoạt giải truyện ngắn của báo *Văn Nghệ*.

Từ năm 1979 đến 1982, học trường viết văn Nguyễn Du khóa I.

Từ năm 1983 đến 1989, là phóng viên tạp chí *Lao động & Xã hội*.

Từ năm 1990 đến 2006, là phóng viên, biên tập viên tại Đài Tiếng nói Việt Nam.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà thơ Nguyễn Thị Đạo Tĩnh đã được giải thưởng:

- Giải nhất cuộc thi truyện ngắn báo *Văn nghệ* năm 1974-1975 với truyện ngắn *Chuyện thường gặp*.

Hiện nay bà sinh sống tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Bùa lá* (tập thơ, 2006)
- *Miền hoa dại* (tập thơ, 2006)

Trích văn:

Cây hoàng liên rễ đắng

Biết! Sao chả biết? Tôi à. Nhiều! Tôi "học gạo". Tôi nóng tính. Tôi kiêu kỳ. Cả tôi châm chọc con trai nữa... ối. Nhưng nặng nhất vẫn là tôi "chống kén".

Kén. Dại gì mà chẳng kén. Lấy chồng chứ có đi đánh giặc đâu mà phải vội. Kê, mà đã hai con thì con mà phải gọi tao bằng bác. Nghe chưa! Mới ngoài hai chục tuổi đầu thôi, còn trẻ chán. Bao giờ có cháu gọi bằng bà lấy chồng cũng chưa muộn.

"Eo ôi! Người ta bảo đến cái tuổi "hăm", tuổi "băm" mà chưa chịu lấy vợ lấy chồng thì dù có thông minh như mày, cái bệnh "hâm" nó cũng chẳng nể. Mà hâm đến "tỷ độ" cơ Chung ạ. Chứ sao! Tỷ độ hay "bầu trời độ", "vũ trụ độ" cũng kệ nó, sợ cóc gì!

Nói thế cho vui thôi chứ tôi biết ở cái tuổi này cũng chẳng còn trẻ trung "man mác" gì nữa. Nhiều người bảo tôi kén chọn. Nhiều người bảo tôi ế. Nhưng chắc chắn là kén chọn. Vì người ta thấy không ít những "đôi phương" của tôi sau khi hăng hái "tuyên chiến" đã phải rút lui một cách nhẹ nhàng. Tôi không

đẹp. Ngay cả ở cái tuổi ban mai tươi thắm nhất cũng vậy thôi. Thế mà người ta lại bảo tôi có duyên. Duyên ngầm. Thật buồn cười. Ngâm ở cái gì? ở đôi mắt dài như hai chiếc lá tre đặt chéch, ở cái sống mũi cao hơi quặp hay ở nước da nắng già? Không! Chả ở cái gì cả. Có chăng chỉ ở mái tóc "phi dê" rất kiểu cách không hợp với con nhà lính tỳ nào. Thỉnh thoảng lại buộc làm hai túm, ngưng nguẩy hai bên gáy. Có lẽ vì nó mà người ta bảo trông tôi có dáng trí thức. Cũng chả phải! Người ta nói "mát" đấy. Tôi chỉ là một cô gái thường. Một "thím" lính rất thường.

ở đội điều trị chỉ có tôi với chị Sơn là gái nên cái gì cũng được "chiều hơn". "Đây nhá, mỗi cậu chỉ được có hai: Hai tem, hai phong bì, hai poluya. Thế là nhiều chán rồi. Thừa à, phần hai cô tất. Con gái là tình cảm người ta "ướt át" hơn cánh ta. Thế nhá! Còn đây là thuốc lá của đơn vị gửi vào biểu trạm. Giao cho cậu Thân quản lý. Cấm người trước đây nhá. Tối sẽ liên hoan chung với anh em thương binh cả thể. Gớm, chưa chi cậu đã sợ thiệt cho các cô ấy à. Không hút được thuốc lá thì đã có thứ này".

A! Chị Sơn ơi! Bò kết. Sao nhiều thế! Gội đầu không lo rít tóc nữa nhé. ồ cả kim, cả chỉ, cả chỉ thêu nữa này. Thích quá! - Trạm phó đổ trong túi cóc ra đây một mũ.

Cả anh em thương binh cũng vậy. Hôm nào khỏe vào rừng chơi, thế nào họ cũng đem về được một cái gì: một cây rêu đá có tán lá đẹp lẫn tẩn, xòe ra như đuôi con công rất đẹp. Một bông hoa có mùi thơm là lạ và cái tên rất đặc biệt "hoa chiến sĩ". Để các cô ép giữ làm kỷ niệm.

Thế mà lạ, chỉ có bác sĩ Nguyễn - trạm trưởng là có lẽ ít đề ý đến những chuyện như thế. Trông cái dáng đi lúc nào cũng rất vội vã, người ta biết anh còn nhiều việc: làm sao chuyển thương binh về tuyến sau bảo đảm an toàn. Đón nhận thương

binh từ mặt trận chuyển đến. Chuẩn bị một ca mổ khó của đồng chí Đỗ Khắc Hòa. Trạm phó kêu thiếu thuốc gây mê. Thiếu thực phẩm bồi dưỡng cho anh em bị thương nặng. Những thứ đó làm cho trạm trưởng càng thêm khắc khổ. Không hiểu sao, tôi có cảm giác hình như đối với tôi anh cố tình lạnh lùng hơn. Có lẽ vì tôi chỉ là một y tá mới bổ sung về trạm, còn anh ấy đã là một "cây phẫu thuật" già dặn. Rất giàu về kinh nghiệm chuyên môn. Cần gì! Đúng, mình chỉ là một y tá. Nhưng y tá giỏi có học thức. Anh tưởng chỉ có anh mà đã thành công một ca mổ đấy à? Không có y tá như tôi xem? Làm cóc gì đã phải vội khinh nhau. Nhưng không, không phải đâu! Mọi người vẫn khen là anh ấy tốt. Đến ngay như chị Sơn cũng nói thế. Anh ấy vui vẻ với mọi người - Trừ có mình - mỗi mình mình. Có thể vì mình là đưa em út trong đội mà cũng "cứng cổ" nhất đội nên anh ấy không ưa.

Ai còn lạ gì con nhà lính. Đến ngay như củ chuối mà bỏ vào ba lô khoác theo bộ đội thì rồi cũng biết tán, biết nô ra phết. Nói gì đến những anh đã có "khiếu bẩm sinh" từ trước. Nô thì nô. Cười vui mặc kệ. Đừng có tán âm ớ mà đại. Tôi không thích thế. Làm sao lại cứ phải: "Trông Chung thông minh quá!" "Chung có vàng trán bác học quá", "Chung có giọng hát tuyệt quá". "Chung có..." Thôi đi! mang ra chỗ khác mà nói. Tôi không muốn nghe nữa. Cái gì cũng "Chung có". Tôi có phải là trẻ con đâu mà phải nịnh.

Nguyễn thì khác hẳn. Không bao giờ anh ấy khen tôi lấy nửa câu, cũng chẳng bao giờ anh ta bỏ qua cho tôi một thiếu sót gì, dù là nhỏ nhất. Không hiểu sao tôi cứ bị "người ta" "trùy", tý gì cũng lôi ra cuộc họp mà mổ xẻ thì bỏ ai mà nhịn được. Tôi nóng nảy, như thế là có hại à? Hại tôi chứ hại gì đến nhà anh mà anh cũng gọi tôi đến để phê bình. Anh hữu khuynh, anh thiên vị. Anh là trạm trưởng anh có quyền. ỨC MUỐN NÂNG LÊN MÀ KHÔNG NÂNG ĐƯỢC. Tủi thân quá! Tôi chỉ muốn xin đi. Đi ngay. Đâu cũng được. Miễn là đừng phải nhìn thấy "người ta" nữa.

Thiên hạ vẫn còn lắm người oái ăm. Biết thế mà họ vẫn còn gán ghép. Họ bảo anh ấy rất yêu tôi. Phải. Yêu lắm! Yêu đến nỗi tôi đã từng phát khóc lên rồi đấy. Đã thế, tôi cũng chẳng ngong gì mà không tìm cách trả đũa. Chờ cho hôm ngồi buộc lại băng, đông đủ cả tôi mới hỏi trêu tức, rất lễ độ:

- Chú Nguyễn được mấy các em rồi ạ?

- Này! Cấm đấy nhé! Trạm trưởng của tôi là chưa hề có "em" nào đâu đấy! Cấm được dò cái kiểu ấy - Một ông nào nói.

Tôi lừ mắt:

- Vớ vẩn. Thế thím ấy công tác ở đâu ạ?

- Gần lắm. Ngay đây thôi, còn rất trẻ nhé! Trẻ như cô ấy. ừ cũng hao hao giống Chung anh Nguyễn nhỉ? Chỉ phải mỗi tội "cương tổ amidan" - Anh ta nháy mắt nhìn Nguyễn.

"Ông ạ, ai mượn mà ông phải nói leo". Ghét thế, cái anh chàng Thân lấu cá. Tôi nhìn sang Nguyễn, anh vẫn cười lặng lẽ. Khuôn mặt hơi đỏ lên. Có lẽ là ngồi gần lửa. Sao mà hôm nay trông hiền thế? Chưa tha đâu, ông cũng sẽ phải phát khổ phát sở lên mới thôi.

Rồi cũng may, Trạm trưởng nhận được lệnh vào sâu trong tuyến trong. Vội quá, chẳng ai chuẩn bị được gì. Hôm anh đi, cả đoàn kéo nhau tiễn chân ra tận bờ suối cạn. Ai cũng có vẻ luyến tiếc người bác sĩ trẻ của họ. Mấy anh em trong đội thì hơi buồn. Họ nhớ. Sao chị lại phải khóc hả chị Sơn? Chia tay là người ta "ky" nước mắt lắm đấy nhé! Em thì em chả biết là mình đang vui, đang buồn hay đang giận dỗi. Trông em ngây ngô đến buồn cười hả chị?

Anh ấy vui vẻ chia tay với từng người. Tôi vẫn bị chừa lại sau cùng. Em làm cho anh giận lắm à? Sao tay anh run ghê thế nhỉ? Không! Em biết, không phải anh sợ đâu. Không cái gì có thể làm cho anh sợ được. Vâng, anh đi đi. Khổ quá, đừng nhìn thế nữa. Anh Nguyễn!

... Thế là từ nay, em đỡ phải nghĩ ra những chuyện rắc rối đề trên anh. Anh cũng đỡ khó chịu vì phải gần con bé bú rống bình. Hôm nay anh đang ở đâu thế? Rừng trong ấy chắc là nhiều mưa lắm nhỉ? Vì em nghe thấy sấm cứ ầm ì đuổi nhau chạy dồn về phía ấy. Đừng thức đêm nhiều thế nữa nhé. Trông anh gầy và già đi nhiều so với hồi em mới đến rồi đấy.

Khi xa nhau, người ta hay tâm sự với bạn bè để chia sẻ vợi đi một phần nỗi mong nhớ. Mình không muốn thế. Tại sao lại cứ phải để cho người khác bận tâm đến việc riêng của mình. Không phải em giấu chị đâu, chị Sơn ạ. Anh ấy nói chuyện với chị như thế à? Em thì không. Anh ấy chẳng nói với em một câu nào. Nhưng em vẫn cảm thấy, em vẫn biết. Thế em mới càng trên người tợn. Nhiều lúc "anh" buồn. Vẫn tưởng em còn giận đấy.

Chị hỏi thế thì chịu. Yêu từ bao giờ à? Em không biết. Nhưng có lẽ từ sau cái hôm chúng mình đi rừng lấy cây thuốc nam ấy. Đạo ấy sao em ngông cuồng thế nhỉ? Em cứ muốn trở tài cho anh ấy biết: Em không đến nỗi là một đứa "đụt" mà anh đã phải coi thường. Cũng bắt đầu vào mùa mưa lũ. Nước trên thượng nguồn đổ về cuồn đi bao nhiêu hoa trái rụng! Khiếp thật đấy! Hàng tháng liền chẳng biết mặt trời ngủ quên ở đâu. Quần áo của thương binh giặt xong cứ phải phơi suốt mà nào củi có cháy. Sờ vào đâu cũng chỉ thấy ầm sì sì và sặc mùi oi khói. Trạm trưởng thì cứ lo cuống đê lên, vì tắc đường, không sao đi lĩnh được thuốc.

Thế là một "chiến dịch" đi kiếm cây thuốc bắt đầu. Phần khởi quá! Em là người xung phong hưởng ứng đầu tiên. Dứt khoát, về mặt này, em dứt khoát hơn dứt các anh các chị rồi. Hơn cả bác sĩ nữa đấy, trạm trưởng ạ! Ngày còn ở nhà, em vẫn thường được sai đi cân thuốc bắc cho ông nội, em biết nhiều cây thuốc lắm. Cây rau diếp dại có hoa vàng ấy gọi là bồ công anh. Bồ công anh với cây sài đất, cây liên kiều dùng cho tiêu độc. Còn củ mài gọi là hoài sơn, cây chay rừng thì gọi là sơn tra. Cả hai thứ này đều là thuốc tiêu hóa. Kiệt lý thì chữa bằng quả xoan rừng, thấy chưa. Tháp khớp ả, uống xây đơn gối hạt, không có thì đơn mặt trời cũng được. Đơn mặt trời là cây mà hôm qua anh nào hái được mang về đấy. Leo tận vào sau dãy núi đá! Mệt đứt hơi mà em vẫn cứ "bốc". Đến khi nhắm phải một củ đắng ngòm ngòm thì em cứ cãi sống, cãi chết nó là củ hoàng bá. Vì chỉ có hoàng bá với hoàng cầm là đắng nhất rồi còn cái gì nữa. Nó là thuốc giải nhiệt đấy. Cứ già lấy nước uống là hạ sốt ngay. Có lẽ không nhìn được cười nên bác sĩ Nguyễn quay lại:

- Nếu để cho cô làm bà lang thì cô đã kê đơn cho ới người "về" trước tuổi mất rồi cô Chung ạ.

Em đỏ mặt lên, vắn lại:

- Thế anh bảo nó là cây gì đây?

- Thừa đồng chí, nó là cây hoàng liên đấy ạ - Bác sĩ hài hước -
Rễ cây hoàng liên cũng đắng lắm chứ. Nhưng hoàng liên thì chữa bệnh tâm hỏa, hoàng cầm chữa can hỏa, hoàng bá chữa phế hỏa. Nếu già lấy nước chỉ tra thay thuốc đau mắt là tốt, chứ ai bảo cô uống sống mà hạ nhiệt. Và thế là luôn thể anh giảng cho mọi người về dược tính, về cách sao tẩm, cách bảo quản các vị thuốc. Em ngỡ người ra, có những cây cỏ rất bình thường mà anh ấy bảo chữa được bệnh trọng. Hai tai em cứ

nóng cháy lên gần giật. Sao anh không nói ra trước là anh cũng biết để em còn... Rõ là điếc không sợ súng.

Nhìn anh ấy, em bắt đầu then!

Chị biết không? Hôm đi, anh ấy còn cười bảo: "Chung còn nhớ cây hoàng liên không? Đừng có nhầm nữa đấy nhé! Rễ nó đắng thể, nhưng lại rất mát. Thuốc đắng bao giờ cũng là vị mát". Em nóng mặt, anh đừng nhắc lại nữa. Em biết, nhiều căn bệnh vẫn phải trị bằng thuốc đắng.

Năm cuối cùng.

Những ngày ôn thi sao mà bận. Nguyên nhân gây ra bệnh Zona là do một vi rút hướng thần kinh, gần giống như vi rút của bệnh thủy đậu và vi rút của bệnh épect. Triệu chứng của nó là gì nhỉ? Mệt quá, ngồi thừ ra dưới gốc cây phượng vĩ góc trường. ánh nắng màu nhựa thông trong suốt. Bóng những chùm lá phượng lẫn tẩn, xòe những cánh tay mềm mại vẫy nhẹ nhàng trên hàng chữ. Một tiếng gọi to. Tôi giật mình:

- A! Chị Sơn! Sao lâu nay chị không sang thăm em hả, hả?

Mừng quá, chỉ kịp xỏ vội mỗi một chân dép chạy lại. Có lẽ chị còn mừng hơn tôi nên chiếc xe đạp dựng không kịp vững, đổ kênh ra bãi cỏ. Mặc kệ. Chị lắc mạnh hai vai tôi:

- Chung! Mà có tin sốt dẻo đặc biệt.

- Lành hay dữ chị?

- Vừa lành vừa dữ. Nhưng lần này phải công nhận chính thức đi thì "đây" mới nói.

- Nhận cái gì mới được chứ?

- Không biết! Cứ nhận thì nói, không còn lâu!

- Bà đạo này "quái" lắm đấy! Vâng thì tôi nhận. Quá quái.

- Nhưng phải giữ chặt lấy tim đấy nhé. Nó mà rụng xuống dạ dày là tôi không đền được đâu.

- Thôi, có nói thì nói, không thì bỏ ra. Chẳng cần nghe nữa.

Tôi ngúng nguẩy hất tay chị ra rồi vờ lên mặt giận. Chị Sơn nhìn tôi phì cười:

- Í giờ! Lại giờ "sách" nững đấy! - Rồi đột nhiên chị nghiêm hẳn lại: - Anh Nguyễn về, biết chưa?

Tôi mở to mắt ra, trân trân nhìn chị.

- Thật mà, anh ấy về! Sáng nay gặp ở hai linh ba. Không nhận được ra anh ấy nữa. Về an dưỡng hai tháng nay rồi mà chả đứa nào biết.

Không! Chị cứ bỏ ra! Em có làm sao đâu. Chị cứ tưởng em không tin à? Em có khóc đâu nào. Tự nó cứ giàn ra đấy chứ. Đạo cuối năm học thứ hai, nghe tin anh ấy bị chết bom khi đang dở ca mổ, em có hề khóc tí nào đâu. Chỉ sau một đêm mất ngủ, bạn bè kêu em lạ hẳn đi. Rồi một tuần, họ tưởng em ốm vì lo học. Điểm em vẫn cao! Lại thế. Thấy em tự nhiên ngờ ngờ ngẩn ngẩn, chúng nó bảo "mày học vừa chứ không lại mù người đi đấy".

Vâng, đúng cái hôm gặp chị ở ngã tư cầu đá đấy. Em cứ tưởng chị biết rồi cơ. Với lại nói ra làm gì. Tin vui người ta mới cần thông báo chứ cái tin buồn nên giữ kín là hơn. Sao như thế lại là không tốt hả chị Sơn? Thế mà chị không rủ anh ấy xuống đây chơi một thể.

- Anh ấy hỏi mày chuyện đi đâu? Được mấy cháu rồi, tao bảo nó phục viên về quê. Cháu thì ỏi. Anh ấy bảo, thế thì mừng cho mày đấy. Phấn khởi em nhá - Ngừng một lát chị Sơn lại ríu rít - Nhưng đùa thế thôi tao nói hết về mày. Nói rất chi là cận kề. Việc gì mà tao phải giấu. Nghe xong, anh ấy chỉ gật đầu rồi lặng hẳn đi. Tao hốt quá, không dám nói nữa, sợ anh ấy buồn. Lâu lắm, anh ấy mới rủ rì. Không biết nói với ai: tao hay anh ấy:

- Mình vẫn tin là Chung sẽ làm được như thế, Chung có nghị lực. Không biết bây giờ còn giận tôi nữa hay không? Sơn ạ, thực lòng tôi rất yêu Chung. Hay phê bình cũng là để Chung mau tiến bộ. Có lẽ vì thế mà Chung hiểu lầm tôi. Nhưng như thế cũng được. Những chuyện yêu đương ở chiến trường chỉ làm vương vấn cho nhau. Biết ngày mai mình thế nào mà bắt Chung chờ đợi. Chẳng hạn như bây giờ thôi cũng làm khổ Chung biết bao nhiêu.

Im lặng. Bỗng chị Sơn bóp chặt tay tôi:

- Chung ơi, nếu như bây giờ anh ấy chỉ còn một cánh tay thì Chung sẽ nghĩ sao hả Chung?

Em chết lặng người đi. Chị Sơn, sao chị hỏi em ác thế? Còn phải nghĩ làm sao nữa. Có phải bàn tay đã để lại bao nhiêu điều nhân đạo. Cái bàn tay đã gấp ra những mảnh đạn tàn ác của quân thù. Bàn tay ấy đã chỉ cho chị em mình những cây thuốc đắng và có phải chính nó đã rung lên khi chia cho em bất không? Rồi nó sẽ lại mọc lên thôi. Những ngón tay mảnh khảnh ấy.

- Anh ấy viết cho cậu mấy chữ, bằng tay trái, rất cừ nhé, nhưng nghĩ sao lại vo đi, bảo sáng mai sẽ xuống tận nơi thăm các thầy trong trường một thể. Mình phải cấp tốc đạp xe xuống báo trước để "người ta" khỏi bị choáng đột ngột. Nhưng Chung ạ,

mình đoán hình như anh ấy vẫn có cái gì ngại ngại cho Chung, ngại với bạn bè của Chung thì phải.

Không được! Anh Nguyễn! Anh không được nghĩ về chúng em như thế. Em giận đấy! Bạn bè của em là bạn bè của anh. Họ tất nhiên sẽ quý anh. Và chắc chắn khi gặp anh, họ sẽ hiểu rằng bây, tám năm nay em không phải là một cô gái kiêu kỳ và kén chọn.

Nhưng em biết giới thiệu về anh như thế nào với họ. Anh Nguyễn!...

Ồ hay! Nói chuyện với chị mà em lại cứ nghĩ về cây hoàng liên rễ đắng. Sao thế hả chị Sơn?

Trích thơ:

Bùa lá

I

*Lá vàng tôi thả bùa mê
Cho ai nhặt về làm chút duyên chơi
Lỡ làng mười tám đôi mươi
Tôi đi chợ muôn kiếm coi trâu già
Tơ vương tóc rối chân gà
Ai mua tôi bán- để mà câu duyên...*

II

*Đợi người như đợi trăng lên
Người như chàng Cuội- Người quên lối về
Đêm dài- đêm thả bùa mê
Cho con đom đóm bờ đê lạc đường*

III

Buồn tình ngòi ngắm trăng sông

HUỶNH ÁI TÔNG

*Chẳng ai thương đến thì thương lấy mình
Lá rơi lác xuống sân đình
Bùa yêu tôi thả- cho mình tôi... yêu.*

Mùa thu bay đi

*Rồi mùa thu bay đi
trên đôi cánh đẫm mùi hoa sữa
thứ hoa nồng thơm
đến nỗi làm ta xây xẩm cả mặt mày
gió quẩn góc sáu già như lũ mèo hoang thảm thiết
gọi bạn tình mùa sinh nở
áo thu mỏng thẫn thờ trên vai thiếu phụ vừa
hững hờ vừa đắm say
những con đường duỗi dài mệt mỏi chẳng đưa
ta đi đâu về đâu chỉ òm ò trong trò chơi cút bắt
tan tác giấc mơ hoa cải vàng trên cánh đồng chiều
ngổn ngang màu mây lông ngỗng
ngày mai
chẳng biết ngày mai có còn heo may cho
những lúa đôi dại dột như ta đã từng dại dột
cứ nghĩ mùa thu chỉ có nắng vàng
nắm chặt tay gầy giữ lấy thời gian mà không biết
thời gian đang bò luồn trên mái tóc bò luồn
trong mắt nhau
tiễn mùa thu đi rồi ta bật khóc
trở về nhặt một hạt mầm
hì hụi ươm vào cuối trời xa.*

Thôn dã

*Tháng chín về
Những người nông dân sửa soạn liềm và hái
Ngoài cánh đồng cúc dại mọc đầy bãi hoang*

Nắng bớt nồng nàn
Như thiếu phụ đã qua thời xuân sắc

Cây trong vườn nhà uôm uôm ánh vàng
Chiếc công tre hững hờ cái làn hương thiên lý
Ang nước mưa giấu một mảnh trời xanh
Giấu một mảnh đời gương mặt cô tôi thời thiếu nữ
Ngày chưa về nhà chồng

Bên gốc cây rom gà mổ nhau táo tác
Đôi se sẻ vi vút tha rác lên trái nhà
Lót chiếc ổ vàng cho lứa con đầu lòng trú rét
Con mèo giẫm lên lớp lá khô trên mái bếp
Giặt mình làm bong mảng rêu lưu niên

Bà tôi ngồi trước hiên nhà tuốt rom bện chổi
Thơm nồng mùi nước quét trâu
Tôi mang cho bà tích nước chè tươi ủ trong giỏ tre nóng
rẫy

Bà cười se sẽ gió tàu cau
Ráng chiều quét lên đỉnh núi phía tây lớp nhũ màu vàng
rực
Năm ấy tôi mười ba tuổi.

(Thôn Hạ 2006)

Dưới bóng cây gai

Dưới bóng cây gai
Người đàn bà ngồi chải tóc
Chị mơ thấy mình thành những chiếc gai nhọn sắc
Thành những chiếc lá mềm mại xanh non

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thành lớp vỏ xù xì ôm bọc
những thớ gỗ mịn thơm và rắn chắc
Thành bộ rễ bám sâu vào lòng đất
Miệt mài chăm sóc nuôi cây...*

*Chị mơ thấy mình thành một cái cây
Nhưng chưa bao giờ chị mơ
Thấy mình thành những đoá hoa nở trên cây đó
Càng không thể mơ
Thấy mình thành quả
Không ai hiểu vì sao
Chị cũng không hiểu vì sao...*

*Một lần
Cây gai ngủ thiếp
Trong giấc mơ tội nghiệp
Nó thấy mình
Thành người đàn bà cô lẻ đơn độc
Quá đổi kinh hoàng*

...

*Dưới bóng cây gai
Người đàn bà vẫn ngày ngày ngồi chải tóc.*

(10-2005)

Hoa Dã Quỳ

*Vắt kiệt mình trong cơn khát đam mê
tự đốt cháy quên mình hoang dại
tự đốt cháy quên lòng tê tái
hoa Dã Quỳ
vàng đến thắt lòng nhau!*

*Suốt cuộc đời không được chút nâng niu
cứ dâng hiến
cứ lặng thâm dâng hiến
hoa như thể nỗi niềm đau đớn
thổn thức chiều đông*

*Quá vô tình
Người có biết không
em như một đoá Quỳ sơn cước
gió và mưa chẳng thể nào tắt được
cái màu tươi nguyên sơ!*

*Tự đốt mình trong cơn khát đam mê
hoa rục cháy một vùng biên ải
Dã Quỳ
Dã Quỳ
chờ chi Người đến hái*

Chiều nay Người biết chẳng!

Trốn tìm

*I
Năm, mười, mười lăm, hai mươi
em nhắm mắt
anh nhận phần đi trốn
quá tin mình tinh tường
quá tin anh lóng ngóng
em chẳng hé nhìn
vẫn nghĩ anh thua...*

*II
Năm, mười, mười lăm, hai mươi
trời đã quá khuya
mở mắt đi tìm*

*anh trốn kỹ
em tìm hoài chẳng thấy...
em hỏi hàng cau
hàng cau bối rối
hỏi cây rom già
cây rom đứng lặng im*

III

*Năm, mười, mười lăm, hai mươi
em mòn mỏi đi tìm
năm năm đợi
mười năm đợi
hai mươi năm ngóng đợi...*

*Bàn bặt sân trăng từ đây
đi hết một vòng đời
trò chơi vẫn chưa xong...*

(Hà Nội mùa thu)

Đồng vọng

*Mỗi khi buồn
Tôi thường đến bờ sông
Để được ngồi một mình
Ngắm dòng nước trôi
Như người ra đi không bao giờ trở lại
Ngắm những người đàn bà tưới rau trên cánh bãi
Ngắm loài hoa diếp dại
Nở như sao rắc đêm hè*

*Những bông hoa kể cho tôi nghe
Về nỗi nhọc nhằn đồng quê
Về những mảnh đời phù sa cơ cực
Về cả những tình duyên không sao bén được*

Của bao người thôn nữ áo nâu

Ở đó

*Tôi gặp người thiếu phụ tóc dài
Thăm thẳm mắt màu đêm Ả Rập
Chị thường hát ru con
Bài ca thời thiếu nữ
Giọng như lửa ủ
“Em đi lấy chồng
 trả yếm cho anh”*

*“Hoa cúc vàng nở ra
 hoa cúc xanh”*

*Tìm đâu nữa chiếc yếm đào
 thuở ấy*

*Em lấy chồng rồi
Làm sao anh thấy
Hoa tím chiều
Hoa tím cả lòng sông
Bông bông
Bóng bóng
Bông bông
Có dây tơ hồng mắc võng ngọn tre*

*Tôi trở về nhà
Mang theo câu ca thiếu phụ
Thấy mình như vừa được
Những người đàn bà
Trong màu hoa cúc tím
Lau khô nỗi buồn*

Khúc hát tháng ba

*Đào đã tàn từ lâu
Mà sen thì chưa tới*

HUỶNH ÁI TÔNG

Ngoài khung cửa
một khoảng trời chơi với
Tháng ba
Bông lựu đơn nở vội trước hiên nhà
Một chấm đỏ như lời yêu vừa chín
Ai đan áo Nàng Bân
Cho mùa đông bịn rịn
Chỉ một chút thôi
đủ để rét ngọt ngào
Mẹ ta ngồi vo gạo cầu ao
Tiếng vỗ rá nghe sao mà thân thuộc
Ta thương quá tháng ba ngày trước
Củ khoai gầy lát sẵn mông thay cơm
Em ta giờ áo mặc đẹp hơn
Mắt lóng lánh nét cười rạng rỡ
Em không phải như ta xưa chẵn trâu cắt cỏ
Chân lấm bùn đầu đội nắng trưa
Mẹ mừng thừa gạo trắng tháng ba
Lúa con gái đang thì thom ngậy đất
Mẹ làm bánh trôi
Mẹ làm bánh chay
Mẹ làm bánh khúc
Kính cản dăng trời đất tổ tiên
Những cũ càng không thể gọi tên
Đã nuôi lớn bao cánh buồm trai trẻ
Dù đi muôn phương
Ta muốn được như ngày thơ bé
Trở về nhà bên mẹ
Sà vào khói bếp tháng ba

(Mỹ Lộc 3 -2003)

Vết thương trắng

Ngắt một lá cỏ non

*Dán vết thương quá khứ
Vàng trắng của riêng tôi
Một vàng trắng mắt ngủ*

*Đôi khi thường ngửa mặt
Cười như kẻ phát cuồng
Nhìn trắng đầy thương tật
Lang thang khắp nẻo đường*

*Có một xưa Lý Bạch
Thường khóc trắng của mình
Vàng trắng đầm nước mắt
Nhân gian cứ vô tình*

*Có một xưa Chinh Phụ
Vàng trắng xé làm đôi
Nửa treo ngoài chiến trận
Đến giờ máu còn rơi...*

*Trắng xưa giờ đã vậy
Đêm nay trắng vẫn buồn
Có thuốc nào chữa được
Cho trắng lành vết thương?!*

Trong bài: *Vết kiệt mình trong cơn khát đam mê*, Vũ Nho đã viết về Nguyễn Thị Đạo Tĩnh như sau:

“Thơ của Đạo Tĩnh vừa có sự cô đọng, sắc sảo của một cây bút văn xuôi vừa có sự mạnh mẽ, phóng khoáng của một cây thơ dạt dào sức sống và khát vọng. Niềm khát vọng ấy như tràn vào cảnh vật:

*Bức tranh hoa đại
tràn vào
tháng giêng*

HUỶNH ÁI TÔNG

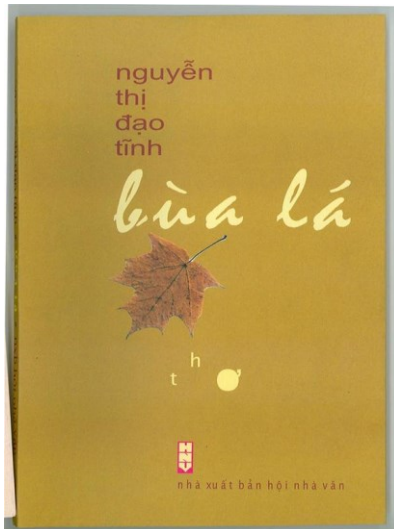
rừng rực sắc màu
mê man
sương khói
thiên nhiên nhập đồng
nỗn nà
cổ đại
gái goá nôn nao
đất trời hoang hoải

dứt tung giải yếm
ngực xuân nhú chồi

không gian bùa ngải
lửa tràn lên môi”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Đạo Tĩnh Web: thica.net
- Cây hoàng liên rễ đắng Web: archive.jcisio.com



18. Phạm Công Trứ



Phạm Công Trứ (1953-20)

Nhà thơ Phạm Công Trứ sinh năm 1953, tại Hải Thanh, Hải Hậu, Nam Định.

Thời chiến tranh Việt Nam ông tham gia bộ đội Trường Sơn, bắt đầu làm thơ trong thời gian này.

Sau năm 1975, ông theo học Đại học ở Hà Nội.

Năm 1990, tập thơ đầu tiên của ông *Lời thề cỏ may* được nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành.

Năm 1990, được đi du học ở Cộng Hòa Ucraina, ông làm luận án Tiến sĩ Luật tại Đại học Tổng hợp Kiev.

Năm 1992, về nước phục vụ ngành luật, công tác tại báo *Pháp Luật* thuộc Bộ Tư Pháp, được phong Phó giáo sư, là giảng viên Đại học Luật Hà Nội.

Ngày 5-8-2013, Phạm Công Trứ, Trưởng ban, Trợ lý Tổng Biên tập của báo *Pháp luật Việt Nam* nhận được quyết định nghỉ hưu.

Tác phẩm:

- *Lời thề cỏ may I* (thơ, Thanh Niên, 1990)
- *Lời thề cỏ may II* (thơ, Văn Hóa, Thông tin, 1993)
- *Lời thề cỏ may III* (thơ, Văn Hóa, Thông tin, 1996)
- *Cỏ may thi tập* (thơ, Văn Học, 2000)
- *Phồn thi I* (thơ, Hội Nhà văn, 2004)
- *Phồn thi II* (thơ, Hội Nhà văn, 2006)
- *Phồn thi III* (thơ, Hội Nhà văn, 2009)
- *Làng phố giao duyên* (thơ, Lao động, 2010)

Trích văn:

Lan man dứt nói cùng Nguyễn Đình Chiến: Một "con nghiện" vô phương cứu chữa!

Nhà thơ Nguyễn Đình Chiến nguyên là Chủ tịch Hội VHNT Việt Nam tại Liên bang Nga. Người gọi Nguyễn Đình Chiến là "kẻ lãng tử tài hoa", người coi gã là kẻ "quen mưa to gió lớn những phương trời", với tôi Nguyễn Đình Chiến là "một con nghiện vô phương cứu chữa". Vậy Chiến nghiện gì mà có vẻ ghê gớm vậy? Thưa rằng gã "nghiện thơ" và "nghiện đi"! Muốn có thơ thì phải đi và đi vì nhiều lẽ, song suy cho cùng cũng là để có thơ. Mới đây, về với quê hương bên bờ sông Chảy là chuyến đi cuối cùng của người con xứ cộ "quen đi nhanh bước mạnh" này.

Tôi gặp Nguyễn Đình Chiến lần đầu tiên là vào một ngày tháng 10 năm 1990. Sờ dĩ tôi nhớ khá rõ như vậy vì đó là ngày tôi đặt chân lên Matxcova. Đã hơn 20 năm rồi nhưng ký ức như vẫn còn đấy, tươi nguyên. Chuyến bay dài lại bị hải quan sân bay Seremetchevo gây khó dễ khiến kẻ lần đầu du học vô cùng mệt mỏi. Số là khi kiểm tra người Việt quá cảnh, hải quan Nga phát hiện có rất nhiều "đồ quốc cấm" trong các túi hàng nên ách lại để các "đương sự" thực hành nộp phạt, trong đó có

tôi. Vậy nên chập choạng tối tôi mới được Châu Hồng Thủy và một người anh em ở bên ấy đón ra, sau khi cho vay tiền để nộp phạt. Ra khỏi sân bay, chúng tôi đi taxi về một cái "ốp" thuộc Khoa dự bị của Trường MGU mà người ta xếp cho mấy sinh viên Việt Nam mới sang để học thêm tiếng Nga, trước khi họ chính thức nhập học vào Trường viết văn mang tên Makxim Gorky danh tiếng.

Trong tâm trạng tiếc của (vì bị hải quan tịch thu mất không ít hàng hóa) tôi lê những bước nặng trĩu lên cầu thang gác và khá bất ngờ trước không khí đón tiếp trang trọng và đậm ấm tại đây. Tôi nhớ là hôm ấy có mặt hầu hết những người Việt sang học ở Trường viết văn M. Gorky, trong đó Trần Đăng Khoa, Nguyễn Đình Chiến là những người đã có thâm niên ở Nga một hai năm, nay nghe có người từ trong nước sang nên đến chơi. Châu Hồng Thủy, Vũ Xuân Hương, Thùy Linh, Phan Thanh Thủy và mấy bạn trẻ nữa sang Nga chưa lâu. Ngoài vài người đã quen biết từ trước, còn gần như lần đầu tôi biết mặt, nhưng tên tuổi thì không lạ gì: "Thần đồng" Trần Đăng Khoa lúc ấy danh tiếng đang vang như sấm rền, còn Nguyễn Đình Chiến tác giả "Gặp lại các em", Thùy Linh tác giả "Mặt trời bé con của tôi", đều là những người từng đoạt giải trước đó, tên tuổi cũng nổ như gõ rang.

Ấn tượng thoát đầu của tôi về Nguyễn Đình Chiến thì đó là một gã cao lớn, mặt mũi đầy đặn, mồm rộng, mắt nhìn thẳng, tiếng nói oang oang, sải những bước chân dài đầy tự tin, đúng như một câu thơ Chiến tự họa

*Tôi người linh quen đi nhanh bước mạnh
Quen mưa to gió lớn những phương trời.*

Trong lúc mọi người tán gẫu chuyện trên trời dưới đất, Chiến tay dao tay thớt làm thêm thức ăn để đãi khách thơ, mà khách thơ này theo Khoa thì "tay này có thể sẽ kế tục Nguyễn Bính

đây". Chẳng là Khoa đã đọc "Lời thề cỏ may" tập thơ đầu tay mới xuất bản của tôi, chắc do Châu Hồng Thủy đưa sang. Nhìn điệu bộ tự tin cùng tay dao, tay thớt của Chiến, tôi nghĩ "lão này nhiệt tình và tháo vát đây"! Sau tôi mới biết Chiến đã có vợ và một con trai hiện đang ở trong nước nên gã chẳng lạ gì chuyện bếp núc, dao thớt. Tôi lúc ấy đã "U bốn mươi" song vẫn độc thân, có thâm niên "com bụi, nằm bàn" bản tính lại vụng về nên thấy ai thạo chuyện bếp núc, dao thớt cũng đều bái phục.

Trong bữa liên hoan gặp mặt hôm ấy, sau vài cốc bia rượu thì chuyện trò, thơ phú bắt đầu rôm rả, trước nhất là về cái sự "quá quan" vừa mới đó của tôi. Ai đó vừa cười vừa ngâm ngợi "

*...Lần đầu vừa tới nước Nga
Hải quan bóp d... mắt ba bốn tí*

Tác giả "Hạt gạo làng ta" thì khùng khảng:

*Đã Nguyễn Công rồi lại Phạm Công
Tưởng rằng thi sĩ hóa ra không
Sang Tây nghiên cứu không thấy chữ
Túi đầy xi - ngực với xi - mông*

Thế là cười vỡ bụng. Mọi mệt mỏi, chán chường trong tôi biến mất. "Nguyễn Công" ở đây là cụ Thượng Trứ, "xi ngực", "xi mông" là ám chỉ những "cooc - xê", "xíp bông hồng" cùng quần bò, áo phông, tranh nilon Trung Quốc, bật lửa gas...những thứ đang "hót" lúc ấy, ai sang Tây mà chẳng tranh thủ đánh một quả hàng kiếm lời.

Nguyễn Đình Chiến lúc này mặt đã đỏ lựng lên vì bia rượu thì vừa đọc thơ vừa huyền thuyên về những cái tên như Arion, Tula... rồi xuýt xoa về những tài năng văn học Nga, "tâm hồn Nga", "tính cách Nga". Thì ra mới sang Nga khoảng một năm

mà Chiến đã có dịp đặt chân đến khá nhiều nơi trên những nẻo đường xứ tuyết. Lúc cao hứng gã lại lúc lắc cái đầu đưa tay lên vật mớ tóc xõa bồng bênh trên vầng trán cao rộng, rồi vớ lấy chiếc điều ông rít một hơi thuốc lào, khói tuôn mù mịt, đầy vẻ sảng khoái. Với một người chân ướt chân ráo như tôi, tiếng Nga bập bõm đôi câu xã giao mà lại được mọi người coi như thượng khách vào buổi đầu như thế, hỏi sao không cảm động!

Hôm sau Trần Đăng Khoa đưa tôi đến Đại sứ quán Việt Nam bằng tàu điện ngầm để trình diện và hoàn tất hồ sơ thủ tục của một thực tập sinh ngành Luật ở Đại học Tổng hợp Kiev, mang tên Septrenco. Đại sứ quán nằm cách khá xa, phải chuyển mấy lần metro mới tới, song ma xui quỷ khiến thế nào mà tôi lại quên mất thứ giấy tờ gì đó, khiến việc hóa dang dở. Khoa giận quá rửa tôi khá nặng lời, tôi đành im vì biết mình có lỗi. Thủ tục sau đó rồi cũng xong. Bịn rịn chia tay Mátxcova tôi một mình lên tàu xuôi về Kiev, thủ phủ của nước Cộng hòa Ucraina.

Vào đầu những năm 90 không khí chính trị, xã hội ở bên này đã biến động song vẫn còn là Liên Xô, nên dù ở "Ki" tôi vẫn thường lên "Mát" chơi. Lên Mát, cụ thể là đến "Xóm viết văn Gorky", ấy là tôi nghĩ ra thế, để được hòa vào cái không khí văn chương mà ở dưới chỗ tôi không có được. Việc đi lại lúc ấy cũng khá thuận tiện. Chập choạng tối cứ xách ca-táp ra nhà ga nói nhỏ với mấy nhân viên phục vụ tàu hoặc soát vé gì đó, rồi dúm cho mấy đồng Rúp là đã có thể nằm thế ngay vào chỗ của các em trong khoang dành riêng. Duỗi mình trên ga nệm trắng tinh thơm tho mùi sơn phấn đàn bà rồi thiếp đi trong tiếng dội đều đều của đường sắt "hai chiều", thế là rạng sáng hôm sau mở mắt ra đã tới Mát. Chuyển sang metro hoặc xe buýt điện qua vài ba bến gì đó là tới chỗ ký túc xá của Xóm viết văn.

Ôi chao, ở xa cứ nghĩ cái nơi mang tên Trường viết văn M. Gorky thì chắc phải đẹp đẽ cao sang và thơ mộng lắm, nhưng ngay ngày đầu đến đây tôi đã hoàn toàn thất vọng. Nằm áp sát lối vào ký túc xá là một vọng gác trong đó có một ông sĩ quan to đùng quân hàm quân hiệu nghiêm chỉnh ngồi xét giấy, mà nếu ai thiếu hoặc quên thẻ thì dừng hòng qua cửa. Rồi nhà vệ sinh thì chẳng biết bị tắc tị thế nào đó mà nước lênh láng. Tôi bảo Châu Hồng Thủy: "Chúng mày ăn ở thế này mà ra văn ra thơ được à?". Châu Hồng Thủy cùng tuổi tôi, Quý Ty, lại gốc nông thôn nên mày tao khá thoải mái. Lúc đó Thủy đang ở cùng phòng với một gã nhà văn trẻ người Nga, tôi không nhớ tên. Tay này người cao lêu nghêu và gầy đét như một cây sậy. Thủy bảo: "Tớ còn phải nuôi thêm thằng nhà thơ Nga tài năng này nữa đây, ngoài thơ phú đọc ông ông suốt ngày nó chẳng có gì ăn cả, đói lắm". Tài năng đến đâu thì tôi không biết, song bụng rỗng mà vẫn cứ sải chân trong phòng mấy mét vuông như một con hồ đói trong vườn thú và vung tay đọc thơ như chẳng biết có ai, thì tôi bái phục. "Nuôi thêm" ở đây, như Thủy nói, là cứ mỗi khi mua bánh mì và sữa thì hẳn phải cố gia thêm phần cho anh bạn người Nga đang tưởng mình là Puskin, hay Lecmontop tái sinh. "Vậy chứ học thêm hẳn được tiếng Nga"- Thủy chép miệng.

Lúc ấy Liên Xô đã bắt đầu khó khăn, nhưng chưa hẳn loạn. Đồng Rúp mất giá. Học bổng chẳng đáng là bao. Ai không được gia đình bên Việt Nam chu cấp thì phải kiếm ăn thêm. Có lần tôi đến tận khuôn viên Trường, chứng kiến cảnh hàng người dài xếp hàng, kiên nhẫn nhích từng bước dưới mưa tuyết để mua hàng hóa gì đó mà phát kinh. Được cái là họ xếp hàng rất trật tự, nhiều người còn cúi mắt vào quyển sách hoặc tờ báo đang đọc dở trên tay. Người Nga hồi ấy ham đọc lắm, họ đọc bất kỳ đâu ở trên metro hay xe buýt. Nước Ucraina nơi tôi ở là vựa lúa của Liên Xô (cũ) nên còn dễ sống hơn. Chẳng thế mà hai lần Trần Đăng Khoa cùng bạn gái về Kiev chơi đều được các đàn em ở đây đãi món dạ dày lợn luộc chấm nước mắm

tôm từ Việt Nam gửi sang. Khoa vừa ăn vừa xýt xoa "Các ông ở "U" (Ucraina) sướng thật, chỉ mất vài ba rúp mà chén dạ dày lợn cứ thoải mái".

"Bụng đói thì đầu gối phải bò", chẳng phải chỉ để kiểm ăn độ nhạt mà còn lo chuyện hàng hóa gửi về quê nữa. Ai đi Tây hồi ấy mà thoát được "bệnh sĩ". Trừ một nhóm kiên trì cố thủ ở ký túc xá, sau này những tay có máu mặt đều lần lượt thuê phòng riêng và thi thụt đánh quả. Chiến thi túi thường rùng rình lại thêm vợ là bác sĩ đông y Trần Thị Kim mới mang con sang, nên phải có phòng riêng đã đành. Khoa chẳng rùng rình gì song do cặp kè với bạn gái, người gốc Hà Nội, nên cũng phải có biệt phòng để "hướng dẫn "em gái" học tiếng Nga và làm thơ!".

Những khi không lên giảng đường thì lại mất trước mắt sau xách ca-táp đi "đánh quả" thuốc Tây gửi về nước để người thân bán cho các chủ hiệu thuốc hưởng tiền chênh lệch. Khoa thì bữa đực bữa cái, chắc lời lãi cộng lại chẳng được là bao. Châu Hồng Thủy, Vũ Xuân Hương theo đòi song nửa chừng bỏ cuộc. Nguyễn Đình Chiến thì có vẻ trúng quả đậm. Vốn bản tính xông xáo, thêm nữa vợ Chiến có nghề châm cứu, lại là người khá thực tế và tháo vát nên Chiến càng xông xênh. Nói về sinh kế thì Vũ Xuân Hương bí bách và "hãm" nhất. Gặp Hương thấy gã người xanh rớt, mắt đỏ nọc như thiếu ngủ, giọng lè khè như thiếu lực, chẳng biết do vật lộn với tiếng Nga hay là do đói. Chắc là cả hai. Được cái là "ông đồ gàn" (biệt hiệu người ta gán cho Hương) người gốc xứ Thanh này giỏi chịu đựng và chăm dưỡng sinh, hình như là tự luyện Yoga thì phải. Ngoài xóm viết văn ra, những người tôi gặp như họa sĩ Lê Thanh Minh, nghiên cứu sinh Trịnh Bá Đình, sinh viên Hoàng Xuân Tuyền... cũng đều lao ra chợ bán hàng kiếm sống cả. Những cái tên như "Đôm 5", các "Ốp" "Búa Liềm", "Saliut", chợ "Vòm", các "Soái" A, B, C... chẳng biết tự bao giờ cứ tự nhiên nhập vào bộ nhớ của mỗi người.

Nói khó khăn vậy thôi, chứ xét ra còn dễ sống hơn bên Việt Nam nhiều. Đầu những năm chín mươi không khí nhìn chung còn "vui vẻ, trẻ trung" lắm. Hôm nào tôi lên chơi mà có mặt Nguyễn Đình Chiến là cái Xóm viết văn này lại ồn ào, náo nhiệt hẳn lên. Chiến có trí nhớ cực tốt, anh có thể đọc thuộc lòng nhiều đoạn thơ của các nhà thơ nổi tiếng, thơ mình, cũng như thơ của bạn bè. Có lần Chiến đọc bài thơ mới viết xong có tên là "Mưa Arion" (Chiến có một năm học thêm tiếng Nga ở Đại học Sư phạm Ariôn nên thường qua lại vùng này) trong đó có những câu:

*Ôi nào đâu những vàng trán nông nô
Mang bụi đất của đồng quê lam lũ
Mùi cỏ cháy lẫn mùi mồ hôi ngựa...*

Nghe tôi khen "mùi cỏ cháy" và nhất là "mùi mồ hôi ngựa" rất ấn tượng, rất Nga, Chiến khoái chí lắm. Cái đầu khá to trên đôi vai lực lưỡng của gã lại ngắc ngư liên hồi. Cái điệu cày lại được dịp phun khói mù mịt.

Song, tôi bảo Chiến "dù vậy, mưa Arion vẫn không cảm động bằng "mưa thành Tuyên". Mưa thành Tuyên có máu thịt của ông, còn mưa Arion thì toàn thấy sách vở thôi. Cho dù ông có đưa vào bài thơ những thiên nga, tháp nhà thờ, nông nô và viện dẫn đến cả Bunhin, Tuocghenchiev cùng nàng Lika xinh đẹp, nét na mà bất hạnh của nhà văn, tôi vẫn không thấy "mưa Arion day dứt mộng thiên tài" đâu cả. Nghe tôi nói vậy, Chiến có vẻ buồn, song anh cũng lấy giọng đọc một hơi cả bài thơ có tên là "Thành Tuyên ngày xa em", trong đó nói về kỷ niệm tình yêu, chắc là không thành, thuở đầu đời, run rẩy và thuần khiết. Đọc xong bài thơ mắt Chiến đờ đẫn, chắc là anh nhớ quê, nơi ấy có cha mẹ, anh em và "cố nhân" một thuở. Tôi bảo Chiến "ông nên đổi tên bài thơ "Thành Tuyên ngày xa em" thành "Mưa Thành Tuyên" nghe gợi cảm hơn vì trong bài thơ này

"mưa" đã là một nhân vật. Chiến gặt gù song sau này in lại trong tập "Vàng trắng trên tuyết" anh vẫn giữ tên cũ.

Hồi ấy có lẽ tuổi còn khá trẻ, thích thể hiện, nên anh nào cũng ồn ào, tỏ ra lắm chữ nghĩa. Thấy nhau là thế nào cũng dùng thơ thần trâu chọc. Khoa bảo "vì sao Chiến hay đi Arion/ vì Chiến rất khoái cái vần ồn". Chiến cự lại "vì sao Khoa không đi Arion/ vì Khoa rất sợ cái vần ồn...". Chẳng biết Khoa có sợ cái vần "ồn" không, song ở Tạp chí Văn Nghệ quân đội (nơi sau này Khoa đã từng làm việc nhiều năm) đã có câu:

*Trời ơi trời ở chẳng cân
Kẻ Khuất Quang Th., người Trần Đăng Khoa*

Nhà văn họ Khuất có máu gái không thì tôi không rõ, còn chuyện tình của Khoa cũng không đơn giản. "Lão trông tằm ngậm thề mà ra phết đấy!" Khi nào tiện dịp tôi sẽ tiết lộ về chuyện tình nơi xứ tuyết của gã nhà thơ có tiếng là "Cuội" này. Chiến còn làm cả một bài thơ dài kiểu "trăm câu một vần" để trả thù Khoa, bắt đầu bằng "Có người con gái quê Hà Nội...". Người con gái quê Hà Nội này trẻ trung và nhí nhảnh đang học cùng trường với Khoa, song khác khoa và khác khóa. Khoa cũng không vừa, anh đùa "thím" Thùy Linh người cùng phe với Chiến, tôi nhớ đại khái hai câu:

*Thùy Linh đùi trắng như men sừ
Khiến cho các lão phải đi khom.*

Chả là Thùy Linh lúc ấy đang ở tuổi "sung" lại có bộ giò khá đẹp, trắng mẫm và óng nuột, mà thím lại hay diện quần soóc đi ra đi vào. Cứ sớm ngày ra đã thấy Thùy Linh soóc trắng đưa đẩy chỏi ngoài hành lang, khiến cho các "bố già" vừa ngồi nhai bánh mì, vừa liếc trộm bộ giò của thím, vừa thì thọt bình luận rồi đọc thơ ứng khẩu. Những lúc câu Khoa vì chuyện gì đó, Châu Hồng Thùy, biệt hiệu là "lệnh phệnh sĩ", lại làm rằm:

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đặng Khoa ơi hỡi Đặng Khoa
Tiếng chim năm ngoái vẫn là năm nay.*

Nghe vậy, Khoa giận lắm.

Có bạn tôi đọc cho Chiến nghe mấy câu lục bát mà tôi ghi được trên quãng đường xe lửa từ Kiev lên Matxcova:

*Tuyết phơi trắng rợn chân trời
Trên cành cây cụt quạ ngồi rìa long
Còn tàu trôi giữa mênh mông
Thấy tuyết thấy quạ mà không thấy người.*

rồi thì:

*Cũng là mưa cả đấy thôi/
Tuyết là mưa trắng xứ người, mưa khô.*

Nghe xong Chiến bảo: "thơ ông buồn và không có hậu, nghe có vẻ bạc nữa. Nước Nga tuy có phôi pha song "tâm hồn Nga" vẫn đẹp và "tính cách Nga" vẫn đôn hậu". Quả có như thế thật, tôi chỉ có mấy bài thơ về nước Nga thời tao loạn thôi mà bài nào xét thấy cũng buồn, cũng ít nhiều ám ảnh bởi tuyết trắng quạ đen. Cái tạng cảm xúc của tôi nó thế, biết làm sao được!

Nguyễn Đình Chiến thì có cả một xe-ri thơ về nước Nga Xlavor. Có thể nói Chiến thuộc số ít người có mặt ở nhiều nơi nhất trên xứ xô bạch dương. Cứ hứng lên là đi. Đi thăm viếng cũng có, đi đánh quả cũng có, đi để gặp em út cũng có, đi để làm thơ cũng có. Thì cứ nhìn vào tên những bài thơ của Chiến như "Bên sông Đơ-nhi-ép", "Xa-mar-kan", "Bài ca sông Vong-ga", "Đồng chiều Poxcốp", "Trên đồi Lênin", "Đêm Vladimira", "Di-gan"... là biết. Chiến còn làm cả một trường ca có tên là "Cutudop & Napoleong", khiến cho bà giáo Bech Tachiana ở trường viết văn Gorky phải thốt lên *Chắc chắn phải là người*

từng trải qua chiến tranh. Phải là người có vốn hiểu biết phong phú và sâu sắc về lịch sử Nga, văn hóa Nga, tâm hồn Nga, tính cách Nga anh mới viết được một trang ca tràn đầy niềm tự hào và xúc động về dân tộc Nga như vậy.”

Trong xê-ri thơ viết về nước Nga đó có những bài chỉ ở mức thù tạc, có chỗ chịu ảnh hưởng thơ người này người khác, song lại cũng không thiếu những câu ấn tượng điển tả nhiều cung bậc tình cảm của kẻ có máu lãng du. Chẳng hạn Chiến tả hoàng hôn Nga:

*Nắng vàng nhuộm đỉnh tháp xưa
Chiều đi sau tiếng chuông vừa thu không
Thăm dần mặt nước trên sông
Nhạt dần ngọn khói trên đồng vắng xa,*

hay tâm trạng của kẻ lữ hành trên tuyết:

*Bước chân trên tuyết bồi hồi
In rồi lại xóa, xóa rồi lại in
Như câu thơ vẫn đi tìm
Trên trang giấy trắng qua nghìn khổ đau,*

hoặc cảnh ngang qua thảo nguyên hoang dã:

*Cánh đại bàng nghiêng xuống thảo nguyên xa
Con sông khát nằm nghiêng xa mạc trắng
Những cụ già cười la đi trầm lặng
Bầy lạc đà mơ ngủ dưới trời sao,*

rồi nữa

*Nghe tiếng quạ rú nhau về tháp cổ
Trên cánh đồng tuyết lạnh im hơi*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cây run những cánh tay gầy
Ngoài kia băng đã đóng dày mặt sông...*

Chiến còn có đôi bài thơ thể sự như "Matxcova 19-3-1993", "Tuyết vẫn rơi", "Thành Len sau mười năm gặp lại", trong đó nói về nỗi đau nhân thế, nhân tình khi thần tượng một thời sụp đổ. Đôi khi anh cao giọng:

*Đây chiến thắng của tự do dân chủ
Đây hy sinh cho chân lý pháp quyền
Không ai nói nhân danh cho quyền lực
Kẻ cầm đầu và những kẻ ngồi bên.*

Song, nhìn chung thể sự không là thể mạnh và cũng không thuộc dòng chính của thơ Chiến.

Xa nhau, bận rộn, ít gặp nhau dần. Tôi chú mũi vào làm luận án. Không biết buôn bán, đánh quả, thì làm luận án chứ sao. Người ta giễu "dắt con bò qua Matxcova cũng thành phó tiến sĩ cơ mà!". Tiếng Nga kém do không được học hành đến nơi đến chốn nên hàng ngày tôi phải đánh vật với thi cử, viết luận án, lo bảo vệ đến bạc cả tóc, mờ cả mắt. Tàn số lên Mát vì vậy cũng thừa dần. Những hẹn ước cùng Nguyễn Đình Chiến và bạn bè đi Lêningrat thăm bảo tàng Ermitatgiơ, hành hương về Yaxnaia Poliana (Tula) viếng mộ L.Tolxtoi, đi Arion thăm trang trại của I.Tuocgheniev, về Riadan thăm nhà X.Exenhin..., những địa danh mà nếu không một lần thăm viếng thì "coi như chưa đến nước Nga" cứ mờ dần, rồi mất hút.

Sau này ở Kiev tôi nghe nói Nguyễn Đình Chiến có vợ phụ tá nên ăn lên làm ra lấm. Học hành thì ít mà đánh quả thì nhiều (vậy nên sau gần chục năm Chiến mới có mảnh bằng giắt cặp quần). Nhưng bù lại gã lại được đặt chân đến hầu hết nước Nga, chứng kiến nhiều sự kiện ở vào thời buổi nhiễu nhương. Gặp thời, Chiến buôn bán đôi phòng liên tục mà quả nào cũng

trúng, có quả trúng đậm. Đi đâu cũng taxi, chứ không metro hay xe buýt điện. Không thèm cầm lại một vài Rúp tiền thừa người ta trả lại. Thích đâu đi đấy. Thích gì ăn nấy, uống nấy. Em út lu bù. Lại còn đang mưu toan vận động thành lập Hội văn học nghệ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga và ra báo "Người bạn đường" nữa... Tất cả chuyện ấy chẳng biết có thật cả không, hay là người ta đồn thổi, tán thán, không rõ.

Cuối năm 1992, tôi sửa soạn vắc vali về nước. Lúc này Liên Xô đã vỡ, Ucraina đã tách thành một quốc gia độc lập, song việc đi lại bằng hàng không quốc tế vẫn phải qua Matxcova. Lại có một buổi liên hoan "tổng biệt" ở Xóm viết văn Goorky. Ấn tượng cụ thể thế nào tôi không nhớ rõ, nhưng chắc chắn là không long trọng như lần sang. Không khí nước Nga đã khác, mà tâm thế con người lúc ấy cũng khác. Đúng là thời của tao loạn, mặc dù không đổ nhiều máu. Đi Tây về thì phải có gì chứ? Chỉ độc có cái bằng "phun thuốc sâu" hão, thùng hàng không, đồ xách tay cũng không thì ngưng chết! Lúc ấy một buôn chó Bắc Kinh về Việt Nam đang thịnh hành, lãi bạc triệu. "Hay là ông buôn chó vậy", ai đó gợi ý. Điềm lại thì vốn liếng mang theo cũng như tôi tích góp được cũng đủ để "đánh một quả chó". Thế là chiều theo nguyện vọng của kẻ sĩ là tôi, Chiến, Khoa, Thủy... nai nịt áo mũ khăn khố rồi dắt díu nhau ra chợ chó.

Năm ấy tuyết xuống dày phủ trắng phỏ phường, ra đường tuyết ngập ủng. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy một cái chợ chó trên tuyết "hoành tráng đến dã man" như vậy. Dù cả các giống chó, phỏ thông có, cổ quái có, kỳ quái cũng có. Người để chó trong rọ, kẻ bồng trên tay, kẻ kiệu trên cổ. Người dắt một con, kẻ bán cả ổ. Người phương Tây quý chó, nâng niu chó lắm. Con nào cũng được chủ quàng vào cổ một cái "trích ngang lý lịch" trên đó ghi đến mấy đời dòng giống gia tộc. Mặc cả mãi mọi người cũng chọn mua cho tôi được ba con Bắc Kinh khá đẹp, xin lỗi, đúng là "mặt Thanh H., da Minh Th., tý Ái V., chân Ba Đền"

như người ta vẫn đồn thổi. Trước hôm chia tay, Chiến cho tôi một tút thuốc Đunhin về làm quà. Anh cũng nhờ tôi chuyển cho nhà thơ Phạm Tiến Duật một trăm đôla, gọi là có chút quà của "thằng em xứ tuyết" gửi biểu ông anh. Chiến chơi rất thân với tác giả "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây" vì có lẽ cả hai cùng giàu chất lính tráng trong người, cũng như chất hoành tráng trong thơ.

Vào thời buổi ấy, việc mang hơn một nghìn đôla qua hải quan Nga an toàn là cả một vấn đề. Để ổn định thị trường, Nga cấm ngặt việc mang đôla qua biên giới, mà đây toàn của bạn bè tin tưởng gửi cả. Người ta rỉ tai nhau rằng an toàn nhất là giấu nó vào trong bụng, lên máy bay thì vào ngay nhà toilet để lấy ra. Qua hải quan nước mình thì khỏi phải lo, vì lúc ấy Việt Nam đang khát đô la. "Mục kích" tận mắt cảnh tôi cuộn hơn chục tờ 100 đô vào túi nylon rồi nhả nhỏ đút vào cái chỗ khó nói ra ấy, Trần Đăng Khoa cười đến chảy cả nước mắt. Đúng là "y làm những việc mà những người tự xưng là trí thức như y không làm" như lời tự giễu của giáo Thứ trong tiểu thuyết "Sống Mòn" của Nam Cao.

Chuyện mang lòng chó qua hải quan cũng rất bi hài, phải nhờ người quen hộ tống và lót tay ít đồng Rúp mới trót lọt được.

Mộng làm giàu bằng buôn chó Bắc Kinh của tôi, rốt cục cũng thảm hại như chuyện "xịp bông hồng" năm nào. Số là, về đến sân bay Nội Bài vừa lồm cồm xách va li cùng cái lòng chó ra khỏi sân bay là cả một đội quân chờ sẵn, xô đến. Dù đã được mọi người cảnh báo trước song vẫn cứ bất ngờ. Phải chật vật lắm tôi mới thoát được lũ người đeo bám đòi mua chó bằng được để vẫy một chiếc taxi về nhà một người bạn thuở đại học. Lũ chó cũng được tạm gửi ở đây, để rồi sẽ liệu tính tiếp. Tai họa đã xảy ra: con chó phốc của chủ nhà chẳng biết ghen tức lũ Bắc Kinh thế nào mà nhân khi mọi người đi vắng đã cắn chết một con, một con khác bị cắn lòi mắt, may còn một con lành

lặn. Về nhà thấy cảnh máu me tôi rùn hết cả người. Đành bán con lành gỡ gác lấy chút vốn liếng, còn con chột mãi không bán được thì để nuôi, rất may đó là một cô chó cái. Nghe tin tôi hồng quả chó, Khoa đùa nhẩn bảo: "Chó chột có cần đeo kính không, tôi mua gửi tặng "nàng" một cái kính!".

Vũ Xuân Hoát, nhà thơ mà tôi đã quen biết từ trước, lúc ấy đang ở tại một khu tập thể ở Nghĩa Đô đang mộng đời bằng việc tập tành kinh doanh mèo chó cảnh, nên vui vẻ nhận nuôi con chột. Từ việc lấy đực đến chăm sóc hàng ngày đều do gia đình anh lo cả. "Lãi lờ sau này chia đôi" Vũ Xuân Hoát cười phớt lờ. Ngoài cơm cháo, mỗi ngày nàng chột còn được bồi dưỡng một quả trứng vịt lộn. Ngắm con chột bụng chừa ngày một to, đi lặc lè, Vũ Xuân Hoát hào hứng: "Tớ với chú sẽ đổi đời nhờ con chột này đây". Có hôm Hoát bảo thảm vào tai tôi: "Có đưa gạ đổi chiếc mu-kích mới tinh, nhưng mình đại gì". Bằng đi mấy hôm, tôi sang nhà thì được Vũ Xuân Hoát buồn rầu báo tin: "Con chột chết rồi. Chôn ở chỗ kia kìa!". Hỏi ra mới biết cũng vì bồi dưỡng quá mức đã khiến con chột không đẻ được, mà người nuôi lại thiếu kinh nghiệm về chăm sóc chó cảnh đẻ. "Quả chó" vậy là lồm to!

Về nước bạn vào chuyện làm báo, dạy học kiếm ăn, rồi lấy vợ nuôi con, tôi cũng lãng quên dần xứ tuyết. Trần Đăng Khoa sau khi tốt nghiệp cũng đã về nước. Vào năm 1999, khi tôi đang làm nhà ở làng Quan Hoa, quận Cầu Giấy, gần bờ sông Tô Lịch, thì Khoa, lúc ấy đã làm cho Tạp chí Văn nghệ Quân đội, đến chơi. Nhìn cái nhà của tôi khá to đang ở thời kỳ hoàn thiện Khoa có hơi bị sốc, hấn gật gù: "Tôi có hai ông bạn khó hiểu, một là Nguyễn Đình Chiến tưởng là rất giàu mà không biết tiền đi đâu, để đến nỗi nợ như chúa Chôm? Còn Phạm Công Trứ thì không biết lấy đâu ra tiền mà làm nhà to thế". Rồi hấn tuyên bố: "Tôi từ nay coi như mất một người bạn". Ý hấn muốn nói là tôi có nhà cao cửa rộng rồi thì sẽ biến chất, không còn là thằng nhà quê "ngồi gờ cỏ may" nữa!

Tôi chân tình bảo Khoa: "Bây giờ đất ngoài này đang rẻ. Ông bán cái căn nhà đang ở đi cộng với vay chạy thêm cũng đủ để mua một mảnh nho nhỏ ở ngoại ô này. Khi còn sống thì ông ở, sau này "viên tịch" thì con cái chúng tôi nó còn có chỗ đến thấp hương". Hình như tôi còn nhại hai câu thơ trong bài *Đám ma bác giun* của hần, rằng:

*Bác Khoa đào đất suốt ngày
Hôm nay chết ở gốc cây sau nhà*

Khoa thủng thính: "Cần đểch gì nhà cửa! Chết thì thôi, đây không chịu trách nhiệm với cái đồng bầy nhầy còn lại ấy". Ấy vậy mà sau khi cưới vợ, "con giời" cũng đứng dả đi mua nhà như ai. Hôm Hoàng Xuân Tuyên rủ tôi đến thăm nhà Khoa mới tậu ở bên Gia Lâm, hần sảng sái dẫn đi giới thiệu từng tầng và tuyệt nhiên không động chạm gì đến "cái đồng bầy nhầy" mà hần phũ miệng ngày nào. Hỏi thêm Khoa mới biết Nguyễn Đình Chiến, Châu Hồng Thủy ở bên kia hiện khó khăn lắm. Thủy thì vẫn "lệnh phệnh sĩ", lại còn chìm sâu vào cõi "tâm linh" lúc nào cũng quần áo lễ bái, rồi phán như đình đồng cột rằng đến năm... sẽ thành thiên tài (?). Nguyễn Đình Chiến thì nghe đâu bậm nọ. Đi đâu cũng thấy có người đòi tiền. Có kẻ còn đe đánh nữa. Ôi chao, sự đời đã đi đến nước này rồi ư?!

Vào năm 1998 thì Trần Thị Kim, vợ Chiến, về. Kim tìm đến nhà tôi ở Quan Hoa chơi. Tôi hỏi: "Nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiến đâu?". Kim rơm rớm nước mắt: "Em về trước, anh Chiến vẫn ở lại bên Nga". Tôi không tiện hỏi cặn kẽ sự tình, song cũng thăm hiểu là hai người có mắc mớ về chuyện gia đình và cái lần chia tay ở sân bay bên xứ người cũng chẳng vui về gì. Một nách hai con nhỏ, đây thực sự là những năm vợ Chiến gồng mình bươn chải, gằn như làm lại từ đầu. Kim gửi con trai sau, cháu Vũ, ở nhà trẻ Hoa Hồng, gần Cầu Giấy, học cùng với cái Mít con tôi. Lúc ấy còn bé lùn cùn mà Vũ đã hứa hẹn một chàng trai có dáng to cao như bố sau này. Cháu Kiên con trai

đầu thì tâm thước giống mẹ, mặt nụ sưa trông như "Liên Xô con", nói tiếng Việt chưa thật sõi nên việc theo học buổi đầu cũng gặp khó khăn.

Rời Nguyễn Đình Chiến cũng về. Chuyện phải rời xa nước Nga của Chiến hẳn là day dứt, khổ tâm lắm. "Tạm biệt nhé, nước Nga, tạm biệt", câu thơ này cứ được anh lặp đi lặp lại ở một bài thơ trong tâm trạng của một kẻ hồi cố:

*Xe ai đó đưa tôi về phố cũ
Căn phòng xưa người khác đến thay rồi
Xin đừng bẻ cánh xiren trước cửa
Đã bao mùa hương tỏa xuống thơ tôi.*

Anh còn "tuyên thệ" bằng thơ:

*Dù vật đổi sao dời đâu chẳng biết
Trong lòng này vẫn có Matxcova.*

Gặp lại Chiến người vẫn to cao lưng lừng, chân vẫn sải những bước dài, đầu vẫn ngúc ngắc mỗi khi bốc lên nhưng ánh mắt, nụ cười nay đã ít nhiều phai pha. Đúng là "thời oanh liệt nay còn đâu!". Lãng đãng đầu đó một thời gian rồi Chiến về ở với Kim. Nhà Chiến ở trong một ngõ phố Trần Cung, cách nhà tôi ở trong ngách đường Hoàng Quốc Việt không xa lắm. Kim nay đã mở phòng châm cứu kiêm bán thuốc đông y "Kim Linh" đang có phần ăn lên làm ra. Tôi người nhiều bệnh, nên đôi khi là bệnh nhân "châm cứu bấm huyệt" của Kim. Sang nhà ít khi gặp Chiến, chỉ loáng thoáng bắt tay gõ đầu đó chỗ này chỗ kia, khi thì ở Trung tâm văn hóa Nga trên đường Kim Mã, khi thì ở Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây của dịch giả Đoàn Tử Huyền ở phố Trần Quý Kiên.

Năm 2003 Chiến tặng tôi tập thơ quan trọng của đời thơ anh, với cái tên khá ảo là "*Vàng trắng trên tuyết*". Một tập thơ bìa

cứng dày dặn, giấy trắng tinh, kèm phụ bản là mấy tấm ảnh Chiến chụp bên Nga. Ảnh nào cũng thấy Chiến thất cà-vạt tạo dáng trước một rừng san sát bạch dương thân trắng mốc, trông rất lãng tử. Tập thơ chia làm hai phần. Phần thứ nhất là những bài thơ chủ yếu viết về khoảng mười năm đời lính, phần thứ hai viết về cũng khoảng mười năm ở nước Nga. Xen giữa hai phần là những bài viết về quê hương, gia đình. Cuối tập là "vài dòng" trong đó trích dẫn những lời nhận xét của các nhà thơ tên tuổi và của bè bạn về thơ Chiến.

Có dịp đọc hết "*Vàng trắng trên tuyết*" thấy hiển hiện rất rõ mười năm đời lính của Nguyễn Đình Chiến, gian khổ song rất hào hùng, xen chút hào hoa, lãng mạn. Chất tráng ca, chất biên tái bằng bạc trong "*Trăng Trường Sơn,*" *Rừng Lào,*" *Chiều Mường Khương,*" *Hoa hồi xứ Lạng,*" *Bài ca đá núi Vị Xuyên,*" *Hà Giang,*" *Đồng Văn,*" *Thất Khê,*" *Về Tây Bắc,*" *Gửi Nghĩa Lộ*"... *Mùa xuân lên An-long-ven,*" *Người lính trẻ và đèo Ang-ko,*" *Có gái Bát-toom-bong*"... Chỉ điểm tên các bài thơ như vậy đã có thể hình dung ra những nơi Chiến có mặt, cầm súng chiến đấu và cầm bút viết báo. Tôi cũng là lính Trường Sơn ba năm gian khổ, song quanh đi quẩn lại cũng chỉ từ Quảng Trị vào đến Thừa Thiên thời chống Mỹ, còn Chiến tung hoành từ Bắc vào Nam, hết qua Lào lại sang Campuchia, rồi ngược lên biên giới phía Bắc thời chống Tàu. Cũng như ở bên Nga, hình như Chiến có chủ ý lấy tên những vùng đất mà mình đã qua, đã trải, làm tên những bài thơ, giống như một kiểu ghi nhật ký, bút ký bằng thơ thì phải (?).

Mảng thơ về đời lính của Chiến ít thấy cảnh khói lửa dữ dằn ác liệt, hay trực tiếp đối mặt với bom đạn, chết chóc mà thường là những cảm xúc chiến trường, chiến trận đã lắng dịu. "Gặp lại các em", bài thơ đoạt giải A báo Văn Nghệ năm 1982, ra đời trên cái nền cảm xúc ấy. Bài thơ này cũng tiêu biểu cho phong cách thơ Nguyễn Đình Chiến bi tráng xen lẫn trữ tình, và đặc biệt là chân tình, một thứ chân tình không e dè, giấu diếm. Đọc

bài thơ này, ông chánh chủ khảo Xuân Diệu đã hạ bút nhận xét "Nguyễn Đình Chiểu có một giọng chân thành rất quý báu" và "cảm thấy cái lẽ lớn của thơ là nhân tình". Còn Trần Đăng Khoa sau khi biểu dương những đóng góp, đã có lý khi cho rằng bài thơ này của Chiểu "cũng như một số bài thơ chống Mỹ trước đây đã hoàn thành xong sứ mệnh lịch sử của mình".

Nhìn chung, thơ Chiểu viết theo lối truyền thống. Anh mạnh về cảm xúc song không mạnh về cấu tứ và tiết chế cảm xúc. Không nắn nót kỹ khu đẻo gọt về câu chữ, anh để mặc cho mạch cảm xúc của mình dẫn dắt như dòng sông chảy tràn bờ, lấm phù sa màu mỡ, song cũng không thiếu những vật vờ vẩn rác. Giọng thơ này thích hợp với trường ca, tráng ca, nhất là khi nó được tấu lên bằng chính giọng "đô trường" và điệu bộ chém tay vào không khí của Chiểu trước đám đông. Những người dễ xúc động, nhất là các em choai choai yêu văn học, sẽ lập tức bị Chiểu chinh phục, cảm thấy mình như con chiên trước Cha xứ trong Thánh đường.

Khi cảm xúc chín, Chiểu có khá nhiều câu thơ gợi cảm, chẳng hạn anh tả rừng Lào:

*Nghe rạo rục tiếng voi đi thác đổ
Tiếng bồn chồn con hoẵng ngại mưa sa
Tiếng rùng rậm con công buồn chẳng múa
Tiếng dầm lầy con quốc gọi u oa.*

Đứng trước đèn Ăng-ko anh như thấy:

*Thúc voi gặm dâu tiếng bánh xe lăn
Tiếng giáo gãy và tiếng rìu chém đá
Những vàng trán sạn sầm trong bụi lửa
Những vai trần thịt khét dưới mưa tuôn.*

Anh lắng lòng mình ở An-long-ven:

HUỶNH ÁI TÔNG

*Bất ngờ một tiếng chim rơi
Mênh mông rừng nuốt lá rồi lặng im,*

Anh rung rung với tình đồng đội ở Đãng-rêch:

*Nhường nhau miếng nước không cầm
Uống đi rồi lại thì thâm uống đi.*

Anh đối thoại với cao nguyên đá Đồng Văn:

*Ngựa hí ran gõ móng trước cổng trời
Người với núi nhìn nhau như thách đố.*

Rồi thì:

*Đâu Than Uyên gió thổi ù tai ngựa
Bóng ai ghè cơn sốt giữa trang thơ,*

*Hoa chuối đổ mặt trời không chói mắt
Suối xanh vòng bướm trắng lại xòe hoa...*

Tuy say đắm, song có lúc anh cũng nhận ra cả sở trường lẫn sở đoản đường thơ mình:

*Dòng lục bát bao lần tôi mắc cạn
Những câu thơ đuối sức phải lên bờ.*

Anh tâm niệm:

*Câu thơ viết trọn đời tôi ao ước
Thật và tươi như sắc đất chiến hào.*

Anh băn khoăn tự hỏi:

*Thơ đã viết đầm đìa trên cột mốc
Câu thơ nào tâm huyết của riêng tôi.*

Ý thức công dân, sứ mạng nghệ sĩ thể hiện khá rõ nét và mãnh liệt trong thơ viết về chiến tranh của Chiến, đặc biệt là chiến tranh bảo vệ vùng biên.

Trên kia tôi đã dẫn hai câu thơ Nguyễn Đình Chiểu tự họa chân dung mình:

*Tôi người lính quen đi nhanh bước mạnh
Quen mưa to gió lớn những phương trời,*

song như thế mới chỉ là một nửa chân dung. Nguyễn Đình Chiểu còn có một chân dung khác, như chính anh đã tự thú trong hai câu thơ tiếp theo:

*Nhưng trước em trước mùa xuân mỏng mảnh
Lại thấy mình thơ nhỏ giữa xanh tươi.*

Đúng vậy. Đối lại với một Nguyễn Đình Chiểu hào sảng, kiêu hãnh, tráng ca là một Nguyễn Đình Chiểu yếu đuối, đa tình và thậm chí là "dại gái". "Em" và "trăng" như hai nhân vật có mặt ở hầu hết các bài thơ của Chiến. Đây là em của mưa nắng thành Tuyên buổi đầu đời với "chiếc quạt xanh e ấp", mà:

*Đã bao lần anh lặn xuống dòng sâu
Chỉ để tìm cho em một viên cuội nhỏ,*

em của một thuở:

*Cành xưa hai đứa chung tay vịn
Giờ cách đầu tôi một với tay.*

em huyền ảo ở Bát-tom-boon:

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đôi gỏi mịn em nhẹ quỳ trên cỏ
Mái tóc mun buông xuống ngực trắng tròn.*

Hứng lên anh chẳng ngại:

*Xin quây gánh theo em về xóm nhỏ
Mưa mơ hồ trên lá biếc em trao.*

Ngây ngất trước người đẹp, anh còn mộng "Bé em về làm vợ" và vẽ ra một "địa đàng" giữa trần thế:

*Vườn thơm mùi thảo quả
Bếp thơm mùi nếp xôi
Đặt trắng lên giường cưới
Hai chúng mình gỏi đôi...*

Trắng cũng có mặt khắp nơi trong thơ Chiến, khiến Trần Đăng Khoa trong một bài viết, sau khi dẫn ra rất nhiều câu thơ về trắng đã hạ bút "*Thơ chiến là ánh trắng, khi lấp lánh lúc bàng bạc huyền ảo. Người ta không thể biết ánh sáng ấy phát ra ở đâu, và kết thúc ở đâu. Ở trời mây hay ở sông nước, hoa cỏ.*" Viết những dòng này chẳng rõ là Khoa khen hay chê. Thi giọng điệu của gã nhà thơ có tiếng là "cuội" xưa nay vẫn ốm ờ vờ vọt thế. Tuy nhiên, tôi tin Khoa thực lòng khi viết rằng "Ngay cả những bài nhàn nhạt trung bình anh vẫn có những câu thơ găm được vào trí nhớ người đọc". Khoa nức nở khen bài thơ "*Ánh trắng*" và đánh giá "*Giấc ngủ của trẻ con làng chài*" là "tác phẩm toàn bích nhất của tập thơ Chiến". Đồng ý với Khoa song tôi nghĩ "*Thành Tuyên ngày xa em*", "*Một khúc quê hương*" cũng có thể xếp vào số những bài thơ hay của Chiến, chẳng những thế chúng còn tiêu biểu cho phong cách thơ của anh: chan chứa ân tình và dạt dào say đắm.

Một người "quen đi nhanh bước mạnh" như Nguyễn Đình Chiến hóa ra cũng lắm bệnh, mà lại bệnh trọng. Chiến bị tiểu

đường, nên phải kiêng ăn, kiêng uống, song khó mà kiêng đi. Với một người quảng giao như Chiến, đông bạn bè, em út, thì việc phải hạn chế các thú vui ấy quả là một cực hình. Một ngày mà Chiến không ra đường, không gặp ai đó, không đọc thơ, là không chịu được. Rồi bị xuất huyết não nhẹ, không phải một mà là hai lần phải nằm bệnh viện. Kim ngày thường thì khùng khỉnh với Chiến vì nhiều nỗi, trong đó có cả chuyện ghen tuông đàn bà, song khi Chiến ốm thì không tiếc tiền thuốc thang. Thuốc tốt cộng với thể lực hơn người nên Chiến hồi sức rất nhanh. Vừa mới "tươi lông đỏ da" Chiến đã lại đi, lại bạn, lại thơ. Tuy vậy, sau lần vào viện thứ hai tôi thấy thần sắc Chiến đã kém, để ý thấy tiếng nói đã hơi meo meo, cử chỉ đã hơi đơ đơ. Cứ mỗi lần tôi sang chơi hỏi "nhà thơ lớn đâu" thì Kim bảo "lại đi rồi". Hỏi "đi đâu" thì bảo lúc thì ở Hà Nội, lúc thì về quê Yên Bái, lúc thì ở câu lạc bộ thơ này, lúc ở diễn đàn thơ khác. Bạn bè trải suốt từ thủ đô đến tỉnh lẻ, chủ yếu là dân văn nghệ, đủ cả, từ kẻ đầu râu tóc bạc đến các cháu mới lớn, miệng thường cười duyên, mắt hay chớp chớp.

Điều khiến Kim rầu lòng nhất là Chiến bệnh trọng, song lại rất chủ quan, phớt đời, không chịu uống thuốc đều đặn. "Em đã lo cho anh ấy thuốc, rồi thì thực phẩm chức năng, viết vào giấy dặn dò kỹ càng, ấy vậy mà chỉ được vài ngày rồi lại vui bạn bè quên mất. Hứng lên còn làm vài ly rượu nữa". Có hôm ngồi tán chuyện với Chiến, nhớ nước Nga, nước Ucraina, tôi nhắc đến những bạch dương, hoàn diệp liễu, kiêu mạch, tử đinh hương... thấy mắt Chiến đột nhiên lóe sáng lên rồi lại đờ đẫn như một con nghện đang lên con mà lại thiếu thuốc. Tôi biết nước Nga đang trở lại trong anh, làm khổ anh, thì đẩy:

*Nghe bạch dương đang tí tách đâm chồi
Tuyết tan chảy, cỏ giật mình thức dậy...*

Quá trưa 30 tết Giáp Ngọ tôi thấy tiếng chuông điện thoại reo rồi tiếng Kim nghẹn ngào: "Anh Trứ ơi, anh Chiến mất rồi".

Cúp máy. Tôi vô cùng sững sốt chết lặng đi. Lúc sau hỏi lại mới rõ, thì ra Chiến về Đại Minh, Yên Bình, Yên Bái định ăn Tết ở quê song bị nhồi máu cơ tim. Người nhà lập tức đưa đến bệnh viện Hùng Vương ở Đoàn Hùng, Phú Thọ, thì Chiến đã hôn mê. Được tin, Kim tất tưởi lên ngay song không kịp cứu. Tôi bấm di động báo tin ngay cho Trần Đăng Khoa. Khoa cũng sững sốt: "Mới mấy hôm trước Chiến còn nói với tôi vừa hoàn thành phần II trường ca Điện-biên-phủ, trong đó nói về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vậy mà...", tôi cũng lập tức gửi mail cho Châu Hồng Thủy đang ở bên Nga...

Tang lễ Nguyễn Đình Chiến được tổ chức ở Bệnh viện 103 theo nghi thức quân đội khá trang trọng. Đến tiễn đưa Chiến thì chỉ trừ những người ở xa còn hầu như có mặt đầy đủ bạn bè "Xóm viết văn Goorky" thuở nào. Trần Đăng Khoa, một trong những người bạn thân nhất của Chiến, đọc diếu văn, trong đó khẳng định những đóng góp của anh trong quân đội, cũng như trong văn học. Buổi lễ đưa tiễn Chiến ở quê đông đúc người thân và bạn bè. Có mặt buổi chiều hôm ấy, tôi thấy thốn thức giữa hương khói và nước mắt là thơ. Thơ Nguyễn Đình Chiến mà bạn bè thuộc. Thơ của bạn bè viết về Chiến. Tôi cứ tự hỏi, nghĩ cũng lạ, giữa một vùng đất trung du khá khô cằn sao lại có thể sinh ra một nhà thơ lai láng cảm xúc như Nguyễn Đình Chiến. Mộ Chiến nằm ở ngay cạnh bờ con sông Chảy, một nhánh của sông Lô, mùa này nước trong xanh xiết chảy đến nao lòng. Mộ Chiến nằm cách không xa mộ cha. Ông cụ ra đi năm trước vì bệnh tật tuổi già. Mẹ Chiến đã chín mươi lại vừa bị tai nạn gãy xương chân, người ta chưa cho cụ biết tin buồn vì sợ cụ bị sốc.

Sắp đến lễ 49 ngày Nguyễn Đình Chiến. Tưởng nhớ bạn, tôi ngồi viết những dòng này. Nó lan man, chập chờn đứt nối cùng bóng hình Nguyễn Đình Chiến vẫn như đang lẩn khuất đâu đây. Chiến sinh năm Nhâm Thìn, 1952, tôi Quý Tỵ, 1953. Tôi có lần bảo Chiến: "Ông cảm tình con Rồng có cánh nhiều khi

bay lên hoành tráng, khoáng đạt, tôi cảm tình con Rấn suốt đời chỉ có bò thôi. Thậm chí không khéo có khi người ta còn đập chết nữa". Chiến cười cùng một cái nhếch mép. Song tôi biết trong sâu thẳm anh có những nỗi buồn. Buồn vì thời thế: nước Nga "thành trì của CNXH" thế mà nay đã thành xưa, tiếng Nga "tiếng của Lê Nin" lâu nay không còn đặc dụng nữa. Buồn vì đường binh nghiệp dang dở, 17 tuổi viết đơn tình nguyện vào bộ đội sang Lào, 18 tuổi được kết nạp Đảng tại chiến trường, từng là chính trị viên tiểu đoàn, giảng viên, phóng viên quân đội mà về cuối đời quân hàm quân hiệu không ra sao. Buồn vì một thuở mơ giàu sang mà rồi vung tay quá trán có lúc bậm nọ, về hưu nhiều khi tiền lại không đủ tiêu. Buồn vì bệnh tật nan y và nhiều thứ khác khó gọi thành tên, mà những kẻ làm thơ thường tự vận vào mình. Buồn vì bị nàng thơ hành đến độ mê mẩn, tan nát, mà lại chưa phải là Hội viên Hội nhà văn. Có bạn ngồi với nhau, tôi hỏi Chiến: "Sao ông không viết đơn vào Hội để sinh hoạt với anh em cho vui, ông vào quá dễ". Chiến chỉ ừ hừ, bảo là chưa làm đơn, chẳng biết vì lý do gì.

Nhưng thôi Nguyễn Đình Chiến bạn ơi! Biết thế nào là "được" là "mất" ở cõi đời trần tục này. Hôm nào trong thơ anh ước:

*Ôi nếu vậy xin được về xứ sở
Có dòng sông hoa nở trắng bên đời
Có tiếng hát của những người trèo cọ...*

thì nay anh đã về nằm bên con sông quê hương bốn bề biếc xanh bưởi, cọ. Hôm nào ở nơi xa xôi anh tưởng thấy:

*Mưa xuân giục bước chân người về chợ
Gặp người làng ai đó nhắc tên tôi*

thì hôm nay tên anh cùng thơ anh đang vang lên trên môi bao người làng đến đưa tiễn anh lần cuối. Hôm nào anh thổ lộ:

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đã lâu rồi con không ngủ bên cha
Đi đánh giặc con nằm bên đồng đội*

thì nay anh đang yên nghỉ bên người cha một đời lam lũ khó nhọc. Những đứa con anh mới hôm nào:

*Bố nhìn trời đất vông đũa
Trong đôi mắt mẹ đợi chờ tiếng con*

thì dưới bàn tay nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ của người vợ đảm, nay đang lần lượt trưởng thành. Mai đây chúng sẽ thường xuyên tìm về nơi này để có thêm cảm hứng và nghị lực vững bước trên con đường mà cha chúng đã từng "đi nhanh, bước mạnh" dù cho có "mưa to gió lớn những phương trời".

Đến đây, tôi xin mượn một đoạn thơ anh để kết thúc bài viết lan man, dứt nỗi này:

*"..Tôi đã đi gót mòn không biết sợ
Bấy nhiêu năm ngang dọc mấy phương trời
Qua sống chết, lọc lừa, cám dỗ
Qua buồn vui, may rủi, khóc cười
Những dân tộc những quốc gia nghiêng ngửa
Những tượng thờ đổ vỡ nơi nơi
Tôi đã thấy đã nếm mùi đau khổ
Đã lênh đênh nơi đất lạ quê người
Nhưng không chết một tâm lòng thương nhớ
Ơi cội nguồn duyên kiếp của đời tôi..."*

Bắc Nghĩa Tân, ngày 18.3.2014

Trích thơ:

Lời thề cỏ may

*Làm sao quên được tuổi thơ
Tuổi vàng, tuổi ngọc - tôi ngỡ lời ai*

*Thươ ớ ấy tôi mới lên mười
Còn em lên bảy, theo tôi cả ngày
Quần em dệt kín bông may
Áo tôi đứt cúc, mực dây tím bầm
Tuổi thơ chân đất đầu trần
Tì trong lúm láp em thắm lớn lên
Bây giờ xinh đẹp là em
Em ra thành phố dần quên một thời
Về quê ăn Tết vừa rồi
Em tôi áo chền, em tôi quần bò
Gặp tôi, em hỏi hững hờ
"Anh chưa lấy vợ, còn chờ đợi ai ?"
Em đi để lại chuỗi cười
Trong tôi vỡ... một khoảng trời pha lê*

*Trắng vàng đêm ấy, bờ đê
Có người ngồi gỡ lời thề cỏ may...*

Mùa mưa ấy

*Em còn nhớ không em
Cái mùa mưa năm ấy
Hai đứa mình lính mới
Tìm rau suýt lạc rừng*

*Gùi mặng nặng trên lưng
Em thương tôi gầy quá
Những tháng năm nghiệt ngã
Em cũng gầy như tôi*

*Bao dung quá rừng ơi
Một chùm dâu da đất*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cùng nụ cười chân thực
Tôi trao em bồi hồi
Em nhận vào im lặng
Chỉ thì thào mưa rơi...*

*Rõ ràng tôi đã có
Có một thời đôi mươi*

*Em hình như cũng có
Có một thời yêu tôi*

*Bạn hình như cũng có
Có một thời như tôi...*

Khoả

*Thoạt đầu khoá tay
Nuột nà tay trắng
Rồi thì khoá chân
Ngọc ngà chân trắng
Rồi thì khoá ngực
Mơ mớ ngực hồng
Rồi thì khoá hông
Hông đầy ngòn ngòn
Bây giờ khoá rốn
Rốn tròn bầy bầy
Rồi nữa khoá gì?
Gặp em hỏi nhỏ
Em cười quay đi!*

Cỏ

*Cùng nhau men lối bờ đê
Giữa bao la cỏ em mê cỏ nào
Thửa ấy tóc để chỏm đào
Cầm tay cỏ dắt anh vào xưa xa*

*Hồn nhiên nhất đám cỏ gà
Chơi nhau túi bụi để mà cười vui
Mập to đích thực cỏ voi
Cỏ mặt thì ngọt, nhọ nổi lại đen*

*Cỏ may xiên một mũi kim
Chân vịt mỏng mảnh, chân chim loè xoè
Cỏ lẩn cỏ lác cỏ le
Khỏe như cỏ gấu lại e cỏ gừng...*

*Trâu bò lúc lắc cặp sừng
Bên nhau gặm cỏ thung dung chiều hè
Mục đồng tóc gió vàng hoe
Vật nhau trên cỏ để khoe đùi lườn*

*Chấp tay vải cỏ dọc đường
Hắn là mấy bác tha hương về làng
Lúa là một giống cỏ hoang
Ông cha thuần dưỡng mùa màng trĩu bông*

*Quê mình hoa cỏ đầy đồng
Ngoài thành phố cỏ phải trồng đó em!*

Đêm cỏ tích

*Tự thời ngày xưa ngày xưa
Tự thời trái đất còn chưa có người...
Bao cựu cỏ tích cũ rồi
Thì tân cỏ tích ra đời ở đây
Triển đề phơ phát bông may
Nguyệt liềm thàng chín tròn đầy từng đêm
Chàng thì chọt nhớ chọt quên
Nàng thì chóc chóc bắt đèn khổ không!
Khuya rồi sao rụng đầy sông
Bầu trời thấp xuống, cánh đồng dâng lên*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Để giun bắt chọt lặng im
Cỏ may được dịp xâu kim vào ng-ười
Với ai cổ tích lỗi thời
Với nàng cổ tích tuyệt vời là... đêm.*

Trong bài *Lời thề cỏ may*, Trần Đăng Khoa đã viết về nhà thơ Phạm Công Trứ như sau:

“Dẫu khác thế, người đọc Phạm Công Trứ vẫn cứ nhớ đến Nguyễn Bính. Giá không có Nguyễn Bính, có lẽ Phạm Công Trứ đã có một cái chiếu giữa làng văn. Nhưng cái chiếu Trứ đang ngò vào hiện nay, Nguyễn Bính đã ngã bóng mình xuống đó cách đây nửa thế kỷ. Bởi thế, thơ Trứ có chỗ quả cũng cóm nắng, xanh xao. Thiết tưởng, Trứ cũng có thể bắt chước người xưa, ngửa mặt lên trời mà than rằng: Trời đã sinh ra Trứ sao trước đó còn sinh ra Bính?”

Còn Bình Nguyên Trang có nhận định: *“Mộc mạc, hồn nhiên, chân thật, đó là những gì người ta có thể cảm nhận về gã nhà thơ tự nhận mình là "quê mùa" Phạm Công Trứ.”*

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Công Trứ Web: vanngheNamDinh.com.vn
- *Lan man đứt nối cùng Nguyễn Đình Chiểu: Một cơn nghiện* vô phương cứu chữa! Web: nhavantphcm.com.vn

19. Phạm Thị Ngọc Liên



Phạm Thị Ngọc Liên (1952-20)

Nhà thơ Phạm Thị Ngọc Liên sinh năm 1952 tại Hà Nội.

Năm 1954, theo gia đình di cư vào Nam. Sau khi đỗ Tú Tài toàn phần, lên đại học, theo học tại các trường đại học Vạn Hạnh, Văn khoa Sài Gòn,

Năm 1969, mới 17 tuổi Phạm Thị Ngọc Liên đã bắt đầu sự nghiệp làm báo, là phóng viên nhật báo *Tin Sáng*, biên tập viên tạp chí *Văn*, báo *Công an Tp. HCM*, báo *Tiếp thị & gia đình* và cộng tác với nhiều báo trên cả nước.

Sau 1975, tiếp tục học tại Đại học Tổng hợp Tp. HCM.

Khi còn trẻ Phạm Thị Ngọc Liên từng tham gia đóng phim, sau này bà chỉ đóng góp cho điện ảnh với các kịch bản chuyển thể.

Nhà thơ Phạm Thị Ngọc Liên là hội viên Hội nhà văn Việt Nam.

HUỶNH ÁI TÔNG

Đã nhận được các giải thưởng:

- Giải A thơ báo *Văn nghệ Tp. HCM* năm 1987
- Giải thưởng thơ hay 2 năm 1989-1990 của tạp chí *Văn nghệ quân đội*
- Tặng thưởng truyện ngắn hay tạp chí *Văn nghệ quân đội* năm 1989
- Giải thưởng truyện ngắn báo *Văn nghệ* năm 1999-2000
- Tặng thưởng của Hội nhà văn tập thơ *Thức đến sáng và mơ*.

Hiện bà đang sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm:

- *Những vàng trắng chỉ mọc một mình* (thơ, Trẻ, 1989)
- *Biển đã mất* (thơ, Hội Nhà Văn, 1990)
- *Em muốn giăng tay giữa trời mà hét* (thơ, Hội Nhà Văn, 1992)
- *Có một nửa mặt trăng trong mặt trời* (truyện ngắn, Trẻ, 2000)
- *Thức đến sáng và mơ* (thơ, Văn nghệ Tp. HCM, 2004)

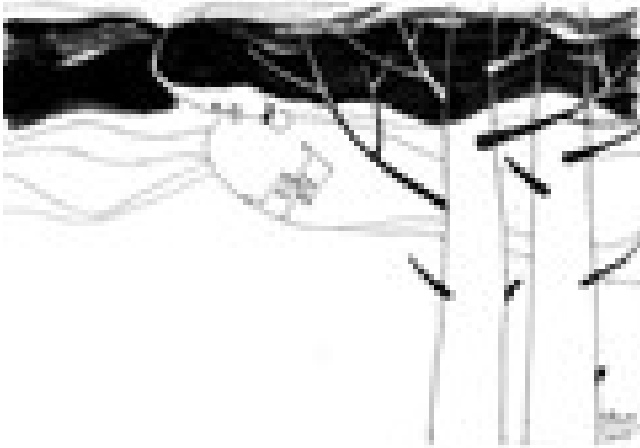
Trích văn:

Cây liễu sam

Nước mắt làm nhòe khung kính khi cô tì mặt vào, nhìn ra khung cảnh phía ngoài vùn vụt trôi ngược về sau. Tokyo sáng rực ánh đèn trong đêm cũng vùn vụt xa dần trong tốc độ của chiếc Shinkansen vắng vẻ. Cả một khoang chỉ có vài người, có lẽ là dân địa phương trở về thăm nhà. Ai nấy đều ngủ ngon trong chỗ của họ.

Chỉ còn một mình cô ngồi lặng lẽ trong chiếc ghế quá rộng so

với thân hình mảnh mai, bé nhỏ. Cả chiếc túi xách cũng bé nhỏ cho một chuyến hành trình xa. Khi mua vé lên tàu, cô chỉ có một ý nghĩ: rời xa Tokyo ngay và cô bật ra từ Akiruno khi người bán vé hỏi cô muốn đi đâu. Giờ đây, khi tì mặt vào khung kính, nhìn ra khung cảnh vùn vụt phía ngoài, cô chợt thấy nỗi đau dồn nén từ nhiều ngày qua tràn lên mi mắt. Nỗi cô đơn, cô độc chiếm lấy cô một cách nhanh chóng và cô khóc không kìm nén được nữa.



Minh họa: Tuấn Anh

Một bàn tay từ phía sau vai nhẹ nhàng đưa cho cô chiếc khăn giấy. Cô cầm lấy nó như một quán tính và áp vào đôi má giá lạnh của mình, rung rức khóc tiếp. Những chiếc khăn cứ tiếp tục đưa một cách lặng lẽ, cho đến lúc nước mắt cô cạn dần. Tokyo đã hoàn toàn biến mất ở phía sau. Ngoài khung kính là những hàng cây, cánh rừng đen thẫm. Cô rời khỏi khung kính, ủ rũ quay người lại và nhìn thấy anh.

Trên tay vẫn cầm chiếc hộp khăn giấy đã rỗng, anh hơi mỉm cười và đưa nó cho cô. Nhìn chiếc hộp và nhìn đồng khăn giấy nhòe nát trong chỗ ngồi của mình, cô bừng tỉnh. Cảm giác

ngượng ngùng xâm chiếm, cô lúng búng hai chữ cảm ơn trong miệng và cúi nhặt mớ khăn nát, cho vào chiếc hộp, đặt nó xuống chân mình.

Anh đứng dậy, nghiêng mình chào cô, giọng trầm ấm không ngờ: “Tôi là Tokugawa Ochida. Tôi xin lỗi vì đã tự tiện quấy rầy cô”. Cô cũng vội vàng đứng dậy, cúi người thật thấp chào lại anh: “Tôi là Kim Ly. Anh không có lỗi gì cả. Cảm ơn anh đã quan tâm”. Anh hỏi: “Tôi ngồi đây trò chuyện với cô được chứ?”. Cô hơi bối rối nhưng cũng gật đầu: “Vâng”.

*

Nỗi buồn của cô mau chóng nguôi ngoai đến không ngờ. Những ngày ở Akiruno hóa ra lại là những ngày đẹp nhất kể từ khi cô đến Nhật Bản. Tokugawa đã đưa cô về nhà anh khi biết cô đến đây một cách vô định, cùng túi quần áo chẳng thích hợp chút nào với không khí giá lạnh ở núi. Mẹ anh, một bà cụ da hồng hào, căng bóng, đưa cho cô một chiếc chăn bông, đẩy cô đến ngồi trước bếp lửa: “Ngồi đi, ngồi đi nào. Chà. Trời lạnh thế này...”. Em gái Tokugawa, một cô bé khoảng mười bốn tuổi, dạn dĩ với đôi mắt đen láy, nhanh nhẹn múc ra hai chén súp nóng hổi, đưa cho anh và cô với nụ cười xinh như hoa hồng: “Anh và chị ăn đi cho ấm. Súp ngon lắm đấy”. Kim ăn một cách ngon lành trong ánh mắt nhìn âu yếm, vui vẻ của bà cụ và cô bé. Gò má cô đã ấm sực lên. Ăn xong, cô cầm chén đứng dậy nhìn quanh, định mang đi rửa nhưng bà cụ đã dịu dàng đẩy cô về phía cô con gái nhỏ: “Đi tắm cho khô nhé. Em nó đã pha nước nóng cho cháu rồi đấy”. Cô khoan khoái bước vào chiếc bồn tắm gỗ, thả mình trong làn nước thơm ngát mùi thông và thấy cơn buồn ngủ kéo đến thật nhanh.

Nhà của Tokugawa ở lưng chừng núi, nơi buổi sáng mở cửa sổ ra, Kim nghe được tiếng chim hót líu lo trên những chòm ngọn của hàng cây Sugi xanh mượt. Sương núi bao phủ đến tận lúc

mặt trời đi ngang ngọn cây. Không gian tinh khiết đến nỗi Kim muốn khóc vì cảm động. Cô đứng lặng bên cửa sổ cho đến lúc nhìn thấy Tokugawa đang chạy lên từ phía dưới đường mòn. Có vẻ như anh đã chạy một khoảng rất xa, rất lâu nên trong thời tiết giá lạnh mà chiếc áo thun xám dài tay anh đang mặc cũng ướt đẫm mồ hôi. Gần đến nhà, Tokugawa chạy chậm lại rồi đi thong thả dần dần. Nhìn thấy Kim, anh vẫy tay chào và mỉm cười. Nụ cười sáng trưng như mặt trời tỏa nắng.

Hình ảnh nụ cười của anh sáng hôm ấy giống như một khởi đầu mới, một trang sách mới giúp Kim hưng phấn vượt qua những nỗi buồn cũ kỹ. Bên cạnh con đường mòn dẫn lên núi ở Akiruno, Kim đốt bỏ những lá thư từ Việt Nam - từ một người từng hứa hẹn sẽ đợi cô trở về, nhưng rồi không giữ lời hứa. Nhìn làn khói trắng đục tan rất chậm trong sương mù, Kim trầm nghĩ: “Thật lạ. Lẽ ra người đi xa mới dễ thay lòng đổi dạ. Không ngờ...”. Cô càng không ngờ hơn nữa khi nhìn “người ấy” của mình sánh vai cùng vợ trên một con đường ở ngay Tokyo. Đôi mắt người vợ như xoáy vào đôi mắt ngỡ ngàng của Kim một ánh nhìn khiêu khích. Kim đứng chết sững, sốc lộn thứ hai khi biết cô bạn thân nhất của mình chính là kẻ cướp tình yêu. Và khi cô ta nắm tay Kim, reo lên: “Trời ơi, may quá. Bọn mình cố tình đi honeymoon ở đây để gặp bồ...”, thì Kim hết chịu nổi. Cô hất bàn tay lạnh giá như da rắn ấy ra khỏi tay mình và ù té chạy như ma đuổi. Về đến căn hộ nhỏ bé trên tầng 17 thuê chung với cô bạn người Mexico, Kim nhét vội vài món áo quần, xấp thư cô quý báu như tính mạng vào túi xách và đi thẳng ra ga tàu cao tốc, mua một chiếc vé đi Akiruno trong cơn hoảng loạn.

Đôi khi, Kim tự hỏi: liệu mình có yêu người ấy nhiều như mình nghĩ không? Hỏi rồi tự trả lời: không. Vì cô đã rung động trước nụ cười tỏa nắng của Tokugawa ngay sáng đầu tiên ở vùng núi Akiruno và đốt bỏ những lá thư tình ngày cũ trong một cảm xúc thật nhẹ nhàng. Những ngày tiếp theo, cô đã thật vui vẻ khi

đi rừng hái nấm cùng Michiko, em gái Tokugawa; đã lội suối và hân hoan reo hò khi bắt cá cùng những phụ nữ trong xóm; đã leo núi đến thờ hồn hên cùng Tokugawa và lôm côm bò dưới gốc cây liễu sam để nhặt từng chùm trái rụng đem về trong ánh mắt nhìn âu yếm của mẹ anh.

Trở về Tokyo, trên chiếc Shinkansen, Kim ngồi dựa vào lòng ghế, miệng luôn tím tím cười. Khi đưa cô ra ga, Tokugawa hẹn: “Tháng sau mình gặp lại nhau nhé” và anh hôn phớt trên môi cô nụ hôn tạm biệt. Kim nép vào lồng ngực ấm rộng của anh, hít khe khẽ mùi nhựa cây liễu sam trên áo anh, giờ đây đã trở nên quen thuộc với mình. “Em sẽ ra đón anh”. Cô bảo. Tokugawa ghi chặt cô một lần nữa và nói: “Ok, Sugi. Nhớ đấy nhé. Học cho giỏi vào và mập lên khi anh trở về đấy”.

Anh gọi cô là Sugi - cây liễu sam. Cô hỏi vì sao lại gọi cô như thế? Anh bảo: “Vì tâm hồn em thật mạnh mẽ, giống như cây sugi luôn đứng thẳng mỗi khi có gió bão hoặc mưa tuyết”. Có vẻ như anh đã lỡ đi hay cố tình quên đi hình ảnh cô gái ngồi khóc suốt suốt hôm nào. Trên tàu, Kim ngồi dựa vào lòng ghế, tay mân mê trái liễu sam khô, miệng tím tím cười. Sugi. Cô thích tên đó. Đưa trái liễu sam lên mũi ngửi, cô thầm thì: “Em sẽ ra đón anh. Thật đấy. Sugi sẽ đón anh. Hãy mau về với em”.

Cô không hề biết được lần gặp lại ấy chỉ có trong tâm tưởng!

*

Cô bạn người Mexico ái ngại bảo: “Mình đã cố gọi cho bạn nhưng điện thoại bạn luôn tắt máy”. Kim bàng hoàng cầm tờ điện tín trong tay, ướt nước mắt. Trở về Việt Nam, đứng trước bàn thờ cha vừa mất sau một tai nạn giao thông, nhìn mẹ đã mất hết thần trí, nửa điên, nửa tỉnh, Kim biết mình sẽ không bao giờ còn gặp lại Tokugawa. Vì cô không thể sang Nhật học

tiếp trong hoàn cảnh gia đình tan nát như thế này. Nuốt nước mắt vào trong ngực, Kim xắn tay thu xếp chuyện gia đình, vỗ về hai đứa em đang ngơ ngác: “Đừng sợ, có chị đây”.

Nhiều đêm, Kim ngồi trong bóng tối, nước mắt lặng lẽ rơi. Cô đã thông tin cho Tokugawa biết mình không trở lại Nhật nữa và nhận lại từ anh một lời chúc lành. Anh bảo: “Sugi, hãy gắng lên. Em là người mạnh mẽ hơn em tưởng đấy. Anh sẽ luôn nhớ đến em”. Không nói ra nhưng cả hai đều biết, những ngày tháng đẹp như mơ trong vùng núi Akiruno, dưới những tán cây liễu sam chỉ còn là kỷ niệm của cả đời người.

Tốt nghiệp y khoa trong nước, Kim được nhận vào làm việc ở một bệnh viện lớn trong thành phố nhưng cô từ chối và xin đến một tỉnh miền núi phía Bắc, nơi cô có lần nhìn thấy trong post card hình ảnh những cây liễu sam vươn mình trong nắng. Đã nhiều năm trôi qua nhưng Kim vẫn chưa thể nào quên được Tokugawa và những kỷ niệm ngày nào. Đôi khi một mình đi lững thững dưới những tán cây, Kim tự hỏi mình có phải là người mơ mộng, không thực tế không? Có lẽ giờ đây Tokugawa đã có vợ và quên mất cô rồi. Mà dẫu anh còn đọc thân thi liệu anh còn yêu cô như ngày xưa không? Thôi hãy để kỷ niệm vẫn là kỷ niệm và nhớ về nó một cách dịu dàng như nhớ một món quà của Thượng đế ban cho. Kim nghĩ vậy.

*

Thế rồi, bỗng nhiên kỷ niệm dịu dàng ấy lại trở thành ác mộng khi Kim ngồi trước màn hình ti vi, sững sờ nhìn những hình ảnh khủng khiếp của cơn động đất, sóng thần dội lên nơi cô từng ở. Trái tim Kim quặn thắt và cô bật khóc không kiềm chế được. Tokyo dẫu gì cũng là một nhánh sống khá dài trong cuộc đời Kim. Cô cắn môi đến bật máu khi nhìn khung cảnh hoang tàn, bình địa của nhiều thị trấn, những gương mặt đau khổ, hoảng loạn, thất thần, những tiếng gào khóc thê thảm, những

hàng người lặng lẽ bói tìm thân nhân trong đồng đồ nát...

Bác sĩ giám đốc bệnh viện nơi Kim đang công tác cầm lá đơn xin nghỉ việc của cô trong tay, trầm tư: “Cô định sang Nhật sao? Đi bằng cách nào? Theo đội tình nguyện viên à? Khó đấy. Nhưng tôi biết cô từng học y khoa ở Nhật, việc cô sang bên ấy giờ này để giúp người ta cũng hợp lý thôi. Tôi sẽ cho cô nghỉ phép dài hạn và báo cáo lên cấp trên việc này để khi cô quay về Việt Nam vẫn làm việc ở đây. Được chứ?”.

Hai đứa em của Kim giờ đây cũng đã lớn. Chúng bảo: “Chị cứ làm những việc cần làm. Bọn em ủng hộ chị và sẽ chăm sóc cho mẹ. Chị yên tâm”. Đi cùng Kim xuống tòa đại sứ Nhật Bản còn có thêm hai bác sĩ trẻ cũng từng du học ở Nhật về. Ngài đại sứ đọc xấp hồ sơ của họ và cúi người thật thấp, rớm nước mắt: “Người dân Nhật Bản đang rất cần những tấm lòng hỗ trợ như quý vị. Tôi sẽ cố hết sức để đưa quý vị sang đất nước tôi”.

Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản không đắn đo gì khi Kim và các bạn đồng hành xuất hiện. Cả nhóm lập tức được phát ngay những dụng cụ y tế và nhập vào một đoàn y, bác sĩ từ khắp nơi đổ về cứu trợ Nhật Bản. Khi ngồi trên máy bay, cảm xúc của Kim thật hỗn loạn, nhất là lúc cô cập nhật tin tức về các tai họa sau động đất, sóng thần, các vụ nổ nhà máy hạt nhân vừa xảy ra ở Nhật. Cô tự hỏi mình sẽ làm được gì trong đồng đồ nát đó? Và cô như chết nửa người khi nghĩ tới Tokugawa. Liệu gia đình anh có thoát khỏi thảm họa ấy không? Nghĩ đến nụ cười xinh như hoa hồng của Michiko, bàn tay vỗ về ấm nóng của mẹ Tokugawa, trái tim cô lại quặn thắt. Cô sợ.

Thế nhưng, khi cầm những dụng cụ y tế trong tay, khoác lên người chiếc áo blouse trắng, Kim lấy lại được sự bình tĩnh của nghề bác sĩ. Mình sẽ làm hết sức những gì mình có thể làm. Đoàn y, bác sĩ trong đó có Kim được phân công đến một bệnh viện dã chiến, nơi những nạn nhân sóng sót của vụ động đất

vừa được đưa về. Cố dùng những câu nói bản ngữ mà cô từng học được trong thời gian ở Nhật Bản, Kim vỗ về, an ủi các bệnh nhân của mình. Một cô bé ôm chầm lấy Kim: “Chị ơi, chị ơi, hãy tìm mẹ cho em” khiến cô trào nước mắt. Cô cũng ôm lấy đứa trẻ: “Không sao đâu. Mọi người đang đi tìm mẹ cho em đây. Em ngủ đi một chút nhé. Có khi em ngủ dậy là sẽ thấy mẹ ngay”. Nhìn đứa trẻ ngoan ngoãn và đau đớn nằm xuống ngủ thiếp đi, nước mắt của Kim lại ứa ra từng giọt. Cô hít thật mạnh, cố kìm nén cảm xúc. Cúi người đắp lại mền cho cô bé xong, Kim quay sang bên cạnh, bắt đầu thăm khám cho một người bị nạn khác.

Một ngày nháo nhào, bươn chải trong bông băng, kim tiêm, thuốc sát trùng... trôi qua thật nhanh chóng. Khi bóng tối đã lan tỏa bên ngoài và trong bệnh viện, các bệnh nhân đang được phân phát thức ăn, những y, bác sĩ mệt lử kéo nhau ra ngồi ngoài các bậc thềm. Họ chỉ có một thời gian rất ngắn để nghỉ ngơi và ăn uống. Một đợt nạn nhân khác đang trên đường chuyển đến và họ phải sẵn sàng để trực cứu ngay.

Ngồi một mình ở bậc thềm cuối, Kim cố gắng nhai miếng bánh mì trong khẩu phần ăn của mình. Suốt một ngày tất bật trong việc cấp cứu các nạn nhân, cô không còn thời gian để nghĩ về Tokugawa và gia đình anh. Nhưng lúc này đây, khi ngồi lặng lẽ trong bóng tối, cô thầm cầu khẩn Trời Phật để anh và gia đình thoát khỏi thảm họa khủng khiếp này. Akiruno ở phía tây thành phố, trong lúc trận động đất bùng nổ ở vùng đông bắc. Có thể Akiruno không bị ảnh hưởng gì lắm. Kim cố dỗ dành mình như vậy và cô tiếp tục nguyện cầu...

Thấm thoát, ba tuần sống trên những đống nát của Tokyo qua đi trong tâm hồn khắc khoải và xót xa của Kim. Cô đã được chuyển từ bệnh viện này sang bệnh viện khác, đã đi từ đống đổ nát này sang đống đổ nát kia trong tư cách cứu hộ. Những cái tên người chết, người mất tích từ các vùng bị động đất, sống

thần kéo quá dài trên những tờ thông báo và Kim chưa bao giờ dám ghé mắt nhìn. Cô vẫn dành cho mình một khoảng trống mong manh để hy vọng.

Thế rồi một hôm Kim rùng mình khi nghe người trưởng đoàn cứu hộ thông báo họ sẽ lên đường đến Higashi-akiru, một trong ba vùng nhỏ của Akiruno. Điều mà cô vừa sợ, vừa mong mỗi được biết đã đến. Trên xe, Kim thì thầm cầu nguyện, hai bàn tay nắm chặt đến nỗi các ngón trở nên trắng bệch. Dầu thế nào thì cô cũng sẽ đi đến nơi. Cô sẽ đến căn nhà nhỏ lưng chừng núi để tìm người cô muốn tìm. Người bác sĩ ngồi cạnh Kim ái ngại nhìn gương mặt tái xanh của Kim, ân cần hỏi: “Chị có cần uống chút nước không?”. Kim lắc đầu. Bất chợt cô thốt lên: “Tôi quen một gia đình ở Akiruno. Tôi sợ...”. Người bác sĩ nắm tay cô: “Chị hãy bình tâm đi! Có rất nhiều điều kỳ diệu xảy ra trong những ngày qua. Akiruno không bị ảnh hưởng nhiều như các thành phố khác. Người quen của chị chắc sẽ bình yên thôi”. Kim gật đầu: “Tôi chỉ mong như thế”.

Bước xuống xe, Kim bồi hồi nhìn quanh. Higashi-akiru đã được dọn dẹp khá kỹ nhưng vẫn còn những đống phế liệu ngổn ngang. Những hàng cây anh đào trước kia có lẽ đẹp tuyệt, bây giờ chỉ còn trơ gốc hoặc cành lá toi tã, cháy vàng. Kim rảo bước sang phía bên kia đường, nơi cô thấy thấp thoáng một mảng xanh nhỏ bé nằm khuất sau bức tường đồ nát. Rồi cô bật lên tiếng kêu và ngồi thụp xuống. Trong tay Kim, bụi liểu sam nhỏ bé như thốt lên một lời chào: “Tôi vẫn sống. Tôi vẫn còn đây”. Kim ứa nước mắt.

Một giọng nói cất lên ngay sau lưng khiến cô giật mình: “Kim Ly có phải không?”. Quay phắt lại, nỗi xúc động của Kim òa vỡ khi nhìn thấy cô bạn gái người Mexico ở chung với mình năm nào. Cả hai ôm chầm lấy nhau. Kim run run hỏi: “Bạn cũng đến đây sao?”. Cô bác sĩ Mexico gật đầu, giọng run run không kém: “Minh không thể không đến, Kim. Minh đến

Tokyo một tháng rồi. Thật không ngờ gặp lại bạn ở đây”.

Trên đời, có nhiều điều kỳ diệu xảy ra. Kim nói với cô bạn người Mexico như thế khi hai người ngồi bên bụi liễu sam sồng sốt. Cô đã gặp lại bạn mình vào lúc không ngờ nhất, sau bao nhiêu năm không một chút liên lạc. Cô cũng có thể gặp lại Tokugawa, Michiko và mẹ của họ trong căn nhà lưng chừng núi, nơi cô quyết định sẽ tìm đến vào ngày mai.

Đêm hôm ấy, khi mọi người đã ngủ, Kim lại bước ra ngồi cạnh bụi liễu sam. Mặt ngược lên trời, cô cầu nguyện: “Hãy cho con gặp lại họ”. Và cô thì thầm khi một ánh sao băng chợt lóe lên ở cuối chân trời: “Hãy cho Sugi gặp lại Tokugawa”.

Dưới bàn tay ấm nóng của Kim, bụi liễu sam như cựa quậy, chuyển mình lớn lên...

Trích thơ:

Bài luân vũ mùa đông

September 1

*Em mặc áo hở vai
Sài Gòn mùa đông như thế
Nắng ngáu nghiêng hôn lên cánh tay em duỗi trên ghi đông
xe đạp
Gió trưa thì lười
Em đi dưới những tàn cây bông bênh như mây chợt thềm
một cơn mưa nhỏ
Chiều đang còn rong chơi*

*Phố vui thật vui
Sài Gòn mùa đông như thế
Con gái như đàn bướm chập chờn khắp ngã
Con trai nhán từng hồi kèn xe tán dương*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Em như con bướm lạc lõng giữa Sài Gòn mùa đông
Không có anh mỉm cười bên cạnh
Phố bỗng dưng buồn*

*Nắng thơm
Và gió thì hồn nhiên
Mái tóc em khiêu vũ trên lưng
Rối rắm nỗi nhớ nào xa lắc
Em đạp xe qua con đường của chúng mình thềm được gọi
tên anh
Nụ cười và đôi mắt của anh như đuổi theo làm em vương
vúu
Một chiếc lá me rơi vào ngực áo
Cho em thêm nỗi bồn chồn
Em đạp xe qua con đường bạn bè
Giữa hai hàng cây lấm tấm hoa như những vì sao rơi rụng
Chiều đang về trên tầng vỉa phố đông*

*Không có anh
Nỗi nhớ của em cuộn tròn trong ngực
Vừa ấm áp vừa lạnh lùng
Đàn bướm con gái vẫn nhởn nhơ chung quanh em
Và tiếng kèn xe vô tình cứ vang lên từng chập
Em như con bướm lạc lõng phải rẽ lối đi về hồn thì thắm
câu hát
Sài Gòn mùa đông...*

Im lặng đêm Hà Nội

December 3

*Chỉ còn mùi hoa sữa nồng nàn
Trong căn phòng nhỏ bé
Đêm cuối thu trăng nhạt
Sương mù*

*Chỉ còn nổi im lặng phố khuya
Không gian dạ hương sâu thẳm
Vài tiếng chim khắc khoải vọng về*

*Chỉ còn mênh mông gương hồ
Hiu hắt soi
Những cây bàng lá đỏ
Tìm cột đèn góc phố
Chợ vợ nhìn nhau*

*Chỉ còn hơi ấm mối tình đầu
Anh đi có đôi lần nhìn lại
Chỉ còn em
Im lặng đến tê người*

Chiều tháng bảy

November30

*Lặng im như tình yêu
Sóng vỗ hoài vỗ hoài
Tên anh
Bờ cỏ xanh ngàn chờ rung lên điệu nhạc
Anh hát cho mình em nghe.*

*Hạ trắng xóa mùa thu
Mưa rơi trên phố
Môi anh ngọt ngào xin đừng ru ai
Xô em trong gió
Đời ngơ ngẩn một vầng trăng.*

*Em đi lang thang lang thang
Phố đông bóng hình anh
Trương tư giọng nói
Khóe mắt nào cay giọt lệ khô*

HUỶNH ÁI TÔNG

Biết anh nơi đâu cho em trao gửi?

*Em đi lang thang lang thang
Mang một tình yêu tức tưởi
Lê theo phố chợ hè đường
Mưa ơi sao không mưa
Nỗi đau này ướt đẫm
Lấy gì hong khô?
Lặng im tiếng không gian ngân nga
Dưới chân thâm thì tiếng gọi
Anh ở đâu ở đâu
Môi hôn nói những gì trên tóc
Bỏn chấy lời tình
Anh đã cho ai?
Em đi lang thang lang thang
Bóng chiều đen trong mắt
Không muốn quay về
Sợ phải nhìn anh...*

Ngày qua

March27

*Chúng ta càng ngày càng thêm khách sáo
em cảm ơn anh anh cảm ơn em
con chim họa mi trong đêm hốt hoảng
bởi đốm sao băng rụng xuống chân thềm*

*Chúng ta càng ngày càng thêm xa xôi
anh đang ở đâu anh đang làm gì
một nửa mặt hoa em dần héo úa
đêm càng dài thêm như đêm góa bụa*

*Chúng ta càng ngày càng thêm tách rời
trái tim xa lạ dấu ngòi bên nhau
vỡn tình chao nghiêng và em rớt xuống*

võng đời chao nghiêng và anh lên cao

*Chúng ta càng ngày càng nhiều ảo vọng
về kỷ niệm đẹp về điều lãng quên
giọt nắng trên tay vẫn còn ấm nóng
vội vã cầu xin thấy mặt trời lên*

*Chúng ta càng ngày càng nhiều hoang mang
những điều đúng sai những điều lờ lững
tình yêu thánh thiện – dối gian – phàm trần
mỗi một giọt máu mỗi hồi chuông rung*

*Chúng ta càng ngày càng vào vỏ ốc
anh giấu tim anh em giấu tim em
giấu hạnh phúc cũng như bất hạnh
tự bào mình mòn thêm mòn thêm*

*Kỷ niệm nhiều khi chỉ là giấc mộng
Kỷ niệm nhiều khi như lưỡi dao đâm...*

Bordeaux

September 15

*Rượu nói
buồn cười nhĩ chuyện đời
sáu người đàn bà đùa vui*

*Mặt nạ trống rỗng không đề phòng
hay đề phòng
ai mà biết
chỉ thấy tiếng cười thôi
nào cụng ly
nào cụng*

Em giấu tình yêu của em dưới chiếc mặt nạ muốn kêu lên

anh ơi anh ơi
muốn rên lên tim ơi tim ơi
biết ngày nào ngưng đập

Rượu nói
buồn cười nhĩ chuyện đời
ai mà thích đàn bà uống rượu

Như anh
không thích em ngẩn ngơ một mình
cùng nỗi buồn anh cho
phải quên đi quên đi
nhảy nhót cười nói như không biết gì
hoặc biết mà làm như không biết
anh không thích em khóc
thì em cười đây
hi hả cùng tình yêu dưới chiếc mặt nạ
một hai ba bốn năm
bạn mình đều thấy

Ô những người đàn bà uống rượu
lấy tình yêu làm môi
khúc khích rúc rích
uống đi mấy ngụ
để có cơ mà hét
rằng tui say quá trời ơi

Buồn cười nhĩ chuyện đời
đàn ông ngồi đây nhóc quán
giương mắt lên nhìn sáu người đàn bà
cụng ly

Anh có biết đàn bà uống rượu
còn lo nghĩ gì không
để tôi về con tôi chờ

*điện thoại reo kia
ở, mẹ về trễ một chút
a lô tắc xi đến chưa*

*Đường khuya gió
buồn cười quá sáu người đàn bà
tản ra mỗi người một hướng
mai một nghe
ừ, mai một*

*Rượu nói
hẹn vậy mà cũng hẹn
giờ này anh ngủ chưa?*

Lặng lẽ mình em

January 26

*Có những lúc tâm hồn chỉ đắm một nỗi buồn
Tưởng chừng mong manh
Môi em vẫn tươi hồng nụ cười
Trái tim đau không ngừng nhịp thở*

*Sẽ chẳng có thêm lần nào
Em làm thơ cho anh
Dẫu chỉ một lần nghi ngờ
Hay một lần cố tình đùa cợt
Dẫu chỉ một lần lỡ tới
Một lần buột miệng
Trái tim ràn rụa khóc thầm*

*Lặng lẽ
nắng và mưa
Lặng lẽ những ánh mắt em nhìn anh
Như nhìn một vì sao trong đêm*

HUỶNH ÁI TÔNG

ngọt ngào niềm mơ ước

*Lặng lẽ những hạnh phúc đời thường
Em đã quên
không được hưởng
Lặng lẽ những câu thơ anh không tin
Đó là sự thật*

*Lặng lẽ khước từ
Lặng lẽ mình em.*

Tạ tình

January26

*Xin thứ lỗi
Sự nhẫn tâm em đã dành cho anh
Giọt mực đen nặng trĩu*

*Anh những muốn thiêu em cháy
bằng những lời yêu thương
bằng ngón tay vội vã
không hay lòng em băng giá
không hay tim em đứng đưng*

*Trước ồn ào bày tỏ
em co cụm ngôn ngữ bảo vệ mình
như con nhím xù lông
dù trước một cành khô gãy*

*Xin thứ lỗi
em đã chìm trong đại dương ấy
đã thành rong rêu...*

Tại sao mình gặp nhau

September 25

*Nếu em đừng gặp anh
Đêm sẽ không thao thức
Hơi thở đầy lồng ngực
Khỏi rộn ràng nôn nao*

*Thế mà cứ gặp nhau
Mình như cành gãy lá
Một chút gì keo sơn
Giữ đời ta ở đó*

*Một chút gì như lụa
Buộc đời ta vào nhau*

*Ngày ấy anh ở đâu
Ngày em còn mắt biếc
Hôn em còn đầy sao
Môi ngọt lời hò hẹn*

*Tình yêu như tiếng sét
Nếu như mình gặp nhau*

*Nếu như mình gặp nhau
Thơ sẽ thành truyện nhỏ
Hồn anh về đậu đó
Yên tĩnh suốt mùa yêu*

*Nếu như mình gặp nhau
Anh sẽ đầy thắc mắc
Sao có loài sen trắng
Nở đầy kênh rạch anh
Sao có chùm nho xanh
Lửng lơ vờn miệng cáo
Sao có em bên mình*

*Nhỏ như là túi áo
Lớn như là bà tiên...*

*Muốn quên mà không quên
Ngỡ hồn mình quá chặt...*

*Ngày ấy anh ở đâu?
Em thôi là thiếu nữ
Sao mình còn gặp nhau.*

Trong bài: *Phạm Thị Ngọc Liên* xuất bản tập truyện ngắn thứ hai, Thất Sơn viết:

Nhà văn Nguyễn Đông Thức nhận xét: "Ngọc Liên là một nhà thơ nổi tiếng với những bài thơ tình, thế nhưng, đọc truyện của chị lại hiếm thấy tâm hồn thơ chen vào. Các câu chuyện được kể với giọng rất lạnh, tỉnh, bút pháp nhiều chỗ cứng cõi..."

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Thị Ngọc Liên Web: thica.net
- *Cây liễu sam* Web: baomoi.com

20. Trần Đức Tiến



Trần Đức Tiến (1953-20)

Nhà văn Trần Đức Tiến sinh ngày 02 tháng 5 năm 1953, tại làng Cao Đà, xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Trưởng thành ở Hà Nội từ năm 1970 đến năm 1986.

Năm 1975, tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Cuối 1986 chuyển vào sống ở Vũng Tàu.

Nguyên Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ 1996. Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá 8, Trưởng ban Công tác nhà văn khu vực miền Đông Nam Bộ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Trần Đức Tiến đã nhận được các giải thưởng:

- Giải nhất truyện ngắn báo *Người Hà Nội* (1986)
- Giải nhì truyện ngắn tạp chí *Văn nghệ Quân đội* (năm 1987 và 1990)
- Giải nhất cuộc thi Tiểu thuyết và truyện ngắn của Nhà xuất bản Hà Nội (1993),
- Giải B của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp Các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam (2004),
- Giải nhất viết cho thiếu nhi của Hội Nhà văn và Bộ Giáo dục - Đào tạo (2005)
- Giải nhất cuộc vận động sáng tác văn học cho thiếu nhi do Nhà xuất bản Kim Đồng, Hội Nhà văn Hà Nội và Hội Nhà văn Đan Mạch tổ chức.
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2011 cho tập truyện *Lông và tuột*.

Tác phẩm:

- *Linh hồn bị đánh cắp* (tiểu thuyết, 1990)
- *Bụi trần* (tiểu thuyết, 1992)
- *Bão đêm* (tập truyện ngắn, 1993)
- *Vương quốc vắng nụ cười* (tập truyện thiếu nhi, 1993)
- *Mười lăm năm mưa xối* (tập truyện, 1997)
- *Dế mùa thu* (tập truyện thiếu nhi, 1997)
- *Thằng Cúp* (tập truyện thiếu nhi, 2001)
- *Làm mèo* (truyện vừa thiếu nhi, 2003)
- *Tuyệt đối yên tĩnh* (tập truyện, 2004).
- *Trăng vùi trong cỏ* (tập truyện thiếu nhi, 2006)...
- *Lông và tuột* (tập truyện, 2010)

Trích văn:.

Lông và tuột

Y bấm nút khởi động chiếc điện thoại đi động. Màn hình sáng lên trong vài giây, rồi từ từ tối lại. Không có tin nhắn. Đem qua không có ai nhớ đến y. Không ai muốn nói, muốn chia sẻ với y điều gì trong lúc y ngủ và tắt máy. Giá như mọi sáng khác, y sẽ cất điện thoại vào một chỗ rồi bắt đầu những công việc hàng ngày của mình. Nhưng sáng nay, y lẩn mẩn giữ máy trong tay hồi lâu. Lấn mẩn nhấn phím mở danh bạ. Không hề có ý định gọi cho ai. Chậm rãi lướt một lượt từ trên xuống dưới. Những cái tên người xếp theo thứ tự ABC, cẩn thận, chính xác như trong từ điển. Mỗi tên kèm theo một dãy số. Số di động, số nhà riêng, số cơ quan. Anh (Hoàng). Anh (Kim). Ánh (Ngọc)... Chu (Vũ Duy). Cẩm (Hoàng Trọng)... Giao (Trần Bá)... Huyền (Thu), Hương (Minh)... Khả (Nguyễn)... Nhiều nhất vẫn T - Tảo, Tần, Tân, Tam, Tinh, Thu, Thúy, Tiến... Ít nhất vẫn S - chỉ có độc một mống: Sáng (Lê Xuân). Không ngờ trong máy của y lại lưu nhiều tên và số đến thế. Những máy trăm người. Thân thiết, hoặc đã từng gặp, từng quen. Những mối liên hệ còn giữ được. Và cả những mối liên hệ đã nhạt dần, lỏng ra, rụng hẳn. Lấn vào giữa những số máy còn sống - những số máy thường xuyên hoặc thỉnh thoảng còn hiện trên màn hình - là những số máy chết ngổ từ bao giờ. Y đã quên bằng chúng. Chúng nằm rải rác đây đó trong danh bạ như những bia mộ.

Chẳng hạn có một số máy kèm theo tên người như thế này: Yên. Mở ngoặc: Lê Kim.

Cứ như là cô ta đã lên vào cuộc đời y bằng một cái tên với mười con số sắp xếp ngẫu nhiên trong lúc y say khướt.

Những cơn say y đã từng trải qua... Say mửa cả mặt xanh mặt vàng. Say li bì qua ngày qua đêm không nuốt nổi thứ gì vào bụng. Say bò ra nhà, say đá ra quần, say xong tưởng chừa rượu cho đến chết. Vậy mà cũng có một lần khi tỉnh cơn say y lại sượng âm ỉ. Mọi chuyện diễn ra lạ lùng đến nỗi nhiều năm sau nhớ lại, y vẫn ngỡ mình chưa ra khỏi cơn mơ.

Ba thằng công chức xa nhà thổi cơm chung trong khu tập thể. Mấy lạng thịt phiêu, mấy bìa đậu phụ, rất nhiều rau sống và một can rượu trắng xách từ quê ra. Đến khi rượu chỉ còn lấp xấp dưới đáy can, hai thằng lặn ra sàn. Còn y sức nhớ ra khoản nợ. Y vay tiền của một chị làm cùng cơ quan. Vừa lĩnh lương xong, giờ là lúc nên trả. Chị này hơn y sáu tuổi, tính tình hào phóng, hình như cũng có nhiều thiện cảm với y hơn những người khác. Cho y vay nóng tiền. Thỉnh thoảng rủ y ra phố Gầm Cầu ăn trứng vịt lộn. Những quả trứng vịt lộn trong những năm đầu thập kỷ tám mươi của thế kỷ trước... Đây không phải trứng. Đây là thuốc bổ. Là nhân sâm. Vừa nuốt khỏi cổ rôm đã cắn nhôn nhốt khắp người, máu chạy giần giật. Trứng vịt lộn xoá đi khoảng cách tuổi tác. Trứng làm trẻ lại các tế bào, làm mới các quan niệm, đánh thức những ý tưởng bị bỏ đói và thúc cho chúng phóng vun vút.

Chiếc coóc-sê màu trắng chập chờn liệng xuống chiếu. Chiếc coóc-sê ngoại cỡ, như chiếc điều *cánh cóc* mà hồi còn trẻ con y vẫn thả lên trời. Hai bàn tay rất khỏe túm lấy tóc y ghì xuống. Những câu trách móc lặp đi lặp lại như điệp khúc: "hư quá, hư quá". Sau "hư quá" đột nhiên "chết rồi". Sau "chết rồi" vẫn sống nhăn và đòi "bắt đền". "Bắt đền gì"? "Bắt đền... cái này này". Đầu óc y vẫn còn đang lơ mơ. Chị chàng bèn vùng vằng kéo tay y ấn lên cái *này này*. Âm, mướt, phập phồng như bụng cá.

Sáng hôm sau y thức dậy trên chiếc giường hôi xì của mình trong khu tập thể. Một buổi sáng hiêm hoi thẳng đàn ông còn trẻ xa vợ không phải vén màn quay vào tường thủ dâm.

Lê Kim Yến. Cô ta là ai nhi? Cô ta làm gì, ở đâu? Quen biết y từ khi nào? Tại sao lại quen y? Bây giờ lấy búa bổ vào đầu có lẽ y cũng chịu. Vì thế, cái tên đã bị xoá đi trong trí nhớ kia (mặc dù vẫn còn được bảo hiểm bằng một dãy số cụ thể), cũng có vẻ giống một giấc mơ hơn là một sự thực. Như mấy chục

năm về trước, sau cái đêm đi trả nợ, vĩnh viễn không bao giờ còn trúng vịt lộn với phố Gầm Cầu. Đàn bà rất lạ. Họ thường có những cú phanh gấp, dừng đột ngột, đứng vào lúc cuộc phiêu lưu vừa khởi đi những vòng quay đầu tiên. Những ngày tiếp theo y đến cơ quan, vẫn ngồi gần chị chàng cho vay tiền, nhưng vẻ thân nhiên của người đàn bà khiến y chung hứng. Y mấy lần liếc trộm ngực áo chị ta. Đoan trang, kín đáo. Có đúng bên trong là chiếc coóc-sê to cỡ đó không nhỉ? Y liếc trộm cả xuống phía dưới. Nghiêm lạnh, xa vời. Thất vọng nào nê về cái bụng cá nóng hôi và sống động. Y đâm ra nghi hoặc tất cả. Những câu hỏi dai dẳng bám theo y. Những điều ngỡ thật hơn cả thật, thoát cái trở nên hư huyền. Con cá đã luôn ra khỏi tay y và lặn mất tăm.

Suýt nữa y nhấn nút gọi cho Lê Kim Yến.

Nếu cô ta trả lời, có thể y sẽ nhận ra, nhưng cũng có thể vẫn mù tịt. Y sẽ nói gì, làm gì tiếp theo? Suy đi tính lại, chỉ có mỗi cách mời đi uống cà phê là hay nhất. Đó là một giải pháp trung tính. Quán cà phê giống như nơi cắm cột mốc biên giới. Vừa tiếp giáp gần gũi, vừa khẳng định chủ quyền. Xem nào... Đã lâu lắm y bỏ thói quen ra ngồi quán cà phê lúc đầu ngày. Những quán cà phê trong thành phố đua nhau mọc lên, ồn ào, đông đúc. Y không chịu được những nơi đông người. Ngày trước, khi còn ra quán uống cà phê, y cũng chọn những quán nhỏ, vắng. *Trâm* chẳng hạn. Y thích đến *Trâm*, không phải vì cà phê *Trâm* ngon. Cũng không phải vì nhạc hay. Mà vì cái tên quán rất hợp với không khí quán. Bàn gỗ mộc sạch sẽ. Trên mỗi mặt bàn đặt chênh mảng một tách cà phê bằng gốm. Trong lòng tách, dưới đáy có lớp men màu nâu sẫm hết như lớp cà phê còn đọng lại. Mô hình tách-cà-phê-uống-dở luôn gây cho y cảm giác có một người nào đó vừa ở đây đứng lên. Người đó là ai? Người đó đi đâu rồi? Người đó đã chờ y, đã uống cạn sự nhẫn nại của mình mà y chưa tới.

Y nhấn nút, gọi Lê Kim Yên.

Hồi hộp đưa máy lên nghe.

Ở đầu kia mối quan hệ vừa được tái lập, chỉ vang lên những tiếng tút dài.

Giống như kẻ bị đẩy lên con đường do chính mình bắt ngờ tạo ra, sau nhiều năm, y một mình tới *Trâm*.

Thêm nhiều bàn ghế, căn phòng như hẹp lại. Nhạc mở to. Hoa cắm vội trên bàn. Và tất nhiên không còn những tách cà phê bằng gốm. Mùi khói thuốc lá trong phòng máy lạnh hăng hăng như kim châm vào lỗ mũi. Y tò mò nhìn quanh. Toàn những gương mặt lạ. Lách qua mấy dãy bàn, y chọn cho mình một chỗ ở cạnh cửa sổ. Khung cửa nhìn ra khoảnh vườn nhỏ có giàn chanh dây với những trái tròn tròn màu xanh non.

- Ngồi một mình à?

Những trái chanh vụt biến, sau cái vỗ vai khá nặng.

Lão già có mái tóc lờm chờm màu xi măng kéo ghế, ngồi xuống cạnh y.

Lão chủ cửa hàng vật liệu xây dựng. Lão *vòi nước*. Chết tiệt. Sao lão lại xuất hiện ở đây, vào đúng lúc này? Lúc này y chẳng có nhu cầu gì về vòi nước! Chỉ có vòi nước mới là lý do - lý do duy nhất - để y tìm đến lão, hay nói cho bình đẳng, hai người tìm đến nhau. Mối quan hệ đó được hình thành trên cơ sở sáu cái vòi nước ở nhà y. Một cái tưới cây. Một cái rửa bát. Một cái máy giặt. Và ba cái trong toilet. Sáu cái vòi thay nhau hỏng. Chúng chỉ hỏng vì mỗi cái joăng cao su ở bên trong mới tức. Nước cứ rỉ ra từng giọt. Thế là phải thay cả vòi. Y đến cửa hàng vật liệu xây dựng đầu phố, nơi chất ngổn ngang những xi

mãng, gạch ngói, cát sỏi, đồ trang trí nội thất... và hàng trăm thứ đồ linh linh tinh khác, chỉ để tìm mua vôi. Rồi gọi luôn lão là lão *vòi nước* cho tiện. Mãi gần đây, khi bán chiếc vôi mới cho y, lão thông báo: tất cả các loại vôi bây giờ đều có joăng thay thế. Lão khuyên mãi cho y liền một lúc năm cái joăng mới tinh. Những cái joăng sơ cua chưa dùng hết.

Y miễn cưỡng chấp nhận tình huống trở trêu:

- Anh uống gì?
- Thế cậu uống gì?
- Em kêu rồi. Cà phê đá.
- Cho tớ ly bưởi ép. Tớ chỉ uống cà phê vào buổi tối.

Y vẫy cô phục vụ, gọi thêm ly bưởi ép. Trong lúc chờ đợi, y chẳng biết nặn óc ra chuyện gì hay ho hơn là hỏi tiếp:

- Uống cà phê buổi tối mà anh không sợ mất ngủ à?
- Tớ dùng cà phê buổi sáng thì đến đêm mất ngủ. Còn dùng buổi tối thì đến sáng hôm sau mới thấy tỉnh như sáo - Lão *vòi nước* cười ồ ồ - Cái gì vào tớ cũng bị chậm hơn người...

Cà phê và bưởi ép cùng lúc được đưa ra.

- Bưởi ép rất có lợi cho tiêu hoá. Chẳng hiểu cậu thế nào, chứ tớ rất khoái được tống cái thứ khí thải ra khỏi người. Ở nhà thì khỏi phải nói, mặc kệ vợ con, tớ cứ thoải mái nện từng phát. Bùm! Bùm! Còn lỡ khi đang ở ngoài đường đông người, thì phải nhịn cho đến lúc có chiếc ô tô hay xe máy nào chạy qua. Pạch pạch! Tít... Chẳng có đứa quái nào nghe thấy.

Lão *vòi nước* lại cười như một cái vòi mở hết cỡ.

Y sợ người liếc trộm mấy bàn xung quanh. May nhạc mở to, người nào chuyện ấy, chẳng ma nào để ý.

- Cậu có hiểu gì về thị trường chứng khoán không?

- Không.

- Tớ cũng đếch hiểu. Nhưng thiên hạ thì sôi lên sùng sục - Lão vung tờ báo mới lên - Báo viết có thằng sớm mai tỉnh dậy đã vớ trong tay bạc tỉ. Thấy chúng nó đua nhau làm ăn, mình cứ ớ ra như người bị mất tiền cậu ạ.

Chiếc điện thoại trong túi quần y đổ chuông. Y lấy máy, nhìn hàng chữ hiện trên màn hình. Nét mặt thoáng thay đổi.

- A lô! - Y háng giọng, nhắc lại - A lô... A lô! Tôi nghe đây...

Đầu bên kia im phăng phắc.

- Thôi chết! Cậu hẹn với bạn à? Tớ vô ý quá, vô ý quá!

Lão *vòi nước* dốc tuột ly bưởi ép vào miệng. Những viên đá chưa kịp tan xô nhau lóc cóc. Lão cuộn tròn tờ báo, đứng lên bắt tay y. Bàn tay thô nhám cứng như sắt. Lão còn kịp ghé tai y bỏ nhỏ thêm một câu:

- Nước bưởi nhanh tệt. Ra cửa thể nào tớ cũng "bùm"!

Đợi cho lão *vòi nước* khuất sau cánh cửa, y cũng đi vào buồng vệ sinh.

Y đứng trong đó khá lâu. Vừa tiểu vừa nghĩ về cú điện thoại vừa rồi. Dòng nước tiểu nhỏ và chậm, đôi lúc suýt bị ngắt

quãng, như chảy ra từ cái vòi bị hỏng. Những ý nghĩ lan man trong đầu y. Rõ ràng cái tên đó vừa hiện ra trong máy. Cô ta đã gọi lại. Có thể vì cú điện thoại của y gọi cho cô ta lúc sáng. Nhưng tại sao cô ta chỉ im lặng? Y gặp những trường hợp tương tự như thế này ở đâu rồi nhỉ? Với ai nhỉ?... A, thường là với mấy cô điếm trong quán bia ôm. Đúng thế. Họ vẫn thường có kiêu thãm dò thận trọng như vậy. Để tránh sa vào các thứ bẫy. Để thêm một lần cân đong lại giá trị của mình. Để kiểm tra chất lượng những lời hứa hẹn, thề thốt từ những cái miệng đầy mùi rượu của bọn đàn ông. Không loại trừ một ít mặc cảm tội lỗi, cũng như sự giằng co tranh đấu ngoạn mục giữa phẩm hạnh và bùn lầy...

Những viên thuốc vàng vàng xanh xanh trong bồn tiểu bốc mùi mãnh liệt, hăng gắt hơn cả khói thuốc lá. Mấy giọt nước tiểu còn lại sồn ra chiếc quần lót. Ươn ướt, lạnh lạnh ở bên đùi. Y tặc lưỡi, kéo khoá quần.

Ra khỏi buồng vệ sinh, y đến ngồi chỗ cũ. Mảng quần lót vẫn dính dính vào háng... Bao giờ ngồi bên cạnh những cô điếm trong quán bia ôm, y cũng làm ra bộ trầm trọng. Hỏi em có ngại không, có sợ không? Rồi khe khẽ đổi lại tư thế ngồi cho dương vật đang cương lên khỏi tức. Em đừng ngại, đừng sợ. Anh không như những thằng đàn ông khác đâu. (Đến chỗ này, gặp đứ con gái nào sành sỏi là nó sẽ trắng trợn tóm ngay vào cửa quý của y để kiểm tra độ thành thật). Những thằng đàn ông khác là những thằng bạn y đang ngồi xung quanh đây này. Những thằng đàn ông vừa tọng cho đầy rượu thịt ngoài quán nhậu, vào đây vớ được đùi non vú mẩy là mê mụ đi, là mắ mồi mắ mồi lợi nghiêng ngáu. Anh không như chúng nó. (Á à). Anh xin phép được quàng tay ôm em. Xin phép được hôn lên cái nốt ruồi trên ngực em. Nữa, xoè tay ra để anh xem bói cho. Những đường chỉ tay rách nát mã hoá cuộc đời của những cô gái điếm. Y chẳng đọc được mẹ gì ở những đường chỉ tay ấy. Y nhẹ nhàng nâng niu khếp những ngón tay ngoạn ngoạn (hoặc

tạm thời ngoan ngoãn) của các cô lại. Rồi thở dài. Hoàn thành xuất sắc màn giáo đầu có tên là "*Lòng trắng ẩn của anh có thừa, chỉ mỗi tội tiền hơi bị kẹt*".

Thật chẳng hơn gì chút!

Áy thế mà cũng có đứm cảm động vãi nước mắt, tiễn y ra cửa còn dầm dúi cho số phen.

Có tiếng chuông điện thoại reo vang trong túi quần.

Y háp tấp lôi máy ra. Trên màn hình là một số máy lạ hoắc.

"Xin lỗi. Có phải bác Y nghe máy không ạ"?

Một giọng đàn ông từ tốn vang lên.

"Vâng... Tôi đây... Y đây".

"May quá. Mời bác mười giờ đến nhà hàng Con Lừa. Đúng mười giờ sáng nay bác nhé".

"Anh là..."?

"Em đây... Em là cháu ngoại cụ Lang Gừng ở xóm Giữa... Hôm nay họp đồng hương mà bác? Bác chưa nhận được thư mời à? Ban tổ chức chúng em hỏi thăm mãi mới xin được số điện thoại của bác. Năm nào vào ngày này làng mình cũng tổ chức họp đồng hương. Bác nhớ đến cho vui nhé".

Ôi trời ơi! Y vừa ngán ngẫm, vừa muốn phì cười. Y rời khỏi làng năm mười bảy tuổi, và bây giờ đã ngoài năm mươi. Hơn ba mươi năm chỉ có vài lần về thăm quê, lần nào cũng như khách lạ. Những sợi dây liên hệ cuối cùng đã đứt từ lâu. Bố mẹ không còn. Anh em ly tán. Không còn bất cứ điều gì ràng buộc,

núi kéo y. Y ghét những cuộc tụ tập đông người để nhấm nháp món nước dùng nhạt hoét có tên là kỷ niệm. Hội đồng hương. Hội trường. Hội lớp... Y đã từng kinh ngạc khi một hôm bất ngờ nhận được bản danh sách dài những bạn học cùng lớp thời sinh viên. Bản danh sách với đầy đủ tên họ, địa chỉ, nơi làm việc, số điện thoại, thậm chí cả chức vụ của từng người. Tên họ y, những thông tin về y cũng đầy đủ, chính xác như luôn luôn có một cặp mắt, một bàn tay vô hình nào đó dõi theo và cập nhật. Nhưng y đã quên biến một số kẻ có tên trong danh sách đó. Và một số kẻ khác thì chưa bao giờ có ý định gặp lại. Giống như một hành khách đã nhảy lên chuyến tàu của đời mình, y cứ muốn tàu chạy thẳng một lèo đến ga cuối cùng. Y kiên quyết nói KHÔNG với việc ngoái đầu nhìn lại ga cũ... Thế mà vẫn chưa được buông tha. Lại còn gì ấy nhỉ? Cụ Lang Gùng. Xóm Giữa. Nhà hàng Con Lừa. Ha ha... Thật khéo chọn. Họp đồng hương ở nhà hàng Con Lừa! Đồng hương tỉnh chưa chán thì đồng hương huyện. Và bây giờ là đồng hương làng.

Y tắt phụt máy. Lại thấy buồn đái.

Lần này không có giọt nước tiểu nào sồn ra quần.

Cái tên Lê Kim Yên cứ mãi luẩn quẩn trong đầu y. Không hiểu sao nó lại gọi cho y nhớ đến một người. Thấp thoáng. Một phụ nữ không mang tên đó. Cũng không phải điểm. Có nghĩa là lạnh lặn trong con mắt của tất cả những người bình thường. Nàng khoảng bốn mươi tuổi. Một viên chức nhà nước hảnh hoi, thậm chí còn là một viên chức ở một cơ quan sang trọng. Chỉ có một điểm khiến y hơi phàn nàn (thậm trong bụng) là làn da giữa hai bầu vú của nàng. Nó khô và gợn lên vô số những nếp nhăn li ti...

Rủ nhau lên đi cà phê, đi ăn trưa. Sau nhiều lần đưa nhau vào khách sạn ôm ấp, hôn hít và làm đủ mọi thứ trò khi khác, nàng mới chịu cúi xuống tự cởi giày. Còn váy thì để nguyên. Trong

lúc y cuống quýt thu xếp một tư thế, nằng rên rĩ như hồi hận, như bị xúc phạm. Chỉ có cặp đùi nằng không biết nói dối, cứ vô tư khuyến khích y. Xong việc, y ngồi dậy, thở. Nằng cũng vùng ngay dậy. Rồi bỗng nhiên nổi cơn cố, tiện tay vớ được thứ gì ném vung đi thứ ấy. Gối. Chăn. Quần lót. Túi xách... Này cả nê này! Này mềm yếu này! Này nhẹ dạ này! Này lú lẫn này!... Cho đến khi vẫn thấy y ngồi đực mặt như đang xem một trò diễn, nằng bèn vùng vằng kéo vạt váy nhàu nhĩ xuống (lúc này vẫn chưa cởi ra khỏi người) chạy thẳng vào toilet, vịn nước xoè xoè.

Vài ngày sau, y thì thăm tâm sự với một thằng bạn, cả hai ngã ngửa người... Hai thằng nằm gác đùi lên nhau, cười hô hô, tranh nhau kể ra những tình huống, những câu nói, những việc làm. Tối hôm trước nó thề thốt với mày thì tối hôm sau nó ngã vào lòng tao. Nó ném chăn ném gối với mày trên giường thì nó sụt sùi đau đớn véo tai dứt tóc tao ăn vạ. Nhưng cái gì cũng có giá cả đấy. Nó bòn mày con di động thì nó mời tao sợi dây chuyền... Cứ thế, công khai, ráo hoảnh, những mảnh tình chim chuột của hai thằng đàn ông với một con đàn bà được trưng ra bằng hết, và chúng giống hết nhau như những bản photocopy. Cả hai thằng bí mật ngoéo tay nhau cùng ngoảnh mặt với nằng. Để mặc nằng tiếp tục đóng vai con nai vàng ngơ ngác...

Sau lần ấy, y bắt đầu quen dần với việc đi chơi điếm. Và thăm nghĩ rằng đàn bà chẳng khác nhau bao nhiêu.

Y lấy điện thoại, mở thật nhanh danh bạ tìm đến cái tên Lê Kim Yến. Bấm máy gọi.

Sau hai hồi chuông, đầu kia có người bắt máy.

"A lô" - Y hồi hộp lên tiếng.

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

Không ai trả lời. Chỉ nghe tiếng thì thào. Rồi bỗng nhiên có tiếng cười. Tiếng phụ nữ cười. Một người. Hai, ba người cùng chụm đầu vào nhau cười. Khúc khích.

Y tắt máy, ngẩng lên.

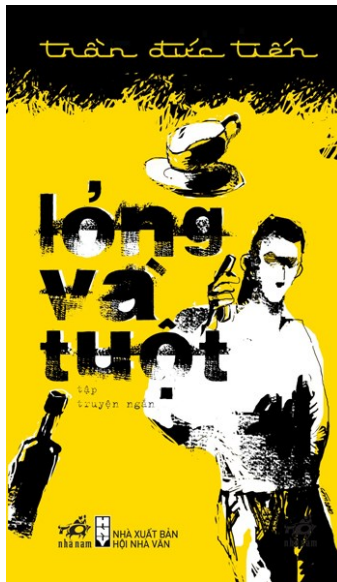
Quán cà phê vắng ngắt.

Những người khách cuối cùng đã rời khỏi quán từ khi nào.

Buổi sáng dài đằng đẵng như trôi qua trong sương mù. Hình như y cũng đang dập dềnh trôi đi đâu đó. Mọi thứ đang lần lượt tuột ra khỏi tay y.

Nửa tiếng sau ở nhà hàng Con Lừa, giữa những người đồng hương xa lạ, y giật mình phát hiện ra khoá quần vẫn mở...

(Tháng 2-2007)



Trong bài: Nhà văn Trần Đức Tiến - Người chứng cất “Truyện ngắn nguyên chất”, Lục Hạ viết:

“Truyện ngắn của Trần Đức Tiến là thứ truyện nguyên chất sát gần với cuộc sống, vừa lột tả sâu xa con người. Nhiều tác phẩm văn xuôi có những trang đẹp như thơ, những thân phận gai góc ... có thể chuyển thể, truyện ngắn của Trần Đức Tiến khó chuyển thể được như vậy. Nhưng không phải vì thế mà người đọc không nhớ lâu. Chính những thứ tưởng chừng chẳng có gì đặc biệt ấy, từ ngôn ngữ, đề tài, không gian, nhân vật... như thể bất kể ở chỗ nào, xó xỉnh nào được tác giả để mắt tới là nhật được ngay một truyện ngắn. Không có tên, không có tuổi, không rõ khuôn mặt, quê quán... . Đó sẽ là thứ nhân vật đồng dạng của tâm hồn tác giả cũng như mỗi chúng ta.

“Lông và tuột”, cũng như nhiều tác phẩm văn học đã và đang hoàn thành, có lẽ Trần Đức Tiến muốn đưa ra một quan niệm khác về văn học. Có thể không mới trong quan niệm văn chương của nhiều người đã và đang cầm bút nhưng hình như ngày hôm nay nó bị lãng quên, bỏ sót.”

Tài liệu tham khảo:

- Trần Đức Tiến Web: nhavantphcm.com.vn
- *Lông và tuột* Web: nhavantphcm.com.vn

21. Tôn Nữ Thu Thủy



Tôn Nữ Thu Thủy (1953-20)

Nhà thơ Tôn Nữ Thu Thủy sinh năm 1953 tại Huế, Thừa Thiên.

Nhà thơ Tôn Nữ Thu Thủy làm thơ rất sớm. Năm 1966, mới lên 13 tuổi đã có bài thơ *Vườn* đăng trên tạp chí dành cho thiếu nhi ở Sài Gòn.

Những năm trung học, học ở trường nữ Trung học Đồng Khánh Huế.

Năm 1974, thi đỗ Tú Tài toàn phần, sau đó theo học và tốt nghiệp Khoa văn, Đại học Sư phạm Huế năm 1978.

Năm 1976, khi về quê ngoại có cảm tác bài thơ *Khi dừng lại ở Truôi*, được đăng ở tạp chí *Văn nghệ Bình Trị Thiên*. Nhà thơ còn có bút danh là Diệu Anh, T.N. Thu Thủy.

Năm 1978, sau khi tốt nghiệp sư phạm, được phân bổ dạy học nhiều năm tại Nha Trang.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà thơ, nhà giáo Tôn Nữ Thu Thủy đã nhận được:

- Danh hiệu người “Phụ nữ tài năng” năm 1984 của tỉnh Phú Khánh.
- Tặng thưởng thơ 10 năm sau ngày giải phóng (1975 – 1985) của Hội Văn nghệ Nha Trang, Khánh Hòa.
- Tặng thưởng thơ hay năm 1993 và 1995 của *Tạp chí Nha Trang*.
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2007.

Là Hội Viên Hội Nhà Văn Tp. HCM, Hội viên hội Nhà văn Việt Nam.

Hiện nay nhà thơ Tôn Nữ Thu Thủy sinh sống tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Viết tặng ánh lửa* (thơ in chung, Văn nghệ Nha Trang, 1988)
- *Trái đất đang nóng dần lên* (thơ , Hội Nhà Văn, 1991)
- *Hoa Hồng xanh* (thơ thiếu nhi, Đồng Nai, 1998)
- *Mắt lá* (thơ , Trẻ, 2003)

Trích văn:

Duyên nghiệp đến với văn chương

Tuổi thơ của tôi đầy ắp những bài hát, những câu ca dao mà mẹ tôi đã hát, đã đọc cho tôi nghe vào các buổi trưa, chiều và những câu chuyện kể của ba tôi vào các buổi tối. Có lẽ niềm yêu thích văn học nghệ thuật của ba mẹ tôi đã truyền sang tôi tình cảm thật sự quý trọng văn chương. Khi vào học cấp ba phân ban ở trường Đồng Khánh – Huế, tôi đã chọn học ban văn chương, rồi thi vào khoa Văn trường Đại học Sư Phạm Huế.

Tôi đến với con đường sáng tác thơ văn từ những thôi thúc nội tại, từ những cảm ứng trước cuộc sống. Rồi những người bạn cầm bút của tôi xuất hiện với không khí văn nghệ ở nhưng miền đất tôi sinh sống cũng đã góp phần thúc đẩy tôi sáng tác, nhất là từ sau Giải phóng, ở Huế, Nha Trang, và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tác phẩm đầu tay :

Vườn là bài thơ đầu tiên tôi viết vào năm 13 tuổi, đăng ở mục thơ văn dành cho thiếu niên nhi đồng của một tờ báo ở Sài Gòn, năm 1966. Sau Giải phóng, bài thơ *Khi dừng lại ở Truồi* viết từ cảm xúc về quê ngoại của tôi khi đất nước vừa thống nhất, năm 1976, đã đăng ở Tạp chí Văn nghệ Bình Trị Thiên.

- Bài viết có tác động đến cuộc sống chung quanh mình :

Qua các mốc điểm thời gian, tôi có thể kể đến các bài thơ *Ngày thường*, *Trở về Vĩ Dạ*, *Trái đất đang nóng dần lên*, *Sen...* là những bài thơ được nhiều bạn đọc nhắc đến.

Bài thơ *Trái đất đang nóng dần lên* (1991) có góp tiếng nói cảnh báo về sự tàn phá môi trường. Tôi đã có nhiều dịp đọc bài thơ này trong các chương trình thơ giao lưu tại TP. Hồ Chí Minh. Vào năm 2000, Đài Truyền hình Việt Nam có chọn bài thơ để bình giới thiệu trong chương trình “Đến với bài thơ hay”.

Thơ ca luôn là tặng phẩm cho đời. Nhưng những bài thơ chỉ thật sự có ý nghĩa khi bằng cách riêng nâng đỡ được tinh thần của người viết lẫn người đọc, mang lại sự chia sẻ, sự đồng cảm, niềm vui, niềm tin trong hiện tại và cả trong tương lai...

Biết rằng con đường sáng tác văn học vốn không bằng phẳng, dễ dàng, tôi vẫn tự nhắc mình học hỏi không ngừng ở cuộc

HUỶNH ÁI TÔNG

sống, và mong đón nhận được sự chia sẻ từ những người thân, từ bạn bè đồng nghiệp, từ người đọc... để tôi có thể mãi tận lực cầm bút.

Trích thơ:

Ngày thường

*Ủ trong màu lá xanh tươi
Căn nhà ở đó cho tôi lại về
Sau lưng là chuyến tàu đi
Con đường mây nắng mùa hè chứa chan
Một ngày về theo thời gian
Trái tim rung tiếng chuông vang với ngày.*

*Tôi bắt đầu ở nơi đây
Bắt đầu cùng cội cùng cây thăm cảnh
Bắt đầu như chim manh manh
Vút bay qua giữa trời xanh nao lòng
Bắt đầu ngọn lửa bếp nòng
Bàn tay quét lá rụng trong sân thềm
Bàn tay nhặt ngọn rau mềm
Vấn vương ý cũ nổi niêm ca dao.*

*Tôi đang đứng giữa vườn sau
Nụ cười của mẹ thắm vào không gian
Lời cha sau trước bảo ban
Cuộc đời lớn rộng lòng vàng bền lâu
Chẳng nên như gió kia đâu
Thoảng qua hoa cỏ lại rầu im hơi*

*Em tôi yêu quý trò chơi
Tuổi thơ là trái gọi mời mai kia.*

*Tôi ngồi đứng giữa khoắt khuya
Cánh sao trời cũ vẫn chia mộng người*

*Chẳng hề mất chẳng hề vui
Ngày thường tiếp nối đắp bồi tình yêu*

.....

Trở về Vĩ Dạ

*Vườn vẫn đọng lại sắc xanh
Xứ sở của chim và mùi hương thanh sạch
Dấu chổi quét ban mai còn hằn trên đất
Chị đi đâu hàng chèo tàu rung bên tôi.*

*Nhưng chị ẩn hiện ở đóa nhài tươi.
Hoa ngọc nữ hoa lan hoa dạ hợp
Giàn mướp bầu tốt tươi che rợp
Lu nước trong cái gáo úp ngang.*

*Căn nhà nhỏ chị sống bao năm
Nỗi kiên tâm dày hơn rêu phủ
Dấu cơn mưa làm nón chị chảy tan, nắng
quá quắt như lửa
Chị vẫn đỡ dần công việc xóm thôn.*

*Chị tôi yêu sao đêm xanh biếc chẳng âm vang
Từng đôi chim âm thầm xây nên tổ
Đá xám lót con đường, chuỗi cau vườn đã trở
Đời thường làm riu rít sớm hôm.*

*Chị như cây cầu sao tôi lại là dòng sông
Để suốt đời mang theo bóng dáng
Chị như trời xanh sao tôi lại là ngọn gió
Để ra đi để trở về
thêm thương chân trời cội rễ
Thêm yêu đời
từ chấm sáng
quê hương*

HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày bên biển

*Ngõ ngang bước qua thềm đá
Ta như hoa dại ngày vàng
Nắng từ thửa nào tụ lại
Nụ cười ngược gió thênh thang.*

*Kể với bầu trời gạch nối
Cát bụi thân quen con đường
Trên một lối mở rất mới
Hàng dương cũng đậm làn hương.*

*Vây quanh tiếng người vội vội
Mây qua thuyền qua vòng đời
Một quyển sách trời ghi mãi
Tình người xanh trên hai vai.*

*Biển là chiếc đàn chưa mất
Kể với ta từng thanh âm
Cuồn cuộn sóng trần trôi khuất
Còn bản giao hưởng nồng nàn.*

*Đi qua, đi qua từng bước
Cát lã như cổ tích nào
Nụ mầm yêu thương sau trước
Biển và người nhìn thấy nhau.*

Hội An

*Chiếc khăn quàng lạ lùng
Dệt từ hơi mát mưa xuân
Bao tranh màu nồng ắm
Vẻ nhỏ nhoi thắm lãng con đường*

*Hương thơm bấp nướng lò than
Chiếc khăn quàng nồng nàn*

Như môi cười
Như mắt nhìn
Như sự gằn gữ
Thả lên vai Hội An
Ngói không thể cũ hơn
Mái cầu cong, những viên gạch nâu, hoa văn sành sứ
không thể im lặng tỏ bày hơn nữa

Tôi có được
Những điều còn lại
Bước chân ai
Bối rối
Khẽ khàng
Qua đây
Trở lại đây
Thiên thu.

Đừng tan loãng

Giữ cho em bờ hoa cỏ ấy
Giữ lại trời sao con đường bóng mây
Bên cát bụi tháng ngày chất ngất
Giữ cho em bóng chim bay.
Giữ lại một ngày ta như lá
Xanh giữa trưa vàng êm ả ru
Có một niềm vui thường im lặng
Có bao giờ nói hết mùa thu.
Giữ lại ngày kia trong bão rớt
Gió điên cuồng tim nép bên nhau
Niềm hy vọng xanh phía trước
Nỗi yêu thương che lấp mưa mau.
Giữ cho em dòng sông man mác
Có khoảng đời tan loãng trôi qua
Chỉ cái nhìn xanh nguyên như trước
Anh thấy không mùa ấy chưa qua.

Mẹ và lá vườn

Mảnh góm xanh lá chuối
Cửa vào chiều
Nhớ thương.

Ngày con chơi ù mọi, đếm sao
Mẹ ra chăm vườn sau bên lá
Hơi thở của lá có mẹ
Ngọn lá vươn cao.

Ngày con lớn lên ngôi ngóng mùa xuân
Mẹ trải lá phơi cho ngày Tết
Mẹ gói cả tấm tình trong thếp lá
Cho con làn hương thương yêu.

Ngày con hong tóc vườn thu
Mẹ cắt lá dọn vườn mùa gió
Cuộn lá non hát lên rặng rờ
Khoảnh khắc thiết tha.

Nhiều khi
Lá là vông nôi
Lót ổ cho niềm sương giá
Vòng đời quay tròn
Lá nói dài, mở ra.

Men góm nắng chiều
Ánh lên màu lá
Đường gân xanh
Vẫn là lá chuối trong vườn của mẹ
Ở nội thành
Mẹ ơi.

Người đưa đồ quăng văng

(Tặng các cô giáo dạy lớp học tình thương...)

*Không huân chương, chẳng nhận bằng khen
Em, chỉ giản đơn là cô giáo từ xa đến
Rất tình cờ mà cũng như thể có duyên.
Em là người nâng đỡ những tâm hồn thơ trẻ
Lớn lên thiếu tình thương cha mẹ,
Không gia đình, thiếu cả những bữa cơm.
Vừa cô giáo vừa là người nuôi dưỡng.
Em mang niềm vui hòa lẫn nụ cười,
Đem khiến thức ăn vào trong nhận thức.
Những đứa trẻ ở đây, với khó khăn kia là thực
Chỉ có tiếng gọi mẹ còn ngượng nghịu chung chung.
Gọi là trường, nhưng thực là một mái ấm tình thương.
Khóanh đất trống ,một người dân cho mượn
Dựng căn nhà,ngày làm xưởng thêu ren.
Là chỗ về của những mảnh đời không may mắn
Em về đây mở lớp dạy chữ ban đêm...
Vì một lẽ ban ngày có ai đâu mà dạy!
Học trò cao thấp, lớn bé ngồi chung thành dãy
Đĩa ê a đánh vần, đĩa làm toán say mê.
Thời gian trôi cùng năm tháng qua đi,
Thấm thoát mà đã hai mươi năm có lẽ.
Người đến rồi đi, chỉ có em âm thầm lặng lẽ,
Góp sức cho đời, tận tảo sớm hôm không ngại
Em, cô gái sinh ra và lớn lên giữa lòng thành phố
Về đây tình cờ, rồi trở thành gấn bó
Ai có hỏi động cơ nào mà em ở lại nơi đây
Bẽn lẽn cười, rồi em cúi mặt cánh cỏ may...*

(chiều 15-11-2013)

Khoảng lặng

(...viết tặng một chị là cô giáo ...)

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thời gian trôi đi, công việc dẫu bận bịu
Lái đò chở bao chuyên, bàn giao bao thế hệ.
Em quên cả hạnh phúc riêng mình, qua đi tuổi trẻ.
Người ta ví em là người đưa đò không bán vé,
Quãng vắng sông đời, em bẻ lái bao đêm
Cô giáo là em, báo mẫu cũng là em.
Sắp nhỏ từ mọi nơi về đây học tập rồi lớn lên,
Con đò chở người đi mấy mươi năm lặng lẽ.
Tuổi xuân thì chỉ còn lại những ngày qua
Cô giáo trẻ năm xưa nay đã luôm tuôi
Mái tóc xanh mượt năm nào giờ lấm tẩm sương pha.
Tuổi đuổi xuân đi, thân hình thêm còm cõi.
Những hoài ước trong tim vẫn còn nóng hổi.
Cuộc sống thanh tao đẹp để cứ vô thường.
Em, cô giáo, người đưa đò quãng vắng
Chở dòng đời, lam lũ nhọc nhằn buông.*

(vt – 15-11-2013)

Thương cho số phận

(... lại một cô gái lấy chồng ngoại...)

*Đông chợt về, em cất bước ra đi
Sắc thu tan vội vàng, chiều ảm đạm
Gió phàn phật, cây ngả nghiêng xơ xác
Con bão tiền Thu quật vào trời rạt rạt*

*Cái rét chớm Đông làm tim ai quặn thắt
Cái lạnh lòng, cảm buốt mím môi đau
Nước mắt lưng tròng, âu số phận!
Phận đàn bà, ray rứt viễn quê xa...*

*Sương mờ trắng đất trời mù mịt quá!
Thuận lòng trời, nơi đó chốn vẫn mình*

*Em đi đi, ta đứng ngẫm một mình!
Thương cho em cảm cảnh lầy chông xa*

*Biết đau đớn mà chưa hề xoa dịu
Muốn cứa thêm cho máu tứa, thịt tan
Đứng nhìn em trong màn đêm sương trắng
Ta gay gắt, hay em đã chọn lối*

*Em làm cô dâu, sáng sớm nay vội vội
Cuối Thu rồi, trời đã chớm lập Đông
Thôi thì em đi! Dù chẳng chút yên lòng
Cứ như thể Thu đi rồi trời Đông co dùm lại*

*Cứ như thể ra đi là mãi mãi...
Sự tại nhân, nào phải sự tại thiên.*

(NT3- vt 9-11-13)

Người đàn bà mộng du
(...thấy một người điên..)

*Người ta gọi em là “mụ điên”
Ôi sao nghe chát chúa!
Người đàn bà trong em
Chỉ bị mộng du thôi*

*Tình yêu đầu hóa thành mây khói
Nên thân xác mộng du
Lạc mất đường về
Hoặc đã về nhầm một nơi khác*

*Em từ đó
Hồn phiêu du, xác dật dờ
Em của ngày chưa mộng du
Sẽ không còn là em nữa*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Dang dở một mối tình
Bạc nhược với thời gian
Người đàn bà trong em
Một lần không mộng寐*

*Nhận ra yêu không có lỗi
Như người ta thường kết tội!
Phần xác nay bỗng muốn trở về
Với phần hồn bao năm lạc lối*

*Đừng nói em điên mà tội lỗi
Em chỉ hồn phiêu du, xác dật dờ
Người đàn bà chưa hết mộng du*

(vt- 5-11-2013)

Trong bài: *Tôn Nữ Thu Thủy* : thơ chua xót niềm u uẩn chia lìa Tần Hoài Dạ Vũ viết:

“Ngôn ngữ thơ *Tôn Nữ Thu Thủy* mang chất trí tuệ. nên tôi có thể tin rằng, dù *Tôn Nữ Thu Thủy* mới nhập vào làng thơ tp. HCM từ 4, 5 năm nay, lại là một phụ nữ sống lặng lẽ, ít khi thấy xuất hiện trước đám đông - nên các bạn trẻ hôm nay, ở thành phố này, có thể ít biết đến, nhất là ít đọc *Tôn Nữ Thu Thủy*. (...) và *Tôn Nữ Thu Thủy* sẽ là một nhà thơ còn được đọc trong những năm sau, vì rõ ràng, thơ *Tôn Nữ Thu Thủy* chịu được sự đọc lại.”

Tài liệu tham khảo:

- *Tôn Nữ Thanh Thủy* Web: nhavantphcm.com.vn
- *Duyên nghiệp đến với văn chương* Web: donghuongtth.com

22. Bùi Chí Vinh



Bùi Chí Vinh (1954-20)

Nhà thơ Bùi Chí Vinh sinh ngày 23 tháng 10 năm 1954 tại Sài Gòn.

Bùi Chí Vinh có năng khiếu về hội họa và văn chương nên năm 9 tuổi đã vẽ tranh dự thi đoạt giải Hội Họa Thiếu Nhi Châu Á với bức tranh màu nước “Quang Trung hành quân” năm 1963.

Năm 15 tuổi viết truyện dự thi đoạt giải thưởng cuộc thi truyện ngắn "Viết trên quê hương điêu tàn" của nhật báo Tin Sáng năm 1969.

Sau 30-4-1975, Bùi Chí Vinh đi bộ đội, có phục vụ trong đơn vị Đặc Công Thủy E 10 Rừng Sát, thuộc Bộ Tư Lệnh Thành phố HCM.

Ngoài viết văn, làm thơ, viết kịch bản phim, Bùi Chí Vinh còn vẽ tranh.

Năm 2012, triển lãm tranh với chủ đề “Ngày sinh của Ngựa” tại Nhà bảo tàng Tp. HCM.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 2013, từ 12 đến 16-10 triển lãm “55 tranh sơn dầu Bùi Chí Vinh” tại Nhà triển lãm Tp. HCM.

Bùi Chí Vinh đã nhận được các giải thưởng:

- Giải Hội Họa Thiếu Nhi Châu Á với bức tranh màu nước “Quang Trung hành quân” năm 1963.
- Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn "Viết trên quê hương diêu tàn" của nhật báo *Tin Sáng* năm 1969.
- Giải thưởng văn học TPHCM năm 1976-1977 với tập thơ *Hạnh phúc có thật*.
- Giải đặc biệt của lực lượng TNXP-TP với kịch thơ *Thành Taberd*.
- Giải thưởng Thơ Hay báo *Văn Nghệ* TPHCM với bài thơ *Blaô*.
- Tiểu thuyết *Tóc tiên* được độc giả báo *Mực Tím* bầu chọn là truyện hay nhất năm 1991.
- Bộ truyện phiêu lưu mạo hiểm thiếu niên 5 Sài Gòn (gồm 40 cuốn) được tặng thưởng đặc biệt của NXB Kim Đồng.

Nhà thơ Bùi Chí Vinh là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh. Ông hiện ở tại Tp. HCM, sống bằng nhuận bút viết truyện và kịch bản phim, không làm việc ở cơ quan nào.

Tác phẩm:

- *Thơ tình Bùi Chí Vinh* (thơ, Trẻ, 1989)
- *Yếu điệu thực nữ* (truyện, Long An, 1990)
- *Tóc tiên* (truyện, Long An, 1991)...
- *Luật nhân quả* (viết chung với Huỳnh Bá Thành, 1991)
- *Hải đại bàng* (Kim Đồng, 1992)
- *Tứ quái TKKG* (70 tập, phóng tác từ Stefan Wolf, Nxb Kim Đồng, 1994)
- *5 Sài Gòn* (40 tập, Kim Đồng, 1996-1997)

- *Ba trong một* (Kim Đồng, 2002)
- *Thơ đời Bùi Chí Vinh* (thơ, Trè, 2007)
- *Kịch thơ Thành Taberd* (kịch thơ)

Trích văn:

Thà lên... Bùi mãi, chẳng lên ngôi!

Trước khi gặp Bùi Giáng tôi đã từng nghe vài giai thoại về con diên của ông qua truyền khẩu và qua một tạp chí văn chương trước 30.4.1975. Tuy nhiên tiếp xúc trực tiếp với ông thì... tưởng vậy mà không phải vậy.

Cuộc tiếp xúc đầu tiên diễn ra cách đây 25 năm khi tôi và mấy huynh đệ giang hồ ngồi cụng ly nửa đêm ở góc chợ Gò Vấp. Trong mấy huynh đệ có Lã Văn Cường, Vũ Ngọc Giao, Nguyễn Hải, Hồ Lê Thuần (con trai cố Bí thư Thành Đoàn Tp. HCM Hồ Hảo Hớn)... Chúng tôi nhậu nhằm vào lúc Bùi Giáng rời chùa Long Huệ gần đó ra chợ quây tung bùng khói lửa với một cây chổi rách tượng trưng cho ấn kiếm. Gọi là ấn kiếm vì Bùi Giáng luôn vỗ ngực xưng vương bất cứ lúc nào cao hứng. Đêm đó “vua cở” Bùi Giáng làm bà con chạy tán loạn và ông múa chổi tiến về phía chúng tôi. Ông vừa đi vừa “khắc thơ” rồi dòm trùng trùng vào mặt tôi. Trong cơn say xin ngắt trời, Hồ Lê Thuần xúi tôi đọc thơ đáp lễ. Thế là người ngồi người đứng xuất khẩu thành thi qua lại liên tục. Không biết Bùi tiên sinh “phê” thơ tôi ra sao, chỉ biết ông tự động quỳ xuống bần chúng tôi dâng cây chổi rách lên và tuyên bố: “*Đêm nay Trẫm thay mặt cựu hoàng Bảo Đại giao ấn kiếm cho thế hệ Hồ Chí Minh*”. Câu nói đầy tính “chính trị” và đối phó của Bùi Giáng bắt buộc tôi phải nhận cây chổi và làm một bài thơ tặng ông tại chỗ, có chép lại nhét túi ông đảng hoàng.

Cuộc hội ngộ thứ hai xảy ra khoảng đầu năm 1990 khi tôi chở hiền thê Hương Lan lúc đó mang bầu đứa con đầu lòng ghé

HUỶNH ÁI TÔNG

chơi nhà Nguyễn Lương Vy - thi sĩ kiêm trưởng Phòng Văn hoá thông tin quận Phú Nhuận. Tại phòng khách có mặt sẵn hai dị nhân Bùi Giáng và Joseph Huỳnh Văn. Sau khi làm thủ tục chào hỏi, Bùi tiên sinh hất hàm với tôi: “*Phu nhân của Bùi hậu sinh có chữa hả, đặt tên gì chưa?*”. Tôi trả lời rằng chưa thì Bùi Giáng vỗ bàn cái rầm: “*Trẫm đề nghị đặt tên cho hậu duệ Bùi hậu sinh là Bùi Vương. Bởi họ Bùi chưa có ai làm vua cả*”. Phát ngôn của Bùi Giáng làm cả bàn phì cười.

Chỉ cần hai ví dụ có nhân chứng, vật chứng trên đây tôi thiết tưởng đọc giả cũng đoán được Bùi tiên sinh điên hay tỉnh. Theo tôi, điên hay tỉnh tùy phản xạ và đề kháng của chính ông khi tiếp xúc với người lạ. Gặp kẻ ác, kẻ vô cảm, kẻ ăn hiếp phụ nữ trẻ con và súc vật thì ông điên tới bến. Còn gặp tâm hồn tri âm tri kỷ đồng điệu thì ông tỉnh táo như “trích tiên” Lý Bạch chứ sao!

Trích thơ:

Nỗi đau của mẹ Việt Nam

*Trước 1975 nhà tù nhiều hơn trường học
Sinh viên học sinh xuống đường biểu tình
Sau 1975 nhà tù nhiều hơn bệnh viện
Sao nhiều người ngậm miệng làm thinh?*

*Trước 1975 không ai tiếc máu hy sinh
Sẵn sàng đưa ngực hứng làn đạn bắn về đất nước
Sau 1975 từng giọt máu biến thành tiền
Máu một thằng nhà giàu đứt tay hơn toàn thể ăn mày đổ ruột*

*Sống trên tổ quốc mà như xa tổ quốc
Hoàng Sa, Trường Sa cuống rún bị đứt rời*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

*Quê hương có hiến pháp mà như quên hiến pháp
Luật dành cho tự do, dân chủ, công bằng cứ lút lút bốc hơi*

*Đồng Tiên Lãng Đoàn Văn Vươn bẻ nạng chống trời
Người nông dân khản hoang bị đàn áp công khai như phim
“Máu thấm đồng Nọc Nạn”
Nghị quyết chính đốn mới ra lò của Trung ương chẳng lẽ
để khơi khơi
Chẳng lẽ không dám bêu đầu những tên quan tham tạo
phản?*

*Nước mắt mẹ Âu Cơ khăng định miền Bắc hay miền Nam
đều con Hồng cháu Lạc
Nước mắt chảy từ Ái Nam Quan sang Bản Giốc xuống
giống nòi
Nước mắt đánh thức 50 con lên non, 50 con xuống biển
Bài học mở và giữ cõi bờ trước miệng bầy lang sói tanh
hôi...*

(Cuối tháng 1-2013)

Mẹ và con

*Như thế này đã bao nhiêu lần
Con trở về thân thể đầy nam tính
Mùi rượu, mùi mồ hôi đàn bà, mùi định mệnh
Bàn tay níu lấy ngôi nhà
Ngôi nhà thuở ấy trồng hoa
Con gái đi qua thành ý tứ
Con gái đi qua thành tâm sự
Con gái đi qua thành thơ
Con thả điều bay cho hết ước mơ
Ước mơ hết năm mười tám tuổi
Mẹ không còn xoa đầu con nổi
Mẹ muốn đầu con thờ phượng ông bà*

HUỶNH ÁI TÔNG

Mẹ muốn chân con đi đất như cha
Mẹ muốn bụng con thực thà như mẹ
Mẹ muốn trái tim con khoẻ
Để yêu thật nhiều người
Và dạ dày con khoẻ
Để ăn được bầu trời...

*

Nhưng để đến bầu trời
Con thụt lùi dưới đất
Người lớn đội cho con nón sắt
Thay bàn thờ ông bà
Người lớn dạy con hái hoa
Bằng cách xiết tay cò súng
Người lớn phát giày ống
Không để chân con trần
Vì đất không mọc cỏ
Đất nở toàn đạn bom

*

Con bị bắt lính cộng hòa ba năm
Ở tù không đếm lượt
Đầu và chân tay chết
Chỉ còn sống dạ dày
Dạ dày chứa ngô khoai
Vì mẹ muốn con ăn khoẻ
Và vì mẹ muốn con yêu khoẻ
Nên trái tim con mãi mãi còn
Con mang dạ dày nghèo và trái tim son
Năm 1975 về gõ cửa
Hăm một tuổi, con giấu biệt bao nhiêu binh lửa
Vào đôi mắt sắp già
Gặp mẹ, con chỉ chừa ra

*Cái bụng thực thà son trẻ
Cái bụng thực thà giống mẹ*

*

*Nhưng bụng mẹ bụng con thì khác bụng người
Bụng người như sông ngòi
Quanh co theo đồi núi
Lịch sử dạy ông Nguyễn Trãi
Hết vi thân thì ở ẩn làm thơ
Lịch sử dạy ông Nguyễn Du
Chưa làm quan thì làm chúng sinh thập loại
Lịch sử dạy đi dạy mãi
Mà con chưa học thuộc lòng
Khi mọi người khôn ngoan làm cách mạng ở... văn phòng
Con ngu ngốc thuộc thơ Cao Bá Quát:
"Mặt trời đỏ đi đằng nào"
Để dân đen rơi nước mắt
Đầu con thay nón sắt
Bằng mũ cối gập ghềnh
Chân con đổi giày đinh
Bằng những đôi dép lóp
Ngay ngón tay con cũng không thuộc về con được
Ngón tay xiết cò súng Nga
Ngón tay từng xiết cò súng Mỹ
Ôi ngón tay nào do mẹ sinh ra?*

*

*Con đi theo cách mạng tám năm
Nỗi lo sợ ở tù không đếm lượt
Đầu và chân tay thêm một lần phong thấp
Cuộc sống nhôi rom co bóp dạ dày
Con đem năng khiếu đi buôn bán
Thơ trúng giải mà không hay*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thơ rẻ hơn cơm gạo
Thơ mỗi ngày ăn chay
Tráng sĩ bé gươm làm thi sĩ
Mẹ cứ cười con hoài . . .*

*

*Sao mẹ cười con hoài?
Đẻ con bông lợn như trẻ nít
Trong bàn tiệc con làm thơ thích khách
Chém đầu mười tám nịnh quan
Thời buổi này ai cũng bịnh hoang mang
Không đánh xéng thì đánh giá
Mẹ vẫn cười con và mỗi ngày may vá
Tiền công áo 50 đồng
Tiền công quần 60 đồng
Trong khi áo quần các em con không đủ mặc
Mẹ vẫn cười con và mỗi ngày tóc bạc
Lưng còng theo quê hương
Mắt mờ theo đất nước
Tay run theo thị trường*

*

*Mẹ ơi, nhớ năm một chín tám bốn
Tuổi ba mươi con chưa dám lập gia đình
Vợ không rõ thành phần lý lịch
Bạn bè thường tụ tập bắt mình*

*

*Nhưng mẹ không bao giờ ban lệnh giới nghiêm
Mẹ không bao giờ xét giấy
Mẹ sợ đôi tay con run rẩy
Rút không ra khỏi túi quần*

Mẹ vẫn nấu cơm và để dành phần
Cho bất cứ bạn bè nào của con gõ cửa
Mẹ không cần khuyên con chó sủa
Con chó sủa lựa mặt người
Chỉ có con người sủa không lựa mặt
Con người... sẵn nhau mẹ ơi!

Căn nhà nằm mơ

Anh sẽ lợp căn nhà
Đơn sơ vài vật liệu
Kèo cột không đi tiêu
Lên trí tuệ con người
Anh cần chiếc giường đôi
Hai đứa mình cùng thờ
Chia nhau nỗi xấu hổ
Mà ông bà cắn răng

Đất nước bốn ngàn năm
Rộng dài như văn hiến
Sao đêm đi thấy điểm
Lợp nhà cạnh gốc cây
Ngày thấy lũ con lai
Căng lều nơi xô chợ
Vợ chồng mượn nhà trọ
Yêu nhau như ngoại tình

Căn nhà vừa tượng hình
Đã tan theo cơn đói
Anh dắt em lên núi
Không đủ giấy tờ về
Anh dắt em thăm quê
Định làm chàng Tô Vũ
Định làm Bá Lý Hề
Căn nhà không bằng số

Anh lợp hoài trong mê

*Trời sinh anh yêu em
Mà không sinh hộ khẩu
Con chim có chỗ đậu
Con chó có nơi nằm
Anh và em lưu vong
Như người không quốc tịch
Đất nước giàu diện tích
Cho châu chấu, cào cào
Nữ đầu nghèo lý lịch
Với những người yêu nhau?*

Chuyện chiếc xe đạp

March6

*Anh chở em đi bằng xe đạp
Thấy phổi hôm nay sạch lạ thường
Đọc đường khói một trăm chiếc “cúp”
Không làm hơi thở bị dơ hơn*

*Anh chở tình anh trên xe đạp
Mặc ai kia ngó, mặc ai dòm
Để gì mang một cô công chúa
Đặt vào xe rồi khẽ cúi hôn*

*Anh chở em đi bằng xe đạp
Mồ hôi ra đẫm hết vai gầy
Thương ghê ngon gió sau lưng đó
Thổi mát đời anh trong cánh tay*

*Cảm ơn em dám ngồi xe đạp
Để cho anh quên mất mình nghèo
Cảm ơn em đã không đánh phẩn
Nhìn anh bằng con mắt trong veo*

Sinh nghi hành

August 15

*Sinh nghi ta viết một bài hành
Vợ nghi chồng, em út nghi anh
Cha nghi con cái, bè nghi bạn
Thủ trưởng thì nghi hết ban ngành
Láng giềng dòm ngó nghi hàng xóm
Ngoài đường nghi phố chứa lưu manh
Ngay ta khi viết bài in báo
Cũng nghi mình kiếm chác công danh
Trời ơi, mọi chuyện sinh nghi thiệt
Chén kiếu thường nghi kị chén sành*

*Trẻ con khát sữa ai cho bú
Vú mẹ gầy, sâu rúc nồi canh
Quang Trung bỏ núi Tây Sơn xuống
Hoảng hốt vì gương vỡ chẳng lành
Nguyễn Du chỉ một đêm dạo phố
Đoạn Trường ngồi viết lại Tân Thanh
Thúy Kiều phát triển nhiều như thế
Thảo nào đô thị hóa lâu xanh
Nhà tù phát triển nhiều như thế
Kẻ sĩ làm sao dám học hành*

*Ta làm thơ mà lòng đứt ruột
Suốt đời bao tử chạy loanh quanh
Lãnh tụ nói: đói quên nghi kị
On áy ngàn năm sáng sử xanh!*

(Thơ đời, NXB Thanh Niên, 2007)

HUỶNH ÁI TÔNG

Hậu chùa Hương

Sớm mai em đi chùa Hương
Thì hoa cỏ mờ hơi sương
Ôi, cái ông Nguyễn Nhược Pháp
Sớm mai em phải đến trường

Em bé lắm, ngây thơ lắm
Dây thun cột tóc đuôi gà
Mẹ dặn rằng may áo trắng
Ra đường cho giống người ta

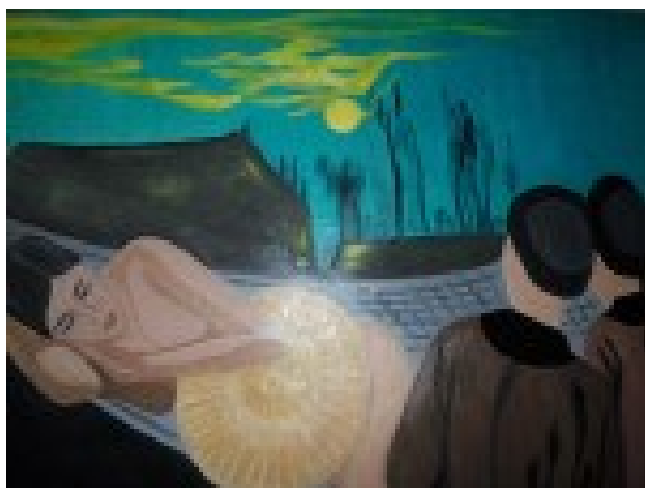
Mẹ dặn rằng mặc áo trắng
Về nhà óng ả như trăng
Em không sợ ai làm lắm
Trái tim mười sáu như rằm

Đừng ai ôm đàn đứng hát
Đừng ai ngửa mặt đọc thơ
Mẹ dặn rằng nghe thơ nhạc
Bùa mê thuốc lú không ngờ

Ngày xưa mẹ mười sáu tuổi
Có người quan họ ghé sang
Ngâm một bài thơ gió bụi
Rồi tay so nhẹ dây đàn

Ngày nay em mười sáu tuổi
Tinh khôi áo trắng đến trường
Nỡ nào làm em yếu đuối
Mỗi ngày mấy bận soi gương

Tranh:



Mộng dưới trăng

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Bùi Chí Vinh nhà thơ Lương Sơn Bạc*, tác giả Lan Hương viết:

“Một trăm hay hai trăm năm sau khi cỏ thơm lần giờ trước đèn, thế hệ trong lai sẽ thấy được một xã hội thật được phơi bày trong từng câu thơ của anh, một chủ nghĩa có được lòng dân hay không, người dân sống lâm than hay yên bình, nhân sĩ trí thức được đối xử ra sao, tất cả đều đã được anh thể hiện rất sinh động qua những vần thơ, ca từ điêu luyện, trữ tình, sâu sắc và rỗng hay thì thật là hay. Một lần nữa tôi thành thật cảm ơn anh Bùi Chí Vinh, nhà thơ Lương Sơn Bạc của nhân dân, chúc anh thành công trong việc trừ gian diệt bạo, chính nghĩa luôn thắng trong những kịch bản điện ảnh mà anh hiện đang cộng tác với hãng phim Chánh Tín.”

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Chí Vinh Web: thivien.net
- *Thà lên... Bùi mãi chẳng lên ngôi* Web: nhavantphcm.com.vn

23. Mai Văn Phấn



Mai Văn Phấn (1955-20)

Nhà thơ Mai Văn Phấn sinh năm 1955 tại Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Hội viên Hội Nhà văn thành phố Hải Phòng, Hội Nhà văn Việt Nam.

Mai Văn Phấn được các giải thưởng:

- Giải thưởng cuộc thi thơ tuần báo *Người Hà Nội* năm 1994.
- Giải thưởng cuộc thi thơ tuần báo *Văn Nghệ* năm 1995.
- Giải thưởng Văn học *Nguyễn Bình Khiêm* tại Hải Phòng các năm 1991, 1993, 1994, 1995.
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010 cho tập thơ *Bầu trời không mái che*.

Nhà thơ Mai Văn Phấn hiện sống và sáng tác tại thành phố Hải Phòng.

Tác phẩm:

- *Giọt nắng* (thơ, 1992);
- *Gọi xanh* (thơ, 1995);
- *Cầu nguyện ban mai* (thơ, 1997);
- *Nghi lễ nhận tên* (thơ, 1999);
- *Người cùng thời* (trường ca, 1999);
- *Vách nước* (thơ, 2003);
- *Hôm sau* (thơ, 2009);
- *Và đột nhiên gió thổi* (thơ, 2009);
- *Bầu trời không mái che* (thơ, 2010)
- *Thơ tuyển Mai Văn Phan* (thơ cùng tiểu luận, 2011)
- *Hoa giầu mặt* (thơ, 2012)

Trích văn:

Mấy suy nghĩ về thơ hay

Vẫn còn đó những tranh luận xoay quanh ý niệm “*Thế nào là thơ*” nên chuyện *thơ hay* sẽ càng mông lung hơn khi lý giải. Nhận diện, đề xuất tiêu chí *thơ hay* thành ra bao hàm ít nhiều tính chủ quan không thể tránh khỏi của người viết.

“Hay” là điểm sáng đầu tiên nhưng chỉ là một phần nằm trong tổng thể giá trị thẩm mỹ của bài thơ. *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan là bài thơ *hay* nhưng không thể so sánh với giá trị bất tử của *Nam quốc sơn hà*, một tuyên ngôn lộng lẫy chính khí.

Hai là, ý niệm “*thơ hay*” chắc chắn thay đổi theo quan niệm thẩm mỹ Đông - Tây, vùng miền, thời đại, theo khuynh hướng phê bình và còn tùy cách tiếp cận của mỗi người, trong từng khoảnh khắc khác nhau. Thơ Thanh Tâm Tuyền, Trần Dần, Quang Dũng... một thời bị nhìn phiến lệch là vậy.

Ba là, “hay” còn cần được lý giải trên nhiều khía cạnh: ngôn ngữ, tư tưởng, thần thái của bài thơ... Đi tìm một bài thơ hay toàn diện, hay trong mọi thời đại, hay với mọi người là chuyện mò kim đáy biển. “*Mắt em là một dòng sông/ Thuyền anh bơi lội trong dòng mắt em*” của Lưu Trọng Lư đến hôm nay có lẽ hơi nhạt. Ngược lại, câu thơ của Thanh Tâm Tuyền “*Tôi buồn khóc như buồn nôn/ ngoài phố/ nắng thủy tinh*”, trong thời đại mới, vẫn bị xem là khó hiểu dù chỉ phơi bày một nét cắt hiện thực đang dở và đang mở, chờ đón sự chấp nối của người đọc.

Với Lê Đạt, thơ hay “*bao giờ cũng có tiếng thầm thì, đó tiếng gọi nhau của chữ*”; với tôi, thơ hay trong khoảng im lặng giữa các chữ, là mang đến cho ta niềm ngạc nhiên về thế giới, sự run rẩy trong tâm thức. Bài thơ *Linh hồn những con bò* của Nguyễn Quang Thiều là một ví dụ. Năm khổ thơ, năm chặng đường khép mở hiện hữu và hũy diệt. Nếu *cánh đồng cuối cùng, bóng tối, tiếng rống, những chiếc ách, dàn kèn đồng* thuộc về hôm qua, hiện thể... thì *đám mây* trở thành một biểu tượng của phục sinh miên viễn nhuộm màu sắc tâm linh: “*Giờ chỉ còn những đám mây/ phiên bản của đàn bò/ bay trên cánh đồng/ của những con bò khác*”. Đọc Pablo Neruda (Nguyễn Hữu Viện dịch), thì Tình hiện ra với nét khắc họa thô mộc vạm vỡ, chính xác, bạo liệt: “*Thân xác đàn bà ngọn đồi trắng đoạn đuôi trắng/ Em giống thế giới trong vẻ thúc thủ đầu hàng/ Thân anh tay nông dân luống cày cắm bừa hoang bạo/ Làm nảy mầm sinh đừa con từ đất băng*”. Nhưng, thơ Yves Bonnefoy (Huỳnh Phan Anh dịch) lại đi về hướng khác với đa tầng cảm xúc hơn và liên tiếp mở ra những cánh cửa bất ngờ: “*Tôi không thể thiếu em tôi không dám? Liệu không có em trên những bậc thang đi xuống/ Về sau tôi nhận ra đó là một giấc mơ khác/ Mặt đất này với những con đường rơi vào cõi chết*”.

Thơ hay như thế không hạn chế ở đề tài. Thơ *ngâm vịnh* của Lý Bạch, thơ *nhân sinh* của Đỗ Phủ, thơ *thiền* của Không Lộ còn đó những tuyệt tác. Rồi thơ trữ tình của Pushkin, Walt

Whitman, Hữu Loan... rung lên bao cung bậc. Nếu "Tang khúc cho Ignacio" của García Lorca (Hoàng Hưng dịch) gửi lại nhân gian cảm thức rụng rời bi tráng về cái chết: *"Ignacio lên từng bậc thang /Cổng trên lưng cái chết. /Tìm kiếm bình minh Mà bình minh không có /Tìm bóng đích thực mình /Mà giấc mơ đánh lạc /Tìm thân mình khoẻ đẹp /Mà thấy máu mở tuôn.."*, thì "Tây Tiến" của Quang Dũng cũng dựng lên tượng đài chiến sĩ vô danh khi *"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi/ Mường Lát hoa về trong đêm hơi"*. Bên cạnh, *"Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận/Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"* (Thích Thanh Từ dịch: *Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết/ Đêm qua – sân trước – một cành mai.*) của thiền sư Mãn Giác lại nuôi trồng những niềm tin tâm linh.

Thơ hay cũng không quy định bởi trường phái, thể loại, cũ & mới, truyền thống hay hiện đại. Thơ Đường của Thôi Hiệu, Vương Duy..., Lục bát của Bùi Giáng, Nguyễn Bính, Đồng Đức Bốn..., thơ tượng trưng từ Stephane Mallarmé đến Paul Valéry..., thơ hậu hiện đại của Paul Hoover, Allen Ginsberg... đều mang lại những chiêm ngấm hiện thực lớn lao. Một thái độ ứng xử mới với thơ là cần ý thức rằng các yếu tố hình thức đều dung chứa nghĩa, và bất kỳ một cấu trúc hình thức nào cũng có khả năng biểu đạt tư tưởng hoặc nội dung thích hợp.

Thơ hay cũng không nhất thiết lệ thuộc vào vần điệu, tiết tấu, phải dễ thuộc, dễ nhớ, vì thơ ngoài để thuộc lòng, còn để đọc và cảm nhận. Thơ vần điệu với vùng thâm mĩ quen thuộc thường được người đọc *nhớ nằm lòng* chưa hẳn là hay và ngược lại. Mời đọc những câu thơ nhớ nhà: *"Nhật mộ hương quan hà xứ thị/ Yên ba giang thượng sử nhân sầu"* (Tản Đà dịch: *Quê hương khuất bóng hoàng hôn/ Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?*) trong bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu. Hoặc: *"Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt/ Nghe tiếng còm sỏi cũng nhớ nhà"* (Phạm Hữu Quang). Và thơ của Tiểu Kiều: *"lưng cha trần /rét vô lường/ mặt vùi nặng nợ ruộng nương/ hai bờ "*.

Câu thơ trên của Phạm Hữu Quang sẽ dễ nhớ nhất vì nhịp đọc quen thuộc; hai câu kết của bài Hoàng Hạc Lâu cũng nhịp 2-2-3 nhưng là từ Hán Việt sẽ khó nhớ; cặp lục bát của Tiểu Kiều khó nhớ hơn vì tiết tấu quen thuộc của lục bát đã bị phá vỡ. Từ đây, ta cũng nhận ra sự khác biệt về cái hay của thơ truyền thống và hiện đại. Thơ hiện đại với mạch chảy là những hình ảnh đứt đoạn, nhảy cóc, mở ra những trường liên tưởng xa nhất định là khó nhớ nhưng như thế chưa hẳn là *không hay*. Vấn đề ở đây là trình độ cảm thụ của người đọc, chấp nhận hay không chấp nhận cái mới, cái chưa quen thuộc.

Có nhiều khía cạnh hay khác nhau. Thơ Phạm Thiên Thư hay trong thần thái của phiêu lãng đạo và đời, thơ Trần Dần ngổn ngang trong việc bày biện giữa cái tôi nhân sinh và vũ trụ hằng hà; thơ Beaudelaire đẹp trong những những suy tư triết học, trong khi Alphonse de Lamartine lại cực kỳ lãng mạn. Nếu Nguyễn Khuyến trầm tư với màu thu thì Hồ Xuân Hương lại cười cợt nhân gian; khi Bà Huyện Thanh Quan hoài cổ để đeo sầu thì Bùi Giáng lại bỏ mặc nhân thế trong cái ta bà mộng mị. Mỗi người một vẻ hay trong phong thái. Trên bình diện ngôn ngữ cũng tương tự. Thơ Đường đẹp trang trọng với những ước lệ ngôn từ thì thơ hậu hiện đại tung tãi những con chữ đời thường. Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng... mỗi người sở hữu một thứ ngôn ngữ riêng nhưng đều rất... thơ.

Thơ hay có thể đến tình cờ với một số thi sĩ trong khoảnh khắc đốn ngộ, xuất thần... Nhưng đa số các nhà thơ có được thơ hay qua quá trình tu luyện, tích lũy kiến thức phong phú, một hành trình bới tìm “via quặng” của tâm hồn, đợi đến khi chín muồi, cảm xúc sẽ chọt nhòa chọt hiện và nhà thơ, viết với tất cả choáng ngợp của mình. Sự choáng ngợp mê man của tác giả rồi sẽ lan truyền đến người đọc. Tưởng như, nhà thơ gặp bài thơ hay giống như người toạ thiền trong quả chuông ánh sáng, hoặc cảm giác như kẻ thoát xác; tưởng như nhà thơ lúc đó là kẻ lạc

vào rừng rậm, chỉ nhìn nhanh được những hình ảnh lớn, trực diện, còn những cây dương xỉ, con sóc, con sâu nhỏ bé, hoặc cả những vĩa ngằm... dành lại cho người đọc hình dung. Đúng như Octavio Paz đã viết “*Thơ ca là khoảnh khắc ngừng lại của thời gian*”. Tầm vóc của thi sỹ chính là khả năng khái quát, biến những hình ảnh quen thuộc thành biểu tượng thi ca, tiên tri cả thời đại đang đến. Hình ảnh con ngựa trong đêm tối trong bài thơ “Con ngựa đen” của Joseph Brodsky viết năm 1961, (Hoàng Ngọc Biên dịch) là bóng dáng thể kỷ chúng ta đang sống. Nhà thơ đã nhìn thấy những hiểm hoạ đến với loài người, như chiến tranh, bệnh tật huỷ diệt hàng loạt, xung đột sắc tộc, tôn giáo... Bài thơ là một tiên báo: con ngựa đen “*chờ đợi trong chúng ta đứng dậy một kỹ sỹ*”.

Thơ hay, cuối cùng còn tùy khả năng đồng sáng tạo của người đọc. Phần lớn bạn đọc đều bị động trước các văn bản thơ, tức chờ bài thơ đi vào lối mòn thẩm mỹ của mình để đồng cảm đồng điệu mà ít có ý thức vươn tới giá trị của thi ca, không chuẩn bị nhập chung hai luồng ánh sáng cùng rọi trên một điểm. Nếu có thơ ca tinh tuyển thì cũng cần có cách đọc tinh lọc. Đó là cách đọc dám từ bỏ mọi thói quen cũ, sẵn sàng đến với những giá trị mới một cách bình tĩnh, công bằng; thái độ lắng nghe thơ chuyển động dĩ nhiên quan trọng, nhưng lắng nghe chính mình càng quan trọng hơn.

Pablo Neruda than thở rằng thơ đang dần bị thu hẹp vào vương quốc của riêng nó, rằng bây giờ chỉ có các nhà thơ đọc nhau. Nhưng tôi tin, thơ sẽ hay hơn nếu chúng ta biết đón chờ những giá trị mới bằng một tâm thế mới.

Trích thơ:

Giai điệu xuân

Nhỏ trên đá sắc
Cơ thể em đau
Thánh thót mở toang từng giọt

Trong hơi ẩm nồng nàn
Hạt nắng chảy vào em
Mùa nước về rạn rỡ

Con ong rạch đường bay
Gió lên thẳng đứng
Cây cao vươn bóng anh

Chim bồ câu ra rang
Sương đêm còn trùng tỉnh dầy
Lũ năm rom mở mắt
Trùm lên non nớt xanh

Con chào mào

Con chào mào đốm trắng mũ đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu... uýt... huýt... tu hùi...

Tôi vội vẽ chiếc lông trong ý nghĩ
Sợ chim bay đi

Vừa vẽ xong nó cất cánh
Tôi ôm khung nắng, khung gió
Nhành cây xanh hôi hủ đuổi theo

Trong vô tâm tích tôi nghĩ
Lát nữa chào mào sẽ mổ những con sâu
Trái cây chín đỏ
Từng giọt nước
Thanh sạch của tôi

triu... uýt... huýt... tu hùi...

*Chẳng cần chim lại bay về
Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ.*

Cốm hương

*Thu về e ấp
Cốm non lãng đãng sương giăng*

*Khăn áo ấy mịn màng da thịt
Dâng heo may lên trời*

*Nhịp cốm già rộn mùa thóc nếp
Thùng mùng dân sàng vỏ trấu hây hây*

*Trái bưởi thơm dịu nắng hanh
Thanh khiết chùm hoa mộc*

*Giữa đất trời ngó sen sau mưa
Da diết nhớ từng vòng cuộn xiết*

*Lá sen xanh ủ cốm em anh
Chín nẫu chân mây mùa hạ*

*Đêm ái ân lặng phắc ngọn đèn
Trái hồng đượm trong hương cốm nỡn.*

Nghé ơi!

*Hơi nước ban mai vườn khuya
Dâng cao bờ cỏ mượt
Mịn màng hơn lớp lông tơ
Xanh lên gió*

*Nghé tìm mẹ
Thở vào mây tiếng ruộng mạ, mầm cây
Gõ móng trên mặt đất*

*Trái bóng tròn vội vã nảy lên
Con đế trĩu, con ngựa trời tung đôi càng chắc mẩy*

*Nắng sớm rọi mình ghé
Lan xa âu yếm mắt nhìn*

*Giao mùa vòm lá chật căng
Nấp dưới gầm cầu đợi ghé*

*Tôi chạy theo cuộn lại bóng mình
Bàn chân chạm bật cao mặt cỏ.*

Thu đến

*Chiếc lá kia rơi
Mặt đất sẽ trũng xuống
Vọng tiếng chuông xưa mây đen*

*Nắng sẽ hanh hao
Heo may run ngô nhỏ
Sách mới thơm hơi trẻ thơ
Mía ngọt trào lên ngọn*

*Những con sâu nhả nạt tét vệt trắng óng ả quanh gốc cây
già
Chú bê non chạm lưỡi mềm mặt cỏ*

*Chiếc lá ấy rơi
Biết có ai được may mắn đến gần
Thời khắc mùa thu về đích.*

Vườn em

Sau cơn mưa dáng cây thon nhỏ
Mướt xanh hai mặt lá
Bàn tay lá ấy luôn mềm

Tiếng chim Bách Thanh tung lưới
Thít chặt anh cùng bông bưởi, rế si
Hoa cẩm quỳ, oải hương, phong lữ...
Dịu dàng thêm khăn áo mùa thu

Mắt em lóng lánh khắp nơi khép lại

Anh bước lên vạt nắng
Một con thuyền ban mai
Em bảo hãy chờ để khoá chặt cổng.

Mùa Trăng

I.

Trăng đã về bên kia
Phủ lên những nụ hôn khác
Màn sương, mùi cỏ khác

Nơi ấy một dòng kênh
Bóng con thuyền nhỏ qua cầu
Bờ đá nằm im nghe mờ hôi lạ
Giọt giọt trăng khuya

Bàn tay em tìm trăng
Từng ngón đêm lóe sang

*Một con đường thanh sạch
Thức dậy làn hương*

*Chuỗi thanh âm tràn dâng ngày
Men theo trăng, cười nói trăng
Nghẹn thở một màu trong suốt.*

II.

*Vang trên mặt cỏ rói, lá cây
Nơi đại ngàn không nhìn thấy
Mặt nước giã căng không sóng đi qua
Màu óng ả trên lưng chim bói cá
Cho anh thành vạt trắng*

*Anh dịu em lỏng lẻo váy hoa
Hôn em, ngón tay út
Nâng em lên trăng*

*Mưa thuận gió hoà gót chân
Trái tim rộn ràng ngực đất
Dòng trắng cuộn cuộn thân cây*

*Lướt nhanh nữa cho đất đai thêm sang
Đầu chân, bàn tay anh dài theo*

*Hay chậm lại lắng nghe anh nói
Cả phố phờng, triền dốc, cửa song
Cùng ngô lúa đang tập cười, tập hát...*

III.

*Con bò câu đã về
Mang cả buổi chiều
Kẹp trong đôi cánh*

HUỶNH ÁI TÔNG

Một buổi chiều khoác bộ lông màu lam
Cổ và đỉnh đầu khoang trắng
Cùng móng chân bé xíu bước lên trắng

Ngày chói gắt và rạn rỡ
Rũ trên đóa hoa trinh nữ
Dịu dàng khép lại

Đây là thời khắc ái ân
Thấp sáng lãnh địa bóng tối
Mùa phồn sinh thụ phấn, kết hạt
Mặn nồng thêm thiếp trắng khuya

Bó gôi những góc cây
Nhắm mắt ngọn đòi gió
Hạt giống rơi trong bùn ngấu thành thoi

Ngày mai mặt đất này
Và thế giới sẽ đổi khác.

Đá trong lòng suối

Lặng yên cho nước chảy
Xối xả lâu lạnh toát mình đá
Mùa Xuân đầy sao?
Dây hoa leo đường mòn
Tiếng chim dội xuống róc rách

Bóng cây xao động tảng đá lúc râm lúc nắng
Sắc hoa đại kia sao bình yên mãi được
Đá nhắm mắt an nhiên nước cuốn

Mấy con vọc chà vá chân xám
Lại làm bóng cây dâng cao dập dềnh

Mưa bụi bay lung tung
Len lỏi vào nơi sâu kín nhất

Mây dừng nơi mây
Mùi ổi chín thơm len lỏi trong rừng
Một con nhím xù lông bất động

Hơn hết lúc này
Ai hãy ở yên chỗ đó.

Tắm đầu năm

thanh tẩy mãi vẫn không thấy sạch
quay về tắm bằng ngọn đèn

thử đưa bờ vai về phía ánh sang
rồi cả hai tay
bàn chân, cầm, đầu gối
cả đôi trông mắt và tiếng ho khan

xói ánh sáng vào từng góc khuất
góc khuất như lò thúc mâm
như thép nóng đem tôi vào nước
như quả trứng trong ổ đang ấp
rễ thân cành đã chiết đâm ngang

tắm gội cho mùa xuân về
vừa lặn vào ánh sang
vừa gọi thăm ông bà, cha mẹ
cơ thể bốc cao về phía ngọn đèn

vừa xói mạnh vừa gọi tên em
ánh sáng bông bênh bụng mang dạ chứa
thử gọi một ai xa lắc xa lơ

*ngọn đèn lặng phắc càng tỏ
càng tỏ*

Trong bài: *Thơ Mai Văn Phấn & Đông Đức Bốn khác biệt và thành công*, Đình Kính đã có nhận định:

“*Nếu Đông Đức Bốn là nhà thơ lục bát tài ba bẩm sinh, trung thành với thơ truyền thống, bằng bút lực giàu ấn tượng đại diện tiêu biểu cho thi pháp cổ điển, thì ngược lại, Mai Văn Phấn là nhà thơ tiên phong sáng tạo theo hướng đổi mới, cách tân, định hình một tư duy thẩm mỹ mới, và điều đáng mừng là anh đã thành công, được khẳng định, được dư luận hoan nghênh, đánh giá cao. Nhưng thơ Mai Văn Phấn không dễ đọc. Nó không có chỗ cho sự ù lỳ, dễ dãi. Thơ Mai Văn Phấn là sự cô đặc ý tưởng và chữ nghĩa. Do vậy đọc thơ anh, trước hết rất cần sự đồng cảm, tháo gỡ những quan niệm cũ về thơ vẫn nằm ẩn sâu trong mỗi người, cần vươn tới kiếm tìm những định tính mới, giá trị mới. Mang tâm lý cố chấp, tư duy một chiều và thói quen dị ứng trước cái mới sẽ khó tiếp cận. Hành trình thơ Mai Văn Phấn là quá trình nhận thức và đổi mới phương cách thể hiện. Cách thể hiện của Mai Văn Phấn là khát vọng trong ý thức đi tìm cái mới, cái đẹp; hay đúng hơn, anh muốn phản ánh, đặt tên lại các hiện tượng trong cuộc sống. Cuộc sống vốn đa tạp và phong phú, thơ phải được gọi mở trong cấu trúc không gian đa chiều. Làm thơ là sự khổ công tìm kiếm bám níu có ý thức và vô thức lý tưởng mà mình đam mê. Đây là bản ngã và bản lĩnh người làm thơ.*”

Tài liệu tham khảo:

- Mai Văn Phấn Web: nhavantphcm.com.vn
- *Mấy suy nghĩ về thơ hay* Web: nico-paris.com

24. Đỗ Trung Quân



Đỗ Trung Quân (1955-20)

Đỗ Trung Quân sinh ngày 19 tháng Giêng năm 1955 tại Sài Gòn. Theo bài phỏng vấn trên báo Vietnam News giữa năm 2005 thì trong khai sinh của ông không có tên cha. Ông được mẹ là bà Đỗ Thị Hảo nuôi lớn đến năm 15 tuổi thì mẹ mất.

Sau khi mẹ mất, Đỗ Trung Quân tự mưu sinh và sau khi tốt nghiệp Tú tài, ông vào học tại Đại học Vạn Hạnh.

Một thời gian sau năm 1975, Đỗ Trung Quân bắt đầu sáng tác, một số bài thơ do ông sáng tác trở thành nổi tiếng như *Hương trầm* (1978).

Năm 1979, ông tham gia phong trào Thanh niên xung phong, trong môi trường này, thơ Đỗ Trung Quân ngày càng được ưa chuộng hơn.

Một số bài thơ phổ nhạc được nhiều người biết đến như:

- *Hương trầm* (1978), Vũ Hoàng phổ nhạc
- *Bài học đầu cho con* (1986), Giáp Văn Thạch phổ nhạc thành bài "Quê hương"

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Chút tình đầu* (1984), Vũ Hoàng phổ nhạc thành bài *Phượng hồng* (1988)
- *Khúc mưa*, Phú Quang phổ nhạc
- *Những bông hoa trên tuyến lửa*, Nguyễn Cửu Dũng phổ nhạc

Khoảng thập niên 1990, Đỗ Trung Quân làm phóng viên cho báo *Tuổi Trẻ*

Hiện ông đang công tác tại báo *Sàigòn tiếp thị* và chủ trang blog nổi tiếng *chungdokwan*. Những năm gần đây Đỗ Trung Quân bày tỏ lòng yêu nước qua bài viết, thơ văn và hành động làm cho độc giả càng mến mộ hơn.

Tác phẩm:

- *Cỏ hoa cần gặt* (1991)
- *Chân mây cuối trời* (in chung cùng Hoàng Ngọc Biên, 2003)

Trích văn:

Nhạc sến - Bình thường hay bất thường ?

Hơn 10 năm trước một nhạc sĩ nào đó trong nhóm “những người bạn” (gồm ns Trịnh Công Sơn, Thanh Tùng, Trần Long Ẩn, Tôn Thất Lập, Từ Huy, Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Văn Hiên) phát biểu đại ý “âm nhạc của “những người bạn” đã đẩy lùi âm nhạc hải ngoại“. Phát biểu ấy phần nào biểu lộ sự "đại ngôn", tính công thần khi đặt âm nhạc hải ngoại của mấy triệu người Việt ra ngoài vòng pháp luật. Nhưng cuộc đời có những quy luật ngoài quy luật, khi nhiều ca khúc và nhạc sĩ (chưa phải là tất cả) được cấp phép hát và trở lại ngay chính mảnh đất mình từng bị “ruồng rẫy“ thì nền âm nhạc suýt từng bị xóa sổ ấy một cách nhẹ nhàng vẫn quay “trở về“ bằng vẻ lung linh

từng có của mình: Phạm Duy, Cung Tiến, Lê Uyên Phương, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng v.v...

Ở đây, câu chuyện là “nhạc sến” - thứ âm nhạc được xem là bình dân không dành cho giới trí thức (?)... những Lam Phương, Trúc Phương, Anh Bằng, Trần Thiện Thanh, Hoàng Thi Thơ vv... không những vẫn hiện diện mà nhiều tác giả còn được nhận định lại vị trí của mình với nhiều kinh ngạc lớn: Vì sao họ mãi tồn tại, vì sao không một "rào chắn" nào có thể ngăn chặn được âm nhạc của họ đến với nhiều thế hệ công chúng một cách bình thường đến thế?

Khi chưa có những nhà phê bình âm nhạc “khách quan, tử tế” thì người nghe nhạc làm luôn vai trò ấy: Vì nó hay! Chỉ thế thôi. Cái gì hay thì tồn tại, cái gì dở thì đào thải. Quy luật ấy bình thường và luôn đúng cho mọi hình thái nghệ thuật. (quan điểm chỉ cần đúng mà không cần hay là phạm trù khác không nằm trong bài viết này)

Nhạc sến không dành cho tầng lớp trí thức ư? chưa chắc, âm nhạc rất giống âm thực ở chỗ ăn hay nghe đều gắn liền với ký ức, thế hệ sống của một con người. Trước khi trở thành bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, nhà khoa học... Ai cũng phần lớn xuất thân từ thôn quê, tỉnh lẻ. Ai cũng nhớ món ăn quê mình, ai cũng nghe thứ nhạc khi còn là anh học trò tỉnh lẻ. Khi du học thành tài, thành danh bên cạnh cái văn hóa nào đó được hiểu biết, bên cạnh Mozart, Beethoven, Bach... thì thứ nhạc bình dân xóm hẻm, ngõ nhỏ đèn vàng thời trẻ học là một phần đời của họ. Họ thích nó, nhớ những câu chuyện của nó bởi đây chính là ký ức một thời. Người viết từng gặp không biết bao nhiêu nhân vật học, sống, làm việc ở nước ngoài học vị, bằng cấp đầy túi, vẫn cùng nhau ôn lại ký ức sống bằng những đêm “nhạc sến” của mình. Bảo nhạc sến không dành cho trí thức, tầng lớp có học vị là nhận định võ đoán. Bảo người trẻ mà nghe hay thích hát nhạc sến là bất thường càng là nhận định hàm hồ. Trước khi

thành người già ai không là người trẻ? trước khi lên thành phố ai không là người ở quê? trước khi thành “hải ngoại” ai không là “quốc nội?”

Nhưng hãy trở lại vấn đề có gì “bất thường” không nếu nhạc sến trường tồn, nếu người trẻ yêu thích nó? một mệnh đề âm nhạc từng được đặt ra với thứ âm nhạc không được coi là “sến”: Sau gần một thế kỷ âm nhạc sao hôm nay “nhạc tiền chiến” vẫn còn được hâm mộ? Nghệ thuật theo nghĩa “dòng chảy” như thế hoặc là đã “ngheñ mạch” hay vì hôm nay âm nhạc quá tẻ, đã đánh mất bản sắc của mình, không phát triển được nữa bằng những tác phẩm không đọng lại được gì trong tâm hồn người thưởng thức? Âm nhạc là văn hóa phi vật thể, nó là thứ hoặc song hành vĩnh viễn với thời gian hoặc biến mất với thời gian. Không thể cho rằng sau gần một thế kỷ mà thứ nhạc tiền chiến còn tồn tại, còn được lắng nghe là điều “bất thường”. Vậy Mozart, Beethoven, Bach cách nhân loại bao nhiêu thế kỷ. Hôm nay ai còn nghe thứ “đồ cổ” ấy là bất thường? Họ là thứ âm nhạc hàn lâm sang trọng ư? nếu là “hàn lâm” thì có lẽ chỉ “hàn lâm” với những ai không được sống, được nghe bình thường trong môi trường của xã hội ấy mà thôi. Mozart với Tây phương chắc chắn cũng chỉ bình thường như với The Beatles cách ông vài thế kỷ và giá trị không có định lượng sang hay sến, phổ thông hay hàn lâm, bất thường hay không bất thường.

Âm nhạc hoặc thích hoặc không thích một thể loại nào đó, nó không có khái niệm “sến” hay “sang”. Jazz, Pop, Rock hay Country music giá trị như nhau. Nó không bao giờ là thứ phân cấp thành phần xã hội

Thực trạng hôm nay của âm nhạc Việt Nam rất đơn giản: Không có ca khúc đủ làm nhớ (chưa nói rung động, chấn động gì cả). Những nhạc sĩ bất tài hoặc từng cho mình có tài nay cũng “kẹt cứng” sáng tạo. Tác phẩm không sống nổi quá một

tuần, một tháng, một ngày. Thực trạng ấy dù núp dưới mỹ từ nào, gương mặt nào, biện luận nào cũng vô ích: không có sản phẩm đủ để thành tác phẩm có giá trị thì những giá trị cũ vẫn mãi còn nguyên vẹn.

Nhạc sến tồn tại vì nó là một giá trị

Nhạc sến có giá trị bởi nó đã song hành với thời gian và ký ức sống của nhiều thế hệ.

Nó bình thường.

Nó không bao giờ là bất thường.

Cái bất thường không nằm ở thể loại, hình thái...

Nó nằm ở sự xưng danh TÁC GIẢ. Mà giờ đây hoặc không còn sáng tạo, hoặc không có tác phẩm đủ để công chúng tiếp nhận.

Chi thế thôi!

Trích thơ:

Mẹ

*Con sẽ không đợi một ngày kia...
khi mẹ mất đi mới giật mình khóc lóc
Những dòng sông trôi đi có trở lại bao giờ?
Con hốt hoảng trước thời gian khắc nghiệt
Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua
Mỗi ngày qua con lại thấy bơ vơ
Ai níu nổi thời gian?
Ai níu nổi?*

Con mỗi ngày một lớn lên

HUỶNH ÁI TÔNG

Mẹ mỗi ngày thêm già cõi
Cuộc hành trình thăm lặng phía hoàng hôn.

Con sẽ không đợi một ngày kia
Có người cài lên áo cho con một nụ bạch hồng
Mỗi tháng thốt nhận ra mình mất mẹ
Mỗi ngày đi qua đang cài cho con một bông hồng
Hoa đẹp đấy – có sao lòng hoảng sợ?
Giọt nước mắt kia bao lâu nữa của mình?

Ta ra đi mười năm xa vòng tay của mẹ
Sống tự do như một cánh chim bằng
Ta làm thơ cho đời và biết bao nhiêu người con gái
Có bao giờ thơ cho mẹ ta không?
Những bài thơ chất ngập cả tâm hồn
Đau khổ – chia lìa – buồn vui – hạnh phúc
Có những bàn chân đã giẫm xuống trái tim ta độc ác
Mà ta vẫn cứ đêm về thao thức làm thơ
Ta quên mất thềm xưa dáng mẹ ngồi chờ
Giọt nước mắt già nua không ứa nổi
Ta mê mãi trên bàn chân rong ruổi
Mắt mẹ già thăm lặng dõi sau lưng

Khi gai đời đâm ứa máu bàn chân
Mấy kẻ đi qua
Mấy người dừng lại?
Sao mẹ già ở cách xa đến vậy
Trái tim âu lo đã giục già đi tìm
Ta vẫn vô tình
Ta vẫn thân nhiên?

Hôm nay...
Anh đã bao lần dừng lại trên phố quen
Ngả nón đứng chào xe tang qua phố
Ai mất mẹ?

Sao lòng anh hoảng sợ
Tiếng khóc kia bao lâu nữa
Của mình?
Bài thơ này xin thắp một bình minh
Trên đời mẹ bao năm rồi tăm tối
Bài thơ như nụ bạch hồng
Con cài sẵn cho tháng ngày
...sẽ tới...!
Tặng cho những ai có diễm phúc còn mẹ...

Bài học đầu cho con

Quê hương là gì hở mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông

Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vòng tay ấm
Con nằm ngủ giữa mưa đêm
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm

*Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím giậu mồng tơi
Là đò đôi bờ dâm bụi
Màu hoa sen trắng tinh khôi
Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương có ai không nhớ...*

Bài thơ về đôi lứa

"Nơi nào có em, nơi ấy là thiên đường"
Mark Twain

*Nếu như đêm nay anh ngồi gác một mình
Chỉ riêng anh và những vì sao còn thức
Anh sẽ chọn một vì sao đẹp nhất
Để bảo rằng - đấy chính là em*

*Nếu trưa nào anh qua một khoảng đường êm
Chỉ có nắng và chân mình đạp lá
Trời thành phố khép hàng mi êm ả
Anh đi cùng chiếc bóng của mình
Anh sẽ chọn một bóng râm dịu mát
Để bảo rằng - đấy chính là em*

*Nếu khuya nào anh vào xưởng ca đêm
Giờ ngon giấc của em trong giấc ngủ
Anh sẽ gọi hương ngọc lan đầu phố
Theo dọc đường và bảo - đấy là em*

*Ở nơi nào mà anh chẳng có em
Có cả lúc một mình đi xuống phố
Đi theo anh chỉ lá me và gió
Thì lá me và gió chính là em*

*Anh nghiêng mình cảm tạ Mark Twain
Đã phát biểu tuyệt vời về đôi lứa
Đã cho anh những thiên đường mở cửa
Khắp mọi nơi trong cuộc sống của mình*

*ở nơi nào mà anh chẳng có em
Có khi ngủ nữa là khi anh thức
Anh đưa tay là chạm vào hạnh phúc
Trái táo hồng treo giữa những cành êm
Em là ban mai, là chiều vắng, là đêm ..."*

Biển nhớ

*Em đã lấy hết của anh những buổi tối yên tĩnh
Những buổi tối bây giờ sóng biển tràn vào nhà
Em đã lấy của anh những trưa êm ả
Trưa đổ trời sắc lửa cháy trên hoa.*

*Em lấy hết chừa cho anh nỗi nhớ
Nỗi nhớ ba mươi bốn năm cộng lại - Nhân mười
Nỗi nhớ biển gã đàn ông chọt thành lẫn thẩn
Giữa đám đông nào cũng thẳng thốt - Em ơi!*

*Em đã lấy hết của anh những tháng ngày hạnh phúc
Chừa lại cho anh gió lạnh bốn mùa
Em vui vẻ trong dòng đời vui vẻ
Chừa một dòng hiu quạnh để anh đi...*

*Ừ, cứ lấy hết, anh dành cho em hết
Anh chỉ giữ lại riêng ánh mắt không lời
Chỉ giữ lại bông hoa đêm nào em cài trên mái tóc
Cạnh chỗ em ngồi, gần gũi mà xa xôi...*

*Em lấy hết của anh những tháng ngày lặng gió
Chung quanh anh ngập sóng tự lâu rồi*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Biển nơi nào - biển trùng vây anh vậy?
Cứ xô vào bờ tên một người thôi!*

Chiều đại nội

*Dấu thời gian tịch liêu
Ngựa xe nào khuấy nẻo
Thành xưa loang bóng chiều
Hồn ai trong lá rụng
Dấu hài mờ sân rêu
Lòng ta như thành quách
Nhớ một nàng ái phi
Giật mình nghe... áo động
Nắng rớt trên hoa quỳ
Ta tìm vườn ngự uyển
Cỏ hoang che dấu rôi
Tiếng chim chiều đại nội
Rụng xuống chiều mờ cõi
Lòng ta như sương khói
Đậu vào tường đá rêu
Dấu thời gian im ngủ
Dấu thời gian tịch liêu
Chiều cuối năm chớm lạnh
Vàng phai nhuộm mái hiên
Ai mộng làm quan trạng
Ngựa qua vườn ngự Viên?
Giật mình nghe gió động
Nón bài thơ... qua thêm...*

Chút tình đầu

*Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng
Em chở mùa hè của tôi đi đâu ?
Chùm phượng vĩ em cầm là tuổi tôi mười tám
Thuở chẳng ai hay thâm lặng - mối tình đầu*

Mối tình đầu của tôi có gì ?

*Chỉ một cơn mưa bay ngoài cửa lớp
Là áo người trắng cả giấc ngủ mê
Là bài thơ cứ còn hoài trong cặp
Giữa giờ chơi mang đến lại... mang về*

*Mối tình đầu của tôi là anh chàng tội nghiệp
Mùa hạ leo công trường khắc nỗi nhớ vào cây
Người con gái mùa sau biết còn có gặp lại
Ngày khai trường áo lụa gió thu bay...*

Mối tình đầu của tôi có gì?

*Chỉ một cây đàn nhỏ
Rất vu vơ nhờ bài hát nói giùm
Ai cũng hiểu - chỉ một người không hiểu
Nên có một gã khờ ngọng nghịu mãi... thành câm*

*Những chiếc giỏ xe trưa nay chở đầy hoa phượng
Em hái mùa hè trên cây
Chờ kỷ niệm về nhà
Em chở mùa hè đi qua còn tôi đứng lại
Nhớ ngẩn người tà áo lụa nào xa.*

Cỏ hồng

*Ta đi qua thời cỏ hồng
Cỏ đã héo đời xanh đã úa
Dấu chân cũ lẫn nơi nào trong cỏ
Khi ta về hoa hoang dại mọc lên*

*Con đời dài - như em còn ngoan
Lòng ta rụng trái thông khô thoáng thốt
Ta qua dốc phía hoàng hôn tím ngắt
Cỏ hồng xưa đổi sắc dưới chân mình*

HUỶNH ÁI TÔNG

Và ta buồn như mây trắng mông mênh
Soi bóng suối - chú bé xưa ngồi khóc
Công chúa nhỏ mang chùm hoa đi mất
Tóc hiền ngoan theo gió lên trời

Rồi chiều qua - ai ngồi cạnh bên đời
Đôi chân nhỏ như chút tình khép nép
Và cuối dốc một người mơ được chết
Ngọn cỏ hồn thơ ầu ngậm trên môi
Buồn ta bay thành bướm trắng lên đời.

Tạ lỗi Trường Sơn

1.

Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm
Các anh từ Bắc vào Nam
Cuộc trường chinh 30 năm dằng dặc
Các anh đến
Và nhìn Sài Gòn như thủ đô của rác
Của xì ke, gái điếm, cao bồi
Của tình dục, ăn chơi
“Hiện sinh – buồn nôn – phi lý!!!”
Các anh bảo con trai Sài Gòn không manh cũng lính
ngụy
Con gái Sài Gòn không tiểu thư khuê các, cũng đi điếm
giang hồ
Các anh bảo Sài Gòn là trang sách “hư vô”
Văn hóa lai căng không cội nguồn dân tộc
Ngòi bút các anh thay súng
Bắn điên cuồng vào tử lạnh, ti vi
Vào những đồ tiêu dùng mang nhãn Hoa Kỳ
Các anh hẳn học với mọi tiện nghi tư bản
Các anh bảo tuổi trẻ Sài Gòn là “thú hoang” nổi loạn
Là thiếu thân ủy mị, yếu hèn

*Các anh hòa nhau lập tòa án bằng văn chương
Mang tuổi trẻ Sài Gòn ra trước vành móng ngựa!!!*

2.

*Tội nghiệp Sài Gòn quá thế
Tội nghiệp chiếc cầu Công Lý
Có anh thợ điện ra đi không về
Tội nghiệp những “bà mẹ Bàn Cờ” của những ngày chống
Mỹ
Lửa khói vĩa hè nám cả những hàng me
Tội nghiệp những người Sài Gòn đi xa
Đi từ tuổi hai mươi
Nhận hoang đảo tù đày để nói về lòng ái quốc
Có ai hỏi những hàng dương xanh
Xem đã bao nhiêu người Sài Gòn hóa thân vào sóng nước
Tội nghiệp những đêm Sài Gòn đốt đuốc
Những “người cha bến tàu” xuống đường với bao tử trống
không
Tội nghiệp những ông cha rời khỏi nhà dòng
Áo chùng đen đẫm máu
Tội nghiệp những chiến trường văn chương, thi ca, sách
báo
Những vị giáo sư trên bục giảng đường
Ưu tư nhìn học trò mình nhiễm độc
Sài Gòn của tôi – của chúng ta.
Có tiếng cười
Và tiếng khóc.*

3.

*Bảy năm qua đi với nhiều buồn vui đau xót
Một góc phù hoa ngày cũ qua rồi
Những con điếm xưa có kẻ đã trở lại làm người già từ ghé
đá công viên để sống đời lương thiện*

HUỶNH ÁI TÔNG

Những gã du đăng giang hồ cũng khoác áo thanh niên
xung phong lên rừng xuống biển
Tìm lại hồn nhiên cho cuộc sống của mình
Cuộc đời thay nào cũng nhiều mất mát, hi sinh...

4.

Và khi ấy
Thì chính “các anh”
Những người nhân danh Hà Nội
Các anh đang ngồi giữa Sài Gòn bắt đầu chửi bới
Chửi đã đời
Chửi hả hê
Chửi vào tên những làng quê ghi trong lí lịch của chính
mình
Các anh những người nhân danh Hà Nội sợ đến tái xanh
Khi có ai nói bây giờ về lại Bắc!!!
Tội nghiệp những bà mẹ già miền Bắc
Những bà mẹ mấy mươi năm còng lưng trên đê chống lụt
Những bà mẹ làm ra hạt lúa
Những năm thất mùa phải chống gậy ăn xin
Những bà mẹ tự nhận phần mình tối tăm
Để những đứa con lớn lên có cái nhìn và trái tim trong
sạch
Bây giờ
Những đứa con đang tự nhận mình “trong sạch”
Đang nói về quê mẹ của mình như kẻ ngoại nhân
Các anh
Đang ngồi giữa Sài Gòn nhịp chân
Đã bờm xờm râu tóc, cũng quần jean xắn gấu
Cũng phanh ngực áo, cũng xỏ dép sa bô
Các anh cũng chạy bán người đi lùng kiếm tủ lạnh ti vi,
casette, radio...
Bia ôm và gái
Các anh ngông nghênh tuyên ngôn ”khôn và dại”

Các anh bắt đầu triết lý “sống ở đời”
Các anh cũng chạy đút hơi
Rượt bắt và trùm kín đầu những rác rưởi Sài Gòn thời quá
khứ
Sài Gòn 1982 lẽ nào...
Lại bắt đầu ghẻ lở?

5.

Tội nghiệp em
Tội nghiệp anh
Tội nghiệp chúng ta những người thành phố
Những ai ngổ ngàng quá khứ của mình
Những ai đang cố tẩy rửa “lịch đen”
Để tìm chỗ định cư tâm hồn bằng mồ hôi chân thật

6.

Xin ngả nón chào các ngài
“Quan toà trong sạch”
Xin các ngài cứ bình thân ăn chơi
Bình thân đổi thay lột cũ
Hãy để yên cho hàng me Sài Gòn
Hồn nhiên xanh muôn thưở
Để yên cho xương rồng, gai góc
Chân thật nở hoa.
Này đây!
Xin đổi chỗ không kì kèo cho các ngài cái quá khứ ngày
xưa
Nơi một góc (chỉ một góc thôi)
Sài Gòn bây hầy, ghẻ lở
Bây giờ...
Tin chắc rằng trong các ngài đã vô số kẻ tin vào “thượng
đế”
Khi sống hả hê giữa một thiên đường

HUỶNH ÁI TÔNG

*Ai bây giờ
Sẽ
Tạ lỗi
Với Trường Sơn?*

Trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, Đỗ Trung Quân được nhận định như sau:

“Đỗ Trung Quân là một nhà thơ Việt Nam. Nhiều bài thơ của ông được phổ nhạc và được nhiều người yêu thích như Quê hương, Phụng hồng... Ông còn được biết đến với nhiều nghề "tay trái" khác như MC cho những chương trình ca nhạc của bạn bè ông hay làm diễn viên cho một số phim truyền hình.”

Tài liệu tham khảo:

Đỗ Trung Quân Web: vi.wikiprdia.org
Nhạc sến - Bình thường hay bất thường ? Blog:
danluanvn.blogspot.com

25. Phạm Sỹ Sáu



Phạm Sỹ Sáu (1956-20)

Nhà thơ Phạm Sỹ Sáu sinh ngày 24 tháng 6 năm 1956, tại làng Xuân Thiều, xã Hòa Hiệp, huyện Hòa Vang, nay thuộc phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Thời trung học ở trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng cho đến hết bậc trung học, thi đỗ Tú tài toàn phần. Những bài thơ đầu tiên anh làm vào năm lớp 8.

Năm 1974, Phạm Sỹ Sáu vào Sài Gòn, theo học Trường đại học Khoa học để lấy chứng chỉ thi vào Trường đại học Y khoa.

Tháng 7-1977, Phạm Sỹ Sáu nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia chiến tranh biên giới Tây Nam, rồi sang chiến trường Campuchia làm nghĩa vụ quốc tế, trong thời gian này, anh tiếp tục sáng tác thơ, để trang trải những cảm xúc của mình, thở mới bước vào làng văn, ông có bút danh là Ngy Xuân Sơn.

Tháng 9 năm 1986, Phạm Sỹ Sáu đi học báo chí Trường Sĩ quan chính trị Bắc Ninh, làm phóng viên báo *Quân khu 7*.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1988, Phạm Sỹ Sáu rời quân ngũ, hoạt động văn học chuyên nghiệp.

Ông từng là Ủy viên Ban Chấp hành Hội kiêm Chánh văn phòng Hội Nhà văn Tp.HCM. Ông là Phó chủ tịch Hội kiêm Chủ tịch Hội đồng Thơ Hội Nhà văn Tp.HCM khoá 6, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Phạm Sỹ Sáu đã được các giải thưởng:

- Giải Nhất về thơ Cuộc vận động sáng tác Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đoàn do Hội Văn nghệ, Thành đoàn và báo *Tuổi Trẻ* Tp. Hồ Chí Minh tổ chức trong 2 năm 1980 - 1981,
- Giải Nhì về ký do báo *Sài Gòn Giải Phóng* tổ chức Kỷ niệm 10 năm giải phóng thành phố năm 1985.
- Giải Nhất về thơ và Giải Nhì về ký trong Cuộc thi của Hội Nhà văn Tp. Hồ Chí Minh tổ chức trong năm 1985 nhân kỷ niệm 40 năm thành lập nước.
- Giải B Văn học về đề tài LLVTND và CTCM 5 năm 1999 - 2004.
- Giải thưởng Văn học Sông Mekong năm 2009.

Nhà thơ Phạm Sỹ Sáu hiện là Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Tp.HCM, cán bộ của NXB Trẻ thuộc Thành Đoàn Tp.HCM.

Tác phẩm:

- *Hãy mở lòng ra mùa thu tới* (thơ, Mây Biển, Đà Nẵng, 1973)
- *Khúc ca vào chiến dịch* (ký sự thơ, in chung, Văn Nghệ, 1981)
- *Điểm danh đồng đội* (thơ, Văn Nghệ, 1988)
- *Ra đi từ thành phố* (trường ca, Trẻ, 1994)
- *Chia tay cửa rừng* (thơ, Trẻ, 2002)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

- *Gởi bạn bè làm xong nghĩa vụ* (thơ, Trẻ, 2004)
- *Phạm Sỹ Sáu, thơ với tuổi thơ* (thơ, Kim Đồng, 2005)
- *Khúc ca đồng đội* (thơ, Trẻ, 2008)

Trích văn:

Vĩnh biệt anh Năm Sáng

Trong gần tám năm làm việc cùng anh Năm Sáng ở Hội Nhà văn Tp.HCM, tôi nhận ra một điều anh là người cương quyết nhưng thức thời. Anh không câu nệ chuyện làm gì và làm như thế nào mà với anh là làm sao phải có tác phẩm để còn được gọi là nhà văn...

Từ chiến khu trở về, anh Nguyễn Quang Sáng (Năm Sáng) là cán bộ văn nghệ, đảm đương chức vụ chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh An Giang. Rồi anh lên Tp.HCM, ngay trong nhiệm kỳ đầu của hội (1981-1986), anh Nguyễn Quang Sáng đắc cử chức tổng thư ký Hội Nhà văn Tp.HCM lúc vừa bước qua tuổi 49.

Trong gần 20 năm làm công tác tổng thư ký Hội Nhà văn Tp.HCM và hơn 10 năm giữ chức vụ phó tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, anh Năm vẫn nổi tiếng là người chịu chơi hơn chịu làm. Dù vậy công việc vẫn cứ thế trôi qua, trôi qua một cách suôn sẻ mà không cần nhiều cố gắng. Phần cố gắng nhiều nhất của anh có lẽ vẫn là việc thường xuyên viết và vẫn đều đều tung ra tác phẩm mới của mình. Hết *Mùa gió chướng* đến *Cánh đồng hoang*, rồi tập truyện ngắn *Con mèo Fujita* và nhiều kịch bản phim nữa. Tất cả như cuốn hút anh trong cái sự nghiệp viết và nhận.

Trong gần tám năm làm việc cùng anh Năm Sáng ở Hội Nhà văn Tp.HCM, tôi nhận ra một điều anh là người cương quyết nhưng thức thời. Anh không câu nệ chuyện làm gì và làm như thế nào mà với anh là làm sao phải có tác phẩm để còn được

gọi là nhà văn. Điều tưởng đơn giản ấy nhưng không dễ gì thực hiện được nếu không có quyết tâm và lòng đam mê nghề nghiệp. Cái nghề viết tưởng là nghề chơi nhưng thật ra cũng là một công việc cần có sự lao động nghiêm túc, cần thực tế và cần cả bản lĩnh nữa. Điều mình muốn nói tưởng là dễ nói nhưng nếu không có bản lĩnh sẽ là chuyện nói theo đuôi, nói vuốt ve để lấy điểm cho có lệ. Tôi đã từng nghe anh trao đổi về công việc của nhà văn với lãnh đạo Tp, những chiến hữu và bạn nhậu của anh, những người sẵn sàng nghe chửi thề, nghe những điều trái khoáy. Bởi anh nói có cơ sở thực tế, mà thực tế của anh là những chuyện la cà với bạn văn nghệ và cả bạn không văn nghệ.

Nhờ làm lính của anh một thời gian (từ cuối năm 1988 đến gần cuối năm 1996), tôi mới nhận biết được sở thích và cố tật của từng nhà văn. Đối với tôi những năm tháng công tác hội là những năm tháng mà anh Năm Sáng đã giúp tôi nhận ra con người - một con người thật đúng nghĩa, những kẻ xu nịnh, những tên bè phái và cả những người kiên gan đứng vững trên đôi chân của mình một cách tin tưởng và dứt khoát. Lãnh đạo một hội với quân số phần lớn là những văn nghệ sĩ từ R ra, từ miền Bắc về, những người nằm vùng và cả những người... khó tính, anh vẫn biết dung hòa và thỏa lòng được mọi hội viên.

Thời anh làm công tác hội, anh dám mạnh dạn và cương quyết đấu tranh để những lời nói, những tuyên bố của lãnh đạo Tp. và đôi khi cả trung ương trở thành hiện thực trong đời sống, cho dù có người giận, người hờn, người trách anh thế này thế nọ, cả những chuyến xuất ngoại qua Pháp, qua Mỹ của anh cũng không ít điều tiếng nhưng tựu lại người ta vẫn thấy một Nguyễn Quang Sáng như những gì mà anh vốn có. Một Năm Sáng cực kỳ máu lửa như chàng trai năm nào trong *Đất lửa* - tiểu thuyết đầu tiên của anh được trao giải ở Hà Nội mấy năm sau ngày anh tập kết, sau đó chính thức phát hành rộng rãi trên toàn quốc.

Nhớ đến Nguyễn Quang Sáng là người ta nhớ đến *Chiếc lược ngà*, nhớ đến *Cánh đồng hoang*, nhớ đến *Thằng bạn lính* mà ít ai nhớ tới những chuyến đi dọc dài quê xứ Nam Bộ, xóa cầu khỉ xây cầu bê tông từ những đóng góp của bạn bè đồng lứa và những người hâm mộ anh khi anh hết đảm đương công tác hội. Tuổi già, sức đi có hạn nhưng anh vẫn miệt mài đi vì chiếc cầu nối những bờ vui, vì bạn bè năm xưa giờ người còn người mất, những gặp gỡ thân tình mà ngậm ngùi nước mắt với anh Tư Sâm Trang Thế Hy, với nhà văn Sơn Nam và bao nhiêu bạn bè nữa, những người già và không ít người còn trẻ.

Thế là sinh nhật lần thứ 83 vào ngày 12-1-2015 sẽ không còn anh, anh Năm ơi, tôi tin rằng hình ảnh của anh vẫn đọng mãi trong tâm trí bạn bè và biết bao thế hệ độc giả của anh - anh Năm Nguyễn Quang Sáng.

Trích thơ:

Tiến đưa

January 15

*Sáng nay tiễn anh lên đường
Em không chải tóc trước gương
Sợ đôi mắt mình hoe đỏ
Vướng chân anh nơi chiến trường.*

*Sáng nay anh đi, anh đi
Xa cách không ra biệt ly
Mà sao lòng em thốn thức
Nói gì với nhau, nói gì.*

*Sáng nay anh rời thành phố
Bình minh mưa trong sắc đỏ*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Bao người đi trăm hướng đường
Riêng anh lên đường về đó.*

*Em xin được làm ngọn cỏ
Bên anh xanh mát một vùng
Dẫu nắng khan và khô gió
Vẫn mượt mà xanh thủy chung.*

*Một mình anh ra biên giới
Hôn em, anh hôn ngập ngừng
Như hôn lần đầu bối rối
Anh lại trở thành độc thân*

Tiền đưa lần nào cũng vội.

Bài hành tráng sĩ mới

November17

*Tráng sĩ không bơi qua sông
Tráng sĩ đi bằng đường không
Tráng sĩ đi bằng xe khách
Tráng sĩ lên đường lòng hề mênh mông, mênh mông*

*Không là Kinh Kha ngày xưa qua sông Dịch
Không là thờ than của khúc Tống biệt hành
Tráng sĩ chừ qua sông, qua sông
Sóng vỗ mạn phà hề sóng vỗ*

*Trận tiền chừ là nơi súng nổ
Cung kiếm chừ là khẩu AK
Chung rượu chừ tráng sĩ hề không say
Lòng say con mắt ai*

Tráng sĩ lên đường hành trang trên lưng
Nặng gánh giang sơn lòng cứ bâng khuâng
Tráng sĩ chừ hề áo xanh, nón cối
Ổng tên không còn, cái bình tông lừng lừng

Sông Dịch nào rộng bằng Mê-kông
Sóng Mê-kông sao bằng sóng ở trong lòng
Tráng sĩ chừ lên rừng biên giới
Lá thư nhà thành nỗi chờ mong

Lưng ngựa dẫm trường đường xe xóc
Phong cảnh hề mờ sau bánh xe
Gói thuốc rê đựng trong túi cóc
Quanh ấm trà chuyện thiên hạ cùng nghe

Tráng sĩ chừ học tiếng Khor-me
Lấp bắp dăm câu: Ô-ror-cun, tha-méch
Biên cương hề Phnôm Mê-lai, Đăng-réch
Đường dài mòn vẹt dép Quân khu

Tổng biệt nào ai có muốn đâu
Nhưng năm cánh sao tráng sĩ đội trên đầu
Ảnh màu ai mang trong lồng ngực
Nghìn ki-lô-mét mà như ở bên nhau

Tráng sĩ qua sông, tráng sĩ làm cầu
Tráng sĩ xuống đồng bằng, mót củi rừng sâu
Tráng sĩ đi trong bài ca tình nguyện
Tráng sĩ lên đường hề không có vỏ cầu.

Ở rừng

Ở rừng hằng đêm mong mỗi một ngày về
Tiếng nhái giọng tắt kè cứ in vào đầu âm i
Ở rừng đôi khi sống chẳng buồn suy nghĩ

HUỶNH ÁI TÔNG

Cứ Tiến lên cho hết sáng, hết chiều
Cứ Tiến lên để đừng nhớ đến người yêu
Để đừng phải tiếc thương sâu khổ

Ở rừng đêm ngày lúc nào cũng nhớ
Cũng mong thư, mong mỗi mắt, mong hoài
Từ giữa những cơn mưa mong đến cuối mùa xoài
Cây cứ lớn và người cứ teo tóp lại

ĐỪNG BẮT ANH LÀM HƯƠNG CAO CỔ

Những cô bé rất ưa làm khó
Cứ thích đọc thư mà không thích trả lời
Ở đây rừng nhiệt đới xa xôi
Có nhiều thứ nhưng thiếu hương cao cổ
Không lẽ vì vậy mà em bắt anh thay vào chỗ đó.

Hồi cô bạn còn rất bé lúc chia tay
Những người lính không bâng quơ nhẩn gió gờ mây,
Mà chỉ nói những điều chính xác
Những địa chỉ và những cái tên rất thật
Thuộc nằm lòng như một niềm tin.
Có người đi một năm, có người đi hai năm
Múa Lâm thôn kém gì dân bản xứ,
Vẫn không phai được trong nỗi nhớ,
Ánh mắt long lanh đưa tiễn lúc lên đường
Và quê hương

Ở đây thiếu nước là chuyện thường
Bọn anh hay nói đùa, ráng nhịn khát để mà giữ nước,
Nói thì đùa mà làm thì thật
Cái khát riết rồi cũng phải chịu thua.
Hãy viết thư cho anh kể đủ chuyện nắng mưa
Chuyện đi học mỗi ngày lên lớp,
Trang thư ấy cũng vừa một hóp

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hát chung một bài ca hữu nghị
Nghe bài thơ tình trong gió se,*

*Đêm ấm không vì đêm tàn đầu
Đêm ấm xanh xanh những mái đầu
Ngồi lại mà chơi vui một nửa
Nửa tìm về quê, nửa ở bên nhau.*

*Vì men đời ai không biết say
Đâu đêm lạnh bước một mình phố vắng
Giai điệu bạn bè nồng nàn hương nắng
Theo ta về giữa tĩnh lặng đêm xuân.*

*Xin được nhân lên, nhân lên nghìn lần
Lời bạn bè chúc nhau bằng thơ nhạc
Và bỗng dung ta lên tiếng hát
Nào phải vô tình, giai điệu đã hoà tan.*

Lê Thiệu Nhơn nhận định về thơ Phạm Sỹ Sáu như sau:

“Thơ Phạm Sỹ Sáu không lấp lánh bởi nghệ thuật ngôn từ cũng không sắc sảo bởi phương pháp ẩn dụ. Phẩm chất thi sĩ của Phạm Sỹ Sáu được bồi đắp bởi tâm hồn người lính. Với một Chùm hoa trước khi vào trận, Phạm Sỹ Sáu viết: "Có một phút giây bình yên / Trước giờ bước vào trận đánh / Mỗi người cảm thấy bên cạnh / Hoa đỏ nhìn mình trang nghiêm". Hai chữ "trang nghiêm" không phải cái nhìn thường nhật cõi nhân sinh, mà là cái nhìn định mệnh của thi ca. Không thể nói khác hơn, chính hai chữ "trang nghiêm" của người lính đã chuyển mấy câu tường thuật đơn sơ thành những câu thơ ám áp!”

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Sỹ Sáu Web: daisuhangviet.vn
- Vĩnh biệt anh Năm Sáng Web: plo.vn

26. Võ Thị Hảo



Võ Thị Hảo (1956-20)

Nhà văn Võ Thị Hảo sinh năm 1956, tại Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

Năm 1973, Võ Thị Hảo ra Hà Nội học Đại học Tổng hợp Văn, chuyên ngành Hán- Nôm khóa 18. Tốt nghiệp ra trường chị về làm biên tập viên ở Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.

Năm 1989, *Người gánh nước thuê* - truyện ngắn đầu tiên của nhà văn Võ Thị Hảo xuất hiện trên báo *Phụ nữ Thủ đô*. Kể từ đó, mọi người biết đến tên tuổi Võ Thị Hảo là một nhà văn. Sự ra đời truyện ngắn đầu tiên này, tác giả cho biết: “Viết vì thương hai ông bà già gánh nước thuê rất khổ ở đầu ngõ. Thương mà cũng rất khổ tâm vì không làm gì để giúp được họ. Gia cảnh họ cứ ám ảnh mãi trong tâm trí, thế rồi viết”. Cũng nhờ truyện ngắn đó, Võ Thị Hảo trở thành nhà văn.

Năm 1993, lần đầu tiên Võ Thị Hảo xuất hiện với tập truyện ngắn *Biển cứu rồi* do nhà xuất bản Hà Nội ấn hành.

Hiện Võ Thị Hảo sinh sống với chồng và 2 con gái tại Hà Nội. Ngoài viết văn, nhà văn còn vẽ tranh

Tác phẩm:

- *Biển cứu rỗi* (1992)
- *Chuông vọng cuối chiều* (1994)
- *Một trăm cái đại của đàn ông* (1993)
- *Người sót lại của rừng cười*
- *Truyện ngắn chọn lọc Võ Thị Hào*
- *Giàn thiêu* (2003)
- *Ngồi hong váy ước* (tập truyện, Thi Văn Hồng Lĩnh, Paris, 2012)

Trích văn:

Biển cứu rỗi

Anh rùng rẩy toàn thân, tháy đôi chân mình đang veo dằn, von veo dằn, hóa ra cái đuôi nhọn hoắt của một con ốc mượn hồn và “òà... òà...” anh sẽ lẫn, lẫn trong muôn vàn con ốc, giữa tiếng sóng quết.

Thứ ốc mượn hồn đầy chặt đảo đèn. Mỗi sáng, trong bước chân đưa tang lướt thướt của gió, biển lại quật lên thềm đảo những ruột ốc nát bét - những ruột ốc căm lặng chẳng ai biết chúng từng sống cũng như từng chết.

Cách đây không lâu, anh chỉ mới hạ mình xuống địa vị của một con hạc biển, vì nhận ra rằng đôi đầu gối mốc xì của anh cũng giống đôi đầu gối xù xì mốc mác của chúng, và còn cảm được tâm vóc to lớn của mình trước đám đông đủ loài chim biển tẹp nhẹp kéo tới chí choé, lăm lờ tranh nhau chỗ đậu, vào mỗi buổi chiều chạng vạng hay lúc trở trời. Đảo mang một màu trắng xỉn xo - màu phân chim biển vào ban ngày. Còn ban đêm, dưới ánh hải đăng lừ lừ không đổi, loài cua âm thầm bò lên. Ánh mắt tù độn và lối đi ngang không một tiếng động của loài

cua khiến trái tim anh càng tê dại trong tiếng rì rào não ruột của sóng. Ở đâu anh cũng bị vây trong ánh mắt dò hỏi tù đọng của loài cua.

Một đôi lần như thế, khi vết thương cũ cắn nhức nhối, anh đã từng nổi điên, ngồi thu lu đầu gối quá tai, tay cầm gậy, rình đập nát bét dăm chục con cua mới lột ngóp ló lên khỏi mặt nước trong một đêm cua động rồ, khiến cho đảo đèn tanh sặc mùi cua chết đến ba tháng ròng.

Anh từng lặng ngắt vì hoảng sợ, khi bất chợt mình truông như nhộng qua một giấc mơ đêm, và cứ thế lùng lững đi. Anh đánh mất thói quen mặc quần áo do thiếu vắng đồng loại lâu ngày. Thiếu một đồng loại nhìn vào anh, khả dĩ giữ cho anh cảm giác xấu hổ, ranh giới cuối cùng nhằm phân biệt anh với một con cua hay một con bò.

Những khi ấy, anh xòa tay ôm mặt. Dòng nước rỉ qua hàng mi trắng xóa hơi muối biển, qua đám râu ria lồm xồm không cạo, và khi xuống đến môi, chúng đã mang màu đục nhờ nhờ của nước đá vôi.

“Ba năm thôi. Ba năm rồi sẽ có người thay”.

Người ta nói, tránh nhìn vào mắt anh khi lần đầu đặt chân lên đảo đèn.

Hồi ấy anh nhếch cười khinh thị. Từ giã đời lính anh trở về với một con mắt giả và thân hình tiểu tụy. Một con búp bê tóc vàng mắt xanh tròn ten đưng đưa trên nắp ba lô. Con anh đã qua tuổi chơi búp bê từ lâu. Song búp bê là vật phẩm lộng lẫy nhất mà con người có thể tạo ra, dưới con mắt của những anh lính nhà quê chất phác ở rừng lần đầu tiên đặt chân vào thành phố. Xuống tàu, anh khấp khởi chạy gần về ngôi nhà lá ba gian náu mình dưới lùm dây leo bên vệ đường, con đường động mạch

của chiến tranh - ai cũng từng nói thế. Anh chạy gần vì mừng tượng thấy hai mẹ con - một cao một thấp như nàng Tô Thị sẽ giang tay ra: “Minh đẩy ư?”... Và có thể vợ anh sẽ rơi nước mắt vì sung sướng.

Nhưng chẳng ai ra đón anh cả. Trong căn nhà lá tối mờ có đến ba đứa trẻ lít nhít trứng gà trứng vịt với ba khuôn mặt hoàn toàn khác nhau. Vợ anh hộc hác, nửa thân trên gần đổ về phía anh, nhưng chân cứ như bị chôn chặt trong xó nhà, ngó anh trần trần rồi sụn xuống đất, òa lên tức tưởi.

Không! Đó quyết không phải là những giọt nước mắt sung sướng dành cho ngày gặp mặt!

“Búp bê” một đứa thét lên. Và ba đứa trẻ chạy tới, vồ vào chế phẩm lộng lẫy trên nắp ba lô. Nhưng trước cái quắc mắt dữ dằn của anh, chúng chùn lại, len lét nép vào một xó. Không phải con anh. Con anh ít nhất là lớn gấp ba thế này. Chúng không mang gương mặt anh.

“Con tao đâu? Đồ đi” anh rít lên thô bạo. Vừa lúc đó có tiếng lịch kịch ở ngoài sân. Anh ngoắt lại: một con bé trạc mười lăm tuổi, đáng đi ông ẹo bước vào: “Có lương khô không chú?”, nhoen cười. Nụ cười chưa hết hơi sữa nhưng đã mang hơi hướng đôi chác.

Ra thế! Ngôi nhà bên đường chiến tranh! Động mạch của chiến tranh! Sau này, anh chua chát triết lý. Số phận không dành cho anh người đàn bà bạc tóc chờ chồng. Những đứa trẻ khác bố. Những cuộc giao hoan vội vã thoảng mùi chết chóc trước khi đi vào hòng tử thân. Thù lao, sang nhất có lẽ là những phong lương khô và vài bộ quần áo Tô châu.

Lúc đó, hai bàn tay anh bỗng thềm máu. Anh muốn bóp chết

tất cả - những đứa trẻ lạc loài đói khát, cả người vợ phụ bạc chỉ còn hai con mắt, cả nụ cười hơi sừa đổi chác kia.

Nhưng một nỗi gớm ghét từ đâu đến làm chân tay anh bại hoại. Anh rũ xuống nền nhà, nôn ọ ra những bụm nước trong vắt, giũ tuột ba lô rồi thất thểu bỏ đi, để lại sau lưng tiếng khóc của người vợ, đứa con duy nhất của anh không biết rằng nó vừa có bố, trong thoáng chốc đã lại không có bố cùng tiếng reo à à giằng nhau con búp bê của lũ trẻ.

Anh tìm đến một chân gác đèn trong sự gớm ghét đàn bà và nhân thể gớm ghét luôn cả đồng loại. Anh nhìn thấy những bàn chân đồng đội đi dép lốp. Một rừng chân qua ngực anh, bị tiện gọn trước họng súng và để lại trên mặt đất những đứa trẻ vô thừa nhận đang giằng nhau mảnh áo búp bê. Anh dự định sẽ ở suốt đời trên đảo đèn - một đảo hiểm trở nhất, cổ lỗ nhất, nơi những phương tiện hiện đại khó bề vươn tới được, để tránh xa đồng loại nhẹ dạ, phản trắc và đầy tội lỗi đã tước đi của anh chút ham hố muốn sống trên đời.

Hả lòng nhất là những ngày đầu. Không phải nhìn mặt một ai. Được biến thành một kẻ vô cảm, mọi giác quan như đông lạnh trong tiếng gào thét của sóng và gió. Và anh yêu sự hù dọa cao cả của biển. Những bận tâm trên đất liền của loài người chỉ là mối lo toan nhỏ nhất của đàn kiến so với một Trần Đại Hồng Thủy. Anh không nghi ngờ rằng, mình có thể ở đây, thậm chí cả trăm năm.

“Giọng ông khang khác thế nào ấy!”. Người lái tàu tiếp tế vừa lùi lại vừa nói, thoáng một chút kinh hãi trong mắt. “Làm sao?” - anh gắt “à... ờ... nghe như tiếng gió hú”. Và anh lặng nhìn xuống chân. Hai bàn chân trần. Anh đã mất thói quen đi dép. “Lần sau ra mày mang cho tao một cái gương to vào nhá...”. Anh nói thêm một lần nữa, lần này, anh nghe rõ giọng nói lạ hoắc của chính mình.

Chiếc gương được mang ra. Anh thường soi gương không phải để làm dáng, mà cốt để gây ảo giác rằng trên đảo luôn có hai người. Anh nhìn vào gương, nói chuyện một mình để luyện giọng: “Thằng cha kia! Sao mày vầu thế?”. “À trước răng tớ đẹp lắm nhá. Đi lính lâu ngày, răng cũng phải theo chín sáu ba không ấy mà”. “Ồ được! Chú mày cũng hóm ra phết. Có nhai cá nướng không?”. Anh xé một miếng cá đưa lên mồm, thất kinh vì thấy thằng cha trong gương đang nhai nhồm nhoàm như một con thú. Khi đó anh lại rũ người xuống trong một cơn mê không tên.

Anh đã phải viện đến đủ trò quái gỡ, chỉ sau nửa năm sống một mình trên đảo. Mùa hoạn lạc của chim khiến anh da diết nhớ vị đàn bà. Và góc ký ức sâu thẳm nhất lâu nay quên lãng bỗng chuồi lên như một con cá mập. Hồi trong rừng, anh đã chụp hụp một nàng. Nếu dùng chân lâu có lẽ rồi anh đã kịp để lại trong lòng cô ta một đứa trẻ vô thừa nhận Anh và coo ta chưa kịp biết tên nhau. “Giữ làm gì em. Ngày mai chắc chết...”. Triết lý của lính chiến biến một gã trai mười bảy tuổi trong trắng nhất đời hôm nay thành một gã đàn ông sớm sờ vào ngày mai, và ngày kia mười phần chắc tám anh ta thành tử sĩ. Trước khi chết, có thể anh ta đã kịp đón nhận hoặc một cái tát, hoặc một vòng tay ôm xiết vội vã. Anh nhớ một đôi trai gái vô danh ôm nhau chết trong lỗ thủng. Miệng cô gái còn cắn chặt một nửa quả vải rừng. Cái hốc sâu hoắm của một viên đạn xuyên qua lưng hai người. Cán bộ đại đội phi nhô hình ảnh ấy bằng những bài chỉnh huấn ứng khẩu. Nhưng anh biết chắc, có rất nhiều người lính thẳm ao ước được chết trong tình trạng êm ái đó, miễn là không ai nhìn thấy.

Đến năm thứ hai, trong anh bỗng xuất hiện ý nghĩ phải trói chặt tay lái tàu tiếp tế vào cột đèn để giữ hấn ở lại. Giữ hấn lại, dù chỉ để được nghe hấn chửi.

Anh vui sướng lắm được nghe hấn chửi. Nhưng anh đã tìm được vì sợ chết đói.

Đến hạn ba năm, anh hồi thúc đất liền tìm người thay. Nhưng trước đây, anh đã chót khinh thị cái thời hạn ba năm, bây giờ tìm người thay đâu dễ.

Lâu ngày, những trò quái gở qua đi. Anh làm li trở về trạng thái vô hồn, hai tay buông xuôi. Để đỡ dành anh, thỉnh thoảng người ta gửi cho anh những chai bia màu xanh. Anh ngửa cổ dốc hết cả chai vào bụng, rồi vứt tọt ra ngoài xa. Những chai bia chưa chìm ngay, nhún nhảy bập bênh chốc lát, nhồi ra biển. Điều đó chột đánh thức vài trang sách anh đọc từ thời còn nhỏ: những thủy thủ bị đắm tàu, bị số phận bỏ rơi đã tìm đến sự cứu giúp qua những chiếc chai.

Thế là anh bước vào một trò chơi mới. Anh viết vào những tờ lịch xé hàng ngày, cho vào túi ni lông rồi buộc chặt nhét vào vỏ chai bia, thả ra biển nhằm hướng Tây. “Người đàn bà nào nhặt được mảnh giấy này xin hãy cứu giúp. Tôi đang sắp chết vì cô đơn. Nhưng ở đây tôi không thiếu cái ăn và tôi thề sẽ yêu quý, dù đó là người xấu xí nhất... Cách tìm tôi...”.

Thiên hạ ít ai điên rồ. Biết thế mà anh vẫn mong, mặc dù tự nhủ: đó chỉ là trò chơi thôi. Chỉ là trò chơi thôi mà!”. Người anh vẫn run bắn lên mỗi khi con tàu tiếp tế đến. Anh không dám mong một người đẹp. Có thể chị ta thiếu một tay hoặc một chân. Thế cũng tốt lắm rồi.

Một chiều nắng rải trên biển mang màu trắng gở. Con tàu tiếp tế hiện rõ dần và anh thấy trên boong có đường cong của một cái eo lưng của người đàn bà cùng sự chớp sáng của một chiếc nón trắng. Không dám tin ở mắt mình, anh thở hắt ra quay đi hướng khác, nhỏ nước bọt giận dữ để xua đi ảo ảnh. Nhưng tàu

đã ghé tới cùng tiếng reo của người lái tàu. Trên boong là một người đàn bà thực. Người đó đang run rẩy cúi mặt, bò trên tấm gỗ mỏng manh nối thân tàu với đảo đèn.

“Kìa! Dắt chị ấy lên chứ. Sao lại cứ như bị ngộ gió thế kia?”. Anh sực tỉnh, vội vàng nhảy vút tới, khiến cho chiếc cầu chòng chành suýt nữa thì hất người đàn bà xuống biển. Chị nằm mọp xuống bám lấy chiếc cầu. Bằng cái lệ làng của một con sư tử, anh xúc nách chị, đặt lên đảo. Cú va chạm này làm anh rung mình như điện giật.

Và lúc ấy, người đàn bà ngẩng lên.

Lạy Đức thánh mẫu! Người đã gửi đến cho con cái gì thế này! Khuôn mặt người đàn bà, có đủ hai mắt, mồm và mũi, nhưng là một khuôn mặt đặc trưng nhất của một con điếm. Điều này rõ đến nỗi, một kẻ dù khờ khạo đến đâu cũng sẽ nhận ra ngay lập tức.

Tã tơi mái tóc và hàng mi, trông huếch cái nhìn. Đôi môi thâm xỉ quện một lớp son dày màu máu trâu. Đôi môi này, giá có đặt ở ngã bảy, một gã nhặt rác có lẽ cũng chẳng thèm hôn. Một cô gái điếm đã thiu, bị liệng ra bãi thải, ốm nhách và vô phương sinh sống. à thì ra là thế. Vì thế nên thị mới tìm đến với anh. Điều này nằm ngoài cả những dự tính rủi ro!

Trước cái nhìn như chôn sống của anh, thị cố sửa một nụ cười rúm rỏ. Hai vai cũng rúm rỏ co lại. Nhưng nụ cười tắt ngay. Thị thấy nhục, và quờ tay tìm cái nón, che người một cách dờ dẩn, làm như cái mộc để che đạn vậy.

Lập cập, chiếc nón rơi xuống nền đá. Gió lật vài vòng rồi vục nó xuống nước. Chiếc nón cứ thế, chập chờn như người chết đuối đang “giã gạo” hồi lâu trên mặt biển trước khi chìm biệt.

Anh sấn tới, dứ nắm đấm vào mặt người lái tàu: “Mày mang cho tao cái của nợ gì thế này?”.

Người lái tàu sợ hãi lùi lại, lắp bắp: “Nào... nào tôi có biết. Chi ta đến tìm, và nói rằng... nhật được cái chai”...

Anh khoát thông tay, ngồi phệt xuống mòm đá. Tàu rời đảo.

Bữa ăn chiều - bữa đầu tiên của hai người ăn cùng nhau, anh chỉ ngồi hút thuốc, hạ mi mắt ngắm cái vẻ ăn chộp choạp, bốc bãi, khát thèm của thị và càng khẳng định cái việc mình xa lánh loài người là đúng. Anh tự nguyện rửa mình đã chơi một trò nguy hiểm. Anh tiếp thêm rất nhiều thức ăn cho thị và không thèm giấu cái vẻ ghê tởm. Có lẽ đã lâu lắm rồi thị không được ăn lấy một bữa no. Lòng ghê tởm trong anh che lấp cả tiếng gào của đục vọng. Anh còn nghĩ đến nỗi hãi hùng của bệnh lậu - thứ bệnh khiến cho nhiều kẻ đàn ông chùn chân quay gót trước cửa lầu xanh.

Nhưng đêm rồi xuống. Đêm từ bi che chở cho người đàn bà thoát khỏi vẻ bản tử bị phanh phui không thương tiếc trước ánh ngày. Anh tặc lưỡi vào lúc trăng lên trên biển, đem đến cho thị, cho đảo vào cho anh một ánh ướm át cứu rồi. Như một con thú hoang, anh li lợm chiêm đoạt thị không một lời nào, một cử chỉ nào khả dĩ chấp nhận rằng người đàn bà đang ân ái cùng anh không phải là một con bò. Trong đời hành nghề của thị, thị chưa bao giờ cảm thấy đau đớn như thế trước sự hạ nhục của trò chẵn gói. Dường như thị đang bị cầm kim rút từng khúc ruột.

Mãi tận trưa hôm sau, anh mới tỉnh giấc với cảm giác nặng nề. Hóa ra đó là chân của “bạn tình” đang gác lên bụng. Anh vội ghê tởm hắt ra. Chiếc chân không còn chỗ dựa rơi huých xuống đá khiến thị tỉnh giấc. Thị ngơ ngác trở dậy rồi khóc. Tiếng khóc gở như gai.

Đêm ấy anh không ngủ cùng thị. Những ngày sau tình trạng giữa anh và thị bập bồng. Những cơn góm ghét cứ dâng lên. Lúc nào đó, át được dục vọng, anh xa lánh thị. Khi dục vọng chiếm ưu thế, anh lại đến, để cả ngày hôm sau lại trở về trạng thái buồn nôn, tự khinh mình. Phải hắt mụ ta đi thôi! Anh tự nhủ, mặc dù trong lòng cũng hơi thấy tiêng tiếc. Nhưng một tiếng nói khác còn mạnh hơn bắt anh cả quyết: dù sao anh cũng là một người đàn ông. Và anh không thể xa lánh người đàn bà hư hỏng đã có với anh một mặt con, chỉ để đến với một con điểm đã bị thiên hạ hắt ra ngoài bãi thải.

“Hoặc bây giờ, hoặc không bao giờ nữa!”. Bảy ngày sau, có một con tàu đánh cá tình cờ đi qua. Anh rồi rít vẫy họ vào, thuê chở người đàn bà vào đất liền. Cuộc mặc cả nhùng nhằng mãi: “Chờ đàn bà rùi lắm!...” - Người chủ tàu lắc đầu, mặt nhăn như chuột kẹp. Nhưng rồi cuối cùng cũng xong.

Người đàn bà theo dõi cuộc mặc cả với vẻ của một con cá bị đưa lên thớt. Khi đã ngã ngũ, thị đến bên anh, khóc: “Xin anh đừng đuổi tôi! Tôi không còn gì để sống. Tôi đã xin lại mảnh giấy này từ tay bà nhặt rác. Bà ta đọc và cười sằng sặc: “Giấy của quý biển đấy”. Còn tôi thì nài xin bà ta cho tôi. Tôi bị bệnh hoại huyết. Cũng chẳng làm phiền anh lâu đâu...”

Quả thật, lúc đó hình như lòng anh hơi se lại. Sâu thăm trong tim có tiếng “Gật đi!”. Thế mà ngoài mặt anh vẫn lạnh băng, và anh lắc đầu. Nhiều khi người ta vẫn thế, không vượt qua được chút sĩ diện hoã cuối cùng.

Và thế là người đàn bà biết rằng hết, có nài xin cũng vô ích. Khuôn mặt chị ta chuyển sang tái xám, môi mím chặt lùi thúi bước lên tàu. Chiếc cầu tàu chậm chậm rút. Lúc đó, anh chợt thấy trong mình chút hăng hực, toan gọi.

Thế mà rốt cuộc vẫn không gọi.

Tàu lừ lừ rời đảo. Người đàn bà đứng trên đuôi tàu, nhìn anh bằng con mắt căm hờn: “Tao nguyện rửa mày! Tắt thầy! Tắt thầy lũ đàn ông các người đều độc ác! Độc ác!”. Mắt thị loé lên ánh khinh bỉ và kiêu hãnh bỗng đâu, rồi thị giang cao hai tay như thể sắp bay lên. Và trong một cái rướn mình như kiêu sang, thị buông người xuống biển, chìm êm ru dưới lớp sóng đang lừng lững quấn lên phía đuôi tàu.

Tất cả diễn ra trong một khoảnh khắc khiến anh không kịp hiểu điều gì đã xảy ra. Và thật đáng sợ là một sinh linh vừa hiện diện như thế đã chìm mất tăm dưới mặt biển như chưa hề có trên đời. Đàn cá chuồn vẫn vèo qua vọt lại dưới mặt nước. Và lúc đó vừa bình minh. Chân trời hừng hực rắng màu đỏ máu.

Khi nhận ra, anh hoảng hốt nhảy ào xuống biển cuống cuồng lặn ngụp, quờ quạng lung tung tuyệt vọng. Con tàu lúc đó vừa mới cảm ra sự thiếu vắng người khách bất đắc dĩ mà nó nhận chở, cũng đang vun vút quay lại. Tất cả sự quàn đảo của họ đều đã muộn. Rất may là chủ tàu đã kịp ném cho anh chiếc phao. Anh bò được lên bờ, nằm vật ra hôn hển dưới ánh nắng đang dần bả gắt.

“Phải lập bàn thờ bà ấy thôi ông ạ. Người chết trôi là thiêng lắm đấy! Ít nhất bà ấy cũng phù hộ cho ông khỏi phát điên. Chứ cứ cung cách này...” Người lái tàu vừa nói vừa quay về hướng ấy, chấp hai tay vái lia lịa.

Ba ngày sau, xác người đàn bà nổi lên dạt vào chân đảo đèn. Lúc đó anh vừa tỉnh giấc, linh tính một điều khác thường. Và anh trông thấy người đàn bà mà anh từng gằn gủi xác thịt, cũng từng ghê tởm, đang đung đưa, đung đưa dịu dàng bên chân đảo. Và anh kinh ngạc trước sự cứu rỗi của biển. Khuôn mặt

tàn tạ trước đây của người đàn bà ấy bây giờ đã giãn ra, thơ thối và không thể tin được, mang vẻ kiêu hãnh với đường viền mi khép hờ. Tấm thân gầy ốm giờ đây như đầy đặn lên, đung đưa, đung đưa như cử động uyển chuyển của người sống, trên mình vương những mảnh vải xác xơ mà lại mang vẻ siêu phàm. “Ta tha thứ cho các người” - cái miệng hé mở của người đàn bà như nói.

Sau này, anh cứ tự hỏi, đó không biết là thật hay mơ. Tại sao người đàn bà ấy chưa bị phân làm trăm mảnh trong bụng cá? Tại sao cái chết lại trả cho con người về vô tội và thánh thiện dường kia? Anh không trả lời nổi, và đã lập bàn thờ người đàn bà ấy. Người mà cách đây ba ngày thôi, anh đã nhòm tòm như nhòm tòm một con vật. Anh đã phải khóc chị ta - người đàn bà bị cuộc đời dồn vào chân tường không nơi bầu vú với những giọt nước mắt cay đắng tự đáy lòng. Anh là một kẻ căm điếc, vì đã không nhận ra tận cùng nơi hình hài tã tưởi kia vẫn còn chút lòng tự tôn của giống người. Trò chơi của anh - một người khốn khổ, đã kéo một người đàn bà đang đi vật vờ bên lề cuộc sống chạy nhanh lên phía trước để hoàn tất số phận thê thảm của mình.

“Tất thủy lũ đàn ông các người đều độc ác! Tất thủy!” . Giờ đây anh đau đớn nghĩ lại lời nguyện rửa như làn roi của người đàn bà ấy trước khi chết. Chị ta là ai? Nông nổi nào khiến chị ta sa cơ lỡ bước? Giờ đây lần đầu tiên trong đời anh mới nghĩ một cách nghiêm túc về người đàn bà. Bên bàn thờ nghi ngút khói nhang làm bằng rêu biển, anh nghĩ về kiếp người, các nẻo đường mờ mịt mà những số phận phải quờ quạng đi cho đến hết. Điềm lại những kiếp người anh biết, thực ra nổi khổ của đàn ông so với đàn bà chẳng thấm vào đâu. Nếu không có chai bia của anh, chị ta sẽ sống nốt những ngày cuối trên vỉa hè. Và đến khi thở hơi cuối cùng, chị sẽ trở thành Nữ Thần Vía Hè chứ không phải trở thành Nữ Thần Trôi Dạt như anh vừa suy tôn.

Anh cũng nhất thiết rằng, Nữ Thần Biển nếu có, cũng không mang một khuôn mặt nào khác, mà mang chính khuôn mặt đau đớn, tuyệt vọng và kiêu hãnh của Nữ Thần Trôi Dạt, bởi vì Nữ Thần Biển cũng là đàn bà. Nếu không biển đã không nhiều sóng đến thế, và nhiều cua đến thế. Và có lẽ vì Nữ Thần Trôi Dạt cũng là đàn bà - Đàn bà bao giờ cũng bênh nhau. Nên từ đây, anh cứ phải nhớ lại người vợ mà bao nhiêu năm nay anh đã cố công xua đuổi trong ký ức. Anh nhớ lại gương mặt hốc hác của chị. Tiếng máy bay gầm rú dọc đường. Tiếng bom nổ thâu đêm. Cả làng trắng đàn ông, chỉ còn lại đâu đó những tay què cụt, trẻ con hỉ mũi chưa sạch, hoặc các ông già lụ khụ. Ra trận và ra trận! Đàn bà vác cây, cầm súng, đi lấp hố bom và bị buộc phải trở thành đàn ông. Trong khi đàn bà được tạo hóa sinh ra để làm chiếc dây leo đẹp quần yêu điệu quanh cây đại thụ: người đàn ông. Anh thấy lòng se sắt. Mỗi lần khóc, trái tim anh mềm đi một chút.

Hơn năm sau, người ta chở ra đảo đèn một ông già răn chắc cùng một cậu bé cỡ tuổi mười hai. Cậu bé có đôi mắt nâu sẫm, tóc xoăn.

Đó là hai sinh linh đến thay gác đảo đèn. “Bố mẹ nó chết bom cả. Ra đây dù sao cũng không bị đói. Nếu không bị đói, chúng tôi sẽ ở đây cả đời”- ông lão giải thích.

Khi anh thu xếp đồ đạc lên tàu, cậu bé loay hoay bên anh, táy máy hỏi: “Bác ơi! Bàn thờ ai mà lạ thế?”.

“À, thờ Nữ Thần Trôi Dạt đấy”. “Hay quá bác nhỉ! Thế bác về đâu hở bác?”. “Ồ, có thể bác sẽ về quê. Địa chỉ thế này nhá...”.

Bốn năm sau cậu bé của đảo đã có thể đi coi sóc đèn thay ông.

Một sáng bình minh nhuộm chân trời đỏ máu, cậu chạy vào hót hải gọi người ông đang ngáy pho pho:

-Ông ơi! Ông! Ông nhìn kia! Trên boong con tàu đang chạy phía này có cái gì đỏ cong cong như lưng đàn bà ý. Mà có phải người ấy mặc áo trắng không hả ông?

Người ông vùng dậy giụi mắt. Không thể định được thực hư vì con tàu xa lắm. Người ông lại làu bàu:

-Khéo mà mày nhầm rồi đấy cháu ạ. Bốn năm nay ông đã nhiều lần nhìn thấy eo lưng của Nữ Thần Trôi Dạt, nhất là trong những buổi sáng cứ rờ rờ thế này. Thế mà rồi ra chẳng có gì đâu cả.

À mà thế là cậu đã lớn rồi đấy - Người ông quay sang ngắm cậu trai như mới trông thấy nó lần đầu.

Cậu con trai không nghe lời ông nói. Cậu đang mãi mê nhìn ra xa.

Trong khi ấy, ven đường I, người gác đèn cũ đang tự hỏi, liệu những chai bia ngày xưa có còn lẩn lẩn trên sóng biển. Đêm hôm trước, anh vừa nằm mộng thấy Nữ Thần Trôi Dạt. Nàng bơi đứng, và trên năm đầu ngón tay nàng đỡ một chai bia màu xanh.

Trích văn vần:

**Nhân ngày 8/3:
Liễu yếu đào tơ kinh hồn cáo**

(Võ Thị Hảo viết theo đơn đặt hàng của một số quý cô. Các quý cô quy định chặt chẽ thể văn. Đó là thể mix kim cổ, đặc

biệt kể tục truyền thống và phối kết hợp hiện đại kèm bản sắc văn hóa dân tộc)

Như chúng em nay:

Liều yếu đào tơ

Chân ngắn chân dài, đầu cũng không thể coi là ngắn.

Thấm thoát tháng ngày trôi nhanh như chó chạy thoát đã đến tuổi cập kê

Lừ đừ tuyết tuyết hồng hồng trắng trắng nâu nâu đen đen muốt muốt khối anh muốn ra tay ngắt bẻ.

Những muốn:

Gieo quả cầu đẹp tìm ý trung nhân

Vuốt mái đầu xanh tìm người tác hợp.

Chỉ mong

Nhân duyên âm êm thuận chồng thuận vợ

Kính quý mặn nồng đầu bạc răng long.

Nhưng ôi thôi thôi!

Trời chẳng chiều người

Thuở trời đất nổi cơn bạo lực.

Xét thấy

Thói thường khối kẻ mù màu

Nhìn xem

Vây quanh muôn bề ngạo ngược

Kìa trời đất nổi cơn túi bụi, kẻ vũ phu đập giày nát ngọc

HUỶNH ÁI TÔNG

*Khi sóng gió mịt mù lũ quét, tiên nữ cũng tan hoang
Trộm cắp cướp giật doi trá đủ đường
Cùm kẹp bung tai bịt miệng.
Trên niệm nam mô oang oác
Dưới cướp ngày dọc ngang
Vỡ một đời hoa
Tàn ba đời bướm
Vàng còn phai đá còn nát
Huồng gì thân liễu yếu đào tơ.
Kêu cứu nơi nơi kẻ mày râu ngoảnh mặt làm ngo
Nút tai che mắt giả mù giả điếc*

Lại có kẻ

*Vốn cũng dòng tu mi nam tử
Gục mặt giấu nước mắt vào chén rượu
Diên loạn găm lưỡi dao trong tim
Giả ngây giả ngô khật khưỡng hủ chìm
Để mặc liễu yếu đào tơ con đen con đỏ kinh hồn xiêu
phách.*

Thế cho nên

*Người ngay sợ kẻ gian
Kẻ cướp ngồi ghé quan tòa
Trong nhà ngày ngày đánh lộn
Băng đĩa trò chơi truyền thông ngập tràn cướp giết hiếp
Trí thức, nghệ sĩ bán linh hồn đôi láy đồng tiền*

Vậy nên

*Thân liễu yếu đào tơ chúng em khó bề giữ trọn
Nhân 8/3 bố cáo cho thiên hạ biết
Báo động bạo lực cấp mười ba!
Chúng em nay quán triệt*

*Dùng âm thanh theo bản sắc mà báo động
bản sắc dân tộc trước hết là thổi đàn môi vô ốc tù và sừng
trâu
Chuông rung mõ cốc rôi rít tứ bề
Sau là còi hơi còi hụ hiện đại bốn phương nào loạn*

Đề :

*Đám liễu yếu đào tơ con đen con đỏ nghe biết mà trông
chừng
Mặc áo giáp, độn ngực rom mà phòng bị.
Kẻ chết không kịp ngáp!*

Vậy nên

Ban bố Liễu yếu đào tơ kinh hồn cáo.

Cáo rằng:

*Ôi hu hu!
Việc hung hãn trước ở thân nhân
Tay lừa đảo vốn do tin cậy
Nhân khi liễu yếu đào tơ ngủ quên mà xuống tay
Nhân khi con đen con đỏ lơ mơ mà bạo ngược*

Than ôi!

*Hậu quả khôn lường
Tơi bời tai họa
Trăm năm khôn chuộc
Ngàn năm để lại tiếng nhớ*

Ta thường:

*Tới bữa âu lo.
Nửa đêm cảnh giác.*

Kìa trông:

*Nhà kia cha già mẹ héo mà lũ con ngày ngày hắt hủi
Chỗ nọ con đồ con thơ
Ba má mãi sẵn bắt nhau gay cấn như diễn viên phim
chương nghiệp dư.
Máu trào máu đổ.
Nghe vợ chồng nhà bên chửi nhau mà rún tóc trán.
Trông anh em nhà kia vác búa múa dao rượt đuôi mà kinh
hôn.
Bữa bữa thấy mâm bát bay tứ tung muốn đến buôn mảnh
Ngày xem nghiện vật thâm sì môi định tới sẵn tìm hê- rô- in
Trông lên lâu cao đèn đài thấy chất chồng xương trắng
Nhìn xuống sông sâu dâng nước mắt tủi hờn*

Ôi than ôi!

*Trên cao chồng chúa ngắt ngưỡng ngôi cao rượu chè cờ
bạc bê tha gái gú dâm bậy mối
Dưới vợ tôi làm ô sin con ở còn bị bạo lực bạo dâm
Hoảng kinh muôn phần.*

Thế cho nên:

*Đám trẻ lớn lên trong âu lo sợ hãi trong quát nạt mặt sát
trong mối thâm thù căm phẫn trở thành hung hãn.
Lấy dâm chém giết chóc làm sĩ diện
Nơi nọ nơi kia trong nhân gian tiếng khóc như ri
Con trẻ vất vưởng ôm đau bụi đời vật vờ cống rãnh
Kìa con gái đàn bà nhiều khi bán thân đứng đường kiếm
hạt cơm rơi.
Kìa đàn ông con trai lắm lúc cướp giật đánh người phải*

vào tù tội

*Khấp đường người chết người đi chám phẩy người chống
nặng người ngó ngẩn lờm trời.*

Chỗ ấy chỗ này giang mai HIV bệnh lậu...

Thế mới thấy

Oan hồn đi theo đông đàn dài lũ

Cáo rằng:

Nhìn thấy thế đít ruột mà buồn

Cơn lầy chông đã lên lại xẹp.

Chỉ những muốn

Vén tay bới tóc

Làm một trận xóa tan bạo lực

Đem mọi nhà về chỗ an Khang.

*Tóm hông kẻ đánh liễu yếu đào tơ giơ lên cao phơi nắng
như phơi ếch*

Nắm gáy kẻ bạo lực nhốt vào lồng như nhốt thỏ

Ngặt một nỗi:

Thân còn liễu yếu đào tơ trói gà chưa chặt

Việc phơi ếch nhốt thỏ chưa thấy rạng rỡ tiền đồ!

Thế cho nên

Đành ngậm ngùi ban bố Liễu yếu đào tơ kinh hồn cáo.

Nhân 8/3 cho thiên hạ biết

Báo động bạo lực cấp mười ba!

Chúng em dùng âm thanh theo bản sắc mà báo động

Bản sắc dân tộc trước hết thổi đàn môi vô ốc tù và sừng

HUỶNH ÁI TÔNG

trâu

*Chuông rung mõ cốc rít rít từ bề
Sau là còi hơi còi hụ hiện đại bốn phương nào loạn*

Cốc! Cốc! Cốc

Hụ hụ hụ!

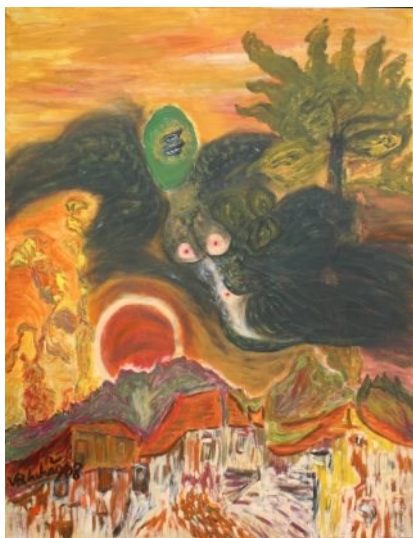
Tranh:



Ái Ân



Bầy quạ



Gió hoàng hôn



Đường chân trời

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Nhà văn Võ Thị Hảo: Nét duyên chân đất*, Văn Công Hùng viết về Võ Thị Hảo:

“Võ Thị Hảo viết văn như người đi trên dây giữa hai bờ thực và ảo với lối viết thông minh đầy tâm trạng, và chị luôn đứng về phía thiệt thòi, phía nước mắt. Những chi tiết, những mảnh đời dân dã mang đậm dấu ấn tuổi thơ của chị được chị cho thăng hoa thành những trang văn thấm đẫm tình người. Tuy nhiên, truyện của chị cũng rất dữ dội với lối tiếp cận rất hiện đại mà nếu người đọc hời hợt hoặc thích đi theo lối mòn sẽ không hấp thu nổi. Yếu tố kỳ ảo như một thủ pháp giúp chị thành công trong nhiều truyện.”

Tài liệu tham khảo:

- Võ Thị Hảo Web:
- *Biển cứu rồi* Web: khotruyenhay.net

27. Phạm Ngọc Tiến



Phạm Ngọc Tiến (1956-20)

Nhà văn Phạm Ngọc Tiến sinh ngày 2 tháng 7 năm 1956, tại xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây cũ, nay thuộc thành phố Hà Nội.

Ông tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1997.

Nhà văn Phạm Ngọc Tiến hiện là biên tập viên Hãng phim Truyền hình Việt Nam - Đài Truyền hình Việt Nam.

Phạm Ngọc Tiến đã nhận được các giải thưởng văn học:

- Giải nhì cuộc thi truyện ngắn do tạp chí Văn nghệ Quân đội với truyện ngắn *Chạy trốn*.
- Giải thưởng về đề tài chiến tranh cách mạng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1994 với tập truyện ngắn *Họ đã trở thành đàn ông*.
- Giải A cuộc thi viết về thiếu nhi của Nhà xuất bản Kim Đồng năm 1993 - 1995 với truyện vui *Đội mặt trời*.
- Giải thưởng Hội Văn nghệ Hà Nội 5 năm 1991 - 1996 với

tiểu thuyết *Tàn đen đóm đỏ*.

- Giải thưởng Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 1996 với tập truyện ngắn *Những sinh linh bé bỏng*.

Tác phẩm:

- *Họ đã trở thành đàn ông* (truyện ngắn, 1992)
- *Tàn đen đóm đỏ* (tiểu thuyết, 1994)
- *Đợi mặt trời* (truyện dài, 1995)
- *Những sinh linh bé bỏng* (truyện ngắn, 1996)

Trích văn:

Giọt gianh

Người đàn ông lực lưỡng nằm chật chiếc giường trong phòng tắm quất, đang thiu thiu ngủ, chợt vùng dậy: "Đắm bóp thế hả, biết huyết gì không mà bấm loạn xì ngầu vậy!".

Thấm giật thót người, giọng cô rú lại: "Tôi... em, em xin lỗi...".

Người khách nhìn trân vào mặt Thấm, có lẽ nhận ra nét sợ sệt chất phác của cô gái chân quê, bèn nằm xuống, và bất ngờ chuyển giọng dịu dàng: "Mới vào làm chứ gì, quê đâu?". Thấm càng cuống, nói không ra hơi: "Dạ, em ở... ở quê...".

Ông khách phì cười, lật người nằm sấp:

- Chưa thạo thìắm,ắm mạnh vào, giờ giờ mới quá là mới.

Sức vóc lực điền của cô gái thuần quê, cộng thêm một chút tủi thân, một tạo ngưng ngưng, khiến những cúắm chắc nịch của

Thấm cứ phàm phập bỏ vào tấm lưng trần của khách. Được một lát, người này nhòm dậy, thoả mãn:

- Đủ rồi, cô đấm khoẻ lắm, đến trâu cũng nghèo. Tốt!

Khách lại cười, nhìn Thấm ra chiều thông cảm, có ánh một chút thương hại:

- Sao không ở nhà làm ruộng? Nghề này không hợp với cô đâu.

Ông ta vuốt nhẹ má Thấm rồi đi ra. Thấm ngồi lặng đi. Câu nói của người khách lạ vô tình huyết trúng tim cô làm dâng lên một cảm giác hờn tủi vô bờ. Sao mà hợp được, sức vóc dư thừa có đấm bóp cật lực vẫn nhàn sức nhưng Thấm không thể nào quen được với những thân hình đàn ông lạ, dù việc cô đang làm cũng chỉ là một thứ lao động thuần túy. Quán cắt tóc- gội đầu-tắm giặt này, vốn chỉ phục vụ đám khách bình dân, công chức cấp thấp ít tiền và trong sạch đúng tất tật mọi nghĩa. Cô nhân viên ở ngăn riđô bên trong cũng đã trả khách, bước ra vỗ nhẹ vai Thấm:

- Nghĩ ngợi làm quái gì. Tao trước cũng ảm ố như mày thôi. Chưa biết, làm mãi sẽ thạo. Có công việc ở đây là quá tốt. Chỗ khác nhiều tiền, nhưng nó vằn vò mình còn quá con vật. Xuống ăn cơm đi, tối muộn rồi!

Bữa cơm đạm bạc là suất ăn được chủ quán miễn phí. Gội tắm nhưng nó chán vạn lần hơn bữa cơm quê của gia đình Thấm. Cơn mưa mùa đang quất ràn rạt, hắt cả nước vào cửa quán. Thấm là người thích mưa. Mỗi khi mưa trút, mái nhà lộp rạ của cô, nước đọng thành dòng theo giọt gianh tuôn xả bao giờ cũng gọi cho Thấm một nỗi niềm lâng lâng khó tả. Từ nhỏ, Thấm đã có thói quen ngồi ngoài hiên xem mưa. Nước từ giọt gianh đọng xuống giăng thành bức màn trắng trong suốt. Sân

đất nện, thời gian và chân người bước đã khiến nó phẳng lì, nhẵn bóng...

- Con hâm, nhớ con chứ gì? Ăn đi, kéo có khách đến lại đỏi.

Thấm lắc đầu, trệu trạo nhai. Con sao lại không nhớ, lúc ngủ, lúc ăn, lúc thòm thọt đấm cho khách, lúc nào Thấm cũng thấy hiện lên khuôn mặt thơ dại của con. Làm vợ từ năm mười bảy tuổi theo lệ làng, hai mặt con, đũa đầu lên mười, đũa sau lên tám, nếp tẻ đủ cả, lẽ ra Thấm đã có thể yên ổn sống, nhưng...

Chợt chị bạn giữ tay Thấm:

- Ai như thằng Bân.

Thấm rùng mình, nhận ra dáng Bân nhoè nhoẹt trong màn mưa mịt mùng dày đặc. Từ ngày tìm ra chỗ vợ làm, Bân thường đến ngồi ở hàng nước chè chén đối diện nhìn sang cho đến tận khi quán đóng cửa. Chiều có hoàn cảnh, chủ quán cho Thấm được ngủ lại, làm Bân càng tức điên. Vài lần, Bân đã xông vào hoành hoệ gây sự với Thấm, nhưng ở đây loại tinh tướng ở xóm làng như Bân thì làm gì nổi! Lần sau cùng, vì làm ầm ĩ, Bân bị người của quán tổng cổ ra đường. Chị bạn đóng dả:

- Mưa to thế, vẫn mò đến, thằng điên! Cho chết, cơm không ăn, ăn kít. Đạn này, mày về làng thu xếp dứt điểm đi. Không thể thương được bọn đàn ông thói tha.

Thấm im lặng bê mâm bát rếch vào bếp. Đang cọ rửa, thấy tiếng ồn ào cô vội bỏ đầy đi ra ngoài. Đúng như linh tính mách bảo, Bân đang đứng chống nạnh ở cửa. Tiếng chủ quán xa xa:

- Đang mưa ế chồng ra đây, ông biến đi cho chúng tôi nhờ, đừng cháo ám nữa...

Hình như Bân vừa uống rượu, giọng khô khô:

- Khinh thằng này không có tiền à? Đây! - Bân móc ra một nắm tiền nhàu nát - Đủ cho hai châu, gọi đúng con Thấm cho tôi!

Tất cả ửng đi vì bất ngờ, bối rối nhìn Thấm. Bân đã thấy vợ, mắt ngầu lên, đỏ đục như trâu chọi. Tụi quá, Thấm nháy hai bậc cầu thang một, nghẹn ngào:

- Anh lên đây!

Bân nằm lóng ngóng trên chiếc giường chật. Gọi là giường nhưng nó chỉ rộng quãng bảy chục phân, vừa đủ cho một người nằm. Qua con hùm hổ ban đầu ở dưới, giờ Bân đâm lúng túng, ấp a ấp úng:

- Cô làm cho thiên hạ thế nào, làm đúng cho tôi như thế! Thằng này đầy tiền.

Thấm lẳng lẳng làm phận sự. Cô xoa mặt Bân trước. Da mặt thô tháp quen thuộc của người từng có chục năm chăn gối, giờ trở nên cứng ráp dưới tay Thấm. Bân lảm nhảm:

- Tưởng gì, rồi thằng này ra chắc gì đã sung sướng. Cả làng đang réo vào mặt tôi để cô đi làm điếm kia kia - Bân ợ liên mấy cái - Tôi nói cho cô biết, từ mai tôi quyết không để con tôi phải sống bằng những đồng tiền này.

Bân lải nhải đủ chuyện nhưng Thấm bỏ ngoài tai. Thấm không ngờ mình lại bình tĩnh được như thế. Cái con người đang nằm đây, sặc sụa mùi rượu, huyền thuyên trăm thứ vừa hẳn học tàn nhẫn, vừa đau đớn bất lực, chính là người đã đẩy cô vào cuộc sống nơi thành thị đầy xa lạ và sợ sệt này... Lấy chồng khi còn là một đứa trẻ, sinh con để thành người lớn, Thấm tưởng cuộc

đời chỉ giản đơn là thế. Bân và Thấm cùng tuổi, cùng xóm, chuyện chồng vợ cũng na ná như tát ao, làm đồng, chăn trâu, cắt cỏ... Mà đúng thế, hệ trọng gì đâu, ruộng mây sào, vườn một thửa, lợn vài con, giêng hai rồi đến tết chạp, cứ thế làm nên đời sống chồng vợ. Đến một ngày, Bân chợt thấy cái giọt gianh mà vợ thích thú kia thật không thể chấp nhận được khi sánh với quả cầu đặt trên tum tầng ba của nhà tầng Bạt ngọc con lão Bất chủ tịch xã. Càng không thể chấp nhận được cái thú tối tối, vợ chồng con cái rúc rích trên giường chơi trò gia đình đêm ám. Sống là phải karaoke dần như nhà con Na "ngựa" ông ông thâu đêm suốt sáng. Bét nhất cũng được như lão Phần già mở quán bia cỏ, uống bia được xem kèm phim chương Hồng Kông, nghe đồn khách ruột uống nhiều còn được lão đãi món phim tươi mát, mũi lỗ, tóc vàng, không quần, không áo. Bân cuồng lên vì những sự lạ ở làng, càng cuồng, càng thấy mình hèn kém, thua thiệt với đời. Bân dốc sạch mọi thứ có được trong nhà vào cuộc đua đòi đời bằng một cú đi buôn. Bị lừa nhẩn túi. Chán đời, hấn lao vào rượu, vào bài bạc và cú cuối cùng là mồi lửa quẩn trí chưa thiêu nổi căn nhà nhưng cũng liếm nham nhờ mất cái giọt gianh. Xem ra mười năm chồng vợ cũng chưa phải cái gì ghê gớm lắm, Thấm mang con về nhà mẹ đẻ...

Miên man với dòng suy tưởng, Thấm chợt giật mình khi thấy cô đã ngừng phận sự từ bao giờ, đầu dụi vào ngực Bân, thói quen của Thấm khi ân ái cùng chồng. Bân, đầu ngoẹo sang một bên, miệng há, ngáy như kéo bể, quên bằng mất vụ tiêu tiền không hề nhỏ này. Thấm nhìn kỹ Bân. Gã hốc hác đi nhiều. Sau khi Thấm theo chị bạn đi làm, Bân cũng bỏ làng theo một cai đầu dài xây dựng, làm phụ nề kiếm ăn độ nhật. Bất chợt Bân chợt mình ứ ớ nói mê gì đó. Hình như Bân gọi tên con, đúng thế, gọi tên của cả hai đứa... Thấm thấy mình nao nao, chút thương xót còn lại bất ngờ dâng lên. Không kim được, Thấm lay Bân dậy, mặc cho Bân mắt nhắm, mắt mở chưa kịp

định thần, cô nói một cách cương quyết nhưng nhẹ nhàng hết mực:

- Anh về đi, đừng đến đây nữa, tôi chẳng làm gì không phải đâu. Đã khổ, đừng chuốc thêm khổ.

Bên ngỡ ngàng dụi mắt, nhìn quanh quất:

- Tôi... tôi...

Giá như Bên tiếp tục chửi bới, rửa sả, có lẽ Thắm đã không phải bận lòng. Nhưng sự ngượng ngập bối rối, có một chút như ăn năn, xấu hổ của Bên làm lòng cô như mềm lại. Con người gầy gò, lam lũ nhếch nhác này, dù với lòng cô đã như người đứng nước lã, nhưng gã vẫn là cha của hai đứa con cô. Thắm nói với Bên khẽ khàng nhưng rành rọt:

- Anh nên thương lấy mình. Uống ít rượu thôi. Cũng đừng bôi xấu tôi với con. Chúng nó còn nhỏ, chưa hiểu gì cả, tội nghiệp lắm.

Nhắc đến con, Thắm quay đi để giấu giọt nước mắt nóng hổi đang rung rung tứa ra. Bên dờ dại không một phản ứng, cun cút theo Thắm đi xuống. Ngoài trời mưa vẫn ào ào trút nước. Thắm về thăm con, lo ít tiền để bọn trẻ chuẩn bị vào năm học mới. Thấy chúng xúng xính quần áo mới, ríu rít kể chuyện nhà, đòi đi thăm mẹ, Thắm rất ngạc nhiên. Càng ngạc nhiên khi biết Bên đã sắm sửa cho bọn trẻ, nhưng quan trọng là Bên đã vẽ ra một hình ảnh Thắm khác với những gì Bên đe nẹt, rêu rao trước đây. Thắm không còn tâm trí đâu để xúc động nhưng quả thật, từ đáy lòng cô nhen lên một chút gì đó tựa như khoan dung, trong một khoảnh khắc, sự căm ghét, lòng thù hận con người đã tước đi cuộc sống gia đình của cô vơi đi rất nhiều.

Bên lại mò đến, nhưng lần này gã không uống rượu. Bên vào thẳng chuyện muốn Thẩm đồng ý cho gã lợp lại cái mái nhà. Ngôi nhà của ai đi chẳng nữa thì cũng là của con Thẩm sau này. Và lại khi Bên đã biết hồi, Thẩm cũng chả nên căng thẳng với gã làm gì. Sau đó, vài lần qua lại, gặp gỡ, trong trái tim Thẩm bắt đầu nhen lên những cảm giác cô chưa từng có. Với Bên, lòng thù hận, sự căm ghét vẫn còn, nhưng nó nhỏ hơn rất nhiều với cảm giác đang xuất hiện trong cô: sự tha thứ, lòng thương, và nhất là nỗi nhớ... Tiếp tục những lần hò hẹn, khi là một góc công viên, lúc là nơi nhà trọ rẻ tiền.

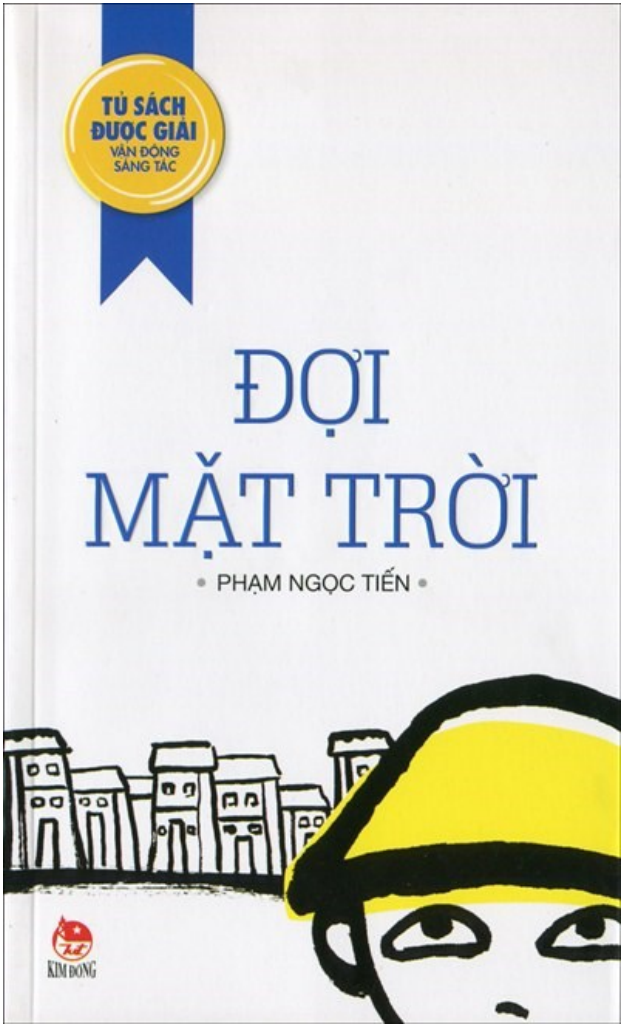
Những cuộc gặp nhiều lên thì căm ghét và thù hận mỏng lại, và điều này mới quan trọng, không thể cắt nghĩa được, nhưng Thẩm biết, cô và cả Bên nữa, đã lột xác thành những con người khác, khác cả những say đắm, mơ ước. Chị bạn cùng làng khi biết chuyện đã ngó ra, và thật bất ngờ, người đàn bà chịu nhiều đổ vỡ, luôn chất chồng trong lòng thù hận, đã buột miệng:

- Có lẽ đúng, ngày xưa bọn mình chơi trò chồng vợ sớm quá, nên chả biết yêu đương là cái quái gì... Tao chỉ thấy lạ, sau ngần ấy chuyện mà chúng mày còn đến được với nhau! Thẩm bật cười, cô không hiểu còn có cặp vợ chồng nào khác yêu nhau như thế không. Những lần trả tiền trọ, họ sòng phẳng đến mức luân phiên nhau trả.

Tôi được nghe kể câu chuyện này từ chính quán tẩm quất nơi Thẩm làm. Hồi kết của nó, xảy ra ở một xóm bờ sông nghèo, nơi có những buồng trọ tồi tàn, rẻ tiền. Bên đón Thẩm đến căn buồng gã mới thuê, để kết thúc giai đoạn sòng phẳng trả tiền luân phiên, và chính là để mở đầu một giai đoạn chung sống mới. Căn nhà nhỏ, tường gạch, mái lợp gianh. Chưa kịp trò chuyện gì thì trời lại đổ mưa sầm sập. Khi nước mưa theo giọt gianh đợt xuống, Thẩm đã bàng hoàng ngồi lặng đi nhìn vô vàn bong bóng nước nhảy múa trên sân đất. Không bao giờ Thẩm thoát khỏi mái rạ nghèo. Cần gì phải thoát, Thẩm đã sinh ra,

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

lớn lên dưới vòm mái rạ ấy, cô đã được sống những quãng đời hạnh phúc cùng giọt gianh, mái rạ và những bong bóng nước phập phồng, tất nhiên cả những buồn khổ nữa. Thấm đọt ngọt quyết định. Tại sao họ lại không trở về với ngôi nhà của mình? Ngôi nhà có những kỷ niệm cũ và một tình yêu mới. Hôm sau, Thấm và Bân rời thành phố!



Trong bài: *Biên kịch phim chính luận Phạm Ngọc Tiến: “Đã cưỡi lên lưng hổ thì làm sao xuống được!”* Phan Tĩnh nhắc lại lời Trung Trung Đỉnh nhận định về Phạm Ngọc Tiến:

“Phạm Ngọc Tiến, một nhà văn có những đóng góp đáng kể trong tiến trình văn học đương đại, nhất là truyện ngắn và tiểu thuyết thời hậu chiến. Văn Phạm Ngọc Tiến không màu mè ướt át, nhưng cũng không thô thấp vụng về... Các nhân vật của Tiến đã tự vượt ra ngoài cuộc sống buồn chẫu, mà bóng dáng của hai tốp bạn, tức là bóng dáng của ký ức chiến tranh, ký ức về những năm gian khó của đất nước đã chỉ còn thấp thoáng, bù vào đó, những nhân vật mới của đời sống hôm nay, như anh họa sĩ và cô người mẫu, một thiên truyện không có gì độc đáo cả về ý tưởng và cốt truyện, nhưng người đọc được tấm lòng thành của tác giả đưa dẫn đến một thế giới tâm hồn mới mẻ và gần gũi, ấm áp và dịu dàng, nồng nhiệt và tinh tế, bình dị và thiêng liêng, chính những nhân vật mới của nhà văn đã tạo nên chân dung anh ta”

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Ngọc Tiến Web: nhavantphcm.com.vn
- *Giọt gianh* Web: nhavantphcm.com.vn

28. Trần Hữu Dũng



Trần Hữu Dũng - Trần Hữu Đức (1956-20)

Nhà thơ Trần Hữu Dũng tên thật là Trần Hữu Đức, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1956 tại Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trần Hữu Dũng làm thơ rất sớm, năm 1974, nhóm Văn Nghệ Con Đường ở Cần Thơ có in cho Trần Hữu Dũng tập thơ có tên *Thơ Trần Hữu Dũng*.

Sau khi tốt nghiệp Trung học, Trần Hữu Dũng theo học ở Đại học Cần Thơ,

Năm 1979, tốt nghiệp Kỹ sư Nông nghiệp Khoa trồng trọt tại Đại học Cần Thơ, được phân bổ về làm việc tại Công ty Giống Tp HCM.

Năm 2001, rời khỏi ngành chuyên môn chuyển sang làm việc cho tờ báo *Văn nghệ Tp. HCM*

HUỶNH ÁI TÔNG

Trần Hữu Dũng là Hội viên Hội nhà văn Tp. HCM, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội viên Hội nhà báo Việt Nam.

Đã đoạt giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2006 cho tập thơ *Lá thông non & Em, Trăng, Sương mù*.

Nhà thơ Trần Hữu Dũng hiện sống và làm việc tại Tp. HCM

Tác phẩm:

- *Thơ Trần Hữu Dũng* (thơ, Con Đường, 1974)
- *Dọc đường nhật lấy nụ cười* (thơ, Trẻ , 1990)
- *Trông gió* (1992)
- *Cô em bé bỏng* (truyện vừa, Đồng Nai, 1996)
- *Lá thông non & Em, Trăng, Sương mù* (thơ, Hội Nhà văn, 2005)
- *Gương mặt Áo & Thật* (thơ, Hội Nhà văn, 2007)
- *Lúc 0 giờ* (2011)

Trích văn:

Nhà văn Võ Phi Hùng - Người “cô đơn toàn phần”

Ngồi ăn cơm bụi quán vỉa hè ven kênh Nhiêu Lộc, Võ Phi Hùng hấp háy đôi mắt sau cặp kính cận nói đùa: “*Chắc tao không qua khỏi con trăng này, cảm tình con chuột thối nào cũng bị... con mèo vồ mất*”. Không ngờ câu nói gỡ lại vận vào anh.

Thuở nhỏ là đứa trẻ mồ côi ở Ban Mê Thuật, được người phụ nữ nhận nuôi, sau bà má này xuất cảnh sang Pháp. Từ đó anh lăn lóc vào đời kiếm sống với đủ nghề từ bán báo dạo, dạy kèm trẻ, bung bàn ở quán cơm và... viết văn, viết báo. Nổi khao

khát có được mái ấm gia đình luôn trần trở trong lòng anh khôn nguôi. Nhiều lần anh bỏ công sức đi tìm bà má ruột của mình mà vẫn bật tầm vô tính.

Trước năm 1975, anh từng viết nhiều truyện ngắn đăng trên báo *Văn, Phổ Thông*... dưới bút danh Thánh Thu, được đánh giá là cây bút có nhiều triển vọng. Sau này anh làm giáo viên bổ túc dạy văn hóa lớp đêm ở quận 6, lấy vợ, có hai con, một trai, một gái. Thời kỳ này anh viết sung sức có hằng loạt truyện ngắn đăng ở *Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Tuổi Trẻ, Công Nhân*... Năm 1979 báo *Xuân Tuổi Trẻ* đăng truyện ngắn “*Đời có tên tụi mình*” gây tiếng vang khá lớn, đạo diễn Lê Văn Duy dựng thành phim truyện ở Hãng phim Giải Phóng. Đi đâu bạn bè cứ trêu đùa: “*Hùng ơi... Đời có tên tụi mình rồi đó... sướng nghe*”. Anh cười hiền khô, nói có gì đâu, xuất thân từ đường phố mình cứ trải thật lòng mình ra như thế.

Năm 1981, CLB Sáng tác trẻ Thành đoàn do ông Võ Văn Kiệt đỡ đầu hoạt động đình đám, lúc nào cũng tập nập các cây bút đang vào thời kỳ sung mãn, mà chỉ vài năm sau đã trở thành những tên tuổi trong làng văn nghệ thành phố: Nguyễn Nhật Ánh, Đoàn Thạch Biền, Hồ Thi Ca, Võ Phi Hùng, Lê Thị Kim, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Trung Quân, Đoàn Vị Thượng, Ung Ngọc Trí, Hoàng Ngọc Tuấn, Bùi Chí Vinh, Lý Lan, Lưu Thị Lương...

Khoảng năm 1985 anh và tôi là phóng viên báo Văn Nghệ thành phố, có dịp thân thiết bên nhau, la cà quán xá mới hiểu Võ Phi Hùng hơn. Anh thật như đêm, cười huếch hoạc, ít nói về văn chương, chỉ chăm bẵm viết, bất kể nơi nào, chỗ thích hợp nhất là quán cà phê vắng khách. Anh viết về những cuộc đời via hè, dưới đáy xã hội, góc phố, con hẻm Sài Gòn, những tháng ngày đời rách vuron lên kiếm sống. Gần như chọn hẳn nghề viết lách kiếm sống anh viết đủ mọi thể loại, phóng sự, tản văn, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, phim dài nhiều tập

HUỶNH ÁI TÔNG

cho đài truyền hình. Trong đó đáng kể nhất là bộ sách dài “*Sống sót vỉa hè*” hơn 5000 trang do NXB Kim Đồng in, kịch bản “*Giã từ dĩ vãng*”, “*Chim phóng sinh*” cho xưởng phim TFS thành phố và tập truyện ngắn “*Đời có tên tụi mình*” gây dấu ấn sâu đậm trong lòng bạn đọc.

Từ năm 2002, gia đình riêng tan vỡ, con cái trưởng thành rồi, anh chọn lối sống “cô đơn toàn phần”, cắt hẳn mọi quan hệ xa gần với người khác, tất cả dồn sức vào viết lách. Kể cả đến phút giây gần đi vào hôn mê, Võ Phi Hùng cũng không muốn gây phiền toái đến người thân, đoàn thể, nhiều lần anh giật dây truyền dịch ở Bệnh viện Hồng Đức- Gò Vấp, đòi về nhà để chết thanh thân. Nhớ có lần anh hỏi tôi:

“Còn nhớ Phạm Hữu Quang ở Long Xuyên không?”

“Nhớ... Hẳn chết rồi. Tự nhiên sao nhắc?”

*“Giang hồ ta chỉ giang hồ vật
Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà.”*

“Đúng là đời tụi mình buồn thảm quá!”

Tôi biết Võ Phi Hùng rất thèm vị ngọt hạnh phúc gia đình, vòng tay ấm áp người thân mà cuộc đời dành cho anh quá ít, ngoài những trang viết còn lại ở cõi đời này, làm sao động biết bao trái tim nhân ái.

Trích thơ:

Từ biển em về

*Từ biển em về
Mang theo nắng/ gió/ rong/ san hô
Những thứ có mặt mã ngôn ngữ xanh*

*Căn nhà mình học thêm cách nhấn nại
Rùng mình đong đưa*

*Từ lâu anh hoá thạch với cơn mộng dữ
Kêu gào đêm rỗng không
Building vây bủa, bóng ma công sở nuốt chửng
Chiếc cầu vòng thời đại bắc vào giấc mơ
Dòng sông quê chảy ngược lên bầu trời*

*Từ biển em về mang gương mặt ráng chiều
Tuyệt như núi tự tình với núi
Reo lên niềm vui tung cánh
Em như con cá kình tự nhiên bơi lội
Trong bể kính thành phố huyền ảo trong suốt
Một lần nữa hạnh phúc thấp sáng...*

Phóng sinh

*Rầm lên chùa núi Cẩm
Mở lồng thả chim bay về trời
Phóng-sinh-chim/Phóng-sinh-tôi
Tĩnh lặng ngồi dưới bóng cây
Nghe chuông đổ từng hồi
Không thốt lên lời nào
Nhịp đời trôi thanh thản*

*Một ngày tràn đầy
Tôi tìm thấy niềm vui
In dấu nơi từng bước chân
Lúc trở lại căn nhà quen thuộc.*

Những tình nhân của cao nguyên

*Những tình nhân của cao nguyên
Mê đắm huyền thoại mây trắng*

HUỶNH ÁI TÔNG

Vẻ quyến rũ hoa lys/ phố/ đồi/ núi
Khát vọng cuộc phiêu lưu vô tận
Gió thủ thi trò chuyện
Đám đông khoác áo ẩm đạo phố
Sân ga lạnh lẽo chờ những chuyến khởi hành

Bất cứ sống ở thành phố nào
Linh hồn họ luôn bị sương mù đánh tráo
Vẫn hoài hoài náo nức
Nhớ về buổi tiệc bày ra trên thảm cỏ
Ở đó, mặt trời hiện ra
Thiếu đốt mọi thứ
Ở đó, những gương mặt quen than
Toả sáng trong đêm nhiệt đới
Ở đó, những tình nhân của cao nguyên nổi loạn
Uống thứ rượu điên cuồng của trí tưởng tượng
Do họ pha chế bằng chính thân thể mình
Nơi căn nhà gỗ đồi thông
Và những cơn hứng tình
Đột kích vào đêm trăng sáng
Cặp mắt ô cửa kính mờ đục nhà ai thấp thoáng
Con đường nhỏ dẫn lối vào giấc mơ xa hút
Tiếng hú căm mơ hồ băng qua vùng ý thức sâu thẳm.

Luân chuyển mùa

Trong sự luân chuyển ngập ngừng mùa xuân
Quanh đầm nước ngọt tĩnh lặng
Mọi thứ trong suốt
Tưởng có thể chạm nhẹ vào
Khu vườn, hoa lá, chim muông, nước và khí trời

Thời gian rung nhẹ, phập phồng hơi thở em
Như gã trai tân
Tôi học cách yêu, lời tỏ tình thì thắm

*Trong thế giới bất động
Ánh sáng thân thể em toả ngời*

*Tôi mãi mê tìm kiếm
Chiếc thuyền trôi dạt vùng trời xa xăm
Đánh thức những giấc mơ tăm tối
Lắng nghe tiếng hát ngọt ngào
Của con chim bí ẩn đến từ xứ sở lãng quên.*

Cầu nguyện

*Ngày chủ nhật mưa buồn chán
Tôi nhìn con chuột xó bếp gặm xương thừa
Thời gian đập đôi cánh mỏng manh
Bay lượn vờ vờ như con bướm bị thương*

*Một ngày dài vô tận
Ở cửa hàng siêu thị trung tâm
Bao gương mặt lãnh cảm
Lướt qua khung cửa kính sáng choang*

*Sự im lặng của biển sâu
Nơi chôn vùi những ký ức của vì sao
Và cơn sấm động báo trước cơn bão
Quét sạch mọi người khỏi thành phố ám khói*

*Tôi học cách tĩnh toạ
Trong lớp học làm người hạnh phúc
Lũ người già/phụ nữ/trẻ con
Lâm râm cầu nguyện.*

Đà Lạt

*Khi tôi leo ngược dốc lên nhà thờ Con Gà
Buổi tối Đà Lạt*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Tháp thoáng ô cửa kính lên đèn
Như đôi mắt em rưng rưng đôi theo*

*Gương mặt sương mù luôn mờ ảo
Linh cảm núi, đồi, rừng thông
Vẻ đẹp lãng mạn tự nhiên của gió*

*Dãy phố quen thuộc được tân trang
Vài cửa hàng mới mở
Mái mê lạc vào vườn hoa lys trắng
Tôi như chú hươu hoang mang
Cảnh giác nhận ra hương thơm gây mùi nhớ cao nguyên.*

Những tình nhân của cao nguyên

*Những tình nhân của cao nguyên
Mê đắm huyền thoại mây trắng
Vẻ quyến rũ hoa lys / phố / đồi / núi
Khát vọng cuộc phiêu lưu vô tận
Gió thủ thi trò chuyện
Đám đông khoác áo ẩm đạo phố
Sân ga lạnh lẽo chờ những chuyến khởi hành*

*Bất cứ sống ở thành phố nào
Linh hồn họ luôn bị sương mù đánh tráo
Vẫn hoài hoài náo nức
Nhớ về buổi tiệc bày ra trên thảm cỏ
Ở đó, mặt trời hiện ra
Thieu đốt mọi thứ
Ở đó, những gương mặt quen than
Toả sáng trong đêm nhiệt đới
Ở đó, những tình nhân của cao nguyên nổi loạn
Uống thứ rượu điên cuồng của trí tưởng tượng
Do họ pha chế bằng chính thân thể mình
Nơi căn nhà gỗ đồi thông*

*Và những cơn hứng tình
Đột kích vào đêm trăng sáng
Cặp mắt ô cửa kính mờ đục nhà ai thấp thoáng
Con đường nhỏ dẫn lối vào giấc mơ xa hút
Tiếng hú cơn mơ hồ băng qua vùng ý thức sâu thẳm.*

Áo giác trắng đêm cao nguyên

*Tàu dừng lại ga thành phố sương mù đúng hẹn
Email báo tin mùa cạn kiệt anh gửi đi tuần trước*

*Và em biến mất tăm
Giống cánh chim vút bay vào rừng thông biển biệt*

*Buổi tối đèn trong toa nhạt nhoà
Từng gương mặt xa lạ lướt qua
Bánh xe nghiêng đầu đường ray sắt
Vỡ vụn từng khoảnh khắc yêu thương*

*Hình như số trời định sẵn
Đánh tráo giấc mơ
May mắn chuông nhà thờ đổ hồi thánh thót
Thay em nói lời chia tay muộn màng*

*Tàu dừng lại ga làm lữ thành phố đầy hoa mimosa
Anh lần tay mở sang trang sách mới cuộc đời*

*Hốt nhiên bầy bướm vàng múa lượn vây quanh
Chấp chới áo giác trắng đêm cao nguyên.*

Đêm mất ngủ ở Đà Lạt

*Mê đắm ngôi nhà gỗ đôi cao
Cửa sổ mở hướng ra hồ nước phẳng
Chiếc lò sưởi góc phòng thở khói mỏng*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Gió thổi khúc vĩ cầm dìu dặt xuyên qua rừng thông
Những cánh hoa lys run ngón tay nhịp khẽ
Đà Lạt tĩnh lặng với gương mặt lạnh
Đệt bằng sợi tơ kỷ ức mộng mơ tình yêu
Sáu giờ sáng tiếng ho khan bật máu
Người bạn mệnh yếu lần bước xuống cầu thang
Quờ tay tìm gói thuốc đầu giường, bật lửa
Con vàng vât sau cuộc ân ái
Sợ nhất tiếng mèò gào tình
Và tiếng em thút thít lúc chia tay
Có lần trong mơ tôi thấy mình
Ngồi cô quạnh sân ga bật khóc ngon lành.*

Hàn Mặc Tử và Đà Lạt

*Ở Đà Lạt, đêm Giáng Sinh người ta phát hiện
các thiên thần bay lượn trên đồi thông.
Và gặp Chúa bước lên cầu thang gỗ nhà mình
với nụ cười đầy ánh sáng.*

*Hàn Mặc Tử hiện về lang thang dạo phố,
hân hoan hát bài ca ngợi Đức Mẹ Maria.
Đám đông khoác áo ấm đốt nến khắp ngã đường,
cầu nguyện phép màu ứng nghiệm.*

*Tháng Chạp
bước khoan thai, nhẹ như hơi thở.
Mặt trăng cao nguyên tuôn chảy bao điều huyền hoặc,
làm đảo lộn tất cả giấc mơ.*

*Tiếng chuông nhà thờ Con Gà vang lên.
Lò sưởi ấm áp ánh lửa.
Biển sương mù xoá nhoà ngọn Lang Biang.
Xuyên qua bóng tối hoa lys rung rinh,
thăm thì về sự tái sinh cuộc sống.*

Ở Sa Pa

*Ở Sa Pa, tháng 11 này
Mọi ý nghĩ đóng băng
Sương giá lạnh buốt dao đâm
Lặng lẽ cây trái
Khúc giao hưởng mùa màng
Xuyên suốt âm nhạc trắng
Trái dài đồng xa, đồi, núi*

*Âm u & tái nhợt
Gác chuông nhà thờ chìm trong sương mù
Bất động. Con đột hứng đông cứng*

*Nhiều lần anh lãng mạn
Hái tặng em
Cành hoa tuyết
Đỉnh hàng chuỗi ngôn từ yêu em, yêu em
Lấp lánh.*

Chuồn chuồn kim

*Đầm nước mùa hè vắng lặng
Con chuồn chuồn kim đậu trên lá sen
Sưởi nắng mai*

*Làm sao em phải xa quê lâu quá
Núi vọng âm rền những ngày mưa
Tôi nằm trên võng ru chiều*

*Gió cửa những lát dao vô tình
Quay mặt về phía nào cũng rát
Phải chi nắng ám em về sưởi tóc.*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Trong bài: Trần Hữu Dũng: Gã Nam Bộ làm thơ, Từ Nguyên
Thạch đã viết:*

*“Thơ của Dũng đi từ trực giác đến cảm xúc. Không có dấu vết
của tri giác. Thơ của Dũng đi từ câu đơn nghĩa đến đa nghĩa,
đi từ vần điệu đến phi vần điệu. Thơ của Dũng mãi hoài là sự
tìm tòi cái mới, là sự rung cảm của sáng tạo.*

*Tiếng nổ giòn tách vỏ, giống tiếng khóc em mất má
Cây bông gòn xoắn lòng bay trắng xóa
Chịu mùa tang
Nỗi buồn riêng, nỗi buồn quê nhà em đó”*

(Cây bông gòn xoắn lòng)

Tài liệu tham khảo:

- Trần Hữu Dũng Web: voque.org
- Nhà văn Võ Phi Hùng - Người “cô đơn toàn phần” Web: nhavantphcm.com.vn

29. Phạm Thị Minh Thu



Phạm Thị Minh Thu (1956-20)

Nhà văn Phạm Thị Minh Thu sinh năm 1956 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vào cuối thập niên 1970, Phạm Thị Minh Thu ra Hà Nội học Trường Đại học Bách Khoa.

Năm 1981, trong khi đang học tại Trường Đại học Bách Khoa, Phạm Thị Minh Thu dự thi và đoạt Giải nhất cuộc thi truyện ngắn của báo *Văn nghệ quân đội* với truyện *Có một đêm như thế*.

Năm 1983, Phạm Thị Minh Thu được theo dự khóa 2 Trường Viết Văn Nguyễn Du.

Tác phẩm:

- *Người đàn bà tuổi Bình Thân* (1995)
- *Nỗi lo âu làm người* (1996)

Trích văn:

Có một đêm như thế

Có lẽ dừng ở đây thôi nhỉ? - Đấy, bây giờ công việc tiến triển nhanh hay chậm là tùy thuộc vào việc cung cấp số liệu của bên các chị.

Gập quyển sổ lại, cẩn thận nhét cây bíc vào túi áo ngực - Phụng vừa cười vừa nói với tôi. Tuy mới ra trường, tuổi đời và tuổi nghề so với anh chỉ đáng mặt làm “cháu” nhưng bao giờ Phụng cũng gọi tôi bằng “chị” hết sức trịnh trọng. Cũng có thể với anh đó là thói quen xưng hô trong cuộc sống hàng ngày nhưng về phần mình - mỗi lần sang công tác ở cơ quan này tôi không khỏi cảm thấy tí chút khoai khoái. Chẳng gì tôi cũng đại diện cho một cơ quan cấp cao hơn.

Công việc kết thúc, chúng tôi quay sang nói chuyện phiếm. Cùng làm việc với tôi hôm nay, ngoài Phụng còn có một người nữa - kỹ sư Vịnh, tuổi trạc ba mươi, Vịnh không hay nói lắm. Tôi chưa khi nào thấy anh tham gia vào những chuyện ngoài lề. Đặc biệt hôm nay hình như ở con người kín đáo ấy còn có điều gì khác thường, Vịnh cứ lặng lẽ hút thuốc suốt. Ngay cả trong công việc anh cũng không đưa ra nhiều ý kiến tranh luận như những lần khác. Bởi vậy khi nói “chúng tôi” thì có nghĩa là chuyện phiếm chỉ có giữa tôi và Phụng. Sự và Linh - hai kỹ sư khác có mặt trong phòng đang ngồi mài mực tàu. Trước mặt họ, trên bàn la liệt những bản vẽ.

- Thế anh chị, cái ông học sinh vật ấy liệu chiều nay có rẽ ngang, rẽ tắt đâu không nhỉ? Qua nhà gặp được ông ta để hỏi cặn kẽ về cách ươm hạt thì tuyệt.

- Cả phòng này - tiếp sau lời Phụng, Vịnh đột ngột lên tiếng - Minh có cái này, còn gần một tiếng nữa, liếc mắt vào đồng hồ nơi tay Vịnh tiếp - Minh đọc cả phòng nghe nhé.

- Cái gì vậy? Một bài báo mới hả? - Ngón tay trở đang giờ lên định đổ xuống đầu tàn điếu thuốc dừng lại, Phụng xăm xăm hỏi. Rồi chẳng đợi câu trả lời của Vịnh anh quay sang tôi - Chắc chị không biết nhỉ? Anh Vịnh của chúng tôi đây “tâm hồn” lắm. Thơ, văn đủ cả. Ấy, xin lỗi, cái tật cứ hay nói thành lời những điều chỉ nghĩ, cậu nói bao lần vẫn không sửa được! Nhưng thôi, dẹp qua chuyện vặt. Cậu đọc đi. Đừng để ý đến đồng hồ. Quá giờ một tí có chết đâu!

- Phải đấy, Vịnh đọc đi - Sự sột sáng - Bọn mình vừa mài mực vừa nghe cũng được chứ?

Vẫn ngồi ở chỗ mình, tuy nhiên cả Sự và Linh đều đã thay đổi tư thế, họ quay cả về phía chúng tôi.

- Cái này, có thể coi là... Thôi - Vịnh khẽ chặc lưỡi - khỏi dài dòng, cứ đọc nhé.

Rút trong túi đi làm ra một tập giấy, sắp xếp lại những trang phía trên, nhìn đi đâu đó giây lát, Vịnh bắt đầu.

- Có một đêm như thế - Đây là tên của truyện ngắn - Vịnh dừng lại giải thích và bắt đầu đọc vào chuyện:

Một buổi tối mùa hạ. Trời oi ả lạ thường. Cái oi ả nung nấu suốt cả một tuần lễ vừa qua theo dự báo của Nha khí tượng, ngày mai bão sẽ về. Ngày mai bầu trời sẽ cao và xanh. Rất cao và rất xanh. Những dải mây “si” trắng và mảnh như những rẻo voan nhỏ sẽ bay về. Thế rồi bão sẽ đến. Bất ngờ nhất trong những bất ngờ là bão tố.

Qua ô cửa sổ, Miên nhìn lên bầu trời. Những đêm như thế này mà được nằm ngoài trời thì thật thích.

“Những đêm thế này được nằm ngoài trời, thật thích” Vịnh chữa lại. Sau câu vấp giọng anh có vẻ nhanh hơn:

Dưới bầu trời rộng lớn, uy nghiêm có thể sẽ thao thức, thao thức mãi, lại cũng có thể thiếp đi ngon lành như trẻ nhỏ. Nơi Miên đứng, thẳng xuống là vòi nước công cộng. Mới sau giờ ăn cơm, người rửa bát, người giặt giũ, cái vòi nước ồ ồ chảy suốt. Tiếng thùng, chậu va loảng xoảng chen trong tiếng người chao nhau về những chuyện xảy ra trong ngày. Lương tăng một trăm linh năm phần trăm, nhưng mấy bà tài vụ tính thế nào lại quên quách không cộng mười hai phần trăm khu vực cho bà Nga, cái bà có giọng nói rín rít như bản lẻ khô dầu; giá thịt ngoài hạ nhanh đến ngạc nhiên; tình hình Ba Lan xem ra thật đáng lo ngại quá, chẳng hiểu Bộ Chính trị mới sẽ xoay xở ra sao; xuyên tâm liên thực ra là thuốc kháng sinh đấy, vậy mà sao con bé nhà tôi uống đến ngày thứ ba vẫn chưa hạ sốt... Những âm thanh hỗn tạp, và bầu trời đang mở ra trên tít tắp kia - có gì liên quan nhỉ?

“Ngày đêm ta bên nhau, những đêm dài chiến đấu”...

Giọng hát của một ca sĩ nào đó bỗng réo lên. Tội nghiệp cho cô gái. Cô ta không sao xoay xở nổi với chiếc máy hát cũ kỹ. Đứng ở đây Miên vẫn nhìn được đôi mày đen rậm như con trai của cô gái trên căn gác hai chênh chếch kia. Gia đình cô mới chuyển đến, Miên chưa quen họ.

... “Thời gian trong cách trở đốt cháy lửa tình yêu...”.

Giờ thì có đỡ hơn. Song vẫn chệch choạng như thể người sắp ngã. Giai điệu tha thiết ấy, trái tim tha thiết thế, mà lại vấp phải cái đầu máy hát ngỗ ngược. Đến hồng đĩa hát thôi! Mà sao máy hát của cô gái chỉ quay với một đĩa. Chỉ quay với một đĩa như thế mấy đêm rồi?

Giá như lúc này cái đầu máy hát tỏ ra biết điều, để giọng hát được cất lên như nó đã từng cất lên. Giá như lúc này được nhìn sâu vào đôi mắt của người hát và đôi mắt của cô gái còn mang đây về “cô bé” kia! Những lời ca tuyệt đẹp không bay đi, cũng không tắt bao giờ. Nó đọng lại, đọng mãi trong đáy mắt của người hát và người nghe.

Thời gian - Cách trở - Tình yêu... Vượt lên trên tất cả. Ngọn lửa không gì dập tắt nổi trong lời hát của người con trai ấy, nó có thật trong cuộc đời không nhỉ? Ngày mới lớn cùng với “những vì sao của Đôđê”, Miên đã yêu vô cùng câu chuyện cổ tích về Chử Đồng Tử và nàng Tiên Dung. Theo Miên, tình yêu phải là như thế: Giản dị và hồn nhiên. Ấy thế mà sau này Miên đã gặp ở mình một tình yêu hoàn toàn ngược lại. Và buồn thay, khi thần tượng sụp đổ trong Miên thì cũng là lúc những năm của tuổi thanh xuân đã trôi qua.

Nước vẫn ồ ồ chảy xuống thùng và chậu. Chuyên đề về thời sự vẫn sôi nổi tiếp tục. Đầu máy hát trở về điểm xuất phát của nó. Hành khúc ngày và đêm của cô gái lại chấp chới cất lên. Trong âm thanh hỗn tạp ấy, những ý nghĩ của Miên sẽ tiếp tục đan nối. Chẳng có gì vội vàng cả. Đêm này là của riêng Miên. Bầu trời trên kia... Ngày mai...

Cũng không biết Miên sẽ còn đứng bên ô cửa sổ bao lâu nữa, và tiếp sau những dải mây “si” những gì sẽ bay đến trong ý nghĩ của chị, nếu không có tiếng gõ cửa vang lên. Trong ánh sáng vàng ệch tỏa xuống từ chiếc bóng đèn cũ kỹ trên mái vòm bụi bặm, gương mặt của người khách lạ có những đường nét thật quen. Mũi ngắn và héch. Một nốt ruồi đen sậm ngay trên khóe miệng, kéo chiếc miệng hơi lệch về bên phải (cái miệng gây cho người ta cảm giác nó đang giấu một tiếng cười sau vành môi rộng). ánh mắt sâu và trầm tĩnh thoát ra khỏi cả cặp kính cận. Một cậu bé, hay một chàng trai - đã gặp ở đâu rồi khuôn mặt này.

- Thưa cô...

Một sinh viên... Không, Miên đã gặp khuôn mặt này ở một khoảng thời gian nào đó khác cơ.

Quý bắt cái trí nhớ của chị đi! Sao hôm nay nó lại tồi tàn thế.

- Mời bạn vào. Chắc đợi tôi đã lâu?

- Em mang bài đến nộp. Em nộp bài sau thế này...

- Ô, không sao đâu, tôi cũng chỉ muốn biết tình hình học của lớp thôi. Vừa nói, Miên vừa đẹp nhanh mặt bàn lộn xộn. Cô Ngọc đi an dưỡng, tôi sẽ dạy nốt phần còn lại của giáo trình cho lớp.

Sáng nay chắc bạn nghỉ. Tên bạn là Long... Ngồi xuống đi Long.

Nhưng... sao lại thế này? - Sau thoáng liếc nhanh nơi góc vẫn đề tên và lớp, Miên hết sức ngạc nhiên. Dưới phần câu hỏi “hãy nói về hiện tượng nguyệt thực” - bài viết chỉ vền vẹn mấy dòng:

“Trên mặt trăng không có hoàng hôn...”.

- Cạch! Cạch! Cạch!

Ai đó gõ vào cửa phòng làm việc ba tiếng. Giọng đọc đang dập dồn của Vịnh bị cắt ngang.

Sự đứng dậy đi về phía cửa.

- Gì thế? - Tiếng Sự hỏi ai đó.

- Tiền! Tiền! Tiền!

Tiếp theo ba tiếng “tiền” mạnh như tiếng gõ cửa, một thanh niên thấp nhỏ, tay cầm nắm tiền bước vào. Nhìn thấy tôi anh ta gật đầu chào, rồi đi lại bàn Sự.

- Cậu nộp tiền may ô nhé!

- Bao nhiêu?

- Hai mươi đồng. Phòng này chỉ còn mình cậu. Bốn đồng lưỡi dao cạo nữa là hai tư. Mà cho tiền lạnh đấy - Ông cứ nắm cả đồng thế kia tiền nào lạnh nổi, lưỡi dao cạo... thôi khoản này “nghĩ”.

Vừa nói Sự vừa móc ví, đếm đủ hai mươi đồng đặt trước mặt anh cán bộ đời sống. Không hiểu ở đâu ra mà anh có lăm tờ năm hào thế. Hôm nay chắc là “ngày căng tin” ở đây. Có nhiều tiếng lao xao phía ngoài. Hẳn người ta đang bàn xem nên mua thứ gì: áo may ô hay là lưỡi dao cạo. Lưỡi dao cạo - ở nhà tôi mọi người đang rất cần... Hỏi nhờ mua suất của Sự chẳng?

“... Biển phong phú, biển Nhụy hoa, biển Mây...”

Thôi chết, Vịnh bắt đầu đọc tiếp từ lúc nào thế nhỉ? Nhưng... chẳng có ai nhìn tôi cả. Anh cán bộ đời sống vẫn đang trao đổi về tem phiếu gì đó với Sự. Phụng và Linh im lặng nhìn ra ngoài cửa sổ. Còn Vịnh - anh đang cúi xuống những trang bản thảo và đọc, giọng khẽ hơn, thông thả như lúc bắt đầu:

... Rồi mắt khỏi bàn kiểm tra của Long, Miên bắt gặp trong đôi mắt trầm tĩnh ánh nhìn nửa mừng rỡ, nửa lo ngại. Cái ánh nhìn như đang dò hỏi, chờ đợi.

“Trên mặt trăng không có hoàng hôn, nhưng lại có biển, Biển theo cách gọi của Galilê...”.

Luật sư, trời ơi, có phải em đây không?

Sự bùng dậy của trí nhớ gần như vô ý thức. Tờ giấy mỏng mảnh rơi nhẹ xuống mặt bàn.

Ngày 16 tháng 4 năm 1972, sau ba năm rưỡi kể từ ngày 31 tháng 10 năm 1968 những - người - Mỹ - không - biết - im - lặng đã đột ngột lên tiếng, bằng cách trút hàng loạt bom và rốc két xuống Hải Phòng, Hà Nội. Các trường học phải đóng cửa mặc dù năm học chưa kết thúc. Rồi những người dân Hà Nội được lệnh phải gấp rút rời khỏi thành phố. Những trận bom hủy diệt đang lơ lửng trên đầu họ - về điều này Chính phủ Mỹ vốn thành thạo lắm, hành động của họ bao giờ cũng đi đôi với lời nói.

Đêm buông xuống trên dòng người cuộn cuộn đổ ra các ô cửa của thành phố, đi về các ngã. Ô-tô, xe máy, xe đạp, rồi xe bò, thậm chí cả người đi bộ gánh gồng nữa; người, đồ đạc, nôi niêu, chăn màn, giường chiếu... mặt đường bị cuốn phăng đi trong dòng thác ấy... Trong một đêm như thế Miên đã gặp anh sinh viên có cái tên Luật sư chị vừa buột kêu lên, khi ấy Luật sư mới là một cậu bé trạc 10 tuổi, và một thanh niên nữa - Lai. Phải rồi, người thanh niên ấy tên là Lai...

Lúc bấy giờ xe của Miên bị hỏng. Xe hỏng đúng vào lúc cô đã rời khỏi đường quốc lộ, rời khỏi dòng người ít nhất cũng hơn nửa giờ. Trên con đường tắt này - đoạn đường phía sau và phía trước chẳng có ai. Ngoài những bóng cây và những thửa ruộng im lặng đến chết người.

Chập tối khi mẹ từ cơ quan đạp xe về, báo tin đã xin các chú trong cơ quan cho Miên đi nhờ xe về quê ngoại sơ tán, cô đã bực bội vô cùng vì bị coi thường. Tự nhận thấy mình là một phần tử độc lập, hoàn toàn có thể tự lực cánh sinh được, Miên tuyên bố với mẹ việc đạp xe một mình về quê hoàn toàn là chuyện vặt.

Với một bọc quần áo và sách vở nhỏ, đạp xe đi giữa dòng người đông đúc, “phần tử độc lập” cho việc đi xe một mình là chuyện vặt thật hoàn toàn hợp lý, cũng như nỗi sợ hãi và chút ân hận giờ đây, khi đứng chôn chân với chiếc xe hỏng giữa cái im lặng đến chết người của những bóng cây và những thửa ruộng.

- Đồng bào nào mà đứng như vạc thế kia!

Từ thửa ruộng sau lưng Miên, một tiếng người đột ngột cất lên. Mừng rỡ ngoảnh lại, Miên trông thấy một cậu bé tay cầm chiếc đèn bão nhỏ đi về phía mình. Thì ra trong lúc đang hoảng, chỉ ngó trước ngó sau, Miên đã không nhận thấy cái nếp nhà nhỏ nhỏ, nằm lẫn giữa những vạt lúa tối um trên mé đường cô đang đứng.

- Xe của chị bị hỏng.

Cùng với câu than, Miên tò mò ngắm cậu bé. Nó đã tới nơi. Hai vai nhọn hoắt đựng đưa theo nhịp vung vẩy của chiếc đèn bão, gương mặt nhỏ choắt, một cặp kính cận dày cộp, rồi vành môi bị kéo lệch đi trong “nụ cười bẩm sinh” - Cậu bé như vừa nháy ra khỏi một bức tranh biếm họa nào đó.

- Chị đi sơ tán phải không?

- Ừ, chị đi sơ tán. Xe của chị đang đi tự nhiên bị hỏng.

- Tự nhiên? - Cậu bé phì cười. Cặp kính nảy lên. Hẳn nó đã thấy hết vẻ sợ sệt trong giọng nói của Con - Vạc - Khổng - Lò này - May cho chị đấy, chứ đập thêm một đoạn nữa thì chẳng có ma nào trên quãng đường này đâu. Thôi vào nhà bọn em đi. Cậu bé nói như ra lệnh. Để em đi trước soi đường cho.

- Nhà em có ai biết chữa xe không?

- Em thì không. Nhưng chị yên trí, có anh Lai. Anh ấy có thể làm được tất cả mọi thứ trên đời. Thần thông biến hóa, có kém Tôn Ngộ Không, thì cũng chỉ tí ti thôi.

Miệng nói, chân đi, chỉ một loáng cậu bé đã dẫn Miên tới nơi. Căn nhà xem ra còn bé nhỏ hơn lúc nhìn từ xa. Nó dường như lọt thỏm trước một đầm nước rộng mênh mông.

“Chúng tôi kêu gọi các bạn hãy coi tình yêu, cuộc sống của người Việt Nam là tình yêu, cuộc sống của bản thân mình, hãy coi cuộc đấu tranh...”.

- Cạch - cửa phòng mở. Một phụ nữ bé nhỏ và nhanh gọn bước vào.

- Linh ơi - Xin lỗi, chào cả nhà. Mực mài xong chưa, cho chị một tí vào đây. Này chỗ len ấy để cho chị nhé.

- Vâng! Vâng! - Linh trả lời rồi trút cho người phụ nữ một ít mực vào cái lọ con tí của chị.

- Đan cho anh cô cái mũ. Anh ấy cứ hay phàn nàn, so sánh. Lúc nào cũng thở than.

- Chậc!

Anh cán bộ đời sống khẽ buông một tiếng. Câu chuyện tem phiếu giữa anh và Sự ngừng từ lúc nào tôi cũng chẳng hay.

- Gì thế? ở đây đang đọc báo à? Thôi, chị về nhé. Chào cả nhà!

Cũng nhanh gọn như lúc vào, người phụ nữ biến mất sau cánh cửa.

“Chúng tôi kêu gọi các bạn”. - Lặp lại câu vừa đọc, Vịnh tiếp.

... Hãy coi tình yêu cuộc sống của người Việt Nam là tình yêu cuộc sống của bản thân mình, hay coi cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, vì tiến bộ xã hội là cuộc đấu tranh của chúng mình. Hãy hành động ngay bây giờ để cứu nhân loại khỏi thảm họa...

... Chúng tôi đưa ra lời kêu gọi này từ các hầm tránh máy bay ở Hà Nội.

Ký tên Gót Hôn(1) Raxít Xtôri Giôdép Noócthơ

Trong căn nhà ai đó đang mở đài. Giọng đọc truyền cảm mạnh mẽ của người phát thanh viên đã ngừng. Phần nhạc xen giữa các đoạn tin cất lên. Miên đứng lại bên chiếc xe. Một thanh niên từ trong nhà bước ra. Hai tay rút túi quần, chân đá vào một vật gì đó dưới đất, anh nói một mình: “Tất cả đang sôi lên, vậy mà mình cứ ngồi đây...”.

Hắn đây là anh Lai của cậu bé, con người có thể làm được tất cả mọi thứ trên đời - Miên nghĩ thầm và quay sang cậu bé, dáng chừng để chờ một sự giới thiệu nào đó.

- Chào bạn.

Nhận ra sự có mặt của Miên và cậu bé, người thanh niên niêm nở lên tiếng.

- Anh làm như cả thế giới đã lên đường rồi không bằng. Nếu anh không ở đây - ai sẽ trông đồng tre, lá này, lại còn lo đất làm nhà nữa. Đặt chiếc đèn bão lên hè, cậu bé lên tiếng chững chạc đến bất ngờ.

- Xin có lời cảm ơn Luật sư. “Ngài” đây cứ bào chữa cho mình suốt đấy - Thân mật như đã quen từ lâu, người thanh niên vui vẻ nói với Miên - Xe của bạn bị hỏng phải không? Luật sư thế mà tài. Bọn này đang ngồi câu, lúc quay lại lấy mồi, cậu ấy phát hiện ra bạn. Mình cho là bạn dừng lại nghỉ, nhưng nó thì bảo: “đường vắng thế này bọn con gái có đồ cũng chẳng dám ngồi nghỉ, kiểu này chỉ có hỏng xe”. Mình định nghe nốt bản tin rồi chạy ra. Mình là Lai. Nào đưa xe mình xem cho. Mà có thể gọi bạn là gì nhỉ?

- Em là Miên - Trao xe cho Lai, Miên trả lời.

- Mình sẽ gọi bạn là Miên.

- Sao lại “sẽ gọi” ạ?

- Anh ấy không biết gọi mọi người bằng tên của họ đâu. Như em chẳng hạn, hẳn hoi là có tên, tên đẹp nữa là khác. Con Ròng Xanh, - ông em vẫn gật gù bảo thế, vậy mà anh cứ réo Nhóc, lại réo Luật sư...

- Có người đề than phiền cũng thích thật. Nhưng than vừa thôi, kính tụt khỏi mũi rồi kia! - Sắm của bạn bị hỏng. Lại sang vành nữa. Đồ chữa xe bọn này không có. Đồ chữa xe... - Sau một thoáng đắn đo Lai tiếp - kể ra chạy vào làng mượn ngay cũng được, có điều đi tiếp nếu lại hỏng dọc đường thì gay. Tối lắm rồi, hay Miên ở lại sáng mai đi sớm? Nhà này chỉ có mình và

Luật sư. Trong nhà có đài, có thể nghe đọc truyện đêm khuya, hoặc nếu không thích thì tắt nó đi và nằm ngủ. Đêm sẽ qua rất nhanh thôi.

Ở lại đêm trong nhà một người không quen - bố, mẹ chắc không bao giờ nghĩ đến chuyện này. Nhưng đi tiếp làm sao được. Anh ấy nói đúng đây - nhờ giữa đường xe lại hỏng thì sao? Quả là lúc đi Miên không hề nghĩ đến điều này.

- Nhưng - Miên ngập ngừng, thế còn anh và Luật sư?

- Bọn này nằm ngoài trời. Với lại cũng chẳng ngủ đâu. Nhóc con đang khoái câu cá.

- Chị ở lại đi! Từ đây đến làng sơ tán của chị dọc đường chỉ có một lũ bạch đàn thôi. Ghê chết lên được. ở lại xem bọn em câu cá. Hay lắm!

Đưa tay đẩy cặp kính dày và nặng đến mức cái mũi héch ngược lên cũng không giữ nổi, Luật sư giục già.

- Anh và Luật sư câu được nhiều không ạ? Miên hỏi.

- Một chú! Cậu bé lấu tấu.

- Thế là chị ấy đồng ý rồi. Của “Ngài” Luật sư đấy. Nom hán khá đấy chứ? - Cả ba đã ở bên bờ đầm. Lai giờ con cá lên ánh trắng soi rõ vệt lấm và những sợi rác vụn bám trên cái lườn bàng bạc của con trôi. Nó đã chết.

Rời mắt khỏi con cá Miên lại gặp vàng trắng. Đã lên cao, lúc này vàng trắng mảnh hơn, và màu đỏ cũng nhạt hơn. Giờ mới thấy đôi chân môi rã rời, môi đến không thể làm chủ được. Chẳng gì, Miên cũng đã đập trên ba mươi cây số, cô ngồi bệt xuống.

- Sao lại có trăng đỏ hỏ anh? - Chưa bao giờ em thấy trăng thế kia.

Không phải chỉ riêng Miên dùng mắt trên cái màu đỏ đồng kỳ lạ ấy, có tiếng Luật sư hỏi khe khẽ. Chắc nó sợ nói to cá sẽ nghe thấy.

- Em thì biết gì ngoài sách. Rồi sẽ đến lúc phải đeo lồng hai kính vào nhau nữa kia. Có người bảo đấy là điềm của chết chóc, của mất mùa, rồi chiến tranh - Lai bật cười.

- Điềm của chiến tranh... Đừng giễu cợt thế! Nếu như lúc này anh cũng có mặt trong dòng người...

Bàn tay đang bóp bóp chỗ chân nhức dừng lại - Giọng Miên run run.

- Mình xin lỗi, nếu có gì không phải... Nhưng - Miên đã thấy gì nào?

Thấy gì ư?

- Kịch - cửa phòng mở, một người đàn ông đứng tuổi vào.

- Chào cả phòng - Sau khi quay lại khép cửa - ông hướng về phía Phụng. Cho mình xin tí lửa. ồ, xin lỗi...

- Cạch! Cạch! Cạch! Sang lĩnh lương cho người ta còn về chứ!

Cùng với tiếng gõ cửa, ai đó nói to ngoài cửa phòng rồi vội vã đi, tiếng “gộc” khua lộp cộp.

- Lương với chả lậu - Anh cán bộ đời sống lâu nhâu.

- Thôi, dừng ở đây... Tiếng Vịnh nói khẽ.

- Không, không! Ông cứ đọc tiếp! Lương chả lĩnh hôm nay thì mai. Nào! - Phụng hắt hàm.

Tôi và mọi người cùng gật đầu đồng tình với Phụng. Và Vịnh lại cúi xuống những trang bản thảo.

- Trở lại câu trên nhé - Anh nói, rồi tiếp tục đọc.

Thấy gì ư? Trong đôi đồng tử đang dần ra của Miên vàng trắng trên kia như đang “to” lên, to mãi. Rồi biết bao ý nghĩ bỗng lập gập xô về. Lai và cậu bé Luật sư, không, cả Miên nữa - Chính cô cũng cần phải hiểu lại những xúc cảm miên man ấy.

- Em cũng không biết. Vàng trắng như nhòe đi. Tiếng Miên khê khàng. Có điều trắng thượng huyền mà lại to và nặng, lại còn màu đỏ nữa... Tưởng như có một mặt trời được kéo ngược từ phía hoàng hôn trở về. Một mặt trời trong đêm - Vàng trắng đỏ ối. Trên dòng người đang im lìm đổ ra khỏi thành phố, trên bầu trời với những đám mây rạn ra từng khoảng lớn, cái mặt trắng lừng lững ấy...

Nói tới đây Miên có cảm giác như đang đi trở lại trên con đường đã qua, lẩn vào dòng xe cộ đông đúc. Trên những chiếc xe ấy Miên đã thấy gia tài bé nhỏ của những người dân trong thành phố của cô, đã thấy những chiếc ghế mây mà trên đó những cái đầu bé bỏng cứ gật lên gật xuống theo nhịp xe xóc, hai bàn tay - cũng bé bỏng như thể buông lơ trên thành ghế - phần lớn các em bé đều đã ngủ ở dọc đường. Có một cái gì đó cứ dâng lên trong mí mắt Miên, cô không sao nói tiếp được.

- Đừng sợ!

Giọng Lai thấp xuống. Trong giọng nói của anh Miên cảm thấy Lai đã hiểu những gì cô không diễn tả nổi. Trước sự quá tinh tế của những diễn biến tình cảm trong tâm hồn con người - ngôn

từ bỗng trở nên khô cứng, nghèo nàn. Vào lúc ấy, may chăng chỉ có âm điệu trong giọng nói mới giúp con người truyền đạt được những gì họ muốn. Bởi vì nếu không, chỉ căn cứ vào hai tiếng “đừng sợ” Miên hẳn đã cho rằng Lai đã hiểu sai cô. Không phải điềm chiến tranh. Cũng chẳng thể là nỗi khiếp sợ. Một sự bất nhẫn chăng? - Nhẹ quá! Vậy thì điều gì đã diễn ra trong tâm hồn khi bắt gặp sự liên tưởng: Có một kẻ nào đó đã dùng cái gam màu ghê sợ ấy xóa đi màu trắng xanh dịu của những ngày tháng thanh bình?

Im lặng trôi qua. Tiếng Lai khe khẽ:

- Trước lời kêu gọi của Gót Hôn, đài đọc thơ của Nam Hà, Miên có thích bài đó không?

- “Đường dài đi giữa Trường Sơn. Nghe vọng bài ca đất nước...” - Đúng không? Thích ghê lên ấy chứ! Cái Dữ bạn em, anh có biết không - Miên tiếp - Hơn em hai tuổi. Khai tặng một tuổi, đợt sơ tán này nó ở nhà để xin đi thanh niên xung phong. Bố nó thích lắm, trong mọi việc chẳng bao giờ chú ấy cấm đoán cả.

- Thế bố Miên hay cấm Miên những việc gì?

- Cấm đủ thứ - Miên trả lời. Hai năm lớp tám, lớp chín tối nào Dữ cũng đến học nhóm với em. Bàn học của bọn em kê ở một góc, nhưng chỉ liếc qua là bố em biết ngay là đang ngồi học, hay đang xem truyện.

- Giờ học lại ngồi đọc truyện, bị mắng cũng phải. Luật sư xen vào.

- Kia Nhóc, để chị ấy nói! Lai giơ một ngón tay lên “đe” cậu bé.

“Giờ thì chị hiểu tại sao em bị gọi là Luật sư rồi. Nhưng cảm cũng chẳng được! - Giọng Miên thoáng vẻ đắc thắng. Kéo cái ngăn kéo ra một chút, em để truyện trong đó, và cứ đàng hoàng thế mà đọc. Dự ngời đối diện với em, lúc nào bố em từ buồng đi ra, nó khẽ ho lên một tiếng, thế là ngăn kéo tự động ập vào. Tất cả những cảm đoán - bố em cứ nghĩ rằng nếu không mê đọc truyện quá, chăm chỉ học hành em sẽ trở thành một người giỏi giang. Rất giỏi giang nữa cơ đấy!

Khẽ bật cười, như thể vì đang hình dung ra mình trong vai trò một người giỏi giang, rồi Miên tiếp:

Có một lần em suýt chết... Anh có biết không - bố em rất hay kiểm soát ngăn kéo và giá sách. Lục truyện mà. Nhưng ai đòi đại dột để ở những nơi ấy. Muốn tìm truyện phải xuống dưới bếp cơ! Thùng gạo, chạn thức ăn, thùng đồ vật, rồi trong đồng củi, dưới gầm lò cũ... Phái mạnh các anh, nhất là cực mạnh như bố em, ai để ý đến những nơi vớ vẩn?

Thế nhưng “đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma”. Lần suýt chết ấy - buổi tối đọc xong, khuya rồi mệt quá, em quên không sơ tán sách. Sáng ra dậy muộn, quàng quàng xách cặp chạy. Đến lớp, học hết giờ đầu, vào tiết thứ hai, tiết toán của thầy “Tuần bút chì” em mới sực nhớ: quyển Phục sinh vẫn để trong ngăn kéo. Sợ quá, chẳng còn nghĩ được đến xin phép nữa, em bật ra khỏi cửa sổ lao một mạch theo đường tắt về nhà. Em ngồi bên cửa sổ, bọn em học ở dãy nhà một tầng, chỗ đó có con đường dẫn ra ruộng rau. Theo đường này qua làng Quỳnh. Chỉ mười lăm phút sau là có thể có mặt ở nhà.

Nếu bố em mà giờ ngăn kéo ra... thì ôi thôi. Liếp sẽ tan tành! Sáng đó sương mới nhiều làm sao. Sương như từ vùng hồ ao dâng lên - Một bức tường sương kéo suốt dọc đường. Lạnh thế mà mồ hôi cứ toát ra...”

- Chị thoát không? - Luật sư hỏi dồn. Chẳng hiểu nó đang hỏi hộp lo cho số phận Liép, hay cho Miên.

“Thoát!” - Miên trả lời Luật sư. Rồi tiếp - giọng băng khuâng. Thế mà thầy Tuấn không mắng em. Thầy Tuấn rất hiền. Gày nữa, mùa đông trong chiếc áo bông rộng lưng thùng, trông thầy giống hệt chiếc bút chì trên đây nắp bút máy Hồng Hà, loại bút đàn ông ấy.

Giờ học cuối cùng trước ngày 16 tháng 4, lẽ ra thầy cũng phải giận em, vậy mà... Thực ra em không nên làm thế. Bao giờ em cũng sai. Nhưng tại sao người ta cứ viết ra những quyển sách hay quá như thế?

- Trong giờ toán hôm đó Miên đã làm gì? - Lai hỏi.

- Giờ kiểm tra một tiết, nhưng em lại ngồi đọc “Đất Quảng”. Kiểm tra hình. Bài rất dễ, chỉ mười lăm phút là xong.

Quyển “Đất Quảng” vẫn còn một phần nữa, cuối giờ toán bọn nó lại đòi... Miên khê thờ dài. Lẽ ra hết giờ em phải xin lỗi thầy. Thầy ngồi trong lớp chấm bài để trả ngay. Nhưng em đã không xin lỗi. Bọn con trai chơi cờ tướng vui quá... Nếu biết đây là buổi học cuối cùng em đã không làm thế. Không bao giờ làm thế!

- Hết hè đến xin lỗi vậy.

- Anh bảo sao? Miên hỏi lại.

- Minh bảo hết hè đến xin lỗi - Lai nói.

- Thầy đi bộ đội rồi. Bài làm hôm ấy thầy vẫn cho em điểm mười. Thầy Tuấn đi bộ đội. Dự đi thanh niên xung phong, còn em đi sơ tán. Thế mà bố, mẹ em còn định gửi em theo xe các

chú trong cơ quan... Ngừng một lát Miên lại tiếp. Ban nãy anh bảo mặt trăng đỏ là điềm chiến tranh. Điềm chiến tranh dứt khoát không phải rồi, nhưng mất mùa thì có thể lắm chứ. Biết đâu chẳng có liên quan nhất định về thời tiết?

- Chẳng phải đâu - Lai trả lời. Ngoài hiện tượng thủy triều và áp triều ra, mặt trăng không có ảnh hưởng gì đến trái đất cả. Còn màu đỏ hồng kia là do sự khúc xạ của các tia sáng mặt trời vào trong khí quyển, các tia đỏ đập lên mặt trăng... Mà có biết không - trên mặt trăng không có hoàng hôn đâu nhé. Nhưng lại có biển. Biển theo cách gọi của Galilê. Người ta đặt cho biển của mặt trăng những tên như: Biển Mưa, biển Trong Sáng, biển ảm ướt, biển Yên tĩnh, biển Phong phú, biển Nhụy Hoa, biển Mây...

- Anh học về những cái đó à?

Miên thốt lên, ngạc nhiên và thích thú. Đôi mày doãng ra trên vàng trán phẳng và cao.

- Đâu có, giọng Lai thoáng vẻ ngượng ngập.

- Đưa hộ mình cái cần câu với.

Khi đưa cần câu cho Lai, Miên nhận thấy anh có một đôi mắt rất đen. Có lẽ còn đen hơn cả những dải nước mà sóng đang lôi vào bờ, rồi lại ném ra xa tít tắp kia.

- Sao cần câu ngắn thế anh? - Giọng Miên trong và nhẹ.

- Tháng tư cá thường ăn sát bờ... Nhưng kìa, ngồi không khéo bạn sẽ làm hỏng hết hoa đấy!

- Hoa nào?

Theo bản năng Miên nhồm người lên, như thể đang ngồi trên hoa thật. Thì ra chỗ Miên đang ngồi là một thềm vườn, mà vạt cỏ tươi tốt bên đầm đã mọc trùm vào. Phải nhìn kỹ mới thấy những gốc cây đã héo.

- Có thấy gì không?

- Những gốc cây?

- Chỉ thế thôi à! - Thở ra rồi hít vào thật mạnh xem nào.

- Hít vào thật mạnh... Trời, sao từ nãy đến giờ em không nhận ra nhỉ?

- Suyt! Luật sư quay lại, đưa tay lên miệng cảnh cáo tiếng reo của Miên.

Hắn cậu ta sợ cá nghe thấy.

Hoa loa kèn. Một mùi thơm ngọt mát dâng lên.

Giữa những gốc cây đã héo, giữa những lá cỏ dài tươi tốt, cây hoa còn sót lại ở một góc thềm vườn chỉ có một bông hoa duy nhất. Thật khó tưởng tượng nổi hương thơm ôm đậy cả khoảng không bao la này, chỉ dâng lên từ đài hoa mảnh dẻ đến đường kia.

- Trước đây là nhà của một ông già rất yêu hoa. Giờ ông chuyển vào làng, nhường đất cho sinh viên làm nhà ở và giảng đường. Có biết vì sao mình nhắc đùng ngồi lên không?

- Miên lắc đầu.

- Hoa đã cắt, nhưng còn củ để lại ươm dưới đất đấy - Lai giải thích.

- Giật đi anh... Thôi, hỏng rồi!

Có tiếng quấy nhẹ. Tiếp theo là tiếng thờ dài thực to của Luật sư. Dưới ánh trăng, cái gọng kính của cậu in hình to kệch, nom đến kỳ dị.

- Hôm nay đen quá. Thôi chả thèm câu nữa.

Luật sư ngáp dài, và nằm xoài luôn xuống. Nó gỡ kính. Lại ngáp. Một lát im lặng. Rồi bỗng cất tiếng, giọng ngái ngủ:

- Cái ông Gớt Hôn ấy buồn cười nhỉ. Ngồi dưới hầm rồi kêu gọi... Mà ban nãy anh nói về mặt trăng là bịa thật đấy?

- Xin cứ tin tôi - ngài Luật sư!

Có gì đó vừa giễu cợt, vừa triu mến trong giọng Lai.

Cả ba cùng im lặng. Trong đêm tĩnh mịch chỉ còn vang lên tiếng nước vỗ bờ. Mặt đầm cứ rộng ra, rộng mãi và, và bầu trời dường như cũng được nâng lên - cao và nhẹ hơn. Luật sư chùng đã ngủ. Tiếng nó thờ nhẹ nhẹ. Cái kính cận rời khỏi tay, từ mặt kính loáng lên một vệt sáng.

Lai đứng dậy đi vào nhà, rồi trở ra với một cái áo. Anh cuộn áo lại, nâng đầu cậu bé lên và luôn xuống dưới.

- Ở nhà nhóc được chiều lắm. Ngủ không gối hăn ta bị đau đầu đấy. Lai khẽ cười, rồi như nhớ ra điều gì anh bỗng ngáp ngừng... Thực ra mình cũng chẳng biết gì đâu, về mặt trăng ấy. Ban nãy là mình đọc thuộc lòng một đoạn trong giáo trình thiên văn của Pôlác đấy. Quyển sách tình cờ rơi vào tay mình. Ông ta viết hay đến nỗi không thể không thuộc được... Cả chuyện cá ăn sất bờ vào tháng 4, và hoa loa kèn khi cắt rồi, thì củ để

dưới đất urom tiếp mình cũng “nghe” sách thôì. Bao giờ về Hà Nội mình sẽ tìm lại quyển sách của Pôlác cho Miên đọc.

- Thật chứ?

- Thật. Có điều đừng đọc trong giờ của thầy “Tuần bút chì” nữa và cũng đừng nhét Pôlác vào gầm lò cũ hay chạn thức ăn mà ông ta lại kiện mình.

Im lặng.

- Anh Lai này... Trong quyển sách thiên văn của Pôlác có viết về đêm không? - Anh bảo có à? Tiếng Miên như từ sóng nước vọng lên. Bố em bảo em sinh ra vào lúc nửa đêm...

- Một giấc mơ - ừ, tên Miên... Nhưng với mình Miên sẽ là đêm, Lai như nói một mình. Rồi bỗng anh thốt lên: Miên xem kia!

- Trăng...

- Không, đừng nhìn trăng. Vì sao đổi ngôi - Miên có thấy không? Hẳn một vệt sáng xanh... Nó rụng xuống đâu nhỉ?

Im lặng.

- Khuya lắm rồi - tiếng Lai như bưng tỉnh. Thôi Miên ngủ đi, lấy sức sáng mai còn đạp xe tiếp. Minh nhường cho cái bờ đê này đây. Nằm đây ngủ khoái hơn vào nhà. Lai đứng dậy nhìn quanh, rồi trở vào vạt cỏ ngay chân Luật sư. Nằm đây này!

- Còn anh?

- Minh thức. Phái mạnh mà...

Im lặng. Sóng xô nước vào bờ. Cùng với cảm giác một cái gì mềm mại lướt dưới lưng, Miên nghe tiếng Lai từ trong nhà cất lên:

- Thế... Ngủ đi, đừng sợ!

... Tất nhiên không phải ngay trong lúc này tất cả những điều xảy ra trong đêm ấy đã trở về cùng lúc trong trí nhớ Miên. Mà phải một thời gian, một khoảng thời gian dài sau này Miên mới có thể sắp xếp được những ý nghĩ của mình, sắp xếp được những gì đã xảy ra theo một trình tự rành mạch. Mới có thể mừng rỡ đến từng chi tiết nhỏ những gì đã có trong đêm đó. Còn bây giờ, trong cuộc gặp gỡ quá đỗi bất ngờ này chỉ kịp cảm thấy trong tâm hồn đang mệt mỏi của mình luồng gió năm xưa tươi mát ùa về. Những ngọn cỏ đâm vào chân buồn buồn. Đài hoa mảnh dẻ đỡ lấy năm cánh hoa trắng ngà, trên mỗi cánh hoa ấy có muôn vàn tia nước li ti chảy - Những tia nước trong lành đã vọt lên từ mặt đất ẩm ướt trong suốt cả mùa xuân, qua thân cây xôm xốp. Rồi hương thơm của nó... thứ hương lúc thì dậy lên nồng nàn, lúc lại mất đi trong những đợt gió ào ạt đưa về từ phía bên kia bờ đầm. Và sau hết, trên tất cả là âm hưởng của một giọng nói - Cái âm hưởng vừa giễu cợt, vừa triu mến lạ lùng, nhớ lại chị chưa hề gặp ở một người nào khác.

Phải chăng trọn vẹn những gì Miên mơ ước đều đã có trong đêm đó?

Khoảng im lặng của những xao động trôi qua, Miên hỏi:

- Anh em giờ thế nào nhỉ?

- Anh Lai không phải anh trai em. Em sơ tán về làng đó, gặp rồi quen thôi. Ngày ấy anh Lai là một trong những sinh viên đi

tiền trạm để lo xin đất, và lo chuyện làm nhà cho trường. Cho đến hôm đó anh Lai đã có tên trong danh sách đi bộ đội. Mất anh Lai còn cận nặng hơn em rất nhiều, nhưng anh ấy không đeo kính. Anh Lai bảo tập cho quen đi, chứ có kính thì còn đánh đắm gì. Nhưng thực ra không đeo kính để được đi khám tuyển thì đúng hơn. Đã có tên trong danh sách đi bộ đội, nhưng vì chưa có người tiếp quản công việc, nên mặc dù rất sốt ruột anh ấy cũng phải ở lại. Còn bây giờ, chị hỏi anh Lai... Long quay đi, và cũng như đêm nào cái gọng kính lại in hình to kệch nom kỳ dị, có khác chăng là in trên tường chứ không phải trên bờ cỏ tươi tốt năm nào - Anh Lai mất đã năm năm. Im lặng một lát Long tiếp - Hà Nội thế mà rộng. Sau những - ngày - bê - năm - hai về em tìm chị suốt cả mà không thấy. Những năm sau cũng không hề thấy. Có cái này em vẫn giữ cho chị. Long đặt trước Miên một phong thư đã cũ và nhàu, nét chữ ngoài bì không còn rõ nữa, nhưng lành lặn sạch sẽ. Thư không dán tem.

- Một người bạn anh Lai đã cầm về - Long giải thích và đứng dậy đi về phía cửa sổ.

Trong phần đầu lá thư gửi cho Luật sư. Lai đã kể về cuộc sống của anh khi chuyển sang đơn vị mới. Bằng vào thư thì những gì anh đã trải qua trong những ngày này đều tuyệt vời hết sức. Cái giọng điệu “tùng trãi” trong thư, hẳn Lai rất hay dùng với Long, tuy không phải lúc nào anh cũng thành công. Nhớ đêm ấy Long đã tỏ ra ngờ vực hết sức khi nghe Lai nói về mặt trăng. Thậm chí nó còn hỏi thẳng thừng có phải chuyện của anh là bịa không.

Còn phần sau của thư - cứ theo ngày tháng thì phần sau viết cách một khoảng thời gian dài.

“Luật sư ơi, bọn anh giờ bắt đầu vào cuộc rồi. Có kể em cũng không hình dung hết được những gì bọn anh đã qua đâu. Em còn nhớ anh Kiệt không? Cái cậu beo béo, hay cười, cùng đi

một đợt với anh ấy. Cách đây hai ngày anh và các bạn anh đã mai táng cho Kiệt cùng hai người nữa. Riêng Kiệt, thật thương tâm - thi hài cậu ấy chỉ là một mảnh áo...

Cứ qua một đợt đơn vị lại vui đi. Rất có thể ngày mai trong số vui đi tiếp theo sẽ có anh. Nhóc vẫn hay giễu cợt, rồi lại bào chữa cho tính hay bịa đặt của anh. Nhưng trong những điều anh sẽ nói sau đây - em phải tin và đừng hỏi lại nhé. Trong khoảng thời gian thuộc về mình này sao anh nhớ Hà Nội, nhớ đêm trước mấy ngày nhập ngũ của anh - nhớ đến cồn cào. Tên chị ấy là đêm. Thật may mắn cho anh làm sao, vì như thế lúc này anh có cảm giác như chị ấy đang đứng ở đâu đó rất gần anh thôi. Cô bé có vàng trán trắng dưới mái tóc hất ngược về phía sau... Vàng trán và đôi mắt - mỗi lúc nhớ lại anh không khỏi liên tưởng đến những đám mây trắng, thứ mây vẫn thành thoi bay trên bầu trời, trong những sáng hè yên tĩnh...

Nếu ngày nào đó anh hỏi địa chỉ thì trong từng ấy năm anh đã có thể biết được những gì đã đến với “cô bé” của anh. Giờ đây nếu sau trận pháo này - anh có mặt trong số vui đi, thì nghĩa là cuộc gặp gỡ sẽ không bao giờ có. Luật sư sẽ bào chữa cho anh thế nào nhỉ? Anh đã chia tay không hề tìm cách biết thêm ngoài một đôi điều chị ấy đã nói, và cũng không hề tỏ ra cần biết tiếp về những gì sẽ đến với chị ấy. Đêm trôi qua dưới một vàng trắng màu đỏ, dòng người đổ đi vô tận qua các ô, lời kêu gọi của Gót Hôn... Những ngày tháng dữ dội và khốc liệt đã bắt đầu, vậy mà tại sao anh lại chia tay với Miên như chia tay một cô bạn cùng phố - hết hè rồi sẽ gặp lại. Tại sao thế?

Nhưng thôi tìm cách giải thích những trạng thái tâm lý để làm gì. Tất cả đều kỳ lạ... chỉ chút nữa thôi mặt đất sẽ rung chuyển vì pháo của bọn anh và pháo của bọn nó, vậy mà, Nhóc có tin không - anh nghe thấy cả tiếng cá quẫy đấy. Anh đã để hụt nó. Lúc ấy em thở dài mới khiếp chứ. Lại còn bực lây với cả Gót Hôn. Con cá hản không nhỏ. Nhưng anh có thể chú ý được đến

HUỶNH ÁI TÔNG

điều ấy chẳng - khi mà, trong cái dáng đang vươn về phía trước, chị ấy sao mà giống như bông hoa loa kèn ở góc vườn đến lạ lùng?

Bông hoa vươn thẳng, hắt một tia sáng trắng dịu lên vàng trắng đỏ ối - lúc này đây - giữa không gian khét lẹt và nóng bỏng, anh đã gặp lại hình ảnh này...”

Đọc tới đây, Vịnh ngừng lại. Anh để tập bản thảo xuống bàn, nơi từ đó đang vang lên tiếng con sâu nghiền vào gỗ kèn kẹt, rồi đưa tay lên xoa mãi vào trán và mắt.

Cái đêm ấy - trong cuộc chiến tranh vừa qua, phải chăng niềm tin ở mỗi chúng ta đều dựa trên những điểm tĩnh đầy thơ mộng như thế, và với niềm tin đó chẳng có sự tàn bạo, khốc liệt nào đè bẹp nổi? Mọi người trong phòng im lặng. Họ đang theo đuổi ý nghĩ gì?

Phần mình, tôi nghĩ chỉ thấy trước mặt một đầm nước rộng mênh mông, bên đầm nước - trong yên tĩnh đầy tin cậy giấc ngủ hồn nhiên của cậu Luật sư và Miên. Làm sao không ngủ được khi vì sao của Lai đã rụng - Khuya lắm rồi... Làm sao không ngủ được khi hai tiếng “đừng sợ” đầy trĩu mền đã cất lên? Bên giấc ngủ thật sâu của bông hoa và cậu bé ấy - Lai có biết rằng anh đã thực sự lên đường?

Nhưng kia - có tiếng chân ai vang lên ngoài hành lang... Tiếng dép kéo, rồi tiếng gì đó khua rùng rùng. Cửa phòng bật mở - và người thường trực của cơ quan xuất hiện với chùm chìa khóa to tướng.

- Chà, các vị - Giọng ông cáu kỉnh. Sao giờ này mà chưa gửi

chìa khóa? Bộ không cho người ta ăn cơm nữa sao? Họp thì phải báo trước chứ!

- Xin lỗi bác, chúng tôi có chút việc.

Nở một nụ cười xin lỗi với người thường trực, Vĩnh quay sang mọi người:

- Chúng ta về thôi chứ nhỉ?

- Kẽng hết giờ lúc nào mà không nghe?

Trong tiếng ghé xô, tiếng chân bước và tiếng cặp lồng va chạm, anh cán bộ đời sống nói to, hấn cổ ý để người thường trực nghe thấy. Đúng vào lúc này, chuông đồng hồ của thành phố điểm sáu tiếng.

- Đúng là ngày tháng mười. Mới sáu giờ mà đã tối là tối.

Trên dãy hành lang, lặng tanh vẫn tiếng anh cán bộ đời sống vang lên.

- Cậu về đâu? Đi bên tôi Linh khẽ hỏi.

- Cuối phố Huế - Tôi trả lời chị.

- Xa nhỉ. Mà cậu có gần chỗ bị bom không? Buồn cười, ngày mới lấy nhau “ông nặn tượng nhà mình” cứ lôi mình đến đây suốt. Chả là dạo đó bạn bè anh ấy đang đắp phù điêu. Về sau nghe đâu người ta đã bỏ nó.

- Phù điêu là gì? - Sự chen vào.

- Phù điêu trên bức tường của phố Huế - Anh không biết à? Linh hỏi lại Sự.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Ờ, ờ... mình là dân ngoại thành.

- Các vị nhanh chân lên một tý để tôi còn khóa cầu thang. Com canh nguội tiết rồi!

Người thường trực lúc này đã xuống đến bậc thang cuối cùng - ông ta khua nắm chìa khóa lên và giục già.

Cả mấy người chúng tôi cùng vội vàng rảo bước. Và trong sự vội vàng đó. Linh đã không nhắc lại câu chuyện về những phù điêu ở phố tôi. Thật may cho tôi, vì chính tôi - tôi cũng không hề biết những phù điêu ấy có còn hay không.

(Hà Nội - Những ngày áp thấp Tháng 11 năm 1981)

Hành văn và kết cấu truyện của Phạm Thị Minh Thư rói tung, lạ rất hấp dẫn, kích thích độc giả đọc tiếp để hiểu thêm, chuyện đang ngưng thì lại tiếp, chuyện đang tiếp thì lại ngưng, người ta không đoán được như những truyện khác theo một lối mòn xưa cũ.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Thị Minh Thư Web: maxreading.com

- *Có một đêm như thế* Web: diendan.vnthuquan.net

30. Ngô Thị Ý Nhi



Ngô Thị Ý Nhi (1957-20)

Ngô Thị Ý Nhi sinh ngày 26 tháng Giêng năm 1957, tại Thừa Thiên Huế, tốt nghiệp khoa Toán đại học Sư phạm, cử nhân Pháp văn.

Từ năm 1990, Ngô Thị Ý Nhi bắt đầu đăng thơ trên các báo *Văn Nghệ*, *Tuổi Trẻ*, Tạp chí *Văn...*, đăng một số truyện ngắn trên tạp chí *Văn*, *Văn Nghệ*, *Văn Nghệ Quân Đội*, *Sông Hương*, *Nhớ Huế...*, là hội viên Hội Nhà Văn tp. Hồ Chí Minh.

Ngô Thị Ý Nhi đoạt Giải ba cuộc thi sáng tác cho thiếu nhi năm 2012 – 2013 do Hội Nhà văn Đan Mạch và NXB Kim Đồng tổ chức với truyện ngắn *Chuột nhất 7a3*.

Hiện là giáo viên trường THCS Ba Đình, quận 5, Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Con đường thời gian qua* (thơ, Hội Nhà Văn, 1994)
- *Con ngựa đen đốm trắng* (truyện ngắn, Trẻ, 1999)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Sinh nhật cuối đông* (thơ, Văn Học, 2004)

- *Giọt biển* (truyện ngắn, Hội Nhà Văn, 2006)

Trích văn:

Bão

Tôi sinh ra ngoài vòng lễ giáo. Mẹ tôi, một người đàn bà góa đang xuân không giữ được tiết hạnh đã làm lỡ sinh tôi. Cha tôi, một người đàn ông đã yên ổn gia đình cũng không thuộc giòng họ Sở đã bần tiếng xin đến nhận con. Ngoại tôi nghiêng răng trả lời: “Thà con gái tui mang tiếng chửa hoang chớ tui không hề dạy con tui đi phá hoại gia cang người khác.” Tôi trở thành đứa con không cha. Mẹ ôm chặt tôi vào lòng. Mẹ đặt tên tôi là Bão, chữ bão dầu ngã. Đó là một ngày tháng năm, nắng nung trời nê đất.

Tôi lớn lên trong gian nhà cổ ba gian hai chái. Căn nhà rường đã cũ kỹ với tháng năm mà ngoại và mẹ thay nhau đắp chỗ này, vá chỗ kia. Lầu tu bổ cuối cùng là chống đỡ cái chái đầu nam và trở thêm cho nó một cửa sổ ngó ra vườn. Trước kia, đây là căn “buồng gó” tối tăm mục nát mà mẹ đã giao cho tôi bảo rằng tôi đã lớn. Mặc dầu đi vào đi ra vẫn có mẹ trong nhà nhưng tôi phải rời bỏ vòng tay âu yếm yêu thương của mẹ rất sớm. Những bức tường, những cánh cửa bàn khoa như bao nhiêu cặp mắt phán xét đè xuống mẹ con tôi. Thế là tôi trốn ra vườn, khu vườn thênh thang cây trái. Một lần, chừng như tôi lên bốn mẹ đi chợ về mua cho tôi một quả bóng nhựa. Quả bóng đồ làm tôi thích nê man. Tôi mang quả bóng ra vườn chạy nhảy. Trong một cú xoay người, cả tôi, cả bóng lao vào vòng tay mẹ. Hai mẹ con cười khanh khách. Vòng tay mẹ xiết lấy người tôi, đôi môi mẹ mơn man trên vàng trán thơ dại của tôi. Bàn tay bé xíu của tôi níu cổ mẹ. Nhưng vừa khi đó mẹ bỗng sững người lại. Tôi ngơ ngác nhìn lên. Ngoại đó. Ngoại đứng nơi bậc cửa nhìn, thở hắt ra một tiếng: “Báu lắm đó”, rồi

bà quay ngoắt vào trong. Tôi còn bé dại lắm nhưng lò mò nhận ra là mẹ con tôi đã làm một điều gì không phải phép. Tôi đứng im cúi đầu. Một con kiến bò nghênh ngang trên mu bàn chân tôi, cắn một miếng đau nhói rồi thản nhiên bò xuống. Tôi đưa tay xoa chỗ đau ngược mắt nhìn mẹ. Mẹ đang khóc. Mùa này cây khế đang hoa, thả những nụ li ti xuống mặt nước. Cái vại cao ngang cổ tôi. Tôi nhìn vào. Vại nước đầy loảng quảng.

Từ đó tôi hiểu rằng tôi không được như anh Khiêm, dù anh lớn hơn tôi sáu tuổi. Tôi không được lấy hồn để mẹ dễ dàng, không được vùi quạ khi mẹ về chợ. Mà với tôi mẹ cũng rất kiệm lời khen mỗi khi xem bài vở. Tình thương của mẹ dành cho tôi cứ lặn hết vào trong. Có khi là một gói kẹo giấu dưới đáy giỏ, là mấy cuốn truyện tranh tìm được đâu đó, là khẩu súng nhựa bắn nước để tôi chơi một mình với mấy bụi cây. Những món quà giấu dúi đó lâu lâu cũng bị ngoại và anh Khiêm bắt gặp. Ngoại quay đi không nói gì nhưng anh Khiêm thì ghen tức ra mặt. Trẻ con, những phần chia giấu diếm ắt phần đó phải nhiều hơn. Mà anh ghen tức với tôi làm gì khi anh là niềm hãnh diện của mẹ, là đại diện cho phần đời đẹp đẽ mà mẹ đã sống. Bên cạnh mẹ anh tung tăng tíu tít hồn nhiên ngừng cao đầu. Còn tôi... tôi còn nhớ một năm tôi và anh Khiêm theo mẹ đi kỵ cổ. Trong khi tôi thơ thẩn góc sân nhặt nắp chai bia chơi một mình thì có một bà già, già như ngoại đến nâng cầm tôi lên. Đôi mắt hấp háy nhìn thẳng vào mắt tôi, bàn tay nhăn nheo sờ soạng lên môi, lên mũi rồi vắn về vành tai tôi sẫm soi từng chút một. Tôi rùng mình. Mẹ đứng đó tự bao giờ. Mẹ nhỏ giọng bảo tôi:

- Con thưa mẹ đi.

Tôi lí nhí lặp lại:

- Thưa mẹ.

Bà buông tôi ra quay về phía mẹ:

- Thăng “lờ” đây phải không?

Mẹ cúi đầu:

- Dạ.

Tiếng “dạ” khó khăn như bị chặn ngang cổ. Đôi mắt đỏ hoe, mẹ quay đi len lén chùi nước mắt.

Từ đó mỗi lần có dịp kỵ giỗ, cưới xin, thấy tôi xớ rớ bên mẹ là anh Khiêm quát:

- Mày thì ở nhà. Mày chỉ làm cho mẹ khóc.

Tôi ở nhà. Tôi cũng chẳng ham gì đến đó. Mẹ để sẵn cho tôi một tô com và niêu cá bóng thệ kho tiêu. Những con cá mẹ kho đậm màu sẫm lại, cong vòng lên mẩn mà, vừa bùi vừa ngọt. Kỵ cổ vào tháng chạp trời mưa lạnh. Tôi nhìn bụi chuối xơ xác sau hè vừa bung tô com nguội ăn một mình. Tiếng mưa rả rích, tiếng gió lùa qua cửa bàn khoa. Quen rồi, buồn nhưng không khóc.

Ngày cuối đời của mẹ cũng vậy. Lời cuối cùng dành cho tôi chỉ vòn vẹn một câu: “Cha con đó”. Tôi nhìn người đàn ông trước mặt, nghe âm vang câu nói như bật ra từ những ray rứt dồn nén suốt những tháng năm bão tố. Ngoại đã cho phép gọi ông về vì thương thân tôi cô cút. “Đã mất mẹ thì còn có cha mà dựa.” Ông đứng một lúc nhìn những giọt nước mắt trào ra từ khóe mắt nhắm nghiền của mẹ rồi kéo tôi ra ngoài. Thế cũng xong. Mẹ đã mãn nguyện lắm rồi. Dù sao cũng nói được cái điều ai cũng biết, điều mà ngay lúc mới hoài thai tôi người ta đã đồn dậy Huế. Để tránh búa rìu dư luận cha tôi đã tìm cách đưa cả gia đình vào Đà Nẵng làm ăn. Tôi lớn lên trong lòng thành phố, những ánh mắt phán xét, những ánh mắt thương hại đuổi theo tôi suốt quãng đời thơ ấu. Mẹ mất năm tôi học lớp mười hai, đủ

khôn lớn để nuốt vào lòng những giọt nước mắt. Có cha và mất mẹ, cán cân chênh vênh quá. Cái đực bù chi nổi cái mất. Đưa mẹ đi rồi tôi ngồi thờ thần nhìn mưa chảy thành dòng trước mái hiên. Mùa này mưa bão. Gió quật tôi bời hàng chuỗi xác xơ. Sao mẹ không dặn dò tôi một điều gì đó? Tôi gục đầu vào đôi bàn tay... Biết mình không qua khỏi, mẹ lần lượt gọi từng đứa con vào phòng. Mẹ dặn dò gì chỉ riêng người đó biết. Mỗi người nắm lấy bí mật của riêng mình, nắm lấy lời ký thác của mẹ. Cả anh Khiêm, cả Lua, mỗi người ở lại phòng mẹ lâu lắm để nghe mẹ nói. Khi bước ra, mắt anh Khiêm hoe đỏ, còn Lua thì ôm mặt chạy ra sau vườn nức nở. Phần tôi, mẹ chỉ nói một câu, chưa đầy một phút. Điều mẹ nói hiển nhiên ai cũng biết. Mẹ không có gì gởi gắm cho tôi sao? Ngay cả với Lua, đứa con gái đầu phải do mẹ rút ruột đẻ ra...

Tôi còn nhớ ngày Lua bước vào nhà tôi. Một con bé đen đuôi nhếch nhác, gầy khăng gầy khiu như con chuồn chuồn kim ngơ ngác. Mẹ nó là bạn hàng của mẹ, buôn bán thua lỗ mất sạch vốn. Tiền hàng họ không trả được mà nhà lại đông con bèn đem gán cho mẹ tôi như một hình thức trừ nợ. Mẹ chép miệng: “Thôi, nuôi làm phúc”. Trái với thân xác còm cõi của nó, con bé có sức chịu đựng bền bỉ đến không ngờ. Nó ý thức ngay thân phận của nó trong ngôi nhà này. Sáng sớm, mới thức dậy đã nghe tiếng chổi của nó quét lạt sạt trước ngõ, sau vườn. Bếp lửa cháy đỏ với cơm canh nóng sốt. Mà Lua chỉ mới bằng tuổi tôi. Vậy mà nó gọi tôi bằng anh ngọt xớt dù chỉ nhỏ hơn tôi ba tháng tuổi. Thấy nó ngồi thu lu trong góc bếp mờ mịt khói và tro, ôm khư khư cuốn tập, mẹ bảo: “Thôi thì cố học cho hết cấp hai rồi phụ với bác mua bán.” Năm đó tôi lên cấp ba, vào Quốc học, Lua có tên trong danh sách được tuyển vào Hai Bà Trưng. Học cho biết sức mình thế thôi chứ Lua biết phận mình lắm. Đội mắt thật buồn, Lua xếp hết sách vở thành một chồng, lấy dây buộc lại. Bàn tay Lua vuốt mãi chiếc áo học sinh gấp lại, cho vào ngăn kéo. Bắt gặp cái nhìn của tôi, Lua ngập ngừng một chút, đổi giọng vui vẻ:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Thôi, học chừng đó cũng đủ rồi. Em sẽ theo bác tập tành mua bán. Em sẽ giỏi như bác.

Tôi nhìn Lua cười chột nhận ra rằng em đã lớn. Mà em lớn thật. Lớn trong cái dáng gầy guộc, trong bước đi tất tả, trong chiếc nón lá dãi dầu. Tôi thấy trong em, hiện thân cả cuộc đời đầy chịu đựng lo toan của mẹ. Từ ngày có em công việc bán mua của mẹ nhẹ nhàng hẳn. Năng tháng tư, tháng năm Lua đổ đậu xanh đầy sân phơi phồng. Em bảo phải phơi năm sáu nắng thì khi cất đậu mới không bị mốc. Mẹ buôn hàng năm, có một cửa hàng nhỏ gần chợ An Cựu. Cửa hàng này ngoại trao lại cho mẹ tập tành từ hồi còn con gái. Mẹ cất đậu xanh, bột ngọt, dầu ăn... bán lại cho các bạn hàng trong chợ. Sau này, phía trước mẹ còn bày thêm một ít hàng bán lẻ: giấy tiền vàng bạc, nhang nến, mấy lọ thủy tinh đựng các mẫu trầm, mấy ngọn đèn dầu nhỏ nhỏ mà người ta thường thắp trong các am miếu. Bước vào gian hàng của mẹ lúc nào cũng phảng phất một mùi hương sấm hối. Cuộc đời của mẹ quanh đi quẩn lại là bốn bức tường. Vậy mà lòng mẹ... Chẳng biết mẹ nghĩ gì, mùa tựu trường năm đó khi mua sắm cho anh em tôi, mẹ lôi ra một xấp vải trắng đưa cho Lua bảo: “Con may gấp áo cho kịp mà nhập học với người ta.” Lua sững người, tròn xoe mắt không tin vào những gì mình nghe thấy. Em ôm xấp vải vào lòng nước mắt trào ra. Từ đó, em như một đứa con của mẹ. Một cô con gái chịu thương chịu khó tận tụy trong mọi công việc của gia đình, cô con gái nét na, hiếu hạnh mà những phút cuối đời mẹ đã gom hết sức tàn gọi riêng vào phòng ký thác. Là một thằng con trai tôi không ganh tị với em nhưng tôi lặng thầm nuốt những giọt nước mắt.

Tôi nhận được điện thoại của Lua vào buổi tối, khi đang ngồi một mình ở bàn làm việc. Tôi cầm ống nghe với một chút ngạc nhiên:

- Lụa đấy hở em?

- Dạ...

Tiếng dạ nhỏ và ngập ngừng làm tôi hỏi dồn:

- Có chuyện gì không em?

- Dạ... sắp đến ngày giỗ mẹ.

- Anh biết, anh nhớ ngày mà.

Im lặng. Tôi nghe đầu dây bên kia hình như là tiếng khóc. Tiếng khóc được nén lại, nghẹn ngào. Chuyện gì vậy? Mẹ mất hơn mười năm rồi. Đây đâu phải là lần giỗ đầu tiên.

- Năm nay... anh về?

- Ừ, anh Khiêm gọi điện bảo anh thu xếp công việc về giỗ mẹ và giải quyết một số việc nhà.

- Vừa rồi... bão lớn lắm.

- Anh có nghe anh Khiêm nói. Nhà mình bị tốc mái phải không? Anh Khiêm đã cho người sửa lại.

- Dạ... Anh...

Tôi chờ đợi và sực nhớ ra:

- Phía gia đình em thế nào? Cả nhà thường không?

- Dạ... thường. Anh... Cây bưởi bị chặt rồi anh.

Câu nói hấp tấp của Lua chưa kịp làm tôi ngạc nhiên thì phía bên kia đã cúp máy. Tôi đặt ống nghe xuống ngơ ngẩn. Không biết nghĩ gì tự nhiên tôi bước đến mở ngăn kéo, cái ngăn kéo đựng các thứ linh tinh mà tôi không nỡ vứt bỏ. Tôi rút một lá thư của Lua. Một bông hoa khô nhẹ bỗng rơi xuống tay, rã ra từng mảnh. Hoa bưởi... Trong số cây trái vườn tôi có cây bưởi. Cũng chẳng có gì đặc sắc vì quả chua mà ít khi đậu quả đến già. Chỉ có mùa hoa, tràn trề, sung mãn. Lua hái từng chùm, bỏ vào trong túi áo rồi le te theo mẹ xuống chợ. Mùi hương quanh quẩn theo em suốt ngày. Lớn lên một chút, đến tuổi làm dáng hình như em có cách giữ mùi hương quanh mình mà không cần mang hoa theo. Dĩ nhiên những chùm hoa cao cao đó em phải nhờ tôi hái. Nhưng tôi chỉ giúp vài lần thôi. Sau đó Lua phải đổi. Tôi “mua” những ly nước đậu ván rang pha đường vừa thơm vừa ngọt của em bằng những chùm hoa bưởi trắng tinh khô để trong chiếc rổ tre nho nhỏ. Đi học về, uống chén nước em pha ngọt đến ruột đến gan. Tôi đi xa lâu rồi, cả chục năm trời rồi phải không Lua? Thế mà em không quên, năm nào cũng gởi cho tôi một bông hoa khô bé xíu, gởi kèm theo thư. Mỗi năm chỉ một lá thôi, khi thì nhân dịp giỗ bà, khi thì giỗ mẹ nếu tôi không thu xếp được để về. Những bức thư... Trong ngăn kéo linh tinh này nếu lục lại tôi sẽ tìm đủ mười hai lá thư không thiếu lá nào cả. Tôi không có ý giữ gìn nhưng có một cái gì đó níu tay tôi lại không để tôi vứt đi cùng bao giấy tờ vô nghĩa khác. Tôi bâng khuâng thả lá thư vào ngăn kéo như đưa tay khép một khoảng trời riêng đầy sao xuyên. Và giờ đây, những mẫu hoa khô đang nằm trong tay tôi run rẩy. Tôi không bóp nát bông hoa nhưng có cảm giác một cái gì đó đang đau đớn vụn vỡ giữa tay mình.

Thời tiết xấu quá, chuyến bay phải hoãn tới, hoãn lui. Đến khi đáp xuống Phú Bài thì đã mười giờ tối. Anh Khiêm mở cửa cho tôi trong tiếng mưa rả rích. Đêm đó, tôi ngủ trên chiếc giường cũ của mình nghe căn nhà sao trống trải quá. Mẹ mất, ngoại cũng không còn, Lua thì đã về quê. Nhà chỉ còn o Đậu

với anh Khiêm. Căn nhà này lâu lâu lại thiếu đi một người như thế. Tôi xa nhà từ khi vào nam học đại học. Đó là con đường tốt đẹp, bình yên nhất mà mẹ thu xếp cho tôi vào phút cuối đời. Cha tôi thực hiện ngay bốn phận bao năm rồi mình thiếu sót. Chu cấp tiền ăn học cho tôi trong bốn năm đại học. Nhờ đó, cuộc sống của tôi sau này cũng nguôi sóng gió. Mẹ trả Lụa về với gia đình nhưng thay vì cấp cho em một khoản tiền làm vốn thì mẹ giao cho anh Khiêm quản lý và cứ tháng tháng Lụa lên anh Khiêm nhận tiền ăn học. Tốt nghiệp Sư phạm, em trở về xin một chân bán sách. Thấy tôi ngạc nhiên, em buồn buồn: “Em nhận được phân công đi xa lắm. Em cũng muốn đi nhưng anh Khiêm không bằng lòng.” Anh Khiêm không bằng lòng. Rồi sao nữa? Mười năm rồi em làm một cô bán sách lầm lũi đi về. Mười năm rồi em mài mòn em bằng những bước đi luẩn quẩn bên bờ sông Hương quanh quẽ. Rằm, mồng một, sợi dây vô hình nào đã buộc em đều đặn trở về thấp lè tè bàn thờ một nén nhang thơm. Bàn thờ có bà, có mẹ.

Đạo đám tang bà tôi còn là một sinh viên nghèo, nhếch nhác phải nhảy tàu về quê nhưng không kịp. Lụa khóc: “Bà đi rồi. Em với anh Khiêm ngồi cạnh mà mắt bà cứ ngóng mãi ra cửa. Chắc bà chờ anh.” Góa chồng năm mươi tám tuổi, bà ở một mình nuôi dạy con. Suốt một đời vào ra khuôn phép, tảo tần gánh vác, giữ gìn nề nếp gia phong. Thế rồi tôi cất tiếng khóc chào đời. Tất cả tan tành trong phút chốc. Tiếng khóc cửa vào tim như một niềm tủi nhục. Ngoại còng lưng cúi đầu gánh tiếng thị phi. Tôi hốt hải nhảy tàu về chịu tang bà mà trong thăm sâu vẫn nghe âm vang tiếng bà gọi, vẫn tin bà chờ tôi đến phút cuối đời. Tôi đứng trong vườn ngơ ngác. Khu vườn dậy lên mùi thơm ổi chín. Chợt nhớ một lần bà tìm được trong vườn một quả ổi lớn lắm, quả ổi bị chim ăn một góc. Bà liếc nhanh vào nhà. Anh Khiêm đang học bài ở đó, còn tôi, chơi lúc thúc bên mấy bụi nhài. Bà nâng quả chín trên tay, ngắm nghía một lúc rồi gọi:

- Nì, Bão.

Tôi ngược lên, đứng yên, lo lắng. Nhưng bà đã đến bên chia quả ổi cho tôi. Quả ổi chín vàng ươm. Con chim nào mổ vào lòng quả chín để lộ ra lòng quả đỏ như son. Tôi nhận lấy bằng cả hai bàn tay lem luốc của mình, chốt nhận ra mắt bà và mắt mẹ sao mà giống nhau đến lạ lùng. Cứ ươm ướm nước. Khi ngoại đi rồi, tôi nhâm nhi trái chín, từng chút một. Cả đời, chưa bao giờ tôi được ăn một trái ổi thơm mềm, ngon đến thế.

Tôi trở mình. Những giọt mưa đều đều ướt cả giấc mơ tôi...

Anh em tôi ngồi lại để thu xếp việc nhà sau bữa cơm trưa. Một mâm cơm cúng đơn sơ, thơm tất do tay Lụa vun vén. Vấn đề được giải quyết rất nhanh. Tôi cần bỏ sung giấy tờ để hợp thức hóa ngôi nhà. Nhà cửa thì cũng như con người vậy. Căn góc gác, chứng từ. Gia đình tôi chẳng ai có ý nghĩ sẽ bán nhà nhưng trên pháp lý, cuốn sổ đỏ là điều cần thiết. Kết thúc vấn đề anh Khiêm nói như phân trần:

- Em thì đi xa, anh phải ở lại gánh vác. Nhà cửa xuống cấp quá. Năm nào anh cũng phải tu sửa.

Tôi mơ màng:

- Sao em cứ thấy căn nhà này giống hình ảnh của ngoại, của mẹ.

- Đời ngoại, đời mẹ cực khổ mấy cũng cố chịu đựng mà giữ lấy đất đai ông bà. Anh cũng sẽ không bao giờ bán đi. Anh sẽ tu bổ, sẽ xây dựng.

Tôi im lặng một chút rồi nhìn anh:

- Nhưng anh có thấy nhà mình bây giờ lạnh lẽo, quanh quẽ quá không. Em nghĩ xây dựng một căn nhà điều cần là thoải cho nó một linh hồn. Mà việc này phải có bàn tay phụ nữ, một người anh yêu thương thực sự.

Anh Khiêm quắc mắt nhìn tôi, rồi nhìn ra cửa sổ. Góc búi cụt ngọn sừng sững ở đó. Góc vườn xác xơ, trống trải bày ra. Giọng anh đanh lại:

- Đó là việc riêng của mỗi người. Anh cũng cần phải tính toán, phải thu xếp.

- Vâng, vì anh là đàn ông, là trụ cột. Cả đời bà và mẹ còng lưng gánh vác, chịu đựng, lo toan. Mà em nhìn quanh hình như phụ nữ xứ mình ai cũng có cái dáng dấp của bà, của mẹ. Em nghĩ đã đến lúc cất bớt đi những gánh nặng không cần thiết trên những đôi vai gầy tội nghiệp. Cần có cái nhìn khác đi để cuộc sống nhẹ nhàng thanh thản hơn.

- Vậy thì để linh hồn bà và mẹ thanh thản nhẹ nhàng cần phải làm gì? Ngày ngoại mất em không về kịp, mẹ mất em nhận được một câu. Với em, mẹ cho. Với anh, mẹ gởi gắm. Em nhận, rồi tự do bay nhảy. Anh nhận, rồi trần trở bản khoán. Cuối đời, gần nữa tiếng đồng hồ mẹ giữ anh ngồi bên mẹ. Anh hiểu, đâu phải đứa con nào cũng được mẹ đặt hết kỳ vọng vào mình.

- Người ta kỳ vọng vào những người mình yêu thương. Mười năm rồi. Đến lúc mỗi người cần nhìn lại xem đã thực hiện đến đâu những gì mẹ dặn dò, mong mỏi. Em tin rằng mẹ mong chúng ta hạnh phúc. Để có em trên cõi đời này mẹ cay cực thế nào, tủi nhục thế nào? Tất cả, mẹ nuốt hết. Tại sao thế? Nếu đơn giản chỉ là chuyện lỡ làm thì chỉ cần nhờ y học can thiệp. Bao nhiêu người làm thế. Anh biết đó, người ta giải quyết nhanh và gọn thế nào. Nhưng mẹ đã cru mang em, đã cho em

được nhìn đời, được lớn lên bên cạnh anh. Về tình thương của mẹ, em không hề có mặc cảm mình kém cạnh anh.

- Lớn lên bên cạnh nhau nhưng mỗi người mỗi khác. Cách nhìn của họ hàng, làng mạc đặt vào mỗi người cũng khác. Anh mở mắt chào đời, anh đã thuộc về ngôi nhà này. Đó là điều hiển nhiên. Cũng như trong tâm thức của bà, của mẹ hiển nhiên căn nhà này phải thuộc về anh..

- Nhưng giấy tờ, pháp lý, chính quyền lại không nghĩ vậy. Thế nên em mới phải ngồi đây... để ký.

Anh Khiêm nghiêng răng gằn giọng:

- Mày... mày là thằng Bão.

- Vâng, em là Bão. Chỉ có điều lâu lắm rồi em không còn bản khoán tự hỏi mình là hiện thân hay là hậu quả của những cơn bão tung hoành.

Tôi đẩy xấp giấy tờ về phía anh:

- Đây, những gì thuộc về anh, anh cứ giữ lấy.

Chống tay xuống bàn tôi đứng dậy:

- Còn những gì thuộc về em, dứt khoát em sẽ mang theo.

Anh Khiêm đi rồi. Tôi ngồi thừ người một lúc rồi bước ra vườn. Trời hé lên chút nắng yếu ớt của một ngày sắp tắt. Tôi lại bắt gặp cái vại nước mưa và Lụa. Vẫn cái vại nước mưa chực đầy loãng quăng. Lụa đang khóc, đôi vai gầy run run cúi xuống vại nước mưa. Cây khế cũng đang vào mùa hoa. Những chám hoa li ti rụng xuống bám vào tóc Lụa. Nhưng tôi, tôi

không còn là thằng bé con với quả bóng đỏ năm xưa. Tôi bước đến, nắm tay lên thành vai:

- Lụa.

Em vẫn cúi đầu thả những giòng nước mắt. Những giọt nước mắt xối vào lòng tôi bỏng rát:

- Anh không biết phút cuối cùng mẹ dẫn dò em những gì nhưng mười năm rồi, anh biết có những điều em không làm được, phải không? Đừng hành hạ mình nữa, đừng trói buộc mình nữa, Lụa. Lòng mẹ nhân hậu và bao dung.

Lụa quay mặt đi, khổ sở:

- Mẹ dẫn... mẹ muốn...

- Không, những gì mẹ dặn riêng em, em cứ giữ lấy. Còn anh, anh biết rõ những gì mẹ muốn. Suốt một đời cuu mang mẹ chỉ mong mỗi một điều là các con mình vuông tròn hạnh phúc.

Tôi đặt tay lên vai Lụa, xoay người em đối diện với tôi:

- Mà hạnh phúc đang chờ phía trước, em có dám lên đường không?

Trích thơ:

Quán gió

*Trở về không gặp mùa hoa.
Gió lật lá những bụi bờ hoang dại.
Đã quỳ trốn nơi đâu?
Trở về tìm quán gió ngày xưa,
Con dốc cũ chiều chênh vênh nắng đỏ.*

HUỖNH ÁI TÔNG

Ba cây thông không còn.
Cả chiếc cốc em cầm trên tay,
Giọt cà phê lãnh loãng.
Không phải giọt cà phê đầu đời em uống cùng anh,
Nồng nàn vị đắng.
Cái rùng mình ngoan như câu thơ.
Thương cho đến bây giờ.
Phải không anh,
Đà Lạt không còn là Đà Lạt của ngày xưa.
Quán vẫn gió đầu không còn là quán gió.
Anh không còn là anh ngày cũ,
Em không còn là em ngày cũ,
Nhưng khi đặt mái đầu vào ngực anh em biết,
Mình vẫn còn nhau.

Gặp mùa hương cỏ mật

Tình nương theo đồi cao
Tình sa vào lũng thấp
Gặp mùa hương cỏ mật
Bồng tan thành chiêm bao

Tháng giêng, cỏ ngọt ngào
Giờ thánh ba cỏ đắng
Đừng trách thảm giọt nắng
Gởi tình vào cỏ xanh.

Rặng thông già chêng vênh
Gọi nổi buồn phố núi
Chiều nay nghe gió nổi
Dậy một thời bên nhau.

Dầu em lên đồi cao,
Dầu em về lũng thấp

*Gặp mùa hương cỏ mật
Em bỗng thành chiêm bao...*

Mưa Huế

*Tạt vào hiên lạnh,
Hạt mưa bay nghiêng,
Tìm nhau bối rối.
Chiếc lá ửng vàng cũng bối rối trong mưa.
Bay qua thời thiếu nữ,
Mưa...
Những nhánh sông duềnh lên tràn vào giấc mơ,
Bát ngát.
Vành nón lá như vàng trắng mười sáu
Nghiêng bên nào gió cũng nghiêng theo.
Và hương hoàng lan,
Hương hoàng lan thơm suốt đường chiều.
Mưa...
Thấm vào tiếng rao đêm.
Tiếng rao nhòe nhoẹt.
Con đường nghèn nghẹn bóng đêm.
Hai hàng cây khô gầy gió lùa xơ xác,
Cúi đầu,
Nuốt nước mưa.
Mưa...
Mưa...
Vẫn là mưa Huế.
Tóc phai màu rồi,
Lại gặp Huế mưa.
Chiếc ghế đá quay mặt ra bờ sông xưa
Ngóng giấc mơ về khóa sóng.
Và tiếng rao đêm trên con đường vắng
Lạc vào cổ tích tự bao giờ
Chỉ còn chiếc lá khô
Khẽ khàng đặt mình xuống mái ngói rêu phong*

*Thanh thảo,
An nhiên giữa mặt nhìn trời,
Mưa...*

Và con hiểu...

*Cái đòn gánh trong tay con, rấn rỏi
Bao nhiêu năm trên vai mẹ uốn mềm.
Mẹ đã gánh đời con qua giông bão.
Ngọn gió nào sót lại phía sau lưng
Mẹ đi chợ xa,
Mẹ ghé chợ gần
Gánh com áo, giọt mồ hôi quá thực.
Kỹ cà kỹ kịt,
Bước qua cầu chông chênh...
Cái đòn gánh như cái bập bênh
Điểm tựa mỏng manh, đôi vai gầy của mẹ.
Con mãi miết với trò chơi con trẻ.
Chẳng thể hiểu một điều,
Khi nhắc bỗng niềm vui là nặng nỗi buồn gieo.
Con hồn nhiên trên điểm tựa cheo leo.
Tung hứng vui buồn với trời xanh mây trắng
Mẹ cúi mặt xuống cuộc đời câm lặng
Bấm ngón chân vào mặt đất trơn lầy.
Thân tre cật khô gầy,
Thấm giọt mồ hôi đã lên màu nâu bóng.
Xé miếng lá chuối khô đây hai đầu quang thủng
Mẹ gánh nắng lửa tháng năm,
Gánh mưa dầm tháng chạp
Gánh cả tiếng đời thị phi...
Con tập tành đặt đòn gánh lên vai
Chọn điểm cân bằng giữa hai đầu nặng nhẹ.
Và con hiểu,
Cái đòn gánh muôn đời vẫn thế
Gánh thẳng bằng mà đi...*

Cỏ dưới chân cầu

*Trên cầu,
Những chiếc khóa tình yêu buộc vào nhau,
Hoen rí.
Tình yêu nắng dãi mưa dầu.
Dưới chân cầu,
Nước xuôi...
Trời thì xanh, xanh rung rung
Những cánh chim bay về đâu mãi miết
Xoãi tung đôi cánh vẫy nắng chiều
Bụi vàng rơi lấp lánh mặt sông.
Gió vẫn đi về trên những tháp chuông
Lời trăm năm, tiếng lá khô bay xào xạc.
Nước dưới cầu vẫn chảy,
Những chiếc khóa lạc mất chìa
Mệt mỏi,
Níu thời gian ...
Có điều gì như nhớ như quên
Bắt chợt đến, bắt chợt đi, chợt không, chợt có.
Mà lòng thì để ngỏ,
Lâu rồi...
Gió va vấp từ ngày tháng xa xôi
Chiều nay quay trở lại
Thối bồi hồi qua nẻo nhớ chông chênh
Bàn chân bước nhằm viên gạch vỡ,
Cỏ dưới chân cầu thẳng thốt bật mầm xanh.*

Phi trường chiều mưa bay

*Một trang tạp chí
Một tách cà phê
Một chiếc chăn ủ đôi bàn chân ấm
Bình yên cho một chuyến đi dài.
Bỏ lại phi trường chiều mưa bay*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Gió thổi ngược, thổi xuôi quay quắt
Đường băng như vết cắt
Lướt dài...
Thành phố xoay
Xoay...
Như một giấc mơ rơi
Rơi...
Con đường chỉ còn là sợi chỉ
Cưu mang những chấm vui buồn.
Mình cũng là một chấm nhỏ rung rung
Chiều nay một mình băng qua sảnh tiền.
Băng qua khoảng trống vô hình.
Giấu vào đâu khoảng lặng mong manh
Chỉ chực vỡ òa tan thành nước mắt.
Khi tầm bay xa khuất,
Phi trường mưa vẫn rơi.
Thành phố dấu yêu ơi
Xa rồi phải không
Ô cửa nhỏ thiếu một ánh đèn thao thức
Bớt đi một chấm buồn thành phố có buồn hơn?*

- 0 -

Văn của Ngô Thị Ý Nhi làm cho độc giả thấm buồn vì những tình tiết bi thảm của cuộc đời, còn thơ với những lời lẽ trầm buồn, đọc xong mỗi bài thơ vẫn còn vương vấn, đọng lại nỗi buồn trong lòng người đọc. Phải chăng đó là ảnh hưởng hay sự thấm đượm của miền sông Hương, núi Ngự.

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Thị Ý Nhi Web: vanchuongviet.org
- Bão Web: nhavantphcm.com.vn

31. Nguyễn Quang Thiều



Nguyễn Quang Thiều (1957-20)

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều sinh ngày 13 tháng 2 năm 1957 tại làng Chùa, xã Sơn Công, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Tốt nghiệp đại học ở Cuba.

Bắt đầu viết văn từ năm 1983, Nguyễn Quang Thiều là cây bút đa năng và sung sức, xuất hiện thường xuyên trên văn đàn, báo chí. Ông nhanh chóng nổi lên như một nhà thơ trẻ cách tân hàng đầu thế hệ mình. Bên cạnh thơ, Nguyễn Quang Thiều cũng ghi dấu ấn về văn xuôi, tiểu luận, dịch thuật và góp phần quan trọng quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới.

Ông vào làm việc tại báo *Văn nghệ* từ năm 1992 và rời khỏi đây năm 2007

Nguyễn Quang Thiều còn viết kịch bản sân khấu, kịch bản điện ảnh và hơn 500 bài báo, bút ký, ghi chép, tiểu luận... với

HUỶNH ÁI TÔNG

các bút danh như Trục Ngôn, Vương Thảo, Hạnh Nguyên, Hoàng Lê...

Thơ và truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều đã được in thành sách và được giới thiệu trên các tạp chí và báo ở các nước như Mỹ, Pháp, Úc, Ireland, Nhật, Hàn Quốc, Venezuela, Colombia, Na Uy, Thụy Điển, Malaysia, Thái Lan...

Ngoài viết văn, làm thơ Nguyễn Quang Thiều còn vẽ tranh từ năm 2005, và 6 tháng sau, vào tháng 10 đã có tranh triển lãm chung.

Ông từng là Ủy viên Hội đồng thơ và hiện đang là Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam khoá 8, Phó tổng thư ký thứ nhất Hội Nhà văn Á – Phi

Nhà văn Nguyễn Quang Thiều được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1993 cho tập thơ *Sự mất ngủ của lửa*.
- Giải thưởng Final cho tập thơ *The Women Carry River Water* của The National Literary Translators Association of America năm 1998.

Nguyễn Quang Thiều hiện sống tại thành phố Hà Đông.

Tác phẩm:

- *Mùa hoa cải bên sông* (1989)
- *Ngôi nhà tuổi 17* (thơ, 1990)
- *Cái chết của bầy mối* (1991)
- *Thành phố chỉ sống 60 ngày* (1991)
- *Vòng nguyệt quế cô đơn* (1991)
- *Cỏ hoang* (tiểu thuyết, 1992)
- *Sự mất ngủ của lửa* (thơ, 1992)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

- *Người đàn bà tóc trắng* (1993)
- *Tiếng gọi tình yêu*, 1993)
- *Chó hoang Đingó* (dịch truyện ngắn Australia, 1995)
- *Kẻ ám sát cánh đồng* (1995)
- *Những người đàn bà gánh nước sông* (thơ, 1995)
- *Kẻ ám sát cánh đồng* (1995)
- *Đứa con của hai dòng họ* (1996)
- *Người đàn bà tóc trắng* (tập truyện, 1996)
- *Những người lính của làng* (thơ, 1996)
- *Thơ Nguyễn Quang Thiều* (thơ, 1996)
- *Nhịp điệu châu thổ mới* (thơ, 1997)
- *Đứa con của hai dòng họ* (tập truyện, 1997)
- *Khoảng thời gian không ngủ* (dịch thơ Mỹ, 1997)
- *Truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều* (tập truyện, 1998)
- *Người cha* (truyện thiếu nhi, 1998)
- *Bí mật hồ cá thần* (truyện thiếu nhi, 1998)
- *Bài ca những con chim đêm* (thơ, 1999)
- *Con quý gõ* (truyện thiếu nhi, 2000)
- *Ngọn núi bà già mù* (truyện thiếu nhi, 2001)
- *Năm nhà thơ hiện đại Hàn Quốc* (sách dịch, 2002)
- *Người nhìn thấy trăng thật* (truyện ngắn, 2003)
- *Thơ tuyển cho thiếu nhi* (thơ, 2004)
- *Người* (chân dung văn học, 2008)
- *Ba người* (chân dung văn học, in chung, 2009)
- *Cây ánh sáng* (thơ, 2009)
- *Châu thổ* (thơ, 2010)
- *Có một kẻ rời bỏ thành phố* (tiểu luận, 2010)

Trích văn:

Mưa ẩm

Khoảng tám giờ tối đồ đi ngang qua một thị trấn nhỏ. Ông lái đồ cập vào bờ, nói: “Các anh, các chị nghỉ đây một chút. Tôi

lên bờ có tí việc. Xuống ngay”. Ông cầm sào, buộc dây dò, rồi dò dẫm lên dốc bờ sông.

Sương phủ kín sông. Hai bên bờ lặng phắc, và trong sương đầu đó le lói ánh lửa. Chưa bao giờ chúng tôi lại có một chuyến đi như thế này. Năm nay chúng tôi đi hội Chùa Hương sớm hơn những lần trước. Cả bọn thuê một chuyến dò từ ngã ba sông ở thị trấn Ba Thá đến đoạn sông gần chùa Hương. Buổi dòi bên dưới chân cầu Ba Thá sau bữa chiều. Ba tiếng đồng hồ đi được bảy cây số đường sông. Càng đi trời càng tối, sương sông lên mỗi lúc một dày. Đồi bờ sông từ từ bị bóng tối và sương khoả lấp. Chúng tôi trò chuyện mỗi lúc một thưa. Cuối cùng ai nấy đều im lặng thả ý nghĩ vào sông nước, sương khói.

Ông lái dò đã trở lại, tay xách theo một vật gì đó.

- Ông mua được gì thế?

- À hà. Mua gì đâu, tôi lấy cái điều đồng. Bỏ chữa trên thị trấn nửa tháng nay. Giờ mới có dịp qua.

Ông lái coi dây dò. Con dò lại lặng lẽ rời bên.

- Điều đồng là cái gì, bác lái ơi?

Một người lên tiếng hỏi. Chắc cậu ta từ nãy đến giờ vẫn băn khoăn về điều đó.

- À hà. Các anh chị ở thành phố chắc không quen cái này - Từ dưới đuôi dò ông lái nói - Nó là cái điều bát hút thuốc lào làm bằng đồng, ngày xưa các cụ dùng dò đồng nhiều lắm. Mâm đồng, nồi đồng, ấm đồng, chậu đồng, coi đồng.... Bây giờ thì bói cũng chẳng thấy.

- Chỗ lúc nãy bác lên là thị trấn đấy à?

- Thị trấn đấy - Ông lái nói - Thị trấn Kinh Đà. Nhưng chúng tôi vùng này không gọi là thị trấn mà là phố Kinh Đà.

- Phố Kinh Đà có gì hay không ông lái?

- Ghê lắm. Ghê lắm!

Tiếng chèo khoả nước đều đều. Ông lái im lặng sau câu nói xuyết xoa ấy. Tôi nhìn ra xung quanh không biết đâu là nước đâu là sương, đâu là bờ đâu là sông nữa.

- “Ghê lắm” về cái gì hở, ông lái? - Một người sốt ruột hỏi

- Nhiều chuyện lắm, trộm cướp, đâm chém, đốt nhà, bỏ chồng con dâu. Nhưng ghê nhất vẫn là chuyện ông hàn nôi. Cái điều đồng của tôi là ông ấy chữa đấy.

- Ông kể cho chúng cháu nghe xem nào.

- À hà. Cứ thông thả, tôi biết nhiều chuyện vặt lắm. Hết sông cũng chưa hết chuyện. Hút điếu thuốc xong, tôi kể nghe cho đỡ buồn.

Ông lái xòe diêm. Chiếc điếu đồng hắt sáng. Mùi khói thuốc lảo thơm thơm tạt qua chúng tôi.

- Thằng Mỡ chèo chậm lại một chút - Ông lái bảo anh con trai - Có gió thuận đấy. Mai sẽ mưa đẹp lắm. Gió ấm thế này cơ mà.

Bọn chúng tôi lục đục chuẩn bị chõng ngồi. Các cô bạn gái ngồi túm vào nhau, choàng chăn chiên kín cổ.

* * *

“Không ai biết tên ông hàn nôi phố Kinh Đà. Mọi người gọi ông là Hàn. Có lẽ vì nghề của ông thế, gọi mãi thành tên thật. Bố ông là người vùng khác dạt đến Kinh Đà lấy vợ sinh con. Ông cụ mất sớm. Trước khi chết ông cụ để lại cho đứa con trai độc nhất của mình một chiếc búa hàn, một cái kéo cắt đồng và một cái bô nhỏ đựng toàn những miếng đồng vụn. Ông Hàn lấy toàn bộ gia tài của cha không một giọt nước mắt. Ông ở lại túp lều cũ, tiếp tục công việc của người bố. Năm đó, ông Hàn mười bốn tuổi. Mỗi buổi sáng ông dậy sớm, và cứ thế gõ búa đến tối. Những lúc không có khách, ông ngồi lau từng miếng đồng vụn sáng đến nỗi người ta ngỡ đó là những miếng vàng lá. Đối với ông những đồng vụn đó quý như vàng Trong bô có bao nhiêu miếng đồng ông đều nhớ.

Năm mười tám tuổi ông lấy vợ. Vợ ông là một người đàn bà đẹp ở cái phố chợ ấy. Nhưng chỉ sau vài tháng, người đàn bà đó bỏ ông và ra đi biệt tăm. Cô ta lấy ông bởi nghĩ rằng ông có nhiều vàng thật. Nhiều đêm cô ta gạ hỏi ông về những miếng vàng lá, ông tím tím không nói gì. Thế rồi một lần ông đi vắng, người đàn bà đã lục tung mọi xó xỉnh trong túp lều của ông để tìm vàng, nhưng chỉ thấy những miếng đồng vụn được lau chùi đều sáng bóng như gương mà thôi. Thất vọng, người đàn bà bỏ ông ra đi, sau một đêm khóc lóc vì uất ức và nguyện rửa ông.

Ông không đi tìm người đàn bà đó. Ông ở lại túp lều của ông và tiếp tục gõ búa ngày ngày. Cho đến một buổi chiều, có một người đàn bà làm nghề chài lưới trên sông đến lều ông và mang theo một chiếc nôi đồng thủng. Khi ông làm xong chiếc nôi cho người đàn bà xa lạ thì trời nổi giông. Mưa đổ. Phố chợ chìm trong mưa. Cóc nhái ra đầy đường. Con dốc chạy xuống sông mù trắng. Mưa miên man và không có dấu hiệu tạnh sớm. Người đàn bà nhìn túp lều của ông, nói:

- “Cho tôi ở lại, hết mưa tôi đi”

- “Ừ”. Ông trả lời.

Trời sập tối trong mưa. Ông bắc nồi cơm và hỏi:

“Ăn cơm nhé?”

“Vâng”

Đến khuya mưa vẫn không ngớt. Bão to hơn. Người đàn bà hỏi:

“Cho tôi ngủ nhờ một tối?”

“Ừ”

Ông Hàn đáp và dọn chỗ ngủ cho người đàn bà xa lạ. Nền túp lều bị dột sũng nước.

Gần trưa hôm sau người đàn bà xách chiếc nồi đồng xuống bên và ra đi.

Hơn hai năm sau, người đàn bà trở lại và mang theo một đứa bé. Đặt đứa bé chập chững xuống nền túp lều, người đàn bà nói:

“Con ông đây”

Ông Hàn lặng lẽ nhìn đứa bé và “ừ” một tiếng. Người đàn bà ở lại với ông mười ngày. Chị giúp ông sửa sang túp lều. Dân phố chợ xì xào suốt ngày về sự kiện đó. Ông Hàn vẫn im lặng và gõ búa. Rồi một buổi tối sau bữa cơm, người đàn bà nói với ông Hàn:

“Tôi phải đi, ở lâu trên bờ tôi không chịu được. Anh cố trông nom thằng bé cẩn thận. Tôi sẽ quay lại”

“Ừ”. Ông Hàn nói và chăm chăm nhìn đứa bé.

Đến khuya người đàn bà lặng lẽ xuống bến. Chị để lại cho ông và đứa bé một bọc cá khô lớn và đẩy thuyền ra đi.

Ông không biết người đàn bà đi đâu. Ông không biết đứa bé có phải con ông không. Nhưng ông yêu đứa bé và nó làm cho cuộc sống của ông như có điều gì đó vô cùng kỳ lạ. Đêm khuya, khi cả phố chợ đã chìm đắm vào giấc ngủ, ông lại nhớ đến đêm đầu tiên người đàn bà ở trong túp lều của ông. Đêm ấy chị cởi tấm áo mỏng và đến trước ông. Chị nhìn xuống đôi bầu vú đẹp đến kiêu hãnh của mình và hỏi ông: “Anh có vừa lòng không?”

Và cũng hơn hai năm sau, người đàn bà trở lại. Cả phố chợ xôn xao khi nhận ra chị từ dốc sông đi lên. Lưng chị cũng một đứa bé khác và tay xách một bọc cá khô lớn.

Người đàn bà đặt đứa bé trước ông. Ông Hàn nhìn đứa bé rất lâu rồi ngược nhìn người đàn bà như thăm hỏi: “Đứa bé này là thế nào?”. Người đàn bà nói:

“Con anh đấy”

Giọng chị nhỏ, nhưng quả quyết và đầy kiêu hãnh.

Lần này người đàn bà ở lại với ông lâu hơn. Chị giúp ông dựng một ngôi nhà mới với số tiền bán cá chị giành dụm được. Dân phố chợ đồn đại biết bao nhiêu chuyện về chị, về những đứa con và những chuyến đi biển biệt của chị.

Sau gần một tháng ở lại phố chợ, người đàn bà để lại hai đứa bé cho ông Hàn và lại lên thuyền.

Như hạn định, hơn hai năm sau đó chị lại trở về. Và trên lưng chị lại một đứa bé khác, tay chị xách một bọc cá khô lớn.

“Con tôi chứ?”

Ông Hàn hỏi khi người đàn bà đỡ đứa bé từ trên lưng xuống.

“Con anh đây”

Người đàn bà nói và bước đến góc nhà. Chị tháo chiếc bao tải đựng cá khô lần trước, mang ra cửa giữ tải. Chỉ còn lại một con cá khô nhỏ bị kiến ăn rỗng. Chị treo bao cá khô mới vào góc nhà.

Lần này, người đàn bà ở lại với ông Hàn và ba đứa nhỏ lâu hơn hai lần trước. Dân phố chợ lại ít ngủ hơn bởi những lời thì thầm về chị. Chị đi giữa chợ rạng rỡ và tươi tắn, nước da rám nắng và một bầu ngực căng tròn

Rồi chị lại ra đi, những đứa bé con xuống bên sông tiễn mẹ. Ông Hàn vẫn lặng lẽ lau chùi những đồng vụn.

Hai năm trôi qua.

Năm năm trôi qua.

Mười năm trôi qua.

Và...

Người đàn bà không thấy trở lại. Mỗi khi có một chiếc thuyền lạ cập bến dân phố chợ lại xôn xao. Người ta không thấy ông Hàn nhắc đến người đàn bà bao giờ. Đôi khi họ nhìn xem buổi tối ông có xuống bến ngắm đờ không? Nhưng cuộc sống ông Hàn hình như vẫn như xưa. Ông vẫn hàng ngày gỡ búa và lau

chùi những miếng đồng vụn. Những đứa bé lớn lên thành những chàng trai đẹp đẽ và khoẻ mạnh, nhưng không đứa nào theo nghề ông. Chúng lần lượt rời ông đi kiếm sống và lập nghiệp ở thành phố.

Cho đến một buổi chiều khi ông đã già, một chiếc thuyền nhỏ cập bến. Dân phố chột không còn để ý đến những chiếc thuyền lạ nữa. Người đàn bà trở về. Tóc người đàn bà đã bạc, bầu ngực căng tròn xưa kia đã biến mất. Trên lưng người đàn bà không còn một đứa bé nào nữa. Thay vào đó một bao tải cá khô to gấp nhiều lần những bọc cá khô lần trước. Người đàn bà chậm chạp đi lên dốc bờ sông.

Ông Hàn ngược đôi mắt không còn tinh nhanh như xưa nhìn người đàn bà. Tay vẫn lau miếng đồng vụn, ông hỏi:

“Sao bà đi lâu thế?”

Người đàn bà đặt bao tải cá khô xuống và nói:

“Chúng nó bỏ ông đi hết rồi à?”

“Không phải bỏ, việc của chúng nó, sao bà biết?”

“Tôi biết, bởi thế tôi trở về đây với ông”

“Bà đừng đi nữa”

Ông Hàn, nói giọng ông nghẹn lại. Lần đầu tiên trong đời ông muốn người đàn bà ở lại với ông. Lần đầu tiên ông thấy cô đơn.

Đêm ấy, người đàn bà xuống sông, chắt củi đốt con thuyền mà bà gắn bó gần hết cả cuộc đời mình”.

Câu chuyện đã kể xong từ lâu. Tất cả chúng tôi im lặng. Chỉ còn tiếng nước chảy mơ hồ hai bên mạn đò. Sương đặc. Đò như trôi trong một thế giới hoang đường.

- Các anh, các chị ngủ đi. Mai thăm chùa, leo núi, mệt đấy.

- Tôi cảm thấy bức bối bởi câu chuyện - Một người trong bọn tôi lên tiếng.

- Tớ lại không - Người khác nói - Lòng tớ nhẹ bồng như sương.

- Những đứa con đó có phải là con của ông Hàn không, hờ bác lái?

- Có giới mới biết. Nhưng với ông Hàn thì chúng là con ông. Tất cả là ở đây.

- Thế người đàn bà kia đi đâu và sinh nở như thế nào?

- Đây là bí mật. Và bí mật đó làm cho cuộc sống buồn tẻ ở phố chợ này có ý nghĩa.

Sau những lời bàn luận, tất cả lại im lặng. Con đò như trôi trong không trung. Càng về khuya gió ấm về càng dày.

- Nếu các anh, các chị chưa buồn ngủ - Ông lái nói - Tôi kể cho nghe một câu chuyện khác.

- Vâng. Ông kể đi, kể đi - Chúng tôi nhao nhao.

- Chúng ta đang ở địa phận sông làng Áng Thượng, một vùng trồng vải, nhưng không phải vải thiều. Ở đó có một cô gái mù từ nhỏ. Những đêm trăng hạ cô thường ra sông tắm...

Trời đã bắt đầu có mưa bụi. Hơi mưa âm lả lùng. Từ hai bên bờ sông mơ hồ nghe tiếng mành cây rầm rì thức dậy. Nhưng mà nghe gần lắm, hình như là ở ngay hai bên mạn đò gỗ.

Trích thơ:

Nhật ký ghi dưới gốc cây gần quảng trường

*Có một bài thơ tôi viết
Trong bóng tối
Của thành phố này*

*Đấy không phải là đêm
Tôi vẫn nhìn thấy những đám mây nặng
Bò trên những mái nhà thành phố
Và vẫn nhìn thấy
Một người đàn bà
Tắm trong một toilet không có rèm che
Kỳ cọ như tuốt hết da thịt mình
Và vẫn nhìn thấy
Cuộc làm tình ban ngày
Của những kẻ thất nghiệp
Trong chính công sở của họ
Và vẫn nhìn thấy
Nơi ngã tư một chiếc xe tải
Cán nát một cô gái
Nhưng bó hoa cô cầm trên tay
Vẫn nở nốt bông cuối cùng
Và vẫn nhìn thấy
Linh hồn những người đã chết
Xếp hàng trước công trụ sở Tòa án thành phố
Và vẫn nhìn thấy phía khuất con đường
Một người đàn bà băng qua
Vớ một cái bụng lớn
Chứa một đứa trẻ không rõ mặt*

Và vẫn nghe rõ
Một tiếng nổ
Và nhìn thấy viên đạn
Châm chậm khoan thủng một cái đầu
Bên cạnh

10h13'

Không có lý do gì cho sự ra đời của một bài thơ
Nhưng bài thơ đã bắt đầu viết
Bằng chữ đầu của một cái tên
Thường tuyệt vọng khi đi qua nơi này

Một ô cửa rụt rè mở
Và một tiếng rạn vỡ đầu đấy
Trên da thịt không ướp lạnh của H

H ngủ muộn. 10h13 phút chưa dậy.
Những sự sống trôi qua chiếc giường.
Những cái chết trôi qua chiếc giường.

Và H nhìn thấy trong giấc ngủ
Một tấm thân đàn ông nóng rùng rục
Trôi qua chiếc giường và dừng lại
ở một khoảng trên đầu

lúc 10h13 một người đàn bà khác
khỏa thân trong một chiếc giường
đặt ở giữa thành phố
bên một cái chết mặc trang phục Đại lễ

Một ghi chép tháng Sáu

Vuông vãi trắng không lồ trùm kín chúng ta
Ai đó tìm cách xé rách

HUỶNH ÁI TÔNG

*Những con ong hợp kim sục vôi
Tìm kiếm chút mật
Trong những thân thể hoảng loạn
Chúng ta đang thuộc về một ngày cuối tháng 6*

*Một đám mây bay ở rất xa
Cắt tiếng gọi*

*Chúng ta biết làm gì lúc này
Cuộc ái ân không thể kéo dài
Cuốn sách đã đọc hết
Đặt giữa chúng ta một chiếc bàn không có mặt bàn*

*Một đám mây bay ở rất xa
Cắt tiếng gọi*

*Nhưng chỉ có một người trả lời
Với cái miệng giàn dụa
Thức ăn của bữa trưa*

Những con môi

*Đêm qua những con cá bơi quanh chiếc giường
Ngủ chúng ta rồi bỏ đi
Và bực dọc nói:
- Chúng ta không bao giờ ăn những con môi chết*

*Chúng ta có chết không ?
Một người thức giấc hỏi.
Nhưng chẳng có câu trả lời nào.
Ngoài bóng một bác sỹ tâm thần ghi bệnh án
In trên bức tường phía đông*

*Trên đầu chúng ta những con cá
Bơi lùì về quá khứ*

*Chúng muốn xem lại hồ sơ những chiếc lưỡi câu
Nhưng chỉ còn lại một nhà kho mục nát
Trong đó một chiếc đồng hồ
Chạy từ lúc chúng ta chưa biết đến thời gian*

*Giữa bất tận những con môi
Bầy cá nhắm mắt
Chỉ mở ra khi nghe lệnh
Nhưng một con không chịu nhắm mắt
Trong suốt cuộc săn tìm
Rời bỏ bầy quay lại
Và nói với một con môi :
- Ngươi đã hết thời gian chết*

0h7'

*Chạy kiệt sức không ra khỏi cơn đau đầu
Tôi mơ trở về khu vườn ở Dedham tôi mơ chìm trong cỏ
những con bướm tháng Tư bay rợp mặt*

*Luôn luôn một hơi thở gấp phía sau
Nhưng không bao giờ lên tiếng
Đúng giờ phút này áp chặt vào ô kính một tấm thân trần
trường
Như ai đó dán một tờ giấy trang trí
Một tấm rèm bằng da người*

*Một ngôi sao phía xa
mặt chiếc nhẫn của H
Không. Đóm lửa đầu điều thuốc
Tôi đang hút in trên kính.*

*Nhận ra không phải cơn đau đầu
Ai đó đặt một cái đầu nặng hơn
Vào trong đầu tôi*

HUỶNH ÁI TÔNG

Và một cái đầu khác nặng hơn nữa
Vào trong cái đầu vừa đặt

Bài hát về cổ hương
(hay là Bản tuyên ngôn về làng Chùa)

Tôi hát bài hát về cổ hương tôi
Khi tất cả đã ngủ say
Dưới những vì sao ướt đẫm
Những ngọn gió hoang mê dại tìm về

Đâu đây có tiếng nói mê đàn ông bên mái tóc đàn bà
Đâu đây thơm mùi sữa bà mẹ khe khẽ tràn vào đêm
Đâu đây những bầu vú con gái tuổi mười lăm như những
mầm cây đang nhoi lên khỏi đất
Và đâu đây tiếng ho người già khúc khắc
Những trái cây chín mê ngủ tuột khỏi cành rơi xuống
Góc vườn khuya cỏ thức một mình

Tôi hát bài hát về cổ hương tôi
Trong ánh sáng đèn dầu
Ngọn đèn đó ông bà tôi để lại
Đẹp và buồn hơn tất cả những ngọn đèn
Thuở tôi vừa sinh ra
Mẹ đã đặt ngọn đèn trước mặt tôi
Để tôi nhìn mặt đèn mà biết buồn, biết yêu và biết khóc

Tôi hát bài hát về cổ hương tôi
Bằng khúc ruột tôi đã chôn ở đó
Nó không tiêu tan
Nó thành con giun đất
Bò âm thầm dưới vại nước, bờ ao
Bò quần quai qua khu mỏ dòng họ
Bò qua bãi tha ma người làng chết đói
Đất đùn lên máu chảy rờn rờn

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

*Tôi hát, tôi hát bài ca về cổ hương tôi
Trong những chiếc tiểu sành đang xếp bên lò gốm
Một mai đây tôi sẽ nằm trong đó
Kiếp này tôi là người
Kiếp sau phải là vật
Tôi xin ở kiếp sau làm một con chó nhỏ
Để canh giữ nồi buồn - bấu vật cổ hương tôi.*

(1991)

Tranh:





Trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia có nhận định về Nguyễn Quang Thiều như sau:

“Nguyễn Quang Thiều không chỉ là nhà thơ tiên phong với trào lưu hiện đại mà còn là cây viết văn xuôi giàu cảm xúc. Trong anh không chỉ có con người bay bổng, ưu tư với những phiến muộn thi ca, mà còn có một nhà báo linh hoạt và nhạy bén”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quang Thiều Web: vi.wikipedia.org
- Mưa ấm Web: nhavantphcm.com.vn

32. Sương Nguyệt Minh



Sương Nguyệt Minh - Nguyễn Ngọc Sơn (1958-20)

Nhà văn Sương Nguyệt Minh tên thật là Nguyễn Ngọc Sơn. Sinh ngày 15 tháng 9 năm 1958. Quê quán Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Nhà văn Sương Nguyệt Minh nhập ngũ tháng 2 năm 1975. Ông từng là người lính chiến đấu ở chiến trường biên giới Tây Nam và Campuchia.

Cuối năm 1997, Sương Nguyệt Minh chuyển từ Viện quân y 103 về làm biên tập viên văn xuôi tại tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Đã làm việc từ đó cho đến nay.

Nhà văn Sương Nguyệt Minh là Đại tá, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam

Sương Nguyệt Minh đã được các giải thưởng:

- Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn *Văn nghệ Quân đội* năm 1996 với tác phẩm *Bản kháng án bằng văn*

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng truyện ngắn cuộc thi Cây bút vàng của tạp chí *Văn hóa – văn nghệ Công an* năm 1998 -2001 với tác phẩm *Lửa cháy trong rừng hoang*
- Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn cuộc thi Nhà xuất bản Giáo dục năm 2004 với tác phẩm *Những bước đi vào đời*
- Giải thưởng cuộc thi bút ký báo *Giáo dục thời đại* năm 2004 với tác phẩm *Nhọc nhằm gieo chữ vùng cao.*
- Giải thưởng cuộc thi tập truyện ngắn của Nhà xuất bản Thanh niên năm 2004 với tập truyện ngắn *Đi qua đồng chiều.*
- Giải thưởng cuộc thi bút ký Đài tiếng nói Việt Nam năm 2002 -2003 với tác phẩm *Đêm Pà Cò.*
- Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo *Văn nghệ* năm 2003-2004 với tác phẩm *Mười ba bến nước*
- Giải thưởng Văn học nghệ thuật Bộ Quốc phòng 5 năm 1999 – 2004 với tập bút ký *Trong cơn đại hồng thủy.*
- Giải thưởng văn học Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010.

Hiện nay Sương Nguyệt Minh sống và làm việc tại Hà Nội

Tác phẩm:

- *15 truyện ngắn* (tập truyện, 2003)
- *Mười ba bến nước* (2003)
- *Dị hương* (tập truyện Hội Nhà Văn, 2011)
- *Đêm thánh vô cùng* (2011)
- *Đàn ông chọn khe ngực sâu* (2013)

Trích văn:

Đêm nước nổi

Tôi về đến đầu áp thì trăng đã nhô lên khỏi ngọn cây dừa. Ánh trăng vàng như mật lọt qua kẽ lá rớt xuống làm mặt đất loang lổ vệt tối sáng. Gió ngoài bùng tràn tới thổi lá dừa xào xạc, một

vài cánh hoa dừa bay rơi xuống vai tôi, tỏa mùi thơm dịu dịu. Tiếng khỏa nước lẫn tiếng cá đớp đớp trắng bum bùm. Tôi sững sờ, ngẩn người ra. Lấp ló bên kia bụi trâm bầu, dưới trăng mờ ảo là mái tóc và đôi vai trần người con gái đang tắm ở dưới sông. Sông Cái đang mùa nước nổi mênh mông.

Bất chợt có tiếng: *bíp... bìm... bip* ở bên kia sông Cái vọng sang. Tiếng bìm bip kêu khắc khoải cồn cào một nỗi nhớ, nỗi nhớ từ ký ức chưa gọi được tên. Tôi đã gặp cảnh này ở đâu đó. Rất xa, rất lâu rồi...



Minh họa Lê Thiết Cương

Nhà tôi ở gần sông Cái ngay đầu ấp. Nhà chỉ có hai má con ở chòi chọi trên một gò đất nổi. Thỉnh thoảng chị Ngân con bác Tám từ trong ấp leo cầu khỉ rồi men theo bờ kinh nhỏ ra nhà tôi chơi. Mùa nước ròng chị bơi thuyền đến rủ tôi đi thả lưới chung. Cá bắt được, có lúc người ta bơi xuống đến mua ngay lúc đang thu lưới, cũng có khi phải đem cá xuống chợ Cầu Ngang bán.

Ngày còn nhỏ, đầu quãng mười ba, mười bốn tuổi gì đó tôi cứ như con rái cá trên đồng. Tôi thuộc tiếng kêu từng loại chim, nhưng nhớ đau đầu nhứt là tiếng con bìm bip kêu ở bụi trâm bầu mọc sát mép nước con sông Cái. Bìm bip kêu, ấy là lúc con nước ròng lớn nhứt. Má tôi nghe tiếng bìm bip kêu có thể đoán được thời tiết nắng hay mưa, được mùa cá hay thất bát. Và cũng biết được dân tình sẽ sống ra sao trong những ngày

sắp tới. Tiếng bìm bịp kêu khắc khoải, sâu lắng chìm vào đêm nước nổi là y như có chuyện. Một đạo, tàu lính đi lại trên sông nhiều sục sóng xô tới tấp vào bờ trùm lên cả bụi trâm bầu. Rồi chúng xả súng bắn vào các lùm cây, bụi rậm hai bên bờ sông. Tiếng bìm bịp mất hẳn. Chẳng biết nó bị bắn chết hay sợ bỏ đi nơi khác. Văng tiếng bìm bịp, đêm đêm hai má con nằm buồn khô.

Chị Ngân hay đến rủ tôi đi thả lưới chung. Trời nhập nhoạng tối là chị từ trong ấp bơi xuống ra gọi rồi đợi tôi ở cầu khỉ. Tôi xách giỏ leo lên xuống nhà mình bơi theo xuống chị đến *cánh đồng cá*. Gọi là *cánh đồng cá* dứt khoát phải nhiều cá hơn cánh đồng khác; bởi nó gần sông Cái, gần rừng tràm lại nhiều ao ùa nên cá thường tập trung vào các điểm. Nước từ sông Hậu trích một phần cho sông Cái, sông Cái đổ vào vô số các kinh rạch rồi tràn về. Nước lớn rông tràn cả bờ kinh rạch vào đồng thì nước cũng chảy trong đồng như sông lớn vậy. Cánh đồng ngòm ngợp nước nổi minh mông xa tít tắp. Đồng nước nổi đó đây thấp thoáng các cây gáo trút lá gây guộc thân, cành khẳng khiu. Thả lưới của tôi xong, thả tiếp lưới của chị. Cá vào lưới nào cũng là của chung. Khi các xuống tản ra tìm chỗ cắm sào thì cái bóng mờ mờ còn sót lại của chiều hôm mất hút. Miệt đồng chậm chậm vào đêm. Trời hơi lạnh lạnh và sương bắt đầu giăng giăng trên mặt nước, vẩn vít lên thuyền, quán quện vào người tôi và chị Ngân. Tôi cảm nhận được hơi thở của đồng nước minh mông mùa nước nổi, cảm nhận được mùi bùn ngai ngái bị cây sào kéo lên. Chị Ngân xắn quần cao trên đầu gối để lộ đôi bắp chân trần trắng trắng. Mắt đen huyền và gương mặt trái xoan luôn tươi rạng rỡ và tôi vẫn kịp nhìn rõ trước khi màn đêm buông tràn xuống cánh đồng. Lưới không may mắc vào cành cây dưới nước, chị Ngân hơi cúi người cùng gỡ, tay chị chạm vào tay tôi, tay tôi chạm vào cái vòng đeo cổ tay chị. Cái vòng mà tôi kỳ cạch khoét, gọt từ mai con rùa to như thúng cái bắt được ở ùa. Tôi lóng ngóng bởi hơi thở ấm nồng và mấy sợi

tóc mai của chị chạm vào má.

Bao nhiêu đêm, tôi cũng không còn nhớ nữa. Tôi và chị Ngân đốt lửa trong lòng xuống. Thường chỉ đốt ở một xuống chớ chẳng bao giờ đốt mỗi xuống một đồng lửa. Chị Ngân ngồi sát bên tôi. Đôi mắt sáng đen huyền của chị thỉnh thoảng lại bắt lửa ánh lên. Chị mặc áo bà ba màu đen bó sát người nổi rõ những đường cong và chỗ eo mềm mại. Hơi ấm từ lửa, từ chị truyền sang tôi ấm áp dễ chịu. Đêm vào khuya. Chúng tôi nướng cá ăn đêm cho đỡ đói. Chị Ngân lấy cành tre tươi mang theo xiên vào miệng mấy con cá lóc. Lửa cháy bập bùng. Con cá trên than hồng giẫy đuôi một lát rồi duỗi thẳng ra. Ước chừng đã chín, chị đưa cho tôi một xiên. Chị và tôi lấy rom vàng trong mui thuyền vo thành bụi nhùi cọ vào vảy cá cháy để lộ ra mình con cá lóc lộ lem. Cá nóng bốc khói, thơm ngon, ngọt, lòng cá ăn dăng dăng. Vừa ăn tôi vừa bảo:

- Trời chẳng giông gió gì mà có lúc em thấy có xuống chui vô rừng tràm. Họ đi đâu, chị Ngân?

- Họ vô bắt tôm hay làm chi đó. Mà Kiên đề ý làm gì cho mệt xác.

- Bọn lính ở bót Cầu Ngang bán cầm canh suốt đêm. Em chỉ lo bọn nó bán *cácc... bùm* ra đồng cá.

- Nơi nè xa. Nhưng trước sau rồi bọn nó cũng sục tới. Thôi mà nói chuyện đó làm chi, Kiên.

Ăn cá nướng xong, chị bảo tôi:

- Kiên nằm nghỉ một lúc mà giữ sức.

- Hồng đâu. Em thích thức cùng chị.

- Một đêm còn được chớ đêm này qua đêm khác chịu sao nổi.
- Zậy thì chị ngủ trước. Em coi lưới cho.
- Chị thức đêm giỏi hơn em. Chị sẽ liệu thời gian gỡ cá. Đừng lo.

Vậy là tôi ngủ. Lúc đầu còn thao thức. Tôi hé hé mắt nhìn trộm chị ngồi bên đống lửa đốt bằng củi gốc tre già. Quả thực! Chưa có lúc nào tôi được nhìn chị tự nhiên và thoải mái như vậy. Thế rồi đang sức ăn, tuổi lớn, tôi phiêu du trong các giấc mơ mà hôm sau nhớ lại tự nhiên ngượng ngịu, soi gương chắc mặt sẽ đỏ bừng. Tôi thấy mình nằm nghiêng úp mặt vào ngực chị Ngân. Ngực chị lúc dềnh lên, lúc nén xuống, lại dềnh lên theo nhịp thở. Tôi nghe thấy cả tiếng tim mình đập bồi hồi bồi hồi và tiếng tim chị đập nhanh gấp gấp. Tôi cũng cảm nhận được hơi thở nóng ẩm ở cổ và bên tai. Kỳ lạ! Giấc mơ của tôi lại y như thật. Sang nửa đêm về sáng, chợt thức giấc, tôi thấy mình đang nằm gọn trong lòng mẹ. Nhưng ngực mẹ tôi tong teo, gầy ốm chớ có rắn chắc, căng mẩy thế này đâu. Hóa ra là chị Ngân, chị đang gối đầu tay nằm nghiêng quay mặt về bên tôi ngủ ngon say. Một bên chân tôi gác lên đùi chị mà tôi không hề biết mình gác từ lúc nào. Đùi chị mềm như nhung hơi ẩm truyền sang người tôi làm tôi nôn nao, rạo rục. Sợ làm chị thức giấc tôi nhẹ nhẹ nhấc chân mình ra khỏi đùi chị. Và trong giấc ngủ tiếp theo của thằng con trai đang lớn tôi cũng xoay người lung tung, lại gác chân tiếp lên người chị; chẳng biết trời đất ở nơi đâu. Đột nhiên có tiếng cá quẫy rất to. Chị Ngân thức giấc. Chị vội vã nhấc chân tôi ra khỏi người chị và ngồi dậy. Tôi cũng ngồi lên. Chị Ngân vén tóc lòa xòa hai bên má, búi gọn ra sau gáy, chị có vẻ ngượng ngùng:

- Ấy chết. Chị tệ quá.

Tôi cũng lên tiếng bằng cái giọng khê nong:

- Ngủ tiếp đi. Chị Ngân.

- Có tính ngủ đâu. Mỗi lưng quá! - Chị nằm vuton mình thư giãn một chút mà thiếp đi lúc nào không hay. - Kiên thức dậy lâu chưa?

- Em cũng vừa...

Xa xa lửa đỏ cũng nhấp nháy, nhấp nháy trong các xuồng. Họ cũng người thức người ngủ. Tôi cứ miên man trong vô vàn suy nghĩ. Tôi và chị đã có đêm nước nổi như thế. Đêm nước nổi trải rộng trên cánh đồng bao la. Màn đêm giao hòa với màn nước pha loãng thành một không gian ánh sáng bàng bạc, mờ mờ rộng ra xa tít tắp.

Bỗng nhiên có tiếng kêu: *bíp... bìm... bip...* từ sông Cái vọng tới. Tiếng bìm bip kêu chìm vào đêm nước nổi mênh mang. Lúc đầu tôi đã mừng rơn. Vậy là con bìm bip đi tránh đạn đã trở về. Lúc sau, càng nghe, càng không thấy giống tiếng kêu của con bìm bip ở bụi trâm bầu bên sông Cái mà giống như tiếng người bắt chước. Chị Ngân cũng nghe bìm bip kêu, chị bần thần cả người. Một lát sau, chị bảo:

- Chị thấy lạnh, có dễ ốm mất. Chị *dĩa* sớm thôi. Kiên ở lại thả lưới một mình được hông?

- Em sợ gì mà hỏng được. Nhưng sao bỗng dưng chị...

- À... Chập tối con út Nga khóc, quấy quá trời. Má chị mới sanh nó chưa đầy tháng tuổi. Khổ, má chị cũng thức đêm hoài. Chị sốt ruột lắm. Chị để lưới lại, Kiên à.

- Chị. Hay là...

- Đừng nghĩ ngợi gì hết. Kiên à.

Chị nói rồi bước sang xuồng của mình, rút sào. Tôi trút vôi nửa giỏ cá sang lòng xuồng chị.

- Nhiều thế, Kiên. Chị *dìa* trước ghen.

Chị quấy chèo bơi xuồng đi gáp gáp. Tôi nói với theo:

- Hay là em cùng *dìa*? Chị đau dọc đường thì sao?

- Kiên. Hồng cần đâu.

Từ lúc đó tôi chẳng thiết tha gì cá với lưới nữa. Chị Ngàn ốm đau gì đâu. Bộ đau ốm mà quấy chèo dữ zậy? Nằm vắt tay lên trán, tôi nhìn sao trời mộng lung mặc cho đồng lửa đốt bằng củi tre bập bùng rồi tắt hẳn.

Sáng, tôi xách giỏ cá lạng lẽ bỏ ở sân rồi đi nằm. Má tưởng tôi ốm, nhưng khi thấy cái mặt lấm lấm li li của tôi, má bảo:

- Con Ngàn đâu? Hay nó bỏ mầy đi thả lưới chung với người khác.

- *Dìa* rồi. Má đi mà hỏi người ta.

- Cái thằng. Ăn nói chi mà kỳ cục.

- ...

Má tôi đi chợ Cầu Ngang bán cá về bảo:

- Mầy đi đứng cẩn thận. Tao thấy ở phố huyện áo lính đầy

đường.

- Má còn thấy chi nữa, má?

- Cái bốt nó xây chình ỉnh ngay cạnh đường xuống chợ. Thời loạn đến rồi con ạ.

- Thảo nào bọn lính đi xuống sùng sục dưới sông Cái má à.

Tôi. Không thấy chị Ngân đến rủ đi thả lưới. Tôi chờ một hồi vẫn bật vô âm tín. Chả đi thì thôi, cần gì. Tôi bỏ lưới của chị lên sân, dặn má khi nào chị đến lấy thì đưa. Tôi lại bơi xuống ra đồng cá. Khác với nhiều đêm trước, tay chân tôi lỏng ngóng, vụng về như lần đầu đi thả lưới. Gỡ cá cứ đánh sông luôn xuống nước. Rất lạ, các xuống bắt cá hình như ít hơn. Và thỉnh thoảng lại thấy một cái xuống bơi nhanh mãi miết rồi mất hút vào rừng tràm.

Tôi vẫn thả lưới mặc dù không hào hứng, nhưng tới sáng mới về. Má tôi bảo: “Con Ngân sang thì mầy đã đi rồi. Nó lấy lưới quăng mầy đi ra đến sông Cái”. “Mặc. Của người ta, người ta lấy; mắc gì đến con”. “Cái thặng này kỳ cục”. “Con nói thiệt. Vừa gặp kia. Người ta cũng đi thả lưới chứ bộ”. “Mầy coi kỹ không?”. “Lòng xuống lưới dính bùn đất, tóc tai ướt nhèm; người ta đi thả lưới riêng suốt đêm. Má hông biết đâu. Chỉ phải được vài con cá mè chết ươn. Cho chết”...

Lại một đêm... Hai đêm... Ba đêm, tôi đi thả lưới một mình trên đồng cá. Và cứ đến khi con nước lớn là lại nghe tiếng bìm bịp kêu. Tiếng kêu khắc khoải mà sao giống tiếng người bắt chước quá. Sáng tôi lại gặp chị Ngân bơi thuyền về ấp. Tôi làm ngơ không thèm chào, bơi xuống rẽ sang lối khác. Chị Ngân bơi theo hình như định nói điều gì đó lại thôi không bơi đuổi theo nữa. Tôi giận, lối giận hờn của cậu bé ở tuổi trẻ con chưa qua người lớn chưa tới. Thì người ta bỏ tôi đi thả lưới chung với

người khác, tôi cần chi người ấy.

Má tôi bảo:

- Thôi, đừng đi thả lưới đêm nữa. Má thấy có gì bất ổn quá.

- Nửa đêm ở đồng cá con nghe được tiếng ì ầm xa xa của bọn đằm già. Rồi thấy cả đường đạn lửa đỏ bọn lính bắn vạch lên trời ở phía bót Cầu Ngang, má à.

Cho đến một đêm trên đồng cá không có ánh bàng bạc của không gian minh mang mà tối mờ mờ lại có tiếng bìm bịp kêu. Vẫn phía khu rừng tràm có bóng xuống và mắt hút vào tối tăm. Nửa đêm thì có tiếng súng rộ ở phía bót Cầu Ngang. Tiếng súng nổ rất lâu rồi lửa cháy sáng một góc trời. Có đê đánh nhau to. Gân sáng, trời vẫn mờ mờ, tôi đang lúi húi thu lưới thì nghe tiếng chèo khỏa nước gấp gáp. Tôi căng mắt nhìn qua ánh đèn soi cá và chọt kêu: “Chị Ngàn!”. Chị bảo: “Khe khê chớ Kiên”. Chị đội cái mũ tai bèo, mặc bộ đồ bà ba đen tối hôm thả lưới vẫn thường mặc. Dưới lòng xuống là một người con trai mặc quân phục xanh lá cây. Cái mũ tai bèo đặt hờ trên bụng ảnh, trán quần băng trắng. Tôi nhận ra có một cái gì đó rất hệ trọng. Chị nói vội vã: “Chị đi kéo trời sáng”. “Thế ra chị là...”. “Thôi, giữ cho chị cái nè, cái ảnh chị đó, Kiên à”. Tôi cảm nhanh ấn vào túi ngực. “Còn cái nè đưa cho má chị khi nào con út Nga lớn nó dùng, cái vòng đeo tay làm bằng mai rùa Kiên cho chị đó”. “Chị Ngàn. Chị định đi luôn sao?”. “Chị sẽ đi. Nói giùm má chị cứ yên tâm”. Chị xoa xoa tay lên đầu tôi rồi bắt chọt kéo đầu tôi ôm vào ngực chị. Hai con xuống chòng chành, chòng chành, chị buông tôi ra: “Thôi chị đi kéo mấy ảnh chờ”.

Tất cả mọi chuyện đều bất ngờ, liên tiếp bất ngờ. Tôi ngần người chẳng biết nói năng chi. Đến khi bóng chị và con xuống mắt hút vào đêm tối mờ mờ, tôi mới sực tỉnh là mình chưa kịp nói gì. Tôi cảm chèo khỏa nước bơi xuống gấp gáp, gấp gáp

đuổi theo. Nhưng rừng tràm đã chặn trước mặt tôi với vô vàn cây, vô vàn lối đi...

Chị Ngân đi một tháng không về, ba tháng không về, chẵn tám tháng thì giải phóng cũng không về. Tôi lớn lên, rồi vô bộ đội chủ lực, đánh đấm liên miên ở biên giới. Thư má tôi viết cũng nói chị Ngân chưa thấy về ập. Một thời gian nữa, má tôi biên thư báo tin gia đình bác Tám đã chuyển về phố huyện...

* * *

Má tôi ngồi lụm cụm ở thềm nhà ngoáy trầu. Tôi cời trầu ra bề nước mưa tấp, đổ nước ào ào. Lính tráng tấp bao giờ cũng vậy, ào ạt và chóng vánh. Má tôi đặt cho cái đèn soi ở bàn. Tôi mở cửa sổ cho thoáng và lúi húi mở ba-lô cất đồ ở trong nhà. Bất chợt lại có tiếng kêu: *Bíp... bìm... bíp* từ sông Cái vọng đến. Tôi giật mình:

- Má. Mấy lần trước con *đĩa* không nghe thấy tiếng bìm bíp kêu?

- Là vì mây *đĩa* không trúng đợt con nước. Đêm nay nước nổi.

Đêm nước nổi. Tiếng má như đánh thức một lần nữa ký ức xa xôi của tôi. Rồi lại kéo luôn tôi trở về thực tại bởi tiếng cằn nhằn có vẻ sốt ruột của má:

- Mây bày cơm dân đi. Chờ con út *đĩa* ăn luôn thể.

- Út nào hở má.

- Con út Nga em con Ngân ngày xưa con bác Tám đó. Nó dạy ở Đại học Cần Thơ *đĩa* đây một tháng rồi, đâu bọn nó nghiên cứu nuôi tôm nuôi cá gì đó.

Cô gái sẫm sẫm đi vào sân. Mái tóc buông xõa xuống bờ vai. Mùi hương bưởi - lại là mùi hương lá bưởi phảng phất bay ngây ngất. Tôi nghĩ đến lúc trăng lên ở đầu ấp. Và hình ảnh đôi vai trần dưới sông lấp ló bên kia bụi trâm bầu lướt rất nhanh trong đầu. Cô gái chột sưng người khi tôi từ trong nhà bước ra:

- Ủa. Hôm nay có khách hả bác Tư?

- Thăng Kiên đó. Nó *đĩa* từ lúc trăng lên.

- Trời đất! Cô út lớn quá ha - Tôi nói bằng một giọng rất thân mật, khác với cái giọng vẫn oang oang thường ngày.

- Dạ. Em có nghe bác Tư kể. Gặp anh Kiên ngoài đường em cũng hồng nhận ra.

Cô gái để chậu quần áo xuống sân, ngồi se sẽ bên cạnh má tôi rồi đưa tay vén tóc ra đằng sau. Lúc này trăng cũng đã tràn xuống sân. Khuôn mặt cô gái sáng và cái cổ cao trắng ngần hiện lên rờ rờ, áo bà ba đen ôm sát người, eo thắt lại nổi rõ vòng ngực đang căng mẩy. Tôi kìm lòng ý tứ không nhìn thẳng vào mặt cô gái và hỏi:

- Thế là cô út có biết tôi.

- Dạ. Ngày còn xiu xiu nè đã thấy anh Kiên khoác ba-lô *đĩa* phép.

Má tôi nói chêm vào:

- Mày đi tắm tắm biển biệt có mấy khi *đĩa*. Mà có *đĩa* thì chúng nó có con rồi, đứa nào chưa lấy vợ lấy chồng thì lên thành phố học hành làm ăn. Làng ấp trồng hết trơ, Kiên à.

- Bác Tư nói trúng đó anh Kiên. Em *đĩa* còn chả có bạn chơi

nữa là anh, toàn phải chơi với bọn mới lớn làng làng.

- Thì anh cũng zậy.

- Da... dạ...

Tiếng dạ kéo dài nghe dễ thương quá.

Ăn cơm xong thì trăng lên cao, ánh vàng đỏ lênh láng ngoài đường. Út Nga xin phép ra Trại nhân giống xem cá vật đẻ. Má tôi ý tứ bảo: “Để thằng Kiên chèo xuồng cho. Đi nhanh rồi địa kèo lạnh.”.

Lâu quá tôi không chèo xuồng, hai tay lóng ngóng quá làm tuột cả dây gai buộc bai chèo. Út Nga bước lại giành phần quần lại dây cho chắc. Tay út chạm vào tay tôi, tay tôi chạm phải cái vòng đeo ở cổ tay út. “Anh Kiên thấy em kỳ không? Tụi bạn em thì đeo vòng ngọc, em thì đeo vòng làm bằng mai rùa. Của chị Ngân em ngày xưa đeo đó, anh Kiên”. Tôi lặng người. Đúng đây rồi, cái vòng làm bằng mai rùa tôi gọt nhẫn tặng chị Ngân ngày trước, giờ út đeo. Út bảo: “Má em kể, ngày chị Ngân chưa vô rừng, đêm nước rong là bơi xuồng thả lưới ở đồng cá kia kia, anh Kiên”. Tôi định nói: “Dạo đó anh đã giận hờn với chị”, nhưng lại thôi. “Má em cứ bảo em giống chị Ngân. Nhìn ảnh chị, ảnh em giống nhau thiệt anh Kiên à”. “Ồ. Như đúc zậy”. “Lắm lúc em cứ nghĩ chị Ngân còn sống đang ở đâu đó”. Tôi cũng định bảo: “Anh cũng thế. Anh đi tìm chị đến hơn hai mươi năm rồi”. “Quê mình nghèo quá anh Kiên à”. “Nghèo sao út *địa* quê”. “Quê mình được cái tình người, tình người kéo em *địa*. Bao giờ anh Kiên đi?”. “Cũng còn đang tính”...

Cứ như vậy, những câu hỏi, nói xen lẫn băng quơ, rứt rề. Ký ức và hiện tại đan xen, đồng hiện, tôi miên man chìm trong hơi thở đêm đồng nước nổi. Bất chợt có tiếng *bíp... bìm... bíp* từ

sông Cái vọng tới. Rõ là tiếng bìm bịp chớ không phải tiếng người bắt chước.

Đêm nước nổi. Đêm nước nổi như hơn hai mươi năm trước. Cũng gió nổi lên từ sông Cái, cũng con xuồng trên đồng nước nổi minh mang. Nhưng đêm nay có trăng sáng, đêm nay không có tiếng ì ầm của con đằm già và những viên đạn lửa vạch lên trời. Và út Nga mặc áo bà ba đen bó sát người, tóc buông xõa bờ vai, khuôn mặt đẹp rờ rờ dưới trăng vàng.

Trong bài: Sương Nguyệt Minh: Mới với “Dị hương”, tác giả Khuyết Gia có nhận định:

“Nếu như trước đây người đọc quen biết với một Sương Nguyệt Minh của những trang viết đậm chất nông thôn và chiến tranh, với bút pháp hiện thực và lãng mạn thì càng về sau người đọc lại thấy xuất hiện một Sương Nguyệt Minh với bút pháp biến hóa, nhiều yếu tố kỳ ảo như ở “Mười ba bến nước” mặc dù chưa thật sự nhiều. Cho đến tập truyện ngắn “Dị hương” thì chất kỳ ảo đậm đặc hơn; đặc biệt trong hai tác phẩm “Đôi con gái” và “Dị hương” là những ví dụ điển hình nhất. Qua “Dị hương” người đọc sẽ nhận thấy cách viết mới mẻ không chỉ so với các nhà văn khác mà còn viết khác với chính anh. Mặc dù có nhiều ý kiến cho rằng đề tài của “Dị hương” không hề mới mẻ, cách viết không mới mẻ; thậm chí có người cho rằng nó giống với cách viết cũng như đề tài mà Nguyễn Huy Thiệp đã khai thác.”

Tài liệu tham khảo:

- Sương Nguyệt Minh Web: vn.answers.yahoo.com
- *Đêm nước nổi* Web: baomoi.com

33. Tạ Duy Anh



Tạ Duy Anh - Tạ Viết Dũng (1959-20)

Nhà văn Tạ Duy Anh tên thật là Tạ Viết Dũng , sinh ngày 9 tháng 9 năm 1959. tại thôn Cổ Hiền, xã Hoàng Việt, huyện Chương Mỹ, Hà Tây, nay là huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Đã trải qua những thời kỳ nhập ngũ, giải ngũ. Sau khi tốt nghiệp trường trung cấp thí nghiệm đất đá, ông về làm cán bộ giám sát bê-tông các công trình ngầm tại Nhà máy Thủy điện Hoà Bình.

Những năm 1980, một số truyện ngắn đầu tay của ông được đăng trên báo *Lao động* với bút danh Tạ Duy Anh.

Bước ngoặt đánh dấu ông trở thành nhà văn chuyên nghiệp là đã được dự khóa IV trường Viết văn Nguyễn Du từ năm 1989-1992.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tạ Duy Anh đã hoàn thành xuất sắc khoá học ở trường Viết văn đồng thủ khoa với nhà văn Võ Thị Xuân Hà. Ông được giữ lại trường công tác với vị trí giảng viên Bộ môn Sáng tác tới năm 2000.

Tạ Duy Anh là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1993. Ông còn viết văn với các bút danh Lão Tạ, Chu Quý, Quý Anh, Bình Tâm.

Tạ Duy Anh đã nhận được các giải thưởng:

- Giải truyện ngắn nông thôn báo *Văn nghệ*, báo *Nông nghiệp* và Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức
- Giải C cuộc thi truyện ngắn năm 1989-1990 của tạp chí *Văn nghệ Quân đội* với tác phẩm *Xưa kia chị đẹp nhất làng*
- Giải thưởng truyện ngắn trong cuộc thi viết “Trương lai vậy gọi” của báo *Thiếu niên Tiền phong*
- Hai giải thưởng của Nhà xuất bản Kim Đồng cho hai tập truyện: *Quả trứng vàng* và *Vó ngựa trở về*

Hiện ông là biên tập viên tại Nhà xuất bản Hội Nhà văn.

Tác phẩm:

- *Bến thời gian*
- *Gã và nàng*
- *Bố cục hoàn hảo*
- *Ngày hội cuối cùng*
- *Quả trứng vàng*
- *Ba đào ký*
- *Truyện ngắn chọn lọc Tạ Duy Anh* (Hội Nhà văn)
- *Đi tìm nhân vật* (tiểu thuyết)
- *Thiên thân sám hối* (tiểu thuyết)
- *Những truyện không phải trong mơ* (truyện vừa)
- *Bức tranh của em gái tôi*

- *Dưới bàn tay vô hình* (tự truyện)
- *Quả trứng vàng*
- *Vó ngựa trở về*
- *Con đé ma*
- *Bước qua lời nguyện* (tiểu thuyết)

Trích văn:

Vô Ngôn

Kính viếng hương hồn mẹ

Từ khi lấy bố tôi cho đến lúc chết mẹ tôi không về thăm quê lần nào. Mẹ chỉ kể rằng mẹ lưu lạc từ bé, phiêu dạt nhiều nơi trước khi gặp bố tôi nên không nhớ quê quán ở đâu. Mẹ bảo mẹ chỉ có quê chồng, anh em họ mạc nhà chồng. Lớn lên, linh cảm có chuyện không bình thường, vài lần tôi gạn hỏi mẹ, nài nỉ cầu xin mẹ nhưng bà đều gạt đi:

- Đã bảo là mẹ không nhớ ở đâu mà lại.

Mẹ tôi suốt một đời ăn ở hiền lành, xởi lởi với bất cứ ai. Đường như mẹ chẳng có mơ ước gì ngoài chúng tôi. Ai cũng bảo mẹ ruột để ngoài da. Trong quan hệ, mẹ luôn chịu thiệt. Có bạn chúng tôi trách, mẹ bảo:

- Đây là mẹ gửi tiết kiệm trước cho chúng mày đấy. Trời vay một sẽ trả mười.

Mẹ vất vả nhưng mà mãn nguyện lắm. Về già mẹ tôi lâm bệnh, phải nằm một chỗ. Bố tôi hầu hạ mẹ đủ điều. Trước khi chết mẹ dặn chúng tôi phải chăm sóc bố, làm theo ý bố. Mẹ cầm tay bố, chỉ rời ra khi tắt thở.

Mẹ tôi mất được hơn một năm thì bố tôi, khi đó đã ngoài bảy mươi, tục huyền với một bà sáu mươi chưa lấy chồng lần nào. Không ai tin bố lại sớm quên mẹ đến thế. Bố bảo rằng chính mẹ tôi thường hiện về xui bố đi bước nữa, thậm chí còn cầm tay bố dắt đến tận nhà di tôi sau này.

Chả hiểu bố bịa đến đâu nhưng việc bố mò ra di là cả một sự lạ. Lần ấy tự dưng bố lấy xe đạp bỏ đi biệt tích khiến cả nhà phát hoảng. Rồi bất ngờ bố trở về đưa theo di, từ một làng hẻo lánh cách nơi bố ở cả ngày đường.

Từ khi có di, bố rất chăm thăm mộ mẹ, ngày rằm mùng một đều thành kính hương khói, không bao giờ sơ suất. Di tôi về ở với bố tôi hôm trước thì hôm sau ra mộ mẹ vật mình khóc như em gái khóc chị. Rồi trở về hầu liếng bố tôi đủ điều. Cũng từ khi có di, bố hay kể về những kỉ niệm với mẹ. Và một điều bất ngờ lớn với tôi là qua bố, tôi biết quê ngoại tôi không xa quê nội là mấy. Mẹ vẫn nhớ quê ngoại, nhưng sao ngần ấy năm không về, lại còn bắt cả bố giấu chúng tôi. Tôi nghe bố kể mà muốn khóc quá. Tôi giận cả bố cả mẹ đã coi thường con cái. Có lẽ biết vậy, bố tôi thanh minh giúp mẹ:

- Mẹ con không về quê là có lí do của bà ấy, cũng khó có thể trách được. Nhưng con thì nên tìm về.

Tôi vùng vằng đứng dậy bỏ đi năm. Bao nhiêu năm tôi thèm khát quê ngoại. Với đứa trẻ nào quê ngoại chả là thiên đường. Rồi còn ông bà, các anh chị em của mẹ, ai có ai không, còn mất ra sao. Bố mẹ đâu biết đã nhẫn tâm đẩy con cái đến chỗ chẳng thể sống thanh thản được nữa. Tôi vùng dậy, sùng sộ hỏi bố:

- Lẽ nào ngần ấy năm mẹ không nhớ quê?

- Sao không! Bà ấy giấu quê xuống tận đáy lòng, không cho ai nhắc đến cũng bởi vì nhớ quê đầy thôi.

Lạ thực. Có bao điều không thể nào lí giải nổi về quá khứ đến nỗi kẻ may mắn chính là kẻ chẳng biết gì khác ngoài bản thân mình và thời khắc mình sống.

Nhưng tôi quyết định phải tìm về quê ngoại. Đó là cái làng nhỏ ở vùng trung du. Nó nghèo và tăm tối đến mức khiến tôi chạnh lòng khi thấy lại là quê của mẹ. Những nếp nhà tàn tạ, u buồn dường như vẫn nằm mơ ngủ từ cả trăm năm nay. Tôi cảm giác có thể sờ được vào thời gian. Tuy thế chân tôi cũng bập bõm vì xúc động khi bước trên những con đường làng gầy guộc. Không hiểu có sự ngầm phù trợ nào mà ngay người đầu tiên tôi hỏi thăm đã là anh em họ mạc của tôi - như sau này tôi biết. Ông là trưởng tộc, giữ việc chăm lo thờ cúng và chép gia phả. Có lẽ ông không ngờ lại có ngày ông trở nên quan trọng với người khác đến thế. Ông rồi rít kéo tôi vào một nếp nhà tồi tàn, liên tục hướng tôi nhìn lên tường, nơi treo la liệt huân, huy chương, giấy khen... các loại. Tôi chưa vội nói tôi là ai. Nhưng khi tất cả những ghi chép của ông trùng khít với điều bố tôi kể thì tôi ôm mặt khóc nức nở. Có bao nhiêu người trên thế gian này được một lần khóc như tôi. Mọi người mau chóng kéo tới, tất cả đều đói khổ, nhếch nhác và xa lạ. Những người già mau nước mắt, nghẹn ngào kể về bà ngoại tôi. Bà tôi thời trẻ đẹp gái nhất làng. Ông ngoại tôi vô phúc nên không biết nâng niu gìn vàng giữ ngọc khiến cuối cùng gia đình tan nát. Ông tôi bỏ đi mất tích còn bà chịu cảnh lơ dờ, đành theo một ông cai đội về xuôi. Từ đấy trong gia phả không có ông tôi còn bà tôi thì chỉ có ngày sinh. Mọi người thi nhau kể, đổ mọi tội lỗi cho ông tôi. Nhưng không một ai nhớ đến chiếc gạch nổi từ bà ngoại sang tôi. Mẹ tôi hoàn toàn vắng bóng trong kí ức dòng họ bên ngoại của mẹ. Chính vì điều đó mà tôi càng nung nấu quyết tâm phải lần đến tông tích ông ngoại. Khi tôi vừa ngó ý định thì mọi người đang cười nói ồn ào bỗng im bật. Cái sự lặng đi ấy cho tôi linh cảm về một trục trặc nào đó mà mọi người không muốn tôi biết.

- Con đã tìm được về đến đây, là coi như thấy quê ngoại rồi - một cô già bảo tôi. - Ông ngoại con sau đó bỏ đi biệt tích, anh em chẳng còn ai, biết lần từ đâu bây giờ.

Dường như tôi đã có lí do để nản lòng khi tôi quyết định ở lại. Đêm đầu tiên trong đời ngủ ở quê ngoại, lòng tôi ngổn ngang như một ngôi nhà bị bão quật đổ. Có lẽ đêm đã chuyển dần về sáng. Cái yên tĩnh định mệnh của làng quê đôi khi lại là cái không thể chịu nổi. Tại sao các người có thể ngủ dễ dàng đến thế, quên dễ dàng đến thế, cam phận đến thế. Tôi muốn gào lên như đứa trẻ bị bỏ rơi giữa rừng sâu. Và để không thành rồ dại, tôi trở dậy mở cửa bước ra ngoài. Tôi cứ dò dẫm đi trong đêm mà không sợ mình bị lạc hoặc gặp nguy hiểm. Có lẽ tôi sẽ đi đến sáng nếu không nhận ra có đóm lửa nhỏ ở trước mặt. Hoá ra tôi đang ở giữa cánh đồng. Đóm lửa nhỏ là ngọn nến của lão quản trang từ lâu đã không còn thói quen ngủ ban đêm. Tôi đứng bên ngoài ngắm lão ngo ngoay một lát mới cất tiếng chào. Lão quay ra, hỏi bằng thứ giọng khe khẽ:

- Ai mà khuya khoắt thế...?

Tôi chui vào trong lều. Tự dung tôi cảm thấy không phải vô cơ mà mình ra được đây. Tôi nói dối là tôi bị lạc. Lão quản trang có lẽ cũng đã quên cả thói quen cảnh giác nên cứ mặc tôi tự tìm chỗ ngồi. Và nhờ lão mà tôi lần ra được một manh mối quan trọng để tìm ra dấu tích của ông ngoại tôi.

Mặc dù những người anh em mới nhận của tôi công khai tỏ ra tự ái nhưng tôi vẫn quyết ra đi từ sớm. Theo chỉ dẫn của lão quản trang, tôi tìm được đến “bộ sử sống của làng” như chính lời lão bảo, cách làng của bà ngoại tôi đúng một cánh đồng. Quả là bà cụ đã rất già, kém đúng hai tuổi nữa là tròn một thế kỉ. Tuy thế, ngay từ vài câu xã giao tôi đã cảm thấy trí nhớ của cụ còn tốt. Khi nghe tôi giới thiệu, mặt cụ có phần rạng lên. Nhưng vừa thấy tên bà ngoại tôi cụ liền sa sầm xuống:

- Đừng có nhắc đến con hồ ly tinh ấy trước mặt tôi.

Tôi sợ cụ bị làm lẫn về mặt thời gian nên nhắc lại rằng người tôi đang kể là bà ngoại tôi, nếu sống đến giờ cũng quãng tuổi cụ.

- Ta biết anh là ai rồi. “Nó” là bà ngoại anh, vậy anh có biết ông ngoại anh là ai không?

- Vâng, đó là lí do cháu tìm đến cụ và cháu tin rằng đã có ai đưa đường chỉ lối.

- Phải rồi. Không biết làm sao anh vô cớ tìm được đến đây. Ông ngoại anh phải gọi ta bằng thím.

- Thế cụ có biết mẹ cháu không?

- Sao không? Năm nó theo mẹ đi khỏi làng chính tôi còn gói ghém quần áo cơ mà.

Tim tôi đập loạn lên. Vậy là cuối cùng cũng đã có người còn nhớ có mẹ ở trên đời này. Nhưng tôi đành nén xuống nỗi thương xót mẹ để sớm biết những điều có lẽ ngoài bà cụ này ra không còn ai lưu giữ.

Và đây là câu chuyện bà cụ kể: Ông ngoại tôi thời trẻ không chỉ đẹp trai mà còn có giọng hát rất hay. Bà ngoại tôi từ chối những đám giàu có chỉ vì mê tài ông tôi. Mỗi tình được xem là lãng mạn nhất thời bấy giờ và cũng gây nhiều tai tiếng nhất cho cả hai họ. Sau khi có vợ đẹp rồi, ông ngoại tôi vẫn sống theo lối nghệ sĩ lãng tử, gia nhập một nhóm con hát lang thang hết làng này đến làng khác. Bà tôi ở nhà, vừa chịu cảnh áo gấm đi đêm, vừa phải một mình vất vả nuôi mẹ tôi. Cái cảnh có chồng mà như goá bụa, thêm vào đó là những con ghen không có dịp được hả hê khiến bà tuyệt vọng. Bà gặp một viên cai đội vợ

vừa chết liền phó thác cuộc đời còn lại cho ông ta. Ông ngoại tôi biết tin càng có cơ để không về nhà. Bà ngoại bèn cùng với ông cai lập mưu hãm ông ngoại tôi vào vòng tù tội. Ông ngoại tôi bị bắt bởi tội buôn thuốc phiện, do chính bà ngoại tố cáo và làm chứng. Ông tôi bị tống vào tù và đày đi làm phu tít trên mạn ngược, chỉ vài năm mà suy sụp vì bệnh lao. Khi trở về, không còn cả vợ lẫn con, ông tôi chán đời bập vào thuốc phiện. Lần này thì ông mắc nghiện thật. Kiệt quệ, ông tôi bèn hỏi thăm đến tận quê chồng mới của bà ngoại bắt mẹ tôi về rồi đem bán cho một lái buôn người Thổ. Mẹ tôi phiêu bạt từ đây. Ông tôi sau đây cũng liệt giường liệt chiếu. Cũng từ đây bên họ của ông và bên họ của bà thề đời đời không nhìn mặt nhau, chỉ nhắc đến nhau trong những lời nguyện rửa. Ông ngoại tôi chết vào một đêm mưa bão, hoàn toàn cô độc trong bóng tối, tại một ngôi nhà hoang. Mọi người vui ông xuống nơi mà hơn nửa thế kỉ sau tôi được thấy nó còn lại là cái vục nước sâu hoắm. Một trận lụt làm vỡ đê đã liếm phăng đi cả góc làng trong đó có ngôi mộ ông tôi nhưng không cuốn nổi mộ hận nỗi đời.

Kể xong, bà cụ ngược mắt nhìn tôi:

- Sư bố con gái Nhếch, tưởng mắt xác ở đâu rồi ai dè...

Thấy tôi không biểu lộ gì hơn ngoài sự trầm tư, bà cụ nói thêm:

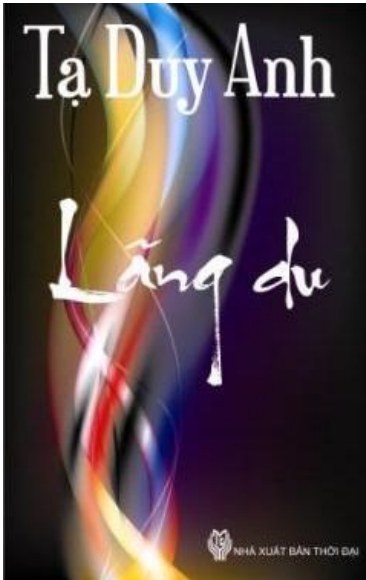
- Gái Nhếch là tên mẹ anh đấy.

- Vâng, cảm ơn cụ - tôi hồ hững đáp và ngạc nhiên rằng đáng lẽ tôi phải háo hức lắm mới phải khi lần đầu biết đến tên cúng cơm của mẹ. Nhưng dường như tôi chẳng còn muốn biết thêm gì nữa. Có những bí mật của quá khứ nên giữ mãi là bí mật. Ôi quê ngoại, người nhân hậu hay tàn nhẫn. Tôi thấy chua chát cho chính sự hăm hở của mình. Bao nhiêu dịu ngọt tôi uống suốt thời thơ bé nhờ trí tưởng tượng, ai dè lại đắng đót đến nhường này.

Tôi từ già bà cụ, người bà con bên ngoại duy nhất còn nhớ có mẹ tôi ở trên đời mà lòng nguội lạnh đến mức tự tôi thấy mình nhẵn tâm. Tôi đâm oán hận cả cái sự sống lâu, nhớ dai của bà. Trở về, trước sự săn đón hỏi thăm của vợ, tôi âm ừ đáp cho qua, nói là vừa gặp vừa không gặp. Vợ tôi biết có điều gì đó tôi không muốn chia sẻ, ý tứ không nhắc lại nữa. Tôi đem ảnh mẹ tôi ra ngắm, nước mắt cứ trào ra dần dụa. Ngày mẹ mất tôi cũng không khóc tức tưởi đến thế. Vâng, chỉ mẹ là có thật sau tất cả những gì mà từ nay con không muốn biết, không muốn thừa nhận nó từng hiện diện trên đời. - Tôi thăm thì nói với mẹ tôi - người phụ nữ khổ đau nhất trần gian.

Và rồi tôi thiếp đi. Thật lạ kì là tôi lại vẫn có thể ngủ một giấc sâu đến thế. Lần đầu tiên tôi không hề mộng mị. Khi tỉnh dậy thì trời đã ngả về chiều, gió dìu dịu trong khi vòm trời xanh một cách nhẹ nhõm. Dường như những gì tôi vừa trải qua là một trò chơi đầy ân ý của kẻ có quyền lực vô biên là số phận. Tôi không có quyền phán xét nó. Bởi vì làm như vậy tôi sẽ xúc phạm trước hết đến những đứa con đẹp như tranh vẽ của tôi. Chúng có mặt bắt đầu từ cái ngụ ý sâu xa của câu chuyện lòng vòng tai ngược trên kia, có thể chính từ cái việc nó khiến bà ngoại tôi quyết dứt tình với ông ngoại và để ăn chắc, nó nhân thêm bằng chi tiết ông ngoại bán mẹ tôi cho gã lái buôn người Thổ để từ đây trong mớ bong bóng dẫn đến vô số ngã, mẹ chỉ còn một con đường tới thẳng cha tôi. Xét trên toàn cục, đó là một cuộc sắp đặt ngoạ mục, hữu tình và có hậu. Ôi trời xanh, bốn mùa Ngải có nói gì đâu?

Cánh cửa mở tung ra, hai thiên thần nhỏ của tôi lao vào, phía sau là vợ tôi cười hiền hậu. Dường như chúng từng cho tôi biết trước một điều gì đó vô cùng bí mật, một điều gì đó mà tôi chỉ có thể thừa nhận. Ôm chặt chúng trong lòng, cảm nhận thứ hạnh phúc ngọt ngào nhất trần gian tôi bất giác rùng mình: Nếu như tất cả những chuyện trở trêu đó không xảy ra?



Trong bài: “*Đối thủ còi cọc*” - câu chuyện về tuổi thơ và làng quê, Hiền Đỗ đã viết về nhà văn Tạ Duy Anh:

Tác giả Tạ Duy Anh được biết tới qua những tác phẩm viết cho người lớn đầy gai góc như “Thiên thần sám hối”, “Bước qua lời nguyện”... Nhưng khi viết cho thiếu nhi, văn phong của ông trở nên nhẹ nhàng, lối kể chuyện đôi chút hài hước. Với “Đối thủ còi cọc”, Tạ Duy Anh đã kể một câu chuyện ám áp về tuổi thơ. Đặc biệt những dòng miêu tả tâm lý, tình cảm của một học sinh trong độ tuổi 12-13 được viết tinh tế, hấp dẫn.

Tài liệu tham khảo:

- Tạ Duy Anh Web: vi.wikipedia.org
- Vô ngôn Web: isach.info

34. Võ Thị Xuân Hà



Võ Thị Xuân Hà (1959-20)

Nhà văn Võ Thị Xuân Hà tên thật là Võ Xuân Hà, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1959, tại Hà Nội, quê gốc Vỹ Dạ - Huế.

Tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội khoa Toán – Lý.

Năm 1992, Tốt nghiệp đồng thủ khoa với Tạ Duy Anh khóa 4, trường viết văn Nguyễn Du.

Tốt nghiệp loại giỏi Chính trị cao cấp, Học viện Chính trị Hồ Chí Minh.

Dạy Toán tại 3 trường cấp hai, làm báo 3 tờ là *Vì trẻ thơ* năm 1993-1994, *Thiếu niên tiền phong* năm 1994-1995, *Điện ảnh Kịch trường* năm 1995-2000. Làm trưởng phòng nhà xuất bản Văn học năm 2000-2001. Rồi chuyển sang Ban sáng tác Hội Nhà văn Việt Nam. Sau vài năm thì vừa làm Phó thường trực Ban Nhà văn trẻ, vừa làm Phó ban Sáng tác (Ban chuyên môn và nằm trong biên chế công chức nhà nước). Sang nhiệm kỳ 2010-2015, nhà văn Võ Thị Xuân Hà nhận nhiệm vụ Trưởng Ban Nhà văn Trẻ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà văn Võ Thị Xuân Hà đã nhận được các giải thưởng:

- Tặng thưởng của Nhà xuất bản Kim Đồng năm 1996 với truyện dài *Chiếc hộp gia bảo*.
- Giải C của Hãng Phim Truyện Việt Nam, năm 1997 với kịch bản phim *Chiếc hộp gia bảo*
- Giải thưởng sách hay nam 1998 với tập truyện *Kẻ đối đầu*.
- Giải Khuyến khích của Cục Điện ảnh, năm 1998, với kịch bản phim *Chuyện ở rừng Sồi*
- Giải C của Điện ảnh Quân đội, năm 2000, với kịch bản phim *Đất lạnh lẽ*
- Giải Nhất truyện ngắn năm 2001, với truyện *Bạn rừng*
- Giải B Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2002 với tập *Truyện ngắn Võ Thị Xuân Hà*.
- Giải Khuyến khích của Cục Điện ảnh, năm 2003 với kịch bản phim *Trăng nơi đáy giếng*
- Giải Nhất truyện ngắn năm 2010 với truyện *Mặt trời ở lại*.

Nhà văn Võ Thị Xuân Hà là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà văn Hà Nội, Hội nhà báo Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam. Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa 8, Tổng biên tập tạp chí *Nhà văn*, đang sống và làm việc tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Vĩnh biệt giấc mơ ngọt ngào* (tập truyện, 1992)
- *Bầy hươu nhảy múa* (tập truyện, 1994)
- *Chiếc hộp gia bảo* (truyện dài, 1997)
- *Chuyện ở rừng Sồi* (truyện dài, 1998)
- *Kẻ đối đầu* (tập truyện, 1998)
- *Truyện ngắn Võ Thị Xuân Hà* (tập truyện, 2002)
- *Trong nước giá lạnh* (tiểu thuyết, 2004)

- *Tường thành* (tiểu thuyết, 2004)
- *Đàn sẻ ri bay ngang rừng* (tập truyện, 2005)
- *Xứ Hàn - Bạn tìm gì?* (bút ký, 2006)
- *Cái vạc vàng có đôn khiêng bằng kim khí* (tập truyện, 2007)
- *Thế giới tối đen* (tập truyện, 2009)
- *Tiếng gà gáy trong rừng hoa A-rui* (tập truyện, 2010)
- *Gia đình Phật tử Việt Nam* (khảo cứu, 2010)
- *Ấn trái đào hái hoa hồng đào* (tập truyện, 2010)
- *Vàng Sơn Thạch Thủy Khí* (tập truyện, 2012)
- *Cà phê yêu dấu* (tập truyện, 2013)
- *Lối rẽ khiêm nhường* (tập truyện, 2013)

Trích văn:

Ván thề

*Nàng là ảo ảnh
Là ánh trắng*

Tôi nói với bà: mẹ, nếu con và chồng con không sống nổi với nhau, con sẽ về ở với mẹ đẻ. Mẹ chồng tôi thất sắc: con ơi, con đã phải khó khăn nhọc nhằn, cố nhằn nạy lên con. Tôi cười. Nụ cười chứa những tia lạnh lẽo như kiếm.

Mưa xuống rất mạnh. Những hạt nước rơi ào ạt từ trên trời như muốn uy hiếp lòng người, đẩy những con người bé nhỏ rúm ró trong những cái ô của họ. Mẹ chồng tôi xếp nót những khuôn than dính mưa vào gầm bếp rồi quay ra nhìn tôi chăm chú.

Tôi đang ném cái khối dính đầy máu đỏ ra ngoài trời mưa. Dòng nước tràn trên đây cái khối trôi trôi đi như tiếc nuôi. Máu loang đỏ như vết thương bị xé toạc. Tôi cố tình cho bà nhìn thấy máu của mình. Để ngực bà co thắt lại từng cơn. Để bà cũng phải đau như tôi.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi bảo: mẹ, con vẫn chưa ổn. Trong người con vô vàn kim chích.

Tôi nói, thái độ thật lòng. Nhưng tôi khó yêu bà. Khoảng cách giữa tôi và bà mảnh một đường và sâu thẳm. Tiếng sông âm thầm chảy phía sau nhà. Tôi cười nhạt nhìn dòng nước mưa tìm về sông.

Bà bảo: mẹ hiểu rồi. Nếu con thương con trai mẹ, con ơi, con phải làm gì đi chứ?

Tôi chạy băng qua đường phố nghẹt xe cộ và mùi mưa mới dứt.

Nắng dịu dàng lan tỏa, những cánh lan long lanh nhô ra sau những búp xanh vừa được tưới đẫm nước trời.

Chồng tôi đang ngồi đánh cờ trong cái quán nhỏ tồi tàn. Bên cạnh là một dòng mương tối om, hôi sinh. Anh mặc áo trắng sơ-vin quần âu màu ghi xám. Từ xa tôi đã nhìn thấy đuôi con mắt như loài báo lúc si tình, mơn man, ấm áp và đầy bí hiểm của loài mãnh thú.

Tôi bảo: em đã mua cho anh ly cà phê này trong cái quán mọi khi chúng mình hay ngồi. Cà phê thật là thơm và đậm.

Anh nhấp ngụm cà phê, không nhìn thấy tôi. Anh và gã đàn ông đường phố, đối diện nhau, da diết với bàn cờ đang chờ phá thế.

Bàn tay chồng tôi quờ quờ vào túi áo ngực.

Tôi lấy bao thuốc trong túi ra, bảo: Đây. Loại thuốc này chắc anh thích. Còn đậm hơn cái thằng ba số.

Chồng tôi vớ cái quẹt, quẹt một cái. Ngon lửa nhỏ xiu bùng lên. Lòng tôi ấm áp. Tôi ngắm người đàn ông của tôi cầm điếu thuốc. Mỗi khi anh cầm điếu thuốc đưa lên môi, tôi lại thấy trong lòng không còn muôn ngàn mũi kim chích nhói.

Tôi chờ anh rất lâu. Chân tôi mỏi như tê cứng. Rồi không còn cảm giác. Tôi đứng lên đi đi lại lại. Phở đã xuống chiều. Những ánh đèn bật lên rạo rục. Tiếng quân cờ đập vào mặt bàn gỗ lách cách. Mùi hương hắt lên như có lớp lớp loài cá chết đang sắp hàng cùng nhau chiến đấu vì sự bình yên của bùn.

Xong tôi lại bảo: bánh mì này rất ngon, có trứng kẹp, còn có cả dưa chuột xắt mỏng.

Tôi đợi mãi, vẫn không thấy anh nói gì. Lòng tôi buồn hiu hắt.

Tôi kiên nhẫn: mẹ bảo em hãy thương anh.

Bỗng nhiên chồng tôi gắt: cô có im đi không? Như đồ dờ người!

Ván cờ nghiêng phần thắng vào tay cao cờ ngồi đối diện. Tiếng loạch xoạch xóa ván, bày lại thế.

Mặt chồng tôi tím lại.

Gần nhà chồng tôi có một chùa nhỏ. Nói gần nhưng cũng phải đi sang bên kia sông. Chùa cổ đã sạt hết một bên mái ngói móc. Sư thầy nói với tôi, chùa này năm xưa vua Phật khi xuống núi vẫn thường lấy làm nơi đàm đạo và ăn cháo chay trường.

Tôi nói với sư thầy: sau này con có thể sang đây trồng rau với thầy?

Sư thầy mỉm nụ cười không vương bận: A di đà! Cõi nhân gian đẹp hơn con người nhìn thấy.

Tôi đứng bên này sông nhìn sang bên kia. Bên kia là cõi mơ hay thực? Bên kia hàng ngày tôi vẫn đứng nhìn sang bên này. Bên này là cõi mơ hay thực? Nước sông lạnh như kiếm. Nồng nàn hơn kiếm.

Tay cao cờ khi mới xuất hiện trên đấu trường là đã có biệt danh. Nhờ có ưu thế hoạt bát và “nội công” thâm hậu mà gã được làng cờ gọi luôn không chút ngại ngần là “giang hồ hiểm ác” ở các bàn cờ độ. Đôi lần gã gặp chồng tôi đang ngồi mách nước.

Gã rú: chấp một ngựa, không thì thôi.

Hai người ngồi qua đêm, qua thêm ngày hôm sau, qua tiếp đêm nữa, tiếp ngày hôm sau nữa.

Khi đứng dậy, chồng tôi như con quạ rũ cánh, tóc bông bênh rối bời, môi thâm xỉ vì tãi hết hai chục tách cà phê đen đá, cả chục bao Thăng Long, loại thuốc rê tiền đi thẳng trực diện nicotin vào dạ dày. Thêm vài cái bánh mì do tôi đồng lửa tiếp tế.

Gã cao cờ nhìn vợ của đối thủ: tôi chưa thấy ai như cô.

Tôi căm ghét nhìn gã.

Gã giọng buồn như dòng mương hôi hám vô duyên vô định chảy ngoài kia: tôi chưa thấy ai như cô.

Tôi đi ngang qua cửa hiệu thời trang. Tôi thấy trong những tấm gương lấp lóa là người đàn bà xa lạ.

Người ấy không phải tôi. Cô ta nom rạng rỡ và bí ẩn. Cô ấy bước những bước trên hè phố khiến những người chạy xe qua phải ngoái lại nhìn.

Tôi, xấu xí và cô quạnh. Tôi tất bật cả ngày, đầu tóc rối bù, hai cẳng chân mỏi nhừ vì công việc. Tôi nhạt thếch, sau công việc thì chỉ biết hàng ngày chạy đi mua nào cà phê, thuốc lá, nào bánh mì kẹp thịt, nào những cái kẹo vô duyên không rõ nhãn mác. Tất cả cho những ván thế.

Còn cô ta. Gương mặt sao băng. Ai nấy ngưỡng mộ. Cô ta là người đàn bà của những giấc mơ. Rõ ràng cô ta đang phấn khích. Gã đàn ông xa lạ buồn buồn với những ngữ âm xa lạ: tôi - chưa - thấy - ai - như - cô.

Chồng tôi ngật ngưỡng về. Anh trút bộ quần áo vào máy giặt. Lấy nước trong tủ lạnh ra tu ừng ực.

Mẹ chồng tôi thở dài: hai ngày rồi con không về. Cái lưng con ngồi như thế rồi thì không khéo sẽ bị bệnh.

Tôi mở hộp thư điện tử của anh, thông báo cho anh những cái thư cần trả lời. Đây, họ hỏi anh có đồng ý ký hợp đồng xuất khẩu ớt bột không? Câu trả lời từ phía giường ngủ là không, ai đi thu mua được. Rồi nhớ chuyển hàng không kịp, chúng nó phạt hợp đồng thì có mà vỡ nợ. Không chơi. Đây, có người nhắn bên Hàn đang cần hai lao động, giấy mời đã chuẩn bị, chỉ cần bên này mình chọn được người đủ tiêu chuẩn, giá cả như mọi khi. Trả lời: như mọi khi sao được, giá tăng chóng mặt thế này. Đây nữa, ông Thanh bảo ngày kia có đoàn sang, mình phải đi đón, trong đoàn ấy ông Thanh có nhờ một chị ôm con của một người lao động lưu vong về, gia đình họ sẽ đến đợi ở

cửa đón khách, anh chỉ cần đến trước và thu một ngàn đô. Tiếng găt: sao lại ngàn đô, viết thư bảo làm lại giá ngàn rưởi, không thì thôi cứ để bên đấy mà nuôi.

Rồi tiếng ngáy chập chờn. Hơi thở không đều phả khắp căn nhà...

Tôi tần ngần bên luống rau của sư thầy. Rồi hỏi: thầy ơi, tại sao thầy không ở ngoài đời?

Sư thầy nhìn tôi, chắc lúc này ông chỉ nhìn thấy vẻ nhạt thếch của tôi mà thôi, rồi cười: Đây cũng là ở ngoài đời.

Tôi giải bày: vậy mà tại sao con cứ chuẩn bị cho mình một cuộc hành trình dài để có thể sau này vào đây trồng rau với thầy? Tại sao con lại cứ nhọc nhằn để hình dung sau này khi con đứng bên này sông nhìn sang bên kia? Bên ấy là căn nhà con từng ở. Bên ấy có người đàn ông từng ôm con vào lòng. Khi ấy có thể chồng con phải có một người khác để quên con? Và con thì không sao quên được một câu của một gã đàn ông đã nói với con, có thể anh ta khi nói chỉ là vô tình: *tôi - chưa - thấy - ai - như - cô*.

Sư thầy im lặng lần tràng hạt. Tiếng lách cách lần tràng âm âm.

Lát sau sư thầy ngẩng lên nhìn tôi: Cô là ảo ảnh. Là ánh trăng.

Mẹ chồng tôi bị bệnh nặng. Bà nằm như chiếc lá mỗi ngày mỗi khô đi một ít. Tôi không nhớ mình là ai nữa. Ngày ngày chăm bà như chăm đứa trẻ sơ sinh. Bà ngoan ngoãn cầu cứu tôi mọi thứ.

Một hôm bà bảo: nếu mẹ không còn trên cõi đời này, con cũng đừng về với mẹ đẻ của con, con nhé.

Tôi gật đầu. Lòng không còn nhớ tôi đã không yêu bà, vẫn không yêu bà. Mỗi ngày, bà thâm nhập vào từng mao mạch trái tim tôi như nước như hơi thở. Bà quen thuộc với tôi, dịu dàng với tôi, tốt với tôi cứ như bà phải gắng gượng làm như vậy. Cứ như bà đã phải gắng gượng suốt cả đời với chồng và con trai. Ngay cả khi ông đã ngồi trên cao nhìn xuống.

Chồng tôi vẫn ngày ngày ra quán hội cờ. Bên ấy, anh ngồi đối diện với gã cao cờ, tính nước đi. Anh vô tư và thỏa mãn. Không bao giờ thấu được ván thế.

Tại tôi luôn âm âm những lời ma mị của gã đàn ông đang lâm thế trận với chồng tôi. Lòng tôi vang lên niềm vui gian trá. Sự gian trá này nảy mầm từ sự thản nhiên tận hưởng cuộc sống của chồng tôi. Tôi không ân hận. Tôi tự cho mình quyền hạn vô biên để có thể bất cứ lúc nào cũng có thể xoẹt một đường kiếm vào cuộc sống bình lặng hàng ngày của chính mình.

Mẹ chồng tôi luôn thờ dài và cứ nhắc đi nhắc lại: cho dù thế nào, mẹ cũng đã ở ngôi nhà này cả đời, không bỏ về bên nhà mẹ đẻ. Con cũng phải như vậy nhé, con dâu.

Tôi muốn hét lên với bà. Mẹ yên tâm đi, con đã chuẩn bị hết rồi. Con hứa sẽ không về với mẹ đẻ của con. Nhưng nếu con cứ ở đây, chồng con sẽ là người đàn ông bất hạnh nhất. Mẹ có nhìn thấy ngôi chùa bên kia sông không? Nơi ấy, con sẽ trồng rau. Nơi ấy con sẽ luôn nhìn thấy con trai mẹ bên này.

Chồng tôi có phần điều độ hơn trước. Ngày nào cũng chỉ đúng giờ đi, lại đúng giờ về. Lại chăm sóc tôi hơn tôi chăm sóc anh.

Lâu lắm tôi không mua cà phê, thuốc lá hay bánh mì cho chồng. Tôi mặc kệ anh với những tận hưởng không lối thoát.

HUỶNH ÁI TÔNG

Một ngày, mẹ chồng tôi không chờ được anh về. Bà bay đi, như ngọn gió. Để lại thân xác nhỏ xíu như đứa trẻ. Khi bà chuẩn bị bay đi thì níu lấy tay tôi không rời. Tôi phải gỡ từng ngón tay bà, và đặt vào đó những đồng tiền lẻ.

Tôi nấc lên. Mẹ ơi, con yêu mẹ.

Tình yêu của tôi bay theo bà. Cô đơn và lạnh...

(Thái Hà, đêm 17.8.2011)

Trong bài: *Cảm hứng bi kịch trong truyện ngắn Võ Thị Xuân Hà*, tác giả Bùi Tuấn Ninh đã nhận định:

“Dù chỉ là điểm qua nhưng có thể thấy rằng cảm hứng bi kịch trong truyện ngắn của Võ Thị Xuân Hà khá đa dạng. Bằng tác phẩm của mình, nhà văn đã phản ánh được những bề bộn, phức tạp, những góc khuất trong mỗi con người từ đó đặt ra những vấn đề bức thiết với cuộc sống. Phản ánh những vấn đề bi kịch nhưng các tác phẩm của Võ Thị Xuân Hà không nhuộm màu sắc bi quan. Chị vẫn cho thấy những hi vọng và nghị lực để con người có thể vượt qua những khó khăn trong cuộc đời. Và ẩn trong mỗi câu chuyện là sự cảm thông chân thành, sâu sắc của nhà văn với các nhân vật của mình (đặc biệt là các nhân vật nữ) dù cho họ là nạn nhân hay chính là thủ phạm gây ra nỗi bất hạnh của cuộc đời mình. Rõ ràng, điểm sáng nhân hậu trên đã góp phần nâng tầm tư tưởng cho mỗi tác phẩm của nữ văn sĩ gốc Huế này.”

Tài liệu tham khảo:

- Võ Thị Xuân Hà Web: baomoi.com
- Văn thế Web: phongdiiep.net

35. Lê Minh Quốc



Lê Minh Quốc (1959-20)

Nhà văn Lê Minh Quốc sinh năm 1959 tại Thành phố Đà Nẵng.

Từ năm 1977 đến năm 1983, đi bộ đội, chiến đấu ở chiến trường Kampuchia.

Từ năm 1984 đến năm 1987, theo học Khoa Ngữ văn tại Đại học Tổng hợp Tp.HCM.

Từ năm 1988 về sau, công tác tại báo *Phụ Nữ Tp.HCM*, trụ sở 188 Lý Chính Thắng Q.3. Hiện nay, trưởng ban Văn hóa Văn nghệ báo *Phụ Nữ Tp.HCM*.

Ngoài làm báo, viết văn, làm thơ, Lê Minh Quốc còn vẽ tranh trình bày bìa sách và vẽ tranh sơn dầu.

Lê Minh Quốc được các giải thưởng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải Nhất về thơ nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Lực lượng TNXP
- Giải thưởng về thơ của Hội Nhà văn Tp.HCM
- Giải viết ký của tạp chí *Thế giới mới*.

Lê Minh Quốc là Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam, Hội viên Hội Nhà báo Tp.HCM, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 2001, Hội viên Hội Nhà văn Tp.HCM.

Tác phẩm:

- *Trong cõi chiêm bao* (thơ, Văn Nghệ Tp. HCM, 1989)
- *Ngày mai còn lại một mình tôi* (thơ, Trẻ, 1990)
- *Sân trường kỷ niệm* (truyện dài, Trẻ, 1990)
- *Mùa thu đứng trước cổng trường* (truyện dài, Trẻ, 1990)
- *Về nơi nào để nhớ* (truyện dài, Văn Nghệ TP.HCM, 1991)
- *Thời của mỗi người* (truyện dài, Trẻ, 1991)
- *Hoa cúc không phải màu vàng* (truyện dài, Trẻ, 1992)
- *Xin lỗi, ông là ai?* (truyện dài, Trẻ, 1993)
- *Tôi vẽ mặt tôi* (thơ, Văn hóa Thông tin, 1994)
- *Nguyễn Thái Học* (tiểu thuyết lịch sử, Văn Học, 1995)
- *Thơ tình Lê Minh Quốc* (thơ, Trẻ, 1995)
- *Tiếng cười dân gian hiện đại Việt Nam* (Trẻ, 1996)
- *Tướng quân Hoàng Hoa Thám* (tiểu thuyết lịch sử, Văn Học, 1996)
- *Nguyễn An Ninh- dấu ấn để lại* (tiểu thuyết lịch sử, Văn Học, 1997)
- *Hỏi đáp Sài Gòn - Tp.HCM* (Trẻ 1998)
- *Nếu không còn cố tích* (thơ, Đồng Nai, 1998)
- *Phát hiện về bốn thơ Nam kỳ đầu thế kỷ XX* (chung với Nguyễn Hữu Hiệp, Trẻ 1998)
- *Kể chuyện danh nhân Việt Nam* (1999)
- *Yêu em, Đà Nẵng* (thơ, Trẻ, 1999)
- *Hành trình chữ viết* (Trẻ, 2000)
- *Hỏi đáp Giáo dục Việt Nam* (Trẻ, 2001)

- *Hỏi đáp Báo chí Việt Nam* (Trẻ, 2001)
- *Hỏi đáp Non nước xứ Quảng* (nhiều tập, Trẻ - 2002)
- *Chiến tướng Tôn Thất Thuyết* (tiểu thuyết lịch sử, Kim Đồng, 2003)
- *Tôi chạy theo thơ* (thơ, Trẻ, 2003)
- *Doanh nghiệp Việt Nam xưa & nay* (nhiều tập, Trẻ - 2004)
- *Hành trình của con kiến* (thơ, Trẻ, 2006)
- *Bạch Thái Bưởi – người dám sống* (tiểu thuyết lịch sử, Trẻ, 2007)
- *Người Quảng Nam* (Đà Nẵng - 2007)
- *Đời thế mà vui* (Văn hóa Văn nghệ)

Trích văn:

Nhà văn Sơn Nam - 50 năm Hương rừng Cà Mau

Thành công lớn của Hương rừng Cà Mau là qua tính cách nhân vật, bối cảnh lịch sử, địa lý... nhà văn Sơn Nam đã chứng minh phép ứng xử văn hóa, nếp sống, bản lĩnh của người Nam bộ đã hình thành nên “văn minh miệt vườn”. Và văn minh đó (nếu được gọi như thế) là một bộ phận không thể tách rời của một nước Việt Nam thống nhất.

I/ Hoàn cảnh ra đời của Hương rừng Cà Mau:

Sau Hiệp định Genève, từ U Minh Rạch Giá, nhà văn Sơn Nam lên Sài Gòn sống bằng nghề viết văn. Việc đầu tiên của ông là mua ngay tám bản đồ Sài Gòn, sau đó ông đã gặp những nhà văn từng có thời sống trong chiến khu như Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm... rồi làm quen với nhà nghiên cứu Nguyễn Thiệu Lâu, Vương Hồng Sển v.v.... Vấn đề đặt ra trong thời điểm này của Sơn Nam là viết cái gì và viết như thế nào? Là “người của thời 9 năm” nên buộc ông dù viết đề tài nào cũng phải đạt hai

yêu cầu:

1. Thứ nhất, anh em “trong khu” nếu có đọc được thì cũng không buồn Sơn Nam, ông vẫn là người của thời “chín năm” chứ không đổi dạ thay lòng. Đây cũng là lương tri và trách nhiệm của ông đối với kháng chiến.

2. Thứ hai, những sáng tác, biên khảo này (trong đó có truyện ngắn) không chỉ phù hợp với “khẩu vị” của người đọc đương thời mà qua đó phải ngụ ý rằng, thiên nhiên và con người ở mảnh đất chót vót cực Nam của Tổ quốc là một phần máu thịt không thể tách rời non sông nước Việt.

Suy nghĩ này, đến nay vẫn còn ý nghĩa tích cực lâu dài. Độc đáo của Sơn Nam là sống trong vùng tạm chiếm thời đó, ông đã xác tín một điều đã thuộc về chân lý mà chắc chắn ông đã ý thức từ thời chống Pháp: “Nam bộ mà máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định.

Trong hồi ký, Sơn Nam cho biết chính Bình Nguyên Lộc - “nhà văn mà tôi yêu mến nhất” là người đã bàn bạc, gợi ý giúp ông “rất nhiều về cách làm quen với làng báo nhất là báo tuần ở Sài Gòn”, ngay cả chọn đề tài nào để viết. Ông tâm sự: “Khi lên Sài Gòn, nhà nghèo, ở hang cùng ngõ hẻm - thì làm sao tôi có thể viết hay được mảng khiêu vũ, nhà hàng? Do đó, tôi viết về văn minh miệt vườn mà tôi am tường ít nhiều”.

Sau khi đã xác định đề tài, nhà văn không chỉ trông cậy vốn sống, thực tế mà còn phải tra cứu thêm nhiều tài liệu khác.

1. Về tài liệu: Thư viện chính là nơi nhà văn Sơn Nam lui tới nhiều nhất. Đáng chú ý nhất, ông được nhà khảo cổ Vương Hồng Sển giới thiệu vào thư viện của Hội Nghiên cứu về Đông Pháp, trụ sở đặt tại tầng một của Nhà Bảo tàng Lịch sử (Thảo

Cầm Viên), thư viện của Hội Khảo cứu Án Hoa (SEI) và kể cả thư viện của học giả Vương Hồng Sển - người sở hữu một kho sách khổng lồ.

Nhờ mối quan hệ thân tình, Sơn Nam đã tìm đọc rất nhiều sách báo xưa, trong đó gần như đủ bộ Lục tinh tân văn tại nhà ông Sển. Đây là một trong những tờ báo đầu tiên của Nam kỳ, do Trần Chánh Chiếu chủ trương, chủ yếu bàn về vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội với tư tưởng cấp tiến. Bộ báo quý hiếm này đã giúp Sơn Nam rất nhiều trong khảo cứu sau này. “Săn trốn ấy, tôi mượn của ông Sển mấy quyển tư liệu xa hơn về Thiên địa hội ở Nam Dương. Đây là những tư liệu tạm gọi là tiền thân của các giáo phái ở Nam bộ”. Nhờ những tài liệu này, về sau ông viết được nhiều tập sách giá trị, trong đó có Hương rừng Cà Mau.

2. Vốn sống: Với nhà văn, tài liệu trong thư viện vẫn chưa đủ mà còn là trí tưởng tượng đặng dẫn dắt câu chuyện, thêm thắt các tình tiết, khắc họa tính cách nhân vật nhằm xây dựng một cốt truyện hợp lý, có như thế mới lôi cuốn bạn đọc. Dù tưởng tượng phong phú đến đâu nhưng nó phải được hư cấu từ cơ sở hiện thực của đời sống.

Với nhà văn Sơn Nam, lúc bấy giờ, do cảnh giác sự theo dõi của mật vụ Sài Gòn và cũng chưa có giấy tờ tùy thân hợp pháp nên ông thường len lỏi trở về Cần Thơ, Hà Tiên, Hậu Giang... Có thể ghi nhận đây là những chuyến đi thực tế rất quan trọng để ông có thêm nhiều tài liệu điền dã đưa vào tập truyện ngắn lừng danh Hương rừng Cà Mau.

II/ Chủ đề của Hương rừng Cà Mau

Nói đến miền Nam là nói đến công cuộc khai hoang từ nhiều thế kỷ của người Việt. Theo nhà văn Sơn Nam: “Đi khẩn hoang là theo nếp sống tùy tiện. Thấy bầy vịt của ai đó lội trên

sông, cứ bắt một con mà ăn thịt, nếu chủ hay thì cứ xin lỗi là yên vui. Gặp ai yêu mình, mình cứ yêu trở lại, muốn kết nghĩa vợ chồng thì hãy tùy hoàn cảnh. Gặp ai rao giảng đạo lý nào thì cũng nghe, gẫm lại có từ bi bác ái, làm lành tránh dữ là được. Dem việc khẩn hoang là đề tài “ăn khách” vì nó còn lẫn lộn trong ký ức tập thể của người Sài Gòn và các tỉnh lỵ phía đông bằng. Đánh cọp, bắt sấu, lươn rùa ếch rắn... Mô tả việc khẩn hoang thời Pháp thuộc để khơi dậy sự đấu tranh chống thiên nhiên, chống cường hào ác bá thời Pháp. Viết nghiêm túc, thật lòng, không cường điệu, tức là mình đã có chánh nghĩa.

Kiểu “dã sử hiện đại” này được ưu điểm là không khiêu khích chính quyền lúc bấy giờ tự xưng là dựng nước Việt Nam độc lập (về hình thức) nhưng người đọc hiểu ngay vì nó đánh động tiềm thức, gọi lòng yêu nước, nhớ ông bà. Hào khí Nam bộ trong Hương rừng Cà Mau ngay lập tức được những người có lương tri ủng hộ”.

Những truyện ngắn này, lần đầu tiên được công bố lai rai trên tập san văn nghệ Nhân loại do Anh Đào, chủ nhiệm kiêm chủ bút; nhà văn Ngọc Linh, Thư ký tòa soạn. Sau đó vào năm 1962, các truyện ngắn này được NXB Phù Sa in thành sách, gồm 18 truyện ngắn:

- 1- Hòn Cỏ Tron
- 2- Ông già xay lúa
- 3- Cây Huê xà
- 4- Bác vật xà bông
- 5- Đàng Cánh Buồm Đen
- 6- Con Bầy đưa đò
- 7- Chiếc ghe "gho"
- 8- Cô Út về rừng
- 9- Miếu Bà Chúa Xứ
- 10- Mùa len trâu
- 11- Một cuộc biển dâu

- 12- Đón gông ông thầy Quít
- 13- Tình nghĩa giáo khoa Thư
- 14- Hát bội giữa rừng
- 15- Hương rừng
- 16- Bắt sâu rừng U Minh Hạ
- 17- Người mù giăng câu
- 18- Sông Gành Hào

“Thay lời mở đầu” là một bài thơ nổi tiếng của Sơn Nam, mà hiện nay hai câu thơ trong đó được khắc trên bia mộ ông:

*Phong sương mấy độ qua đường phố
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê*

Loạt truyện ngắn này ngay từ khi in công bố lập tức tạo tiếng vang trong dư luận. Trong tập sách “Sống và viết với...” nhà văn Nguyễn Ngu Í có hỏi Sơn Nam: “Những chuyện trong Hương rừng Cà Mau đều có thật hay “dựng đứng” lên?”. Ông trả lời:

- Anh không phải là người đầu tiên hỏi tôi về điểm này. Phần tập tục (ta hiểu phong tục), anh tin rằng tôi nếu không chính mắt thấy tai nghe thì cũng là mấy ông lão ở địa phương cung cấp tư liệu. Còn sự việc thì tôi bịa ra, nhưng bịa ra cách nào mà người địa phương xem xong, bảo việc này có thể xảy ra ở đây” (tr. 209).

Số phận của tựa sách này lạ lùng, vì về sau nó có thể làm tựa chung cho các loạt truyện ngắn khác cùng chủ đề.

Thử hỏi tại sao bộ sách Hương rừng Cà Mau do NXB Trẻ mua bản quyền và ấn hành năm 2003 lại có đến 66 truyện ngắn - nghĩa là tăng gấp bốn bản in lần thứ nhất năm 1962?

Lý do như sau: Ít ai biết, cũng trong khoảng thời gian này, nhà

văn Sơn Nam còn cộng tác với tạp chí Hương Quê. Tạp chí này hiện nay ít ai còn lưu trữ, ngay cả Thư mục báo chí Việt Nam (NXB Chính trị Quốc gia -1999) do PGS - TS Tô Huy Rứa chủ biên cũng bỏ sót. Cũng một phần do nó chỉ “tặng miễn phí” (có ghi rõ ngoài bìa) chứ không phát hành ngoài thị trường, nó được thực hiện nhằm “Phục vụ nông thôn - Cải tiến nông nghiệp”, mỗi kỳ chỉ in một truyện ngắn hoặc Sơn Nam hoặc Bình Nguyên Lộc. May mà trong kho tư liệu của tôi có sưu tập được tạp chí này, nhờ vậy có gần 30 truyện ngắn được giới thiệu với thế hệ trẻ. Khi công bố bản in đã mua tác quyền, NXB Trẻ tạm gọi các truyện ngắn ấy là Hương rừng Cà Mau 2. Dần dà về sau, do nhiều đóng góp khác nên bạn đọc lại có tiếp Hương rừng Cà Mau 3.

Đến nay, tôi dám quả quyết rằng, số lượng này chưa dừng lại đó. Một chi tiết trong cuộc trò chuyện giữa Sơn Nam và Nguyễn Ngu Í trong tập sách mà tôi vừa nêu, nhà văn Sơn Nam có cho biết là ông còn viết loạt truyện ngắn chủ đề Hương rừng Cà Mau và đã in trên tờ Tiểu thuyết thứ năm. Tra cứu lại, tôi biết tuần báo này số đầu tiên ra ngày 16.1.1964. Cung cấp thêm vài tư liệu để những ai nghiên cứu về Sơn Nam tiếp tục sưu tập lại các truyện ngắn này.

III/ Ý nghĩa của Hương rừng Cà Mau

1. Khi ở lứa tuổi “xưa nay hiếm” nhìn lại Hương rừng Cà Mau, nhà văn Sơn Nam cho biết: “May phước cho tôi, một cuốn sách chỉ có giá trị khi ra đời đúng lúc. Hương rừng Cà Mau nếu ra chậm vài năm, khi Mỹ - Diệm mở chiến dịch bình định nông thôn, đề cao ruộng đồng, đề cao nông dân, nếu lúc đó tôi viết Hương rừng Cà Mau sẽ bị hiểu lầm là ủng hộ chiến dịch của Mỹ nguy, lấy tiền của CIA...”

2. “Viết về vùng đất mình sinh ra là chọn con đường đi đúng hướng, để qua đó sống lại với đời sống tâm linh nguồn cội.

Đời sống tâm linh là cần, nhưng cái tâm linh dạt dào sức sống ấy phải thúc đẩy con người nhìn ra thế giới, với các nước láng giềng. Tự tôn với cái “tâm linh thuần túy” của mình là tự sát. Phải tạo ra cái vật chất, phải có khoa học kỹ thuật, phải tồn tại và tồn tại cho bằng được”.

Điều này, tôi hiểu, khi viết lại “chuyện xưa tích cũ” với Sơn Nam không chỉ đơn thuần chủ giải trí, mua vui trong chốc lát - mà qua đó, nó phải có tác động tích cực đến thời cuộc, đến xã hội hiện tại. Phân tích kỹ điều này, sẽ góp phần lý giải vì sao tác phẩm của Sơn Nam có sức sống lâu bền.

3. Hương rừng Cà Mau là một đóng góp quan trọng nhằm chứng minh cụm từ “văn minh miệt vườn” của nhà văn Sơn Nam.

Theo ông, “Miệt vườn” là từ có sẵn nhưng tại sao ông lại thêm tiếng “văn minh” kèm theo trước? Nhà văn lý giải: “Trong hoàn cảnh địa lý và lịch sử đặc biệt, dân Việt đã sáng tạo một nếp sống hùng mạnh, phóng khoáng, đã chinh phục (vùng đất đó). Lẽ dĩ nhiên, nếu người Tây Ban Nha, người Nhật, người Lào, người Cam Bốt gặp một hoàn cảnh lịch sử, địa lý tương tự thì họ có phản ứng khác, cất nhà, cấy cấy theo hình thức khác. Vì họ không nằm trong văn minh Việt Nam”.

Hầu hết các truyện ngắn trong Hương rừng Cà Mau hấp dẫn ở chỗ Sơn Nam đều lấy bối cảnh từ đồng bằng sông Cửu Long. Từ tính cách nhân vật cho đến ngôn ngữ đối thoại cũng đậm đặc bản sắc của con người miền Nam nước Việt. Những địa danh lạ lẫm như sông Trèm Trẹm, kinh xáng Xà No, rạch Xẻo Quao... dần dần trở nên thân thuộc với người đọc. Đó là thế mạnh của Sơn Nam.

Những truyện ngắn này còn có ý nghĩa ở chỗ, được viết trong thời điểm các nhà văn “thời danh” của Sài Gòn khai thác cảnh

“phồn hoa đô hội” trong vùng tạm chiếm, thì ông quay về với sinh hoạt, phong tục, cảnh vật của vùng đất xa xôi như Rạch Giá, Cà Mau, Gò Quao, Hòn Tre... để đem lại cho bạn đọc một cái nhìn thân thiện của nơi “khí ho gà gáy”. Thì ra, ở đó vẫn còn có những tay anh hùng, giang hồ mã thượng, những tài trí linh loạt, những mối tình đẹp như trong tiểu thuyết thời Tự lực văn đoàn... Đó là nhân vật Út Một trong Ba kiểu chạy buồm, là Tư Liệt trong Chim trời cá nước, là Đon Hùng Tín trong Súng bắn không chết, là ông thầy bắt rắn trong Cây Huê Xà... Đó cũng là nơi dân đen dù nghèo nhưng trọng nghĩa khinh tài, tiêu biểu nhất là “đôi bạn” Tư Có và thầy phái viên nhà báo Chim Trời trong Tình nghĩa quốc văn giáo khoa thư v.v....

Rõ ràng “văn minh miệt miệt” trong tâm thức của nhà văn Sơn Nam gắn chặt với cội nguồn của máu thịt nước Việt. Thật bất ngờ và cảm động khi tại nơi mà không phải bất kỳ người Việt nào cũng từng nghe đến: ấp Cà bậy Ngọt, lại có hai người rất Nam bộ bình luận về bộ sách giáo khoa lừng danh ở ngoài Bắc như sau: “Văn chương nghe như đờn Nam Xuân: Nước mềm đá rắn, thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn thế mà dây cưa mãi gỗ cũng phải đứt, con kiến nhỏ cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...”

Thành công lớn của Hương rừng Cà Mau là qua tính cách nhân vật, bối cảnh lịch sử, địa lý... nhà văn Sơn Nam đã chứng minh phép ứng xử văn hóa, nếp sống, bản lĩnh của người Nam bộ đã hình thành nên “văn minh miệt vườn”. Và văn minh đó (nếu được gọi như thế) là một bộ phận không thể tách rời của một nước Việt Nam thống nhất. Hiểu như thế, cảm nhận như thế nên bạn đọc thế hệ này và sau này vẫn còn yêu mến Hương rừng Cà Mau là lẽ tất nhiên.

(18-12-2012)

Trích thơ:

Ăn gió

*như ngọn gió đi qua trần gian này không để lại dấu vết
ngày mù xa cát bụi mệt mỏi
sắp xếp lại những lo toan bận rộn
quay về một bến sông quê
tôi nằm dài trên mướt mà là cỏ
và ăn gió
khói bếp thơm rơm rạ quê mùa
chậm chậm bàn tay tôi ve vuốt
đó là lúc gió dậy thì xanh mướt
tôi cầm trên tay
và một ngày
ăn hết
gió lại reo lên dẫn tôi về choàng vai ngày Tết
bánh chưng xanh khói ấm giao thừa
tiếng gió cười đùa
em sắp lớn nắng vừa lên và linh hồn bé bỏng
có đôi lúc tôi nhìn trong gió ấm
gót sen thơm in dấu trước sân nhà
một mùi hương trong sạch mới đi qua
trời ơi gió
suốt một ngày là gió
bến sông quê của ngày xanh tuổi nhỏ
tôi quay về mở lòng ăn lấy gió
để trở thành đứa trẻ tuổi năm mươi
những ngày vui
đang đến...*

(24- XI-2009)

Đợi

HUỖNH ÁI TÔNG

*Em có đợi ai không?
Em đợi dòng sông sắp láy chồng
Đợi nắng đầu ngày đang đám cưới
Đợi gió tự tình hát thông dong*

*Em đợi mùa vui đứng giữa chiều
Tiếng chim nào hót rất trong veo
Âm vang tiếng ngọc reo như lá
Tình ái đang là khăn mới thêu*

*Em đợi sương mờ Pleiku
Chập chờn gió lạnh tít xa mù
Quàng thêm khăn ấm đi trong phố
Phố núi vàng hoa sắp cuối thu*

*Em đợi em là em rất nhưng
Lửa ấm khuya nay cháy bập bùng
Rét quá bàn tay làm sao nhớ
Chỉ biết lần đầu môi biết run*

*Em đợi những ngày “marketing”
Có gã đàn ông rất hồn nhiên
Gặp em và nói: “Em vui nhé”
Nhìn kỹ chao ôi! Gã rất hiền...*

(2009)

Lời mẹ dặn

*Khi con cầm trên tay nắm đất
Đã thấy máu của anh hùng bắt khuấy*

*Nhìn quốc kỳ trong gió đang reo
Nghe vọng về lời tiên nhân thẳm nhắc:*

*Một ngọn núi, con suối, dòng sông
Không bao giờ để mất*

*Giọt máu dân Việt đổ xuống biển Đông
Mỗi con sóng đều hóa Bạch Đằng Giang
Nhọn hoắt như chông*

*Sức mạnh bốn ngàn năm
Đang đồng hành ra trận...*

(10.5.2014)

Tình Cớ Đọc Lại Bài Thơ Cũ

*Thơ viết thời con gái
Em - mười ngón tay hoa
Bây giờ tôi đọc lại
Như cầm láy nỡn nà
Em như coi trâu đày
Dịu dàng và đằm thắm
Tôi còn ngậy thơ lắm
Nông nổi như giếng khơi.
Thơ vọng đến xa xôi
Trong chiều dài kỉ niệm
Ngày ấy em xa tôi
Nụ hôn nào ngọt lịm?
Thơ viết thời con gái
Đọc lại vẫn còn duyên
Cũng như em - tôi nhớ
Từ cái nhìn đầu tiên
Chim nháy qua cửa lớp
Mang theo thơ học trò
Tôi về quê ăn tết
Bài thơ còn thơm tho.*

HUỶNH ÁI TÔNG

Nàng Thơ Thế Kỷ XXI

*Không phải người con gái áo lụa Hà Đông
Nền nả áo the rụt rè guốc mộc
Hương bồ kết tự tình mái tóc
Nón quay thao đứng dựa cột trúc đào*

*Dạ tiệc ồn ào không kịp ngắm trăng sao
Điện thoại cầm tay bất ngờ nghẽn mạch
Con đường thơ phải phóng xe luôn lách
Áo pull em bó sát mộng xuân thì.*

*Tha thướt trên vai một mái tóc thề
Đã nhẹ dạ trước lời mời nhan sắc
Em thử nghiệm bao nhiêu là hoá chất
Tóc mới đổ rượu vang nay đã hoe vàng*

*Tôi nhìn nàng thơ đôi lúc cũng hoang mang
Chẳng lẽ quần jean và môi sơn đồng đánh?
Đâu cô tám bốn ngàn năm rất thánh
Đi trong thơ thon thả nhíp đồng dao?*

*Xa lộ thông tin nàng đã bước chân vào
Những website mở ra chân trời lạ
Đâu tuyết nguyệt trắng hoa bên vòm lá
Nón nghênh che khép nép sợi tơ hồng?*

*Nàng thơ bây giờ đã đến chốn chợ đông
Vẫn hấp dẫn những tâm hồn thơ thần
Vẫn tôi lơ mơ thất tình và lận đận
Vội vã theo em đang sải bước qua đường.*

Những Ngày Tháng Học Trò

Tôi đến giảng đường những buổi sớm mai

*Không có em chợt nhiên lòng hờn dỗi
Đứng ngẩn ngơ nhìn mây bay và hỏi
Em có yêu không hay nhí nhánh giá vờ?*

*Thấy em cười - tôi lại muốn đọc thơ
Ca tụng một năm chỉ toàn ngày chủ nhật
Trương tư tóc em thơm hơn cỏ mật
Nên đến gần hơi thở lại run run.*

*Không dám điêu ngoa như một kẻ đi buôn
Tôi chỉ làm thơ và yêu em đắm đuối
Dư dả nụ cười tặng em từng buổi
Lại thiếu lời gian dối để huênh hoang.
Dòng sông xưa con nước vẫn trong xanh
Ngày tháng học trò mưa về chưa ước tóc*

*Trên đỉnh trời ngàn ngôi sao đang mọc
Đừng để nỗi buồn rơi xuống lại môi*

*Tôi làm thơ như một kẻ rong chơi
Trước sân trường nâng niu vài quyển vở
Lật từng trang lại thềm hôn ngọc cổ
Dòng chữ nào cũng có dáng hình ai.*

*Rồi buổi sáng nào cầm chiếc dép trên tay
Tôi đến tặng em như trong cổ tích
Chỉ em mới mang vừa đôi hài ngọc bích
Nên em thành... công chúa của riêng tôi.*

Nơi Em Về Làm Dâu

*Con gái Sài Gòn về làm dâu miền Trung
Có lá me rơi trên tà áo mới
Có lý ngựa ô đang theo anh đứng đợi
Đưa em về trong ngày lễ vu quy*

Lá me ơi rơi hoài mãi chi
Trong lần đầu bài thơ gặp gỡ
Gió hồ Con Rùa còn xanh nổi nhớ
Anh thương em tận cổ chí kim.

Đất miền Trung không cần cõi tiếng chim
Em cứ hồn nhiên ra sông gáng nước
Trên lùm tre tiếng chim gù xanh mượt
Chiều quê anh đắm thắm nụ hôn đầu

Đất miền Trung thương em đến làm dâu
Tháng chín trăng trời con giống tầm tã
Mẹ cùng cha còng lưng cấy mạ
Để nuôi anh ăn học ở quê em

Về miền Trung em hiểu anh hơn
Anh yêu em sao cứ run giọng nói
Đất cần khô hoa xương rồng đỏ chói
Sao mẹ chặt chiu đến cả nụ cười

Anh làm thơ lúc mẹ tuổi năm mươi
Tóc bạc trắng, đắng cay đầy phiền lụy
Cánh cò vẫn bay trong lời ru chung thủy
Nên đi xa anh nhớ mãi quê mình.

Em về làm dâu đừng có ngại ngùng
Mẹ sẽ thương em suốt đời nhân hậu
Anh thương em là điều không thể giấu
Căn nhà mình ấm áp nổi vui chung.

Oi! Con gái Sài Gòn về là dâu miền Trung.

Hăm chín tết với quê nhà
Máy bay lướt sóng la đà trên mây
Tôi về như một bào thai
Đi trong bụng mẹ phút giây tượng hình
Chân trời cửa mở phiêu linh
Một mình tôi với một mình sóng đôi
Vườn xưa hiện tại chỗ ngồi
Trầm hương thấp thoáng mặt người hôm qua
Tình gần? Gần lúc chia xa
Người xa? Thưa dạ, đang là có nhau
Tôi về ngoảnh lại nghìn sau
Thấy lau sậy trắng bẽ dâu luân hồi
Bỗng nhiên tôi gặp lại tôi
Từ lòng mẹ bước vào đời an nhiên

Tranh:





Trong bài: *Nhà thơ, nhà báo Lê Minh Quốc: “Trong tình yêu tôi là người quá trẻ con”*, Hà Giang viết về Lê Minh Quốc:

“Anh là một nhà thơ, điều đó quá rõ; anh là một nhà báo với không ít bài viết sắc sảo, điều này cũng nhiều người đã biết. Anh còn là nhà nghiên cứu với không ít tác phẩm về những danh nhân Việt Nam, về văn hóa... Anh viết ký, viết tiểu thuyết, vẽ tranh, làm M.C, làm giám khảo... Quá nhiều thứ trong một con người Lê Minh Quốc đủ để có cảm giác anh là một người có sức làm việc ghê gớm, một người luôn tất bật, bận rộn.”

Tài liệu tham khảo:

- Lê Minh Quốc Web: vi.wikipedia.org
- Nhà văn Sơn Nam - 50 năm Hương rừng cà mau Web: vanhocviet.org

36. Thanh Nguyên



Thanh Nguyên (1959-20)

Nhà thơ Thanh Nguyên tên thật là Lê Thị Thanh Nguyên sinh năm 1959 tại Mộc Hóa, tỉnh Long An, nguyên quán ở Châu Đốc.

Những năm Trung học, có theo học tại Trung học Gia Long Sài Gòn và đã bắt đầu làm thơ từ những năm học tại đây.

Sau năm 1975, thân phụ đi học tập cải tạo, Thanh Nguyên phải đi làm công nhân sơn mài để phụ giúp gia đình.

Tốt nghiệp Trung cấp Trường văn hóa nghệ thuật Tp. HCM.

Là Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Tp. HCM. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

HUỶNH ÁI TÔNG

Công tác tại Nhà văn hóa quận 3 Tp. HCM. Sống với chồng và hai con trai tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Có khi nào nhớ* (thơ, Văn Nghệ Tp. HCM, 1986)
- *Lỗi hẹn cùng ca dao* (thơ, 1991)
- *Khúc gọi tình* (thơ, Văn Nghệ Tp. HCM, 1992)
- *Thơ* (thơ in chung với Lý Lan và Lưu Thị Lương, Văn Nghệ, 1999)
- *Quán bạn* (thơ in chung với Lý Lan, Lưu Thị Lương, Chim Trắng, Trẻ, 2001)
- *Hát thơ* (thơ, Lao Động, 2007)
- *Mùa hạ trong thi ca* (tuyển thơ nhiều tác giả, Hội nhà văn, 2007)

Trích thơ:

Ngày xưa có mẹ

*Khi con biết đòi ăn
Mẹ là người mớm cho con muỗng cháo
Khi con biết đòi ngủ bằng tiét tấu
Mẹ là người thức hát ru con
Bầu trời trong mắt con ngày một xanh hơn
Là khi tóc mẹ ngày thêm sợi bạc
Mẹ đã thành hiền nhiên như Trời - Đất
Như cuộc đời không thể thiếu trong con
Nếu có đi vòng quá đất tròn
Người mong con mỗi morn chắc không ai ngoài mẹ
Cái vòng tay mở ra từ tấm bé
Cứ rộng dần theo con trẻ lớn lên
Mẹ là người đã cho con cái tên riêng
Trước cả khi con bật nên tiếng "Mẹ"*

Mẹ!

*Cái tiếng gọi mà từ khi bập bẹ
Đến lúc trưởng thành
Con vẫn chưa hiểu hết chiều sâu*

Mẹ!

*Có nghĩa là bắt đầu
Cho sự sống, tình yêu, hạnh phúc*

Mẹ!

*Có nghĩa là duy nhất
Một bầu trời
Một mặt đất
Một vầng trăng
Mẹ không sống đủ trăm năm
Nhưng đã cho con dư dả nụ cười và tiếng hát
Chỉ có một lần mẹ không ngăn con khóc
Là khi mẹ không thể nào lau nước mắt cho con
Là khi mẹ không còn
Hoa hồng đỏ từ đây hóa trắng...*

*Rồi những đứa bé lại chào đời và lớn lên theo năm tháng
Biết bao người được làm mẹ trong ngày
Tiếng trẻ con gọi mẹ ngân nga trên trái đất này
Thành âm thanh không bao giờ vắng lặng*

Mẹ!

*Có nghĩa là ánh sáng
Một ngọn đèn thấp bằng máu con tim
Cái đóm lửa thiêng liêng
Cháy trong bão bùng, cháy trong đêm tối*

Mẹ!

*Có nghĩa là mãi mãi
Là cho - đi - không - đòi - lại - bao - giờ*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cổ tích thường bắt đầu từ: "Ngày xưa có một công chúa..."
hay "Ngày xưa có một vị vua..."
Cổ tích còn bắt đầu từ: "Ngày xưa có mẹ..."*

(1981)

Về mùa xoài mẹ thích

*Quả xoài xưa mẹ thích
Cứ gọi mãi trong con
Cái hương thơm chín nức
Cái quả bé tròn tròn.*

*Khi cây xoài trước ngõ
Lấp ló trái vàng hoe
Đủ nhắc cho con nhớ
Mùa hạ đã gần về.*

*Cầm quả xoài của mẹ
Cầm cả mùa trên tay
Cắn miếng xoài ngọt lịm
Vị đầu lưỡi thơm hoài.*

*Vô tình hay hữu ý
Xoài mang hình quả tim?
Riêng con thì con nghĩ
Đáy lòng mẹ ngọt mềm.*

*Tóc xoã rồi tóc búi
Một đời mẹ chặt chiu
Xoài non rồi chín tới
Quả lủng lẳng cành treo.*

*Nghe hương xoài bay theo
Từng bước chân của mẹ
Thơm lựng vào lời kể*

Những câu chuyện đời xưa.

*Ngõ hạt mưa đầu mùa
Là hột xoài trong suốt
Nhìn vỏ xoài mẹ gọt
Con gọi: cánh hoàng lan...*

*Ngõ như cả mùa vàng
Năm trong bàn tay mẹ
Trộn một đời thớ bé
Uớp lẫn với hương xoài.*

*Nhưng rồi có một ngày
Trái xoài già rụng cuống...*

*Tháng hạ không đến sớm
Dù cho quả xoài vàng
Tháng hạ không đến muộn
Đủ nhắc con mùa sang.*

*Ngào ngạt khắp không gian
Hương xoài xưa mẹ thích.*

Qua phố

*Sài Gòn còn lá me không
Để ta chậm lại những vòng bánh xe*

*Gỡ từng mắt lá tròn xoe
Có em mắt biếc tay che miệng cười*

*Chuyến phà chuyển bến sông vui
Lục bình vẫn dập dìu trôi theo dòng*

*Sài Gòn ngăn ngùi mùa đông
Cuối năm se lạnh má hồng phương Nam*

Nỗi buồn chưa tụ đã tan
Áo em lụa mỏng bằng hoàng tháng giêng

Rộn ràng thành phố không đêm
Giữ dùm ô cửa sáng đèn riêng ta

Sài gòn vẫn nắng và hoa
Một người qua phố đã già hơn xưa ...

Anh và em

Vài ngàn năm trước anh là núi
Sừng sững cho mây có chỗ nằm
Thuở hoa dại nở chưa từng hái
Anh làm chim chóc ghé về thăm

Anh không hùng vĩ bằng đại thụ
Mà áo xanh hơn cỏ bạt ngàn
Em không huyền hoặc như uyển mộng
Sáng bừng nhánh củi đốt khai hoang

Hai ta trụ ở đời chân chất
hậu kiếp tiền căn trả lại trời
yêu nhau thành khăn hồn thệ ước
Thơm ngát đêm mùi hoa, quả rơi...

Khi biết yêu người ta bắt đầu nói dối

Thầy văn học đọc câu phương ngôn
"Khi biết yêu người ta bắt đầu nói dối"
Có đúng thế không, hỏi bạn bè cùng tuổi?
Lừa tuổi bắt đầu yêu !

Sáng nay em gửi gì qua ánh mắt nheo

Mà khiến anh đêm về khó ngủ
Ở gần thôi sao mà vẫn nhớ
Ngày gần vô cùng - không đủ để nhìn nhau.

Đừng ai hiểu lắm ai muốn làm cao
Dù đôi lúc ngó lơ quay chỗ khác
Thì ra, thầy bảo mà đúng thật
Khi biết yêu trước tiên mình tự dối mình
Rồi nếu lỡ bạn bè nhắc đúng một cái tên
Tự dung em quá chùng xấu hổ
Má đỏ bừng và không cười nói nữa
Có ai hỏi: "Hắn đấy à ?"
Vội chối: "Còn lâu!"
Và anh thì có khác gì đâu
Cũng bối rối rồi vội vàng phủ nhận
Ai lại dám bày tỏ niềm xúc động
Nên bất ngờ phải nói "có" thành "không"
Bà hát anh hát cho cả lớp nghe chung
Sao ánh mắt cứ nghiêng về một phía?
Tự dung em không dám lên lớp trẻ
Chỉ sợ anh chê: Con bé ấy lười !
Tự dung em vui hơn và anh càng thấy yêu đời
Anh đi dạo thường xuyên hơn qua căn phòng em ở
Em cũng chợt thích ngồi bên cửa sổ
Chỉ cần một cái nhìn là hai đĩa sẽ ngủ ngon
Nhưng bạn bè ơi,
Đừng tìm hiểu gì hơn
Em sẽ bảo em chỉ ngồi hóng gió
Anh sẽ giải thích anh chỉ đi ngang căn phòng đó
Như đi ngang bao căn phòng khác của trường
Khi biết yêu ai cũng ngỡ mình vẫn bình thường
Dù sự thật có rất nhiều thay đổi
Mà thay đổi trước tiên là bắt đầu nói dối
Nhưng là sự nói dối vụng về trẻ nít rất dễ thương
Và dĩ nhiên đáng được khoan dung

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hãy tha thứ cho những người
vì bắt đầu yêu
nên bắt đầu nói dối!*

Mây áo trắng

*Thời áo trắng nghe chừng xa xăm quá
Dù công trường vẫn mở, lá còn bay
Ai đứng ngóng tàn ngàn - tàn thuốc rụng
Như ngày xưa anh đứng đón mỗi ngày*

*Tà áo trắng em có còn xếp giũ
Một mùi hương sương cỏ của sân trường
Một chú dế tìm hoài theo tiếng gáy
Ở trên đầu hoa phượng đỏ băng khuâng*

*Những tà áo trắng nhòa hè phố cũ
Ngôi trường xưa mái ngói ngả màu rêu
Bầy bò câu xập xoè đôi cánh võ
Hồi trống vang lên - nhắc nhở bao điều....*

*Không hẹn mà sao mình cùng ngơ ngẩn
Trước công trường giờ tan học chiều nay
Anh bỗng gặp lại em - mười - tám - tuổi
Lẩn mơ hồ giữa áo trắng và mây.*

Mối tình đầu

*Nhớ ngày nào anh nói yêu em
Lời của gió - dịu dàng và êm ái
Câu nói ấy dù còn nghe lặp lại
Vẫn không ai như anh nói...lần đầu
Mối tình như ca dao
trong sáng màu cúc trắng
là nhánh hoa đầu tiên anh tặng*

*là nhánh hoa em đem vào mơ
Len lén nụ hôn ngậy thơ
Chút buồn vui băng quơ
Chút vu vơ hờn giận
Nhớ lần đầu tiên em vụng về đánh phấn
Anh bật cười khi áo dính son môi...
Chắc là trăm năm cũng chỉ vậy thôi
Chưa tính nổi giá trả cho Hạnh phúc
Nên quà tặng sớm trở thành kỷ vật
Chia tay mà không biết trách gì nhau*

*Ngày em mặc áo cô dâu
tương kỷ niệm tất cả đều yên ắng
Khi chú rể trao bó hoa cúc trắng
Chợt nhớ anh,
Hồi gió... mới tình đầu.*

Đêm xanh

*Đêm như chiếc thuyền lạc bến
Chông chênh nửa biển nửa bờ
Chénh choáng chút tàn hương cũ
Ngỡ ngàng ai thật ai mơ...*

*Người như khách về gõ cửa
Lạ quen thương giận dùng dằng
Thừa thốt đôi lời vợ vản
Tơ lòng con nhện còn giăng*

*Xuân này không là xuân trước
Đêm nay đâu phải đêm nào
Cho dấu chưa hề quên được
Một thời mình đã yêu nhau*

*Đêm có bao giờ xanh thế
Không vui ta cũng không buồn
Đôi vai gầy như chạm khẽ
Vây mà rũ cánh uyên ương...*

Trong tập *Chân dung thơ*, tác giả Tần Hoài Dạ Vũ đã nhận xét về thơ của Thanh Nguyên như sau:

“Thơ Thanh Nguyên cho tôi một cảm giác như đang ở trong một thành phố ồn ào, phức tạp, vừa rẽ ở một góc phố nào đó, bỗng dừng ta gặp một cánh đồng xanh mát, có tiếng chim cu gù nhẹ nhẹ và co nắng gió tràn ngập cả người, đưa ta trở về trong thế giới của ca dao. Chính trên cánh đồng thơ còn mang mùi đất ải ấy, tôi đã gặp một người kể chuyện chơn chốt, nhưng có duyên biết bao ; thực thà, trong sáng đến như trẻ thơ, nhưng nhờ thế mà lại vô cùng đáng yêu

Tài liệu tham khảo:

- Thanh Nguyên Web: sites.google.com/site/thothanhnghuyen
- *Ngày xưa có mẹ* Web: thivien.net

37. Bích Ngân



Bích Ngân - Trịnh Bích Ngân (1960-20)

Bích Ngân tên thật là Trịnh Bích Ngân sinh ngày 11 tháng 8 năm 1960 tại Tân Hưng Tây, Cái Nước, Cà Mau. Nguyên quán làng Định Thủy quận Mỏ Cà, tỉnh Bến tre.

Bích Ngân đã tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Tp. HCM, nay là Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn Tp. HCM.

Sinh ra và lớn lên tại đồng bằng sông Cửu Long, Bích Ngân từng là phóng viên *báo Cà Mau*, *báo Đất Mũi*.

Truyện ngắn đầu tay in năm 1985.

Đã theo học và tốt nghiệp khóa IV, Trường viết văn Nguyễn Du tại Hà Nội, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia HCM.

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau khi tốt nghiệp khóa IV, Trường viết văn Nguyễn Du, Bích Ngân chuyển về Tp. HCM, công tác ở Phòng Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy Tp. HCM.

Năm 2003, Bích Ngân về Nhà xuất bản Văn Nghệ Tp. HCM giữ vị trí Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập.

Là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Tp. HCM.

Bích Ngân đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Sân khấu Tp.HCM năm 1994, cho kịch bản văn học *Đất không cưu mang*, 1994
- Giải thưởng Tuần báo Văn nghệ - Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1997 cho tác phẩm *Tìm về mảnh vườn xưa*.
- Tặng thưởng của Hội Nhà văn Tp. HCM, năm 2006 cho tập truyện ngắn *Người đàn bà bơi trên sóng*
- Giải thưởng Hội Nghệ sĩ Sân Khấu Việt Nam, năm 2010 cho kịch bản văn học *Anh chỉ muốn được ở bên em*
- Tặng thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, năm 2010 cho tiểu thuyết *Thế giới xô lệch*
- Giải nhì 5 năm lần thứ nhất năm 2006- 2011 của Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Tp.HCM cho tiểu thuyết *Thế Giới xô lệch*.

Nhà văn Bích Ngân hiện sống và làm việc tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Đâu phải là Tình yêu* (tập truyện, Mũi Cà Mau, 1992)
- *Những chiếc lá thu* (tập truyện, Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994)
- *Bão, Sợi dây và Giọt đắng* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM, 1988)

- *Truyện ngắn Bích Ngân* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM, 2004)
- *Người đàn bà bơi trên sóng* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM, 2005)
- *Làn gió hôm qua* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM, 2009)
- *Thế giới xô lệch* (tiểu thuyết, Hội Nhà văn, Hà Nội, 2009)
- *Trăng mặt ở đảo* (tập truyện hài, Văn Nghệ Tp. HCM, 2009)
- *Bông bênh thiên sứ* (tập truyện, Văn học, 2012)
- *Cái đầu siêu định vị* (tập truyện hài hước, Trẻ, 2013)
- *Đất không cưu mang* (kịch bản sân khấu)
- *Góc khuất trái tim* (kịch bản sân khấu)
- *Giương mặt kẻ khác* (kịch bản sân khấu)
- *Ngọn gió vĩnh cửu* (kịch bản sân khấu)
- *Tôi là mẹ hoa hậu* (kịch bản sân khấu)

Trích văn:

Những chiếc lá thu

Ngoài khung cửa kính lò mờ, lá vàng từng đợt, rơi. Vài chiếc lá găng gương bám vào lớp kính trơn nhẵn, trượt xuống, âm thầm. Trời ơi, mùa thu sắp đi qua! Anh muốn gào lên. Muốn vươn dài cánh tay qua cửa sổ kéo mùa thu chậm lại.

Từng đón và tiễn biệt biết bao mùa thu nhưng chưa bao giờ anh quỵn luyện mùa thu như thế này. Níu nhìn từng chiếc lá, bịn rịn như mỗi lần anh phải xa cô... Tuổi thơ tưởng trôi biền biệt bỗng trở lại những chiều tím ngắt mà cậu bé với đôi chân trần lấm lem màu mỡ, cứ vấp ngã, gương dậy lại thoăn thoắt theo cánh diều. Dắt anh về với tuổi thơ, cô mang đến cho anh tình lúa đôi, dù anh đã chung đôi. Cô vừa là người tri kỷ chia sẻ nỗi đau và cả giấc mơ thường ám ảnh anh về hình ảnh cuộn cuộn thác lũ của dòng chảy không tìm gặp bến bờ; vừa là người đàn bà mà trong cơ thể mảnh mai dè dặt ấy, anh tìm gặp một tâm

hồn hòa điệu với anh và đôi lúc khước từ anh. Cô dội mưa trong lành vào anh và cả bão.

Trong trạng thái say đắm ấy, anh khát sống. Anh bức bối. Anh khổ sở trong giam cầm của cái cơ thể thương tích yếu đau. Anh muốn thoát ra, muốn ghì chặt, muốn nâng niu, muốn ve vuốt, muốn thủ thủ với cô, với mùa thu!

Rồi anh sợ. Sẽ ra sao nếu không có cô, mùa thu? Anh vật vã trong bóng đêm dày đặc: “Mùa thu, em đâu?”, và đáp lại thường là tiếng gió rượt đuổi vi vu trên cành si xạc xào. Nhưng mỗi sáng, khi vừa mở mắt, anh đã thấy ngời ngời mùa thu...

Mùa thu như luôn nhanh hơn anh một tầm tay với. Anh đuổi theo khoảng cách đó bằng tất cả sức lực của mình. Một nhồi nhưng nó luôn quyến rũ anh, kích thích anh vượt lên, vượt lên... Không phải để thỏa thuê mà để chiêm ngưỡng, không phải để sở hữu mà để hiến dâng, không phải để đòi quyền bất tử mà để giành quyền sống. Anh nâng niu từng giọt, từng giọt hạnh phúc được gạn lọc, chắt chiu từ lai láng khổ đau.

Những giọt long lanh trên gương mặt dịu dàng của cô, anh khao khát là giọt hạnh phúc, giọt hiếm quý của mùa thu. Anh muốn giữ lại những giọt thanh khiết đó. Cho anh. Cho cô.

- Đùng, ùng khóc nữa, em!

- Hãy để em khóc! Khóc cho quãng đời không được khóc. Và em khóc...

Lời không thành từ môi anh hé mở, bỏng rát. Anh siết chặt cô, siết nỗi đau cuộn cuộn... Ôi! Giá như số phận chưa buông neo, giá như trái tim anh đủ nghị lực để kìm giữ lại tất cả lời yêu thương đã trao dâng cô, giá như anh gồng mình lên mà cất giấu cô trong sâu thẳm khát vọng mình, giá như mùa thu không ra

đi, giá như những chiếc lá kia xanh mãi, giá như... Biết bao nhiêu giả thiết cho sự vĩnh hằng của tình yêu ấy nhưng anh không thể nào chấp nhận nổi một giả thiết thiếu cô trong cuộc đời mình.

Sức mạnh không lý giải nổi đó làm sáng bừng gương mặt hạnh phúc lấp lánh lệ của cô và dâng đầy niềm kiêu hãnh trong mắt anh.

Kiêu hãnh, cái giá trị mà anh và cô cùng cảm nhận sâu sắc chính là sự chiếm lĩnh trọn vẹn tâm hồn của nhau, cùng tự soi vào nhau và tin ở tim mình, ở mắt mình. Tuy vậy, cả hai đều gánh nặng mặc cảm tội lỗi.

Bóng đen tự vẫn bám riết anh. Vật vã, quay cuồng và biết bao lần, giọng anh khản đặc: Bông huệ trắng và bức tường cũng trắng. Tại làm sao bóng trên tường lại đen? Tại sao? Tại sao? Tại sao? Nỗi đau thác lỗ có lẽ đã nghiền nát anh, chôn vùi anh nếu cô không hiện diện trong anh, mọi nơi, mọi lúc. Và giờ đây, khi bóng dáng cô vừa rời khỏi anh thì đóa hồng đỏ thắm chính là sự hiện diện của cô.

Vợ anh mỗi lần đến với chồng, chị chọn lối đi ngắn nhất, dù chỉ là nhanh hơn vài giây. Từ công, chị băng chéo qua góc sân lao xao sỏi đá và gần như chui ra từ đám râu nâu rũ rượi của cây si già. Chị mang đến cho anh tình yêu, thức ăn và cả những chiếc lá si sẫm vàng. Anh thường nhặt những chiếc lá thanh thảo vương lại trong làn và giữ lại cho mình. Và lần nào anh cũng nhói đau, đau gấp nhiều lần so với cái nhứt buốt nơi chân khi vợ anh sững sờ trước đóa hồng nồng nàn rung rung, bên anh. Về sững sờ chuyển thành câm lặng và niềm âu yếm gần gũi trên gương mặt thành nổi mắt mát, đắng cay...

Cay đắng và chịu đựng. Ghen hờn và kéo níu. Chị đau đáu nhìn anh:

- Anh đang ở đâu?

Anh bóp nhẹ nhẹ bàn tay của vợ và im lặng, thật lâu:

- Ở xa, rất xa nhưng... lại chạm vào em... đây này!

- Anh cứ rút bỏ em! Rút bỏ nỗi bất hạnh đeo đẳng anh đi!

Trái với lời nói, trong thâm tâm và từng hành động, cử chỉ, hơi thở thì chị bám riết nỗi bất hạnh đó. Thường trực là nỗi cô đơn như tấm mền nặng nề, tấm tối trùm kín mỗi người, nhất là những phút trống rỗng kinh khủng sau ái ân. Nghiệt ngã và ê chề hơn chị lại cố cất giấu nó, dung dưỡng nó và vô tình đẩy anh lún sâu vào bóng tối dày đặc, cô đơn.

Mọi cố gắng âm thầm của chị để gìn giữ một đốm lửa, dù le lói, dường như dễ làm băng giá, gây đổ vỡ hoặc mất dấu tích. Mặc, chị vẫn chúm húi vào khoảng trống có sức hút kỳ quái đó. Chị chơi với trong đuôi bắt. Anh háo hức trong kiếm tìm. Và sự thăng bằng khi tìm được, ngoảnh lại, thì mỗi người một nẻo, hun hút...

Nhiều lần anh toan cất đóa hồng vào chỗ khuất để tránh cho vợ trực tiếp đối diện nỗi đau. Nhưng anh hổ thẹn ngay vì dự định đó. Đóa hồng chúm chím nghiêng về anh, âm thầm nở và dâng hương. Nó còn là đốm lửa duy nhất trong căn phòng toàn màu trắng vây bọc này: quần áo, mùng mền, tường vôi... Cả không gian một màu trắng bèn bồng. Đốm lửa. Nó thấp bưng lên niềm sáng tạo trong anh. Nó khơi dậy cảm xúc. Và nguồn cảm xúc cuộn cuộn đổ tràn trên trang giấy. Anh viết. Viết. Ký ức bưng dậy, khát vọng dẫn dắt... Chưa bao giờ anh được đắm mình trong cảm xúc khám phá như thế! Anh tin với tình yêu mình đang làm nên sự bất tử dù nhỏ nhỏ nhưng mang lại ý nghĩa cuộc đời, và hơn thế nữa, đó chính là cuộc sống lâu hơn

đời sống ngăn ngùi của một con người. Bởi vậy, khi phải gác lại những suy tưởng, phải ghìm lại những cảm xúc, phải ngừng ngòi bút vì lời khiển trách của bác sĩ, vì tiêm thuốc, thay băng hay com nước, anh thấy lòng se lại và tiếc ngẩn ngơ. Những lúc ấy, khung cửa sổ trước anh nâng cao hơn, khoảng trời xanh như lùi xa vào những vạt nắng vàng rượi, những bóng cây râm mát nhỏ dần... Thời gian thân nhiên bước những bước đi quả quyết đều đặn của nó. “Trời ơi, mùa thu lại sắp đi qua!”, anh thâm gào lên. Những cánh hồng mềm như nhung này sẽ thâm tím úa tàn và đốm lửa cuồng nhiệt rồi cũng sẽ tắt đi...

Trong anh còn lên nổi khát khao dang hiến. Lặng lẽ, anh cúi xuống đóa hồng...

Vợ anh run rẩy đứng dậy và bắt thình lình vùng chạy, chị chạy trên con đường lấp lóa nắng, lá tả lá vàng và diu diu hương hoa sữa.

Anh nhìn theo chị và chỉ kịp nhận ra vẻ hoảng loạn của cánh chim trước cơn bão. Trên con đường chị vừa khuất bóng, hai người mặc áo blouse trắng lầm lụi khiêng chiếc băng ca trắng. Chỉ có người khiêng, không thấp thoáng bác sĩ, không tắt tả người thân. Có lẽ, băng ca được đưa vào nhà xác. Nhà xác nằm khuất đâu đây? Khuất, im lìm và đe dọa như con quỷ đói há mồm hoang hoác...

Anh biết mình may mắn hơn kẻ bất hạnh xa lạ kia. Anh sẽ âm cúng hơn bởi nhang khói, bởi tiếng kêu khóc xé ruột xé gan của vợ, của con. Thân xác anh sẽ được ủ ấm bằng vòng tay, bằng nước mắt. Cô ấy! Trời ơi! Liệu có kịp đến trước lúc mình ra đi? Có kịp chia tay một lần, rồi vĩnh viễn? Và hơn thế nữa, anh còn ao ước được có cô khi đã dưới mồ. Chính khát vọng đốn đau ấy, anh biết tự mình đã khắc nham nhớ trên mộ một tấm bia miệng đen ngòm – Anh là một người cha, người chồng tội lỗi. Nhưng đó cũng là tấm bia duy nhất ghi lại những

khoảnh khắc hạnh phúc nhất trong nỗi đau thăm thẳm tận cùng của anh. Niềm hạnh phúc mà chắc hẳn anh sẽ không cảm nhận hết được nếu như khổ đau không chế ngự tâm hồn anh và bóp chặt tim anh.

Ý nghĩ anh nghẹn lại bởi cơn gió. Cơn gió đuổi bắt giận dữ rất hiềm của mùa thu. Lá vàng đồ rào rào từ trên cành, và từ mặt đất lá vàng cũng cuộn cuộn bay lên.

Vợ anh về đến nhà. Trong chị nổi dậy trận giông. Tình cảm gào thét xung đột quay cuồng... Mẹ anh, người ân cần ủ chị vào lòng. Bà nghe chị từ hơi ấm, từ nước mắt, từ những âm thanh rên xiết. Im lặng. Ánh mắt bà như bắt gặp con trai mình đang mãi mê men theo cành hoa ẩn hiện nơi vách đá cheo leo trên một vực thẳm. Lại im lặng. Im lặng bức bối. Im lặng rộn người. Sợ hãi, sốt ruột, chị lay mẹ:

- Mẹ, mẹ có nghe con không?

- Là người rút ruột để ra nó, nếu con khổ một thì mẹ khổ mười. Nhưng...

Giọng chị thất lại:

- Sự thật rành rành...

- Sự thật... dù đau như cắt, con cũng nên xem lại mình vì sao không đem được tình yêu đến cho chồng?

Vì sao? Vì sao? Vì sao ư?

Trong lòng ngực chị, trái tim đập điên cuồng. Chị muốn phanh ngực, rút nó ra để chứng minh tình yêu chồng trong chị lúc nào cũng nóng hổi, rùng rùng máu đỏ! Trời ơi, bao nhiêu năm thất chèo vạt áo chờ chồng. Bao tần tảo nhọc nhằn. Bao nước mắt chờ mong. Chị quá ngạc nhiên không hiểu vì sao mình còn

nước mắt. Không, không, đây không còn là nước mắt mà là máu! Máu của tâm hồn bị ruồng bỏ, bị khước từ, bị bội phản...

Chị vùng dậy, mắt ráo hoảnh. Môi mím chặt. Trái tim chị chỉ còn là một vết thương bị bóc trần. Lòng tự trọng bị tổn thương. Lòng kiêu hãnh bị chà đạp. Phút chốc chị như thú dữ xổng chuồng. Lòng lộn. Khát máu...

Phăm phăm bước. Sắp khỏi cửa chị vấp phải tiếng thờ dài nã nùng của mẹ chồng và giọng nói níu giữ, xót xa của bà:

- Con! Nhìn cuộc đời mẹ đây mà lựa chọn, mà quyết định. Mẹ biết lúc nào con cũng yêu thương nó!

Chị khựng lại:

- Giờ thì con không dại gì đem tình yêu đến cho người ta để người ta lấy cắp trao cho kẻ khác!

- Tùy con thôi! – Đôi mắt mờ ướt của mẹ ghì chị lại nhưng giọng nói vừa trách hờn vừa đẩy chị ra – Nếu lòng không rộng mở yêu thương thì... con cứ...

Bà dừng lại đột ngột như chặn giữ điều gì đó sắp bật ra. Chị nghe giọng nói mẹ u uất như không phải nói với vợ của con trai mình mà nói với chính mình, với chính nỗi mất mát âm ỉ của lòng mình:

- Dường như linh hồn của hai người yêu nhau có triệu triệu cánh tay. Dù con có gỡ được cánh tay này thì lập tức, chúng mọc thêm những cánh tay khác, ghì chặt nhau, sống bắt tử bên nhau...

Chị lùi ra cửa, lấp vấp. Linh hồn... Cánh tay... Bất tử... Chị bị tai. Chị làm râm. Chị van xin. Chị nguyện rửa... chị vội vàng di chuyển bằng quán tính của đôi chân trên pedale xe đạp.

Đường phố vẫn nhịp sống ngày ngày. Lam lũ, tát bật, xô đẩy bon chen.

Ung dung, chỉ những hàng cây cổ thụ gân guốc bên vệ đường. Chúng thanh thân tắm mình trong khoảng trời xanh, nhẹ lay theo chiều gió và nhún mình rũ bỏ những chiếc lá úa vàng.

Mặt đường xao xác lá. Lòng chị xao xác, rói bời. Đi đâu, đi đâu? Làm gì, làm gì đây? Trời ơi, sẽ ra sao nếu không có một nơi đến, để yêu thương?

Bất giác chị ngược nhìn cao xanh và bắt gặp vòm trời vời vợi của mùa thu. Lững lờ, những đám mây màu khói thật mỏng trên nền xanh mượt, chúng như rắc những sợi tơ óng mềm lãng đãng xuống chị. Ánh mắt chị đón nhận và nheo lại trong một giây. Dường như lần đầu tiên trong đời, chị nhận thấy bước đi êm dịu của trời thu. Nó đang lướt qua chị, qua đám người chen lấn ồn ào này với vẻ đẹp tĩnh lặng đượm màu sắc mơ màng của bức tranh u hoài nửa hư nửa thực. Vẻ đẹp long lanh như sương như khói mà đứng trước nó chị thấy mình bị khuất phục. Trước tấm gương lung linh ấy, chị bị phóng to nhiều lần rồi thu nhỏ, thật nhỏ... Chị nhận ra những đám mây u buồn của mình đang trôi bồng bênh, bồng bênh và tan dần, tan dần vào khoảng trời thu ngan ngát. Ngực chị bỗng cồn lên. Chị hãi hùng trước những dự định trả thù...

Khi tách ra khỏi đám đông, má chị ửng hồng, đôi mắt trong và dịu.

Đôi mắt ấy sáng sánh nắng thu khi chị dừng lại trước quầy bán trái cây cạnh đường. Chị chọn những trái cam vàng mọng mà

anh hay thích gọi là “trái mùa thu” và rất ưa vị ngọt thanh thoả của nó.

Nhiều lần thăm chồng, ngồi bên anh, chị bóc vỏ cam và bón cho anh từng múi. Anh ăn ngon khi chị cùng ăn và phải ăn bằng nhau: “Anh nằm viện nhưng em còn khổ hơn người bệnh!”. Đôi lần tách đôi quả cam, chị đưa cho anh: “Nửa ngọt ngào, phần anh! Còn em, phần cay đắng!”, và chị nuốt vội phần cam để dần nước mắt...

Ôm chặt phần cay đắng vào lòng, chị chạy theo con đường lao xao sỏi đá, nép mình dưới cây si dềnh dàng rủ tóc, chị muốn nhanh được sà vào lòng anh, nức nở; muốn chia sẻ nỗi đau với anh; muốn nói với anh những lời yêu thương; muốn dành cho anh tất cả ngọt ngào...

Chị sững lại, đột ngột, trước cửa phòng anh. Túi “trái mùa thu” tuột khỏi tay chị, rơi phịch xuống nền gạch hoa vàng và từng trái lăn lông lốc về tứ phía.

Mắt chị rục rủa. Toàn thân rung nóng. Nhịp tim dồn dập, máu ngằn ngật dồn lên óc. Tâm thần bấn loạn. Tiến tới? Bỏ chạy? Chị thấy đôi chân mình di chuyển. Đó là bước đi chậm chạp, thận trọng, đặc chí của con thú dữ sắp vồ được mồi và cái thú đê mê vờn con mồi trước khi cấu xé, bằm vằm, nhai nuốt...

Chậm chạp, thận trọng, đặc chí... chỉ một khoảnh khắc, một khoảnh khắc nữa. Bất thành linh, trước cái khoảnh khắc đợi chờ căng thẳng khốc liệt đó, anh ngược lên...

Cái nhìn thống khổ của anh xuyên qua chị như một luồng điện cực mạnh. Toàn thân chị như tê dại và đột ngột ngọn lửa phùng phùng trong chị bị dim xuống nước. Và cũng chính khoảnh khắc đó, cô gái vòng đôi tay ghi siết anh. Có lẽ, chính cái ghi xiết mà mẹ anh đã nói...

Chị không còn nhận rõ cô gái nữa. Cô mơ hồ thoáng qua chị như một chiếc lá trước cơn gió điên cuồng. Chị đứng bất động trước anh, trước đôi mắt anh. Đôi mắt anh to hơn, sâu hơn, thăm thẳm hơn nhưng có lẽ không còn nhìn thấy gì trong tầm nhìn ấy nữa. Không còn nhận ra chị đang hướng về anh. Không còn nhìn thấy đóa hồng thắm nồng như môi hôn, đỏ rực như ngọn lửa. Không trông thấy những chiếc lá vàng úa run rẩy bám vào cửa kính... Đôi mắt anh chỉ còn là một hố sâu tuyệt vọng. Nhìn vào đôi mắt đó, chị tê tái: dư luận, pháp luật và cả oán thù nữa có thể đứng về phía chị, nhưng tình yêu thì ở phía khác. Chị cuống cuống khi gần như không nhìn thấy dáng vẻ thân thuộc của chồng. Đầu anh gục xuống. Đôi vai nhô lên, chịu đựng. Anh chống chọi với hạnh phúc, với nỗi đau; với những điều vượt qua và chưa thể vượt qua. Anh gắng gượng. Anh vất kiệt. Và trong sự yên lặng bao trùm đó, dường như đang nung nấu điều diễn ra gấp gáp, rất gấp gáp, hướng về cái kết cục.

Tim chị bị kích động dữ dội. Chị sợ cái kết cục đó. Đồng thời, nỗi sợ còn lớn hơn là sự đổ ngã của tâm hồn khao khát yêu thương nơi chồng. Nhịp tim như nghẹn lại khi chị nhận ra chính mình đang bóp nát niềm sống trong anh. Bỗng, trời dậy trong chị một nhu cầu sâu xa, một khao khát cháy bỏng là được vì anh, vì anh, tất cả vì anh.

Bước chân chị khựng lại trước sự câm lặng hoá đá của anh. Và đột ngột, rướn cao người lên, chị quay gót...

Một cơn gió, thêm một cơn gió, rồi lại một cơn gió... Chị chạy, chạy ngược chiều với gió, dáng mong manh và lảo đảo như chiếc lá.

(Hà Nội, mùa thu)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

BÍCH NGÂN



Người đàn bà bơi trên sóng

TẬP TRUYỆN NGÂN - TÀI NẠN

TÁC PHẨM ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG CỦA HỘI NHÀ VĂN TP.HCM



HỘI NHÀ VĂN TP.HCM

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Những cây bút nữ trên văn đàn Nam bộ*, Tường Vi có nhận định về nhà văn Bích Ngân:

“Một điểm độc đáo của Bích Ngân là tính đa dạng trong sáng tác, các tác phẩm kể trên của chị thường có nội dung buồn, bi kịch nhưng điều đó không đồng nghĩa chị chỉ có thể viết chuyện buồn. Bích Ngân còn được xếp hạng “viết hài có duyên”, hiện nay chị đã cho ra mắt 2 tác phẩm hài là Trăng mặt ở đảo và Cái đầu siêu định vị và có thể xem Bích Ngân là cây bút nữ hiếm hoi viết hài hiện nay.

Và dù viết thể loại nào chẳng nữa, điểm chung nhất của Bích Ngân vẫn là tính hiện thực, là miêu tả cuộc sống phức tạp hôm nay, cả dưới cái nhìn trần trụi hay nụ cười châm biếm....”

Tài liệu tham khảo:

- Bích Ngân Web: vi.wikipedia.org
- *Những chiếc lá thu* Web: newvietart.com

38. Cao Xuân Sơn



Cao Xuân Sơn (1961-20)

Nhà thơ Cao Xuân Sơn sinh ngày 11 tháng 6 năm 1961. Nguyên quán Xóm Phúc Thọ, Thôn Vạn Thọ, Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam.

Nhà thơ Cao Xuân Sơn từng là giáo viên dạy văn ở tỉnh Đồng Nai.

Năm 1991, ông về Tp. HCM làm báo.

Là Trưởng Ban đại diện phía Nam Tạp chí *Thanh Niên* của Trung Ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản HCM. Chủ biên nguyệt san chuyên đề *Tuổi trẻ sống đẹp*. Hội viên Hội Nhà văn Tp. HCM. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Hiện sống và làm việc ở Tp. HCM.

Tác phẩm:

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Tự tình* (thơ, Trẻ , 1989)
- *Đêm già biệt* (thơ, Đồng Nai, 1990)
- *Cánh cửa khép hờ* (thơ, Văn học, Hà Nội 1994)
- *Ngẫu hứng* (thơ, Đồng Nai, 1997)
- *Chuông lá* (thơ, Thanh Niên, 1999)
- *Hiệu quả bất ngờ* (tập truyện hài hước, Đồng Nai, 1997)
- *Con chim xanh ngoài ô cửa* (tập truyện, Đồng Nai, 1987)
- *Chiều mai, trời dừng mưa* (tập truyện, Trẻ, 1988)
- *Đường đến lớp* (tập truyện, Kim Đồng, Hà Nội, 1998)
- *Hỏi lá, hỏi hoa* (thơ, Giáo Dục, Hà Nội 1995)
- *Bố vắng nhà* (thơ, Đồng Nai, 1997)
- *Chuyện vui về ông Trời* (thơ in chung, Thanh Niên, Hà Nội, 1997)
- *Mèo khóc chuột cười* (thơ thiếu nhi, Giáo Dục, 2006)
- *Con chuồn chuồn đẹp nhất* (thơ, Kim Đồng, 2010)

Trích thơ:

Giá có thể...

*Giá có thể vo viên mà cất giấu
tiếng thở dài nơi ký ức thẫm đen
giá có thể giữ mình như giữ áo
một lần về quỳ dưới gót sen em*

*Giá có thể ngồi nhìn trăng đấm đuổi
bút dây vui không sợ động rừng buồn
giá có thể kể em nghe, chậm rãi
Những lỗi lầm lau lách phút cô đơn...*

*Hạnh phúc cháy như ngọn đèn hạt đỗ
anh khum tay che gió tự trăm chiều
pháp phỏng quá, em một mình giữa phố
hoá sao thành con chó nhỏ lân theo?*

Quán mưa

*Anh bắt quả tang anh ngồi mơ mộng
bia bình dân
chiều mưa
quán vắng...
cô chủ nhỏ
mắt hươu sao
hai bím tóc mềm như liễu rũ
cô ngồi cô hát nghêu ngao
con chuồn ướt cánh đậu vào tay anh...*

*Rót tràn ly cốc tâm linh
ngửa mặt cả cười
một trời bong bóng vỡ
một trời thuyền lá nghiêng chao*

*Không còn gương mặt nào
không còn cái tên nào
không cả nỗi khinh khi oán ghét nào
chỉ còn hai bím tóc trong mơ
hai bím tóc ướt mưa
hai bím tóc thơm như ngày xưa
quệt quệt vào nỗi nhớ...
Anh nhắm mắt nghe mưa
đếm từng cơn nghệt thở!*

Đêm già biệt

(Nhớ Ng.)

*Vây quanh chiếc giường em nằm
sự lặng im
trắng toát
và lạnh buốt*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Anh ngồi
tê dại đôi mắt
ngực loạn cuồng dông bão cấp mười hai*

*Không tiếng bước chân
không một lời già biệt
em đi rồi...*

*Đêm cảm điếc, một mình anh sấm sét
một mình anh mưa gió toi bời*

*Lã chã ngoài khung cửa
sao rơi kia... sao rơi!*

(2-04-1990)

Người xưa
Tặng Nguyễn Anh Tuấn

*Lửa yêu chùng tắt lịm rồi
đành như chân vạn người đời: xa nhau*

*Âm thầm năm tháng qua mau
nước côi cút chảy qua cầu cô đơn*

*Giá mà... xa được nhau hơn
hoạ chẳng giữ nổi ngàn con dầy vò*

*Dừng đừng là chuyện giả đò
bữa kia sót ruột, hỏi đồ sao đêm*

*Một lời nghe rồi lòng thêm
người xưa quái ác, chưa thềm sang sông.*

(1990)

Câu hỏi trong bệnh viện

*Cô gái giường số 10 đang trong cơn sốt
điều người đàn bà giường số 11
đi tìm người báo suất cháo chiều
thay cơm...*

*Cụ già giường số 13 nhường nửa trái cam
cho chị giường bên máy bữa rày lạt miệng
nhà chị đông
nhưng nghe đâu toàn người nhiều công chuyện
nửa tháng rồi
không ai thăm nuôi*

*... Họ chỉ là người dựng của nhau thôi
khác bệnh tật nhưng chung niềm phiền muộn
đồng cảnh ngộ, họ đồng thương, đồng cảm
ôi lẽ đời, giản dị có chi đâu?*

*Không – tôi chẳng ngạc nhiên
chỉ vợ vẫn trong đầu
câu hỏi cứ trở về như dao cắt
thế giới ngoài kia cũng trăm ngàn dằn vặt
trăm ngàn muộn phiền
trăm ngàn bệnh tật
sao người ta cứ mãi ghét thù nhau?*

(7-1989)

Ba bài không tên

I.

Lần thứ nhất, cành hồng em trao

đây gai nhọn
anh loay hoay
lựa một thế cầm...

Lần thứ hai, em trao cành hồng
cực kỳ nhẫn nại
anh rùng mình...
ngực nhoi nhoi gai đâm!

II.

Nhện giăng mạng nhện
anh giăng lưới tình
mạng nhện: nhện vào ra thoăn thoắt
lưới tình: anh vương tơ anh!

III.

Biển biếc chẳng là gì cả
khi anh có em kề bên
trời xanh hình như cũng chẳng là gì cả
khi em có anh kề bên

Vậy mà, một chiều nào kia
anh bỗng thấy anh chẳng là gì cả
và em... hình như cũng thế
trước những ánh chớp vàng
mưa-lá-me-bay...

(1990)

Hoa dại

Không là huệ là hồng
Không là lan là cúc
Hoa dại mọc khắp nơi

Nở, tàn không ai nhắc

*Lạ lòng bao vị thuốc
Cỏ hoa dâng cho đời
Chẳng huệ, lan, hồng, cúc
Chỉ toàn hoa đại thôi*

*Khiêm nhường vậy, hoa ơi!
Bao lần em bối rối
Màu hoa ấy không tên
Mùi hương kia không tuổi*

*Khuất chìm trong gió bụi
Trong nhạt nhoà nhớ quên
Thiếu những bông hoa dại
Chưa đủ thành Thiên Nhiên!*

Những chú ve nghệ sĩ

*Ve ve ve...
Bắt đầu từ một vòm me
Chú ve nào lĩnh xướng
Ve ve ve...
Một trời ve trỗi giọng
Bè bồng, bè trầm râm ran náo động
Trời đất chung chiêng "nhà hát" khổng lồ!*

*Khúc nhạc mùa hè vui đến ngu ngơ
Chỉ những nhạc công không ai rõ mặt
Một cái tên riêng cho mỗi người, không nốt
(Có lẽ chưa ai được...Đặng báo bao giờ!)*

*Những chú ve vô danh, vô tư
Dàn nhạc vô hình giữa chập chùng sắc lá
Phố xá bỗng nhìn nhau thân thiết quá*

HUỶNH ÁI TÔNG

Bữa tiệc âm thanh ai cũng có phần mình

*Cây phượng già góc phố chọt rung rinh
Giữa trưa nắng, róm một chùm hoa đỏ*

Như có ai đi vắng

*Chẳng thấy ông nội đâu
Mà giọng ông nói đấy
Áp tai vào ống nghe
Đỡ nhớ ông biết mấy!*

*Quê nội thì xa ngái
Chưa một lần về thăm
Chỉ nghe qua điện thoại
Mà quá chừng nhớ mong*

*Trăm núi với nghìn sông
Thoắt gần trong gang tấc
Chuông điện thoại reo giòn
Những niềm vui bất chợt*

*Một hôm, đường dây đứt
Không một hồi chuông reo
Cả nhà cứ nhìn nhau
Như có ai đi vắng*

Thằng Nhóc phố tôi

*Nhóc không cha mẹ, cửa nhà
Người ta gọi "Nhóc" mãi mà thành tên*

*Via hè quán nhậu chật nêm
Chiều chiều nhóc lại mon men từng bàn*

*Không xin xỏ, chẳng kêu than
Không nài nỉ, chẳng mẹt hàng bán mua*

*Khách cười nói, khách say sưa
Thản nhiên, Nhóc... đấm lưng cho từng người*

*Thản nhiên, không đợi ai mời
Đôi tay nhỏ xíu miệt mài vòng quanh*

*Và li cứ cụng lạnh canh
Lon bia, vỏ rượu thoát xanh, thoát vàng*

*Nhiều hôm nắng lụi, chiều tàn
Rã tay. Mọi căng. Túi hoàn rỗng không!*

*Thế là bữa ấy toi công
Thế là đêm ấy rờng rờng sao rơi.*

*Có chăng Tiên, Bụt trên trời?
Biết không, thằng Nhóc phở tôi mơ gì?*

*Một lần Nhóc kể tôi nghe
Nó mơ Tiên, Bụt kêu về...đấm lưng!*

Trong bài: *Cao Xuân Sơn tiếp tục viết thơ thiếu nhi*, tác giả Anh Vân có nhận định về thơ của Cao Xuân Sơn qua tập thơ *Con chồn Chuồn đẹp nhất*:

“60 bài thơ ngắn trong tập này chẳng khác nào những "bầu trời trong quả trứng" xinh xắn. Ở đó, mỗi bài thơ là một thế giới bao la của tình yêu gia đình, bạn bè, trường lớp, yêu thiên nhiên, vạn vật... được Cao Xuân Sơn thể hiện qua giọng điệu trẻ con hồn nhiên nhưng cũng không kém sâu sắc, ý nhị.

HUỶNH ÁI TÔNG

Với một thái độ trân trọng bạn đọc nhỏ tuổi, mỗi bài thơ của Cao Xuân Sơn không chỉ trau chuốt về vần điệu mà còn chất lọc về hình ảnh. Những câu thơ hài hòa của anh vẽ nên thế giới sống động với cánh diều tuổi thơ, khu vườn hoa đầy ắp sắc màu, với chú ngựa và chiếc chuông leng keng ở thành phố mộng mơ Đà Lạt... với bàn tay của bà, nụ cười của mẹ và dáng hình thân thương của bố. Từ thế giới ấy, mỗi bài thơ là câu chuyện kể chứa đựng nhiều ý nghĩa thú vị không chỉ cho trẻ em mà còn cho cả người lớn.”



Tài liệu tham khảo:

- Cao Xuân Sơn Web: 123doc.vn
- *Giá có thể ...* Web: thivien.net

39. Y Ban



Y Ban – Phạm Thị Xuân Ban (1961-20)

Nhà văn Y Ban tên thật là Phạm Thị Xuân Ban, sinh ngày 1 tháng 7 năm 1961 tại Nam Định, trong một gia đình không có truyền thống văn chương.

Năm 1978, lên Hà Nội theo học khoa Sinh học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và tốt nghiệp Cử nhân năm 1982.

Sau khi tốt nghiệp đại học, nhà văn Y Ban đã từng có thời gian làm giảng viên tại Trường Cao đẳng Y tế Nam Định và Trường Đại học Y Khoa Thái Bình. Trong thời gian giảng dạy, Y Ban bắt đầu sáng tác truyện ngắn, lấy bút danh là Y Ban với ý nghĩa *Ban ở trường Y*.

Năm 1989, Y Ban bỏ nghề dạy học, chuyển hẳn sang viết văn. Tháng 10 năm 1989, được cử đi học Trường Viết văn Nguyễn Du và tốt nghiệp năm 1992.

Năm 1994, về báo *Giáo dục và Thời đại* làm phóng viên cho đến ngày nay, từng giữ đến chức Trưởng ban biên tập.

Năm 1996, Y Ban được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam, được xem là một trong những nhà văn nữ có sức sáng tác và xuất bản đều đặn.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 2006, Y Ban cho xuất bản cuốn *I am đàn bà*, trong đó có truyện ngắn cùng tên mang nội dung bày tỏ những khao khát về tình dục của phụ nữ. Truyện ngắn gây được sự chú ý của nhiều người và được xét trao Giải nhì cuộc thi truyện ngắn năm 2006 trên báo *Văn nghệ*.

Tuy nhiên, tháng 3 năm 2007, Cục Xuất bản ra thông báo thu hồi quyền sách này nhưng không cho biết lý do.

Tháng 6 năm 2007, liên quan đến vụ đấu tranh chống tiêu cực tại báo *Giáo dục và Thời đại*, Y Ban bị kỷ luật bồi dưỡng kết nạp Đảng vĩnh viễn, bãi miễn chức phó chủ tịch công đoàn, phó chi hội trưởng chi hội nhà báo, trưởng ban biên tập.

Tháng 8 năm 2007, tại lễ trao giải thưởng của báo *Văn Nghệ*, Hội đồng giải thưởng đã ra quyết định rút giải thưởng với lý do phạm quy. Y Ban từ chối bình luận về việc này, chỉ than thở “*Năm nay tôi gặp nhiều việc đen đui quá!*”.

Nhà văn Y Ban đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn của Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* năm 1989 - 1990 cho truyện ngắn *Bức thư gửi mẹ Âu Cơ* và truyện ngắn *Chuyện một người đàn bà*.
- Giải nhì cuộc thi viết về Hà Nội của NXB Hà Nội năm 1993 cho tập truyện *Người đàn bà có ma lực*.
- Giải C của Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật năm 2000, cho tập truyện *Miếu hoang*.
- Giải nhất cuộc thi viết truyện ngắn giáo dục đạo đức cho thiếu niên và nhi đồng do NXB Giáo dục tổ chức năm 2000, cho truyện ngắn *Ngôi nhà thân thiện*.
- Giải nhì cuộc thi truyện ngắn của báo *Văn Nghệ* năm 2006, cho truyện ngắn *I am Đàn bà*
- Giải C cuộc thi tiểu thuyết lần thứ ba năm 2006-2010 của Hội Nhà văn Việt Nam trao cho tiểu thuyết *Xuân từ chiều*.

Y Ban hiện đang ngụ tại Hà Nội cùng với gia đình. Chồng là nhà điêu khắc Trần Hoàng Cơ, cũng sinh năm 1961. Hai người lập gia đình năm 1985 và có với nhau 2 người con: 1 gái, 1 trai.

Tác phẩm:

- *Người đàn bà có ma lực* (tập truyện, 1993)
- *Người đàn bà sinh ra trong bóng đêm* (tập truyện, 1995)
- *Vùng sáng ký ức* (tập truyện, 1996)
- *Truyện ngắn Y Ban* (tập truyện, 1998)
- *Miếu hoang* (tập truyện, 2000)
- *Cuộc phiêu lưu trên dòng nước lũ* (truyện vừa, 2000)
- *Cấm Cù* (tập truyện, 2002)
- *Cưới chợ* (tập truyện, 2003)
- *Đàn bà xấu thì không có quà* (tiểu thuyết, 2004)
- *Thần cây đa và tôi* (truyện vừa, 2004)
- *I am đàn bà* (truyện ngắn, 2006)
- *Xuân từ chiều* (tiểu thuyết, 2008)
- *Hành trình từ tiền giả* (tập truyện, 2010)

Trích văn:

Bây giờ con mới hiểu

Hồi ấy khi tôi còn ở Nam Định, trong khu tập thể có chủ bộ đội về phép, hai vợ chồng “đuổi” hết con ra ngoài để tranh thủ tình cảm (có lẽ thế), đưa con gái đi chơi về cửa bị đóng nên cứ đứng ngoài gọi rất to “bố mẹ ơi, mở cửa cho con vào với”. Những người trong khu tập thể chứng kiến cứ tùm tùm cười. Tôi không hiểu tại sao mọi người lại cười. Khi lấy chồng và sinh con tôi đã hiểu vì sao mọi người cười. Và tôi đã viết cái cười tùm tùm đó thành một truyện ngắn. “Bây giờ con mới hiểu” đã in trên tạp chí Văn nghệ Quân đội, số tết năm 1993.

Khoanh tròn trong chiếc kén thiếu nữ của ngày cuối cùng, tôi nhìn theo mẹ. Mẹ còn trẻ quá. Tóc mẹ chưa bạc sợi nào. Lưng mẹ thẳng và dáng đi nhanh nhẹn. Mẹ trần trọng bụng lễ vật để lên bàn thờ bố. Mắt mẹ dịu dàng vô biên. Và một nét cười bùng lên trong ánh mắt mẹ – “Con gái chúng mình đi lấy chồng rồi đấy”. Rồi đột ngột nước mắt đã lại dâng đầy. Mẹ quay nhìn xuống ngực mình, rồi mẹ nhìn trái khắp gian phòng. Ngày mai, khi tôi chui ra khỏi kén, tôi thành ngài, sinh con đẻ trứng, mẹ sẽ chỉ còn lại một mình với căn phòng trống vắng. Mẹ còn trẻ quá, nỗi cô quạnh trùm lên mẹ trong quãng đời còn lại. Ai sẽ làm thay đổi được điều đó?

Sẽ chẳng thay đổi được số phận đâu. Chiến tranh qua đi để lại muôn vàn những góa phụ như mẹ tôi. Nhưng có lẽ một đứa con, một giọt máu thương yêu để lại giữa hai điểm ngắm sẽ làm dịu bớt phần nào. Và chính tôi, một con bé bảy tuổi ngày ấy đã không mang lại cho mẹ một cơ may cuối cùng.

Bố nhập ngũ, tôi còn bé lắm. Nỗi nhớ bố chỉ cất thành tiếng khóc chứ chưa biết nói lên lời. Người vợ trẻ nhớ chồng không biết san sẻ cùng ai cũng hòa thành tiếng khóc.

Hai mẹ con sống trong một căn hộ tập thể. Ban ngày mẹ đi làm, tối về hai mẹ con thủ thỉ nói chuyện về bố. Tôi lớn hơn một chút, mẹ thường mang tập album ra chỉ cho tôi ảnh bố. Cứ như bố vừa sang hàng xóm và sắp về đó thôi. Sự thực thì hai mẹ con mang hai nỗi niềm nhớ thương bố khắc khoải.

Buổi trưa hôm ấy, bố về nhà đột ngột. Hai mẹ con đang ngồi ăn cơm. Mẹ sững sờ buông rơi chiếc bát. Con trần trần nhìn bố một lúc. Thấy đúng bố rồi, òa reo lên nhưng vẫn bẽn lẽn nấp vào vai mẹ. Bố bế bổng con lên, quay cuồng.

- Chao ôi, lớn thế này rồi kia à? Mà bảy tuổi rồi phải không? Bố vẫn đếm mà!

Rồi bố ôm lấy mẹ. Bố hít mãi vào tóc mẹ, thì thầm: “Hai giờ thôi em ạ. Tàu đỗ ngoài ga, hai tiếng nữa”.

Mẹ rồi rít cứ chạy xung quanh bố. Mẹ bế lấy con rồi lại đưa cho bố. Ngoài cửa có mấy người đi qua thì thào :

- Hình như chú Quân nhà cô Nga về thì phải?

Mẹ như sực tỉnh. Mẹ chạy ra đóng chặt cửa.

Tôi ngồi trong lòng bố sung sướng. Nỗi sung sướng muốn trào ra ngoài. Tôi muốn chạy ra báo cho cái Hoa, thằng Tú biết rằng bố đã về. Tôi tụt xuống khỏi lòng bố. Tôi chạy ra mở cửa. Mẹ không bằng lòng kéo tay tôi lên. Mẹ bế tôi ôm chặt vào lòng ngồi xuống bên cạnh bố. Mẹ áp vào lưng bố. Bố ôm mẹ vào ngực.

Mẹ thỏ thức.

- Đừng khóc em ạ.



Ảnh: Phạm Duy Tuấn

Tôi ngỡ ngác nhìn mẹ. Sao phải khóc kia chứ. Vì sao lại đóng cửa thế kia. Mở to ra cho các bác hàng xóm vào chơi uống nước. Các bác ấy cười nói vui lắm, mẹ sẽ hết khóc ngay. Con sẽ ngồi vào giữa lòng bố thế này, cho cái Hương hết hãnh diện nhé. Nó làm như chỉ có mình bố nó về hôm nọ.

- Sao mẹ lại khóc. Con chạy ra mở cửa gọi các bác hàng xóm sang chơi cho mẹ vui nhé.

Xong tôi tụt ngay khỏi lòng mẹ chạy ra mở cửa. Mẹ chạy theo định nắm tay tôi lại – “Đừng con!” Rồi như mẹ chợt nghĩ ra điều gì đó:

- A, mẹ cho con năm hào này. Con sang rủ cái Hoa ra đầu phố mua kem mà ăn.

- Vâng ạ.

Tôi cầm tiền vung vẩy chạy. Cái kem trong phút chốc làm cho tôi quên mất bố. Tôi chạy ù sang rủ cái Hoa. Hai đứa vừa ra đến cổng gặp ngay bà bán kem rong. Tôi mua cho nó một chiếc, tôi một chiếc. Tôi đưa kem lên miệng rồi chợt nghĩ ra.

- Bố tớ về rồi đấy!

- Bố cậu về à? Sao không gọi cho tớ biết với.

- Vừa về xong. Sang nhà tớ đi.

- Để tớ về báo cho mẹ tớ biết đã.

Thế rồi mồm nó hét toáng lên từ cổng.

- Mẹ ơi! Bố bạn Loan về rồi. Chú Quân đi bộ đội về rồi.

Tôi cũng chạy ào về nhà. Tôi muốn chạy vào lòng bố ngồi chễm chệ trước khi mọi người đến. Tôi muốn mọi người biết rằng, tôi có bố đây này, bố tôi về đây này. Bao nhiêu lần tôi thềm cái cảnh cái Hương ngồi giữa lòng bố nó.

Cánh cửa đóng kín sững trước mắt tôi. Tôi đẩy cửa, cửa chót từ bên trong. Tôi đẩy cửa sỏ, cửa sỏ cũng cài kín. Tôi căng mắt nhìn qua lỗ khóa. Trong nhà tối om, tôi không sao nhìn thấy gì. Tôi đứng im bất khoản, hay là bố mẹ đi vắng. Tôi nhìn chiếc khóa vẫn lủng lẳng một bên. Nếu bố mẹ đi đâu sẽ phải khóa cửa chứ. Tôi áp tai vào cửa nghe ngóng. Chợt tôi nghe thấy tiếng mẹ nho nhỏ. Thế là tôi biết bố mẹ vẫn ở trong nhà. Một nỗi dỗi hờn con trẻ áp vào lòng tôi. Tôi bị bỏ rơi. Tôi đập vào cánh cửa.

- Mẹ ơi, mở cửa cho con vào với.

Im lặng.

Tôi đập mạnh hơn.

- Mẹ ơi, mở cửa cho con.

Im lặng.

Tôi gào lên và chợt nhớ ra có cả bố ở trong ấy nữa.

- Bố mẹ ơi, mở cửa cho con vào nhà với.

Cái Hoa đã đứng bên cạnh tôi từ lúc nào. Nó ngơ ngác nhìn tôi.

- Sao bố mẹ cậu lại đóng chặt cửa không cho “ấy” vào.

Loáng thoáng vài ba người hàng xóm đi qua trước cửa nhà xem có chuyện gì. Tôi uất ức trào nước mắt. Tôi khóc âm lên.

- Bố mẹ ơi cho con vào với.

Bố chạy xô ra trước. Bố ôm lấy tôi, úp mặt vào bụng tôi cù. Tôi đẩy bố ra. Mẹ đang vấn lại tóc cho gọn, rồi mẹ chạy ra mở toang cửa. Mẹ nhìn thấy cái Hoa đang ngơ ngác nhìn mẹ và mấy người hàng xóm nhìn mẹ cười. Mẹ cúi bất ngờ. Mẹ xông vào tôi phát lấy phát để rồi òa khóc. Thế là hai mẹ con tôi cùng khóc. Cái Hoa thấy thế cũng chạy lại bên bố tôi khóc. Bố bật cười gỡ mẹ ra.

- Bình tĩnh lại nào, con có lỗi gì đâu.

Mẹ ôm mặt khóc nức nở. Tôi bỗng sợ hãi. Tôi không khóc nữa. Tôi ngước mắt nhìn bố. Mặt bố sạm đen sất lại như đang dồn nén một điều gì đó. Bố bỗng nhìn ra xa, vụt ra khỏi cửa. Tôi khẽ kéo áo bố. Bố như bưng tỉnh. Bố cúi xuống cười với tôi.

- Con ngoan của bố, con có nhớ bố không?

- Con yêu bố.

Mẹ vẫn khóc. Bố quàng tay ôm mẹ vào ngực. Bố ôm gọn cả mẹ và tôi.

- Đừng khóc nữa nào. Em yêu của anh. Sắp đến giờ anh phải đi rồi. Đừng làm cho con sợ.

- Em mong anh từng ngày. Em muốn có thêm một thằng cu... bom đạn nhờ anh có mệnh hệ nào. Con bé này lớn lên sẽ đi lấy chồng... Còn có một mình em...

Bố cười rất tươi, bố thì thầm rất nhỏ vào tai mẹ :

- Anh sẽ quay về khi em còn rất trẻ. Sẽ không lâu nữa đâu.

- Vàng, lần trước anh cũng bảo thế. Vậy mà đã năm năm rồi. Năm năm nữa em sẽ ba hai.

Bố lại cười :

- “Gái ba mươi tuổi đang xoan”.

- Anh – mẹ dúm đầu vào ngực bố cười.

- Nào chúng ta cùng vui lên chứ.

Bố vòng tay kéo đầu con, đầu mẹ vào đầu bố, ba cái đầu đập nhẹ vào nhau. Cả nhà phá lên cười. Như chờ có tiếng cười ấy, hàng xóm bắt đầu kéo nhau vào. Họ đã ngấp nghé cả ở ngoài. Phút chốc cả nhà đầy ắp tiếng cười nói vui vẻ. Mỗi người góp một câu. Mắt mẹ long lanh sung sướng.

Hai tiếng đồng hồ trôi qua như một cơn mơ. Mẹ thẳng thốt không biết xếp thêm thứ gì vào ba lô cho bố. Bố bế tôi và hàng xóm đưa tiễn, cả một đoàn người dài. Mẹ con tôi đi với bố ra tận bến tàu. Bố cứ liếc mẹ như định nói một điều gì, mẹ lại đưa mắt nhìn tôi, nên bố chỉ cười. Lúc bố lên tàu mẹ lại òa khóc. Tôi an ủi mẹ:

- Mẹ khóc làm gì, bố không chết đâu.

- Em nghe thấy không? Anh không chết được đâu. Lời nói con trẻ như lời tiên tri em ạ. Chờ anh nhé.

Rồi bố giơ ngón tay cái sát mặt mẹ:

- Một thằng con trai!

HUỶNH ÁI TÔNG

Chiến tranh không có ngoại lệ. Bố ra đi vĩnh viễn. Thế là đã ba lần năm năm bố không về nhà và đây cũng chính là thời gian để tôi đã lớn khôn.

Sẽ trọn mười lần, hai mươi lần năm năm nữa, bố mãi mãi không bao giờ trở về để lại mẹ muôn đời với một niềm khao khát thiếu phụ dở dang.

- 0 -

Bài viết về Y Ban trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, có nhận định như sau:

*“Mặc dù là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1996, từng có nhiều tác phẩm xuất bản cũng như nhận được nhiều giải thưởng, bà chỉ thực sự được chú ý khi cho xuất bản cuốn *I am đàn bà*, một cuốn sách bày tỏ những khao khát về tình dục của phụ nữ và bị Cục Xuất bản thu hồi. Sau đó cộng thêm những phát biểu lạ tai như: Tôi đang viết "tiểu thuyết ba xu"!, tên tuổi của bà dần được biết đến hơn là những tác phẩm.”*

Tài liệu tham khảo:

- Y Ban Web: vi.wikipedia.org
- *Bây giờ con mới hiểu* Web: vannghequandoi.com.vn

40. Trương Nam Hương



Trương Nam Hương (1963-20)

Nhà thơ Trương Nam Hương sinh vào mùa thu năm 1963 tại Hải Phòng, thân phụ người Huế, thân mẫu người Bắc Ninh.

Sau khi đầy tháng, mới trở về Hà Nội sống với song thân từ đó.

Cuối năm 1975, gia đình Trần Nam Hương rời Hà Nội về quê Nội ở Huế trong 3 năm.

Năm 1978, gia đình Trương Nam Hương lại vào tỉnh Đồng Nai sinh sống.

Lên Đại học, Trương Nam Hương vào Sài Gòn theo học khoa Ngữ văn tại Đại học Tổng hợp Tp. HCM.

Năm 1990, đã xuất bản tập thơ đầu tiên xuất bản *Khúc hát người xa xứ*.

Năm 1991, được giải thưởng thơ của Hội Nhà văn Việt Nam và trở thành Hội viên của Hội từ đó.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1996, phụ trách cơ quan đại diện báo *An ninh thế giới* ở phía Nam.

Năm 2001, là Thường trực Ban thư ký Hội Nhà văn Tp. HCM

Nhà thơ Trương Nam Hương đã được các giải thưởng:

- Giải thưởng thơ Hội Nhà văn Việt Nam năm 1991
- Giải thưởng thơ *Văn nghệ Quân đội* năm 1989-1990
- Tặng thưởng Văn học Thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam năm 1995
- Giải thưởng thơ Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 2000
- Giải thưởng thơ dịch tạp chí *Văn học nước ngoài* năm 1996
- Giải thưởng Văn học Tp. HCM năm 2009
- Giải nhất thơ báo *Sài Gòn Giải Phóng* năm 2010
- Gương mặt *Văn học 20 năm Tp. HCM* năm 1975-1995
- Gương mặt *Văn học 30 năm TP HCM* 1975-2005
- Danh hiệu *Nhà thơ được yêu thích nhất 1992* (Báo *Người Lao Động*)
- Kỷ niệm chương *Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam* năm 2007

Nhà thơ Trương Nam Hương là Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn Tp. HCM, Ủy viên hội đồng Thơ Hội Nhà Văn Việt Nam hiện sống và làm việc tại Tp. HCM

Tác phẩm:

- *Khúc hát người xa xứ* (thơ, Trẻ, 1990)
- *Cỏ, tuổi hai mươi* (thơ, Văn Nghệ, 1992)
- *Hè phố tuổi thơ* (văn, Trẻ, 1992)
- *Ban mai xanh* (thơ, Đồng Nai, 1994)
- *Ngoảnh lại tháng năm* (thơ, Văn học, 1995)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

- *Thơ tình Trương Nam Hương* (thơ, Đồng Nai, 1995)
- *Viết tặng những mùa xưa* (thơ, Thanh niên, 1999)
- *Thơ với tuổi thơ* (thơ, Kim Đồng, 2005)
- *Đường thi ngẫu dịch* (thơ dịch, Thanh niên, 2007)
- *Ra ngoài ngàn năm* (thơ, Văn học, 2008)
- *Minithơ* (thơ, Thanh niên, 2008)

Trích thơ:

Hà Nội, anh về

*Nhớ xưa Hà Nội, anh về
Gặp thu môi cóm vấy xòe heo may
Anh cầm sương khói trên tay
Phố sâu đuôi mắt mưa dài đăm mê*

*Nhớ nay Hà Nội, anh về
Nhà dăng dăng lấp bờ đê sông Hồng
Nghỉ Tầm cà vạt áo phông
Có em ngồi rót mùa đông tràn trẻ...*

*Nhớ mai Hà Nội, anh về
Chợt thương hoa sáu tóc thè tuổi mơ
Chợt buồn chợt nhớ vu vơ
Cà phê khuấy mãi đại khờ không tan*

Tiến biệt nhà thơ Chim Trắng

Những ngã đường về một ngã đường
Nơi ngọn cỏ dưới chân anh khóc
Anh gửi lại **Một mùa Thu trong**
Đi lặng lẽ cuối ngày bão rớt

Phải chăng **Nhân có chim sẻ về...**
Rủ anh đến miền không nước mắt

HUỶNH ÁI TÔNG

Xin bình yên **Hát lời cỏ hát**
Thơ quay về vườn cũ yêu thương

(Sài Gòn 29.9.2011)

Ghi chú: Chữ đậm, nghiêng là tên tác phẩm và ý thơ của nhà thơ Chim Trắng

Hoa gạo

*Củ khoai gầy trơ ngón mút
Tuổi thơ mót gió trên đồng
Giấc mơ vun vùi trấu bếp
Tha hồ hoa gạo mà đong.*

Trưa quê

*Quê nhà ngơ ngác về thương
Thời gian bêu mặt cánh chuồn đỏ gay
Mộ bà châu chấu vù bay
Trưa cầm eo óc trên tay tiếng gà.*

Sen

*Hoa sen không dạy bảo
Mà bùn ao thật thà
Chấp tay vào thừa mẹ
Ngát hương đầm trong ta.*

Tĩnh giác

*Chiến tranh ủ khói trong lòng đất
Mẹ bới tìm con dọc cánh rừng
Xin hoá gió ngòi lau mắt mẹ*

Chết là tỉnh giấc!

Mẹ tin không!

Tuổi nhớ

Gió tha thủi ngày qua tuổi nhớ

Nén lên trăng

Rằm

Khói lên chùa

Hớ quên ơi về thôi kéo muộn

Mẹ mắng bây giờ ô mai ngày xưa...

Tuổi bốn mươi mẹ nằm thập cốt

Vẫn lo em

Nắng đại mưa khờ.

Tạp cảm

Anh cứ tưởng tháng năm hào phóng lắm

Thơ đại ngày anh lộc vừng lắm tằm

Ngơ đại ngày em xao xít dây bìm

Chiến tranh dài bằng tuổi thơ hai ta cộng lại

Mẹ phơi áo hanh khô thời con gái

Hố bom hoằm như hốc mắt chong chong!

Vàng trán cha ta lặng hẳn tiên cảm

Một câu nói chẳng bao giờ cha dám

Đêm rập rình đom đóm dấu tai ương

Chúng ta lớn lên hồn nhiên như cỏ

Xanh như hát, xanh trong điều đổ vỡ

Mẹ âm thầm vá vùi lại niềm yêu...!

HUỶNH ÁI TÔNG

Hình như có điều gì đang lẫn lộn
Đến cười khóc sao lòng giờ cũng khác
Cả con đường quen thuộc-khác ngày xưa

Hồn lau bạc cũng trở mình thao thức
Nghe xương cốt của ngàn năm vẫn nhức
Trắng im lìm như cát trắng, hư không!

Sau những tưởng tháng năm hào phóng lắm
Anh cay đắng chạm lộc vừng lắm thắm
Em cô đơn vịn ngao ngát dây bìm...

Lỗi hẹn sông Cầu

Ngồi nhớ sông Cầu mơ hội trẩy
Đến hẹn không về em trách đây
Quê nhà thương quá hoá vô tâm

Tháng Giêng hoa xoan rơi vụng dại
Em với sông Cầu xanh ở lại
Anh đi... rét ngọt giữa tay cầm

Cỏ nủ chân mùa sông thiếp ngủ
Em tiễn cái nhìn đau cả gió
Chiều chớp đầy anh ...mắt lá rằm

Lỗi hẹn sông Cầu, xin khát vậ
Mưa bụi giăng mờ không thể thấy
Em ngồi sợ rét lắm vào trăng.

Màu Huế

Anh vịn màu rêu Huế để yêu em
Trước thành quách bao đời em cứ trẻ

*Sông Hương chảy thon mình qua dâu bể
Anh mượn vành nón Huế... buổi về thăm*

*Anh vịn lên mưa nắng những thăng trầm
Những cơn bão của vầng xoay thế cuộc
Vững như núi, Huế lại đầm như nước
Vạt áo dài mây trắng xuống thi ca*

*Anh vịn lên còn mất những ngày xa
Những uẩn khúc trong điệu hò mẹ hát
Những đèo dốc trong đời cha bắt trạch
Mắt Huế nhìn thăm thẳm tới ngày xưa*

*Anh vịn lên tròn khuyết tuổi em chờ
Đỡ chóng chệnh câu thơ buồn xa Huế
Đỡ côی cút tiếng mái chèo khuya lẻ
Anh mượn màu nắng Huế để thương em!*

Nhớ sông Mẹ

1

*Trăng thấp nền đợi ngày sông trở dạ
Con chào đời cùng lúc với phù sa
Con nhận nước sông Hồng làm máu đỏ
Cát ôm con từ hơi Mẹ áp oà
Con mượn cỏ bờ đê làm chỏm tóc
Mắc vành nôi lên dọn sóng la đà
Khi bập bẹ âm đầu, con gọi Mẹ
Chạm mảng trời run biếc của bèo hoa*

2

*Mẹ nuông ấm đời con bằng Quan họ
Thuở trúc xinh gọi tã lót ơi à*

HUỶNH ÁI TÔNG

Môi đã riu mạn thuyền thưa Quán đóc
Mắt đã dài cho ướt cả người xa
Trăng ửng lớn một lần con dỗi mẹ
Đánh rơi đêm vào chỗ rẽ si xoà
Sông Mẹ thức trắng nửa bờ lau nhấc
Mai con về tạ lỗi với phù sa.

Sông 17 tuổi

Năm anh mười bảy
Sông Hồng tuổi em
Bờ đẽ. Đêm ấy...
Sóng. Trăng. Cỏ mềm...

Anh vốc nước lên
Chạm môi em đỏ
Khoác vai bóng thuyền
Buồm lơ lửng gió

Em đỏ đầy anh
Tiếng sông úng ở
Mắt sao ướt xanh
Rơi nhòe ngân cỏ

Ngày trăng biết nhớ
Sông Hồng biết yêu
Năm anh mười bảy
Cầm con sóng liều...

Rồi anh biên biệt
Dạt trôi bao miền
Ba mươi năm đấy
Sông Hồng hóa em!

Trong lời mẹ hát

Tuổi thơ chở đầy cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đẫn con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao

Con gặp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng dải đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
“Con gà cục tác lá chanh”

Khóm trúc, lùm tre huyền thoại,
Lời ru vấn vít dây trầu,
Vàng trắng mẹ thời con gái,
Vẫn còn thơm ngát hương cau.

Con nghe thập thình tiếng cối
Mẹ ngồi giã gạo ru con
Lạy trời đừng giông đừng bão
Cho nồi cơm mẹ đầy hơn..

Con nghe dập dờn sóng lúa
Lời ru hóa hạt gạo rồi
Thương mẹ một đời khổ khó
Vẫn giàu những tiếng ru nôi.

Áo mẹ bạc phơ bạc phéch
Vải nâu bục mối chỉ sòn
Thương mẹ một đời cay đắng
Sao lời mẹ vẫn thảo thơm.

Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ cong dần xuống
Cho con ngày một thêm cao

HUỶNH ÁI TÔNG

*Mẹ ơi trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa*

Trong bài: *Một nét hình dung Trương Nam Hương qua chiếc cầu thi ca hình chữ H*, Trần Xuân An đã viết:

“Gia đình gồm bà ngoại, cha, mẹ, người chị và vài đứa em thôi, với một làng quê quan họ, một quãng phố Khâm Thiên, Hà Nội, với một góc cố đô Huế, nhưng với Trương Nam Hương, là cả một thế giới. Rất nhiều bài thơ anh viết trọn vẹn về những người, những cảnh thân yêu đó, và còn thấy thấp thoáng cả trong những bài thơ tình yêu đương nữa. Trương Nam Hương thuộc vào nhóm các nhà thơ hoài niệm, trung hiếu với cội nguồn – mãi mãi yêu thương, luôn luôn nghĩ đến, nhớ về thân nhân, quê hương mình, suốt cả quãng đời thơ.”

Tài liệu tham khảo:

- Trương Nam Hương Web: nhavantphcm.com.vn
- Hà Nội anh về Web: vanhocviet.org

41. **Trần Hương**



Trần Hương - Bùi Thị Thủy (1963-20)

Nhà văn Trần Hương có tên thật là Bùi Thị Thủy, sinh ngày 24 tháng 3 năm 1963 tại xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Nhà văn Trần Hương tốt nghiệp kỹ sư nông nghiệp, cử nhân báo chí, cử nhân điện ảnh, thạc sĩ báo chí.

Là Hội viên Hội Nhà văn Tp. HCM, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội Nhà Báo Việt Nam.

Trần Hương đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng truyện ngắn cuộc thi Văn nghệ Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 1984.
- Giải thưởng truyện ngắn Bộ Giáo dục và đào tạo năm 1999

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng tiểu thuyết do Bộ Giáo dục và đào tạo năm 1990
- Giải thưởng thơ hay của tuần báo Văn Nghệ Tp.HCM năm 1993
- Giải thưởng phóng sự điều tra tuần báo Văn Nghệ Tp.HCM 1994
- Giải thưởng truyện ngắn của tạp chí Văn nghệ quân đội năm 1994
- Giải thưởng tiểu thuyết về đề tài công nhân do LĐLĐ Tp.HCM tổ chức
- Giải thưởng truyện dài do NXB Kim Đồng tổ chức.
- Giải thưởng tiểu thuyết do NXB Công an nhân dân và Bộ Công an tổ chức năm 2000.
- Giải thưởng về cuộc thi viết những mẫu chuyện kháng chiến do Hội Khoa học lịch sử tổ chức.
- Giải thưởng 30 năm văn học Tp. HCM. năm 2005...
- Giải thưởng cuộc thi tiểu thuyết Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010, cho tác phẩm Đêm Sài Gòn không ngủ.

Hiện là tuyên truyền viên chính của Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ ở Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Thị trấn không đèn* (tiểu thuyết, Đồng Nai 1990)
- *Mưa biển* (tiểu thuyết, Đồng nai 1992)
- *Hoa lửa* (thơ, Hội Nhà Văn, 1993)
- *Người đàn bà trong thu tím* (tập truyện, Hội Nhà Văn 1993)
- *Huyền thoại tình yêu* (tập truyện, Trẻ, 1995)
- *Người đẹp Tây Đô* (tiểu thuyết, CAND, 1996)
- *Một chút tài hoa* (Phụ nữ, 1996)
- *Nhân ảnh* (tiểu thuyết, Phụ nữ, 1997)
- *Nắng quái* (tiểu thuyết, Phụ nữ, 1998)
- *Nhật ký cho My* (tiểu thuyết thiếu nhi, Kim Đồng, 1999)

- *Nỗi sợ* (Phụ nữ, 2000)
 - *Cổ tích cho con* (tập truyện, Trẻ, 2002)
 - *Đêm trắng của Đức Giáo Tông* (CAND, 2002)
 - *Mẹ* (tập truyện ký, Quân đội nhân dân, 2002)
 - *Đêm Sài Gòn không ngủ* (tiểu thuyết, Văn Nghệ, 2008)
 - *Người Cha hiện đại* (tiểu thuyết, Văn hóa Văn nghệ, 2011)
 - *Lời thề* (kịch bản phim truyện)
 - *Biệt ly trắng* (kịch bản phim truyện)
 - *Người đẹp Tây Đô* (16 tập, kịch bản phim truyện)
 - *Em kiêu hãnh vì được làm đàn bà* (thơ, 2014)
- và nhiều kịch bản phim tài liệu:

Trích văn:

Vườn ma

Tôi gọi mãi vào cánh cổng gỗ xám mốc màu thời gian bị che rợp bởi giàn hoa hoàng anh mà không nhận được tiếng trả lời. Cửa cổng không khóa được khép hờ bằng một sợi dây xích. Tôi đặt va li xuống đất, nghỉ ngơi. Đập vào mắt tôi những hàng chữ nguệch ngoạc trên trụ cổng: “Vườn ma”. Cánh cửa hé mở, một gương mặt phụ nữ bị chứng bệnh ngu đàn thò ra ngoài, ngo ngác .

- Có chị Hằng ở nhà không?

Tôi hỏi tên nữ chủ nhân của “vườn ma”. Cô gái không chịu trả lời cứ trở mắt nhìn tôi. Chừng như nhận ra tôi không đến nỗi nguy hiểm cô ta rụt rè đáp:

- Di Hằng ở ngoài xưởng gạch bông chưa về.

Vẻ mặt khinh khỉnh, cô gái khép cánh cổng lại. Tôi bất bình kêu lên:

- Trời ạ, chị Hằng hẹn tôi đến đây mà. Tôi là Phượng, xuống giúp chị ấy vẽ kiêu cho khu vườn .

Cô gái lắc đầu, nhíu mày nghĩ ngợi một lúc rồi nhảy cẫng lên như trẻ nhỏ:

- À, chị Phượng, dì Hằng có nói mà em quên, vô đi, vô đi!

Cô gái mở rộng cánh cổng đón tôi với lòng hiếu khách khác thường...

Cánh cổng mở ra một khung cảnh đầy thơ mộng. Chiếc cầu bằng bê tông bắc qua dòng kênh chạy ngang mặt tiền của khu vườn. Mặt bắc và nam của nó cũng được cắt vuông vắn bằng hai nhánh rẽ của con kênh. Tôi sững sờ vì vẻ đẹp của “Vườn ma”. Hai bên lối đi chánh được trồng mai. Xuân đã qua mà màu mai vàng nở muộn. Cháy rực lên dưới ánh nắng miền nhiệt đới. Hoa bưởi trắng muốt, thơm lòng. Ong bướm lượn lờ trong một thế giới rất tĩnh lặng, bình yên. Cô gái xách va li cho tôi xăm xăm vượt lên trước. Tôi định rẽ sang phía ngôi nhà hai tầng lợp ngói đỏ với lối kiến trúc khá lập dị thì cô gái ngăn lại :

- Không phải, bên này, dì Hằng dặn khách đưa ra cái cốc nhỏ.

Tôi bước theo cô ta, trong lòng tràn lên chút mặc cảm. Hình như đoán ra được tâm trạng tôi, cô gái gật đầu, gãi tai về khó xử:

- Nhà lớn... Xưa nay dì Hằng chẳng tiếp ai ở nhà lớn cả.

- Vậy ai ở đấy ?

Tôi băn khoăn hỏi :

- Dì Hằng, dưỡng ba.

Tôi kêu lên ngạc nhiên: “Ồ, chị Hằng chưa có chồng mà”.

Cô gái bối rối:

- Ồ ... thì di Hằng có chồng hời nào đâu. Dượng ba là... anh rể.

Dường như nhận ra sự lờ lờ, cô gái im bật. Suốt đoạn đường tiếp theo, cô ta trở nên trầm ngâm khó hiểu. Tôi đành lẽo đẽo đi theo cô gái, ngắm trời đất, suy nghĩ mông lung. Những trái bưởi đung đưa trên cành chìa ra lối đi sắp gục mà chẳng ai buồn hái. Cô gái dừng lại góc tây nam của khu vườn được tạo bởi hai lạch nước trong leo lẻo. Một cái cốc lẻ loi mọc lên cùng với khóm tre vàng, cội bồ đề, ao sen và chòm hoa trang trước cửa cốc. “Tại sao tôi lại ở đây, buồn chết được”. Tôi ngầm trách nữ chủ nhân nhưng khi trèo lên những bậc thang bước vào cốc tôi cảm thấy lâng lâng, nhẹ nhõm. Dường như mọi tục lụy trong tôi đều được trút bỏ để đắm mình vào bầu không khí rất thanh khiết. Nội thất cốc được bày trí ngăn nắp, giản dị. Một tấm nệm được trải trên sàn gỗ mun đen bóng, một cái bàn làm việc, một giá sách. Đến đây rồi tự dưng tôi không muốn đi đâu nữa. Cô gái giúp tôi sắp đặt đồ đạc, lảng xãng:

- Cái cốc này di Hằng cất cho cậu Tuấn tu nhưng cậu không chịu ở. Từ ngày cậu đi, di Hằng bắt tôi qua đây quét dọn cho sạch sẽ như ngày cậu còn ở nhà .

Câu nói của cô gái gợi lên trong tôi nỗi tò mò:

- Cậu Tuấn là gì của chị Hằng?

- Em ruột.

- Sao lại đi tu ?

Ngần ngại một lúc cô ta nói thêm:

- Từ ngày dì Ba, chị ruột chị Hằng bị phỏng xăng chết, dì Hằng không lấy chồng ở lại với dưỡng ba nuôi sáu đứa cháu với cậu Tuấn ăn học. Cậu Tuấn đỗ tú tài rồi đi tu luôn, không về nữa. Dì Hằng buồn lắm, thấy cậu Tuấn đi khát thực ở đâu là tìm. Cậu Tuấn thấy dì Hằng làm ngơ, dì khóc hoài.

Nét ngu ngơ, thật thà của cô gái có cái gì rất hấp dẫn tôi trong câu chuyện về đời tư nữ chủ nhân “vườn ma”. Nếu không có cô gái, tôi khó lòng vén được bức màn bí mật sau cánh cổng xám mốc rêu phong.

- Chị Hằng xinh đẹp, giàu có sao lại không lấy chồng?

- Hỏi lăng nhách, lấy chồng sao nuôi được mẹ, được em, được cháu. Dì ở lại với dưỡng Ba.

Cô gái trẻ môi, nhún vai. Tôi không chút phật ý trước sự báng bổ của cô ta. Cô gái chợt trở nên buồn bã:

- Máy người xung quanh thấy dì Hằng làm ăn phát đạt ghen tỵ, nói xấu dì dữ lắm. Họ nói anh rể em vợ ở chung nhà dễ gì hồng lấy nhau. Họ xúi tôi bỏ đi. Họ nói dì Hằng ác lắm. Cả nhà ác nên bị quả báo. Nhưng hồng phải đâu, dì Hằng thương tui như người ruột thịt .

Tôi ngạc nhiên hỏi :

- Chị bà con sao với dì Hằng?

- Tôi mồ côi, tên Bí, bị ghẻ đầy mình dì Ba mang về nuôi. Máy đứa cháu dì Hằng gớm đời đuổi tôi đi nhưng dì Hằng giữ lại. Tui cảm ơn dì lắm, ở với dì đến chết thì thôi.

- Vậy dì Hằng cũng như đức lắm, sao người ta dám nói dòng họ dì Hằng ác.

Cô gái lắc đầu, âm ức:

- Người ta ghét nên người ta đồn. Thôi, chị đừng hỏi nữa, dì Hằng rầy tôi chết.

Cô ta lật đật bỏ đi, mắt hút giữa những lùm cây rậm rạp.

“Ngôi nhà ma quái”. Tôi lằm bằm, ngao ngán nhìn quanh. Vậy là tự tôi phải sắp xếp đồ đạc trong cốc. Tắm rửa, thay bộ quần áo mặc nhà xong tôi cảm thấy người nhẹ nhõm. Ngả lưng trên tấm nệm, tôi thèm được đọc một cái gì đó. Bí đột ngột trở lại, mang đến cho tôi một mâm trái cây vun ụ. Tôi hỏi :

- Nhà có sách gì đọc đỡ buồn hôn?

Bí nhúu mày nghĩ ngợi :

- Có, sách kinh cậu Tuấn nhiều lắm. Dì Hằng sợ mỗi một cái trong tủ, để xem ...

Bí chạy như bay về phía nhà lớn. Một lát sau cô ta rón rén đến bên tôi, vẻ nghiêm trọng, trên tay là một quyển sổ bìa đen, mốc meo :

- Dì Hằng hay đọc quyển này lắm, cất kỹ như mèo dấu cứt. Chắc là hay .

Trời ạ, Bí không phân biệt được đâu là sách và sổ! Tôi miễn cưỡng cầm lấy, hờ hững lật qua... “Nhật ký vườn ma”. Chợt tôi ngòai thẳng dậy, bí mật của khu vườn đây rồi. Thì ra đây là quyển nhật ký của chị Hằng. Nét chữ của nữ chủ nhân bay

bướm, hào hoa nhưng tràn đầy tự tin, vững vàng. Những trang viết cuốn hút lấy tôi ...

... Quả báo và nghiệp chướng ?! Mình có nghe loáng thoáng chuyện này hồi còn nhỏ. Gia đình mình giàu có, nhiều kẻ ăn người ở trong nhà. Mẹ mình đẹp, đảm đang, tốt bụng nhưng nghiêm khắc. Một hôm bà bắt gặp chị người ở có họ xa với cha ăn cắp mười tấm lụa. Mẹ không tiếc lụa nhưng căm ghét tận ăn cắp vật đã nổi giận đánh chị ấy mười roi giữa đám gia nhân. Chị ấy nhục nhã tự vẫn, để lại lời nguyện hậu duệ nhà mình đời nào cũng có người chết cháy. Mình không tin nhưng lời nguyện ấy cứ ám ảnh suốt mấy chị em mình, nhất là Tuấn, đứa em út tính tình rất đa cảm, mềm yếu. Mẹ mình không ngừng cầu nguyện, còn mình thì quên bẵng đi khi lên thành phố học. Chị Hai đã lấy chồng từ lâu. Anh rể mình đẹp trai, giàu có, biết làm ăn. Nhờ có anh chị gánh vác nên gia đình mình sau này có suy sụp vẫn sống đàng hoàng. Chị mình sinh bảy đứa con, mất một còn sáu. Gánh nặng gia đình đặt lên đôi vai chị Hai. Chị vui vẻ nhận lấy sứ mệnh đó ...

Bí chợt trở nên rầu rĩ :

- Tôi lỡ lấy trộm quyển sách này của dì Hằng. Chị đọc xong giữ kỹ không chừng tôi bị đòn nát đít đó !

Sợ Bí giật lại tôi đầu dụi :

- Mình giữ sách kỹ lắm, chị Hằng không biết đâu.

Để trấn an Bí, tôi tặng cô nàng một cái kẹp tóc gắn nơ bằng voan trắng. Bí hí hửng biến đi ...

“ Lời nguyện của người chết oan đã ứng nghiệm. Trời ơi, tại sao không ai khác gánh lấy bất hạnh mà là chị Hai. Điều dẫn đến cái chết của chị thật khó tin, dường như có một bàn tay vô

hình nào đó sắp xếp. Chị đốt lửa làm cơm cho anh rể và các cháu đi học về ăn. Vội vàng vì sợ các cháu đói bụng, chị cầm nhầm bình xăng châm vào bếp dầu. Hỏa hoạn xảy ra, chị lại mặc quần áo bằng ni lông dễ bắt lửa. Chị chết cháy bị thảm. Đám tang. Nhìn các cháu chít khăn tang ôm quan tài mẹ khóc lòng mình như bị xát muối. Anh rể còn quá trẻ. Tương lai các cháu sẽ ra sao ?! Nếu như anh rể tục huyền, gặp phải người mẹ kế ích kỷ, cay nghiệt ?! Gia sản sẽ về đâu ?! Bao câu hỏi vò xé mình, vừa học xong tú tài, mình muốn đi làm, bay nhảy . Nhưng tai họa giáng xuống gia đình mình. Thương các cháu quá. Không, từ đây, mình sẽ thay chị Hai gánh vác trách nhiệm làm mẹ. Mình phải giữ lấy cơ nghiệp này cho các cháu, không để thất thoát, dù chỉ một suy suyển nhỏ. Và như thế, mình sẽ phải dùng cảm đương đầu với tai tiếng. Biết làm sao bây giờ, gánh nặng trên vai mình quá lớn ! ... “

Vậy là tôi đã mở được cánh cổng bí mật của “vườn ma”. Tôi đã hiểu được uẩn khúc trong đôi mắt đẹp của chị, sự e dè không muốn ai xâm phạm đến thế giới ngôi nhà lớn. Tôi hiểu được những dòng chữ đầy thù hận của thiên hạ viết trên cánh cổng. Chị Hằng đứng dung với nó không buồn cho Bí lau đi. Những trang viết kế tiếp khiến tôi vô cùng khâm phục chị. Nào ai hiểu được một nghị lực ghê gớm tiềm ẩn trong con người phụ nữ mảnh mai, kiêu diễm và đĩnh đạc. Vẻ đẹp của chị đã lôi cuốn tôi ngay từ phút đầu quen biết như chính “vườn ma” đầy bí hiểm, hoang dại. Thì ra, khu vườn xinh đẹp, sung túc này có một lịch sử đầy gian khổ...

“... Đến một lúc mình không muốn là cái bóng bên cạnh một người đàn ông nữa. Mình đã gánh vác ... Mười mấy năm qua các cháu đã trưởng thành. Ba đứa đầu đỗ bác sĩ, hai đứa sau là kỹ sư, đứa út chuẩn bị du học. Chỉ còn Tuấn. Em trai mình không chịu lấy vợ. Nó bị ám ảnh trước lời nguyện. Đỗ tú tài xong Tuấn bỏ đi tu theo phái khất sĩ. Nhìn em tu hành khổ hạnh lòng mình đau đớn quá. Mình cũng sợ lời nguyện nhưng

biết làm sao được. Đi tu bỏ mặc cho các cháu bơ vơ?! Không, mình phải xông vào cuộc sống, không thể khác. Thiên hạ cho rằng mình hám của. Mặc. Đến lúc mình phải xây dựng một cái gì đó bằng chính bàn tay của mình. Anh Hai không biết ý định của mình. Rồi bỏ ngôi nhà ba tầng ở thị xã, mình đi tìm một thế đất. Đất ở đây tốt nhưng hoang. Mình chọn mua mấy héc ta. Đường đi đứt gãy, muốn đến vườn phải lội qua dòng kênh. Mình đang mặc bộ quần áo bằng lụa trắng. Mặc, cứ lội qua. Mình ngỡ ngàng trước khu rừng đầy rắn rít, cỏ dại rồi nhìn đôi bàn tay. Mình tự nhủ : không được nản chí. Và mình cúi xuống, nhổ bật nắm cỏ đầu tiên ... Mình sẽ biến cánh rừng này thành một khu vườn chĩnh chu, xinh đẹp. Mình sẽ cho Tuấn thừa kế nó. Đã hơn bốn mươi tuổi rồi ... Thôi, Hằng ơi, đừng nghĩ ngợi vẩn vơ, mà chẳng đã có sáu đứa con đã trưởng thành rồi ư?! Tuấn ơi, em bây giờ đi khất thực phương nào, giá có em, chị sẽ mạnh mẽ hơn ...”

Tôi ngừng đọc, giấu vội quyển nhật ký vào ngăn kéo bàn làm việc khi nghe tiếng còi xe ngoài cổng. Bí này giờ rình sau lưng tôi chọt reo lên vui sướng :

- A, dì Hằng với dưỡng Ba về .

Bỏ mặc tôi, cô gái quăng mình xuống cóc đón cô cậu chủ. Tôi phì cười trước cách gọi dưỡng Hai, dưỡng Ba lộn xộn của Bí. Sự nhầm lẫn này nói cho cùng chẳng có gì là quan trọng. Chiếc xe con màu đỏ sậm từ từ tiến về phía cóc. Người cầm tay lái là một trung niên cao lớn, tóc điểm bạc, mặt chữ điền, nghiêm trang. Bên cạnh ông là chị Hằng. Chị ra hiệu cho ông dừng xe lại, bước xuống đi về phía tôi còn người đàn ông bình thản quay đầu xe trở lại hướng ngôi nhà lớn. Chiếc áo len đen được khoác lên chiếc áo lụa trắng khiến chị Hằng có một vẻ đẹp ma quái và huyền bí. Có lẽ vì mới đọc lên “nhật ký vườn ma” mà tôi nghĩ vậy. Chị lao đến, ôm tôi thân ái :

- Em mới xuống hả, ở đây được không, hay là ...

Chị bần khoản. Tôi tỏ ý thích được ở lại cái cốc. Chị cười nói :

- Chị đoán vậy nên dặn Bí đưa em ra đây. Nó khờ lắm, chẳng biết gì đâu, ăn nói thì lung tung, em đừng nghe nó nói xàm.

Tôi day sang Bí trêu :

- Đó, chị Hằng nói Bí chẳng biết gì .

Bí nguýt tôi bỏ đi, tay đâm vào không khí đe dọa. Tôi cười đồng lõa với Bí. Chị Hằng căn dặn :

- Có gì cần em cứ gọi con Bí. Nó khờ nhưng được cái tốt bụng. Thôi, em tắm rửa nghỉ ngơi rồi ăn cơm. Cứ tự nhiên. Khi nào thích thì làm việc. Chị có một xưởng gạch bông cách đây vài cây số nên bận rộn luôn. Hôm nay biết em xuống nhưng đến ngày phát lương cho công nhân không ở nhà đón em được. Phụng đừng buồn nghen .

Tôi tha thân giữa vườn ma, với tay hái chùm cam chín mọng, không ngờ bị ong chích vào tay. Tôi vứt chùm cam, ngồi bệt xuống cỏ ôm bàn tay sưng, rên rỉ. Bí rói rít hái đọt chùm ngót cạnh đó nhai trệu trạo lấy bã đắp vào ngón tay cái bị sưng vù của tôi. Bí trề môi :

- Xi, chút xíu cũng rên. Hồi mới mua đất, lập vườn, cất nhà ở đây tui với dì Hằng cực lắm. Hai dì cháu ngủ ngoài trời sương xuống ướt mem. Chịu đựng cả năm mới cất xong ngôi nhà lớn. Hồi đó vườn này như rừng hoang, rần có nui, thấy mà ghê. Tôi với dì Hằng về ở, dọn sạch tới bây giờ!

Bí tự hào nói thêm:

- Hồi đó chưa bắc cầu. Từ đường cái đến vườn phải lội qua kênh, hai di cháu bị bõm, lạnh run .

Tôi nhìn quanh khu vườn. Là khách, tôi đã ung dung bước qua chiếc cầu xinh xắn một cách vô tư, còn nữ chủ nhân đếm được những giọt mồ hôi kết dính trong từng khối bê-tông. Chiếc cầu đã bắc qua số phận một đời người. Mùi hoa, ong bay và mật ngọt trong khu vườn này đâu phải ngẫu nhiên. Tôi hiểu sự nhọc nhằn của người tạo ra nó. Dù đàn độn nhưng Bí có quyền tự hào lắm. Tôi không hình dung con người đài các mang dáng dấp bà chủ của chị Hằng có thể xắn cao quần lội qua dòng kênh, phát cỏ, cuốc đất, trồng cây, bị vây bủa giữa trăm ngàn rần rít, dãi nắng dầm sương một cách đúng nghĩa. Sự nhớ đến người thứ ba, tôi hỏi :

- Cậu Tuấn có giúp chị Hằng khai phá khu vườn không? Là đàn ông con trai, chắc là anh ta khỏe lắm ...

Bí cong môi :

- Còn khuya, cậu ngày đi khát thực, đêm ngồi thiền dưới mấy gốc cây, lang thang đầu đường xó chợ hành xác. Di Hằng khóc hết nước mắt vì cậu .

Bí chỉ về phía cái cốc :

- Di Hằng muốn thấy cậu Tuấn tu trong khu vườn này để tiện dịp chăm sóc cậu. Được mấy ngày cậu bỏ đi luôn. Hai di cháu sợ ma gần chết. Dượng Ba phải về ở ngôi nhà lớn với di Hằng.

Tôi mỉm cười bâng quơ nhìn xuống mũi giày, nghĩ ngợi lung tung về Tuấn. Cuối cùng tôi chỉ nói một mình : “Lạ nhỉ”.

Những gì tôi biết về “vườn ma” đã quá đủ cho tôi bắt đầu công việc trên cái cốc nhỏ. Tôi không giải thích cho chuyện đi về

“vườn ma” của mình. Có lẽ sự trống trải sau những ngày Tết đầy bụi bặm và pháo ở Sài Gòn, vì ánh mắt nhìn da diết của chị Hằng gặp tôi ở hội kiến trúc. Chị mời tôi sau tết về quê chị chơi, nhân tiện thiết kế những mẫu nhà rộng sao cho hài hòa với tổng thể khu vườn. Tôi ra đi trong một tâm trạng bất an. Gặp chị Hằng ở “vườn ma” rồi tôi bị thu hút mãnh liệt vào khu vườn. Tôi cảm ơn Bí, cảm ơn quyển nhật ký của chị Hằng. Tôi đã tìm ra một kiểu dáng riêng cho những ngôi nhà rộng sao cho thật độc đáo, nửa hư nửa thực, những ngôi nhà khiến người lạc vào “vườn ma” sẽ được sống trong những giây phút gần như chuyện cổ tích nhưng đầy hiện đại. Khó đấy. Tôi mãi mê làm việc. Bí thực sự là người bạn tốt. Cô nàng lặng lẽ mang đến cho tôi từng khay trái cây nào chuối, vú sữa, bưởi, hồng xiêm, táo ... hái từ vườn nhà. Cô gái làm đầu tóc tôi được thư giãn bằng những câu chuyện không dứt về những con người trong khu vườn cô tịch :

- Dượng Ba là người khó tính ă. Chỉ dì Hằng nấu mới vừa miệng dưỡng. Nhờ hồng lấy vợ kế mà của cải dưỡng còn nguyên, chia phần cho các cô cậu đồng đều. Thiên hạ nói xấu dì Hằng giữ chân dưỡng Ba, ghét nhất là mấy bà góa. Tôi cười :

- Dì Hằng lấy dưỡng Ba cũng tốt chứ sao, tiện cả đôi đàng. Ai có nói gì Bí chửi vô mặt họ .

Bí cười chúm chím vì sự đồng tình của tôi. Qua những lời kể không đầu đuôi của Bí, tôi thấy thương chị Hằng hơn. Cuộc đời mỗi người đều có uẩn khúc. Tôi không dám chạm vào bóng đen của sự bí mật ấy. Mỗi khi chị Hằng sang cốc chơi, tôi chỉ nói chuyện vắn vơ mà không một lời hỏi đến đời tư của chị. Con người chị hết sức thực khi nói đến chuyện kinh doanh nhưng cũng hết sức huyền ảo khi câu chuyện đi vào góc ngách tâm tư của con người. Chị kín đáo khiến tôi bị lôi cuốn. Ngôi nhà lớn thuộc về một thế giới khác, thế giới của riêng chị :

mà tôi hoặc bất cứ ai không có quyền đòi hỏi sự sáng rõ. Nếu biết rõ mọi thứ ở ngôi nhà lớn kia thì cuộc sống buồn biết bao. “Nhật ký vườn ma” đã quá đủ cho tôi. Ngay cả cái cốc tôi lưu lại đây cũng mang một bầu không khí rất tin ngưỡng. Tự nhiên khắc với chính mình là phương châm của hành giả”. “Chúng ta hãy chết với cái đã biết”. Bút tích bằng phấn trắng ghi trên vạch cốc rất đẹp, chứng tỏ chủ nhân của nó là một con người tài hoa, có học. Một anh chàng đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi lại đi tu ? Hóa giải một lời nguyện hay vì lòng mộ đạo thiên bẩm ? Ồ thôi, mặc xác anh ta, mình hãy trở lại với những kiểu nhà sao cho hòa hợp với khu vườn ma quái này ...

Tôi bắt đầu đưa những bản vẽ cho chị Hằng lựa chọn. Chị không ngờ tôi hoàn thành công việc nhanh như thế. Ngẫm nghĩ tôi chị nói :

- Người xinh đẹp, duyên dáng như em lại giỏi chắc nhiều chàng trai theo đuổi lắm ?

Tôi cười xòa :

- Chị làm to, em vô duyên nhất đời. Gần ba mươi tuổi đầu chưa có mối tình nào cũng đi chơi .

- Xạo hoài, nhỏ ơi .

Chị véo mũi tôi. Ngẫm nghĩ một lúc chị thốt lên, vẻ hối tiếc.

- Phải thẳng Tuấn em chị đừng đi tu chắc là xứng với em lắm .

Tôi muốn bật cười nhưng cố dằn lại bằng một câu hỏi :

- Sao anh đi tu vậy chị ?

Chị Hằng nhìn vào cũi xa xăm :

- Chắc là ý nguyện của nó. Lúc đầu chị phản đối nhưng sau đó chị thấy nó có lý. Chị ở lại cuộc đời này, bon chen, vất vả, đau đớn lắm. Nhưng biết làm sao được. Đã một lần chị suýt chết cháy.

Tôi hiểu chị Hằng đang mở cánh cửa tâm hồn mình . Có phải chẳng đến một lúc sự cô độc khiến chị thêm một sự đồng cảm. Và chị đã trao gửi chìa khóa sự bí mật cuộc đời chị cho tôi. Mắt chị lại rơm rớm :

- Nó đi, mặc choàng vàng, mang bình bát khất thực khắp nơi. Nó đi hết nơi này đến nơi khác, khổ hạnh để nguyện cầu cho một lời nguyện. Chị cũng làm hết cách để hóa giải lời nguyện. Cách của chị là ở lại, kê vai gánh vác. Chồng chất lên đôi vai chị còn có những điều tiếng thị phi : Giựt chồng, lãng loạn, hám của ... Ôi chao, chị biết phải làm gì hơn để chèo chống cho tương lai của sáu đứa nhỏ sớm mất mẹ. Chị trở nên thật cô độc giữa khu vườn này. Nhưng chị quyết không chịu thua. Cảm ơn em đã đến giúp chị. Đến một ngày nào đó khu vườn này sẽ hái ra thật nhiều tiền. Nó sẽ không còn ma quái như những lời đồn đại ác ý nữa .

Cầm dưới cửa chị Hằng bạnh ra. Tôi đọc được sự can đảm trên gương mặt đầy nghị lực của người phụ nữ ấy. Chị trở về với con người đầy thực dụng. Một bà chủ kế toán sổ sách, tính lời lãi từng đồng xu ngoài xưởng gạch phát lương cho công nhân. Trong đầu chị đầy ắp những con số và dự tính. Để làm gì, tất nhiên không chỉ để riêng cho chị. Tuổi thanh xuân của chị đã trôi đi trong sự tính toán triền miên ấy để chống đỡ cho mẹ già, em thơ, sáu đứa cháu còn non nớt. Vậy mà giờ đây trong giọng nói của chị vẫn có gì day dứt không yên khi nhắc đến đứa em trai :

- Mấy đứa cháu chị đã làm tròn bổn phận, chỉ còn Tuấn thôi. Gia tài của cải này là dành cho Tuấn vậy mà nó bỏ đi làm khất

sĩ không biết đỏi rét, trôi dạt phương nào. Mỗi khi tết đến, nhìn hoa mai vàng rực nở là lòng chị như xát muối !

- Năm nay ảnh bao nhiêu tuổi rồi chị ?

- Bốn mươi.

- Sao chị không tìm một cô xinh đẹp giữ chân ảnh lại ?

Tôi cười nghịch ngợm. Chị Hằng lắc đầu, bắt lực :

- Chị đã làm hết cách nhưng những cô gái đẹp chỉ là khúc gỗ đỏi với nó. Chưa bao giờ chị nhìn thấy sự thèm muốn sắc dục long lanh trong mắt nó .

Lòng hiếu thắng trời dậy, tôi nói bạt mạng :

- Chị cá gì đi, em cura ảnh đổ liền !

Chị Hằng cười :

- Em làm được việc đó chị ơn em lắm. Chị tặng em cả khu vườn này !

- Em sợ chị hối .

Chị Hằng quả quyết :

- Em sẽ thất bại.

Tôi tự ái nói :

- Xưa nay em chưa bao giờ thất bại. Em muốn là sẽ được .

Chị Hằng õm ờ :

- Để xem ... Thôi chị phải ra xưởng bây giờ đây .

Chị Hằng đi rồi tôi vớ lấy một quyển sách trên giá đọc. Gió hiu hiu thổi, tôi cảm thấy buồn ngủ, thiếp đi ...

Tôi giật mình thức giấc vì tiếng chân người bước lên bậc cầu thang. Trước mặt tôi là một nhà sư trẻ, cao lớn. Anh ta nhìn tôi bằng đôi mắt vô cảm rồi từ từ đặt tay nải xuống sàn gỗ .

- Xin lỗi, tôi không nghĩ có người ở đây .

Anh ta chấp tay, bình thản nói, mắt nhìn qua khóm trúc vàng óng, dường như những vật dụng dành cho phụ nữ được bày biện rất mất trật tự trong cốc cùng những bản vẽ trên bàn không gọi lên chút tò mò hay nổi giận trong anh ta. Tôi lặng lẽ quan sát anh ta như nhìn một sinh vật từ một thế giới khác, khá lý thú khi khám phá ra vẻ đẹp rất đàn ông và thông tuệ của anh ta. Một thân hình cao lớn với đôi chân săn chắc, một gương mặt đậm nét phủ lên chút lãnh đạm và huyền ảo ... Giá như tóc anh ta mọc trở lại và bộ áo choàng vàng được trút bỏ thì có lẽ anh ta sẽ là người đàn ông đẹp nhất trên đời mà tôi được biết. Hình như đọc được những ý nghĩ tinh nghịch của tôi, một nụ cười kín đáo thoáng lướt qua trên gương mặt anh. Không thể im lặng mãi được, tôi cất lời:

- Anh Tuấn về bao giờ vậy ?

Tuấn không đáp khẽ cau mày :

- Vậy là chị Hằng đã nói chuyện tôi cho chị nghe rồi .

Tôi chỉ bút tích của Tuấn khắc trên vách. “Hãy chết với cái đã biết” châm chọc :

- Chắc là anh biết nhiều lắm nhì.

Anh ta ngó qua mũi tôi, từ tốn :

- Không ai dám nói mình biết tất cả .
- Tôi nghĩ một con người như anh sẽ không chết.

Anh ta lãnh đạm nói :

- Điều đó có gì là quan trọng. Mọi vật từng tích tắc thời gian biến đổi, huống chi con người cũng chỉ là một thực thể bé bỏng .

Tôi cãi lại :

- Đâu có bé bỏng. Đơn giản là con người có thể xây nên những ngôi nhà đồ sộ.

Tuấn nhìn qua những bản vẽ ngổn ngang trên bàn của tôi, hờ hững :

- Chắc gì nó không sụp đổ.

Tôi nín lặng, thầm nghĩ con người này chắc gây ra nhiều nỗi khổ tâm cho chị Hằng lắm. Anh ta đã trở thành một con người dám chết cho cái anh ta tôn sùng và tin tưởng. Tôi đâm bối rối vì sự hiện hữu của mình trong cái cốc dành cho anh ta nhưng biết làm sao được khi chị Hằng vẫn chưa về. À, trong khi chờ đợi tôi sẽ chọc tức con người điên điên này. Chăm chú nhìn vào tay nải đã bạc phéch của Tuấn, tôi hỏi :

- Sao anh lại đi tu ?

Mặt Tuấn khẽ biến sắc. Anh hít sâu vào lồng ngực rồi thở ra, chậm rãi. Một lúc sau anh chỉ về phía ao sen :

- Bùn, nước và những đóa sen. Tôi muốn mình được thanh khiết như những đóa sen kia, vươn mình trên bùn lầy nước đọng đón khí trời và ánh sáng. Vậy có gì hối tiếc khi tôi trút bỏ nghiệp chướng.

Tôi há hốc mồm nhìn anh ta, nghe tung tức ở ngực. Tôi không kèm chế được mình, dùng dằng bước xuống cầu thang :

- Tôi đi dạo trong vườn đây.

Không nghe anh ta nói gì. Mặc xác, tôi chỉ biết mình cần phải đi để tránh xa cái đồng y bát vàng chóc quái dị ấy. Mặc xác anh ta với những đồ đạc phụ nữ treo nhùng nhằng trong cái cốc lạnh lẽo ấy. Mãi mê suy nghĩ, tôi dầm phải đồng bùn non của một ổ tềng heng vừa đùn lên, nhão nhoét. Mùi bùn tanh xộc vào mũi, tôi xuống ao sen rửa chân. Ôi, hoa sen, mùi hương dịu dàng, thanh khiết quá ! Tôi chợt nghe mắt cay sè, chân cố bám chặt vào từng bậc cầu ao cho khỏi ngã. Ra vậy, anh ta đi tu vì sợ hãi một lời nguyện, sợ hãi nghiệp chướng, tìm cho mình một con đường siêu thoát. Áo choàng vàng, bình bát trên tay, khất sĩ ra đi, nhẹ tênh trên những nẻo đường, bao gánh nặng trút trên đôi vai của một người phụ nữ. Chị Hằng phải gánh lấy trách nhiệm một bà mẹ sáu con, nuôi mẹ, nuôi em, chấp nhận lời nguyện, gan lì trước mọi điều tiếng thị phi : Vườn ma, vợ hờ, chết cháy ... Chị Hằng, một bà chủ nghiêm khắc, hám của, tham công tiếc việc ... Mặc, chị phải chống đỡ để tồn tại. Chị đã không sợ lội qua bùn lầy, xông vào cánh rừng hoang dại đầy rần rít, bàn tay nhỏ nhắn túa máu dựng lên một khu vườn xinh xắn, thơ mộng. Ôi, sao tôi thương chị Hằng quá. Có lẽ tôi cũng là phụ nữ nên những suy diễn của tôi cũng rất đàn bà. Và chẳng, một con người nặng tục lụy như tôi không thể hiểu hết được những ý nghĩa cao siêu của đóa sen vượt lên khỏi bùn và nước... Tôi đang nghĩ vẩn vơ thì Bí lù lù xuất hiện. Nó cười châm chọc :

- Cậu Tuấn về rồi đó, chị cura đi.

Tôi đập vào vai nó :

- Đồ qui, giỡn chơi mà mày tưởng thật à, còn khuya.

Bí trẻ môi, tỏ vẻ thất vọng ngây ngây bỏ đi ...

Hay tin Tuấn trở về, chị Hằng mừng quýnh chạy ra cốc. Vô tình tôi chứng kiến cảnh đoàn tụ của hai chị em. Tuấn chấp tay trước ngực xá, vừa như xua đuổi vòng tay chị đang dang tay ra đón. Nước mắt chị Hằng trào ra :

- Em đó hả Tuấn !

Chị định lao tới nhưng sự chùng mực của Tuấn khiến chị Hằng sững lại. Chị phải tựa người vào cột bồ đề cho khỏi ngã, túi thân ôm mặt òa khóc như đứa trẻ. Tôi không nhận ra một ợn nhỏ xúc cảm nào trên gương mặt Tuấn. Anh nói, mắt xa xăm :

- Em sắp đi học trường đào tạo tu sĩ cao cấp. Về thăm chị lần này tôi không biết bao giờ trở lại...

Chị Hằng cắn chặt môi, lau nước mắt :

- Vậy em ở lại chơi với chị vài hôm rồi hẳn đi. Trông em khỏe chị mừng lắm. Thôi, đừng hành xác nữa nghen em ! Để chị dọn cái cốc nhỏ cho em ở, gọi Phụng lên nhà trên nghỉ.

Tuấn lắc đầu :

- Cứ để cô ấy ở đây. Đêm nay em sẽ về nhà lớn ngủ với chị.

Đôi mắt chị Hằng sáng bùng, sung sướng ...

Đêm xuống. Đột nhiên tôi nhận ra góc tây nam của “vườn ma” hiu quạnh quá. Ngày mai tôi cũng sẽ ra đi, cái cốc này chắc buồn lắm. Tôi hình dung mỗi hoàng hôn nhập nhoạng. Bí với gương mặt khờ khạo chui vào cốc sẽ sáng quét dọn như ngày cậu chủ còn ở đó. Tôi chắc không bao giờ trở lại “vườn ma” nữa. Một nỗi buồn chợt lan nhẹ vào tâm tư tôi. Tôi đuổi Bí đi vì tính hay thóc mách của nó sẽ làm hỏng mọi ý nghĩ đang diễn ra trong tôi một cách đau đớn, ngọt ngào. Trước khi đi Bí quay lại thách :

- Đố chị Phượng tối nay cậu Tuấn có ra đây không ?

Tôi nổi xung :

- Sao mày khùng quá.

Đi được một đoạn nó mới sực nhớ :

- Dì Hằng dặn con nói với chị Phượng sáng mai lên nhà lớn ăn cơm tiễn cậu Tuấn đi .

Tôi ngược nhìn sang quãng sáng của ngôi nhà lớn. Đó là thế giới của chị Hằng, bí mật, riêng tư mà tôi không thể hiểu, cũng không cần biết. Tôi thích sự huyền ảo của nó. Phần việc của tôi cho “vườn ma” đã hết. Tôi sẽ trở về thế giới của tôi, mang theo sự huyền hoặc của khu vườn. Dù sao, trong chuyến đi này tôi cũng khám phá thêm một điều gì đó để cảm thông và chia sẻ...

Bữa ăn sáng được dọn ở dãy nhà ngang trông ra vườn bưởi của ngôi nhà lớn. Ông anh rể của chị Hằng khẽ gật đầu chào tôi rồi cúi xuống ăn. Bí ôm một tô cơm to tương ngôi một góc khó ai nhìn thấy. Nó mãi mê chiến đấu với rau, đậu, thịt, cá nên không có chỗ dành cho sự tủi thân. Chắc nó cũng không thích ăn chung với chủ, sợ gò bó, rầy la. Tuấn dù ngồi ăn trên bàn và bữa tiệc tiễn đưa này là vì anh nhưng lối sống khát sĩ đã thấm

sâu vào máu thịt anh . Tay trái anh ôm bát, tay phải cầm muổng trộn cơm và thức ăn thật đều rồi bắt đầu ăn chậm rãi. Anh chăm chú nhìn vào bát cơm, dường như cả vũ trụ tập trung vào đó. Dù rất muốn, chị Hằng cũng không dám gấp thức ăn cho Tuấn. Không khí lặng lẽ quá , tôi đâm hồi vì đã dai dột dự phần, cổ họng tôi đắng chát. Chị Hằng liên tiếp gấp thức ăn cho tôi. Chị cũng không thốt lên được lời nào. Chưa bao giờ tôi dự một buổi tiệc trầm lặng đến thế. Khi tôi buông chén, tiệc trà nhanh chóng được dọn lên. Tôi không ngờ chị Hằng quá đảm đang. Thì ra, việc nấu nướng trong nhà chị tự làm lấy. Bí chỉ làm được những công việc giản đơn như tưới cây, nhổ cỏ. Uống cạn đúng ba chung trà Tuấn đứng lên, chắp tay trước ngực. Chị Hằng buông vôi miếng mứt gừng ăn dở, thần thờ. Giờ ly biệt đã đến. Chị định đưa tay chạm vào đầu em thân yêu nhưng kịp ngăn lại, lặng lẽ bước theo Tuấn. Tôi như bị thôi miên bước theo chị Hằng. Những bước chân khua trên sỏi nghe lạo xạo. Đến hàng mai dẫn ra cánh cổng gỗ tôi và chị Hằng dừng lại bởi cái khoác tay của Tuấn. Không chút vắn vương, không ngoái đầu nhìn lại, anh bước từng bước một, chậm rãi, khoan thai ... Khất sĩ ra đi, mình khoác choàng vàng, bình bát trên tay, chân bước nhẹ tênh trên những nẻo đường siêu thoát. Những cánh mai vàng rực trong nắng sáng, run lên trong làn gió xuân, rơi lá tả. Lối đi trải đầy những cánh mai vàng, vương vắn theo tà áo choàng của khất sĩ. Anh khuất dần trong hàng mai, hiện ra nhỏ nhoi trên chiếc cầu. Gió từ lòng kênh làm tung bay tà áo choàng của Tuấn. Tôi nhìn sang chị Hằng, chợt nhận ra sương khói giăng đầy trong mắt chị ...

Trích thơ:

Xương rồng

*Tôi đang sống những tháng năm này
Trong đau thương lặng thầm tiết mật
Sức ì đời thường dẫm lên tàn bạo*

Trái tim tôi rỉ máu từng ngày

*Không, những tháng năm này tôi sống
Giữ niềm tin trong vẻ đẹp con người
Khi sự thật dám đối bằng số phận
Nén chặt nỗi đau mình không thể khác hơn!*

*“...Có những lúc em rã rời mệt mỏi
Thèm có anh tình yêu lớn vô chùng
Để cảm thông dịu dàng chia sẻ
Anh bên đời em thêm vững lòng tin...”*

*Nhưng tôi đã sống những tháng ngày nghiệt ngã
Khi người yêu phản bội chối từ
Ném đá vào tôi trước kẻ thù ném đá
Quay lưng tìm nơi râm mát để yên vui*

*Tôi vẫn sống cuối cùng tôi vẫn sống
Như hoa trên sa mạc cõi trần
Trong bạc đãi phủ phàng vùi dập
Vẫn cho đời hương sắc của tươi xanh*



HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Nhà văn Trầm Hương: Cô đơn, hối hận nhưng không thể dừng viết*, nhà báo Tường Vi đã viết:

“Trầm Hương là một cái tên đặc biệt trên văn đàn Việt Nam hiện nay, chị là một trong số ít nhà văn lại là nữ chuyên viết về đề tài chiến tranh cách mạng. Các tác phẩm của chị được đánh giá cao bởi sự sống động, bởi những chi tiết, những góc nhìn độc đáo mà khó có cây bút nào khai thác được.”

Tài liệu tham khảo:

- Trầm Hương Web: facebook.com/nhavantramhuong
- Vườn ma Web: nhavantphcm.com.vn

42. Thu Nguyệt



Thu Nguyệt - Nguyễn Thị Thu Nguyệt (1963-20)

Nhà thơ Thu Nguyệt tên thật là Nguyễn Thị Thu Nguyệt, sinh ngày 2 tháng 8 năm 1963, tại Mỹ Ngãi, Cao Lãnh, nay là Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nhà thơ Thu Nguyệt tốt nghiệp sư phạm, nhưng lại chuyển sang công tác tại Hội Văn hóa Nghệ thuật Đồng Tháp.

Cuối năm 1986, Thu Nguyệt đi học Trường Viết văn Nguyễn Du tại Hà Nội.

Năm 1992, cùng chồng là Họa sĩ Nguyễn Việt Hải (mất năm 2003) lên Tp.HCM lập nghiệp.

Năm 2000, nhà thơ Thu Nguyệt là hội viên đầu tiên của Hội Văn Hóa Nghệ Thuật Đồng Tháp được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ năm 2003, chị về công tác tại báo *Tuổi Trẻ*.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà thơ Thu Nguyệt đã được các giải thưởng:

- Giải C (không có giải A) cuộc thi sáng tác văn học năm 1998-2000 của báo *Văn Nghệ* Hội nhà văn Việt Nam, với 2 bài thơ: *Sao đổi ngôi* và *Đà Lạt khô*
- Giải B (không có giải A) Giải thưởng văn học của Hội nhà văn Việt Nam năm 2000 cho tập thơ *Cõi lạ*.
- Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Tp. HCM năm 2000-2002 cho tập thơ *Cõi lạ*
- Giải A, giải thưởng Văn học Nghệ thuật tỉnh Đồng Tháp lần thứ I năm 1945-2005.

Nhà thơ Thu Nguyệt hiện sống và làm việc tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Điều thật* (thơ, 1992)
- *Ngộ* (thơ, 1997)
- *Cõi lạ* (thơ, 2000)
- *Hoa cỏ bên đường* (thơ, 2002.)
- *Theo mùa* (thơ, 2006)
- *Big bang bỏ túi* (truyện ngắn-tản văn, 2007)

Trích văn:

Trên sông

“Tí ...tí ...tí ...tí, tí tí tí tí, tí tí tí tí, tí tí tí tí...”

Chú Đồi bao giờ cũng hát chỉ mỗi giai điệu ấy! Đó là bài hát “Ánh trăng sáng ngời, có cây đa to, có thằng cuội già, ôm một mối mơ...” Chú không hát thành lời mà chỉ đờn miệng. Chưa bao giờ tôi nghe chú hát bài nào khác, cũng chưa bao giờ tôi thấy chú lên con phá phách hoặc làm điều gì quá đáng dù trong làng ai cũng bảo là chú bị khủng. Chú khủng với ai chẳng biết,

chớ với bọn trẻ con thì chú hết sức tốt bụng và cứng chịu, thậm chí chú còn bày trò cùng lũ trẻ chúng tôi chơi vui hết biết!

Chú ở một mình trong cái chòi dơ đến thất kinh! Hình như chẳng bao giờ chú giặt đồ, quét nhà hay rửa chén. Quần áo thì chú chẳng có gì, quanh năm chỉ độc cái quần cụt. Mùa lạnh, lạnh dữ lắm thì mới thấy chú lôi đầu đó ra một cái áo mốc meo, lỗ chỗ dầu giấm cắn, chuột gặm. Nhà có rác rến gì thì chú chỉ có lấy chân mà đá, hất ra ngoài, chén bát ăn xong thì chú le lưỡi liếm bằng sạch, chẳng cần rửa, bữa sau lôi ra ăn tiếp. Vậy mà chú khỏe, khỏe dữ lắm! Quanh năm suốt tháng chẳng bao giờ thấy chú bệnh hoạn gì. Ai sai mướn việc chi chú cũng làm, nhưng muốn làm là làm, muốn nghỉ là nghỉ, bất kể trời đất. Có khi đang làm công cho người ta, nhưng hễ bọn con nít chúng tôi đi ngang, rủ trèo cây hay tát vũng gì là chú bỏ ngang, vọt liền, không thèm đếm xỉa đến việc ai mắng la chưởi rửa hay hù bỏ ngày công. Có lần, bọn tôi bị va lầy nhưng cũng được một trận cười đã đời!. Đó là lần chú đang giúp ông Bảy xóm trên kê lại nhà. Nhà ông Bảy là một cái nhà sàn nhỏ, kê trên mấy gốc tre già cho cao tránh mùa nước lụt. Lâu ngày, gốc tre mục, ông nhờ chú Đồi và mấy anh trai tráng trong xóm ra sức đỡ nhà lên, để thay mấy gốc tre mới. Đang hè hụi hết sức nâng gốc nhà, nhè giữa lúc cao điểm, bọn trẻ chúng tôi lại chạy ù qua chơi trò bắt cướp. Thế là chú quên bằng, chạy té theo chúng tôi. Đã vậy trong lúc vội vàng chạy, chú còn vấp khoèo vào chân anh con trai chú Bảy, làm cả bọn đang ịch bỗng ngã lăn chiêng, thương thay cái nhà nhỏ xinh của ông Bảy, nó sụm bà chề thảm hại! Lần đó bọn trẻ chúng tôi đưa nào cũng bị má đập cho mấy roi vì tội...vô ý gây ra thiệt hại!!!

Hồn nhiên vô tư là thế, nhưng thật ra chú rất hay buồn. Nhất là vào những đêm trăng tròn sáng. Chú đem điều ra đồng thả, rồi ngồi bệt xuống bờ ranh, gát cắm lên đầu gối, im thin thít, bọn trẻ chúng tôi chọc phá thế nào chú cũng chẳng cười. Chú thả điều siêu đẳng! Chỉ cần đi vài bước là con điều bay rất ngoan.

Chú chỉ làm duy nhất một kiểu điều, đó là hình cái mặt trăng khuyết. Điều này thì cả làng ai cũng biết nguyên do, bởi đó cũng là căn nguyên cơn bệnh khùng của chú.

Ngày trước, chú và cô Mơ – vợ chú – sống rất hạnh phúc. Hai người thương nhau lắm, vì chơi thân với nhau từ lúc nhỏ. Đó là mối tình đẹp nhất trong lịch sử làng tôi. Cô Mơ rất thích thả điều. Ở quê tôi, trẻ con chỉ biết làm điều hình vuông và có hai cái đuôi dài phía sau (giống như con đá đuối). Thương cô mơ, chú Đồi làm đủ kiểu điều, nhưng rốt lại, cô thích nhất là cánh điều có hình trăng khuyết. Vào những đêm trăng tròn, mang điều ra thả, cô bảo rằng khi ấy nhìn lên bầu trời có cả hai cái mặt trăng, một tròn một khuyết... coi hay lắm!

Vậy rồi cô chết khi về làm vợ chú Đồi vừa được hai lần trăng tròn, bởi một cái bệnh mà bây giờ nghe ra rất khó giải thích: trúng gió! Làng tôi xa tỉnh lỵ, ngày ấy phương tiện đi lại chủ yếu là bơi xuồng, trình độ dân trí thấp, trẻ con trong làng thì đứa nào đứa nấy như củ ấu củ co, quanh năm chẳng biết gì đến bệnh hoạn, ốm đau lật vật chỉ có cạo gió xông hơi là qua khỏi, nhà nào cung con lắm thì vái hết bệnh cúng đất đai một mâm cơm canh là sang. Chẳng có trạm xá, phòng mạch gì cả. Kỹ sư, bác sĩ là niềm mơ ước của người xứ nào, chớ dân làng tôi chẳng ai mơ đến hai cái nghề ấy. sự giàu sang chỉ căn cứ vào cái bồ lúa trong nhà bao lớn mà thôi. Cô Mơ bệnh, sau khi làm đủ cách cạo gió giác hơi mà vẫn không bớt, chú Đồi bơi xuồng chở cô đi nhà thương, giữa đường thì cô chết. Cô chết im ru nằm ở giữa xuồng, mắt vẫn mở hé nhìn lên vầng trăng tròn đêm mười sáu!!!

Từ ngày cô Mơ mất, chú Đồi đâm ra ngớ ngẩn, suốt ngày lang thang với lũ trẻ con, bày đủ mọi trò nghịch ngợm. Nhưng cứ hề đến đêm trăng tròn là chú lại ra ruộng thả điều một mình. Mùa nước nổi, chú chống xuồng ra đồng, treo con điều lên ngọn cây

sào rồi nằm lắc lư trên sóng nước. Thỉnh thoảng lại hát “tí tí tí tí...” như thế!

Làng xóm mỗi ngày mỗi khác. Cầu bắc, đường thông, xe honda đã chạy đầy trên lộ, phủ bụi lấp mù lên mấy lá đậu, đám cà trồng dọc hai bên. Trẻ con có những món đồ chơi bằng nhựa, điện tử... hấp dẫn hơn mấy cái tu hú, ngựa tàu chuổi, súng cây lùn ... của chú Đôi. Chú cũng có tuổi rồi, không còn chạy nhanh như trước nữa, khó có thể làm thủ lĩnh cho những trận giặc giả. Ba tôi nói đùa: bây giờ bọn trẻ chơi trò đánh trận, chú Đôi chỉ có thể làm Tôn Tản mà thôi! Tuy nhiên, việc thả diều vào những đêm trăng tròn là không bao giờ chú bỏ. Cứ mỗi lần thấy trong xóm có nhiều nhà đi chợ mua tương (ăn chay ngày rằm) là chú Đôi về chòi chăm sóc lại con diều, để tối hôm sau đem ra thả. Đã thành lệ, hình như bầu trời làng tôi không thể nào thiếu con diều của chú Đôi vào những đêm trăng mười sáu.

Vậy rồi có một sự kiện thay đổi cuộc đời chú Đôi: Làng tôi vừa xây xong một ngôi chùa mới. Khánh thành vào lễ Phật đản ngày rằm tháng tư. Lễ hội rất vui, người ta thả đèn sáng cả một khúc sông. Những ngọn đèn trôi trên nước, tự soi bóng mình một hoá thành hai, lấp lánh như sao. Chú Đôi cũng hí hửng chạy theo lũ trẻ hò reo thích chí. Trong khi chạy nhảy, chú bất ngờ vấp xô vào người thầy trụ trì đang đứng bên bờ sông, một nhánh cây gần đó đâm vào làm trầy trán chú. Lũ trẻ sợ lắm lét, người lớn thì mắng chú hậu đậu vô ý, thất lễ. Riêng thầy trụ trì nhẹ nhàng đỡ chú đứng lên, hỏi chú có sao không? rồi dẫn chú vô chùa, tự tay xúc dầu vào vết thương cho chú... Không biết thầy từ tâm vỗ về chú những gì, nhưng lát sau trở ra, chú bỗng đứng trở nên đàng hoàng hẳn. Chú đi theo bên thầy như một đứa bé ngoan. Chú đứng lẳng lặng ngắm những hoa đèn trôi

HUỶNH ÁI TÔNG

trên sông, giống như lúc chú ngồi ngó cánh diều bay trên đồng vậy.

Những ngọn đèn đã tắt, mọi người về hết, chú vẫn ngồi một mình bên bờ sông. Hình như trong mắt chú đang lấp lánh một ngọn đèn mới thấp....

Chú Đôi không còn thả diều như trước nữa. Hằng ngày, chú lên làm công quả trên chùa. Làng tôi vắng cánh diều của chú. Đám thanh niên trai gái trong làng bảo rằng buồn, vì đã rất thích và quen với hình ảnh đẹp đẽ, thơ mộng ấy. Người già bảo rằng mừng, vì trong làng không còn có người bị bệnh điên. Bọn trẻ con không quan tâm, mặc chú Đôi điên hay tỉnh, chúng vẫn còn đủ thứ trò chơi khác.

Trích thơ:

Vô thường

*Cám ơn sự vật vô thường
Để cho ta có khi buồn khi vui
Vô thường tất cả, trờ... tôi
Là chi cũng mãi khi vui khi buồn !*

*Chiều xem Đà Lạt làm sương
Đưa tay vuốt gió mà thương đất trời
Mai đây ta vắng đi rồi
Đất trời cũng vẫn đất trời như nay
Chỉ còn ngọn gió loay hoay
Lạc loài tìm mãi bàn tay thuở nào*

Chùa xa

...A Di Đà Phật...nam mô

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

Tiếng người lẫn với mơ hồ tiếng chuông
Lơ thơ vài giọng chim muông
Rơi qua kẽ lá không buồn không vui.

Áo sư vàng một đóm đời
Hoàng hôn trùm cả đất trời mênh mông
Ta lơ ngơ bước long rong
Lặng tai nghiêng ngó mà không thấy gì !
Mộng du khăn đức từ bi
Xin cho con nhớ đường đi đến chùa
Bụi trần đã gọi nắng mưa
Loanh quanh nẻo Phật sao chùa cứ xa...
Chấp tay khăn niệm Di Đà
Thảnh thơi thử mở mắt ra... lại buồn !
Nghe lòng rung một hồi chuông
Tiếng vang như có lại dường như không.

An lành nẻo Phật mênh mông
Ta như hạt bụi long bong lạc mình.

Với cầu tre

Cầu tre như sợi dây phoi
Ai vắt lên đấy mảnh trời nhẹ băng...
Ba nhịp thôi mà chẳng gần
Nếu ai tay vịn hơn chân qua cầu.

Xa quê nào có bao lâu
Mà sao gầy thế hỡi cầu tre ơi!
Xin chậm chậm lục bình trôi
Lỡ em rớt xuống có nơi làm bè
Phận này nương với phận kia
(Phận hoa vốn khó trở về gốc xưa!)

Dây phoi đầy tiếng ầu ơ

HUỶNH ÁI TÔNG

*Mảnh trời ai vắt gió đưa nhẹ hều
Đôi chân chưa một bước liêu
Giờ cầu tre dạy biết điều ấy đây.*

Lục bát cho người

*Mừng người đã có được người
Dẫu là một chút cuối trời mong manh
Duyên ai, thôi đã không thành
Xin đừng nửa chín nửa xanh... xin đừng
Người đi mặn muối, cay gừng
Chông chênh ta bước một mình đường xa
Giờ người tươi nụ thắm hoa
Chẳng lo vạt áo sứt tà lệch khuy!
Người vui bước mới người đi
để ta về với ta khi cuối chiều.*

Rằm lá

*Trăng thơm nức mùi khói hương lễ Phật
Trái trong lành tinh khiết xuống nhân gian
Ta lơ ngơ trong tín ngưỡng mơ màng
Nghe nhẹ bẫng một Niết Bàn bất chợt*

*Sân chùa rộng gốc bồ đề cũng lớn
Ta nhỏ nhoi trần thế đông người
Lóng ngóng sân chùa nhật chiếu lá rơi
Lúng búng nhảm A Di Đà Phật*

*Ngửa bàn tay thấy điều được mất
Chấp hai tay lạy Phật e dè
Gió luân hồi rải sáng ta nghe
Hương từ chiếc lá bồ đề đang rơi...*

Phơi trăng

Tả tôi đổ bóng sông Như Nguyệt
Trăng xé mình phơi trước màu đêm
Người xuôi vạn lý thuyền lơ lững
Bỏ ngõ mái chèo, trắng nhẹ lênh
Vớt được vàng trắng trên đỉnh núi
Cuội cười ngơ ngẩn ngọn cây đa
Phơi suốt mùa đông trắng chưa nở
Mới rạng ngày lên đã chợt già.

Đợi

Trút lá vàng, cây dẫu mầm trong vỏ
Nhựa căng tràn đợi gió xuân sang.
Em dẫu khát khao sâu trong vồng ngực
Đợi mùa anh nhịp sống dâng tràn.
Anh cứ hẹn để một đời em đợi
Thơ viết cho anh em đốt gửi lên trời
Thương mình quá em không nhìn gương nữa
Trời cuối thu đổ lá bồi bồi.

Nửa chiều

Anh đến như cơn giông ào ạt
Em bối rối quá chùng
Nửa muốn bước đi nửa ngập ngừng quay lại
Phía nào hình như cũng lỡ mất rồi...
Một nhánh cây gãy trong vườn trống đơn côi
Em chênh vênh chiều nào cũng bão
Hoàng hôn nhóm chân trời hư ảo
Vạt nắng đời mình chẳng đủ ấm mình lên
Còn gì cho mình mà dám nói tặng anh
Một quãng ngắn cuối ngày dang dở...
Thôi đành vậy. Em tự làm ngọn lửa
Sưởi ấm thêm cả những tháng ngày xa

43. Khánh Chi



Khánh Chi - Nguyễn Khánh Chi (1965-20)

Nhà thơ Khánh Chi tên thật là Nguyễn Khánh Chi, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1965, nguyên quán xã An Nhơn, huyện Tuy An, Tỉnh Phú Yên. Là con gái nhà thơ Trúc Chi (1935-20).

Sinh trưởng và lớn lên ở miền Bắc.

Năm 1971, mới lên 6 tuổi đã có thơ in báo từ đó. Nhà thơ Khánh Chi còn có bút hiệu là Hoàng Phúc Chỉ.

Năm 1978, đã có tập thơ đầu tay in ra mắt độc giả.

Năm 1985, sang Liên Xô học trường viết văn Gorki.

Năm 1992 đến 2001, là biên tập viên báo *Đại đoàn kết*. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1996.

Năm 2002, là biên tập viên tạp chí *Thời trang trẻ, Doanh nhân Sài Gòn, Văn hoá Thông tin*.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà thơ Khánh Chi đã được giải thưởng thơ:

- Giải thưởng thơ báo *Văn nghệ* năm 1982 và năm 1995

Nhà thơ Khánh Chi hiện đang sống và làm việc tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Gửi gió về cho nội* (thơ, 1978)
- *Mảnh trăng côi cút* (truyện ngắn, 1987)
- *Cô đơn* (truyện ngắn, 1995)
- *Điểm tựa gia đình* (ký, 1999)
- *Những tình yêu và cát* (thơ, 2001)
- *Chút tâm tình* (2002)
- *Đêm hội đom đóm* (2002)

Trích thơ:

Điều duy nhất

*Đã có lúc trong cuộc đời ngắn ngủi
Mẹ tin vào những điều vĩ đại
những điều sẽ ngày một lớn lên, rực rỡ và toả sáng
Có những điều không bị bào mòn
Những điều ngày một vững chãi, một bền chặt
Vĩnh cửu theo thời gian
Có những điều mãi mãi thiêng liêng
những điều cho bao kẻ khôn người dại phụng thờ theo dấu
Mẹ tin vào chân lý
Cái điều hoá ra ngược xuôi đổi thay theo thời cuộc*

*Mẹ tin vào tình yêu
Cái điều hoá ra phải vun trồng suốt bốn mùa mới có
Hoa trái thời vụ*

Mẹ tin vào số phận

Hoá ra ông trời nhiều ngàn năm trước đã già

Và chỉ khi đến cuối cùng khi mẹ chối từ mọi niềm tin

Không còn buồn vui với những bất ngờ hay thất vọng

Mẹ mới đọc thấy trong trái tim mình

điều duy nhất vĩ đại ngày một lớn lên toả sáng

Điều duy nhất không bị bào mòn, lúc nào cũng

rực rỡ thần kỳ

điều duy nhất thiêng liêng ở cả trong bóng đêm và ánh

sáng

Đó là trái tim mẹ yêu con.

Đà Lạt ơi có phải ?

Có phải mưa không, Đà Lạt ơi

Nửa mái tóc mây chưa kịp ướt

Bờ cỏ bãi khuâng giọt giọt buồn

Có phải nắng không, Đà Lạt ơi

Mắt mơ chưa ráo lời sương gửi

Bướm trắng bay qua trắng giật mình

Có phải xuân không, Đà Lạt ơi

Núi xa xa tím, hoa thêm biếc

Má ai lụng đở dốc hoàng hôn

Có phải yêu không, Đà Lạt ơi ?

Phố xanh xao chiều ru chân bở ngỡ

Một dáng quen quen cũng gọi buồn

HUỶNH ÁI TÔNG

*Ta ngần ngại đi tìm tên hoa cỏ
Gom nổi niềm gửi hết những chiều thông
Lòng ta bỗng chốc thành thi sĩ
Có phải ta không, Đà Lạt ơi ?*

Nhà thơ thần đồng Trần Đăng Khoa viết về nhà thơ thần đồng Khánh Chi trong bài nói chuyện giữa Trần Đăng Khoa và Mặc Lâm phóng viên của đài RFA:

“Hay một người nữa là Khánh Chi. Khánh Chi là em bé làm thơ cũng có thể gọi là thần đồng văn học. Khánh Chi làm thơ năm 8 tuổi y như tôi nhưng cách viết thì hoàn toàn khác tôi. Tôi chỉ là cậu bé ngây thơ của vùng nông thôn thế nhưng Khánh Chi lại có cái của một vùng công nghiệp thành phố. Khánh Chi bàn về những vấn đề lớn hơn rất nhiều. Thí dụ như 5 chiến sĩ Tây Ban Nha bị treo cổ, thì đây là vấn đề của thế giới mà em viết như thế này:”

*Sớm nay bình minh đưa tin năm chiến sĩ Tây Ban Nha bị
treo cổ
Cùng dòng tin cơn gió xoáy ngoài biển cả
Vỏ của trái đất mỏng lại phập phồng
Bọn giết người treo cổ năm chủ ban đêm
Chúng muốn treo cổ cả trời sao đang cháy
Bọn giết người treo cổ năm chủ buổi sang
Chúng muốn hong treo cổ cả mặt trời*

Tài liệu tham khảo:

- Khánh Chi Web: trannhuong.com
- Điều duy nhất Web: maxreading.com

44. Nguyễn Bình Phương



Nguyễn Bình Phương - Nguyễn Văn Bình (1956-20)

Nhà văn Nguyễn Bình Phương tên thật là Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1965 tại một làng quê ở Thái Nguyên.

Năm 1985, Nguyễn Bình Phương nhập ngũ rồi đến với thế giới văn chương qua những bài thơ đăng trên báo *Văn Nghệ* và tạp chí *Văn Nghệ Quân đội*, truyện ngắn đầu tay *Chuyện tình nghe lỏm* được in trên báo *Tiền Phong*.

Năm 1989, Nguyễn Bình Phương thi đậu và theo học Trường viết văn Nguyễn Du, khóa IV cũng là khóa chót. Ra trường, được phân công về Đoàn kịch nói Tổng cục Chính trị. Sau đó, chuyển về công tác tại Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

Từ đó Nguyễn Bình Phương chuyển sang làm biên tập viên tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, dần dần Nguyễn Bình Phương thăng tiến lên đảm nhận chức vụ Phó Tổng biên tập tạp chí *Văn Nghệ Quân đội*. Là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 2012.

Nguyễn Bình Phương nhận được giải thưởng văn học:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng thơ của Hội Nhà văn năm 2012 với tập thơ *Buổi câu hò hững*

Nguyễn Bình Phương sống và làm việc tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Khách của trần gian* (trường ca, Văn Học, 1986)
- *Vào cõi* (tiểu thuyết, Thanh niên, 1991)
- *Những đứa trẻ chết già* (tiểu thuyết, Văn học, 1994)
- *Lam chướng* (thơ, 1994)
- *Xa thân* (thơ, 1997)
- *Người đi vắng* (tiểu thuyết, Văn học, 1999)
- *Trí nhớ suy tàn* (tiểu thuyết, Thanh niên, 2000)
- *Từ chết sang trời biếc* (thơ, Hội Nhà Văn, 2001)
- *Thoạt kỳ thủy* (tiểu thuyết, Hội Nhà văn, 2004)
- *Ngồi* (tiểu thuyết, Đà Nẵng, 2006)
- *Buổi câu hò hững* (thơ, Văn Học, 2011)
- *Xe lên xe xuống* (tiểu thuyết, Diễn Đàn Thế Kỷ, 2011)
- *Bả Giời* (Quân Đội Nhân Dân)

Trích văn:

Dành dụm

Hắn bảo tôi là thằng mặt chuột. Hề gì, mấy chục năm quặng quật ở chiến trường, bố tôi chỉ mang về một câu nói đáng giá: Phải biết dành dụm. Tôi tò mò hỏi lại: Còn những vết sẹo? Bố khoát tay khinh bạc: Vặt. Mẹ tôi thở dài, bà dành dụm từng đồng lẻ ngay từ khi còn để tóc đuôi gà nhưng gia sản chẳng khá lên là mấy. Tôi hay mơ thấy bầu trời màu vàng chanh lơ lơ chuyển vận theo chiều ngang. Mỗi lần như thế, tôi thèm được sắt chúng ra thành từng mảnh nhỏ để thả vào túi. ở trường, cô giáo giảng cho chúng tôi đường bay của lũ chuồn kim nhưng không giải thích ý nghĩa. Tôi cho đó là bài học sâu sắc nhất.

Sẩm tối hấn lại rú tôi ra thị trấn, hai thằng im lặng đập xe song song cạnh nhau mồm hấn mím lại, đầu vênh sang trái, đăm chiêu toan tính. Thi thoảng hấn quay sang tôi móc một câu: Mày sa đì à? Tôi gật đầu theo thói quen. Tôi không sánh được với hấn, chân hấn dài, to, cân xứng với cái thân hình thang úp ngược, cằm đầy râu, mũi to, mắt xéch, lông mày sải rộng như đôi cánh con đại bàng đen. Nói chung hấn đẹp trai và rất rất đàn ông. Tôi nhỏ, cao, mắt đục, răng bàn cước. Xưa tóc tôi xoăn tít, càng lớn càng thẳng, để dài mãi cũng thế. Đạo bé tôi phát điên lên vì sung sướng khi nghe nói tóc xoăn thì khổ. Tôi sinh ra để làm chân gỗ cho hấn, có bao nhiêu bạn gái hấn tìm cách sở hữu bằng hết còn tôi phải ngồi quán trông xe và trả tiền bao thuốc hấn lấy hút. Tôi hé mắt thấy hấn ấn dúi người yêu vào gốc xà cừ, tay trượt đi trượt lại ở ngực con bé, sau hấn cuống cuống vục mặt xuống. Trong bóng tối lờ mờ thân hình hấn uốn cong dâm dăng. Lão chủ quán chột mắt ngáp dài, thè lưỡi liếm môi dưới theo hình vòng cung. Lão không nhìn tôi, lảm bảm: Tám tháng con không bốn chưa về. Tôi dụi thuốc vào mép ghé bắt chuyện: Đạo này ngựa trắng hiếm. Lão bữu môi. Một chiếc xe máy vụt qua, ánh sáng loé lên rồi vụt tắt. Lão chủ quán chằm đóm vào lỗ điếu, con mắt đục nhất hấp háy: Thời buổi cơ chế, nhìn trời cũng thấy đĩ. Trên đường về tôi hỏi hấn tạo sao phải cong người khổ sở đến thế. Hấn đang vui vẻ bỗng quắc mắt: Đồ thọc mạch, thằng chó dái. Tôi gật đầu. Vào Vách Đá lấy củi, hai thằng chung nhau, hấn chặt gốc, tôi trèo lên phạt cành. Cây đổ, mặt tôi bị gai cào tướt táp. Khi vác về, hấn phía ngọn, tôi đằng gốc, lúc chia thì ngược lại. Hề gì, nếu anh biết dành dùm từng chiếc lá mai sẽ được một cây cỏ thụ xum xuê. Hình như lá đang hát trong tôi, bài hát xanh rợn trườn theo các vân gỗ.

Đêm qua bão, gió quặn thùng bồm tất cả mọi thứ ném vạt vạ khắp nơi. Lão chủ quán bị cây đè chết. Tôi đồ rằng thiên hạ mất đi một nhà tiên tri đại tài. Sáng, mọi thứ quang quẻ, bình

thần. Trưa nay giỗ ông ngoại tôi, mẹ ngâm gạo nếp từ sớm. Tôi ngồi cọ mấy chiếc nôi. Hấn sang chậm rãi, nhẹ nhàng xà xuống bên cạnh nói nhỏ: Chấm thế? Tôi nhếch môi: Không gọi là đồ mặt chuột nữa à? Hấn lắc đầu, vừa xắn tay áo làm cùng tôi vừa rủ rỉ kể sắp tới sẽ xin vào xí nghiệp vải. Giọng hấn đều đều tẻ nhạt: Hoá ra bố tao còn sống, không phải liệt sĩ. Tôi nghiêng rặng cọ mạnh chiếc xơ mớp, đít nôi quá bẩn, tro trộn với mỡ thành một thứ keo nhầy nhựa, đặc sệt. Hấn bảo cần làm giàu để đón bố về. Thực ra nhà hấn chỉ có cây hồng xiêm là giá trị nhất, cây ấy bố hấn trồng trước khi vào Nam. Mẹ hấn hơi đàn độn lại điếc nặng, quanh năm chỉ thốt có độc một câu: Cóc cóc. Ngày có giấy báo tử, hai mẹ con hấn nhìn nhau đờ đẫn, nước mắt ràn rụa, bố tôi phải sang an ủi mãi. Khi chiếc nôi cuối cùng đã sạch bóng, hấn xoa hai tay vào nhau, hẹn tôi tối ra thị trấn sẽ chiêu đãi. Hấn nói rằng rất ân hận vì đối xử với tôi không tốt. Mắt hấn long lanh háo hức: Bọn mình sẽ là bạn tốt với nhau. Thế à? Tôi dừng dừng hỏi lại, cầm chiếc nôi gang hay dùng ninh xương, quật giữa mặt hấn. Cả hai đều bẹp rúm. Hấn thở hắt: Mũi tao.. Chân tay hấn co lại rồi duỗi dài, lỏng lẻo, tuyệt vọng...

Mười sáu năm, qua chấn song rỉ sét, tôi sở hữu một bầu trời vàng chanh đẹp mê hồn bị cắt thành từng ô nhỏ đều đặn.

Trích thơ:

Tiếng lạ

*Đừng ném khăn xuống nước
Nước buồn*

*Thiếu phụ nhìn hàng cây rờn xám
Nhớ một con chuồn chuồn
Nhớ khuôn mặt đã tắt*

Con chuồn chuồn công vĩa bay qua đêm màu lam

Lắng nghe
Trong lòng đất mê man lá mục
Những tiếng thở nồm nề dần chết
Những vực thăm lặng lẽ
Mạch rễ vươn chậm chậm

Đừng gieo mình xuống nước
Nước buồn
Đáy sỏi hoàng hôn trong leo lẻo
Không mọc cây ngái vàng

Thiếu phụ quay đi xanh mơ màng
Bỏ lại hồ thăm xanh
Tiếng xanh

Giữa vòm cây mạn trắng
Con sót dậy sắc hồng run rẩy.

Khách của trần gian

Dưới vòm tháp uy nghiêm
Đàn người xếp hàng dằng dặc đợi

Kia, giờ đã tới

Nó đi trên những tiếng chuông
Áo đỏ phát ngang trời
Hoa bằng lăng cũng đỏ
Đỏ ngọn phi lao chiều
Tháp rùa đỏ
Phố đỏ

Chủ bé loay hoay con tỉnh con mê
Khẩu súng nhựa đen nòng
Cách gì làm trắng nó

HUỶNH ÁI TÔNG

Quanh quanh

*Tôi nhớ những mùa nở rộ
Đọc bên kia bờ thời gian
Ngàn cánh vàng hoa điên điển
Nhớ người cừu binh bị kỷ ức mài mòn
Ngồi lẫn vào trong nước
Ngó đăm đăm một cánh cửa vô hình
Tôi nhớ tiếng bán lẻ kèn kẹt
Mở từ xa tới gần
Và nhớ
Trong mũi tiêm quần quýt một đám mây
Hứa hẹn những nổi trôi ngoạo mục
Nhớ thêm đoạn đường đã mất
phía xa một chấm đồ mờ
những ngày không còn chi để nhớ
bóng với hình riu riu vào nhau
Tôi nhớ khói không màu
sau cuộc chiến chúng ta nhìn ra biển
dải xanh sóng trắng gợn miên mien
Cuối cùng tôi lại quay về nhớ
Những mùa đang nở rộ bên kia.*

Kẻ ngoài cuộc

*Anh vút bỏ đồng hồ
Và thành người ngoài cuộc*

*Họ hân hoan chờ anh ở nơi mây sẽ dừng
Cái lẵng quên tuyệt đẹp
Nơi ánh chớp soi đường cho chớp sáng yếu hơn
Còn ánh chớp đời ta thì không ai soi tỏ*

*Những cơn hoang tưởng mờ
Lấy bẫy chết đọc theo kim phút*

*Những tích tắc có rườn thêm một nhịp
Ròi ngã vào hư không*

*Họ hân hoan chờ anh đổ xuống
Triệu đôi cánh bay lên
Mỗi con bướm một bầu trời đồng đánh
Cuốn tràn lan trên nóc những thánh đường
Những im lặng nhẫn nại về quỳ hai bên hàng phố
Cùng chớp trắng mùa thu
Đã soi tỏ những lời kết thúc*

*Dưới góc sáu già có một người bỏ cuộc
Anh đứng ngoài anh buông thông tay*

*Nhưng ở nơi trống không ròn rợn ấy
Nơi chết lặng
Vẫn tích tắc tích tắc tích tắc*

Miêu tả những ngày mưa

*Ròi thì ai cũng biết
Nước đã kết thúc cuộc chơi*

*Những mộng mơ quàng quã trong nhà
Thi thoảng ngó ra chiều tạt nhạt
Mưa vẫn sa trùng trùng
Ướt tuổi tên vua chúa
Ướt xuyên qua những mảnh lời bập bùng
Hư không và mái tôn cùng ướt*

*Tít bên kia hàng cây sốt ruột
Trút xanh xao xuống mọi linh hồn
Gần gũi hơn
Cái vết dột trên nóc nhà anh
Đánh nhịp một thời đại vời xa nào đó*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cây cột xám, con mắt tròn khé đỏ
ủ dột dầm chân đứng trong mưa
một người ủ dột nữa cúi đầu
nhìn lênh loang cõi lòng tạo hóa*

*Con phố dài thoát gần chợt xa
Tiếng ì oạp không gợi hình của nước
Những bông rơi ê a đâu chỉ để ê a
Đời như mưa bao sa sảy mặt nhòa*

*Phong cảnh đăng áy, lòng dạ ở trong này
Mờ dần theo kết thúc bài thơ*

Miêu tả những ngày nắng

*Một bầu trời phẳng lì
Không mây không gì cả
Tường chói tiếng nói chói
Chói tím biển chỉ đường ra ga
Gương chiếu hậu quắc lên quái gỡ*

*Hè phố vắng thành khoảng trống của thơ
Gạch ngói rền vang bao cổ máy
Những đứa trẻ rã rời nhìn bóng mình chạy nháy
Lửa từng cuộn găm gào trong lòng đất
Héo rữ một cụ già
Ông bạn tổ hưu vừa đi mất
Một chàng trai cũng héo rữ vì ngán*

*Chỉ còn lại cái ngày tràn nắng
Với làn da từng phút gầy gầy
Với từng giờ không gió*

Ở góc chùa Trấn Vũ
tôi bắt gặp một chum nước nhỏ
vây lấy bầu trời tròn.

Nở

Và hình dung một ngày người nở
Êm đềm theo mỗi bước chân
Cánh muốt trắng không hề nhuốm bẩn

Người, bông hoa nhỏ xiu như tiếng nói thầm
Làm chao đảo những vàng cổ thụ
Không phải gió loang tin mà giấc mơ nhẩn nhủ
Về đây áp ngực vào nhau

Từng cánh nở trên khuôn mặt âu sầu
Nở thông thả một người nên một cõi
Từ vương đêm sang tròn trịa ban mai
Biêng biếc nở trên đầu nghìn sợi vắng
Những lặng cảm nở ngọp những rền vang
Nở tung tóa những gì chưa kịp

Người ở chốn nào bao nào nức
Chờ reo
Trong thân cây trong gió trong rờn rợn âm giai đàn qua

- Ta đang nở nhưng sẽ chẳng thành hoa
Nếu các người không bình tâm ước nguyện

Tượng đá cầm gương

Tròng mắt lạnh
Lạnh khuôn mặt đá
Bao quyền uy đã rút xuống bùn
Những cơ bắp căng lên mãi mãi

HUỶNH ÁI TÔNG

*Mãi mãi không chùng
Người đá kiên gan thành xa lạ*

*Đứng một mình giữa tịch mịch bao la
Thời gian đổ kênh trên đầu gối
Qua kẽ tay thế sự nhòn nhọt rơi
Những câu ca lạnh những ngọn triều thân
Mất
Chỉ còn lại gương và lau lách*

*Mắt ngó xa xanh
Xa xanh hóa thạch
Biết thương yêu sống dậy ở phương nào
Phương nào nữa chôn vùi giông bão*

*Này nghe
Trong thanh gương đá sẵn có nụ cười
Trong những nụ cười vô vàn gương sắc.*

Trên trang Facebook: Hội những người yêu thích thơ văn Nguyễn Bình Phương, trong phần giới thiệu, họ đã viết:

“Là nhà văn quân đội, Nguyễn Bình Phương vẫn không ngừng sáng tác, anh còn làm thơ. Dĩ nhiên, nhà xuất bản thơ của anh cũng cảnh báo trong lời nói đầu với độc giả: thơ của Nguyễn Bình Phương không phải dễ đọc. Nhưng người yêu thơ có thể tìm thấy trong đó, những vần thơ thoáng buồn, không như thế giới ròn rợn trong tiểu thuyết của anh.”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Bình Phương Web: vi-vn.facebook.com
- Dành dụm Web: vnthuquan.net

45. Phan Thị Vàng Anh



Phan Thị Vàng Anh (1968-20)

Phan Thị Vàng Anh sinh ngày 18 tháng 8 năm 1968 tại Hà Nội, là con gái của nhà thơ Chế Lan Viên và nhà văn Vũ Thị Thường.

Năm 1975, Phan Thị Vàng Anh có bài thơ *Mèo con đi học*:

*Hôm nay trời nắng chang chang
Mèo con đi học chẳng mang thứ gì
Chỉ mang một cái bút chì
Và mang một mẩu bánh mì con con*

Năm 1985, bài thơ này có lúc đã được đưa vào sách giáo khoa *Tập đọc lớp 1* ở bậc tiểu học.

Năm 1993, tốt nghiệp Đại học Y khoa Tp. HCM. Sau khi tốt nghiệp Phan Thị Vàng Anh làm việc tại Trung tâm huyết học, Bệnh viện Nguyễn Trãi, khoa Tim mạch.

Sau đó về Nhà xuất bản Trẻ, rồi ra Hà Nội sống một thời gian, rồi trở lại Tp. HCM. làm việc cho Công ty Phương Nam.

HUỶNH ÁI TÔNG

Là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1996, còn có bút danh là Thảo Hảo.

Năm 2005, được bầu làm ủy viên ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ 7 (2005-2010)

Phan Thị Vàng Anh đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1993 cho tập truyện *Khi người ta trẻ*.
- Giải nhất Truyện rất ngắn của tạp chí *Thế giới Mới* 1995 cho tác phẩm *Hoa muôn*.
- Giải thưởng của Hội Nhà văn Hà Nội 2007 cho tập thơ *Gửi VB*.

Từ năm 2010, Phan Thị Vàng Anh làm việc tại nhà ở Tp. HCM

Tác phẩm:

- *Khi người ta trẻ* (tập truyện, 1993 - đã dịch và xuất bản tại Pháp với tên *Quand on est jeune*)
- *Ở nhà* (truyện vừa, 1994)
- *Hội chợ* (tập truyện, 1995)
- *Nhân trường hợp chị thổ bông* (tản văn, bút danh Thảo Hảo)
- *Gửi VB* (tập thơ, 2006)
- *Trong phường Thành Công, có làng Thành Công* (phim tài liệu)

Trích văn:

Khi người ta trẻ

Giỗ cô tôi vào khoảng tháng sáu âm lịch. Tôi không nhớ rõ ngày, chỉ biết trong cái tháng âm ấy, vào gần những ngày tang tóc ấy, bà tôi như một người khác, lơ đờ, uất ức, lẫn lộn...

Cô tự tử bằng thuốc ngủ. Không ai cứu được vì cô là sinh viên y và lại đọc tiểu thuyết, nên cô dùng thuốc với liều chết thật chắc chắn, ở một nơi không ai có thể can thiệp được. Còn lại mình, bà sống trong căn nhà rộng, hàng ngày đốt nhang cho hai bàn thờ của ông và của cô.

Ba tôi bảo với mẹ: “Đề con Hoàn về với bà”. Mẹ tôi không vui nhưng biết sao! Công việc hàng ngày của tôi là đi học, đi chợ, làm vài việc vặt. Bà tôi nấu ăn, nuôi gà, tưới phong lan và gắng sức giữ sao cho cả một ngày dài lúc nào hương cũng lập loè trên bàn thờ.

2. Cô là một người đầy mâu thuẫn, nông nghênh mà lại sợ dư luận: ăn nói ác độc, kiêu căng mà lại rất tự ti, chơi rất nhiều mà học cũng rất nhiều. Cô nhiều bạn nhưng chỉ thích tiếp bạn ở ngoài quán cà phê, là một người không bao giờ làm được việc gì đến nơi đến chốn, trong ngăn kéo còn lại vô số những bản tự cam kết: Sẽ không... Nếu không... Trong tủ đầy những mảnh vải thêu cắt dở dang, những cuốn tiểu thuyết gấp góc ở những trang gần cuối. Thích đẩy rồi chán đẩy, cô làm khối kẻ điên tiết...

3. Rồi cô cũng dừng chân lại. Người cô yêu (hơn là người yêu cô) cả tính lẫn dáng vẻ đều còn rất trẻ con. Tôi gọi Vỹ bằng thằng vì nó bằng tuổi tôi, nghĩa là thua cô hai tuổi. Sau lưng, cô cũng gọi bằng thằng - thằng Vĩ. Hẹn, nói không đến, cô chửi: “Đồ khốn nạn!”. Nó đến, cô lại ngón nghén đi chơi, không hề dám giận. Mười một giờ đêm cô về, có bữa vui vẻ kể đủ chuyện, có bữa lặng lẽ lên giường ngủ thẳng. Bố tôi bảo: “Coi chừng!” Bà tôi chỉ cười: “Nó thì nó làm ngược lại. Thôi kệ!”.

4. Kệ! Cô tôi vẫn đi đi về về cùng Vỹ dù rằng anh “công tử Bạc Liêu” này đã có một kẻ già nhân ngã non vợ chồng dưới Long Xuyên. Hàng tháng, từ Sài Gòn, anh chàng phóng như bay trên cái xe đẹp nhất trường về tỉnh, mặc kệ điếm danh thực tập, mặc kệ những buổi học giảng đường, mặc kệ cô tôi ở lại trơ tráo váo váo. Dăm bữa sau anh chàng lên với tiền đầy túi không rõ từ đâu, với những bộ quần áo thật mô-đen. Cô hỏi: “về làm gì?” “Hết tiền?”. “Có gặp Ngân không? Vui không?”. “Không, chán rồi! Nó cà trớn lắm!”. Cô tôi tự lừa mình mà vui được ít ngày, để rồi sau đó tự an ủi: “Nó nói thật là còn yêu!”. Khi Vỹ nhìn không được, liền kể cho cô về một căn nhà ở dưới đó, trong một đường hẻm có bán cơm tấm thật ngon, Ngân và Vỹ nằm dài tán dóc. “Mệt lắm, chẳng muốn tí nào!”. Cái câu than thở này thật chẳng thích hợp tí nào với khuôn mặt rạng rỡ của Vỹ.

Mẹ tôi hỏi: “Sao em lại có thể chịu đựng được cảnh một gà hai mè thế hả Xuyên? Cô ngồi bặm thịch như chém vào mặt thớt, cười nhạt: “nó có phải là chồng em đâu, chơi cho vui vậy thôi. Đi với ai cũng được, ngủ với ai cũng được, em không quan tâm!”. Mẹ tôi lí nhí: “Đừng có đùa, em! Rồi khó dứt ra lắm!”.

Khó dứt thật, cô tôi ngày ấy thật khó trở lại với những quán cà phê khiêm tốn, với những buổi đi chơi “chay” ít xu. Thế giới sách vở của cô Thu bé tí, cô làm những bài thơ tình quanh quẩn chẳng ai thèm đăng, cô viết những trang nhật ký u uẩn chỉ ba nhân vật: Cô, Vỹ, Ngân. Cô không dám đề nghị một sự lựa chọn thẳng thừng ở Vỹ, sợ rồi Vỹ sẽ thẳng thừng chọn Ngân khi bị dồn vào chân tường.

5. Hồi ấy, tôi hay sang chơi với bà, phụ bà hái xoài, vú sữa, thông ống máng hay xách nước khi cúp điện... là những công việc không bao giờ cô làm. Cô ngồi ở cái bàn gần cửa sổ có cây hồng xiêm thò cành lá vào, vui thì ra chơi với hai bà cháu, buồn thì mở nhạc, ngồi viết nhật ký, thư từ, ai đụng đến cũng

đến cũng quạu quọ. Bà bảo tính cô thất thường như ông. Có điều ông không mê chơi, phù phiếm như cô. Bà bảo cô dễ tủi thân, buồn bã nhưng uất quá đến nỗi không khóc được, mặt chỉ lì ra, u ám. Tôi đã từng chứng kiến và hoảng hồn trước bộ mặt khi cô đợi Vỹ trễ hẹn. Nó dữ tợn và tang tóc. Tôi kể lại, mẹ tôi bảo “Mày chỉ khéo tưởng tượng!”.

6. Bạn bè xa cô dần. Những anh học trò nghèo hiền lành. Những anh văn nghệ sĩ nửa mùa đang say sưa với cái nghèo tài tử chọt giật mình khi thấy cô đánh đôi tất cả để đến với Vỹ. Họ phân tích bằng cách này cách khác, xa hay gần, cho cô thấy rằng Vỹ chỉ là “thằng Vỹ” mà thôi. Một thằng Vỹ ít nói vì không biết gì để nói, một thằng nhà giàu ích kỷ, chơi bời và tàn bạo. Mặc kệ, cô gọi những cái ấy là đàn ông, là amateur. Cứ như vậy, giảng đường trở nên xa lạ đối với cô và Vỹ. Cúp học liền miên. Thi lại cũng liền miên. Trong ngăn tủ lại thêm rất nhiều mẫu giấy kể từ mai phải học, phải... nếu không...

7. ... Rồi những tháng hè đến. Cậu Vỹ thì biến đâu mất. Cô tôi càng làm lì, bỏ cả phê, ca nhạc... Hàng ngày cô vẫn ngồi bên cái bàn cạnh cây hồng xiêm, học bài và viết những trang giấy nhỏ bé như bàn tay. Bà hỏi: “Con chưa nghỉ hè à?” “Thì lại!”. Đây là chuyện cơm bữa, bà tôi cũng chẳng nói gì, lại nhờ tôi làm giúp các việc vặt để cho cô nấu sủi sôi kinh.

Sinh nhật cô, không mưa sụt sùi, không nắng chói chang nhưng cũng chẳng ma nào đến ngoài hai bạn gái cùng lớp khệ nệ mang đến một bó hoa với vài cục xà bông. Cô tôi cắm hoa vào cái ly cũ không cần sửa sang, rồi đặt vào một góc bàn. Ngày ấy, tôi mang quà của bố mẹ tôi sang và nấu cho cô tôi nồi chè. Cô nằm trong màn không thức, không ngủ. Tôi hỏi: “Cô đi uống cà phê với cháu không?” Cô bật dậy ngay: “Đi, ở nhà mệt quá!”. Tôi dẫn cô ra quán cà phê Phi Vân là nơi tôi hay uống. Cô ngơ náo nhìn đường mới, nhìn xe qua lại, không nói năng gì. Rồi cô hỏi: “Hoàn, cháu có bỏ chưa?”. “Bạn thôi cô!”. Tôi

hạnh phúc và ngượng ngùng khi cô hỏi đến “người” của tôi. Cô hỏi: “Làm gì? Có tốt không?” “Học cùng với cháu. Hiền lắm, nông dân lắm, tốt lắm!”. Cô cau mày: “Nông dân lắm là sao?” “Là thật lắm, cháu đùa sau cũng tin thật!”. Cô cười một cái xanh xao, đôi mắt u ám chợt trở nên buồn và trong veo kỳ lạ. Tôi “lịch sự” hỏi lại: “Tôi chú Vỹ mới đến hả cô?” Cô sa sầm: “Không, chẳng ai đến cả. Cô bây giờ ít bạn lắm rồi!”. Ít bạn lắm rồi, có thể, vào cái ngày này tôi mới được ngồi với cô ở đây chứ!

8. Bà tôi nhớ lại, trước khi chết vài ngày, cô tôi vui vẻ lại, đi uống cà phê, mua quà bánh, chở bà đi chơi lung tung: “Con thi xong hết rồi!”. Rồi như các tiểu thuyết vẫn có mà chẳng ai ngờ, cô xin đi Long Hải hai ngày. Để ít ngày sau, bà tôi nhận xác cô từ một khách sạn ở Vũng Tàu. Không một cái thư tạ lỗi như người ta hay làm, không trách móc ai, bên cạnh cũng không có ảnh của ai, chữ của ai. Chỉ có cô và vỉ thuốc trống rỗng.

Bà tôi mặc cho cô cái áo màu rêu cô hay mặc, cái quần thùng thình cô hay diện đi chơi, chải cho cô cái đầu bụi đời. Cô út đã cho bà một đòn nặng. Cô đi không để lại lý do làm cho mọi người đâm áy náy, mọi người đều kiểm tra xem đã có chuyện gì để cho cô tôi - cái người hay hờn dỗi ấy - tủi thân không?

Đám tang cô không có “chú Vỹ”. Nghe đâu “chú” đi Quy Nhơn chưa về. Ở ngoài ấy, tôi chỉ mong sao sóng cuông phẳng nó đi!

9. ...Hai năm rồi, chẳng còn ai nhớ về cô rõ ràng nữa, ngoài bà. Nếu biết điều này hẳn cô đã chẳng tự tử làm gì cho mất công! Bố tôi kết luận: “Con điên! Điên như nó không chết trước cũng chết sau!”. Mẹ tôi bảo: “Chắc có gì với thằng Vỹ rồi!”. Có hay không, chẳng ai biết được. Nhật ký cô để lại không ghi cái gì cụ thể, chỉ thấy u ám. Mưa hay nắng cũng u ám, đi chơi cũng u ám, đi học cũng u ám. Cái gì cũng có vẻ

như không lối thoát. Đến nỗi đọc xong, tôi có cảm giác: “Chết đi là vừa!”. Với cái đầu tò mò và ăm ớ, tôi thử làm một bản tổng kết và quy ra rằng cô tôi đã đòi tất cả để rồi Vỹ ta cao chạy xa bay; rằng cô đã không chịu nổi cảm giác ở lại thêm một năm học để bị bạn cười thương hại. Mẹ tôi bảo: “Vớ vẩn, có đáng gì đâu”. Có đáng gì đâu?

Đáng lắm chứ. Tôi bám vào cánh cửa, ngoài vườn mưa như dông. Nếu mẹ tôi hiểu, ở cái tuổi này người ta điên đến mức nào và cần có bạn bè để an ủi biết bao nhiêu, người ta lại thích trả thù nữa chứ! Khi chết, hẳn cô đã tưởng tượng ra mọi người khóc lóc, Vỹ hoảng sợ, hỏi hận, ôm lấy quan tài như muốn xuống mồ theo... Than ôi, ngày đám tang cô, Vỹ ta tắm biển. Vui lắm và nắng lắm.

Hết

Trích thơ:

Em chỉ ước

*Em không thể thiếu anh
Như cỏ cây thiếu nắng
Buổi học nào anh vắng
Em chỉ muốn về nhà
Bởi năm tiết trôi qua
Em như người mất ngủ
Vỡ em anh gửi chữ
Tay em, anh gửi vòng*

*Chẳng tặng em hoa hồng
Chỉ vài chùm hoa dại,
Khi bạn bè thách hái
Nửa thật, đùa trao em*

Chẳng bao giờ anh khen
Áo em hôm nay đẹp
Nhưng anh không than mệt
Suốt một ngày chờ em

Đến rạp hát, công viên
Sau mỗi chiều tan học
Khi xa trường em khóc
Nghĩ không còn gặp nhau

Giờ học có còn đâu
Mọi chuyện thành dĩ vãng
Sợ rằng anh quên lãng
Cả chuyện tình học sinh

Em chỉ ước hai mình
Suốt một đời đi học.

Về nhà

Mở cửa ra
là thấy giường
là thấy bàn,
là thấy máy.

Thấy lá xanh vươn qua song
Đồng hồ trên tường
giật cục chạy
Góc tường nhện vẫn giăng
Và một nghiêng chân bàn

Không hỏng gì
Không mất gì...

Chỉ chó con

*lớn phồng phao,
lạnh nhạt
(6.2001)*

Để được đi xa thì...

*Dậy sớm
từ lúc bốn giờ sáng
Làm gà trống trên cây giạt mình vội gáy
Sương đầu ngọn lá hốt hoảng
rơi*

*Vào cái giờ bông hoa đơn giản nhất cũng còn hương
Đất cũng còn hương
Chưa hề nghĩ đến sâu khi vệt ngang cành lá
Lòng rất thờ ơ với quả
Lờ mờ treo như không phải để ăn.*

*Dậy sớm
Từ lúc bốn giờ sáng
Nhạc mở thế nào cũng là to
Mới biết lũ chó không hề ngủ
Hớn hờ đi theo chủ
thành đàn
Và hai con mèo
vắng mặt
không lý do.*

(7. 2001)

Hành trình của cây

*Nửa đêm
Cái mầm cây chồi lên từ đất*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Lắm lét nhìn quanh rồi nở bung hai lá mầm rất mịn
Trong lành.*

*Sương, nắng, mưa, gió và tất cả những gì rơi xuống, những
gì bao quanh nấn cho thân cây thẳng
Mỗi năm choàng thêm một vòng vân
Cái hành trình khó nhọc được thiên nhiên đánh dấu công
bằng
Ghi nhận mơ ước của đời cây là tán.*

*Mơ ước của đời cây có là gỗ quan tài nổ bùng trong lửa?
Hay trăm năm ảm áp gói hòm da thịt giữa đất đen?
Khi vươn lên chẳng cây nào nghĩ mình rồi thành giường tử
Không một thân cây nào uốn mình cho giống hình khung
cửa
Kéo rèm.*

*Mỗi bài thơ tôi tôi giết một ước mơ cây giết đến tận cùng
Thành bột giấy.*

(4. 2006)

Tập làm thơ

*Rướn lên nào, cầu kỳ vào nào, con lừa già chỉ biết gặm cỏ
thực tế
Rồi phun ra cũng chỉ những dòng thực tế
Mắt chỉ thấy cây là cây, hoa là hoa,
Cái đầu đang đập tung ra để moi thử nằm đâu cái hạt tí
hơn tương tượng
Mỗi sáng làm vài dòng, thử khác với mình, vung tay cao
hơn đầu, bắt cần trán
Vẫn không qua khỏi cái bề mặt làm lý của cuộc sống
Một với một là hai.
Tôi bắt tài, tôi bắt tài, tôi bắt tài*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI V

Tập làm thơ như tập múa, những ngón tay thô kiêu gì cũng
không thành hình sen nở
Tôi phục kẻ thù tôi, nghĩ ra những câu co quắp, rợn người,
thoát ra ngoài biên giới nào
Cũng có lúc tôi lủi vào trong cái chần lục bát đống rom bà
ngoại
Những sáu những tám cùng nhau dặt dìu ru ngủ tôi có tài
Tôi có tài, tôi có tài, tôi có tài
Chẳng bao giờ đến mức “tai một vắn”

Đã cố câu kỳ hết những dòng trên, giờ thì buồn ngủ
Nhai cái kẹo lạc dính hai hàm răng chẳng muốn mở miệng
ngáp một lần.

(2004)

Sơ đồ nhà mẹ

Cửa chính
Không phải lúc nào cũng mở
Không phải lúc nào cũng mở bốn cánh
Thỉnh thoảng mới mở đến cánh thứ ba
Thường thì một cánh
Đủ lách mình vào ra

Cửa cây chanh
Bên phải là chuồng gà
(đã lâu gà không ở
đậu tất cả dòng họ
trên cành

để
rơi
quả
rụng cùng chanh)
Cũng không phải lúc nào cũng bung hai cánh

HUỶNH ÁI TÔNG

mỗi ngày hai bận xe vào ra.

*Cửa bếp
Một kiểu mở duy nhất
Cho một cánh
Với năm nhà hàng xóm
cùng nhìn qua.*

(2002)

Trong *Không gian & Khoảnh khắc* văn chương, Tiểu luận-phê bình do Hội Nhà văn xuất bản năm 1999, Huỳnh Phan Anh đã viết về Phan Thị Vàng Anh:

“Điều đáng nói là nhân vật của Vàng Anh, khi tỉnh táo cũng như lúc điên rồ, họ không hề đánh mất sự thuần khiết, ngay trong tuyệt vọng bế tắc. Họ thường là nạn nhân trong những cuộc chơi liều lĩnh, táo bạo, mặc dù họ vẫn sáng suốt. Có lẽ họ hẳn tâm với chính họ hơn là với cuộc sống. Họ làm những trang văn của Vàng Anh trở nên thơ và xúc động hơn trong cái không khí âm u, xám xịt của chúng. Họ đáng yêu hơn những nhân vật của Sagan mà người đọc có thể liên tưởng tới khi đọc Vàng Anh bởi sự buồn chán, sự nổi loạn không đẩy họ tới những buông thả, phá phách, suông sã, mù quáng một cách vô duyên cớ, đặc trưng của một tuổi trẻ nào khác, ở một nơi nào khác.”

Tài liệu tham khảo:

- Phan Thị Vàng Anh Web: vi.wikipedia.org
- *Khi người ta trẻ* Web: giaitri.vnexpress.net

46. Phan Triều Hải



Phan Triều Hải (1969-20)

Nhà văn Phan Triều Hải sinh ngày 13 tháng 2 năm 1969 tại Quy Nhơn. Năm 1991, tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Tp. HCM.

Năm 1994, truyện ngắn đầu tay *Vào đời* được đăng trên báo *Tuổi Trẻ Chủ nhật*. Hội viên Hội nhà văn Việt Nam.

Hiện đang là nhà văn tự do, biên kịch phim và các chương trình truyền hình.

Tác phẩm:

- *Vào đời* (1994)
- *Những linh hồn lạc* (1995)
- *Quán bò rừng* (1995)
- *Có một người nằm trên mái nhà* (1997)
- *Đi học* (1999)
- *Những con đường không đến Seattle* (2005)
- *Giai điệu cuộc đời*" (nhạc kịch, viết chung, 2008)
- *Bộ 6 cuốn tác giả Sally Gardner* (sách dịch, Kim đồng)

- *Hội hè miên man* (dịch A Moveable Feast của E. Hem.)
- *Các tuyển tập thơ, truyện Thủy Điện*

Trích văn:

Một tối ngồi ở quán bar

Tôi nhớ là chưa bao giờ mình có được một đêm trung thu nào cho ra hồn ở đất Sài Gòn này ngoài việc năm nào cũng như năm nào đầu óc luôn bận rộn suy tính quanh quẩn với mấy loại bánh nướng, mấy loại bánh dẻo, nhân đậu xanh hay nhân thập cẩm, một trứng hay hai trứng, vi cá hay gà quay. Mà như thế nào đã đủ nhàm chán.

Suốt mười mấy năm ở đây, tôi thấy cũng chẳng có mấy dịp trẻ con được cầm lồng đèn giấy chạy ra ngoài đường hưởng một trung thu khô ráo. Hiếm hoi lắm. Và đêm nay chắc cũng thế thôi, chắc cũng như năm ngoái, như năm kia, mà không chừng lại có phần thê lương hơn, bởi mưa đã bắt đầu tầm tã từ hai hôm trước, chừng mười hai âm lịch kéo dài cho đến tận bây giờ. Mưa cho tới tận tối, khi tôi vào quán. Tôi phải chạy men theo cái hành lang hẹp tí xíu lợp mái rom có nước nhỏ thành dòng, mà nhớ một cái thống kê khoa học mới công bố gần đây rằng, khi bạn thong thả đi bộ trong mưa thì sẽ nhận một lượng nước nhiều hơn khi bạn chạy từ ba mươi đến bốn mươi phần trăm, nói nôm na là sẽ bị ướt nhiều hơn. Và trong lúc tôi vừa đi vừa nghĩ xem làm thế nào để có thể từ mái hiên ấy chạy băng qua sân để vào được quán mà ít bị ướt nhất thì một giải pháp giản dị xuất hiện ngay trước mặt với cái mặt dài và một nụ cười đầy vẻ nghề nghiệp.

Anh chàng phục vụ quen thuộc cũng y như lần cuối cùng tôi gặp, mái tóc gọn sóng và phong cách nhanh nhẹn, đứng đón ngay từ cuối lối đi với một chiếc ô căng rộng và áy náy bảo

như thể đó chính là lỗi của anh ta, "Chà, mưa gì mà lớn quá chừng".

Quán hôm nay chỉ có mỗi hai người phục vụ, người kia trông có vẻ lớn tuổi và lặng lẽ mà tôi không quen. Tôi tự tìm chỗ ngồi bên cửa sổ.

Bên ngoài trời đang đổ nước xuống một cái sân vắng tanh buồn hiu buồn hắt. Suốt từ sớm tinh mơ, bầu trời đã nhuốm một màu mờ mờ mịt mịt y như màu của mùa mưa bão miền trung, khiến không thể nào nhận ra được dáng vẻ của một thành phố lúc nào cũng sắc sảo với nắng, với gió, với khô hanh và khói bụi xe cộ qua lại ào ạt trên đường.

Hồi sáng, tôi vào công ty, câu đầu tiên chào mọi người là, "Trung thu ở đây chán thật, năm nào cũng mưa lê thê".

Lúc ấy, ai cũng ngẩn người ra, rồi tròn xoe mắt nhìn trời, rồi cố bươi móc trong cái trí nhớ già nua và hờ hững của họ xem liệu trung thu năm trước có thật là đã mưa không, rồi đưa ra một cái kết luận ba phải, "Làm gì có chuyện đó". Tôi không cãi được, bởi phải từng trải qua một đêm trung thu thực sự thì người ta mới biết mình thiếu gì. Họ ít ra cũng phải từng được hưởng những mùa trung thu năm nào cũng hứa hẹn như năm nào, trời khô mà xanh đen ngăn ngắt.

Phía trên thành cổ, trăng từ từ lên như một ngọn đèn lồng đồng đưa soi bóng xuống ao hồ, rót đầy thứ ánh sáng hư thực ấy vào những lá sen có phủ một lớp lông tơ mịn màng, khiến quanh đó ếch nhái bị đánh động bắt đầu cất tiếng, rộ lên nhịp nhàng bất tận như ru. Ít ra họ cũng đã từng được đi chân trần trên những con đường đất lạnh, ngoằn ngoèo luồn qua xóm này xóm nọ, trên tay bập bùng ngọn đuốc tỏa ra một mùi khói thơm thơm, cay cay, nồng nồng của thứ lửa rất đượm từ lá. Và thế là trong tiếng trông rộn ràng, một trung thu nữa đến, dịu dàng thơ mộng

như mọi lần, như một giấc mơ giản dị hiện ra trong một không gian khô ráo, trong vắt, huyền hoặc.

Tôi cứ nghĩ lan man mãi như thế cho đến khi người phục vụ quay lại.

- Anh uống gì ? Anh ta hỏi.

- Như mọi lần.

- À, tôi nhớ ra rồi. Anh ta ngẫm nghĩ một chút rồi đáp.

Lúc ấy, một thanh niên đẩy cửa bước vào, trông dáng vẻ rõ là khách quen, theo sau là một thiếu nữ gọn gàng trong chiếc áo tay ngắn màu ngà và chiếc váy ngắn, để lộ đôi chân thon thả. Cả hai dừng ở giữa quán, nhìn quanh như tìm chỗ ngồi, rồi đi về phía quầy bar nơi có treo ngược mấy hàng ly trong suốt khô khốc và những chiếc ghế cao đứng im lìm như thể được đặt ở đó chỉ để trang trí. Tôi không thể rời mắt khỏi đôi chân của thiếu nữ, đôi chân thon mảnh mà đầy đặn, đang thả xuôi dưới ghế.

Bao giờ tôi cũng cho rằng, cái mà phụ nữ được tạo hóa ban cho hào phóng nhất, không phải là khuôn mặt, mắt hay mũi, mà là đôi chân. Và một phụ nữ đẹp trước hết phải là người có đôi chân đẹp. ở cô gái này, đôi chân ấy như có hồn, chúng cứ thông thả đan vào nhau, rồi lại duỗi ra, nhẹ nhẹ, tất cả khoan thai phối hợp có vần có điệu. Cái bắp chân mịn màng thon dài xuống gót, thắt lại nhẹ nhẹ ở đó như thắt một cái eo, như cấu tạo của một hợp âm, rằng trường thì phải như thế, thứ thì phải như thế.

Người phục vụ nói:

- Anh đã chọn được chỗ ngồi tốt.

- Tôi cũng nghĩ như thế. Tôi đập, cái gót chân hồng hồng xinh xinh ấy đang chuôi ra khỏi chiếc giày chật chội.

- Ngồi ở đây anh có thể nhìn ra khắp trời. Anh ta tiếp tục.

- Để làm gì ?

- Để ngắm nguyệt thực. Anh ta nói, tay thấp ngọn nến trên bàn. Sẽ có nguyệt thực toàn phần ngay chính đêm nay, đêm trung thu. Vậy có lạ không chứ.

Khi người phục vụ đi vào trong thì tôi ngồi nghĩ xem nguyệt thực nghĩa là gì. Là mặt trời, trái đất và mặt trăng cùng vướng phải một sợi chỉ giăng ngang giữa thiên hà, nhưng cái nào trước, cái nào sau, cái nào ở giữa thì lẫn lộn rối rắm cả. Ngày xưa quả thật tôi có đọc một vài cuốn khoa học thường thức về những hiện tượng như vậy, nhưng không hiểu gì mấy ngoài cảm giác buồn bã nhẹ nhàng về thân phận nhỏ nhoi của mình ở trên cõi đời này, trong không gian vô tận này, trong thời gian bất tận này. Lúc ấy tôi nghĩ rằng, thôi, không quan tâm đến những sự kiện siêu nhiên ấy nữa vì bao giờ chúng cũng khiến cho tôi có cảm giác vô nghĩa bởi sự bất lực của mình. Mà vô nghĩa là một cảm giác tệ hại. Thế nhưng tôi đã lo xa, về sau này những đề tài ấy đôi khi tôi đọc phải mà chẳng mấy may xúc động. Cảm xúc của tôi đã khác, khác như vậy đó, trơ ra.

- Lâu quá anh không ghé chơi. Người phục vụ quay lại. Gần một năm rồi, phải không. Tôi nhớ lúc ấy trời mưa. Anh ta đưa tay áo lướt qua mặt bàn một lượt, như đảm bảo tất cả đều đang sạch sẽ khiến ngọn nến rụt lại một màu xanh trong suốt như ngọc. Bây giờ trời cũng mưa. Hay thật.

- Có lẽ sẽ mưa suốt đêm.

- Không, nó sẽ tạnh ngay thôi. Anh ta nói, đặt tách lên bàn.

- Ai mà biết được. Tôi nói.

- Chắc chắn là sẽ tạnh. Anh ta quả quyết.

- Tôi chẳng thấy có đêm trung thu nào mà không mưa.

- Vâng.

Suốt hôm nay, không có ai đồng tình với tôi một cách nhẹ nhàng như vậy.

- Vậy thì, tối nay cũng sẽ mưa suốt đêm cho mà coi. Tôi nói.

- Không. Đêm nay có nguyệt thực. Anh ta nhắc lại. Nguyệt thực toàn phần. Làm sao mà trời mưa suốt được trong khi ai cũng muốn xem cái sự kiện này cả.

Tôi ngả người ra ghế. Nguyệt thực là cái quái gì mà phải bận tâm như vậy chứ. Sao mà nhạt nhẽo quá chừng, nhưng nếu không có ai đó trò chuyện thì tôi chắc chết đi được vì chán chường. Tôi nói:

- Anh ngồi chơi cho vui.

Anh ta như chỉ chờ có thế, kéo ghế ngồi. Tôi hỏi.

- Anh uống gì ?

- Không. Tôi chỉ ngồi một lát. Anh ta đáp.

- Một đêm trung thu buồn hiu như thế này thì người ta uống gì?

Tôi lại hỏi.

- Trà nóng.

Tôi gọi người phục vụ kia.

- Cho một tách trà nóng.

Anh ta nh੔m dậy.

- Để tôi tự làm lấy cũng được.

- Tại sao ?

- Tôi không quen.

- Có gì mà không quen. Tôi mời anh mà. Anh chỉ cần gọi, "Cho một tách trà nóng", là xong.

- Không đơn giản. Anh ta lắm bầm.

- Tôi kể anh nghe chuyện này, hồi sáng, có một tay người nước ngoài làm việc chung với tôi thu xếp đồ đạc để về nước, y gói ghém tất cả vào một thùng giấy thật to và bảo tôi, "Ê, kiểm cho tao băng keo dán". Tôi đi kiểm băng keo dán. Sau đó y ngồi trên ghế, tay hút thuốc, hai chân kẹp thùng giấy, còn tôi cúi xuống dán hết mọi ng੔c ngách cái thùng ấy, mà nghĩ, vì sao ta phải làm cái việc vặt này mà nó không làm. Đây là cái thùng giấy của nó, nó phải tự lo chớ. Nhưng y lại bảo tiếp, "Làm ơn kiểm giúp sợi dây buộc để làm quai". Thế là tôi tự động đi vào kho tìm một sợi dây, mặc dù ẩm ức lắm rồi. Khi buộc cái thùng cho y, tôi tự bảo, sao mà ngu thế, rõ ràng là vừa ngu vừa hèn. Nhưng đến khi tôi thắt cái quai cho y, thì tôi nghĩ, cái thùng giấy này nặng thật, nó mà nói mình khiêng xuống nhà thì phải làm sao đây. Chính lúc ấy, y nói, "Cái thùng giấy này không nặng lắm đâu. Lát nữa đem giúp xuống nhà nhé". Lúc ấy, đột nhiên chẳng nghĩ ngợi gì cả, tôi nói, giọng rất to, "Không, đó là việc của mày, không phải việc của tao". Y sững người, dụi tất điều thuốc, và tự tay xốc cái thùng giấy ấy lên, sựng ngất mà

nói, "Thôi, tôi đi đây. Cám ơn nhiều". Tôi thấy vậy đó. Giống như anh gọi một tách trà. Bất cứ chuyện gì mà anh không tự tin được, anh hãy xử sự như thể anh đang gọi một tách trà. "Này, cho một tách trà".

- Nhưng ngay cả một tách trà tôi cũng không gọi được.

- Khi gọi, anh không nên suy nghĩ nhiều.

Chúng tôi cứ ngồi như thể một lát nữa mà không nói chuyện gì. Nói chung, tôi cần có người ngồi bên cạnh nhưng lại muốn không phải nói chuyện. Bên ngoài, nước theo mái rơm từng dòng nhỏ xuống. Những ghé ngồi rải rác trên lối đi trải sỏi đọng nước lấp lánh. ở bàn trong, đôi thanh niên ấy vẫn ngồi im lặng. Cô gái tay khoanh trước ngực, cái lưng mảnh dẻ có buộc một chiếc áo khoác mỏng ở cái eo nhỏ. Đôi chân cô vẫn duỗi ra như thế, thanh thoát, sang trọng. Quả là một đôi chân có hồn. Một đôi chân mà người ta càng ngắm càng yêu.

- Đêm nay quán mở cửa đến mấy giờ.

- Có lẽ suốt đêm.

- Thật à. Nếu thế thì tôi sẽ ngồi suốt đêm.

- Vâng. Nguyệt thực sẽ diễn ra vào lúc không giờ ba phút sáng.

- Tôi ở lại vì chuyện khác. Tôi nói. Tôi chỉ muốn ngắm đôi chân kia. Một đôi chân quá đẹp, phải không.

Người phục vụ đưa mắt thờ ơ nhìn.

- Không.

- Tại sao. Đó là một trong những điểm hấp dẫn nhất ở phụ nữ.

- Nhưng tôi không thích những ngón chân để trần. Anh ta nói.

Tôi ngắm cái bàn chân đang rất là thanh thời ấy.

- Những ngón chân ấy cũng đẹp.

- Không. Không có những ngón chân đẹp. Ngón chân là một món thừa thải, không nên để trần trụi ra ngoài.

- Vì sao ?

- Tôi không biết vì sao. Nhưng những ngón chân lúc nào cũng khiến tôi có cảm giác về sự trần tục. Chúng trông có vẻ xác thịt.

- Trời đất. Tôi nói. Sao anh chỉ thấy có vậy.

- Anh cũng có thể mua đôi chân ấy đấy, nếu anh muốn. Người phục vụ nói. Nhưng mà thôi, tôi đi lấy thêm trà đây. Anh có cần uống thêm gì không.

- Không, cảm ơn.

Dưới ánh đèn vàng phủ lên tường vàng, bàn chân ấy trông nhẹ như một chiếc khăn mỏng ai đó xếp lại rồi bỏ quên trên sàn. Những ngón chân tựa vào lòng giày như đang nghỉ ngơi, đơn giản như thể khi ta cần hít thở khí trời, ta mở cửa sổ ra và đứng tựa đấy một lát, thư giãn. Nhưng tôi hiểu anh ta, tất cả chỉ đơn thuần là cảm giác mà thôi, như ngày xưa học nhạc, tôi bao giờ cũng có một liên tưởng kỳ lạ rằng nốt ré phải có màu nâu, và nốt la có màu trắng. Đôi khi như vậy đó, không thực, nhưng cũng không nhất thiết phải giải thích gì.

Người phục vụ đi ngang đôi thanh niên ấy, dừng lại một lát, cái cằm dài tận tụy gập xuống kẹp chặt chiếc nơ nhỏ. Thiếu nữ vẫn

HUỶNH ÁI TÔNG

ngồi như thế, tay tựa trên quây. Cánh tay ấy cũng đẹp, mái tóc thả sau cũng đẹp, đôi vai áo và cái lưng cong nghiêng dịu dàng về trước cũng đẹp. Tôi yêu những dáng ngồi trầm tư như thế. Chúng trông vừa sang trọng vừa gần gũi. Một điều hiếm hoi. Người phục vụ trở lại với chiếc tách tỏa hơi nghi ngút trên tay.

- Có chuyện này không biết phiên anh không.

- Chuyện gì ?

Anh ta hạ giọng.

- Tôi đem đôi chân ấy về cho anh đây.

- Tôi không hiểu.

- Anh ngạc nhiên à. Đôi khi cũng có những điều ta muốn, là được.

Tôi sốt ruột.

- Thôi, đừng dài dòng nữa.

- Họ muốn được ngồi cùng bàn với anh.

- Để làm gì?

- Để ngắm nguyệt thực.

Trong tôi có một cảm giác lạ lùng đang đến.

- Vậy thì anh mời họ qua đây đi.

Thiếu nữ ấy có một cái gì đó quả thật đặc biệt, nàng như có một sức hút kì lạ ở dáng đi, ở cánh tay đong đưa, ở cái cổ cao, hay ở đâu đó nữa mà tôi không rõ.

Tôi chỉ biết là tôi đứng đó, kéo chiếc ghế cho nàng, và người thanh niên kia lên tiếng, "Cảm ơn", giọng nhẹ nhàng lạ lùng, rồi hướng về phía nàng anh ta giới thiệu, "Đây là em gái tôi. Hôm nay nó rất muốn ngồi bên cửa sổ."

Thiếu nữ nhìn tôi chào, đôi mắt rất đen, rất sâu. Tôi nói, "Không có chi. Tôi cũng không muốn xem nguyệt thực một mình." Và thế là tất cả cùng ngồi quanh cái bàn quay ra cửa sổ. Những song cửa lấp lánh một màu kì lạ trong ánh sáng nên đang tàn dần.

- Hình như trời đang tạnh. Người phục vụ nói.

Từ mái rom bên ngoài, nước không còn chảy xuống thành dòng nữa mà đu đưa từng giọt ngắt quãng. Và trên cái nền khuya khoắt của đêm, nước thả từng giọt lên lối sỏi nghe tí tách nhẹ, nghe như tiếng chim sẻ vào những trưa hè nhảy nhót đôi bàn chân gầy guộc trên mặt sân ximăng nóng bỏng trước sân nhà, gõ những cái mỏ mảnh dẻ như vỏ trấu lách tách tìm từng hạt cỏ, hạt thóc lẫn trong khe nứt. Người thanh niên nói.

- Nguyệt thực sẽ bắt đầu từ không giờ ba phút.

- Đúng như vậy. Người phục vụ vui vẻ. Tôi sẵn sàng tiếp quý vị trong suốt ba tiếng đồng hồ sau đó.

Tôi nhìn đồng hồ.

- Liệu có ai ngồi xem nổi suốt thời gian ấy không.

Người thanh niên quay sang thiếu nữ, ân cần.

- Chúng tôi sẽ xem suốt đêm.

Thiếu nữ im lặng, mắt đăm đăm nhìn ra ngoài. Người thanh niên nói tiếp, một kiểu nói chuyện lơ mơ lạ lùng.

- Em tôi muốn thấy trăng sẽ sáng trở lại.

- Điều đó là chắc chắn rồi. Tôi nói. Mọi người sẽ được thấy cảnh tượng ngoạn mục cuối cùng của thế kỷ này.

- Ngạn mục à ? Không đâu, nguyệt thực là một điều không hay. Anh ta phản đối, giọng nghiêm nghị.

- Tại sao phải tin chuyện đó. Tôi nói.

Người phục vụ nhòm dậy.

- Có phải cái bóng đen ấy không, nó xuất hiện rồi kìa.

Trên cái nền khúc khuỷu đường nét của những mái nhà, mặt trăng xuất hiện cô độc một mình, tỏa ra một thứ ánh sáng phồn thịnh mà xa lạ, và bên cạnh đó là một khối đen như một đám mây đang trườn đến, chạm ở phần mép sáng nhất. Bóng đen ấy dần dần đi vào, rất chậm rãi, chiếm cái đĩa bạc sáng tươi ấy từng chút một.

Người phục vụ nhẹ nhàng đứng dậy bước ra phía cửa lớn, chiếc khăn trắng nhàn nhạt vắt rất nề nếp trên tay. Anh ta ngược nhìn chăm chú ra ngoài, cái cằm dài héch lên, bất động. Trên bàn, ngọn nến leo lét ánh xanh sắc sảo cuối cùng rồi lịm dần nhường chỗ cho một thứ ánh sáng đang chết dần khác, ánh sáng của trăng vàng vạc đang chết dần một nửa. Chính vào lúc ấy, khuôn mặt của người thanh niên ngồi bên cạnh tôi hóa ngây ra.

- Vậy là nó bắt đầu rồi. Anh ta thì thâm.
- Ừ, nó bắt đầu rồi đó. Tôi nói.
- Nó lại bắt đầu ngay chính vào đêm trung thu. Anh ta nói, giọng đều đều. Anh biết không, trung thu là đêm mà chúng tôi có cảm giác bao nhiêu điều tồi tệ nhất trên đời này sẽ được gột bỏ.

Thật đấy, bao nhiêu chuyện xấu xa nhất sẽ được gột bỏ.

Tôi nhìn người thanh niên, không hiểu anh ta nói gì. Tôi đang thư giãn, tôi đang muốn duỗi cả thân mình ra trong cái ghế êm ấm này bên cạnh một thiếu nữ xinh đẹp như nàng, và như thế là đủ. Tôi không thích nói nhiều, mà tôi cũng không thích phải nghe ai nói nhiều. Nói chung ai ai cũng có thân phận của mình, ai ai cũng có nỗi niềm riêng, và đã là nỗi niềm riêng thì chỉ thích hợp để cất giữ trong một ngõ ngách nào đó.

- Tôi chỉ thấy một điều là cái đêm trung thu này đang tàn. Tôi nói.

- Anh thấy nó đang tàn thật à ?

- Ý tôi nói thế là hết một trung thu. Xong.

- Với tôi thì nó còn quan trọng hơn thế. Không đơn giản là xong một đêm. Anh ta nói. Một đêm như thế thật là đặc biệt.

- Tôi thì thấy chẳng có gì đặc biệt. Tôi nói. Nó cũng như mọi đêm khác thôi.

- Khác lắm chứ. Bởi vì khi mà nhìn lên trăng của một đêm như thế này thì không ai có thể tự cho rằng mình có thể trong sáng như nó được. Không ai có thể kiêu hãnh mà nói rằng mình

không có tí vết gì. Lúc ấy, tất cả mọi người đều như nhau, đều được sinh ra như thể ghé ngang qua đây một cách tạm bợ. Và nếu cứ nhìn mãi như thế thì sẽ thấy trên đời này, không có ai mất mát gì, cũng không ai được thêm gì. Nhìn lên trời, sẽ thấy bình yên. Anh ta ngừng một chút rồi tiếp. Và chỉ thấy cần bình yên mà thôi.

Thiếu nữ vẫn ngồi im lặng, cái ngực xinh xắn tựa lên bàn, đôi mắt không hề chớp hướng lên phía trên lúc này chỉ còn là một lưới liềm mỏng, hai bàn tay nàng chấp lại, những ngón tay mảnh dẻ lắm.

- Tôi lại không thấy được những điều anh nói. Tôi nói.

- Có gì đâu, anh cứ nhìn lên đó, và đừng nghĩ gì cả thì anh sẽ hiểu.

- Có thể. Nhưng tôi phải về. Khuya rồi.

- Anh xem giờ làm gì. Người thanh niên nói, đưa tay lên. Từ lâu rồi không đeo đồng hồ nữa, và thấy đó đúng là một sự giải thoát.

- Hôm nay tôi cũng đã được thư giãn. Ngày mai tôi phải đi làm.

- Lý do ấy chính đáng nhất trong mọi lý do. Giọng anh ta có vẻ châm biếm.

- Lý do đó thông trị đời sống mọi người. Tôi đồng ý.

- Nhưng không phải của chúng tôi. Anh ta nói ngay.

Tôi rất không thích kiểu đôi co như thế này. Tôi đứng dậy, nhìn thiếu nữ một lần cuối. Nàng vẫn im lặng như từ lúc gặp. Tôi nói.

- Cảm ơn mọi người. Tôi về.

Người phục vụ mở cửa cho tôi, một làn không khí trong lành tràn đến đây hơi nước. Anh ta đưa tôi ra cổng. Trên cao, bóng tối ấy đang nuốt phần còn lại của trăng. Tôi dừng lại ở đó một lát, hít đầy ngực một làn hơi, ngắm cái cảnh tượng mà suốt đêm bao người chờ đợi.

- Anh thấy thế nào ? Anh ta hỏi.

- Buồn ngủ.

- Không, tôi hỏi em gái ấy thế nào ?

- Xinh lắm.

- Tôi biết ngay mà. Anh vẫn thích đôi chân của cô ta à ?

- Chuyện ấy thì quan trọng gì.

- Quan trọng chứ. Bởi vì chúng tôi trả tiền để cô ta hằng đêm ngồi đó.

- Anh nói đùa.

- Không đùa đâu. Chỉ có điều thằng cha kia chỉ có vì vậy mà cứ ăn năn dằn vặt mãi. Y nói với anh nhiều lắm à ?

- Ừ.

- Y hơi điên điên rồi đó. Tôi thấy y càng ngày càng hơi điên điên.

- Ừ. Chắc là y xúc động.

- Cũng may là y còn đưa em gái ngoan ngoãn.

- Ừ.

- Anh thật sự thích cô ta chứ ?

- Ừ. Tôi không thích những người nói nhiều. Tôi thích cái kiểu cô ta im lặng như vậy. Trông thật quyến rũ.

- Nàng hấp dẫn khách ở đây cũng nhờ thế.

Lặng im một lát, tôi nói mà lòng ngập đầy một nỗi thất vọng.

- Cô ta quả thật là giỏi.

- Có giỏi gì đâu. Người phục vụ ngạc nhiên. Y không hề nói gì với anh sao. Nàng đâu có nghe được mà cũng đâu có nói được. Nàng bị câm mà.

Tôi vịn tay vào công, cảm thấy thép đang rỉ ra ướt át, lầy nhầy. Trên cao, mặt trăng đang thoi thóp, nhúm ánh sáng lộng lẫy cuối cùng của nó đang bị bóng râm mạnh mẽ không gì cưỡng lại được ấy lấp hẳn. Tôi như thấy đó là đôi môi của nàng, đôi môi đang mím chặt nghiêm nghị, đôi môi ấy nhẹ và mịn cho dù chỉ được nhìn trong bóng tối. Tôi ngắm hình ảnh của trăng lúc ấy mà có cảm giác gần gũi với ánh sáng của nó hơn bao giờ hết, thấy như chính tôi đang vuốt ve cái bề mặt sáng đẹp kiêu kỳ xa cách ấy, vuốt ve bằng bóng râm của mình, bóng râm của trái đất nơi tôi đang đứng đây, bóng râm của mọi người. Một cảm giác gần gũi, thân thiết lạ lùng.

Người phục vụ đứng phía sau tôi, hỏi.

- Anh về được chứ ?

- Được.

- Cuối tuần ghé chơi nghe. Cuối tuần mới thú.

- Liệu có gì hay hơn nữa sao ?

- Tôi không chắc. Nhưng có lẽ người đẹp sẽ cười.

Tôi suy nghĩ một lát.

- Ừ, tôi cũng muốn biết nụ cười của nàng như thế nào.

- Anh thấy chưa, phụ nữ hấp dẫn ở đôi môi chứ không phải đôi chân như anh nghĩ đâu. Người phục vụ mỉm cười. Và càng hấp dẫn hơn khi đó là một đôi môi đẹp nhưng lại không bao giờ nói được. /-

Trịnh Công Sơn viết *Phan Triều Hải - Một cõi thực hư*:

Có thể bắt đầu gọi Phan Triều Hải là một nhà văn chưa ?

Tôi nêu câu hỏi để không chờ trả lời.

Hải viết thử để sau đó viết thật.

Viết tuy thật nhưng vẫn là viết thử.

Thử nghiệm một con đường.

Thử nghiệm một cách bày tỏ.

Và cũng thử nghiệm một số phận.

Số phận con người.

Số phận nhà văn.

Từ số phận con người đến số phận nhà văn thường vẫn mở ra một số phận khác.

Đó là số phận của kẻ không biết phải chọn một chỗ đứng, một chỗ ngồi, nơi này hay nơi kia.

Cái số phận lưng chừng tưởng rằng như dang dở ấy đã vô tình làm nên bút pháp của Phan Triều Hải.

Hải viết để làm gì ?

HUỶNH ÁI TÔNG

Bộc bạch, không phải. Thuyết giảng, không phải.

Vậy sứ mệnh của những con chữ và lời và ý muốn dẫn đo thêm bớt để hoan ca hoặc bi ca một viễn vọng nào trong cuộc sống hôm nay của chúng ta?

Nói về Hải là nói về những dấu hỏi băng khuâng của một mặt đời còn lênh chênh giữa hư thực.

Yêu chưa phải yêu.

Hơn oán chưa phải hờn oán.

Cái giọng điệu đời riêng ấy cứ lung chùng, nhọt nhạt một không khí vô sắc mà hơi hám buồn rầu.

Tuy nhiên cái hơi hám buồn rầu kia chỉ trong giây phút ngắn ngủi lại bày biện ra một không gian khác: một thứ dừng đứng hư không lơ lửng trong từng giọng chữ.

Tôi có cảm giác đó là một thứ văn chương hư vô đang manh nha hình thành.

Một thứ hư vô của những cái nhìn bất định về tương lai, về một con đường trước mặt không biết sẽ khép mở thế nào.

Hải đang sống với thời hiện tại và hình như trong vô thức đã mang chịu một trách nhiệm nói hộ những câu chuyện riêng tư của thế hệ mình.

Tôi nghĩ rằng Hải đang sống chứ không phải đã sống.

Vì thế có thể tin rằng Hải đang rình rập mình và cũng cùng lúc rình rập cuộc sống quanh mình - Hải lắng nghe và Hải cũng kịp thời mỉm cười với cái quán hàng phố điển những trắc trở cùng hạnh bợ.

Hành trình của Hải còn dài và xa nhưng tôi vẫn nghĩ rằng mình không sai lắm khi không chế ngự được trong đầu mình cái hình ảnh của một Phan Triều Hải như một kẻ đi xiếc giữa cõi thực và hư.

(Tháng 3 – 1994, Trịnh Công Sơn)

Tài liệu tham khảo:

- Phan Triều Hải Web: chuyentaukechuyen.vn
- Một tối ngồi ở quán bar Web: nhavantphcm

47. Trần Thanh Hà



Trần Thanh Hà (1971-20)

Trần Thanh Hà. Sinh ngày 4 tháng 12 năm 1971. Quê quán: Vĩnh Linh, Quảng Trị.

Năm 1992, tốt nghiệp Đại học sư phạm Huế. Đi dạy học ở Quảng Trị, viết văn từ năm 1993.

Năm 1997, ra Hà Nội làm biên tập viên nhà xuất bản Công an nhân dân.

Thạc sĩ Văn học.

Hội viên Hội nhà văn Việt Nam từ năm 1999.

Nhà văn Trần Thanh Hà được các giải thưởng:

- Giải A cuộc vận động sáng tác văn học cho tuổi trẻ của Nxb Thanh Niên năm 1994-1996.
- Giải nhất cuộc thi truyện ngắn tạp chí *Văn nghệ quân đội* năm 1996.
- Giải ba cuộc thi tiểu thuyết và ký về đề tài "Vì bình yên cuộc sống" của Bộ Công An và Hội Nhà văn Việt Nam năm 1999-2002.

HUỖNH ÁI TÔNG

- Giải C Giải thưởng văn học 10 năm lần thứ 2 của Bộ Công An năm 1995-2005.

Hiện nay nhà văn Trần Thanh Hà sống và làm việc tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Gió của mùa sau* (tập truyện, 1997)
- *Oi đờ Ca Cút* (tập truyện, 1998)
- *Biển hồ lai láng* (tập truyện, 1999)
- *Điệp báo thành Huế* (2001)
- *Mỏ hồ quyến rũ* (tập truyện, 2006)
- *Vũ điệu tử thần* (tiểu thuyết, 2007)
- *Đường về thành phố* (truyện ký).

Trích văn:

Miền cỏ hoang

Trong vườn, có một khoảnh nhỏ bà trồng đủ các thứ rau: chân vịt, mã đề, diếp cá, cả rau dền đất. Bà dùng thân lau nẹp thành liếp, ken dày đến nỗi gà con cũng không chui vào được. Suốt ngày bà ở ngoài đám đất, cuốc xới, nhặt cỏ, ươm cây. Bà bảo các thứ này đừng nghĩ nó dại, thuốc nam hết cả. Mùa hè bà luộc rau sam, rau chân vịt "ăn cho nó mát", nhưng đến bữa cả nhà em ăn hết góc đĩa, bởi nó cứ nhờn nhớt, nhàn nhạt thế nào ấy. Hơi nóng sốt một tí, là y như rằng bà nhai diếp cá bắt đắp lên trán, hôi oi là hôi. Chỉ bữa nào có cua đồng, mẹ nhỏ rau dền nấu canh, cô Sửu mới khen ngon.

Ngày cô Sửu đám cưới, đám thanh niên làng hè nhau đập gãy cái hàng rào của bà để vào xem cái video bố đem từ trên huyện về chiếu bộ phim đánh chém nhau của Hồng Kông. Sáng sau ra vườn, thấy đất bị giẫm đạp vô số dấu giày, rau cỏ nát bét lẫn với đầu mẩu thuốc lá, bà xót ruột, chửi um, đến nỗi mẹ phải gắt

bà mới thôi. Chiều lại đã thấy bà mang cuộc chết ra cuộc xói. Chú Thao từ bên kia đôi vác sang mấy bó rau, lụi hụi trông lại cái liếp rào cho bà. Bó cần nần: Không có việc bà nghỉ cho khỏe, việc gì phải đất với cỏ". Bà thở dài, dặn nhỏ: "Nhớ đái vào cái máng sau nhà cho bà để bà tưới cây.

Lối dẫn ra nhà chú Thao băng qua một vạt đồi cỏ léc cao quá đầu người. Men bờ khe có hơi nước, léc xanh um tùm, lá to và dài, trông rợn cả người. Trong rừng không có loại cây nào lá sắc như cây léc, chỉ cần vương nhẹ, nghe đau, y như rằng là léc cắt. Thế nhưng chú Thao không phát đường, cứ đạp léc xuống mà đi, thân léc gãy khô cong rẽ ra hai bên tạo cho lối đi hình cái máng vòm. Mùa khô, những người đi bút lá về bỏ chuồng hay đi qua lối nhà chú Thao; nhưng hễ mưa xuống trên phiên léc thỉnh thoảng có vắt, sên, nên con đường hầu như bỏ hoang. Lâu ngày từ những gốc léc gãy, những mầm léc non lá tươi và mềm vươn lên vẩy vẩy.

Chú Thao là người trở về cuối cùng của xóm. Ngày chú ôm chiếc túi lép bước vào cổng nhà, thím Hồng đã hai mặt con, ở với chồng bên chợ, cách sông và một thôi đường. Bà ôm lấy chú mà khóc, mà kể rề thôi là kể lể. Mẹ và cô Sửu khóc thút thít. Chú đứng trước bàn thờ mình, chẳng nói gì, cơ má trái giật giật. Mặt chú trông chẳng giống mặt người trong ảnh, phía hay giật giật đen một mảng và đầy sẹo nhỏ.

Bà nhẩn qua chợ cho thím Hồng. Thím về có một minh, mắt đỏ hoe. Vừa thấy chú Thao thím liền sụp xuống lạy. Cơ má trái của chú càng giật mạnh hơn. Chú bảo: "Sự thể đã thế, đừng nghĩ ngợi gì. Cố mà sống vuông tròn với người ta". Thím Hồng về, rồi lâu không thấy sang nữa.

Ở nhà được ít lâu, chú Thao làm cái nhà bây giờ. Căn nhà lúc mới dựng nằm chôn lôn giữa bạt ngàn cỏ léc, đứng xa không trông thấy. Chú Thao cặm cụi cuốc đất trồng khoai, trồng sắn. Đất tốt, chả mấy chốc vườn chú đã có cái để thu hoạch. Bây giờ, những cây xoài, cây măng cầu đã lớn nhanh vượt lên khỏi ngọn léc. Nghe đâu chú còn định xin xã cho khai phá mấy vạt đồi phía sau để trồng bạch đàn nhưng xã không cho. Ông Bính chủ tịch nói là đất ấy nhiều bom đạn rụng vào lở xảy ra chết chóc, không ai chịu trách nhiệm. Chú gặp bố nhờ nói hộ. Bố bảo: "Không dễ". Chú nhắc lại: "Vâng, không dễ" rồi về.

Những chiều muộn chẵn trâu bên này đòi nghe vắng từ bên kia tiếng sáo dặt diu nôn nao. Tiếng sáo phảng phất trong sương khói chiều nghe có cái gì quẩn quẩn trong lòng. Cả rừng léc rập rờn theo tiếng sáo. Lũ chẵn trâu đứng ngẩn quên cả ngày đang tắt, quên cả đói và lạnh. Dứt tiếng sáo chúng mới lục tục lùa trâu về, thăm thì kháo nhau: "Ông Thao trông mặt sợ thế mà thổi sáo hay đáo để, nhỉ".

Bà kể, ngày con gái thím Hồng xinh nhất làng Thượng, nhà đã gả chồng rồi vẫn nhất quyết chối chỉ bởi mê tiếng sáo chú Thao. Đêm văn nghệ nào có chú thổi sáo, thanh nữ đứng xem đông nghịt, hết thấy đèn ngậy ngất. Tiếng sáo như có bùa quyến rũ hết con gái làng, đến nỗi trai làng có bạn dọa bẻ hết ống sáo chú Thao, cấm chú thổi. "Ấy vậy mà bây giờ...". Nói thế, bà lại khóc. Mỗi lần nghe bà khóc, cô Sửu nhăn mặt: "Ai người ta cũng biết, mẹ kể mà làm gì".

Quãng gần Tết mấy cây chanh ghép trong vườn chú Thao trở bói. Giữa một vùng chỉ cỏ là cỏ, hương chanh đậm ngào ngạt, tinh khiết. Ong rùng rưng theo mùi hương rủ nhau bay về, rập rờn trên những vàng hoa trắng. Chú Thao ngồi hàng buổi

trầm ngâm, mắt vờ vơi mộng lung trông ra bạt ngàn ngọn léc uốn cong theo gió, cơ má trái giật giật.

Từ độ hoa chanh lườn chú Thao nở, cô Sứu thỉnh thoảng sai: "Mày chạy vào nhà ông Thao kiếm ít hoa về gọi đầu». Cô đâm nghiền thứ nước bò kết nấu thả vài cánh chanh trắng, hương thoang thoang, thanh và cay, gọi xong nhiều ngày mà hương còn ủ trong tóc. Hoa chanh nở có kỳ, nhưng cô Sứu bao giờ cũng có đề gọi đầu là nhờ chú Thao nhặt hoa rụng, hong khô, cất kỹ, mỗi bận lại cho cô Sứu một ít. Cô Sứu có lần đùa: "Vì mấy cây chanh nhà ông Thao mà tao lấy được chồng". Cô héch mặt: "Còn mày, đến thời không bù giá bằng hoa chanh được. Bảo bố mày sắm cho ít vòng xuyên..."

Cô Sứu vốn không đẹp, da đen, vóc người to ngang, ăn nói đốp chát. Học xong trung cấp nông nghiệp, về xã làm kỹ thuật viên, cũng chân lấm tay bùn như ai, nhưng hể trai làng buông lời tán tỉnh là cô bĩu môi ra chiều coi thường. Cô nói cô thích người trình độ. Ngoài ba mươi, cô còn ở vậy. Ấy thế nên cô nhận lời lấy anh kỹ sư cùng cơ quan bố.

Bà cũng thường hay sai mang những thức rau trong vườn cho chú Thao. Mỗi lần bà sai đi bà lại đem chuyện chú Thao hỏi chưa đi bộ đội ra kể, nào là chú Thao tát cá về bắt bà nấu canh rau tập tàng ra sao, nào là chuyện chú Thao cuốc đất khỏe như thế nào. Thôi thì đủ chuyện, dài có khi hết buổi, làm mẹ phải nhắc khê: "Chạy ù đi rồi về học bài".



Chú Thao ít qua nhà nhưng hề qua là thế nào chú cũng mang cho chục trứng, miếng thịt nhím, thịt chồn bầy được ngồi với bà một chốc, nói dăm ba câu là đi ngay. Có lần cô Sửu bảo: "Hay anh lấy vợ đi. Đã già đâu. Em sẽ mối cho anh con bạn học...". Không chờ cô Sửu nói hết, chú Thao trùng mắt làm cô ấn gãy thỏi son đang tô môi dờ, xịu mặt. Chú Thao đi rồi cô mới toang toang: "Dờ hơi, ông Thao ông ấy dờ hơi. Thời này đàn bà rầy ra, khối đưa thềm đàn ông không ai để mắt. ông Thao có hơi bị cháy mặt một chút nhưng cứ là đàn ông. Có vợ, có chồng cứ hơn thui thủi một mình. Biết toan tính, chăm chỉ như ông ấy, chả mấy chốc mà giàu. Hay còn chung thủy với bà Hồng? Bà ấy đã là vợ người ta, còn thương tiếc nỗi gì nữa không biết...". Bó gấu: "Biết thì nói, không thì đừng. Cô là hay nói liêu". Cô Sửu đùng đùng: "Thấy phải là tôi nói chứ! Ông làm như ông thương ông Thao lắm không bằng. Thương sao để ông ấy ra ở rùng một mình? Sao không chạy cho ông ấy cái giấy thương tật? Mà ông chỉ bảo với xã một tiếng là người ta cho ông Thao thầu cái đôi léc, thế mà không. Để cho cỏ nó

mọc bạt ngàn, người ta muốn làm kinh tế lại không cho ». "Đã bảo lắm bom...". "Bom cái gì? Ông không phải sợ cho cái tính mạng của ông Thao, ông sợ cái khác. Đạo đức giả tuốt!". "Cô đừng có hồ đồ. Im đi cho tôi nhờ!". "Bố bực bội. Cô Sửu không im, cô xia xói: "Ông đừng ý mà quát tôi nhé! Ông bắt ai im được chứ tôi thì đừng hòng. Tôi biết tổng trăm ngàn chuyện xấu xa của ông. Tôi biết cả cái giấy gọi nhập ngũ là đề tên ông, nhưng vì ông sắp đi nước ngoài nên phải cạy cục lo cho ông Thao đi ngay. Có ông Thao gánh hết thiệt thòi ông mới thành ông này ông nọ. Ấy thế mà giá ông Thao chết đi có khi ông lại dễ chịu hơn là thấy ông ấy lù tù dẫn xác trở về...". "Mày, mày, mày... " bố lấp bắp, mặt đỏ ngầu. Cô Sửu ngoáy mặt bỏ đi. Bà rên rầm: "Vô phước, tao vô phước...". Mẹ lặng im, cắn môi ngò một mình trong buồng. Bố nổ máy xe phóng ra huyện dù chưa hết ngày chủ nhật.

Cô Sửu lấy chồng chưa đầy năm thì tay xách nách mang về nhà. Mẹ kéo cô vào buồng, mặt tái nhợt: "Làm sao thế hả?". Cô Sửu khóc, nói trong lời nước mắt: "Em đại. Đã trót ở đến chừng ấy thế mà không ở luôn, lấy chồng làm gì cho nó nhục...". Mẹ đảo mắt chung quanh, hoảng sợ: "Thì nhỏ nhỏ thôi! Có gì cô nói đi nào". Cô Sửu quệt nước mắt: "Cái số em nó khổ. Ngót ba chục tuổi đầu ai cũng cười ế ảm, lấy chồng trình độ, ăn trắng mặc trơn thiên hạ tưởng sung sướng. Nào ngờ vợ phải thẳng cha bắt lực. Biết em có bầu, nó đánh chửi em thậm tệ...". "Trời ơi là trời!" - mẹ bung mặt.

"Tôi bỏ chồng. Ai nói gì thì nói" - cô Sửu tuyên bố khi có đủ mặt cả nhà. Bà tru tréo, bà bảo rằng chính cô làm nhục gia phong, rằng cô bôi tro trát trấu vào mặt bà. Bà khóc, bà chửi ầm nhà cửa. Bố im lặng hút thuốc, mãi sau mới nói: "Chuyện

xấu, chẳng biết giấu đi, cứ vạch áo cho người xem lưng. Cái làng này không khéo đến lúc cô Sửu đẻ, họ kéo cả đến xem đứa bé giống ai...". "Muốn xem tôi cho xem chứ ! tôi sợ gì mà giấu với giếm". "Hay hóm lăm đấy, cô lên phố mà xem, mấy hôm nay đầu đường xó chợ, đâu cũng thấy tụ tập đàm tiếu chuyện vợ chồng cô. Cô không ngượng nhưng mà tôi ngượng, tôi nhục...". Cô Sửu cúi nhìn cái bụng sắp sửa vượt mặt lại khóc. Nhà buồn như có đám.

Tháng chạp thứ hai, hoa chanh vườn chú Thao nở. Cô Sửu đã không còn sai chạy sang chú Thao lấy hoa chanh nữa. Cỏ léc vẫn rập rờn xanh biếc một màu, ngàn ngàn lớp sóng xô đuổi nhau chạy qua, xôn xao, khắp khởi. Heo may thổi lồng lộng buốt lên tận óc. Lại mưa phùn hay đổ vào buổi chiều tối, giăng mắc lên làng mạc một màn sương mờ dày đặc. Bà bây giờ chỉ còn ngồi hong tay trên bếp lửa, hết sáng đến chiều, hết chiều tới tối. Đêm bà ngủ mẹ cũng phải vùi than dưới giường cho bà. Lâu bà không còn nhắc đái vào cái máng sau vườn nữa. Khoảng đất của bà dền đất già nở từng bông hoa xanh xám dài ngoằn ngoẵng, chen chúc với lũ cỏ hôi hoa màu hồng hồng, lá phủ một lớp lông mỏng nham nhám. Cái liếp rào mỗi lần gió lay là xiêu vẹo chực ngã. Phần cái cuộc chết, cán gậy mẹ đã cho vào bếp đun, lưới sắt hôm qua thằng cu Ki đã bán cho thằng đồng nát.

Con cô Sửu xinh như tranh, chỉ mỗi tội hay đái dầm. Không thấy xóm làng đến xem mặt đứa bé như lời bố, chỉ có ông Bính chủ tịch không con đến nhận thằng bé nhưng cô Sửu cười bảo: "Tôi đẻ, con tôi, chẳng con ai cả".

Cô đặt thằng bé vào cái nôi buồng mừng trắng rồi hát:

Cái vạc mỳ ngu cho ngon Mai sau mỳ lớn, tìm cho ra gái ngoan mà hẹn hò...

Cô bảo: “Mỳ trông chừng em cho cô nhé! Cô chạy quàng đi một tí. Lâu ngày nằm ỏ, buồn quá! “Cô vấn tóc, trùm khăn kín mặt, đi. Quá bữa cô mới về. Từ ngoài ngõ đã nghe tiếng cô oang oang: “Điên, ông Thao nhà này điên mất rồi”. Mẹ tắt tả chạy từ dưới bếp lên. Cô Sửu vừa tháo khăn vừa nói: “Đàn bà không chồng làng này thiếu gì. Lấy ai chẳng lấy, lại đi rước mẹ con con mụ Nền. Mang gông suốt đời mà không tránh khỏi miệng thế gian” . . .

À, ra cô Nền về ở với chú Thao. Cô Nền nhà ở gần trường học, không thấy nói có chồng nhưng có ba đứa con. Bọn học trò hay vào nhà cô xin nước uống, lợi dụng bút trái đu đủ non, dấm quả ổi xanh trộn học chấm muối ớt, có đứa táo tợn còn lấy cắp trứng gà, bồng cả gà mẹ. Cô Nền biết nhưng không chửi, cô khuyên bảo nhẹ nhàng rồi cho về. Được thể bọn trẻ càng làm quá. Cô là đối tượng trong những câu chuyện của đám đàn ông tụ tập khi rỗi rãi. Họ đùa phát vào lưng nhau đôm đốp: “Em Nền ấy à, cứ xuống xề kể lể nổi bất hạnh là em mềm lòng, cho tuốt...”. Đàn bà khinh nhờn cô ra mặt. Họ bảo cô đi thoã, họ bảo cô khốn nạn. Quanh năm suốt tháng, ngoài lũ học trò chẳng có ai tới nhà cô ban ngày ban mặt.

Cô Sửu lay gọi bà, than thở chuyện chú Thao. Bà ngồi lặng im hong tay trên bếp, chẳng ra nghe, chẳng ra không. Mắt bà đục mờ như có phủ sương khói. Bà cười, phô hàm lợi trống trơn sóm sém. Lâu bà mới hỏi mẹ: “Thế bao giờ đến giỗ thăng Sơ?» Mẹ đại mắt, nhắc khế: “Chú ấy còn sống, đã về”. “À thế...”. Mắt bà ánh lên một chút sáng, rất nhỏ, rất mỏng, rồi nguội tắt

nhanh chóng, lại chỉ thấy sương khói đục mờ. Mẹ và cô Sửu nhìn nhau, không ai nói.

Trong hơi may, trên những triền đồi hoang chỉ còn độc mỗi lũ trẻ chẵn trâu. Chúng co ro trong áo toì, da tái xám giữa lồng lộng gió. Trên muôn triệu lá léc xanh xuyên qua lớp lớp mưa phùn là trong trẻo, là rẻo rất, là huyền hoặc tiếng sáo. Chưa bao giờ tiếng sáo nổi niềm da diết đến thế. Không đứa nào lên tiếng. Chúng nắm chặt tay nhau nhìn về hướng ngôi nhà nhỏ bên kia đồi. Phía đó, một làn khói bếp mỏng bay lên, vẽ một đường cong mềm mại, rồi tỏa tỏa vào trong chiều muộn./-

Trong bài: *Nhà văn Trần Thanh Hà: Mơ hồ và quỵến rũ*, tác giả Như Bình đã viết:

“... Những truyện ngắn hay của chị, đều được viết ở quê hương của chị, một vùng đất miền Trung đầy khốc liệt cả trong chiến tranh, và trong điều kiện sinh tồn.

Chị viết những truyện ngắn ấy trong tâm thế của một người trẻ tuổi sinh ra sau chiến tranh, lớn lên và trưởng thành ngay nơi mảnh đất vẫn còn nguyên vẹn những ký ức chiến tranh, những hoang tàn thương tích của hậu chiến. Với một khát vọng sống mãnh liệt, chị đã viết bằng tất cả nỗi cảm thông chia sẻ với chính những con người, cuộc đời ở nơi đó; và bằng cả sự trải nghiệm của chính mình, bằng những khát khao thao thiết nhất và dữ dội nhất của con người vốn chứa đựng một tâm hồn và tính cách khá "hoang dã"”

Tài liệu tham khảo:

- Trần Thanh Hà Web: Kỷ yếu Hội Nhà văn Việt Nam
- Miền cỏ hoang Web: nhavantphcm.com.vn

Cùng soạn giả:

- *Văn học Miền Nam* (1623-1954)
- *Văn học Miền Nam 1954-1975* (7 tập)
- *Hai mươi năm Văn học Miền Bắc 1954-1975* (5 tập)
- *Văn học Việt Nam Cận và Hiện đại* (7 tập)

Tác giả:

- *Học Phật* (biên soạn)
- *Trên cánh chim hót* (tập truyện)
- *Truyện của tôi* (bút ký)
- *Dấu xưa* (tập truyện phong tục)
- *Rồng hiện* (tập truyện)

Chủ trương các trang Web:

- Nguyệt san Phật Học
nsphathoc.org
- Ái hữu GDPT Vĩnh Nghiêm Hải ngoại
ahvinhnghiem.org
- Huỳnh Ái Tông Blog
huynhaitong.blogspot.com
- Cù lao Năng Gù Blog
culaonanggu.blogspot.com
- Cựu sinh viên Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật
caodangsuphamkythuat.blogspot.com
- Cựu học sinh Kỹ Thuật Cao Thắng niên khóa 1956-1963
ahvinhnghiem.org/CaoThang/
- Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ - Phan Đình Phùng
ahvinhnghiem.org/nguyentruongto/

HUỶNH ÁI TÔNG

**Hiền PHẬT HỌC
2014**

Lou.300514-170614

682